

Tân Biên
Quán
Âm
Linh
Cảm
Lực



Biên Soạn: Cư Sĩ Lý Viên Tịnh
Việt Dịch: Hòa Thượng Thích Trí Minh

MỤC LỤC

Phần I

Lời Mở Đầu	4
Lời Tựa Của Liên Tông Thập Tam Tổ Ấn Quang Pháp Sư	6
Quán Âm Trai Kỳ	8
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	9
Quán Âm Kệ	16
Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh	18
Đại Bi Nguyện	20
Chú Đại Bi	22
Bạch Y Thần Chú	23
Quán Âm Thập Cửu Kinh	23

Phần II

Thiên Thứ Nhất	
Bạc Trừ Bệnh Khổ	26
Thiên Thứ Hai	
Cứu Tế Ách Nạn	62
Thiên Thứ Ba	
Ban Cho Phước Huệ	118
Thiên Thứ Tư	
Độ Thoát Sanh Tử	160
Thiên Thứ Năm	
Rộng Khấp Khuyên Răn	171
Thiên Thứ Sáu	
Phổ Biến Thị Hiện	207
Lời Phụ	233

PHẦN I

LỜI MỞ ĐẦU



LƯỢC TRÍCH ĐỀ MỤC CỦA BỘ TÂN BIÊN QUÁN ÂM LINH CẢM LỤC

Tân Biên là bộ sách mới, ghi chép những sự tích của đức Quán Âm cứu khổ ban vui cho chúng sanh. Bộ sách này được nói là mới để phân biệt với những sách xưa cũng ghi chép lại những sự tích của đức Quán Thế Âm cứu khổ ban vui cho chúng sanh.

Quán Âm là Thánh hiệu của một vị Bồ Tát mà giới Phật tử đều biết và từng nghe danh hiệu của Ngài. Tuy nhiên, để hiểu rõ hơn, Dịch giả xin trích dẫn phần giải thích Phật hiệu này trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn, Đức Bồ Sư Thích Ca đã giải thích nhân khi Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát thưa hỏi: “Kính bạch Thế tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà được gọi là Quán Thế Âm?” Bồ sư Thích Tôn dạy: “Này Vô Tận Ý Bồ Tát! Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh bị các khổ não, được nghe danh hiệu của vị Đại Sĩ này, một lòng xưng niệm thì ngay lúc ấy, Quán Thế Âm Bồ tát quán sát âm thanh xưng niệm kia, liền đến cứu giúp cho tất cả đều được giải thoát”, lại có câu “Trong ấy, nếu chỉ có đến một người xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì những chúng sanh ấy đều được giải thoát khỏi tai nạn qui La sát, vì nhân duyên ấy nên được gọi là Quán Thế Âm.”

Linh cảm là hai chữ rút gọn, nếu nói đủ thì phải gọi là Đại từ, Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quảng Đại Linh cảm, bởi vì Đức Quán Thế Âm Bồ tát chẳng những cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh trong lục đạo mà còn cứu nguy cho các hàng Thánh nhân trong Tam thừa, vì thế nên chẳng những chúng sanh trong lục đạo trì niệm danh hiệu của Bồ tát mà chúng sanh trong Tam thừa cũng đều trì niệm. Thế nên, tâm Đại từ Đại bi của Bồ tát phổ biến trong cả chín pháp giới nên được gọi là Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quảng đại Linh cảm.

Dịch giả lẽ ra không cần thiết phải viết Lời Mở Đầu cho quyển sách này vì đã có phần Đề tựa quý giá của Liên Tôn Thập Tam Tổ. Đó là những lời vàng ngọc

quý hóa dạy bảo hàng Phật tử phải thành tâm trì niệm danh hiệu của đức Đại sĩ Quán Thế Âm. Trong khi dịch giả tự xét mình là kẻ hậu học, văn vựng lời quê, lại đi viết lời mở đầu là việc không phù hợp cho lắm. Tuy nhiên, theo thiển ý, Dịch giả nhận thấy Phật pháp quảng đại vô biên, nên dù chúng sanh trên quả đại địa đều thành vô thượng giác, hiện tướng lười rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, trải qua số kiếp như vi trần, tận lực tuyên thuyết sự quảng đại của Phật pháp cũng không thể nói hết được. Vì thế nên dù sở học kém cỏi nhưng Dịch giả cũng không ngần ngại dùng sự hiểu biết nông cạn của mình, thành thật phô bày tấm lòng thành với đọc giả về một số quan điểm sau đây:

Kính thưa quý vị, Bộ sách Đường về Cực lạc do Hòa Thượng Vạn Đức (*Thượng Trí - Hạ Tịnh*) dịch thì sau khi xuất bản, dịch giả được nghe một số vị gồm cả Phật tử tại gia và người xuất gia phê bình rằng: Truyện vãng sanh là chuyện những người tu hành được vãng sanh, cần chi phải nhọc công phiên dịch khiến cho đọc giả phải chán tai, mỏi mắt và mất thời gian. Có người lại cho rằng nên để thời gian ấy để dịch Kinh sách luận về Giáo lý thì thiết thực hơn là bỏ công dịch truyện Vãng sanh. Thưa quý vị, theo thiển ý của dịch giả thì những lời bình phẩm trên là sai lầm và gây tai hại rất lớn. Tại sao thế? Vì Nho thơ có câu: “Hải trung hậu lãng, thôi tiền lãng; Thế thường tân nhơn, vấn cựu nhơn”, nghĩa là “Sóng biển lớp sau đùa lớp trước, Sự đời tuổi trẻ hỏi người xưa.” Sự tu hành cũng thế, chúng ta là kẻ hậu tiến cần phải hiểu biết công phu tu trì của các bậc tiền nhân để noi theo gương sáng của các Ngài mà thực hành theo. Nếu theo quan niệm ngộ nhận như của các Phật tử nói trên thì thử hỏi chư Tổ Tông Liên Tôn và quý tiên hiền trong Phật pháp, cần chi phải sưu tầm các sự tích vãng sanh trải qua nhiều đời, vừa khổ nhọc, lại phí công vô ích? Hơn nữa, xin quý vị hãy đọc toàn bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hoặc Đường về Cực Lạc. Trong ấy hàng ngàn sự tích vãng sanh, mỗi sự tích không chỉ ghi lại việc vãng sanh vào giờ phút lâm chung mà còn là bao lời dạy khuyên quý hóa vô ngần để làm kim chỉ nam cho chúng ta tu học hiệu quả.

Cuối cùng, Dịch giả thành kính xin các bậc Cao minh, Đại đức, Đại sĩ trong giới xuất gia cùng với chư Phật tử tại gia, khi đọc bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục này, nếu thấy có chỗ sai lầm, xin từ bi phủ chính và chỉ giáo cho. Dịch giả thành tâm vạn tạ.

Kính cẩn,

Sa môn Thích Trí Minh

LỜI TỰA CỦA LIÊN TÔNG THẬP TAM TỔ ẤN QUANG PHÁP SƯ



Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát thế nguyện sâu rộng không ngần, tâm Từ Bi quảng đại vô biên, thế nên Ngài phân thân khắp vi trần sát độ trong mười phương thế giới, tùy duyên hiện hình, tầm thỉnh cứu khổ, độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng khổ não. Đặc biệt, với chúng sanh ở cõi Ta bà này, tâm bi mẫn của Ngài càng chí thiết, thế nên chúng sanh nào chí thành xưng niệm đều được Ngài cứu độ không bỏ sót một ai.

Những năm gần đây, tất cả nhân loại thường gặp rất nhiều hoạn nạn, khổ ách, có muốn trốn thoát cũng khó đặng và cũng không có phương gì để tránh cho khỏi. Vì sao vậy? Vì trong thời hiện đại này, thế đạo nhân tâm xấu ác, đảo điên đến cực độ. Đối với cha mẹ là người có đại ân đức, sanh thành dưỡng dục mà còn ngang nhiên đê xướng bác bỏ hiếu đạo, kết bạn bè cùng với những kẻ ác nghịch giết cha hại mẹ. Thế nên, những ai sanh ra trong thời kỳ này, chẳng phải là việc buồn đau, đáng thương xót hay sao? Đại phạm những người có chánh tri chánh kiến, không một ai chẳng lưu tâm nghiên cứu Chánh pháp, không một ai chẳng lo tu trì Tịnh nghiệp để mong thoát ly cõi đời ác ngũ trước này, mau chóng dự vào Liên Trì Hải hội, như thế mới mong được thoát khỏi vô lượng thống khổ nơi cõi Ta bà này và được hưởng thọ sự an vui nơi Lạc quốc.

Nhưng đối với chúng ta, khi chưa được về Lạc quốc và vẫn còn đắm chìm trong cảnh khổ nơi Ta Bà thì cần phải có Đấng Mẹ hiền để làm nơi nương tựa. Đấng Mẹ hiền ấy chính là Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, vì Bồ Tát đối với cõi Ta Bà đau khổ, nhất là trong thời kỳ mạt pháp này, Ngài đặc biệt sanh khởi tâm Đại từ vô lượng, vận dụng lòng Đại bi đồng thể. Đối với tất cả thứ khổ nạn, Ngài luôn luôn tùy từ cứu độ. Thế nên, chúng sanh nào xưng

niệm hồng danh của Ngài, nếu lúc gặp phải nguy hiểm liền hóa thành kiết tường, gặp phải nạn tai thì biến thành an lạc. Những sự việc linh ứng của Bồ tát không bút mực nào có thể tả xiết. Các tích cảm ứng của Bồ tát thường thấy tràn mát trong các sách nhưng những bộ sách chuyên ghi chép sự linh ứng của Ngài thì có thể nói đến như Quán Âm Từ Lâm Tập của Hoàng Tấn Đại sư, Quán Âm Trì niệm Ký của Cư sĩ Châu Khắc Phục, Quán Âm Linh Cảm Lục của Cư sĩ Vu Tích Âm, Quán Âm Bổn Tích Tụng của Cư sĩ Hứa Chi Tịnh, Quán Âm Linh Nghiệm Ký của Cư sĩ Nhiếp Vân Đài. Các bộ sách này đều có lưu hành trong nhân gian để mọi người trong các giới đều được đọc, nghe và truyền tụng.

Trong tất cả các ghi chép được xem là hoàn bị nhất thì chỉ có bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục của Cư sĩ Lý Viên Tịnh vì Cư Sĩ đã tổng thu tất cả các bộ sách khác mà biên tập thành một bộ sách này. Có thể nói bộ sách này là tập truyện đầy đủ về những khía cạnh ứng nghiệm linh cảm của Đức Quán Âm, đồng thời làm chỗ y cứ cho tất cả những người có tín tâm trì niệm danh hiệu Đại Sĩ. Tuy nhiên chúng ta nên biết vì sao Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có thể linh cảm được như vậy? Bởi vì Ngài có thể phản văn, văn tự tánh (nghĩa là không nghe theo thanh trần mà trở lại nghe nơi tự tánh) và chiếu kiến ngũ uẩn giai không (tức dùng trí soi chiếu đều thấy thân ngũ uẩn đều là không thật có). Thế nên, Tôi mong những vị nào được xem bộ sách này mà có thể chí thành khẩn thiết niệm hồng danh của Quán Âm Đại Sĩ, niệm đến lúc tất cả vọng niệm tiêu vong, chánh niệm hiện tiền thì tất cả phiền não ác nghiệp hiện có đều tiêu tán và quán được tất cả những cảnh duyên khổ vui đều không thật có. Chính trong trạng thái không thật có này, có thể phát khởi được tâm đại từ, vận dụng tâm đại bi, tùy cơ tiếp dẫn hóa độ, dùng tâm của Đức Quán Âm làm tâm mình, dùng việc làm của Đức Quán Âm làm việc làm của mình, đều muốn cho khắp chúng sanh đang bị thống khổ đồng được gội nhuần ân đức của Bồ tát Quán Thế Âm, từ ngày nay cho đến đời vị lai, đồng nhau thực hành hạnh của đức Quán Thế Âm để triển chuyển cứu độ lẫn nhau, đây là bản hoài của lão Tăng khi đề tựa vậy.

Mùa Thu Năm Kỷ Tỵ,

**Tâm Quý Tăng Thích Ấn Quang
Kính căn đề tựa**

QUÁN ÂM TRAI KỲ



THÁNG GIÊNG Mùng 8	THÁNG HAI Mùng 7, 9, 19	THÁNG BA Mùng 1, 3, 13, 19
THÁNG TƯ Mùng 8, 22	THÁNG NĂM Mùng 3, 17	THÁNG SÁU Ngày 16, 18, 19, 23
THÁNG BẢY Mùng 1, 3	THÁNG TÁM Ngày 16	THÁNG CHÍN Ngày 19, 29
THÁNG MƯỜI Mùng 2	THÁNG MƯỜI MỘT Ngày 19	THÁNG MƯỜI HAI Mùng 8, 24

Lưu ý: Ngày sóc vọng hay tháng Nhuận cũng theo quy định như trên, nghĩa là tháng nào nhuận thì theo tháng ấy (Ví dụ: tháng Tư nhuận thì ngày ăn chay là mùng 8 và 22).

Điều cần ghi nhớ là lúc bình nhật, triệt để không được sát sanh, tốt nhất là trường trai thì càng quý. Những ngày Quán Âm Trai kỳ mà tiến hành phóng sanh thì công đức rất lớn, hơn cả làm việc phóng sanh trong những ngày thường.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hán Dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Tịnh



Phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”

Lúc bấy giờ, ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán-Thế-Âm?”

Phật bảo ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: “Thiện-nam-tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán-Thế-Âm Bồ-Tát này một lòng xưng danh Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tức thì xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát.

1. Nếu có người trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chảnh cháy được, vì do sức oai thần của Bồ-Tát này được như vậy. Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ-Tát này liền được chỗ cạn. Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh, vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa-cừ, mã-nã, san-hô, hổ-phách, trân châu các thứ báu, vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kẻ kia trôi tấp nơi nước quỷ La-sát, trong ấy nếu có nhắc đến một người xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ La-sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán-Thế-Âm.

2. Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy liền được thoát khỏi. Nếu quỷ Dạ-xoa cùng La-sát đầy trong cõi tam-thiên đại-thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán-Thế-Âm Bồ Tát, thì các quỷ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được. Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thầy đều đứt rã, liền được thoát khỏi. Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi tam-thiên đại-thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua nơi

đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: “Các Thiện-nam-tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, vị Bồ-Tát đó hay đem pháp vô-úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thì sẽ được thoát khỏi oán tặc này”. Các người buồn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: “Nam-Mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát!” vì xưng danh hiệu Bồ-Tát nên liền được thoát khỏi. Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát sức oai thần to lớn như thế.

3. Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được ly dục. Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được lìa lòng giận. Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được lìa ngu si. Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền sanh con trai phúc đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trồng gốc phước đức, mọi người đều kính mến. Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có sức oai thần như thế.

4. Nếu có chúng sanh nào cung kính lễ lạy Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng-hà-sa Bồ-Tát lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn đó có nhiều chăng?

Vô-Tận-Ý thưa: “Bạch Thế-Tôn! Rất nhiều”.Phật nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, hẳn đến một thời lễ lạy cúng dường, thì phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô-Tận-Ý! Thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.”

5. Ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào? Sức phương tiện đó như thế nào?”

Phật bảo Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: “Thiện-nam-tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát, thời Quán-Thế-Âm Bồ-Tát liền hiện thân Phật vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Duyên-giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên-giác mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thanh-văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh-văn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Phạm-vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm-vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đế-Thích được độ thoát, liền hiện thân Đế-Thích mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tự-tại-thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự-tại-thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đại-tự-tại-thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại-tự-tại-thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thiên-đại-tướng-quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên-đại-tướng-quân mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-sa-môn được độ thoát, liền hiện thân Tỳ-sa-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tiểu-vương được độ thoát, liền hiện thân Tiểu-vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng-già được độ thoát, liền hiện thân Trưởng-già mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cư-sĩ được độ thoát, liền hiện thân Cư-sĩ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tể-Quan được độ thoát, liền hiện thân Tể-Quan mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân Bà-la-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được độ thoát, liền hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng-già, Cư-Sĩ, Tể-Quan, Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng-nam, đồng-nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng-nam, đồng-nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, hơn cùng phi hơn được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Chấp-Kim-Cang thần được độ thoát,
liền hiện thân Chấp-Kim-Cang thần mà vì đó nói pháp.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban cho sự vô-úy, nên cõi Ta-bà này đều gọi Ngài là vị "Thí-vô-úy".

6. Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: "Thế-Tôn! Con nay muốn cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát". Liền cỡi chuỗi ngọc bằng châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lạng vàng, đem trao cho ngài Quán-Thế-Âm mà nói rằng: "Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này".

Khi ấy Quán-Thế-Âm Bồ-tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô-Tận-Ý lại thưa cùng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát rằng: "Xin Ngài hãy vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này".

Bấy giờ Phật bảo Quán-Thế-Âm Bồ-Tát: "Ông nên thương Vô-Tận-Ý Bồ-Tát và hàng tứ chúng cùng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhơn và phi-nhơn v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó.

Tức thời, Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thương hàng tứ chúng và trời, rồng, nhơn, phi-nhơn, v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: Một phần dâng đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa-Bảo. Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta Bà".

Lúc đó, ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát nói kệ hỏi Phật rằng:

7. Thế-Tôn đủ tướng tốt!
Con nay lại hỏi kia.
Phật tử nhân duyên gì?
Tên là Quán-Thế-Âm?
Đấng đầy đủ tướng tốt.
Kệ đáp Vô-Tận-Ý:
Ông nghe hạnh Quán-Âm.
Khéo ứng các nơi chỗ.
Thệ rộng sâu như biển.

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn.
Hầu nghìn Đức Phật.
Phát nguyện thanh tịnh lớn.
Ta vì ông lược nói.
Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua.
Hay diệt khổ các cõi.
Giả sử sanh lòng hại.
Xô rớt hầm lửa lớn.
Do sức niệm Quán-Âm.
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi dạt biển lớn.
Các nạn quỷ, cá, rồng.
Do sức niệm Quán-Âm.
Sóng mòi chẳng chìm được.
Hoặc ở chót Tu-di.
Bị người xô rớt xuống.
Do sức niệm Quán-Âm.
Như mặt nhật treo không
Hoặc bị người dữ rượt.
Rớt xuống núi Kim-Cang.
Do sức niệm Quán-Âm.
Chẳng tổn đến mày lông.
Hoặc gặp oán tặc vây.
Đều cầm dao làm hại.
Do sức niệm Quán-Âm.
Đều liền sanh lòng lành.
Hoặc bị khổ nạn vua.
Khi hành hình sắp chết.
Do sức niệm Quán-Âm.
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cấm xiềng xích.
Tay chân bị gông cùm.
Do sức niệm Quán-Âm.
Tháo rã được giải thoát
Nguyên rửa các thuốc độc.
Muốn hại đến thân đó.
Do sức niệm Quán-Âm.
Trở hại nơi bốn-nhân.
Hoặc gặp La-sát dữ.

Ròng độc các loài qui.
 Do sức niệm Quán-Âm.
 Liền đều không dám hại.
 Hoặc thú dữ vây quanh.
 Nhanh vuốt nhọn đáng sợ.
 Do sức niệm Quán-Âm.
 Vội vàng bỏ chạy thẳng.
 Rắn độc cùng bò cạp.
 Hơi độc khói lửa đốt.
 Do sức niệm Quán-Âm.
 Theo tiếng tự bỏ đi.
 Mây sấm nổ sét đánh.
 Tuôn giá, xối mưa lớn.
 Do sức niệm Quán-Âm.
 Liền được tiêu tan cả.
 Chúng sanh bị khổ ách.
 Vô lượng khổ bức thân.
 Quán-Âm sức trí diệu.
 Hay cứu khổ thế gian
 Đầy đủ sức thần thông.
 Rộng tu trí phương tiện.
 Các cõi nước mười phương.
 Không cõi nào chẳng hiện.
 Các loài trong đường dữ:
 Địa-ngục, quỷ, súc sanh.
 Sanh, già, bệnh, chết khổ.
 Lăn đều khiến dứt hết.
 Chơn-quán thanh tịnh quán.
 Trí-huệ quán rộng lớn.
 Bi-quán và từ-quán,
 Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
 Sáng thanh tịnh không nhơ.
 Tuệ nhật phá các tối
 Hay phục tai khói lửa.
 Khắp soi sáng thế gian.
 Lòng bi răn như sấm.
 Ý từ diệu dường mây
 Xối mưa pháp cam lồ.
 Dứt trừ lửa phiền não.
 Cãi kiện qua chỗ quan.

Trong quân trận sợ sệt
 Do sức niệm Quán-Âm.
 Cừu oán đều lui tan.
 Diệu-Âm, Quán-Thế-Âm.
 Phạm-âm, Hải-triều-âm
 Tiếng hơn thế gian kia,
 Cho nên thường phải niệm.
 Niệm niệm chớ sanh nghi
 Quán Âm bậc Tịnh Thánh.
 Nơi khổ não nạn chết.
 Hay vì làm nương cậy.
 Đủ tất cả công đức.
 Mắt lành trông chúng sanh.
 Biển phước lớn không lường.
 Cho nên phải đánh lễ.

8. Bấy giờ, ngài Trì-Địa Bồ-Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Đạo-nghiệp Tự-Tại, Phổ-Môn Thị-Hiện sức thần thông này, thì phải biết công đức người đó chẳng ít”.

Lúc Phật nói phẩm Phổ-Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm vô-đẳng-đẳng, vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.



QUÁN ÂM KỆ



Trước Khi Xưng Niệm Thánh Hiệu
Đức Đại Bi Quán Thế Âm,
Trước Tiên Nên Đọc Bài Kệ Sau:

DỊCH ÂM:

Quán Âm Bồ Tát diệu nan thù
Thanh Tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu
Hạo hạo hồng liên an túc hạ
Nguy nguy cổ Phật hiện Quan đầu
Bình trung cam lộ thường biến sái
Thủ nội dương chi bất kể thu
Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng
Khổ hải thường tác độ nhân chu

DỊCH NGHĨA:

Sắc đẹp Quán Âm khó tỏ trần
Tu hành muôn kiếp tịnh nghiêm thân
Sen hồng rực rỡ chân an ngự
Cổ Phật uy nghiêm mào sáng ngàn
Cam lộ miền trường ban khắp chúng
Liễu dương ngàn thuở cứu lê dân
Ngàn nơi khẩn nguyện, ngàn nơi ứng
Bể khổ đưa thuyền độ thiện nhân
(Phật tử Liên Hoa tạm dịch)



Nam Mô Phổ Đà Sơn Lưu Ly Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát! (1 lần)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát! (Xưng niệm từ một trăm, một ngàn đến vạn câu)

• Lược giải bài kệ:

- Câu 1, câu 2: nguyên nhân có được hào tướng của Đức Quán Âm. Thân tướng của Bồ tát đẹp đẽ, phi thường do Ngài trải qua vô lượng vô biên số kiếp, tu hành thanh tịnh trang nghiêm mà chiêu cảm được báo thân như vậy.
- Câu 3, câu 4: Mô tả các tướng đẹp của Bồ tát: dưới chân Ngài có hoa sen hồng lớn nâng đỡ, trên chiếc mào Ngài đội có hình đức cổ Phật đoan nghiêm hiện ra.
- Câu 5, câu 6: Lòng Đại từ bi của Bồ tát đối với tất cả chúng sanh, nước cam lồ trong bình Tịnh thủy của Ngài lúc nào cũng rưới mát tâm nhiệt não của thế gian và nhành dương liễu trên tay Ngài không ngừng dập tắt mọi nạn tai cho chúng sanh.
- Câu 7, câu 8: Sự linh ứng khắp nơi của Bồ tát, bất luận ở nơi nào, thời gian nào, nếu có chúng sanh nào chí thành cầu khẩn, Bồ tát đều ứng hiện để cứu khổ ban vui và Ngài luôn chèo thuyền từ để cứu vớt những chúng sanh đang bị chìm đắm trong biển trần khổ não.

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH



Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Prajnaparamitahridaya Sutra) là một trong các kinh căn bản và phổ thông của Phật Giáo Đại Thừa. Bài kinh này là một trong các bài kinh của bộ Bát Nhã kết tập tại Ấn Độ qua bảy thế kỷ, từ năm 100 T.C.N. đến 600 C.N. Khi được truyền sang Trung Hoa, Tâm Kinh đã được nhiều vị cao tăng chuyển dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán: Trong các bản dịch này, bản dịch của ngài Huyền Trang là phổ thông nhất.

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức. Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố.

Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề. Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư. Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

BẢN DỊCH

Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ Bát Nhã Ba la mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách

nạn. Nay Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, thọ tướng hành thức cũng đều như thế.

Nay Xá Lợi Tử, tướng không của các pháp ấy chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt. Cho nên trong cái không đó, nó không có sắc, không thọ tướng hành thức. Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý. Không có sắc, thanh, hương vị, xúc pháp. Không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới. Không có vô minh, mà cũng không có hết vô minh. Không có già chết, mà cũng không có hết già chết. Không có khổ, tập, diệt, đạo. Không có trí cũng không có đắc, vì không có sở đắc.

Khi vị Bồ Tát nương tựa vào trí tuệ Bát Nhã này thì tâm không còn chướng ngại, vì tâm không chướng ngại nên không còn sợ hãi, xa lìa được cái điên đảo mộng tưởng, đạt cứu cánh Niết Bàn. Các vị Phật ba đời vì nương theo trí tuệ Bát Nhã này mà đắc quả vô thượng, chánh đẳng chánh giác. Cho nên phải biết rằng Bát nhã Ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú cao cấp nhất, luôn trừ các khổ não, chân thật không hư dối. Cho nên khi nói đến Bát nhã Ba la mật đa, tức là phải nói câu chú: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha. *(Qua rồi qua rồi, qua bên kia rồi, tất cả qua bên kia rồi, giác ngộ rồi đó!)*



ĐẠI BI NGUYỆN



TRƯỚC KHI TỤNG CHÚ ĐẠI BI THÌ TRƯỚC TIÊN
CẦN PHẢI KIẾN THÀNH CÙNG KÍNH PHÁT NHỮNG
ĐẠI NGUYỆN SAU ĐÂY:

DỊCH ÂM	
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tốc trí nhưt thiết pháp	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tảo đắc việt khổ hải
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tảo đắc trí huệ nhãn	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tốc đắc giới định đạo
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tốc độ nhất thiết chúng	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tảo đặng niết bàn sơn
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tảo đắc thiện phương tiện	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tốc hội vô vi xá
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tốc thừa bát nhã thuyền	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện ngã tảo đồng pháp tánh thân

Ngã nhược hướng đao sơn, đao sơn tự tời chiếc
Ngã nhược hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt
Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự khô kiệt
Ngã nhược hướng ngạ quý, ngạ quý tự bảo mãn
Ngã nhược hướng Tu la, ác tâm tự điều phục
Ngã nhược hướng súc sanh, tức đắc đại trí huệ

DỊCH NGHĨA	
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con mau biết tất cả Pháp	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con sớm đợc qua biển khổ
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con sớm đợc mắt trí huệ	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con mau đợc đạo giới định
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con mau độ cả chúng sanh	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con sớm lên non Niết bàn
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con sớm đợc phương tiện khéo	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con mau về nhà vô vi
Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con mau lên thuyền Bát nhã	Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh

Nếu con hướng về nơi non đao, non đao tức thời liền sụp đổ
Nếu con hướng về địa ngục, địa ngục liền tự mau tiêu tan
Nếu con hướng về lửa nước sôi, nước sôi lửa cháy tự khô tắt
Nếu con hướng về ngạ quý, ngạ quý liền đợc tự no đủ
Nếu con hướng về chúng Tu la, Tu la tâm ác tự điều phục
Nếu con hướng về các súc sanh, súc sanh tự đợc trí huệ lớn



CHÚ ĐẠI BI



THIÊN THỦ THIÊN NHÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô yết đế thước bát ra da. Bồ Đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đất na đất tỏa. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a rị da. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị, ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha đâu du bằng. A thệ dưng. Tát bà tát đa (*Na ma bà tát đa*). Na ma bà dà. Ma phạt đạt đâu đất diệt tha. Án. A bà lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê ma hê rị đà dưng. Cu lô cu lô yết mông. Độ lô độ lô phạt xà da đế. Ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất Phật ra da. Giá ra giá ra. Mạ mạ phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê. Thất na thất na. A Ra sâm Phật ra xá lợi. Phạt sa phạt sâm. Phật ra xá da. Hô lô hô lô ma ra. Hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra. Tát rị tát rị. Tô rô tô rô. Bồ Đề dạ Bồ Đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì. Địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na. Ta bà ha. Tát đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tát đà dạ. Ta bà ha. Tát đà du nghệ. Thất bàn ra dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì. Ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha. Tát ra tăng a mục khô da. Ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đà dạ. Ta bà ha. Giả kiết ra a tát đà dạ. Ta bà ha. Ba đà ma kiết tất đà dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ. Ta bà ha. Ma bà rị thắng yết ra dạ. Ta bà ha. Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ. Ta bà ha. Án. Tát điện đô. Mạn đà ra. Bạt đà gia. Ta bà ha.

PHẠM ÂM (SANSKRIT)

Namah Ratnatrayaya. Namô Arya-VaLokitesvaraya. Bodhisattvaya. Mahasattvaya. Mahakaruniakaya. Om. Sarva Rabhaye. Sudhanadasya. Namô Skrtva i Mom Arya-Valokitesvara Ramdhava. Namô Narakindi. Herimaha Vadhasame. Sarva Atha. Dusubhum. Ajeyam.Sarva Sadha. (*Nama vasatva*). Namô Vaga. Mavadudhu.Tadyatha. Om. Avaloki. Lokate. Karate. Ehre. Mahabodhisattva. Sarva Sarva. Mala Mala. Mahe Mahredhayam. Kuru Kuru Karmam. Dhuru Dhuru Vajayate. Maha Vajayate. Dhara Dhara. Dhirini. Svaraya. Cala Cala. Mamavamara. Muktele. Ehe Ehe. Cinda Cinda. Arsam Pracali. Vasa Vasam. Prasaya.

Huru Huru Mara. Huru Huru Hri. Sara Sara. Siri Siri. Suru Suru. Bodhiya Bodhiya. Bodhaya Bodhaya. Maitriya. Narakindi. Dharsinina. Payamana. Sva-ha. Siddhaya. Svaha. Maha Siddhaya. Svaha. Siddhayoge. Svaraya. Svaha. Narakindi. Svaha. Maranara. Svaha. Sirasam Amukhaya. Svaha. Sarva Maha Asiddhaya. Svaha. Cakra Asiddhaya. Svaha. Padmakastaya. Svaha. Narakindi Vagaraya. Svaha. Mavari Samkraya. Svaha. Namah Ratnatrayaya. Namô Arya Valokites-Varaya. Svaha. Om. Siddhyantu. Mantra. Padaya. Svaha.



BẠCH Y THẦN CHÚ

Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quảng Đại Linh Cẩm Quán Thế Âm Bồ Tát. (3 lần, 3 lạy)

Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng. Nam mô Cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát. Đất chỉ đá, án đà la phạt đá, đà la phạt đá, dà ha phạt đá, la dà phạt đá, la dà phạt đá, soa ha, thiên la thần, địa la thần, nhân ly nạn, nạn ly thân, nhất thiết tai ương hóa vi trần. (3 lần)

Nam mô ma ha bát nhã ba la mật da.

QUÁN ÂM THẬP CỬU KINH



**Nam Mô Phật,
Dữ Phật hữu nhơn,
Dữ Phật hữu duyên,
Phật pháp tăng diên
Thường lạc ngã tịnh
Triêu niệm Quán Âm
Mộ niệm Quán Âm
Niệm niệm tùng tâm khởi
Niệm niệm bất ly tâm**

PHẦN II
TÂN BIÊN QUÁN ÂM LINH CẨM LỤC



THIÊN THỨ NHẤT

BẠC TRỪ BỆNH KHỔ



1. Vào triều đại nhà Tấn, niên hiệu Hưng Ninh, có vị Sa môn, Pháp hiệu là Trúc Pháp Nghĩa là một vị thạc đức đạo hạnh. Thời gian đầu lúc mới tu học, Ngài đến cư trú tại Ninh Sơn để chuyên tâm nghiên cứu các Kinh Luật luận. Hàng Phật tử xuất gia theo Ngài tu học thường xuyên có số trên trăm vị. Vào niên hiệu Hàm An, năm thứ hai nhà Tấn, Ngài bị chứng bệnh trầm khí, kéo dài trong thời gian rất lâu, Ngài nhất tâm thành kính quy hướng về đức Đại bi Quán Thế Âm, một lòng xưng niệm danh hiệu của Bồ tát. Một hôm, Ngài nằm mộng thấy có người cầm dao mổ ruột của mình, rồi rửa ráy lục phủ ngũ tạng của Ngài. Bấy giờ thần thức trong mộng thấy rõ các vật bất tịnh kết tụ trong tạng phủ rất nhiều, người ấy sau khi rửa sạch các bộ phận trong cơ thể Ngài thì đem sắp xếp theo vị trí cũ trở lại và bảo Ngài Pháp Nghĩa rằng: “Bệnh của Ông bây giờ đã khỏi hẳn rồi”. Pháp Nghĩa thức dậy, quả nhiên cảm thấy trong người thật thư thái, tất cả bệnh bỗng nhiên dứt sạch. Sự tích trên là do Quan Thượng Thờ Phó Lượng, triều Nhà Tống soạn thuật lại. Thượng Thờ thường nói với các thân hữu rằng mình là bạn thân của ngài Trúc Pháp Nghĩa. Chính Ngài Trúc Pháp Nghĩa lúc còn sanh tiền cũng thường nói đến việc được chữa bệnh trong mộng cho nhiều người nghe. Mọi người nghe xong chuyện của Ngài, không ai chẳng sanh tâm cung kính và tán thán vì những việc chưa từng có đã xuất hiện trong đời do niềm tin nơi đức Quan Âm. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)

2. Vào Triều đại Nguyên Ngụy, có một Tăng nhân, pháp hiệu là Thích Đạo Thái, ở Tịnh xá Hoàn Dương, huyện Thường Sơn. Vị Tăng nhân này từng nằm mộng thấy có người đến bảo rằng: “Số mạng của Ông sẽ kết thúc vào lúc 42 tuổi.” Đến năm đó, Thầy mắc bệnh nặng, trong tâm tự nghĩ chắc là không qua khỏi nên Thầy đem y bát và tất cả bạc tiền, đồ đạc, v.v... làm lễ Trai tăng bố thí rất lớn để cầu phước. Có người bạn đồng tu thấy thế bèn nói: “Tôi thấy trong Kinh Phổ Môn, chính kim khẩu của Bốn Sư Thích Tôn dạy Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát rằng: Nếu có người nào thọ trì danh tự của 62 ức hằng hà sa Bồ tát, lại thêm suốt đời đem thức ăn uống, y phục, đồ nằm để cúng dường, theo ý ông nghĩ sao? Công đức của thiện nam tử, thiện nữ nơn ấy có được nhiều chăng? Vô Tận Ý Bồ tát thưa: “Rất nhiều, thừa Thế Tôn!”.

Đức Phật dạy tiếp: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cho đến lễ bái cúng dường, chỉ trong một thời thì phước đức của hai người ấy đồng nhau không khác.” Thầy Thích Đạo Thái nghe nói thế có phần cảm ngộ, liền chí thành quy hướng nơi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, ngày đêm khẩn thiết trì niệm danh hiệu của Ngài không hề giải đãi. Thầy tinh tấn thực hành trải qua bốn ngày đêm, bấy giờ lúc Ngài đang ngồi trong mộng, bỗng nhiên thấy có quang minh từ ngoài cửa chiếu vào và thấy hai bàn chân của Quán Âm Đại Sĩ bằng hoàng kim sáng rực, chiếu khắp trong thất. Thầy Thích Đạo Thái lật đật vén mùng, quỳ xuống đất cúi đầu đánh lễ. Khi ngược lên thì cảnh tượng lạ lùng trang nghiêm ấy đã biến mất, lòng Thầy buồn vui lẫn lộn, toàn thân toát mồ hôi ướt đầm, ngay sau đó liền cảm thấy trong người nhẹ nhàng thư thái, chứng trọng bệnh nói trên liền được dứt hẳn. (Trích Cao Tăng Truyện - tập 2)

3. Ở tại Hà Tây, có một vị Phật tử là Vương Thư Cừ Mộng Tốn, từ thuở nhỏ đã phát tâm quy hướng chánh Pháp của Như lai. Một lần nọ, Ông bị bệnh nặng, nhờ Y Ba Lạp Bồ Tát ứng hiện bảo rằng: “Đức Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát rất có duyên với chúng sanh cõi Ta bà, người nên phát tâm trì tụng Phẩm Phổ Môn thì bệnh chắc chắn sẽ khỏi.” Mộng Tốn vâng lời thực hành theo sự chỉ bảo của Bồ tát thì quả nhiên được lành bệnh. Do Ông là người có địa vị vào thời ấy ở xứ Hà Tây nên sự kiện tụng kinh Phổ Môn được lành bệnh của Ông, tất cả dân chúng trong vùng đều biết, ai nấy đều noi theo gương Ông mà quy hướng Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng kinh Phổ Môn. Vì nhân duyên ấy mà Kinh này đặc biệt lưu hành rộng rãi khắp xứ Hà Tây. Đây cũng chính là lý do phẩm Phổ Môn còn được gọi là Kinh Quán Thế Âm. (Trích Pháp Hoa Truyện ký)

4. Vào đời Lưu Tống, có Phật tử tên là Thiện Tín, người ở Ngô Hưng, đối với Tam bảo rất có tâm tin kính. Một hôm, Thiện Tín mắc bệnh thương hàn nên không một ai dám đến gần săn sóc vì sợ lây nhiễm. Thiện Tín rất buồn khổ không biết tính thế nào, chỉ nghĩ rằng có một cách duy nhất là thành kính chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Ông trì niệm Thánh hiệu Bồ Tát chỉ trong thời gian ngắn thì bỗng có một Tăng nhân đến nhà bảo rằng: “Ta đem thứ thuốc này để cứu độ đệ tử.” Nói vừa dứt lời liền lấy trong túi ra một hộp thuốc tán đưa cho Thiện Tín bảo uống. Thiện Tín vâng lời, uống vào thì bệnh liền khỏi hẳn. (Trích Cao tăng Truyện - Tập 1)

5. Triều đại Lưu Tống có Ni sư Phiền Tào họ Lộ, người ở Ngô Quân, con gái của An Tung Tảo. Lúc hơn 10 tuổi. Ni sư bị bệnh nên phụ thân của Ni sư nghe nói nơi nào có danh y đều đến rước về nhà chữa bệnh cho con. Vì

thể hầu hết lương dược, miệng của Ni sư đều nếm qua nhưng bệnh trạng chẳng những không giảm mà còn ngày một tăng thêm. Lúc bấy giờ, Thầy Thích Pháp Tế là một Tăng nhân trong vùng nói với An Tung Tào rằng: “Theo ý của bản Tăng, sợ e bệnh của Tiểu Thơ là do nơi nghiệp chướng, nên thuốc thể gian khó bề trị lành được. Trong Kinh Phật có dạy: “nếu chúng sanh nào bị tai nạn, bệnh khổ, v.v... chỉ thành quy y Tam Bảo, sám hối cầu nguyện, đều được Từ lực của Tam bảo gia hộ cứu tế. Nếu Ngài có thể phát tâm chí thành, khẩn thiết sám hối, nguyện cầu để tẩy trừ trần cấu cho Tiểu Thơ thì bệnh sẽ được thuyên giảm.” An Tung vâng lời liền cho thiết lập bàn hương án ở giữa nhà, thờ tượng Quán Thế Âm Bồ Tát thật thanh tịnh trang nghiêm, sau đó tắm gội sạch sẽ, trai giới thanh tịnh, đến trước Phật đài, vì con gái mình sám hối cầu nguyện, lại cho người diu bệnh nhân đến trước bàn Phật, thành kính cúi đầu xưng niệm danh hiệu Bồ Tát liên tục không gián đoạn. Thực hành như vậy trong suốt bảy ngày. Đến đầu hôm ngày thứ bảy, bỗng nhiên thấy tượng Quan Âm sắc vàng, cao chừng một thước, giơ tay xoa trên thân của bệnh nhân ba lần, tức thì Cô cảm thấy từ đầu đến chân rất thư thái, nhẹ nhàng, chứng bệnh trầm kha trước kia bỗng nhiên biến mất. Sau khi được sự linh ứng như vậy, Cô cầu xin cha mẹ cho đi xuất gia, và tu hành rất tinh tiến. Cô thường trì tụng Kinh Pháp hoa và trường trai. Trải qua 37 năm, thường chuyên tâm quán tưởng, nguyện đem công đức tụng kinh tụng Phật cầu sanh lên cung trời Đâu Suất. Niệm hiệu Niệm gia năm thứ 16, Ni sư đến Kinh đô để tạo kinh điển. Về sau Ni sư viên tịch nơi nào không được rõ. *(Trích Tỳ Kheo Ni truyện)*

6. Vào triều đại Lưu Tống, Sa môn Thích Đàm Vĩnh ngụ tại chùa Trường Cang, vốn là người xứ Hội Khê. Xuất gia từ lúc niên thiếu, Thầy là vị Cao tăng nghiêm trì giới luật, tu hành tinh tấn. Hàng ngày, Thầy tụng kinh hơn mười ngàn lời, lại luôn dùng nhiều phương tiện thiện xảo tuyên dương pháp Đại thừa, nhiếp hóa vô lượng chúng sanh. Nhưng chẳng may, Thầy lại mắc phải chứng bệnh ghê khắp mình, lở loét đau nhức, tuy chữa trị nhiều năm mà bệnh vẫn không khỏi. Trong Thiên thất của Thầy có thờ một pho Tượng Quán Thế Âm. Suốt ngày đêm, Thầy dốc lòng chí thành lễ bái, cầu xin sớm được lành bệnh. Một ngày nọ, lúc đang ở trong Tịnh thất, Thầy bỗng thấy một con rắn leo lên vách tường rồi bò lên nóc nhà. Một lúc sau, một con chuột từ nóc nhà rơi xuống đất, toàn thân nó ướt đẫm, dường như đã chết, chắc hẳn nó vừa bị con rắn ban nãy cắn. Động lòng trắc ẩn, Thầy Đàm Vĩnh vội lấy chiếc thè tre cạo bỏ lớp nước bọt trên người con chuột, mong cứu nó sống lại. Lúc sắp vứt bỏ miếng thè tre cạo nước bọt ấy, bỗng nhiên Thầy sực nhớ trước kia có người từng nói nếu ai bị ghê lở mà tìm được nước bọt trên thân con chuột bị rắn cắn mà trét lên chỗ ghê lở thì chắc chắn chỗ ghê lở đó sẽ lành. Thầy lập tức lấy phần nước bọt cạo trên thân chuột thoa lên chỗ ghê lở của mình. Thật

lạ lùng, khi Thầy vừa thoa xong thì chuột kia cũng sống lại và bỏ chạy đi nơi khác. Chỉ trong một đêm thì bệnh ghê của Thầy tự nhiên lành hẳn. Bấy giờ Thầy mới nhận ra sự việc rắn cắn chuột đều là do sự thành tâm cầu khẩn Đức Quan Âm hàng ngày của Thầy nên được Bồ tát cảm ứng, thị hiện cứu độ như vậy. Sự việc này được nhanh chóng lưu truyền trong dân chúng và giới Phật tử, ai cũng cho là chuyện hy hữu và đều bàn tán khắp nơi tạo thành làn sóng dư luận chấn động đến hoàng cung, Quốc vương, các bậc Đại thần, Vương tử, v.v... đều khen là việc chưa từng có. Thầy Thích Đàm Vĩnh hưởng thọ đến 81 tuổi và viên tịch tại chùa Trường Cang. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

7. Triều đại Nhà Tề có một người tên Kiến An Vương bị bệnh ghê lở không thuốc gì trị được. Người ấy ngày đêm khẩn thiết chí thành chuyên niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm ngày đêm không dứt. Một đêm nọ, Ông nằm mộng thấy Đại sĩ dùng tay xoa thuốc lên những nơi bị ghê lở cho mình. Sáng hôm sau, lúc thức dậy Ông thấy những nơi bị ghê lở đều đã lành hẳn. Mọi người khi nghe thấy đều lấy làm lạ và cùng ngợi khen. Việc ấy được lan truyền khắp nơi, những người đương thời do đó phát tín tâm quy hướng về Quan Âm Đại sĩ rất đông. *(Trích Cảm ứng truyện)*

8. Triều đại nhà Lương có một vị Sa môn là Thích Pháp Kiêu, người ở Trung sơn. Thầy xuất gia từ lúc nhỏ nên đối với việc tụng Kinh niệm Phật, Thầy rất mực tinh tấn nhưng khổ nổi âm thanh của Thầy không được lời cuốn, thiếu chất Thiền vị. Bấy giờ, Thầy bèn phát nguyện tuyệt thực sám hối, chí thiết cầu nguyện quy mạng nơi Đức Quán Thế Âm. Trải qua suốt bảy ngày đêm, Thầy kiên thành Lễ bái xưng niệm không trễ lười, mong cầu được hiện báo. Bạn đồng học thấy vậy hết sức ngăn cản nhưng không một ai có thể lay chuyển được quyết tâm của Thầy. Đến ngày thứ Bảy, Thầy cảm thấy cổ họng thông suốt, liền lấy nước súc miệng rồi nói rằng: “Tôi đã được sự ứng nghiệm rồi”. Sau đó, Thầy tụng ba biến kinh, âm thanh trong trẻo, ấm áp vang xa suốt một dặm đường. Mọi người bấy giờ nghe nói đến việc này đều kinh ngạc ngợi khen, đua nhau đến Chùa để mục kích và nghe Thầy tụng kinh. Từ ấy về sau, mỗi ngày Thầy đều tụng Kinh đến vài mươi vạn lời, âm thanh ai nhĩ thông suốt ấy đến lúc Thầy 90 tuổi vẫn không suy giảm và thay đổi. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

9. Triều nhà Tùy có vị Sa môn Hồng Mãn, người ở An Định. Lúc còn ở thế tục, Thầy mắc phải chứng bệnh thời khí, hai chân co quắp, không thể đi đứng được. Thường ngày, Thầy thành kính chuyên niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm. Một hôm, bỗng có một vị Cao Tăng, tay bưng Tịnh bình đứng trước mặt Thầy. Hồng Mãn lập tức cúi đầu thi lễ, thưa hỏi: “Đại Sư từ đâu

đến?”. Vị Tăng từ tốn trả lời: “Ta thấy người thường ngày thành kính khẩn thiết xưng niệm danh hiệu của Ta, nên đến đây cứu giúp. Sở dĩ người mắc bệnh như vậy là do tiền thân kiếp trước, người hay trói cột sinh mạng loài vật, do dư báo ấy mà mắc bệnh như vậy. Bây giờ hãy nhắm mắt lại, Ta sẽ trị bệnh cho.” Hồng Mãn vâng lời, ngay khi ấy Thầy có cảm giác trên đầu gối mình hình như có người nhỏ cây đinh vài tác ra vút bỏ, Thầy thấy hai chân như có sức bật, trở lại bình thường và Thầy đứng dậy được. Lúc mở mắt ra làm lễ tạ ơn thì vị Tăng nói trên đã biến mất. Thầy biết đó là Bồ tát thị hiện cứu độ mình nên từ đó phát nguyện không cưới vợ, ở tại gia tu hành ngày càng tinh tiến. Dù không nghiên cứu kinh điển, nhưng tự nhiên Thầy lại thông suốt được pháp môn thiền quán. Mỗi khi tĩnh tọa, có thể trải qua suốt bảy ngày, vẫn an nhiên bất động. Đến niên hiệu Khai Hoàng, nhà Tùy, Thầy đến xuất gia tại chùa Cứu Độ. *(Trích Cao tăng truyện - Tập 2)*

10. Tương truyền Sứ Tuần là một người tài ba lỗi lạc, học vấn uyên thâm, đương thời không người sánh kịp, nhưng Ông lại là người không tin Phật pháp và thường bài bác rằng: “Phật là người, không cần thờ.” Về sau Ông bị chứng bệnh hai chân tự nhiên bại liệt, ngồi mãi một chỗ không di chuyển được. Ông nhờ người tìm hết danh y này đến danh y khác, thậm chí còn thiết lễ cầu đảo quỷ thần để tìm phương thuốc chữa trị nhưng tất cả đều vô hiệu. Lúc bấy giờ, người bạn thân của Ông là Triệu Văn đến thăm, khuyên Ông rằng: “Đức Quán Âm Bồ Tát là đấng Đại từ Đại bi, thường tầm thỉnh cứu khổ. Nếu chúng sanh nào bị tai nạn, bệnh hoạn, mà chí thành cầu nguyện, xưng niệm danh hiệu Ngài thì chắc được sự linh ứng. Nay bệnh của Anh đã chạy chữa đủ cách, cúng tế Thánh Thần rất nhiều cũng không có kết quả, vậy tại sao Anh không phát tâm tạc tượng Đại Sĩ, lễ bái cúng dường để cầu cho bệnh khổ được tiêu trừ?” Sứ Tuần vì bệnh quá ngặt nghèo nên y theo lời, sai rước thợ đúc tượng Quan Âm Bồ Tát. Khi pho tượng đã hoàn thành thì Ông nằm mộng thấy Quán Âm Bồ Tát, tướng hảo trang nghiêm hiện trên hư không. Lúc thức dậy, nghĩ lại những lời nói sai lầm và xác xược xưa kia của mình thì cảm thấy vô cùng hối hận. Từ ấy, Ông hết lòng kính tin Phật pháp, mỗi ngày đều hết sức tinh tấn, lễ bái cúng dường pho tượng Đức Quan Âm đã đúc thờ trong nhà và trì niệm danh hiệu Đại Sĩ không gián đoạn. Một thời gian sau, chứng bại liệt không thấy chữa trị tự nhiên hồi phục và bệnh dứt hẳn. *(Trích Tuyên nghiệm ký)*

11. Triều nhà Đường, ở Nghĩa Ô, huyện Ngu Châu có Sa Môn Thích Thần Trí, ngày chỉ thọ thực một bữa, chuyên trì tụng Chú đại bi vào nước để cứu độ trăm thứ bệnh. Các bệnh nhân uống nước ấy đa số đều được lành bệnh, vì thế số người đến xin trị bệnh ngày một đông không thể tính được, nên

đương thời mọi người đều gọi Thầy là Đại bi Hòa thượng. Trong niên hiệu Đại Trung, con gái của Tướng Quốc Bùi Hưu bị quỷ thần phá rối. Bùi Tướng Quốc đến Chùa rước Thầy về Dinh, trì chú liên tục suốt bảy ngày đêm thì Tiểu Thư liền bình phục. Cảm kích ân trị bệnh ấy, Bùi Tướng Quốc đem việc này tâu lên Hoàng đế và xin một tấm biển hiệu đặt tên cho ngôi chùa Thầy đang ở. Vua nhà Đường chuẩn tấu và ban hiệu cho Chùa là Đại Trung Khánh Thọ. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

12. Triều nhà Đường, niên hiệu Lân Đức có người tên Hứa Nghiễm ở phường Vĩnh Hưng tại Kinh đô làm nghề chài lưới để sinh sống. Về sau ông bị bệnh, suốt ngày nằm thềm thiếp trên giường bệnh, thân đỏ hồng như lửa, đau đớn tưởng chừng như đang bị lửa than nung đốt. Ông bảo thân nhân rằng những lúc như thế, Ông thấy có chiếc xe lửa lăn trên mình Ông thiêu đốt, lại thêm có vị minh quan nét mặt nghiêm khắc, lớn tiếng quở trách ông làm nghề đánh cá đã tạo ác nghiệp rất nặng nên Ông phải chịu hiện báo đau đớn như vậy. Căn bệnh của Ông cứ như thế kéo dài ngày này qua ngày khác, chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần. Bà con thân thích thấy vậy khuyên Ông phải làm những công đức lớn mới hy vọng có thể chuyển nghiệp. Ông vâng lời, sau đó nhờ người tạc hai pho tượng Quán Thế Âm. Một tượng cúng dường cho Chùa, còn một tượng để tại nhà thờ cúng. Khi tượng được tạc xong, Ông chuyên tâm ngày đêm sám hối và trì niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm, lại bảo vợ con trong nhà đều trường trai, niệm Phật, bệnh Ông nhờ đó từ từ thuyên giảm và lành hẳn. Từ ấy về sau ông bỏ nghề đánh cá và phát tâm tu hành rất tinh tiến. *(Trích Pháp Uyển Châu Lâm và Chuyển Nhơn lục)*

13. Triều nhà Đường, Sa môn Thích Trí Lăng là người ở Cô Tô, chuyên tâm trì tụng Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn rất là thần hiệu. Niên hiệu Long Sóc, năm thứ hai, Thánh Vương công chúa, con gái của vua Đại Đường lâm bệnh rất nặng. Quốc vương nghe nói Thầy Pháp Lăng chuyên trì tụng Đại Bi Chú và trị cho nhiều người lành bệnh nên cho Sứ giả đến Chùa rước Thầy vào cung lập đàn trì Chú trị bệnh cho Công chúa. Thầy vào Cung trì chú chỉ trong ba hôm thì Công chúa liền được khỏe mạnh bình phục lại. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

14. Triều nhà Đường, Sa môn Thích Pháp Thông, họ Quan, người ở đất Hộ tại Kinh Triệu, xuất gia từ lúc nhỏ. Thật bất hạnh, thân thể Thầy rất yếu đuối, đi đứng không vững tưởng chừng gió thổi cũng bay, vì thế bị đồng bạn cười chê, khinh dễ. Sa di Pháp Thông vì tuổi còn trẻ, nên không chịu được thái độ và những lời khinh khi của chúng bạn nên rất buồn tủi. Một hôm, Thầy đến trước Thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, hai dòng lệ tuôn

roi, lễ bái Bồ Tát và cầu nguyện rằng: “Thông con nghe Bồ Tát Đại từ Đại bi linh hiển tùy theo sở nguyện của mỗi người mà cứu hộ cho tất cả đều được như ý. Xin Bồ Tát rủ lòng Từ bi thương xót cứu khổ cho con qua khỏi bệnh tật và mọi sự khinh nhục.” Sau đó, Thầy chuyên tâm lễ bái cầu nguyện hàng ngày, một lòng trì tụng Kinh Phổ Môn, ngày đêm không biếng trễ. Trải qua thời gian hơn một năm, một hôm Thầy về nhà thăm Mẫu thân. Đêm ấy, Thầy nằm mộng thấy có người đem đến ba vắt gan lừa cho mình ăn. Thầy vừa cầm lấy một vắt ăn thì bị Mẹ đánh thức dậy. Một điều lạ lùng là ngay sau lúc đó, Thầy tự nhiên thấy trong người khỏe mạnh, sức lực cường tráng phi thường, da dẻ trở nên hồng hào, các bắp thịt săn chắc. Thầy đến bên các tảng đá to và các thân gỗ lớn nhấc thử thì thấy tất cả đều nhẹ nhàng để nâng lên. Thầy trở về chùa với tâm trạng vô cùng phấn chấn nhưng không nói cho ai biết việc của mình. Trong chùa có một vị Thầy Tăng tên Kham, vóc mình vạm vỡ, sức mạnh không ai bì kịp. Một hôm, Pháp Thông lên lấy bộ cà sa của Thầy Kham, dỡ đòn dông trên nóc chùa và để bộ cà sa trên đầu cây cột. Thầy Kham thấy mất bộ cà sa bèn đi kiểm nhưng không thấy nên tưởng đâu là quỷ thần phá rối, lúc bấy giờ trước sự chứng kiến của nhiều người, Thầy Pháp Thông mỉm cười, tay dỡ đòn dông của chùa lên rồi lấy cà sa đem xuống đưa cho Thầy Kham. Mọi người thấy thế đều kinh ngạc và thán phục, từ ấy về sau không còn một ai dám khinh nhục Pháp Thông nữa. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 2)*

15. Triều nhà Đường, có người tên Vương Kỳ ở huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây. Từ lúc thơ ấu, Ông đã không chịu ăn mặn. Dù bị cha mẹ cản ngăn, nài ép nhưng Ông vẫn không thối chí. Niên hiệu Đại lịch, năm đầu nhà Đường, Ông làm quan Tuỳ Hộ ở Cù Châu. Lúc bình nhật, Ông ưa thích làm các thiện sự, lại thường trì tụng Kinh Phổ Môn. Nhờ đó, từ nhỏ đến lớn rất nhiều lần bị bệnh nặng nhưng mỗi khi bệnh Ông đều thành tâm trì tụng kinh Phổ Môn thì mọi chứng bệnh đều được lành mạnh. *(Trích Quảng Di Kỳ)*

16. Triều nhà Đường, Tri Huyền Pháp Sư họ Trần, là người ở Hồng Nhã, xứ My Châu. Pháp sư thường tuyên thuyết, diễn giải Kinh Luận Đại thừa. Hàng Phật tử cả Tăng lẫn tục đều hoan nghênh ngưỡng mộ hết mình. Tuy vậy, Pháp sư vẫn thường tự giận mình có giọng nói không đúng với thổ âm địa phương nên hiệu quả không như ý nguyện. Sau đó, Pháp sư lên núi Trường Nhĩ, ngày đêm chuyên tụng trì Chú Đại bi. Một hôm, Ngài nằm mộng thấy một vị Thần Tăng đến cắt lưỡi của mình, rồi thay vào chiếc lưỡi khác cho Pháp sư. Đến sáng hôm sau, bỗng nhiên khi vừa cất giọng thì Ngài nhận ra âm thanh của mình đã trở thành thổ âm của người nước Tần. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

17. Triều nhà Đường, Sa môn Thích Trí Ích, họ Ngô là người huyện Trường Sa. Lúc trẻ, Thầy từng đi lính chinh phạt bọn rợ hung nô ở chốn biên cương. Sau khi ra khỏi quân ngũ, Thầy trở về quê làm nghề săn bắn và chài lưới. Một hôm, Thầy bắt được con rùa trắng nên đem về nấu ăn. Sau khi ăn xong thì toàn thân bị phát độc; sanh ghê lở, đau nhức lở loét từ đầu đến chân, da thịt rã rời, râu tóc đều rụng. Thầy không thể nào chịu đựng nổi sự hành hạ của cơn bệnh, lại không thể nào đi kiếm sống được, đành phải làm thân hành khất lê lết xin ăn khắp đầu đường xó chợ. Một hôm, giữa lúc Thầy đang oằn oại vì đau đớn và đang xin đồng tiền bát gạo của người qua đường thì bỗng gặp một vị Tăng nhân đi ngang qua. Nhìn thấy hoàn cảnh thương tâm này nên vị Tăng bèn đến an ủi và bảo rằng: “Người nên hồi tâm trì niệm Chú Đại bi, Ta sẽ dạy cho. Nếu người cố gắng tinh tiến trì tụng thì Ta tin chắc người sẽ được kết quả linh nghiệm.” Thầy vâng lời vị Tăng học thuộc Chú Đại Bi và kể từ hôm ấy, nhất tâm trì tụng. Quả đúng như lời vị Tăng nhân nói, các thứ ghê lở loét trên thân Thầy bớt dần, râu tóc từ từ mọc lại, da thịt lần hồi cũng hồi phục sự săn chắc. Khi bệnh lành, Thầy liền phát nguyện xuất gia làm Tăng. Sau đó, Thầy đến gặp Phục Ba Tướng quân xin cho một ngôi nhà cũ. Được Tướng quân ưng thuận, Thầy kiến lập Tịnh xá nơi ấy, làm Trụ trì, trọn đời tu hành rất tinh tấn. *(Trích Thái Bình Quảng Ký và Chuyển nhân Lục)*

18. Triều nhà Đường, Tịnh Chi Thiền sư, người họ Triệu, xứ Cao Lăng, huyện Ung Châu. Lúc bảy, tám tuổi, Ông đã biết ưa thích quán tưởng Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, và theo Kinh văn hướng dẫn tu học. Thầy lập chí xuất gia nên đến niên hiệu Trinh Quán, năm đầu nhà Đường, Thầy đến ẩn tu tại chùa Quang Hóa trên 10 năm. Hàng ngày, Thầy thường ngồi thiền trong thảo am, không ở chùa Tăng. Phật tử bốn phương, ngưỡng mộ về hạnh tu của Thầy nên vân tập về tu học trên 200 người. Thiền Sư ngày đêm sáu thời, đốc xuất đại chúng tu trì rất tinh tiến, không phụ với chí xuất gia và không lãng phí thời giờ vàng ngọc. Một hôm nọ, mũi của Thiền Sư bỗng mọc ra một cục thịt ngắn bít làm Thầy vô cùng khó thở, chạy chữa trăm ngàn phương thuốc đều không hiệu nghiệm. Lúc bấy giờ, có vị Tăng đến bảo Thầy nên phát nguyện trì tụng Bát Nhã Tâm kinh vạn biến sẽ khỏi. Thiền sư vâng lời thực hành theo lời dạy thì cục thịt ấy tự nhiên rụng mất. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

19. Triều nhà Đường có Thầy Thích Trí Càn, họ Châu. Từ lúc bé đã có chí hướng làm việc thiện, và thực hiện theo phương ngôn “khắc kỷ- ái quần” tức là bản thân luôn nghiêm khắc với chính mình, nhưng với quần chúng thì lúc nào cũng thương yêu giúp đỡ. Hàng ngày Thầy thường chơi đùa với trẻ con cùng xóm, nói năng nhã nhặn, sắc mặt luôn vui cười. Đến lúc trưởng thành, Thầy xuất gia, tu hành rất tinh tiến; dũng mãnh, lại thường phản tỉnh

tự thân và tham cứu Tam tạng giáo điển thật uyên áo. Khi Thầy cầu nguyện điều chi đều được linh ứng. Một lần nọ, thân mẫu của Thầy bị bệnh rất nặng, Thầy phát tâm vì Mẹ ngày đêm kiên thành trì tụng Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ để cầu cho Mẹ được mau lành bệnh. Do tâm chí thành cảm đến Bồ tát nên trên lá của những cây cối trong khuôn viên nhà chùa đều hiện thật nhiều hóa Phật. Sự việc này cả gia đình Thầy mọi người đều tận mắt nhìn thấy. Bệnh tình của mẫu thân Ngài nhờ sự chí thành trì niệm Thánh hiệu Đại sĩ mà được lành. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)

20. Triều nhà Tống có Pháp sư Kế Trung, tự Pháp Thần. Pháp Sư là con của họ Khâu, ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang. Trước kia, cha mẹ của Pháp sư vì hiếm muộn nên đến trước Phật đài, chí thành lễ bái cầu tự. Một hôm, hai ông bà đồng nằm mộng thấy một vị Tăng đem một đứa bé kháu khỉnh, khô ngô đến trao cho và nói đây là của Loa Khế Tôn giả xin gởi cho hai ông bà nuôi giúp. Lúc tỉnh dậy, Mẫu thân Pháp sư liền thọ thai. Một điều lạ là trước kia bà ưa thích ăn thịt cá, nhưng từ lúc thọ thai thì liền chán ghét, chỉ dùng đồ chay. Pháp Sư từ lúc thơ ấu, mỗi khi thấy tượng Phật, tức thời đều lễ kính. Khi lên tám tuổi, Ngài đến Khai Nguyên xuất gia. Sau đó Ngài đến Nam Hồ, y chỉ theo Ngài Quảng Chí Pháp sư tu học. Do quá sức khắc khổ tu hành, Ngài bị kiệt sức và lâm bệnh, Pháp sư Quảng Chí thực hành Pháp thịnh Quán Âm Tam muội, cảm ứng đến Đại Sĩ phóng quang cứu bệnh. Thầy được Quảng Chí Pháp sư dùng nước cúng dường đức Quan Âm rưới trên đỉnh đầu, liền đó Pháp sư được khỏi bệnh. Sau đó Thầy trở nên thông minh cực độ, thông suốt giáo quán không bị trở ngại. (Trích Phật Tổ thống ký)

21. Triều nhà Tống, niên hiệu Khánh Hòa, năm thứ 7, có người tên Lý Bác bị bệnh đại ma phong (bệnh cùi) đã hơn ba năm nhưng tất cả y sĩ đều nói không chữa được. Trước kia khi chưa bị bệnh, Lý Bác thường tụng kinh Phổ Môn đến hơn ba tạng (tức hơn 10.500 biến). Một ngày nọ, bỗng nhiên có một vị Tăng đến nhà, trao cho Lý Bác một hoàn thuốc, Lý Bác cung kính đón nhận, nhưng chưa dám dùng. Tối đó, Ông nằm mộng thấy vị Tăng gặp lúc sáng bảo rằng: “Thầy vì thương con tụng kinh rất chí thành nên đã đem hoàn linh đơn đặc biệt đến cứu khổ cho con, tại sao con không chịu uống?” Khi thức dậy, Ông liền lấy hoàn linh đơn ra uống. Thật màu nhiệm, chỉ trong bảy ngày, da dẻ toàn thân do bệnh cùi bị lột hết đều mọc trở lại, râu tóc mọc lại đen huyền giống như một chàng trai. (Trích Hải Nam Nhứt chương)

22. Triều nhà Tống, có người tên Trương Hiếu Thuần. Thuần có đứa cháu đã lên năm tuổi nhưng vẫn chưa đi được. Bà con hàng xóm đến mách bảo rằng: “Vừa rồi ở Hoài Diện có một nông phu chân bị bệnh

đã lâu năm, chạy chữa nhiều phương thuốc nhưng không hiệu nghiệm. Nông phu ấy tuy thất học nhưng lại là người hết lòng tin tưởng Quan Âm Bồ Tát nên Ông phát nguyện trì niệm Thánh hiệu Đại bi Quán thế Âm Bồ tát ngày đêm không dứt, nhờ đó mà cảm đến Bồ tát. Ngài thị hiện và để lại bài kệ 4 câu như sau:

ÂM:	NGHĨA:
Đại Trí phát ư tâm	Đại trí phát nơi Tâm
Ư Tâm vô sở tầm	Nơi Tâm không thể tầm
Thành tựu nhất thiết nghĩa	Thành tựu mọi ý nghĩa
Vô cố diệc vô cần	Không nghĩ cũng không bàn

Người nông phu trì tụng bài kệ trên đúng 100 ngày thì chân bị tật liền lành hẳn.

Hiếu Thuần nghe nói vậy, liền bảo đứa cháu và bà Vú phát tâm trai giới thanh tịnh, tụng bài kệ trên thì trải qua ba tháng, đứa bé đi đứng như những đứa trẻ bình thường khác. Không chỉ những người có con cháu bị bệnh về chân như con của Hiếu Thuần mà cả những người tâm trí kém cỏi, Thuần đem bài kệ trên bảo họ học và thành tâm trì tụng thì cũng đều có kết quả linh nghiệm. (Trích Quán Âm Từ Lâm)

23. Triều nhà Tống, niên hiệu Thuần Hy, năm thứ 5, có Quan Đô tuần kiểm tên La Sanh tại Nhiêu Châu. Nhân lúc ty nạn lụt đến nhà Vương Mẫn Tài mục kích được một việc thật hy hữu. Trong nhà ấy có một tỷ nữ tên là Đại Hỉ, đôi mắt bị mù đã lâu năm lại thường bị đau nhức. Một hôm, Cô nằm mộng thấy có một Lão Tăng đến bảo rằng: “Đại Hỉ, Thầy rất mừng cho con. Con thật có phước duyên nên mới được đến ở trong nhà này, nếu không đến ở đây, con sẽ thành một phế nhân vĩnh viễn. Hôm nay Thầy đem thuốc này đến cứu con.” Nói dứt lời, Lão Tăng liền trao cho Đại Hỉ một chén thuốc, Cô liền bưng lấy uống, thì sau đó bỗng thấy đôi mắt mình đã sáng lại trở lại. Cô kính cẩn cúi đầu chào lão Tăng rồi hỏi: “Thưa Đại sư, Ngài từ đâu đến?” Lão Tăng đáp: “Thầy là người ở trong nhà này đã lâu lắm rồi, nghe con đau mắt ngày đêm la khóc, Thầy rất thương xót nên đem thuốc cứu bệnh cho con.” Đại Hỉ giật mình tỉnh giấc thì trời đã sáng, Cô mở mắt ra thì chẳng những mắt sáng lại như xưa mà còn long lanh trong suốt rất đẹp và các chứng đau nhức cũng khỏi hẳn. Mọi người trong nhà thấy vậy đều lấy làm lạ, và bàn tán cho là việc chưa từng có. Họ cùng nhau đến hỏi thăm nên Đại Hỉ đem việc trong mộng thuật lại, Mẫn Tài đem việc ấy thưa với Mẫu thân thì Bà bảo rằng: “Đây

là Đấng Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát! Con nên biết nhà của Mẹ thành kính thờ phụng Ngài đã nhiều năm, khi nào có tai nạn cấp bách, nếu lễ bái cầu đảo đều được linh hiển.” (Trích Linh Nghiệm Ký)

24. Tại xứ Đài Châu có vị Tăng tên là Sử-Thao, lúc trung niên Thầy bị bệnh mắt nên thường trì tụng Chú Đại Bi. Một hôm, Thầy nằm mộng thấy Quán Âm Đại Sĩ truyền dạy cho Thầy bài kệ tụng, lại bảo mỗi ngày sớm mai thức dậy múc một chén tịnh thủy, đốt hương lễ bái rồi tụng bảy biến kệ xong, đem nước ấy đi rửa mắt. Thầy Sử Thao vâng lời làm theo sư chỉ bảo; thì bệnh mắt liền sáng lại và lành hẳn. Thầy hưởng thọ 88 tuổi.

GHI CHÚ: Người ghi lại sự tích này chính bản thân bị bệnh mắt đã hơn một tháng, nhờ Y sư Tôn-Chấn-Nguyên truyền dạy cho bài kệ ấy, Tôi đã thực hành đúng như lời hướng dẫn và quả nhiên cũng được linh nghiệm. Vì thế, Tôi không dám yên lặng và vì muốn lợi ích cho mọi người nên kính cẩn ghi vào sách bài Kệ tụng ấy như sau để cho người có lòng tin nơi đức Quán Âm được nhiều lợi ích:

ÂM:	NGHĨA:
Cứu khổ Quán Thế Âm	Đại bi Cứu khổ Quán Thế Âm
Tứ ngã đại an lạc	Xin ban cho con đại an lạc
Dữ ngã đại phương tiện	Xin ban cho con đại phương tiện
Diệt ngã ngu si ám	Diệt trừ ngu si con hết tội
Hiền kiếp chư chướng ngại	Tất cả chướng ngại trong hiền kiếp
Vô minh chư tội ác	Vô minh cùng với các tội ác
Xuất ngã ám thất trung	Ra khỏi trong nhà tối của con
Sử Ngã thị Phật quang	Khiến con mắt sáng trông thấy Phật
Ngã kim thuyết tổng pháp	Con nay trì tụng pháp rửa mắt
Sám nhãn thích tội trọng	Sám trừ tội ác của nhãn căn
Phổ phóng Tịnh quang minh	Phóng Tịnh quang minh khắp soi sáng
Nguyện đắc vi diệu tướng	Nguyện được thấy rõ tướng vi diệu

25. Triều nhà Tống, đời vua Độ Tôn, niên hiệu Hàm Thuần, tháng ba năm Bính dần, có một vị quan Thái Úy bị bệnh mắt. Ông là người tin tưởng Đức Quán Âm Bồ Tát nên sai con đến Động Triều Âm, núi Phổ Đà để cầu khẩn Quán Âm Đại Sĩ, và múc nước suối nơi ấy để đem về rửa mắt. Người con vâng lời, đến nơi múc nước suối đem nước về cho Ông rửa mắt thì bệnh mắt Ông liền lành. Để tỏ lòng thành kính với ân đức cứu độ của Quán Âm Bồ Tát, quan Thái Úy lại bảo con sắm lễ vật đến núi Phổ Đà để cúng tạ. Khi người con đến nơi, thiết lễ trang nghiêm để cúng bái thì Đức Quán Âm hiện

thân. Toàn thân Ngài phưởng phất như khói nhạc và tấm áo lụa xanh mờ ảo như thể một tấm màn xanh ngăn cách. Người con sau đó đi tiếp đến động Thiện Tài Đồng tử, thì thấy Thiện Tài Đồng tử bỗng nhiên xuất hiện, tiếp theo thì Đại Sĩ cũng hiện thân. Ngài khoác chiếc áo lụa trắng, có đường viền xanh đỏ, tay Ngài mang chuỗi anh lạc, nét mặt Đại Sĩ nhân từ dường như có điều muốn dạy bảo. (Trích Phổ Đà Sơn ký)

26. Triều nhà Tống có Phật tử Vương Nhật Hưu là người có tâm thành kính với Phật pháp. Một lần nọ, Ông đến Chùa mượn bộ Kinh Di Đà, sao chép lại và có ý muốn hiệu chỉnh để khắc bản phổ biến khắp các nơi. Khi vừa cầm bút sắp chép kinh, bỗng nhiên tay phải bị bệnh phong rút, ngón tay Ông co giật liên hồi, không thể nào viết được. Nhật Hưu liền đưa ngón tay lên, thành kính trì niệm danh hiệu Đức A Di Đà Phật và Quán thế âm Bồ Tát xin được lành bệnh phong để thực hiện tâm nguyện sao chép và khắc bản Kinh A Di Đà. Mâu nhiệm thay, chỉ cầu nguyện có mấy câu, ngón tay của Ông không còn co giật nữa nên viết được trọn bộ kinh A Di Đà, bệnh phong từ đó cũng dứt hẳn, không tái phát nữa. (Trích Long Thơ Tịnh Độ)

GHI CHÚ: Sự tích 26 này y cứ theo Bộ Long Thơ Tịnh Độ. Trong Bộ sách ấy, theo lời của Phật tử Quốc học Tiến Sĩ Vương Nhật Hưu tự thuật: “Thời gian gần đây vì có duyên sự, Tôi quá giang thuyền đi. Lúc tới chỗ cái Áp (tức là cái trạm được dựng như hình cái cổng có thể đóng mở để chắn nước, khi thuyền bè đến thì người ta mở cổng, cho thuyền đi qua, sau đó cánh cửa sẽ được đóng lại), vì nước sông nơi ấy đang lúc chảy quá mạnh không thể đi được nên chúng tôi neo thuyền lại. Tôi đến chùa Kim Sơn mượn bốn bộ Kinh A Di Đà, vì Tôi có ý muốn hiệu chỉnh bốn bộ này và đóng lại thành một bộ để khắc thành ấn bản và phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên nhưng khi mới cầm bút lên, tay phải Tôi bỗng bị phong rút co giật liên tục, không thể viết được. Tôi liền đưa ngón tay ấy lên thành kính xưng niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát xin được lành bệnh phong để thực hiện tâm nguyện sao chép và khắc bản Kinh A Di Đà. Chỉ cầu nguyện có mấy câu, ngón tay của Tôi tự nhiên hết co giật và bệnh phong trong người cũng dứt hẳn.” Theo như lời Vương Nhật Hưu, chúng ta có thể thấy rõ đức A Di Đà cùng Đại bi Quán Thế Âm luôn ở trước mắt mình nhưng chỉ vì lòng tin của mỗi người chưa đến mức độ kính thành nên không nhận được sự cảm ứng của các Ngài đó thôi. Ở đây, chúng tôi cũng xin giải thích thêm về bốn bộ kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà tức là Kinh Đại bản A Di Đà, vì trong khi dịch, các dịch giả chia thành nhiều đề mục khác nhau nên gọi là bốn bộ, gồm có:

1. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh do Ngài Chi Lăng Ca, triều hậu Hán dịch.
2. Vô Lượng Thọ Kinh do Ngài Khang Tăng Khai, triều Tào Ngụy dịch.
3. A Di Đà Kinh, đồng tên với bốn A Di Đà được đọc tụng hàng ngày trong các thời cầu siêu do Ngài Ngô Chi dịch.
4. Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh do Ngài Pháp Hiền, nhà Tống dịch.

27. Triều nhà Tống, niên hiệu Nguyên Phong năm thứ hai, có quan Thị Lang tên Biên Tri Bạch. Ông là vị quan hết lòng vì nước, do phải xông pha nắng gió mà mắc chứng bệnh cảm nắng. Tuy chạy chữa nhiều nơi nhưng bệnh không thuyên giảm. Quan Thị Lang vốn là một Phật tử thuần thành nên phát tâm thành kính chuyên xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ rất chuyên cần. Một hôm, Ông nằm mộng thấy một người mặc Bạch Y dùng nước rưới từ đầu đến chân Ông. Khi thức dậy, Ông thấy trong người thân thể nhẹ nhàng khỏe khoắn, tinh thần lại rất sáng khoái. Bấy giờ, Phật tử Tri Bạch biết rằng lòng thành kính của Ông đã được cảm ứng với Đức Quan Âm, và Ngài đã cứu Ông khỏi bệnh nên từ đó Ông phát nguyện sưu tập tất cả những sự tích linh nghiệm của Đức Quan Âm có từ xưa đến nay làm thành một bộ sách, đề mục là Quán Âm Cảm Ứng và cho lưu hành phổ biến trong nhân gian. *(Trích Phật tổ thống ký)*

28. Triều nhà Nguyên ở tại Bình Giang, có vị Tăng Pháp hiệu là Huệ Cang. Từ lâu Thầy mắc phải chứng bệnh phiền vị (bao tử bị lộn ngược) rất nguy hiểm khiến Thầy không thể ăn uống gì được. Một đêm nọ, Thầy nằm mộng thấy có một con mèo chui vào trong bụng mình. Từ ấy bệnh tình càng nặng thêm, lại thêm trong lòng bỗng thấy thèm ăn thịt cá. Giữa lúc tư tưởng loạn động như vậy, thì Thầy Huệ Cang chợt phản tỉnh, tự trách mình đã không giữ được chánh niệm Thầy biết ý nghĩ thèm ăn cá thịt là do nghiệp chướng từ nhiều đời khiến bị như vậy nên Thầy liền phát tâm trì niệm Thánh hiệu đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát trăm vạn biến và mỗi ngày trì tụng chú đại bi 108 biến. Chẳng bao lâu, Thầy lại nằm mộng thấy mình đi vào trong núi gặp một vị Tăng nhân tướng mạo trang nghiêm, bảo Thầy rằng: “Ta cho ngươi thứ thuốc này để trị chứng bệnh phiền vị của ngươi.” Ngay lúc ấy bỗng có một đồng tử mặc áo xanh, tay xách một cái lồng, trong ấy có con gà đến trước mặt Thầy. Đồng tử đến trước mặt Thầy Huệ Cang, mở chiếc lồng ra, liền khi đó con mèo từ trong bụng Thầy Huệ Cang nhảy ra khỏi miệng Thầy và vào lấy con gà đang ở trong lồng. Thầy Huệ Cang giật mình thức dậy thì mới biết đó chỉ là giấc mộng, nhưng thật lạ lùng, chứng bệnh bao tử của Thầy từ đó dứt hẳn. *(Trích Báo ứng Lục)*

29. Triều nhà Nguyên, thầy Thích Mộng Nhuận tự Ngọc Cương, người ở Gia Hòa. Thầy xuất gia từ lúc 14 tuổi nhưng do sự tu học rất khắc khổ nên Thầy mắc phải chứng suy nhược rất trầm trọng. Thầy phát nguyện tu pháp thỉnh Quán Thế Âm Sám 49 ngày. Sau khi sám hối xong thì tật bệnh liền khỏi hẳn. Chẳng những thế, tâm trí của Thầy cũng trở nên sáng suốt và phát triển trí huệ. Thầy lại phát nguyện tu các sám pháp khác như Pháp Hoa, Đại bi, v.v... và được linh ứng không thể nghĩ bàn. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 4)*

30. Triều nhà Nguyên, Thầy Thích Chân Tịnh, tự Như Am, con của họ Đào ở xứ Hoa Đình, tỉnh Giang Tô. Mẫu thân của Thầy nằm mộng thấy bạch nguyệt (mặt trăng trắng) sa vào lòng mà có thai, sau đó thì sanh ra Thầy. Lúc mới thụ thai thì có một vị Tăng từ trước đến giờ không ai biết, đến nhà và bảo rằng: “Thai nhi trong bụng của Đào Thị chính là Hải Nguyệt Pháp sư tái lai”. Lúc lên chín tuổi thì Thầy đến Chùa xin xuất gia, y chỉ theo Vô Cực Độ Pháp sư tu học, tất cả các Kinh nói về pháp tánh đều học thông suốt. Niên hiệu Thái Định, lúc đang ở chùa Hạ Thiên Trúc, Thầy Chân Tịnh mắc bệnh nặng nên Thầy chuyên tâm trì niệm Thánh hiệu Quan thế Âm. Một đêm, Thầy nằm mộng thấy Bạch Y Đại Sĩ bùng bình cam lồ đến, dùng nhánh dương liễu rưới nước vào miệng mà nói rằng: “Bệnh Ông từ nay sẽ khỏi hẳn.” Khi thức dậy, Thầy cảm thấy trong người nhẹ nhàng, chứng bệnh trước đây đã không còn nữa. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 4)*

31. Triều nhà Nguyên có Thiên Nham Thiền Sư, họ Đồng, người ở tỉnh Chiết Giang. Lúc nhỏ, Thiền Sư hay bị bệnh nên mẫu thân của Ngài thường ở trước Quán Âm Đại Sĩ chí thành cầu đảo, lễ bái xưng niệm danh hiệu Đại Sĩ. Bà còn phát nguyện: “Cúi xin Bồ Tát đại từ đại bi gia hộ cho đứa trẻ này được mạnh khỏe, tật bệnh tiêu trừ, sau này con nguyện sẽ cho nó xuất gia tu hành”. Lời nguyện của Bà được cảm ứng, đứa trẻ quả nhiên mọi tật bệnh đều hết, sau đó, cậu bé được thân mẫu cho đi xuất gia theo Linh Chi Luật Sư học tập giới luật Phật pháp, tiếp theo lại được Trung Phong Hòa Thượng truyền tâm ấn. Thiền sư Thiên Nham sau về ẩn tu nơi chùa Thiên Long, hoằng truyền Phật pháp. Đức độ của Thiền Sư được nhiều người ngưỡng mộ. Tương truyền rằng, một ngày nọ, lúc Ngài đang tĩnh tọa thì có hai con rắn thật lớn đến quanh quẩn nơi pháp tòa, Thiền sư vì chúng mà giảng nói Tam quy ngũ giới. Hai con rắn ngóc đầu lên và cúi xuống lễ bái Thiền sư rất lễ kính. Sau khi lễ bái xong thì chúng bò đi nơi khác. *(Trích Thánh Thị Khế Cổ lục)*

32. Triều nhà Minh, tại Ngô Quận có Phật tử tên là Từ Minh Phu. Phật tử này rất thâm tín Tam bảo, nhất là với Quán Âm Đại Sĩ. Ông thường ngày đêm

lễ kính, xưng niệm danh hiệu của Đại Sĩ rất chí thành. Ông có đứa con tên Quán mới lên 10 tuổi, bỗng nhiên mắc bệnh nguy hiểm. Hai vợ chồng Ông bèn đối trước tượng Đại sĩ, ngày đêm chí thành khẩn thiết cầu đảo, xưng niệm danh hiệu của Quán Âm Bồ Tát. Đến ngày thứ bảy thì xảy ra chuyện vô cùng lạ lùng. Vào đêm ấy, cả hai vợ chồng Ông đều nằm mộng thấy Bồ Tát đến dạy: “Ngươi hãy yên tâm, đừng quá buồn rầu. Con của hai ngươi sáng ngày mai sẽ ngồi dậy được”. Ngay lúc ấy bỗng nhiên trên bàn thờ Phật có tiếng động mạnh, hai vợ chồng giật mình thức giấc, đến trước bàn thờ Đại Sĩ thì thấy lư hương, chân đèn, bình hoa, đĩa trái cây đều bị rơi xuống đất nhưng không đồ vật nào bị hư bể. Ngay lúc ấy cả hai bỗng nghe trong miệng đứa nhỏ có tiếng nói lâm râm: “Xin Bồ Tát cứu con! Xin Bồ Tát cứu con!”. Vợ chồng ông gọi con nhưng nó vẫn ngủ say, không đáp. Đến sáng vợ chồng ông hỏi duyên cớ thì đứa trẻ cho biết: “Tối qua trong lúc đang ngủ thì con thấy Đại Sĩ đến trước giường con và nói “Con trai, Ta đến cứu con đây.” Nói rồi Bồ Tát cho con một chén nước bảo uống. Con vừa uống xong thì liền thấy nhẹ nhàng khắp xương tủy, toàn thân toát mồ hôi, đầu óc nhẹ nhàng tinh táo.” Cả hai vợ chồng nghe con kể lại rất vui mừng, lại càng hết lòng tin tưởng vào thần lực của Đức Đại Sĩ, mấy ngày sau thì bệnh của đứa trẻ lành hẳn. *(Trích Từ Thị Đình huấn)*

33. Triều nhà Minh tại chùa Thiên Đồng có Thầy Thích Tăng Chiếu là người có rất nhiều bệnh. Vào niên hiệu Hồng Vũ, năm Bính Thìn, bệnh tình của Thầy ngày càng trở nên nặng. Vị Thượng Tọa trong chùa thấy vậy, khuyên Thầy nên thành kính trì tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ được tiêu trừ tật bệnh. Thầy Tăng Chiếu vâng lời, mỗi ngày trì niệm danh hiệu của Đức Quán Thế Âm đến hàng vạn câu. Qua năm ngày sau, lúc giờ Ngọ, Thầy tự nghĩ: bệnh tình của mình chắc khó lòng qua khỏi, có lẽ không bao lâu sẽ chết, chi bằng ngưng trì niệm Danh hiệu Đức Quán Thế Âm, mà đổi sang trì niệm Danh hiệu Từ phụ A Di Đà Phật để cầu vãng sanh thì chắc có kết quả tốt hơn. Khi Thầy vừa dứt khởi niệm tưởng này lên thì liền thấy có một phụ nữ tuyệt đẹp, thân mặc Pháp y, tay cầm Tịnh bình, từ ngoài cửa đi vào, đến trước mặt Thầy. Lúc ấy, Thầy Tăng Chiếu rất kinh ngạc, chẳng biết làm gì, sau khi Thầy định tâm nhìn kỹ lại, biết đó là Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân. Thầy Tăng Chiếu quá sức cảm động, rơi nước mắt, Thầy liền thành kính quỳ xuống, cầu xin sám hối thật bi thiết, chỉ trong chốc lát thì người phụ nữ ấy biến mất. Trải qua năm ngày sau thì bệnh của Thầy tự nhiên khỏi hẳn. *(Trích Sơn Am tạp lục)*

34. Triều nhà Minh ở tại Đàm Hưng, Cư sĩ Nguyễn Ứng Kiệt là một Phật tử tại gia. Ông vốn là người rất tin tưởng và luôn thành kính lễ bái trì niệm đức

Quán Thế Âm. Vào niên hiệu Vạn Lịch, nhà Thanh, năm Nhâm Dần, ông mắc phải chứng bệnh đàm ứ lên chặn cổ, một giọt nước gần như cũng không thể uống được. Trải qua bảy ngày, sức lực Ông hoàn toàn suy kiệt. Vào giờ Tý đêm ấy, Ông mê man, thần thức Ông thấy mình đang khiêng một chiếc kiệu đi dọc theo bờ con sông lớn, bỗng nhiên trượt chân té xuống nước. Ngay lúc ấy các loài thủy tộc có vây, có mai hiện đến trước mắt và xúm vào đòi mạng. Lúc đó Ông tự nghĩ: chắc là Ta từ nhiều đời đã từng ăn thịt những loài này nên hôm nay mới lâm nạn như vậy. Trong lúc hốt hoảng, đột nhiên Ông cảm thấy dường như có người nắm hai tay mình dắt lên bờ, Ông ngược đầu lên xem thì thấy có một vàng thái dương đỏ thắm lừng lờ trên không trung tựa bên chân núi, Quán Âm Đại Sĩ đang ngồi trên đài sen, trang nghiêm lộng lẫy, lại có Thiện Tài Long nữ hai bên cùng với chim anh vũ và các đồ vật tịnh bình, nhành dương liễu,... như trong các bức tranh Ông thường lễ bái chiêm ngưỡng. Cư Sĩ dùng tay sờ y phục thấy vẫn khô ráo, liền đến trước Bồ tát cúi đầu lễ tạ. Đại Sĩ bèn dạy: “Ông vốn là thiện tri thức chuyển thân, lại thêm thờ Ta chí thành cung kính nên Ta đến đây để cứu Ông, nhưng vì sát nghiệp của Ông quá lớn mới mắc phải chứng bệnh nan y ấy. Vì vậy nếu Ông hoàn toàn không sát sanh nữa thì bệnh của Ông sẽ được lành.” Vương Cư Sĩ thưa: “Kính bạch Đại Sĩ, đây cũng là bản ý của con, con xin thành kính vâng lời răn dạy của Người”. Đại Sĩ lúc ấy nói: “Hiện Ta có thứ đề hồ này cho Ông uống”. Vương Cư sĩ kính cẩn bưng chén đề hồ lên uống cạn. Chén đựng đề hồ ấy giống như pha lê, trong ngoài thông suốt, đề hồ có màu sắc vàng và trong, mùi vị thanh tao không thơm gắt như vị ở thế gian. Uống xong, Vương Cư sĩ cúi đầu lễ tạ Đức Quán Âm thì liền thức giấc, trong miệng vẫn còn hương vị ngan ngát của đề hồ, toàn thân Ông ướt đẫm mồ hôi, chỉ trong giây lát, bỗng cảm thấy thân thể mát mẻ nhẹ nhàng, nơi chỗ tim ngực thấy sáng khoái, cổ họng thông suốt. Người nhà Cư sĩ mang nước cháo đến uống thì khi dùng xong, Ông cảm thấy tinh thần minh mẫn, sức khỏe hồi phục lại như trước. Từ ấy về sau, Vương cư sĩ từ bỏ việc sát sanh, lại tự thân trước tác bộ Ký Linh Giới Sát Trung Ngôn (tức là dùng lời chân thật ghi chép sự linh ứng và lời răn dạy cấm sát sanh của Quán Thế Âm Bồ Tát). *(Trích Từ Tâm Bảo Giám)*

35. Triều nhà Minh niên hiệu Sùng Trinh, năm Tân Ty, tại huyện Đương Đô, có một người từ tỉnh Sơn Đông đến, người này mắc bệnh bại liệt hai chân nên không có phương sinh kế, bèn phải dùng hai tay thay chân lết đi xin ăn trong chợ. Bất hạnh cho Ông, đa số người qua đường trông thấy Ông là người nghèo khổ, tàn tật nên đều khinh khi, xa lánh, ít người giúp đỡ mà nhiều người còn lại buôn lời nhục mạ, khiến Ông rất khổ tâm không thể chịu nổi. Có người thấy vậy mách bảo cho Ông biết: nghe nói ở Am Đường Kiều có một vị Tăng, pháp danh là Thủy Cốc rất giàu lòng thương người. Ông bèn

tìm đến nơi đó để tỏ bày hoàn cảnh và nỗi khổ nhục của mình. Nghe kể xong, Thầy Thủy Cốc ôn tồn khuyên bảo: “Nếu Ông phát tâm xuất gia thì có thể nương nhờ sức đại từ đại bi của Phật gia hộ, nhờ đó có thể có thí chủ phát tâm bố thí”. Người bệnh nghe xong thì vâng lời, thỉnh Thầy Thủy Cốc làm lễ tế độ cho mình và phát nguyện thọ trì trai giới. Từ ấy về sau, Ông nương nhờ nơi cửa Phật, ngày ngày an nhẫn đi khát thực dù bị người hạ nhục, và hoàn toàn không ăn mặn. Thầy Thủy Cốc thấy thế rất thương xót nên dạy Ông hàng ngày chuyên niệm Thánh hiệu của Quán Thế Âm và trì tụng chú Chuẩn Đề. Ông thọ trì hơn hai năm thì vào mùa thu năm ấy, vào lúc ban đêm, Ông nằm mộng thấy một lão bà gọi Ông đến bảo rằng: “Người hãy mau đứng lên”. Ông trả lời: “Tôi là người bị bệnh bại liệt, làm sao đứng dậy được?”. Lúc ấy Ông thấy bà lão đến kéo hai chân Ông thẳng ra, thật lạ lùng là hai chân của Ông không còn bị co quắp như trước nữa. Sáng ngày sau thức dậy thì Ông thấy đôi chân mạnh hẳn lên, chứng bại liệt đã lành hẳn. Ông đi đứng đường hoàng mạnh mẽ, và tự đặt cho mình pháp hiệu là Bán Nhai. Từ ấy trở đi, có nhiều thí chủ phát tâm đến cúng dường và Ông tiếp tục con đường tu hành của mình đến ngày tạ thế. *(Trích Đường Nghi Chi kỳ Cầu thọ)*

36. Ở Dương Châu có một người bị bệnh tê bại đã hơn vài chục năm. Một hôm, Ông đang làm ở bên mé ao thì bỗng nhiên nhặt được một bức tượng Quán Thế Âm bằng sành. Ông vô cùng mừng rỡ bèn đem về rửa tắm thật sạch, xông hương tinh khiết và đem đến Am Đồng Ẩn cúng dường. Hàng ngày lúc canh năm, Ông đến Am đóng chuông thành kính trước tượng Quan Âm và đốt hương, lễ bái. Tu hành cần khổ như vậy trong suốt năm năm thì một hôm, Ông nằm mộng thấy có một bà lão đến dùng tay xoa bóp toàn thân, đoạn gọi Ông đứng dậy. Ông trả lời: “Tôi bệnh tê bại làm sao đứng lên được”. Bà cụ bèn nói: “Không sao, Hôm nay người đi được rồi.” Ông giật mình thức giấc, khi bỏ chân xuống giường thử đứng lên thì thật linh nghiệm, hai chân Ông đã mạnh và cứng lên, Ông mang dép vào và đi như người thường. Quá xúc động trước lòng Từ bi vô lượng của Quan Âm Bồ Tát, Ông liền đến Am Đồng Ẩn xin xuất gia làm Tăng. Lúc bấy giờ có huyện lệnh Thái Phó ở Giang Tô, là người rất kính tin sự cứu khổ của Quán Âm Đại Sĩ, nghe chuyện của Ông thành tâm cần khổ tu niệm nên phát tâm kiến tạo một ngôi Tịnh thất rất trang nghiêm đề hiệu là Tồn Tế. Trong Tịnh thất ấy, vị quan có cúng dường tượng của Quán Thế Âm Bồ tát và từ ấy trở đi Ông suốt đời ở đó tinh tấn tu hành. *(Trích Giác Thế Kinh thuyết chúng)*

37. Triều nhà Minh, niên hiệu Sùng Trinh, năm thứ 11, nhằm năm Mậu Dần, ở tại Dương Châu có một vị Tăng hiệu là Thủy Kế. Từ lâu Thầy đã bị chứng đau lưng rất nặng, ngày đêm bệnh tình hành hạ làm Thầy rên la khổ

sờ, đến hơn một tháng sau thì bỏ luôn ăn uống. Có một vị đồng tu từ xa đến thăm thấy thế nói với Thầy: “Tôi nghe thường ngày Thầy khuyên mọi người chuyên niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm, hôm nay chính Thầy bị nạn sao không nhất tâm quy mạng Đại Sĩ để cầu xin đức đại từ đại bi của Ngài cứu độ để thoát được chứng bệnh này”. Thầy Thích Thủy Kế nghe lời nói của người bạn đồng tu thì tỉnh ngộ. Thầy lập tức nhờ người sắm hương đăng, hoa quả để cúng dường và chuyên tâm trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát không dứt. Đến lúc canh tư, đại chúng không nghe tiếng trì niệm của Thầy nữa, lấy làm lạ, liền sanh nghi Thầy đã tắt hơi nên mở cửa phòng vào xem thì thấy Thầy đang ngủ ngon giấc nên đồng trở ra để Thầy yên giấc. Đến chiều, bỗng mọi người nghe tiếng Thầy gọi lớn: “Tôi đói quá, xin mau làm cơm cho tôi ăn”. Mọi người đem cơm đến cho Thầy dùng. Sau khi dùng xong, Thầy bước xuống giường đi đứng bình thường và không còn đau đớn nữa. Đại chúng thấy vậy kinh ngạc hỏi Thầy duyên cớ gì mà bệnh lại mau lành nhanh như vậy. Thầy thành thật kể lại: “Lúc đầu khi Tôi mới niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì thấy người đau nhức như bị dao cắt, một lúc sau thì thấy có một vầng mây đỏ hiện ra trong không trung và Quan Âm Bồ Tát đứng trên vầng mây đó, Ngài dùng nước cam lồ trong bình rưới trên đầu Tôi. Trong giây lát, Tôi cảm thấy mát mẻ từ đầu xuống tới chân, ngấm vào tận xương tủy, toàn thân ướt đẫm mồ hôi. Sau đó Tôi ngủ mê mết, khi thức giấc thì thấy bụng đói cồn cào, bây giờ khi dùng cơm xong thì thấy trong người khỏe khoắn lạ lùng, cảm giác đau ở lưng đã không còn nữa. Thật là sự nhiệm màu không thể tưởng tượng được.” *(Trích Quán Âm Trì Niệm Kỳ)*

38. Triều nhà Thanh, Phật tử Bành Xích Mộc có người cháu dâu là Đào Thị, bị chứng bệnh sưng lá lách như bướu, chạy chữa khắp nơi nhưng không hiệu quả. Đào Thị liền phát tâm chí thành cung kính trì niệm Chú Đại Bi. Một đêm nọ, Cô nằm mộng thấy có một bà lão đem đến trao cho Cô một cành hoa thật đẹp. Cô vui mừng nhận lấy, ngay tức khắc Đào Thị liền cảm thấy thân tâm mình nhẹ nhàng như chiếc lá, tưởng chừng có thể bay được. Khi thức dậy, Cô cảm thấy cơn bệnh không còn hoành hành nữa, từ ấy bệnh tự nhiên lành hẳn. *(Trích Nhứt Hạnh Cư tập)*

39. Triều nhà Thanh có Phật tử Tạ Trọng Hoa là người có tâm sùng kính ngôi Tam bảo. Ông có một đứa con gái còn ở trong nôi nhưng mắc chứng bệnh thời dịch đến mức hôn mê thác loạn, chứng bệnh ngày một trở nên nặng và không có phương pháp gì chữa trị. Đang lúc lo âu bối rối, Trọng Hoa bỗng nhớ đến Quán Thế Âm Bồ tát đại từ đại bi tầm thỉnh cứu khổ, phổ độ chúng sanh, nếu có chúng sanh nào chí thành lễ bái, trì niệm Danh hiệu Ngài chắc chắn sẽ được linh ứng. Ông liền nhất tâm thành kính lễ bái xưng niệm

Danh hiệu của Bồ Tát, lại nguyện ấn tống Kinh Quán Âm nghìn quyển. Đứa con gái bị bệnh, đêm ấy được ngủ yên và đến sáng ngày thì bệnh hoàn toàn lành hết. *(Trích Hải Nam Nhứt Chưốc)*

40. Triều nhà Thanh có Phật tử tên là Như Lâm thường kể cho mọi người nghe chuyện lúc bình sinh của thân phụ Ông. Nguyên cụ Ông là một người nhân hậu tánh tình cương trực, thích làm các thiện sự và ưa bố thí. Hằng ngày, thân phụ của Ông thường cúng dường, lễ bái trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm rất kiên thành. Đến khi hơn 40 tuổi thì bỗng mắc chứng bệnh cổ trướng, bụng nổi gân xanh chằng chịt như có người dùng dây quấn quanh cái trống trống rất đáng sợ, người nhà tìm thầy thuốc khắp nơi đều không khỏi. Một ngày nọ, thân phụ Ông nằm mộng thấy có một bà lão tay cầm một cây kim, đến bảo thân phụ Ông rằng: “Bệnh nhà ngươi rất nặng, ngồi cũng khó khăn chớ đừng nói chi đi đứng, tuy nhiên hôm nay Ta sẽ giúp cho ngươi đi lại một cách dễ dàng”. Dứt lời thì Bà dùng kim khều những sợi gân trong bụng Ông ra, khều hết sợi này đến sợi khác, sau đó dùng kéo kéo bết cắt tất cả gân ấy vứt bỏ đi. Thân phụ Ông lúc ấy sợ hãi kêu la rồi giật mình thức dậy. Người nhà chạy đến hỏi nguyên do thì thân phụ Ông bèn kể lại câu chuyện trong mộng, ai nấy đều kinh ngạc. Đến sáng thức dậy thì thấy bụng của thân phụ Ông nhỏ lại như người bình thường, những gân xanh nơi bụng quả nhiên không còn, chứng bệnh cổ trướng lành hẳn, và cụ Ông đi đứng như bình thường. *(Trích Miền Giới thuyết Yếu Luận)*

41. Triều nhà Thanh, Hà Thế Kiệt là người ở huyện Sơn Âm, tỉnh Chiết Giang. Đến niên hiệu Càn Long thứ mười ba, vào tháng 9 thì bỗng nhiên mắc chứng bệnh sâu cổ (đây là chứng bệnh do ăn phải độc chất từ loài độc trùng. Người ta chế thuốc độc này bằng cách nhốt các loại độc trùng như rắn, rít, bò cạp, cùng nhau để chúng tàn sát nhau, con nào còn sống sót thì bị giết chết, sau đó đốt thân tan thành tro tạo thành dạng bột. Chất bột cực độc này nếu bỏ vào đồ ăn, thức uống của người mà kẻ chủ mưu muốn hãm hại thì người ăn trúng độc nếu không chết ngay lập tức thì cũng mắc phải các chứng bệnh không thể chữa trị được). Mẫu thân của Thế Kiệt là Điền Thị ngày đêm chí thành lễ bái ở trước tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và xưng niệm danh hiệu của Ngài, Bà lại phát nguyện tụng kinh Cao Vương (*) một nghìn biến, ấn tống 1,200 quyển Kinh này, đến tháng 3 năm sau, chứng bệnh sâu cổ của Thế Kiệt hoàn toàn hết hẳn. *(Trích Quán Âm Linh cảm lục)*

(*) Cao Vương Kinh còn gọi là Cao Vương Quán Thế Âm Kinh

Đời Đông Ngụy, niên hiệu Thiên Bình, người ở xứ Cao Vương, cảm được sự linh ứng của đức Quán Âm trong Kinh Quán Âm, nên gọi là Cao Vương Kinh. Trong bộ Cao Tăng Truyện, quyển 29 cùng với bộ Pháp Uyển Châu Lâm quyển 25 đều gọi là Quán Thế Âm Cứu Sanh Kinh hay là Cao Vương Quán Thế Âm Kinh. Trong Bộ Phật tổ thống ký quyển 54 gọi là Thập Cứu Quán Âm Kinh. Trong bộ Kê Cổ Lục quyển 2 thì gọi là Cứu Khổ Quán Âm Kinh. Trong tục Cao Tăng truyện, có chuyện Tôn Đức Kính là một Phật tử, thường ngày rất siêng năng, chí thành lễ bái trì niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm. Về sau, bị người bắt và đem nhốt tại ngục ở Kinh Đô. Ông bị tra khảo đánh đập rất tàn nhẫn để ép phải nhận tội mà bọn chúng gán ghép cho Ông. Tôn Đức Kính do không chịu nổi những cực hình tàn ác ấy nên dù không tội vẫn phải nhận tội. Trong lúc bị cực hình đến ngất đi trong ngục thì mộng thấy có một vị Sa môn đến bảo Ông tụng Quán Thế Âm Cứu Sanh Kinh, trong bộ kinh ấy có danh hiệu Phật. Sa môn dặn kỹ rằng phải tụng cho đủ ngàn biến thì mới thoát khỏi nạn tử hình. Khi thức giấc, Đức Kính vâng lời tụng kinh rõ ràng không sai sót, đến lúc gần sáng đã tụng sắp đủ năm trăm biến thì quan Hữu Ty đến bắt trời để đem đi xử trảm. Trên đường dẫn đi, Đức Kính vẫn thành tâm vừa đi vừa tụng. Đến giờ gia hình thì cùng lúc trì tụng đủ nghìn biến. Khi đao phủ cầm dao lên chém thì đao liền gãy thành 3 khúc, ba lần đổi đao đều giống như vậy. Những người chứng kiến tại Pháp trường đều kinh ngạc. Quan Hữu Ty đem sự việc ấy tâu về triều, Quan Thừa Tướng Cao Hoàng cũng dâng biểu lên Hoàng thượng triều Ngụy xin tha tội chết cho Đức Kính. Hoàng thượng chuẩn tấu tha chết cho Đức Kính, lại hạ chiếu truyền cho Đức Kính phải cố gắng viết Kinh để phổ biến khắp mọi nơi để cho toàn dân trong nước đều trì tụng. Hiện nay, Kinh này được gọi là Cao Vương Quán Thế Âm Kinh.

42. Triều nhà Thanh có người tên Diệp Kiến An bị bệnh sốt rét rất nặng. Mỗi khi lên cơn sốt và cơn lạnh hoành hành thì khổ không kể xiết, chứng bệnh ngày càng nặng mà không thầy nào chữa được. Kiến An vô cùng lo luồn, nghĩ rằng chắc không qua khỏi. Một ngày nọ, Ông bỗng nhìn thấy trên giá sách có quyển Đại Bi Chú, trong tâm phát khởi niệm: người ta thường nói trong thế gian không gì linh nghiệm và quý báu bằng Phật Pháp, vậy nếu nay Ta trì tụng chú này, chắc sẽ được giảm bớt bệnh khổ. Sáng hôm sau, Ông đến trước Phật đài, đốt hương thành kính lễ bái cầu nguyện phát thệ chuyên tâm trì tụng Chú Đại Bi. Trong ngày ấy, chứng sốt rét bớt hẳn và dần dần thân thể Ông khỏe mạnh trở lại như xưa. *(Trích Khuyển Giới Lục)*

43. Triều nhà Thanh, Vương Ngự Đương tự thuật lại như sau: Vương Kính Tổ người ở tại Bảo Đê, quận Kinh Triều, lúc lên 17 tuổi thì đôi mắt bị mù. Kính Tổ phát nguyện hàng ngày thành tâm trì tụng Thần Chú Bạch Y và danh hiệu Đức Quán Âm. Đến niên hiệu Khang Hy, vào đêm 26 tháng 4 năm Kỷ ty, Kính Tổ nằm mộng thấy một phụ nữ mặc áo lụa trắng, dùng tay vạch mắt trái của Kính tổ, rồi dùng chiếc kèm nhỏ kẹp cho gân lòi ra chừng một tấc, tiếp theo lại vạch mắt phải ra rồi cũng dùng kèm làm như vậy. Sau đó, người phụ nữ bảo Kính Tổ rằng: “Mắt của ngươi đã hết bệnh rồi”. Sáng hôm sau thức dậy, Kính Tổ rất vui mừng vì đã nhìn thấy mọi vật rõ ràng như lúc chưa mù. Từ đó, đức tin của Kính Tổ càng sâu dày, tụng niệm càng tin tắn hơn. Cả gia đình Anh sau đó đều nguyện trì chú Bạch Y rất tinh tấn, cúng dường Đại Sĩ rất kiên thành. Chiết An Thiên Sư là bậc Cao Tăng ở Bồng Sơn là người biết rõ việc này nên đã trước tác chuyện Vương Kính Tổ, ghi lại sự tích này để rộng khuyến hóa mọi người trì tụng Chú Bạch Y để được nhiều lợi ích. *(Trích Cư Di Lục)*

44. Triều nhà Thanh có Phật tử tên là Đinh Triều là người rất tin tưởng Phật pháp. Ông thường kể cho mọi người nghe về chuyện Bà nội của mình. Bà nội của Ông là Khổng Thái Quân, hai mắt bị mù đã 20 năm. Vào niên hiệu Càn Long nhà Thanh, lúc mùa Xuân năm Nhâm Tý, mọi người trong nhà đang vui vẻ đón mừng năm mới thì bà lão rất buồn khổ, tâm trạng giống như là người bị nhốt trong ngục tối. Quá buồn tủi, Bà nói với đứa cháu nội: “Triều ơi, Nội không thấy gì cả, sống mà như đã chết. Nội chỉ mong sao Trời Phật chỉ cho một con mắt của Nội được sáng thôi để nhìn thấy mọi người xung quanh thì cũng được mãn nguyện trước khi chết rồi.” Triều nghe bà Nội nói thì tron g lòng rất xúc động, rưng rưng nước mắt thưa với bà rằng: “Nội đừng quá bi quan! Con nghe rằng Thần Chú Đại Bi rất linh nghiệm, người nào bị bất cứ tai nạn bệnh khổ nào mà thành tâm trì tụng, chắc chắn mọi sự đều được như ý nguyện. Nhưng con nghĩ Thần chú này rất nhiều chữ nên con dạy Nội cũng sẽ lâu thuộc, chi bằng Nội hãy chuyên tâm thành kính trì niệm 7 chữ Thánh hiệu “**Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát**” thì con chắc rằng mắt Nội sẽ sáng lại.” Bà nghe cháu nội của mình nói xong thì sanh tâm thành kính, ngày đêm kiên thành trì niệm Thánh hiệu Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát không gián đoạn. Chưa được một tháng thì con mắt của Bà quả nhiên sáng lại như xưa, Bà tự nhìn được những đường chỉ tay trên bàn tay rất rõ ràng. Một hôm, Bà bảo tất cả con cháu trong nhà và gia nhân đến đứng dưới lầu, bà đứng trên lầu nhìn xuống nhận diện từng người một rồi vô cùng hoan hỉ khi thấy rõ tất cả. Bà nói: “Hai đứa cháu dâu về nhà này đã lâu mà Già chưa biết mặt, hôm nay luôn cả cháu chắt đều đủ mặt, Ta có thể trông thấy rõ từng mảng tóc vá trên đầu của chúng. Sự việc này nếu không

phải sức đại từ đại bi của Quan Âm Bồ Tát thì không ai có thể giúp cho Ta được.” Sau đó, Bà bảo Đinh Triều viết lại câu chuyện của Bà và khắc bản lưu bố các nơi để giúp mọi người tăng thêm lòng tín ngưỡng với Đức Quan Âm Đại Sĩ. *(Trích Quán Thế Âm Trì Nghiệm ký)*

45. Tại Lâm Giang có Phật tử tên Đinh Triệu Hy thường đi buôn bán ở đất Thục. Mẫu thân của Triệu Hy là Diệp thị ở nhà bị liệt hai chân rất là đau khổ, chạy chữa mãi vẫn không hết. Triệu Hy ở xa nghe tin dù, tâm luôn hướng về Mẹ già ở quê nhà, nhưng không biết phải làm sao nên chỉ biết thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại sĩ cầu xin cho bệnh của Mẹ mau lành. Ít lâu sau, có người ở trong làng của Ông đến đất Thục, Triệu Hy hỏi thăm mới biết mẫu thân của mình nhờ sức Từ bi của Đại sĩ linh ứng hiển hiện trong dream mộng nên bệnh được lành. Theo người này kể lại, đúng vào ngày Ông đang trì niệm Thánh hiệu Quan Âm thì Mẹ Ông ở nhà mộng thấy Đức Đại Sĩ đến dùng nước cam lộ rưới lên đôi chân Bà. Sáng ngày tỉnh giấc thì Bà cảm thấy đôi chân có cảm giác trở lại, sau đó bà đứng lên đi lại được như bình thường. Thế mới biết nhờ tâm thành cầu khẩn của Triệu Hy, dù đường xa vài nghìn dặm, có cảm liền có ứng nên Mẹ ông được hết bệnh. Qua năm Đinh Dậu, Triệu Hy hồi hương nhằm ngày sinh nhật lục tuần của mẫu thân, Ông tắm gội sạch sẽ, thực hành trai giới, thanh tịnh phát nguyện chí thành cung kính tụng kinh Phổ Môn 100 biến để cầu nguyện cho mẫu thân được khang kiện. Quả nhiên, về sau mẫu thân của Ông tuy lớn tuổi nhưng thân hình vẫn tráng kiện, tinh thần minh mẫn, hường thọ cao niên. Riêng Triệu Hy thì việc làm ăn cũng phát đạt, mọi việc đều như ý. *(Trích Khuyến giới thiết yếu lục)*

46. Tại xứ Triều Châu, tỉnh Phước Kiến, có người họ Vương, từ lúc niên thiếu đã bị bệnh mắt gần như mù. Bấy giờ, có một vị Tăng nhân thương xót tình cảnh cậu bé nên đến khuyên Cậu nên cung kính chí thành trì tụng Bạch Y Thần Chú vạn biến thì bệnh sẽ tự lành. Cậu bé vâng lời, cố gắng chuyên tâm trì tụng đến số 10,000 biến thì đôi mắt của Cậu không người chữa trị thì tự nhiên sáng lại. Lúc lớn lên, vào một dạo nọ, Cậu lại bị người ác tâm vu khống nên bị kết tội vào trọng án. Trong lúc bị tù đầy thì ngày đêm, Cậu vẫn hết lòng thành kính trì tụng Chú Đại Bi. Một thời gian sau, Cậu được quan huyện xét lại sự việc và cho được trắng án. Về sau họ Vương được bổ nhiệm làm quan tri huyện, Ông hết sức tín ngưỡng thần lực của Đức Quan Âm nên cho người khắc bản Thần Chú Bạch Y và ấn tống, lưu truyền khắp nơi. Ông cật lực khuyến hóa dân trong huyện đồng phát tâm sâu dày với Tam bảo và trì tụng Thần Chú Bạch Y để được nhiều lợi lạc. *(Trích Bạch Y Thần Chú Thiên sự)*

47. Vương Đạo Hạnh ở Giang Lăng, là người hay say sưa chè chén. Một hôm sau khi uống say, trên đường về nhà, chân bên nọ đá bên kia, quơ tay dậm chân mềm kêu la làm nhảm, thì không may Anh trượt chân té xuống vực núi cao, bị gãy lưng, may nhờ những người đi ngang qua giúp đưa về nhà. Gia đình đi tìm rước Thầy thuốc giỏi đến điều trị nhưng không thuyên giảm chút nào. Đạo Hạnh phát nguyện tụng kinh Phổ Môn một năm nhưng bệnh vẫn y nhiên, không thuyên giảm, nên trong ý tự nghĩ là Kinh không linh nghiệm nên không muốn tụng nữa. Đêm ấy, Anh ta nằm mộng thấy một Thần nhờn đến quờ trách: “Nhà ngươi tụng kinh mà tâm hoàn toàn không chí thành, chỉ y theo văn tự mà tụng cho lấy có, thế mà lại còn hờn trách Kinh không linh nghiệm. Sao không tự xét lại bản tâm mình.” Giật mình thức dậy, Đạo Hạnh vô cùng hối hận, từ ấy quyết tâm gột rửa tạp niệm trong tâm, kiên thành trì tụng. Trải qua hai tháng, Anh lại nằm mộng thấy vị Thần nhờn trước kia đến dùng tay vỗ vào lưng. Lúc giật mình thức giấc thì thấy lưng đã thẳng, không còn đau nhức, có thể đứng lên đi lại và mạnh khỏe như trước. Bấy giờ lòng tin của Anh càng sâu dày, trì tụng Kinh càng tinh tấn, vợ của Anh hơn 40 tuổi mà chưa có con, nay nhờ Anh trì tụng Kinh đã liên tiếp sanh hai đứa con trai trong hai năm. *(Trích Quán Thế Âm linh nghiệm ký)*

48. Tại Khuy Châu có người tên Thanh Vân, lúc tráng niên bị bệnh rất nặng, không thể ngồi được. Ông liền phát nguyện ấn tống một nghìn quyển Kinh Quán Âm. Đêm hôm ấy, Vân nằm mộng thấy hai vị thần nhờn, một vị bụng bồng bồng, một vị cầm dao, đến mổ bụng Ông rồi lấy nước trong bồn rửa các bộ phận trong bụng Ông thật sạch. Vân sợ hãi giật mình thức giấc, toàn thân toát mồ hôi ướt đầm, đến sáng hôm sau thì bệnh được lành hẳn. Từ ấy thân thể khỏe mạnh, da dẻ hồng hào, tinh thần tráng kiện, Vân chuyên tâm trì tụng Kinh Quan Âm và tinh tấn tu hành đến suốt đời. *(Trích Hải Nam Nhứt Chước)*

49. Trong Lời tựa của Bộ Nam Hải Từ Thuyền, Phật tử Tự Cảnh Hiền tự thuật lại câu chuyện như sau: “Hiền này trước kia đã cho rằng trong Phật giáo thường nói tụng kinh được phước là điều không có, chỉ là do những người trong Phật giáo đặt điều mà nói. Sau đó Tôi tình ngộ và thấy mình hoàn toàn sai lầm khi nghĩ như vậy, nguyên nhân giúp Tôi giác ngộ là do câu chuyện sau: Tôi cưới vợ đã hơn 8 năm nhưng vẫn không có con, cha mẹ vợ bảo vợ tôi phát nguyện ấn tống Kinh Quán Âm và trì trai Quán Âm thì sẽ thấy sự linh nghiệm. Vợ tôi vâng lời thực hành theo lời chỉ bảo thì sau đó nằm mộng thấy điềm lành và có thai. Lúc sắp sanh thì lại mộng thấy một bà lão mang trao cho đứa bé bảo đặt tên là Tích. Đến lúc sanh cháu bé vì thấy

giác mộng đã ứng nên vợ tôi đặt tên đứa bé là Tích. Mặc dù vậy, Tôi vẫn mìa mai chê cười không tin, cho là sự huyền hóa. Liên tiếp sau đó, trong nhà Tôi, mỗi khi ai bị tật bệnh tai nạn, gia đình đều thành tâm cầu đảo Đức Quan Âm thì đều được ứng nghiệm rõ ràng, nhưng Tôi vẫn ngoan cố, bán tín bán nghi cho là không có sự linh nghiệm. Đến năm Giáp Tuất thì đứa con thứ hai bị bệnh thổ tả, cho uống thuốc vào thì ói ra, nhìn đứa bé tứ chi rủ rượi, nằm thiêm thiếp trên giường khó bề qua khỏi, mẫu thân tôi vì quá thương cháu ngày đêm khóc than, chính tôi cũng không cầm được nước mắt và không biết cầu cứu nơi đâu. Lúc ấy Tôi mới đến trước Quán Âm Đại Sĩ, chí thành cầu đảo, thành tâm sám hối lỗi lầm đã bán bỏ lòng tin của những người tin tưởng Đức Đại Sĩ trước kia. Tôi lại phát thệ nguyện biên tập Bộ Nam Hải Từ Thuyền để chữa bỏ lỗi xưa và thực hành tất cả các thiện sự. Vừa cầu nguyện xong thì chứng thổ tả của con tôi đột nhiên giảm sút, đứa trẻ bắt đầu đòi ăn. Có điều lạ là vợ tôi trước đó vì buồn lo do bệnh của con, bỏ ăn vài ngày nên sữa đã tắt, thế mà sau khi Tôi cầu nguyện và lập thệ thì tự nhiên sữa lại có trở lại thật nhiều. Chứng kiến sự linh nghiệm rõ ràng này, Cảnh Hiền này tự hận mình vì phước đức thiếu bạc, bị vô minh che lấp nên không có tín tâm với Phật pháp, lại còn dám cả gan bắt chước bọn cuồng huệ si mê, sanh tâm chê bai, bài xích việc tụng kinh cầu phước trong Phật pháp cho đó là điều hư dối. Tội lỗi ấy nói không kể xiết nhưng than ôi! sự việc đã rồi, có hối hận cũng chẳng làm sao được nên nguyện dùng chút tâm thành này mà biên tập lại bộ Nam Hải Từ Thuyền này để khắp khuyến hóa mọi người, phát tâm hướng về đức Quán Âm Đại Sĩ để được nhiều phước lạc. Khi biên tập xong thì nguyện khắc bản in thành tập, thành kính ghi lại duyên khởi nói trên để những vị xem bộ sách này được rõ. *(Trích Nam Hải Từ Thuyền)*

50. Tại Kinh Sơn có người tên Vạn Văn Ngọc là Phật tử rất tin tưởng vào thần lực của Quan Thế Âm Bồ Tát, Ông tự thuật lại sự linh ứng của Đại Sĩ như sau: Tôi thành kính trì tụng Thần Chú Đại bi thần chú và tâm Kinh, sự linh nghiệm không sao nói hết được. Những khi gặp nguy hiểm thì hóa thành cát tường, lại có cả việc cải tử hồi sinh. Sự việc này chính tôi đã trải qua. Lúc thân sinh của tôi bị bệnh nặng, người nằm thiêm thiếp trên giường, thân thể lạnh buốt, tất cả hậu sự lo cho Cha, Tôi đều đã chuẩn bị sẵn sàng. Những giờ phút cuối cùng này khiến lòng tôi đau như cắt, nước mắt tuôn rơi như mưa, Tôi đến trước tượng Quán Âm Bồ Tát chí thành đảnh lễ, đoạn qui xuống thành kính tụng Đại bi thần chú. Vừa xong một biến thì Thân sinh của tôi hơi ấm dần trở lại, nói năng cử động trở lại như thường, sau đó thì đòi ăn uống và vài ngày sau thì được khỏe mạnh an ổn như thường. Quả đúng là “Phật tử quảng đại vô lượng vô biên” - câu tán thán ấy đúng như thật, không phải lời hư dối. *(Trích Quán Âm Linh Cẩm lục)*

51. Phật tử Lưu Sơn tự thuật về sự linh cảm của Đức Quan Thế Âm như sau: “Bản thân Tôi vào mùa Đông năm Nhâm Thìn may mắn được gặp Bộ Sách Viên Công Liễu Phàm Tứ Huấn và truyện Du Công Tịnh Ý ngộ Táo Thần Ký (*). Sau khi đọc xong, lòng khởi niệm sự thâm tín về lý thiên đạo, phước thiện, họa dâm (tức là sự may mắn cát tường, rủi ro, tai họa của đạo lý thiên nhiên hay còn gọi là Luật Nhơn quả), Tôi nhận thức được rằng số mạng là do mình tự lập, phước đức cũng do mình cầu nên lòng Tôi rất vui vẻ. Đầu năm Quý Ty, Tôi tự thảo sớ sám hối tội lỗi, lại mỗi ngày phát nguyện quỳ trước Phật đài, trì tụng kinh Phổ Môn, chú Chuẩn đề... để cầu nguyện cho mẫu thân được sống lâu. Ngoài ra, với các thiện sự giúp người, lợi vật, Tôi đều hoan hỉ phụng hành. Mẫu thân Tôi từ lâu mắc phải chứng bệnh đàm hỏa khí, đến năm nay lại bị tái phát liên miên và có chiều hướng nặng hơn trước. Mẫu thân gọi tôi đến bảo rằng: “Mẹ mang chứng bệnh này đã 31 năm, trước kia bệnh không đến nỗi nhiều, mỗi khi phát bệnh liền lành, nhưng có một điều Mẹ không hiểu vì sao từ lúc con phát nguyện lễ Phật, tụng kinh chú thì bệnh của Mẹ càng thêm nặng, không lẽ Già này bạc phước không thể thọ nhận được công đức ấy hay sao?” Vừa nghe qua mấy lời ấy, tôi đau đớn nghẹn ngào, hai dòng lệ tuôn rơi, quỳ dưới chân Mẹ thưa rằng: “Thưa Mẹ, con nghĩ là lỗi ở con, vì tâm của con chưa đến mức chí thành, vọng tưởng chưa trừ diệt nên sự cầu nguyện chưa đạt kết quả.” Nói rồi, Tôi liền từ giã Mẹ đến trước Phật đài đốt hương cúng dường lễ bái, nước mắt tuôn rơi, năm vóc sát đất, cầu Phật chứng dấm, quyết thệ trừ vọng niệm và chí thành trì tụng danh hiệu Đức Quan Thế Âm cầu cho Mẹ, được mau lành bệnh. Bấy giờ mẫu thân Tôi đã trải qua năm ngày không ăn uống thì hôm nay bỗng dưng đòi ăn cháo. Đêm ấy, tôi nằm mộng thấy Đại sĩ vẫy tay bảo Tôi đến bên Ngài rồi trao cho Tôi một chén nước đậu xanh bảo đưa cho Mẹ tôi uống. Tôi giật mình thức dậy, vội đến thăm Mẹ thì thật nhiệm màu, bệnh tình Mẹ tôi thuyên giảm hẳn. Độ hơn tuần lễ sau, thì hoàn toàn khỏi hẳn. Thế là căn bệnh kéo dài 31 năm nay của Mẹ tôi đã dứt hẳn, tôi thật vui mừng và càng thâm tín lý cảm ứng và thần lực của Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Từ đó về sau mỗi khi tụng kinh niệm Phật, Tôi đều tụng niệm bằng tất cả tâm chí thành tuyệt đối. (Trích Tín tâm lục)

(*) Dịch giả thành kính y cứ trong Bộ An Sĩ Toàn thư, ở phần cuối quyển thượng, dịch bài văn Du Công Tịnh ý Ngộ Táo Thần Ký, kính hiến cho quý vị để làm chiếc gương báu tự soi.

Triều nhà Minh niên hiệu Gia Tĩnh, tại tỉnh Giang Tây, có vị Tú tài tên Du Công Húy Đô tự Lương Thần, là một nhân vật cao tài bác học đương thời.

Vào năm 18 tuổi, Ông đậu Tú tài. Mỗi lần khảo thí, Ông đều đậu hạng cao. Đến lúc tráng niên, vì nhà quá nghèo nên Ông mở lớp dạy học trò để nuôi sống bản thân, lại cùng các bạn đồng học hơn 10 người kết thành Văn Xương Xã, tự lập ra qui điều như sau:

1. Kính Trọng giấy chữ
2. Thực hành phóng sanh
3. Trừ tuyệt tà dâm
4. Tuyệt đối không sát
5. Sửa lỗi khẩu nghiệp.

Thực hành được khoảng một năm thì Ông trước sau ứng thí Cử nhân cả bảy khoa đều bị trượt, sanh được năm con trai thì chết yếu hết bốn đứa. Đứa thứ ba thông minh tuấn tú phi thường, dưới lòng bàn chân bên tả có hai nốt ruồi được vợ chồng ông cưng quý như ngọc, thì lúc lên tám tuổi khi đi chơi trong xóm tự nhiên mất tích, trải qua nhiều năm tìm kiếm vẫn không tìm ra. Bốn đứa con gái sanh ra sau này cũng chết ba, chỉ còn một đứa. Vợ ông vì buồn rầu thương nhớ các con, ngày đêm thương khóc nên đôi mắt bị mù. Du Công suốt năm lận đận, đảo điên, gia đình ngày càng cùng quẫn. Ông tự xét lại bản thân mình không tạo tội ác gì lớn nhưng không biết tại sao trời phạt ở trong hoàn cảnh thế thảm như thế này. Vì thế, lúc Du Công ngoài 40 tuổi, mỗi năm vào ngày 23 cuối tháng Chạp, tự tay viết sớ giấy vàng đến trước bàn thờ Táo thần lễ bái cầu đảo rồi đốt Sớ để nhờ Ngài tâu cùng Thượng đế.

Thực hành như thế trong vài năm cũng không thấy báo ứng gì tốt. Đến lúc 47 tuổi vào đêm Giao thừa, Du Công cùng với bà vợ mù và cô con gái nhỏ ngồi trong túp nhà tranh quạnh hiu vắng vẻ, nhìn lên bàn Phật không có lấy một thẻ nhang, đôi đèn, trên bàn thờ ông bà không một bình hoa hay đĩa trái cây để cúng rước. Cảnh thế lương tâm, buồn thương này không sao nói hết được thì bỗng nhiên bên ngoài có tiếng gõ cửa, Du Công bưng đèn ra mở cửa thì nhìn thấy một nhân sĩ mặc y phục màu đen, đầu đội khăn đóng, râu tóc hoa râm, nhân sĩ đưa tay vái chào Du Công rồi bước vào nhà ngồi xuống ghế. Vị nhân sĩ này nói: “Tôi đây tên Hộ Trương, từ đường xa về, đi ngang qua đây, nghe trong nhà này có tiếng buồn than nên đặc biệt đến đây để an ủi nhau vậy.” Du Công đối với người khách lạ, tâm sanh cung kính giữ lễ, nhơn dịp này thuật lại lúc bình sinh của mình nào là đọc sách thi học, thực hành thiện sự nhưng đến nay công danh vẫn không toại, lại còn gặp nhiều biến cố long đong, con chết gần hết còn vợ thì bị mù lòa, cơm không no bụng, áo chẳng đủ che thân, liên tiếp bị

khốn khổ. Thời gian gần đây vào mỗi cuối năm đều đốt sớ trước bàn thờ Táo thần để nhờ Ngài tâu đạt việc này lên Thượng đế nhưng vẫn không có kết quả nào.

Ngài Hộ Trương bèn nói: “Tôi biết sự việc này của Ông đã lâu rồi. Thật ra, nhìn bề ngoài thì không có tội ác nào hiện hữu nhưng trong tâm, ác niệm của Ông quá sâu nặng. Ông làm việc lành chỉ chú trọng đến hư danh bề ngoài mà bên trong không phải như vậy. Ông không biết rằng những sớ giấy Ông đốt để nhờ Tôi tâu trình với Thượng đế thì trong ấy toàn những lời oán trách, Tôi sợ rằng nếu tâu lên Thiên đình thì Ông càng bị phạt nặng hơn chứ không phải chùng ấy thôi đâu.”

Du Công vừa nghe vị khách nói thì kính cẩn thưa rằng: “Thưa Ngài, tôi nghe nói trong minh minh làm lành dù một giây cũng có ghi chép, thế thì tôi thệ nguyện thực hành thiện sự, kính phụng theo qui điều đã lâu rồi, đâu có lý nào chỉ là vì hư danh mà thôi?” Vị khách lại từ hòa đáp lại: “Xin Ông hãy nghe kỹ những lời Tôi nói sau đây: quy điều kính trọng giấy chữ mà Ông đã lập, học trò cùng với bạn tri giao của Ông thường dùng giấy đã có chữ, sách cũ cho hồ vào dán cửa sổ, gói đồ vật, thậm chí còn dùng giấy có chữ để lau bàn lau ghế, trong khi làm như vậy thì mượn cơ rằng lau rồi sẽ đem đi đốt không để cho nhơ. Sự việc ấy chính Ông nhìn thấy mà không hề nhắc nhở răn dạy, Ông chỉ gặp những giấy chữ vứt bỏ ở vệ đường rồi nhặt lên đem về đốt thì làm thế có ích gì đâu?”

Trong Văn Xương xã có vạch rõ quy điều thực hành phóng sanh, mỗi tháng phải có, thế mà Ông không thực tâm chăm chú làm. Nếu có người làm thì Ông phụ họa theo cho có, nếu mọi người không thực hành thì Ông cũng bỏ qua. Ông nên biết vì sao phải phóng sanh? Ấy là vì tâm từ bi thương xót chúng sanh, không nỡ để chúng phải vào trong chảo nước sôi hay bị bằm xắt trên dao thớt, chết một cách thảm thê. Trong nội tâm của Ông, không hề có một niệm từ bi phát động để làm việc phóng sanh. Hơn thế nữa những loại tôm cua trong nhà trù Ông bắt để dành, chúng nó bị chết thảm quá nhiều. Thưa Ông, các loại vật ấy chẳng phải là sanh mạng hay sao?

Còn nói đến khoản Lia lỗi khẩu nghiệp thì ôi thôi không thể nào nói hết được. Vì tài biện luận của Ông diệu xảo muôn phần nên người nào đàm luận với Ông đều bị khuynh đảo. Những lúc ấy, miệng Ông thốt ra những lời mà nội tâm đều biết rõ là làm tổn thương người khác nhưng do tập quán đã quá quen rồi. Khi đàm luận với người, tùy hoàn cảnh mà Ông thốt ra những lời khinh miệt chê bai, không khác nào lưỡi dao đâm vào người khác, mũi

dao ấy quơ múa đến đâu thì xúc phạm đến quý thần đến đó, những vị ấy ghi chép tâm ác của Ông không sao kể xiết, thế mà Ông vẫn cho mình là nhân hậu. Thưa Ông, Ông đối ai được, chứ làm sao đối Trời cho được.

Giờ đây tôi muốn nhắc Ông về qui điều trừ tuyệt tà tâm. Dù không thực có bên ngoài nhưng khi Ông trông thấy mỹ nữ của nhà người thì khỏi nói, mắt nhìn đăm đăm không biết chán, trong tâm thì rạo rục không thể cản ngăn. Chỉ vì không đủ tà duyên để gần gũi thế thôi, chứ nếu đủ duyên cũng dám phá bỏ qui điều. Xin Ông tự xét lại bản thân mình khi gặp cảnh duyên với sắc đẹp, Ông có thể được như chàng trai nước Lỗ - Liễu Hạ Huệ hay không?, Thế mà dám bảo rằng mình suốt đời không có mộng niệm tà sắc. Thật có thể nói Ông dám đối với Trời đất, quý thần mà vọng ngữ.

Thưa Ông, những điều Tôi vừa lược nói trên chính là từ trong qui điều mà Ông đã phát thệ thực hành mà còn như vậy huống chi là những việc khác. Tôi xin nhắc lại liên tiếp mấy năm, các sớ giấy mà Ông đốt đều được tâu trần ở chốn Thiên đình. Thượng đế sau khi xem xong thì bảo Nhật Du sứ giả (vị thần kiểm soát việc thiện ác trong nhân gian hàng ngày) giáng hạ trần gian để kiểm soát việc thiện ác của Ông. Đã trải qua vài năm rồi, nhưng Ông không có việc lành nào thành thật đáng ghi mà các vị ấy chỉ thấy ở trong nơi tâm, Ông khởi lên các niệm như tham lam, dâm nhiễm, tật đố, dối gạt, cống cao, tự ý, dè bịp khinh người, mơ tưởng dĩ vãng, mong mỗi tương lai sẽ được trả thù trả oán,... Các niệm ấy hiện rõ trong tâm Ông không thể nào ghi hết cho được, chư thần ghi chép quá nhiều nên tôi chắc Thượng đế sẽ phạt Ông càng nặng. Tai họa Ông trốn còn không được huống chi là mong cầu phúc báu.

Du Công nghe khách nói xong thì kinh ngạc hãi hùng, toàn thân rợn ốc, liền dập đầu sát đất, nước mắt tuôn rơi rồi thưa rằng: “Thưa Ngài, Ngài đã biết hết tất cả việc khuất lấp trong tâm Tôi mà người thế gian không biết được thì chắc chắn Ngài là một đấng thiện thần đáng tôn kính, cúi xin Ngài thương xót cứu hộ cho tôi.” Vị khách nói: “Ông là một người học vấn quảng bác, đọc nhiều sách lại hiểu rõ lẽ nghĩa, biết kính trọng việc lành và ưa thích làm điều thiện. Khi nghe lời thiện hay thấy một việc lành thì Ông vui mừng hớn hờ, khuyến khích cổ vũ người khác thực hiện, nhưng có điều qua rồi thì quên mất, do tính căn Ông không thâm sâu vì thế tâm tính không được bền vững. Bình sinh với lời nói lành, việc thiện đều chỉ là phù phiếm, không có việc nào là chắc thực, hơn thế nữa, do nội tâm Ông đầy ác ý, những thứ ấy dấy đầy triền miên, khi ẩn khi hiện, thế mà Ông trách tại sao Trời không ban cho quả báo tốt. Sự việc ấy khác nào trồng gai cỏ khắp

ruộng mà mong mỗi sē thu hoạch được lúa thóc, hoa trái, đây nếu không là sự si mê thì cũng là sự lầm lạc to lớn vậy. Tôi mong Ông từ nay trở đi, khi nào trong Tâm có những vọng tưởng tạp niệm như tham lam, dâm dật dấy lên như Tôi đã vừa nói thì Ông phải đủ dũng mãnh mà diệt trừ cho đến khi nào thật sạch không còn một niệm xấu nào, phải cố gắng làm sao trong tâm niệm luôn hướng về một khía cạnh thiện pháp mà thực hành. Nếu đối với tất cả thiện sự, có thể làm được thì phải cố gắng dũng mãnh mà làm. Có điều cần lưu ý là khi thực hành thiện sự thì đừng mong cầu quả báo, cũng đừng mong cầu hư danh. Tất cả những thiện sự ấy bất luận lớn hay nhỏ, khó hay dễ phải thật tâm mà làm, lấy tâm nhẫn nại mà làm. Nếu tự mình không đủ năng lực làm được, thì phải cầu khẩn thiết tha, khiến cho thiện tâm ấy viên mãn. Thứ nhất là phải có tâm nhẫn nại, thứ hai là phải có tâm vĩnh cửu thường hằng, không được biếng lười và không được tự dối. Cố gắng thực hành cho lâu thì tự nhiên sẽ có sự hiệu nghiệm không thể lường. Ông là một vị học vấn cao thâm, cần gì Tôi phải nói dài dòng. Tôi chỉ lấy ví dụ như khi làm ruộng, người ta phải cấy lúa 4 tháng mới gặt hái nhưng làm vườn thì phải 5-7 năm mới thu hoạch hoa trái. Thưa Ông, trong nhà này Ông thờ phụng hết sức thành kính thanh khiết, vì thế Tôi đặc biệt đến đây để nhắc nhở Ông, vậy xin Ông cố gắng thực hành thì chắc chắn có thể chuyển đổi thiên ý”.

Dứt lời thì vị khách đứng dậy, tiến vào nhà trong, Du Công cũng đứng dậy đi theo, vừa đến nơi bếp bỗng nhiên không thấy vị khách ấy nữa. Bấy giờ, Du Công mới biết vị khách ấy chính là vị Táo Thần, liền đốt hương cúi đầu tạ lễ. Qua ngày hôm sau tức là ngày Nguyên Đán, Du Công đặt bàn hương án giữa trời, lễ bái cầu đảo thiên địa thánh thần và phát thệ cải hối. Từ ấy, Ông cố gắng thực hành thiện sự, tự lấy biệt hiệu là Tịnh Ý Đạo Nhơn, thề quyết trừ các vọng tưởng. Những ngày đầu mới thực hành, tạp niệm vẫn lăng xăng chờ dịp hiện khởi, nếu không là ý nghĩ nghi ngờ thì cũng là tư tưởng biếng nhác làm cho thời gian vàng ngọc trôi qua mà mọi thứ vẫn như cũ. Du Công càng thấy tự hổ thẹn và hận mình tại sao không làm chủ được mình. Nhân trong nhà từ trước có cúng dường Đức Quán Âm Đại sĩ, Du Công bèn đối trước Bồ tát, thành tâm lễ bái, nước mắt tuôn rơi, cầu xin Bồ tát từ bi gia hộ. Sau khi lễ bái, Du Công thành tâm cung kính phát nguyện: “Duy nguyện Bồ tát thù từ mình gia cho con thiện niệm chơn thuần, thiện lực tinh tấn, từ đây nếu như con may có một niệm tự dung thứ thì xin vĩnh viễn đọa địa ngục, thọ kịch khổ để cho chừa tội biếng nhác tự dung.” Từ đó, mỗi ngày sớm mai thức dậy, Du Công súc miệng, rửa mặt, y phục chỉnh tề, chí thành lễ bái đức Quan Âm rồi cung kính quỳ trước Phật đài, trì niệm Thánh hiệu của Đại từ Đại bi Cứu khổ

cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát 108 biến để cầu xin Bồ tát thù từ mình gia. Cũng từ đây, mỗi lời nói, một động niệm, mỗi giờ mỗi phút đều coi như có quý thần bên cạnh, không dám tự dối, buông lung. Với các thiện sự giúp người lợi vật, dù lớn hay nhỏ, người biết hay không biết, bản thân mình đang bận rộn hay rảnh rỗi, có năng lực để tiếp tục hay không, Ông đều sẵn sàng hoan hỉ mà làm và tìm nhiều phương tiện để làm cho bằng được mới thôi. Ông lại siêng vun bồi âm đức và chuyên tâm đọc các Kinh và sách khuyến thiện để trong tâm thường nhớ đến lời vàng của Phật và lời răn dạy của Thánh hiền. Với mọi người, Ông luôn giữ hạnh khiêm nhường nhẫn nhục, gặp người thì đem lý Nhân quả báo ứng khuyến hóa dẫn dắt mọi người không biết nhàm chán mệt mỏi. Mỗi tháng đến ngày 30 thì Ông kiểm điểm lại những việc làm, lời nói trong tháng rồi đến trước bàn thờ Táo thần đốt sớ để nhờ Ngài thượng tâu lên thiên đình. Giữ gìn thực hành đến mức thuần thực, lúc động thì muôn việc dành theo bên mình, lúc tịnh thì để tâm niệm Phật không mong một vọng niệm. Thực hành như vậy trải qua ba năm, bấy giờ Ông đúng 50 tuổi. Vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 2 triều nhà Thanh, năm Giáp Tuất, tại trường thi hội Giang Lang, có quan Trương Giám khảo hỏi thăm các bạn đồng lưu để tìm kiếm một người dạy cho con mình thì mọi người đồng giới thiệu Du Công. Quan Trương Giám khảo vì kính đức hạnh của Du tiên sinh liền rước cả gia đình đến Kinh sư, sau đó lại tiến cử Ông vào làm việc tại Quốc học viện. Vào niên hiệu Vạn Lịch năm thứ tư nhà Thanh, năm Bính Tý, Ông đến Kinh đô dự thi thì liền đậu Cử nhân, năm kế thì đậu Tiến sĩ. Một ngày nọ, Ông đến yết kiến quan Nội giám Dương Công. Dương Công Công bảo năm đưa con nuôi ra lễ bái Du Công thì trong năm đưa trẻ con nuôi từ khắp nơi mà Dương Công Công đem về nuôi, có một đứa trẻ 16 tuổi mà khi Du Công nhìn kỹ thì thấy tướng mạo của nó có phần hơi nghi hoặc. Ông bèn hỏi nó về quê quán thì đứa trẻ cho biết là đã từng ở Giang hữu. Lúc nhỏ đi chơi, bị lạc vào thuyền chở lương thực nên lạc mất gia đình, tên của xóm làng đã ở đều không còn nhớ. Du Công bán tính bán nghi bảo trẻ ấy cởi giày bên tả ra cho xem lòng bàn chân thì quả nhiên có hai nốt ruồi. Du Công liền xúc động tâu với Dương Công Công rằng: “Đây chính là con tôi đã bị thất lạc từ lúc 8 tuổi.” Sau đó kể lại cho Dương Công Công nghe việc con bị thất lạc cho đến nay. Nghe qua, quan Nội giám Dương Công Công rất kinh ngạc và bảo: “Nay nếu Ngài tìm được con thì xin đưa nó về nhà sống với Ngài.” Du Công vui mừng đưa con trở về. Đến nhà, Ông thuật lại mọi sự với phu nhân. Gặp lại Con, Bà tức thì ôm con vào lòng khóc òa, huyết lệ tuôn rơi. Đứa trẻ cũng ôm lấy Mẹ khóc nức nở, khi thấy giọt máu từ mắt Mẹ rớt xuống, nó dùng lưỡi liếm đôi mắt của Mẹ thì bỗng nhiên Bà nhìn thấy lại như trước.

Du Công giờ phút này lòng buồn vui lẫn lộn, không còn một niệm muốn làm quan, Ông trở lại Kinh thành xin từ biệt quan Giám Khảo Giang Lang trở về quê quán. Quan Trượng Giám Khảo vì trọng đức hạnh tài cao của Du Công nên tặng bạc vàng và lễ vật rất hậu hĩnh và cho người đưa về quê. Du Công sau khi về đến quê nhà thì phát nguyện trường trai, tụng kinh niệm Phật, gắng sức thực hành thiện sự nhiều hơn trước. Riêng đứa con trai học hành rất giỏi, lúc đứa con trai thành nhân, cưới vợ thì sanh liền tiếp bảy đứa con đều khỏe mạnh và đều tiếp nối nề nếp của nho gia.

Du Công cảm nhận sự linh nghiệm của công đức tu hành nên sau đó chính tự tay mình viết lại câu chuyện gặp Táo thần và những việc thực hành cải hối tự tâm để răn dạy con cháu. Du Công và vợ Ông khang kiện sống lâu, hưởng thọ đến 88 tuổi. Đương thời tất cả từ quan đến dân mục kích đời sống của Du Công đều ngợi khen tán thán rằng thực hành thiện sự có thể hồi chuyển được nghiệp chướng và thiên ý, nên đều quy hướng về chánh pháp của Như lai để kết quả càng thêm to lớn. Người hậu học đồng xóm là La Tinh đã ghi lại câu chuyện của Du tiên sinh viết để truyền dạy lại cho con cháu đời sau.

LỜI BÌNH: Quý vị đọc truyện Du Công Ngộ Táo Thần Ký nói trên nên lưu tâm điểm này. Du Công có thể nói là người tài đức đương thời, sự học lại sâu rộng, biết trọng đạo nghĩa, ưa thích việc lành, dù chỉ chuộng làm việc lành cho hư danh, không xuất phát từ nội tâm chân thật. Với các tội ác sát đạo, tà dâm... chưa phạm tội thật sự thế mà còn bị Táo thần chỉ trích toàn là tội ác, không một điểm lành đáng ghi. Thật là điều đáng sợ! Nhìn lại chúng ta ngày nay, hãy dùng gương sáng Chánh pháp soi lòng, xem có điều thiện nào chân thật đáng ghi không? Khi đến chùa; cúng dường Tam bảo, lạy Phật tụng Kinh là điều quý hóa vô cùng nhưng có nhiều trường hợp bề ngoài thì như vậy mà trong nội tâm lại không như vậy. Quý vị đến chùa vì theo tư ý của mình, chùa nào có vị Tăng nào thích hợp với mình thì tới lui không chán, cúng dường không sợ tốn hao, nhiều người thậm chí bỏ công ăn việc làm, bỏ gia đình, mỗi ngày đều đến chùa lo Phật sự khiến cho chồng con đối với chư Tăng sanh tâm chán ghét, với Phật pháp thối thất tín tâm. Lại nữa, ý mình cúng dường nhiều rồi sanh tâm ngạo nghễ, khinh miệt người cúng ít. Không ít người còn làm như đến Phật giáo, đi chùa cúng dường gặp những vị Tăng trẻ tuổi thích ý với mình, ban đầu thì còn giữ lễ cung kính theo bổn phận Phật tử, sau đó thì lôi kéo các Tăng ấy hoàn tục, bỏ tu. Kính mong quý vị đọc kỹ lời răn nhắc của Táo thần với Du công mà cố gắng gạt bỏ những điều xấu ác, rèn luyện những điều tốt để khỏi phụ danh Phật tử.

Điểm trọng yếu thứ hai trong câu chuyện này mà chúng ta nên lưu ý là Du Công trước kia sống trong hoàn cảnh điều đứng quẩn bách vô cùng, dù Ông là một người thông minh tài trí, vậy mà đến bữa ăn, không có được chén cơm, đĩa rau. Nhờ gạt bỏ những xấu xa, cấu uế trong tâm, nhất quyết tiến bước trên con đường phước thiện, gắng sức làm thiện sự, giúp người lợi vật, đã chuyển từ hoàn cảnh bần hàn khổ nhục sang phú quý hiển vinh như lời của Phật tử Lưu Sơn Anh tự thuật trong tích truyện thứ 51 đã nói “số mạng do mình lập, phước đức do tự mình cầu” và cũng phù hợp với lời Phật dạy “Nhất thiết duy tâm tạo.”

Điểm quan trọng thứ ba mà quý vị nên lưu ý là sau khi Du Công đã dứt khoát và mạnh tiến trên con đường quang minh, quyết lìa xa các thứ hắc ám, ẩn núp trong nội tâm từ trước, để được sự gia hộ của Thánh thần trong minh minh giúp sức để việc làm được vĩnh cửu, Du Công đã đặt bàn hương án khẩn vái hoàng thiên, hậu thổ cùng với các thánh thần nhưng không hiệu quả vì việc hành thiện chẳng những không có kết quả mà tâm lại sanh việc bán tính bán nghi. Chỉ đến khi Ông quy hướng về Phật pháp, nhất tâm trì niệm lễ bái thánh hiệu của Quán Âm Đại sĩ, thì từ ấy việc hành thiện càng có kết quả đến mức nội tâm không còn niệm xấu xa.

Dịch giả vì thế thành tâm khuyên quý vị đừng trái lời Phật dạy. Trong khi làm lễ quy y đã nguyện quy y Phật rồi thì suốt đời không quy y với thiên thần, quỷ vật. Như trong tích truyện Đào Vũ thuộc Thiên thứ 3 có kể: vào triều đại nhà Minh, niên hiệu Gia tinh, khi bị đại hạn trong nước thì trên từ Quốc vương đại thần xuống đến dưới là nhân dân đều cùng nhau thành kính cầu đảo khẩn vái các thần sông, thần núi,... chẳng những vô hiệu mà còn bị nặng hạn dữ dội, chỉ đến khi cầu nguyện Đại sĩ thì mới có kết quả như nguyện.

Điểm trọng yếu thứ tư chúng ta nên lưu tâm là: Du Công là người thế nào chúng ta đã biết, tự mình kết hợp với bạn đồng liêu đề xướng Văn Xương Xã, lại tự lập qui điều soạn thảo những điều cần thực hành. Tuy vậy Ông chỉ làm cho có, không có một thiện sự nào đáng ghi nhận. Người có tài đến mức ấy mà còn như thế thì những người học vấn nông cạn hay hoàn toàn tối đốt lại mặc tình buông lung theo việc ác thì sẽ thế nào. Việc này cũng thật là điều đáng sợ!

52. Triều nhà Thanh có quan Thái thú là Đỗ Tiến Viên, người ở huyện Tiền đường, tỉnh Chiết Giang là người rất tin tưởng Phật pháp. Vào mùa Thu năm Tân Tỵ, Ông bị bệnh nguy kịch, dù chạy chữa đủ thầy, đủ thuốc cũng không hiệu quả. Đỗ Thái thú tự nghĩ: nếu là bệnh xuất phát từ thân

thể thì cần phải uống thuốc nhưng uống thuốc lại không có hiệu quả thì đây không phải là thân bệnh, như vậy chắc phải là bệnh nghiệp, mà đã là bệnh nghiệp thì không thể dùng thuốc bình thường để trị mà phải là thuốc công đức mới trị được lành bệnh. Sau khi nghĩ như vậy thì Ông tự phát thệ, lấy việc giúp người lợi vật làm phương pháp sám hối tiêu trừ nghiệp chướng. Không phát nguyện suông, Đổ Thái thú dốc toàn tâm lực thực hành rất tinh tấn. Một đêm nọ, Ông nằm mộng thấy Đức Quán Tự tại Bồ Tát bảo rằng: “Kiếp trước, Ông làm quan ở nước Sở, đối với việc xử lý thì Ông quá nghiêm khắc đến mức không còn lòng nhân ái, dù không cố tình nhưng đã giết hại nhiều sinh mạng khiến Ông bị giảm nhiều lộc vị ở kiếp trước rồi, mà hiện đời này chẳng những bị bệnh tật nguy hiểm mà lại còn phải bị quả báo đoàn mạng. Rất may là trong lúc bị bệnh, Ông không có một mảy may oán trách Phật trời, Thánh thần, lại còn phát thệ nguyện kiên cố, lấy việc giúp người lợi vật làm bản hoài. Do phước ấy nên minh phủ lấy phước đức của Ông mà trừ giảm tất cả tội ác, nhờ vậy mà ông được tăng thêm tuổi thọ và thêm phước lộc, từ nay Ông nên cố gắng tinh tấn thực hành những điều đã phát thệ thì sẽ được nhiều phước huệ.” Sau khi thức dậy, Đổ Thái thú vô cùng vui mừng liền gọi tất cả gia nhân, vợ con đến khuyên dạy, từ đây phải cố gắng trường trai, không sát sanh, mua vật phóng sanh và phát tâm tín hướng Tam bảo, siêng năng tu trì. Qua đến mùa Xuân năm sau thì bệnh tình của Ông được lành hẳn. *(Trích Phóng Sanh Lục Thủ Hậu)*

53. Triều nhà Thanh có Phật tử Đặng Thừa Chiếu, hiệu Thần Phong, người ở Phiên Ngung, tỉnh Quảng châu, phát tâm quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới từ lúc nhỏ. Niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, vào tháng 5 năm Mậu Thân, người trưởng túc của Ông là Huỳnh Thị, nơi cổ bông nhiên bị mọc mọc ghè, bệnh hành hạ khổ não không sao nói được. Hơn tuần lễ sau, Ông gặp Hoàng Tân Hòa thượng trên đường đi ngang qua nhà, Thừa Chiếu vội vàng chạy ra xin Ngài dừng bước. Thừa Chiếu bước đến lễ bái vấn an Hoà Thượng, đoạn đem bệnh trạng nguy ngập của Huỳnh Thị bạch lên Hoà thượng và xin Ngài chỉ dạy phương pháp cứu chữa cho bệnh nhân. Sau khi nghe Thừa Chiếu tác bạch, Hoà Thượng Hoàng Tân từ bi khuyên dạy: “Lão Tăng này cũng chưa có cách gì để cứu chữa, nhưng người nên biết Quán Âm Đại Sĩ oai thần bất khả tư nghị, Ngài thường đem pháp vô úy, bố thí cho chúng sanh. Nếu ai thành kính tin tưởng nơi Ngài và hết lòng cầu khẩn xin cứu giúp thì chắc chắn sẽ được cảm ứng.” Dứt lời, Hoà thượng đem quyển Quán Âm Cứu sanh Thập cú Kinh trao cho Thừa Chiếu. Thừa Chiếu mang Kinh về để trên bàn, trước giường bệnh của người chị dâu và bảo Chị tụng. Vì bệnh nhân không còn khả năng đứng lên được nữa, nên không thể đến trước bàn Phật, chỉ có thể ngồi trên giường bệnh xem Kinh mà tụng,

tuy vậy Bà rất thành tâm tụng Kinh. Vào lúc ban đêm khi Bà tụng, thì những chữ trong Kinh dường như lớn gấp bội, giúp Bà có thể nhìn thấy dễ dàng. Qua ngày kế tiếp thì Bà thấy thân thể nhẹ nhàng, tinh thần tỉnh táo, Bà thành tâm tiếp tục trì tụng đến ngày thứ ba thì đến lúc nửa đêm, mực ghè trên cổ tự nhiên bể miệng, máu mù lan tràn khắp cả người, sau đó Bà cảm thấy người nhẹ nhàng, khỏe khoắn. Quá vui mừng, Bà bật kêu lớn “Bệnh của Tôi đã khỏi rồi”. Mọi người kéo đến hỏi thăm, Bà xin người nhà cho nước súc miệng thật sạch rồi đến trước tượng Đại sĩ, chí thành lễ bái, cảm tạ ân đức Từ bi vô lượng của Ngài. Cả nhà chứng kiến sự nhiệm màu này nên đều vui mừng khôn xiết, bà con láng giềng cũng như tất cả những người xa gần nghe thấy việc ấy đều khen ngợi việc này và tán thán Từ lực vô cùng màu nhiệm của đức Quán Âm Đại sĩ. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

54. Ở huyện Hưu Lâm, tỉnh An Huy, có một Phật tử tên là Mông Cư Kính. Lúc lên mười tuổi thì mắc bệnh đậu mùa, rất hiểm nghèo, các thầy thuốc đều bảo không thể chữa trị. Mẫu thân của Kính nghe vậy thì buồn rầu vô hạn, Bà đến trước tượng Quán Âm Đại Sĩ dâng hương chí thành lễ bái, đoạn quỳ xuống trước Phật đài chuyên niệm Thánh hiệu của Bồ tát từ chiều đến sáng hôm sau. Cư Kính trong lúc hôn mê thì thấy một người mặc Bạch Y tay cầm phát trần, phát nhẹ lên khắp toàn thân Kính. Lúc tỉnh dậy, các nốt đậu trên người Kính đã biến mất, Cậu bé hoàn toàn khỏi bệnh một cách kỳ diệu mà không cần đến thuốc men gì. *(Trích Hữu Minh Tâm chí)*

55. Xã Tây Hương, huyện Tân Kiến, tỉnh Giang Tây có dòng họ Lý gồm khoảng 10 ngàn nhà, sống tụ tập trong một khu vực rộng lớn. Vào năm Mậu Dần, xã ấy bị bệnh dịch lan tràn khắp nơi. Dân trong xã thì cứ 10 gia đình thì có đến 8,9 gia đình mắc bệnh, chỉ mỗi gia đình của họ Lý thì lớn nhỏ đều được an toàn không mắc bệnh. Dân chúng trong xã sanh nghi, đua nhau dò hỏi nguyên do, một số người cho rằng gia đình đó có phương thuốc gia truyền đặc trị. Chủ gia họ Lý đáp: “Hoàn toàn không có. Trong nhà tôi chỉ kiên thành cúng dường Quán Âm Đại Sĩ, hàng ngày xưng niệm lễ bái Đại sĩ và phát nguyện ấn tống Kinh Bạch Y nghìn quyển, nhờ đó chúng tôi đều thoát khỏi chứng bệnh nguy hiểm này.” Bấy giờ, mọi người nghe nói xong thì phát tâm tin tưởng, đua nhau thành kính cúng dường Đức Quán Âm Bồ tát và xưng niệm Danh hiệu của Ngài tinh tấn. Từ đó về sau, mọi nhà đều được an ổn, không còn ai bị bệnh dịch nói trên nữa. *(Trích Bạch Y Kính Cẩn Niệm)*

56. Quan Thị Ngự Châu Hòa Khanh ở tỉnh Sơn Đông, tuổi trên 40 mới có được hai đứa con trai. Hai đứa bé ấy đều thông minh đĩnh ngộ, tâm tánh lại hiền hậu không giống những trẻ con đồng trang lứa khác nhưng thật bất

hạnh, một độ nọ thì cả hai lại mắc chứng bệnh đậu mùa nguy hiểm, càng ngày càng nặng khó bề qua khỏi. Vợ chồng quan Thị Ngự rất đau buồn, ngày đêm quên ăn bỏ ngủ, luôn ngược mặt lên trời khóc than bi thảm và quyết lòng chết theo hai đứa trẻ nếu chúng không thể bình phục được. Vào một đêm, hai vợ chồng Ông nằm mộng thấy một Tăng nhân đến báo hai Ông bà rằng: “Ta thấy nhà ngươi làm việc không phù hợp nên không có kết quả nên đến đây khuyên bảo. Các ngươi không nghe người ta bảo con người có thể làm thay đổi thiên ý hay sao, chỉ có cách làm phước thiện mới mong cái số, tuy nhiên muốn làm phước thiện, phải biết cách mới đạt được ý nguyện. Nếu các ngươi ấn tống Kinh Quán Âm một tạng thì hai đứa trẻ có thể hết bệnh.” Sáng hôm sau, hai Ông bà nhớ lời dạy của Tăng nhân dạy nên phát thệ nguyện gột rửa những điều xấu xa trong nội tâm và từ bỏ lỗi xưa. Cả hai đều gắng sức thực hành thiện sự, y theo lời dạy của Tăng nhân trong mộng, ấn tống Kinh Quán Âm một tạng. Quá nhiên, bệnh tình của hai đứa con đều khỏi hẳn. Từ đấy, hai Ông bà quan Thị Ngự đối với Phật pháp càng sanh lòng tin tâm sâu nặng. Trong nhà thờ Quán Âm Đại Sĩ rất trang nghiêm, hàng ngày đều đến lễ bái cúng dường và tụng kinh Quán Âm thật tinh tấn. Sau đó, hai vợ chồng Ông lại tiếp tục ấn tống Kinh nhiều hơn để phổ biến khắp nơi. Hai đứa trẻ lớn lên đều mạnh khỏe và học hành tấn phát, về sau cả hai đều đậu cao và ra làm quan vinh hiển. (Trích Nam Hải Từ Thuyền)

57. Phía trước ngọn núi xã Tây Hương, huyện Hựu Nguyên tỉnh An Huy có một gia đình cư ngụ, chủ nhân tên là Hồng Trạch. Mẫu thân của Hồng Trạch là Đặng Thị, bình nhật thờ Quán Âm Đại Sĩ trong nhà và thường lễ niệm rất thành kính. Đặng Thị lại phát nguyện mỗi năm tự pha chế một thứ thuốc gọi là cứu khổ thần cao để bố thí cho dân nghèo bị tật bệnh khắp mọi nơi. Niên hiệu Đạo Quan năm thứ 17, vào lúc tháng sáu, cháu họ của Hồng Trạch mới sáu tuổi mắc chứng bệnh đậu mùa, khắp người đều đầy những nốt đậu đen bầm, mắt bên tả bị mù hẳn do tác hại của bệnh. Mẫu thân của đứa bé ấy vào ban đêm nằm mộng thấy một bà lão bước vào nhà bảo rằng: “Chứng bệnh đậu mùa này không phải thể nhờn có thể trị được, người nên thành kính cầu nguyện lễ bái Đức Quán Âm Bồ Tát để xin Ngài cứu độ cho.” Mẹ đứa bé liền hỏi phải đi đến nơi nào để cúng dường lễ bái thì bà lão đáp rằng: “Đặng Thị là người có tâm chí thành, đã ba năm nay lễ bái Đức Quán Âm và đã được Đại Sĩ cảm ứng. Tại sao ngươi không đến nhà Đặng Thị xin cứu khổ thần cao?” Người mẹ của đứa trẻ đến sáng thì liền đi đến nhà Hồng Trạch để lễ bái cầu nguyện. Trong khi ấy, ở nhà có một Thầy thuốc từ đâu đến, tự xưng tên Hứa Nguyên và nói rằng mình có thể chữa bệnh này được. Ông ta dùng đèn lửa áp vào con mắt bị mù của đứa bé để trị bệnh thì tròng mắt đứa bé đột nhiên bị lòì ra, dính tòn ten với các sợi gân và mạch máu.

Nhìn thấy vậy cả nhà đều kinh hãi, tên thầy thuốc hoảng kinh hồn vía bỏ trốn mất. Mẹ đứa bé khi về đến nhà nhìn thấy con mình như thế thì bay hồn bạt vía, tức tốc trở lại nhà Hồng Trạch, đến trước Thánh tượng Đại sĩ chí thành lễ bái cầu xin. Đêm hôm ấy, Mẹ đứa bé mộng thấy Bà lão hôm trước đến bảo: “Người phải trì niệm Tâm kinh đủ 2,000 biến trong vòng hai ngày và phải tụng cho đủ số.” Nhưng người Mẹ này trước giờ chưa biết tụng kinh nên bà Đặng Thị nghe nói bèn phát nguyện thay Mẹ đứa bé trì niệm Tâm kinh trong suốt hai ngày cho đủ số hai ngàn biến, lại dùng thuốc cao sẵn có của mình để dán vào đôi mắt mù của đứa trẻ. Tròng mắt phía tả của đứa bé dần dần thực vào, và mắt mù trở lại sáng như thường. Ngày hôm sau, chứng bệnh đậu mùa của đứa bé cũng được hoàn toàn khỏi hẳn. (Trích Hải Nam Nhứt Chước)

PHỤ LỤC: Nếu người nào trong lúc bệnh khổ quá nguy kịch mà không thể nhẫn thọ được thì ngoài việc chuyên tâm niệm Phật, phát nguyện hồi hướng vãng sanh, nên chí thành khẩn thiết xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Đức Quán Thế Âm hiện thân khắp vi trần sát độ trong mười phương, Ngài hằng tầm thỉnh cứu khổ, cứu nạn. Vì thế những ai trong lúc bị khổ nạn cấp bách, nếu chí thành trì niệm danh hiệu và lễ bái đều được cảm ứng và được Ngài thùy từ gia hộ. (Trích Ấn Quang Pháp sư phúc đáp Thơ của Phật tử Đặng Bá Thành)



THIÊN THỨ HAI

CỨU TẾ ÁCH NẠN



1. Triều nhà Tấn có một thương chủ ở Tây Vực đi buôn. Ông cùng với những người bạn lên đênh trên biển do bị lạc đường nên tất cả nhất tâm trì niệm Thánh hiệu Quán Âm. Không bao lâu thì thấy một vị Tăng hiện ra ở không trung, tay cầm tích trượng dẫn đường, chưa được một tiếng đồng hồ, cả đoàn tàu đã cập bến an toàn nơi bốn quốc. *(Trích Đường Tây Vực Ký)*

2. Triều nhà Tấn, Lữ Tung tự là Mậu Cao, là người ở huyện Đoài châu, tỉnh Sơn Đông. Nhà Ông ở bên ngọn núi Thủy Phong. Phía Nam huyện Đoài Châu có một dòng suối nước chảy như thác và quanh co uốn khúc như rắn lượn, lại có bờ đá cao chót vót rất nhiều đá lớn chất chồng, địa thế hiểm trở, vì thế mà nhiều người đi ngang qua đó trong lúc ban ngày vẫn lo sợ nguy hiểm. Tung thường kể lại việc phụ thân của mình đã từng đi qua suối ấy cho mọi người nghe. Ông kể rằng: Một hôm cha Ông chèo thuyền đi qua suối, khi cách nhà chừng hơn 10 dặm thì lúc bấy giờ, trời đã về chiều nên mặt trời sắp lặn, lại gặp lúc mưa to gió lớn, tối tăm mù mịt, không nhận biết được hướng đông tây, cha Ông tự nghĩ thế nào cũng bị lật ghe; chết chìm, nên nhất tâm quy hướng Quán Âm Bồ Tát và chí thành xưng niệm danh hiệu của Ngài. Trong giây lát, bỗng Ông thấy có ánh sáng của ngọn đuốc đang soi đường, ánh sáng ấy chiếu soi rất xa, soi sáng lòng suối một cách rõ ràng và cứ cách thuyền cha của Tung khoảng 10 bước. Nhờ ánh sáng ấy dẫn đường cho thuyền hướng vào bờ an toàn, mà cha của Tung về nhà được an nhiên vô sự. Bạn thân của Tung là Hý Gia Tân nghe câu chuyện ấy nên đã ghi chép lại rõ ràng và đầy đủ. *(Trích Minh Trường Ký)*

3. Triều nhà Tấn có Từ Vinh là người ở Lang Gia, tỉnh Sơn Đông. Một độ nọ Vinh có duyên sự phải đến Đông Dương. Khi trở về thì đi bằng đường thủy, lúc đến Định Sơn thì do người lái thuyền không thạo đường nên thuyền đi vào chỗ nước xoáy. Khi thuyền sắp bị chìm thì Từ Vinh chí thành xưng niệm danh hiệu Quán Âm Đại Sĩ. Chỉ trong chốc lát, dường như có sức mạnh vô hình của vài mươi người đồng sức kéo chiếc thuyền ra khỏi vùng nước xoáy và đưa thuyền Ông đi dọc theo bờ sông. Khổ nỗi, lúc ấy mặt trời đã lặn, bầu trời tối tăm như mực, lại gặp lúc mưa to gió lớn,

chiếc thuyền chỉ tiến về trước mà không biết phải đi theo hướng nào, lại sóng nhồi dữ dội nên thuyền mấy lần muốn lật úp. Từ Vinh lại chí tâm tụng kinh Phổ Môn không dứt, bỗng thấy trên đầu núi có ánh đèn lửa soi sáng như ánh đèn hải đăng, hướng ghe của Vinh vào đến bờ an ổn. Sau khi vào bờ thì không ai còn nhìn thấy đèn lửa ấy nữa. Sáng hôm sau, Ông hỏi mọi người trong vùng xem ai đã đốt lửa cứu mình thì dân chúng rất ngạc nhiên bảo rằng: “Đêm qua mưa to gió lớn như bão thì làm gì có đèn lửa trên đầu núi được”. Bấy giờ, Ông mới biết chính là nhờ Từ lực của Phật minh gia. Từ Vinh về sau làm Đốc phủ ở Hội kê đã đem chuyện này thuật lại cho một danh sĩ là Tạ Phu Hằng nghe. Người đi cùng ghe với Từ Vinh là Sa môn Tích Chi Đạo Uẩn là người nghiêm trì giới luật, tánh tình rất thận trọng cũng đem việc nói trên kể cho mọi người biết để phát khởi tín tâm hướng về Đại Sĩ để được nhiều lợi lạc. *(Trích Minh Trường Ký)*

4. Triều nhà Tấn có sa môn Thích Pháp Thuần ở chùa Hiển Nghĩa, xứ Sơn Âm. Trong niên hiệu Nguyên Hưng, Thầy có duyên sự phải đi qua biển Thái Hồ thì gặp lúc mưa to gió lớn. Vì thuyền của Thầy nhỏ nên nước tràn vào thuyền, sinh mạng gần như chỉ còn trong nháy mắt. Thầy Pháp Thuần bền nhất tâm quy hướng về đức Quán Âm, chí thành xưng niệm danh hiệu của Bồ tát không dứt. Một lúc sau, từ xa bỗng nhiên có một chiếc thuyền lớn trôi lênh bênh đến trước thuyền của Thầy, mọi người thấy vẩy lớn tiếng kêu cứu thì chiếc thuyền ấy áp sát lại, nhờ đó mà mọi người trèo qua an toàn. Khi mọi người vừa qua hết chiếc thuyền lớn thì nhìn lại thấy chiếc thuyền nhỏ cũng đã chìm dần. Ai nấy đều vô cùng khiếp sợ và đều thành kính cảm tạ sự linh ứng của Đức Quán Âm Đại Sĩ. Chiếc thuyền lớn lướt sóng đi về phía trước, chốc lát thì đã đến bờ. Mọi người lên bờ và dò hỏi xem người chủ thuyền là ai thì không ai nhận là chủ và cũng chỉ trong chốc lát, chiếc thuyền lớn đã biến mất không còn dấu vết. Bấy giờ, một lần nữa cả Thầy và dân chúng đi trên thuyền đều kinh ngạc và tán thán lòng Từ bi của Bồ tát Quán Âm đã minh gia cứu độ. Thật là một phép màu không thể nghĩ bàn. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 1 & Pháp Uyển Châu Lâm)*

5. Triều đại Lưu Tống có Thầy Thích Đạo Huỳnh, người ở Phù Phong, tỉnh Thiểm Tây. Niên hiệu Hoàng Trị năm thứ 18, Bốn sư của Thầy là Thích Đạo Tứ bị bệnh nên sai Thầy Thích Đạo Huỳnh cùng ba người nữa đi đến Hoành Sơn ở tỉnh Hà Nam tìm thuốc. Đường đi vào núi rất xa phải trải qua hàng vạn dặm, lại rất hiểm trở, lúc thì trèo non, khi thì lội suối. Một hôm cả bốn người phải chui qua một cái hang đầy nước lại rất tối tăm, ba người đi với Thầy đều bị hụt chân chết chìm, đèn đuốc cũng bị tắt ngấm.

Thầy Thích Đạo Huỳnh bình nhật rất siêng năng chí thành trì tụng Kinh Pháp Hoa nên nương nhờ thiện nghiệp ấy và trong lúc ấy lại thành tâm niệm Thánh hiệu Đức Quán Thế Âm, nên chỉ trong chốc lát thì nhìn thấy có một tia sáng như lửa đom đóm, đóm lửa ấy cách Thầy vài bước chân nhưng lại bay rất nhanh. Thầy cố gắng chạy theo cho kịp thì trong chốc lát đã đến cửa hang. Sau khi thoát nạn về chùa, Thầy tu Thiền rất tinh tấn, lại thường tu các Sám pháp và thường xuất hiện nhiều thoại ứng. Thời gian sau, Thầy cùng với bốn người bạn đồng học đi qua sông, gặp vào lúc tiết nghiêm Đông rất lạnh, dòng sông đã trở thành băng giá. Chẳng may, giữa đường gặp chỗ băng mỏng, cả bốn người bạn của Thầy đều bị chết chìm. Riêng Thầy lúc bấy giờ nhờ chí thành qui hướng đức Quán Âm, khẩn thiết xưng niệm danh hiệu của Ngài nên lúc ấy cảm thấy dưới chân mình dường như có một vật gì đó đang nâng đỡ không cho chìm xuống nước. Sau đó trước mặt Thầy bỗng xuất hiện một tia sáng đỏ, tia sáng ấy bay trước mặt và hướng dẫn Thầy đi theo để đến bờ bình an vô sự. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 1)*

6. Đồi Lưu Tống có một Phật tử tên Cổ Mại, người ở Ngô Quận. Trong niên hiệu Nguyên Gia, Phật tử này từ kinh đô về Quảng Lăng thì đi bằng đường thủy. Khi thuyền đến địa phận Thành Thạch Đầu thì gặp mưa to gió lớn, người lái thuyền không thể tìm chỗ đậu vì đang ở giữa dòng nước nên vẫn phải đi tiếp, sóng gió nhồi dẫm nên chiếc thuyền chẳng khác gì chiếc lá nhỏ, vùi dập giữa ba đào. Tình thế thật là tiến thoái lưỡng nan, Cổ Mại trong lòng vô cùng lo sợ, chợt nhớ đến Đức Quán Âm cứu khổ cứu nạn, bèn chí thành trì tụng kinh Phổ Môn, ước chừng 10 biển thì thấy thể gió yếu dần, sóng cũng lặng bớt, giữa thỉnh không lại có mùi hương thơm bát ngát. Tâm của Cổ Mại lúc bấy giờ rất phấn chấn, tiếp tục trì tụng không dứt, nhờ đó mà gió bão dứt bật, mọi nguy hiểm đều qua khỏi. *(Trích Minh Đường Ký)*

7. Đồi Lưu Tống, Sa Môn Thích Huệ Khánh là người Quảng Lăng. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12, Ông có việc đi đến Lô Sơn. Khi thuyền vừa mới ra đến sông lớn thì bỗng nhiên gió to sóng lớn nổi lên như trận bão, thuyền của Ông đang lênh đênh giữa dòng sông nên bị muôn lớp sóng cao nhồi đến ào ạt, trăm phần khó thoát khỏi việc bị lật úp thuyền. Bấy giờ, thầy Thích Huệ Khánh chí thành định tâm tụng kinh Quán Thế Âm để cầu xin Đại Sĩ cứu độ. Không lâu sau đó, thuyền bỗng nhẹ hẳn và lướt sóng đi thật êm ái như có vài chục người phía sau đẩy tới, vậy mà đến bờ an ổn. Những người ở hai bờ sông thấy thuyền của Thầy lướt sóng vào bờ an toàn một cách lạ lùng thì ai nấy đều kinh ngạc. *(Trích Minh Đường Ký)*

8. Đồi Lưu Tống, Phục Vạn Thọ là người ở Bình Dương. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 19, Ông làm Khuê Phủ Tham Quân tại Quảng Lăng. Nhân lúc nghỉ phép nên Ông về quê. Vào đầu canh tư thì đi tới bờ sông, lúc đó sóng yên gió lặng nên Ông cho thuyền tiến ra giữa sông. Bỗng đâu gió nổi lên ào ào, vì trời vẫn còn tối đen như mực nên không biết phương hướng là đâu. Vạn Thọ vốn là Phật tử tín phụng Phật pháp nên lúc gặp nạn chỉ nhất tâm quy mạng Quán Thế Âm Bồ Tát, và chí thành niệm danh hiệu Ngài không gián đoạn. Trong chốc lát, Ông và những người trên thuyền đồng thấy bờ phía Bắc có ánh sáng như đèn lửa trong xóm làng nên ai nấy đều cố chèo thuyền đến hướng đó, lúc đến nơi thì trời vẫn còn chưa sáng. Người trên thuyền hỏi thăm dân địa phương về những ngọn đèn lửa kia thì ai cũng bảo giữa đêm hôm giông bão thì làm gì có đèn lửa như vậy. Lúc bấy giờ mọi người trên thuyền mới hiểu đã may mắn thoát chết nhờ lòng Đại từ Đại bi của Bồ tát minh gia thị hiện để cứu độ cho mình thoát nạn. *(Trích Minh Đường Ký)*

9. Triều nhà Lương có thầy Thích Pháp Hiển người họ Cung ở Bình Dương. Triều nhà Tấn, niên hiệu Long An, Thầy cùng với bạn học là Huệ Cảnh lập chí nguyện đi Tây Vực thỉnh kinh. Bắt đầu từ Trường An, họ trải qua không biết bao nhiêu nguy hiểm, vì trên đường đi phải băng qua các bãi sa mạc rộng lớn. Sau khi đến nước Thiên Trúc, thỉnh được các Kinh Luật thì họ quá giang thuyền lớn của các thương nhân theo đường biển mà về, số người trên thuyền này ước chừng 200 người. Đi được vài ngày thì một hôm, thuyền bỗng gặp cuồng phong nổi dậy, nước biển sắp tràn vào thuyền nên mọi người hoảng sợ ném bớt đồ xuống biển. Thầy Pháp Hiển sợ họ lấy Kinh Luật của Thầy quăng xuống biển nên chí tâm xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát, cầu xin Ngài minh gia. Kỳ diệu thay, sau đó thuyền ấy mặc dù gặp gió to sóng lớn vẫn an nhiên lướt tới không bị mây may thương tổn. Trải qua hơn 10 ngày, thuyền đến nước Gia Bà Đề, mọi người tạm trú tại đó năm tháng và sau đó tiếp tục cuộc hải trình về Đông Độ và đến thẳng Quảng châu an toàn. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

10. Triều nhà Đường có thầy Thích Đạo Hiển sống ở chùa Thánh Thiện. Trong niên hiệu Khai Nguyên, Thầy làm trụ trì chùa Đại Vân, tỉnh Giang Châu. Bấy giờ có quan Thứ Sử Nguyên Mỗ, phát nguyện muốn họa bầy bức tượng Quán Thế Âm nên đem việc ấy nhờ Thầy Thích Đạo Hiển giúp đỡ. Nhận trách nhiệm này nên thầy Đạo Hiển bảo họa sĩ phải trì trai thanh khiết khi vẽ tượng. Lúc họa tượng phải dùng toàn nhũ đào hương thay thế cho a dao để làm vật liệu trộn vào các màu khi tô vẽ. Khi họa xong thì bầy bức họa này thật trang nghiêm và vô cùng đẹp đẽ. Công việc đã xong nên Thầy đi

đến Dự Ninh để đón gổ mang về để kiến tạo Văn thù Đường. Khi đón gổ xong chất lên bè để chờ về thì không may Thầy té xuống sông, lúc bấy giờ vì nước chảy quá xiết nên nước cuốn Thầy đi thật xa, đồng bạn không ai vớt Thầy kịp. Thầy Thích Đạo Hiểu, lúc vừa té xuống sông thì liền xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm. Ngay lúc ấy bỗng nhiên Thầy thấy dưới làn nước có ánh sáng lạ, Thầy chuyên chú nhìn kỹ thì thấy bảy bức tượng Bồ tát đã họa hiện ra phía trước và đồng bảo Thầy: “Người nên chí thành xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì tai nạn này liền được thoát khỏi.” Thầy Đạo Hiểu nhờ có ánh sáng chiếu rọi nên biết mình đang ở dưới lòng sông, trong lòng vô cùng lo sợ khó mà tránh khỏi cái chết nên tức thì vâng lời Bồ tát dạy, nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Thầy vừa niệm đến câu thứ hai thì thấy bảy vị Bồ tát đồng nâng chân Thầy lên mặt nước, kỳ diệu là cả y áo và giày dép vẫn không ướt chút nào. Chỗ Thầy bị nạn cách bè gổ hơn 40 dặm nhưng nhờ từ lực của Bồ Tát cứu mạng đã đưa kịp Thầy trở lại với bè cây. Thầy Thích Đạo Hiểu về sau viên tịch vào niên hiệu Thiên Bảo năm đầu. Hiện nay tại chùa Đại Vân ở Giang Châu vẫn còn thờ bảy bức tượng của Bồ tát, ngoài ra còn có bức họa kể lại sự việc Thầy Thích Đạo Hiểu té nước thoát chết được lưu truyền để khuyến hóa mọi người nhất tâm hướng về Quán Âm Đại Sĩ để được nhiều lợi lạc. *(Trích Quảng Di Kỳ)*

11. Triều nhà Đường có Phật tử là Sầm Văn Bản tự Cảnh Nhơn, là người ở Kinh Dương. Ông phát tâm tín hướng Phật pháp từ khi còn nhỏ. Hàng ngày Ông đều thành kính trì tụng Phẩm Phổ Môn. Có lần Ông đi thuyền đến Ngô Giang, tỉnh Giang Tô, đến giữa dòng thì thuyền bị sóng đánh lật úp. Mọi người trên thuyền đều bị chết chìm, Văn Bản cũng bị chìm trong nước nhưng ngay lúc ấy bỗng nghe có người bảo rằng: “Nhà người thường ngày thành kính trì tụng Phẩm Phổ Môn nên sẽ được qua khỏi nạn tai này”. Ông nghe ba lần như thế thì thấy thân mình như có ai đẩy lên, nổi trên mặt nước và chỉ trong chốc lát thì đã thấy đến bờ. Sau đó, Ông trở về nhà, thiết lập trai đàn cúng dường chư Tăng. Trong số chư Tăng ấy có một vị đi sau cùng bảo với Ông rằng: “Chính lúc thiên hạ rối loạn, riêng Ông nương nhờ thiện duyên phước đức mà được tai qua nạn khỏi, sau này sẽ gặp cảnh thái bình, hưởng phú quý hiển vinh”. Nói mấy lời ấy xong thì vị Tăng ấy không thấy đâu nữa. Sau khi lễ trai tăng xong thì Phật tử Văn Bản nhìn thấy có hai hạt xá lợi ở trong chiếc bình bát của vị Tăng ấy để lại. Về sau ông làm quan đến chức Trung thư Lệnh cũng vào thời triều nhà Đường. *(Trích Phật Tổ thống ký)*

12. Triều nhà Đường có Ngài Bất Không Tam Tạng Pháp sư, vốn thuộc dòng Bà La Môn, nước Thiên Trúc. Một lần nọ, Ngài quá giang thuyền đến Nam hải, đi giữa đường thì gặp cuồng phong nổi dậy, sóng nhồi rất lớn. Các

thương nhân đều kinh sợ nên mỗi người đều theo tín ngưỡng của mình mà xưng niệm vị giáo chủ của họ, nhiều vị còn tác pháp theo các tôn giáo mà họ đang tín ngưỡng, nhưng tất cả đều không hiệu nghiệm. Sóng gió mỗi lúc một dữ dội nên mọi người bèn quay sang Pháp sư lễ bái cầu xin cứu độ. Pháp sư điềm tĩnh an ủi: “Quý vị đừng lo, Tôi hiện nay có một phương pháp có thể giúp quý vị thoát nạn”. Dứt lời, Pháp sư dùng tay mặt cầm bảo xử ngũ cổ bồ đề tâm, tay trái cầm quyển kinh Bát nhã, Ngài tụng Thần chú Đại bi của Đức Quán Thế Âm một biến, tức thì gió lặng sóng yên; nhưng lúc ấy bỗng có một con đại kinh ngư từ dưới biển nổi lên mặt nước, phun ra những đợt sóng nước cao như núi, đập vào mạn thuyền. Tình hình lúc này còn nguy hiểm gấp vạn lần so với nạn trước, các thương nhân chỉ còn biết phó thác sinh mạng vào Pháp sư nên đồng nhất tâm hướng về Pháp sư xin cứu nạn, Pháp sư cũng thực hành theo cách như trên, Ngài lại bảo thầy Huệ Biện, vị thị giả đi theo Pháp sư tụng Kinh “Ta Yết Long Quảng” thì mọi cơn sóng đều tan biến, tai nạn liền qua khỏi, cả đoàn thuyền nhờ đó đều được bình an vô sự. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

13. Thời nhà Tống, triều Vua Huy Tôn, vào niên hiệu Sùng Ninh, có quan Hộ Bộ Thị lang Lưu Đại cùng với quan Cấp sự Trung Ngô Thực đồng đi sứ đến nước Cao Ly. Khi trở về bản quốc, họ phải đi ngang qua các ngọn núi và đảo suốt bốn ngày đêm, lúc ấy nhằm lúc tiết trời âm u, trăng mờ vì mây che phủ, cảnh trời đen tối không phân biệt được hướng Đông Tây nên Lưu Đại vô cùng sợ hãi. Ông bèn hướng về Phổ Đà Bảo Sơn thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ, bỗng nhiên thần quang xuất hiện, soi khắp mặt biển rõ bốn phía như lúc ban ngày và cũng thấy rõ Phổ Đà Bảo Sơn. Mọi người nhờ đó được đi đến bờ an toàn vô sự. *(Trích Phổ Đà Sơn chi)*

14. Triều nhà Tống, thân mẫu của Ngài Từ Hy Tải là Trình Thị, vốn là một Phật tử thành kính Tam bảo, trong nhà lại thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát rất thành kính. Niên hiệu Thiên Hưng năm thứ 4 nhà Tống, Hy Tải có duyên sự đi xa dẫn theo hai người con, đến nghỉ trọ tại nhà của Bành Đại Nhậm. Trên đường về thì gặp lúc mưa to gió lớn, sóng cao như núi nên thuyền Ông không thể nào tiến vào bờ được, chòng chành sắp đắm. Hy Tải chẳng biết làm sao nên lập tức kêu gọi những người có mặt trên thuyền đồng thanh xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Chỉ trong chốc lát, mọi người bỗng nhìn thấy một gốc cây dâu vô cùng to lớn trôi đến trước mặt nên gắng sức kéo gốc cây ấy cập sát vào thuyền và dùng dây buộc thuyền vào gốc cây dâu ấy, để nương theo gốc cây mà thuyền giữ được thăng bằng trước sức mạnh của gió bão. Đến lúc trời sáng thì tất cả mọi người đều thấy họ đang ở trên bãi cát an toàn, còn gốc cây dâu to đem qua thì biển đâu mất không

thấy nữa. Lúc Hy Tài vừa về đến nhà, mẫu thân của Ông mừng rỡ ra đón. Bà mỉm cười nói rằng: “Đêm qua Mẹ nằm mộng thấy có bà già dắt tay cha con tụi bây về thăm Mẹ, quả nhiên là y như trong mộng”. Khi ấy, Hy Tài nghiệm ra mới biết họ được thoát nạn là nhờ vào thần lực bất tư nghị của Quan Âm Bồ Tát. (Trích *Dị Kiên Chi*)

15. Triều nhà Minh có một đồng tử họ Tào, người tỉnh Giang Nam. Đồng tử này phát tâm quy y Tam bảo từ lúc nhỏ và rất nghiêm trì giới luật, từng phát nguyện xả thân cúng dường Phật. Có bao nhiêu tiền của, thường đem bố thí cho người nghèo cùng, đói khát trong xóm làng. Vào niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh, tháng hai năm Canh Tuất, đồng tử theo Trang Trường Lão đến núi Phổ Đà chiêm bái cúng dường Đại Sĩ. Khi đến núi Mai Sầm là nơi khách hành hương đều ghé lại để chiêm bái kim dung của Quán Thế Âm Bồ Tát, đồng tử đối trước pháp tòa của Bồ tát ngự, phát thệ nguyện xả thân cúng dường để báo thâm ân của Phật. Sau đó, khi thuyền ra cửa biển đến Liên Hoa Dương thì bỗng nhiên gió to sóng lớn nổi lên ùng ùng, Đồng tử chấp tay, ngược mặt lên không trung, miệng xưng Phật hiệu rồi nhảy xuống giữa muôn ngàn sóng để mãn với thệ nguyện đã phát. Trang Trường Lão sau khi trở về nhà, chọn ngày để mời chư Tăng tụng kinh bái sám, làm lễ siêu độ cho đồng tử. Đến tháng bảy năm đó thì Đồng tử bỗng xuất hiện tại chỗ ở của Trang Trường Lão ai nấy đều kinh ngạc vì không tin là Đồng tử còn sống. Lúc ấy, Đồng tử thuật lại những điều đã xảy ra cho mọi người nghe. Khi vừa nhảy xuống Liên Hoa Dương thì đồng tử bỗng thấy ở phía dưới biển, cách mình chừng vài bước chân có một vị Hồ tăng đang chèo một chiếc bè ván đến chỗ đồng tử xả thân bảo rằng: “Thầy đến đây để độ con”. Dứt lời, vị Tăng ấy kéo đồng tử lên bè, chiếc bè chèo đi nhanh như ngựa phi, chẳng mấy chốc bè đã đến bãi cát ở vùng Châu Sơn. Vị Tăng ấy dắt đồng tử vào nhà một ngư ông xin nghỉ trọ. Sau đó, vị Tăng ấy bỗng nhiên biến mất. Mọi người trong nhà ông lão dò hỏi nguyên nhân thì đồng tử thuật lại việc đã xảy ra. Ai nghe xong cũng đều ngợi khen cho là việc chưa từng có. Lúc ấy mới biết vị Tăng ấy chính là Quan Âm Bồ tát từ bi ứng hiện để cứu đồng tử. Sáng ngày hôm sau, ngư ông dẫn đồng tử đến chùa Trấn Hải ở Châu Sơn. Đồng tử cầu xin thầy trụ trì chùa ấy làm lễ thế phát và dạy cho học tập các Kinh Chú. Khi đồng tử quay trở lại cố hương, Đồng tử có vào trong một ngôi Tịnh thất xin tá túc, nhưng vị Sư trong ấy không bằng lòng nên bèn tìm hỏi nơi ở của Trang Trường Lão xin nghỉ trọ. Trang Trường Lão sau khi nghe Đồng tử thuật lại mọi việc thì rất cảm động nên mời Đồng tử ở lại gia trang vài ngày ngợi ngợi rồi dắt về nhà cha mẹ đồng tử. Cha mẹ Đồng tử gặp lại con thì vui mừng khôn xiết, hết lòng cảm tạ Trang Trường Lão và thành tâm kính ngưỡng thần lực cứu độ của Quan Thế Âm Bồ Tát. Sự tích

Bồ Tát ứng hiện cứu khổ trên đã làm cho mọi người Tăng tục thời ấy đều nhất tâm quy hướng về Quán Âm Đại sĩ rất đông. (Trích *Quán Viên bút ký*)

16. Triều nhà Minh có Lưu Cát Hiền là quan Tả Vệ Quân, thống lĩnh ngàn quân ở Tỉnh Trực Lệ. Ông cùng với quan Thái Giám Trịnh Hòa đi sứ ở các nước phiên bang. Khi thuyền đang đi trên biển thì Lưu Tả Quân trượt chân té xuống biển, bấy giờ nhằm lúc buồm đang tuôn theo hướng gió nên thuyền chạy rất nhanh, quân sĩ trên thuyền không thể nào cứu được. Quan Thái Giám Trịnh Hòa chỉ còn biết sai quân sĩ leo lên cột buồm để xem xét tình hình thì quân sĩ báo lại chỉ thấy phía sau ở đằng xa dáng một người lúc ẩn lúc hiện trong các đợt sóng, cách thuyền đang chạy vài mươi dặm. Tất cả mọi người trên thuyền đều bảo nhau Lưu Tả Vệ Quân khó lòng qua được. Nhưng chỉ trong chốc lát thì thấy Lưu Tả Vệ Quân đã đuổi theo kịp chiếc thuyền. Quan Thái Giám Trịnh Hòa cùng tất cả người trên thuyền đều vui mừng khôn tả, lấy đồ tiếp cứu để đưa Tướng quân lên thuyền. Điều ngạc nhiên là thấy có một con cá lớn dài gần hơn hai trượng, thông thả bơi quanh mạn thuyền. Ai nấy đều xúm nhau hỏi thăm thì lúc ấy Lưu Tả Vệ Quân bèn kể lại: lúc Ông bị rớt xuống biển, nhờ có cá Ông này đỡ lên. Mấy lần bị chìm, đều nhờ cá Ông dùng vây nâng lên không cho chìm xuống, nhờ vậy mà nước không vào miệng. Sau đó, cá Ông lại chờ Ông đuổi theo chiếc thuyền. Mọi người trên thuyền nghe nói đều kinh ngạc tán thán và hỏi Lưu Tả Vệ Quân: “Bình sanh Ngài tu tập thiện hạnh gì mà được quả báo tốt đẹp như vậy?” Lưu Tả Vệ Quân đáp: “Tôi chưa tu được thiện hạnh gì cả, từ lúc chưa ra làm quan cho đến nay, hàng ngày chỉ thành tâm lễ niệm Quán Âm Đại Sĩ và tụng kinh Phổ Môn thế thôi.” (Trích *Thiện Dữ Đường Thừa Bút*)

17. Triều nhà Minh, thầy Thích Hoàng Tế, tự Đồng Chu, hiệu Thiên Ngạn, là người ở Du Giao, tỉnh Chiết Giang. Thầy xuất gia từ lúc ấu thơ và thường tu các Sám pháp, tụng Kinh Pháp hoa, Kim Quang Minh, v.v... và cảm được nhiều thần dị. Vào niên hiệu Thái Định, năm đầu nhà Nguyên, Thầy làm trụ trì chùa Viên Giác ở Vạn Thọ. Một hôm, tại chỗ Thầy ở, bờ biển bị sạt lở nên nước biển tràn vào phá hoại nhà cửa hoa màu, dân chúng miền biển đều vô cùng buồn rầu lo sợ vì mạng sống bị đe dọa. Lúc ấy, quan Thừa Tướng Thoát Sái trông thấy dân chúng bị nạn như vậy nên hết sức lo buồn. Ông đích thân đến chùa Viên Giác, lễ bái và thỉnh thầy Thích Hoàng Tế đến trước đài Quán Âm Đại Sĩ ở Thượng Trúc lễ bái cầu nguyện. Đồng thời, Ông cũng cho người đến nơi bờ biển, kiến lập thủy lục đàn trai, thỉnh thầy Thích Hoàng Tế đến đó cầu nguyện. Thầy Thích Hoàng Tế nhập từ tâm tam muội, lấy cát trị tụng Thần chú đại bi, gia bị vào trong ấy, rồi Thầy cùng với quan quân và dân chúng đi rải cát ấy vào những chỗ bị sạt lở. Linh nghiệm thay khi dấu chân Thầy bước đến đâu thì bờ biển lập tức ngưng sạt lở, đất

trở nên kiên cố, nước không tràn vào bờ được nữa. Quan dân đương thời đều kính phục đức hạnh của Thầy và xem Thầy như một vị Phật sống. *(Trích Cao Tăng truyện- Tập 4)*

18. Triều nhà Minh, Tăng chúng trong chùa Nam Đài ở Phước Châu có đắp một pho tượng Quán Âm mới để thờ, họ tính đem pho tượng cũ đi hủy phá thì thợ đúc tượng là Lâm Ông thấy vậy bèn xin đem tượng này về nhà để thờ, ngày đêm Ông lễ niệm rất thành kính. Vài tháng sau, Lâm Ông có việc đi thuyền ra biển, chẳng may thuyền đụng phải đá ngầm nên bị chìm. Trong giây phút nguy cấp ấy, Lâm Ông bèn lớn tiếng xưng niệm: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, con đã từng cứu Bồ tát, giờ phút này con bị hiểm nạn, Bồ Tát nỡ nào không cứu con”. Vừa dứt lời thì thấy thân mình tự nổi lên mặt nước, lại gặp một miếng ván lớn nên trèo lên ngồi trên tấm ván ấy, mặc dù sóng to nhưng Lâm Ông vẫn ngồi yên ổn trên miếng ván ấy. Nó trôi được chừng trăm dặm thì theo dòng nước đi vào một cái rạch nhỏ, bất ngờ Lâm Ông lại gặp một chiếc rương nhỏ đang trôi lênh bênh trước mắt. Lâm Ông vớt chiếc rương ấy lên, khi mở ra thì thấy có nhiều vàng bạc và đồ quý trong ấy, Lâm Ông vui mừng vô hạn, tự nghĩ Bồ tát đã cứu mình khỏi nạn, lại còn ban cho tài bảo để sinh sống. Từ ấy, Lâm Ông từ bỏ chuyện thế tục, một lòng chuyên nhất tu hành. *(Trích Thiện Dữ Đường Thừa Bút)*

19. Triều nhà Thanh, ông Phan Quốc Chương là người ở Thuận Đức, tỉnh Quảng Châu, là một Phật tử phát tâm quy hướng Tam Bảo từ lâu. Một ngày nọ, Ông đi buôn ở Đoan Châu. Trên đường về quê, lúc bấy giờ là năm Bính Tuất, thuyền Ông đến sông Tam Thủy thì gặp lúc gió to sóng lớn nên thuyền bị lật úp. Quốc Chương lúc ấy nhất tâm thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ. Vì không biết bơi nên khi thuyền lật úp, Ông bị chìm xuống đáy biển lớn mênh mông nhưng Ông vẫn thành kính mặc niệm Thánh hiệu Đức Quan Âm. Trong giây lát Ông bỗng thấy mình đến bãi cát trên bờ, các thứ hành trang Ông mang theo vẫn còn ở trong tay, quay đầu nhìn lại mới biết là mình vừa từ trong những đợt sóng cao ngất giữa biển đi ra. Sau khi thoát nạn, Quốc Chương xuất gia và đến núi Nhật Thân, chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu xin vãng sanh Tây phương Cực lạc. Ông tự lấy hiệu là Huyền Cầu. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

20. Triều nhà Thanh có Phật tử Bàn Nhứt Thừa, người ở Nam Hải Phật Sơn, tỉnh Quảng Châu. Ông phát tâm quy y thọ giới từ lúc nhỏ. Hàng ngày Ông tụng kinh niệm Phật, phụng trì pháp lục trai mỗi tháng. Niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, vào lúc tháng Chạp năm Đinh Mùi, trên đường từ Quảng châu về nhà, Nhứt Thừa cùng với năm người bạn đi trên một chiếc

thuyền. Giữa đường thì gặp cuồng phong nổi lên, sóng biển dâng cao nên thuyền bị lật úp chìm. Năm người kia đều là những người bơi giỏi nên bơi được vào bờ thoát chết, chỉ duy Nhứt Thừa bị kẹt trong lòng ghe lật úp, không thể nào thoát ra được. Trong tình thế nguy hiểm muôn phần này, Ông nhất tâm thành kính niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ. Dù lúc bấy giờ, Ông đã bị nước biển tràn vào miệng, uống đầy nửa bụng, nhưng tâm Ông vẫn giữ Thánh hiệu Bồ Tát. Lúc ấy, bỗng nhiên Ông cảm thấy có người nắm tay kéo lên mặt nước, chiếc thuyền lật trở lại và trương buồm lên, Ông được đặt vào trong thuyền. Chiếc thuyền theo hướng gió thuận chiều, tiến vào bờ an toàn. Sau khi lên bờ, những người trên bờ đều gạn hỏi Nhứt Thừa: “Khi nãy chúng tôi trông thấy có người mặc bạch y vác tấm buồm ngồi trên thuyền, trương buồm lên cho thuyền đi, sao giờ chỉ thấy có mình ông, người ấy còn ở dưới thuyền hay bị chết chìm rồi?” “Nhứt Thừa đáp: “Không có người nào hết, chỉ có mình tôi thôi. Chính trong lúc tôi sắp bị chết chìm thì cảm thấy hình như có ai đó đã cứu tôi, để vào trong thuyền, sau đó tôi hoàn toàn không biết vì sao thuyền có thể vào bờ được.” Mọi người vẫn hoài nghi, gạn hỏi Thừa hai, ba lần thì Thừa đều đáp như vậy. Lúc ấy, Ông mới biết người mặc bạch y cứu Ông thoát nạn chính là Đại Sĩ hiện thân cứu độ. Sau khi thoát nạn, Ông đã tự ghi lại việc này và in thành sách để lưu truyền trong nhân gian. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

21. Triều nhà Thanh, Lưu Thổ Sơn là người xứ Mạc Lang. Mẫu thân của Ông lúc 48 tuổi vẫn chưa có con nên bà đi chùa lễ bái cầu đảo, sau đó có thai sanh ra Thổ Sơn. Vừa sinh ra, Ông đã không chịu bú sữa Mẹ do mẫu thân dùng thức ăn huyết nhục, người nhà chỉ dùng nước cháo bột đậu xanh nuôi Ông lớn, lúc biết ăn thì bắt đầu ăn chay cho đến lớn. Đến năm Kỷ Sửu, họ Lưu đi Nam Hải để chiêm bái cúng dường Đại Sĩ. Khi ở trên thuyền, Ông phát nguyện cầu xin được thấy Quán Thế Âm Bồ Tát. Sau khi phát nguyện xong thì liền thấy trên mặt biển có hai đóa sen lớn như bánh xe, một đóa sen có đồng nam đứng, trong đóa sen kia thì lại thấy đồng nữ đứng, cả hai đều đứng chấp tay. Tiếp đó, Ông lại thấy Đại sĩ đang ngồi trên đóa sen rất lớn. Lưu tập lúc cúi đầu lễ bái. Khi vừa đứng dậy ngước mặt xem thì Bồ tát cùng với hoa sen đều không thấy, đồng nam và đồng nữ cũng chẳng còn. Đi được một lúc thì sóng to gió lớn nổi lên ầm ầm nên chiếc thuyền bị lật úp. Lưu vừa rơi xuống biển thì thấy trước mắt mình vẫn thông suốt, không bị ngạt và ngộp nước. Lúc ấy Ông thấy có một vị Tăng nắm tay Ông dắt đi, trong chốc lát đã thấy đến trước cửa nhà mình, y phục vẫn khô ráo. Khi ngoảnh lại thì vị Tăng không còn nữa. Mẫu thân nhìn thấy Ông nên vội vàng ra đón, Lưu lúc bấy giờ vẫn như người say trong mộng, ngơ ngơ ngác ngác. Mẫu thân của Ông bèn dùng nước trà cho uống thì

Thổ Sơn mới tỉnh lại. Sau khi tỉnh lại Ông thuật rõ cho Mẹ nghe mọi việc khi bị nạn, Ông và mẹ Ông đều tin chắc rằng vị Tăng kia chính là Quán Âm Bồ Tát đã thùy từ cứu hộ. *(Trích Đường Nghi Chi Ký Kỳ Thơ)*

22. Triều nhà Thanh có người tên Diệp Mai sanh là người ở huyện Mai Phong, tỉnh Giang Tây, từng thuật lại việc của người chú vợ là Trần Đình Dục như sau: Đình Dục là người có tín tâm Phật Pháp, lại thờ Quán Âm Đại Sĩ rất thành kính. Hàng ngày đều tụng chú Đại bi, dù bận rộn cách nào cũng không bỏ sót. Niên hiệu Đạo Quan nhà Thanh, vào lúc mùa Thu năm Quý Ty, Đình Dục nhậm chức Quận Ty Mã. Một hôm, Ông có việc đi từ Hàn Giang vào Kinh Đô theo đường thủy, lúc ấy do tiết trời mát mẻ Ông bèn ra trước mũi thuyền ngắm phong cảnh không may là gặp nhằm lúc người lái thuyền sửa buồm theo hướng gió, rui ro đụng vào Đình Dục làm Ông mất thăng bằng, sẩy chân té xuống sông, lúc bấy giờ vì gió thổi quá mạnh, thuyền theo hướng gió lao về trước, chỉ trong nháy mắt đã cách chỗ Ông rơi xuống nước cả dặm. Đình Dục khi té xuống nước thì nhìn thấy sóng trắng xóa như tuyết, nhưng thật lạ lùng, nước chỉ đến đầu gối Ông mà thôi, dưới chân Ông hình như có vật gì nâng đỡ rất vững nên Ông không bị chìm mà cũng không lay động nghiêng ngã, chỉ có y phục Ông bay phất phới trên mặt nước mà thôi. Lúc bấy giờ Ông thành tâm trì tụng Chú Đại bi, chưa đầy ba biển thì liền có người thấy, đến tiếp cứu đưa Ông vào bờ. *(Trích Thường Túc Am Tùy bút)*

23. Triều nhà Thanh, niên hiệu Khang Hy năm thứ hai có một ngư dân sống tại một miền duyên hải. Một đêm nọ, Anh cho ghe đánh cá đậu dưới chân một ngọn núi nhỏ, đang mơ màng ngủ thì nghe Sơn thần bảo thuộc hạ rằng: “Sáng ngày sẽ có ghe muối đi ngang qua đây, tụi bây phải để ý và bắt họ lại”. Đến sáng, quả nhiên anh ngư dân thấy có ghe muối trương buồm theo gió chạy ngang qua núi ấy. Vừa lúc ấy thì cuồng phong nổi lên làm cho sóng nhồi rất dữ dội, nhưng lạ thay chiếc ghe muối mấy lần sắp bị lật úp nhưng một hồi lâu vẫn bình yên. Cuối cùng, cuồng phong không đánh úp được chiếc thuyền và nó vượt qua nơi ấy một cách an toàn. Đêm ấy, anh ngư dân vẫn cho ghe mình đậu ở chỗ cũ, nửa khuya Anh đang ngủ thì nghe Sơn thần lớn tiếng quở trách thuộc hạ vì sao trái lệnh Ông, không đánh đắm chiếc thuyền chở muối thì thuộc hạ liền đáp: “Chúng tôi đã vâng theo lệnh của đại thần nhưng lúc làm cho cuồng giông, sóng gió nổi lên, định bắt chiếc ghe muối thì thấy phía sau ghe có Quán Âm Đại Sĩ nên không dám đến gần.” Qua ngày hôm sau, người đánh cá bèn đi tìm ghe muối hôm trước để hỏi cho biết thực hư thì người trong ghe muối cho biết là không ai đứng phía sau ghe ngoài người cầm lái. Người này trì trai đã lâu năm và hàng ngày đều lễ bái phụng thờ Quán Thế Âm rất thành kính. *(Trích Vạn Thiện Tiên Tự)*

24. Triều nhà Thanh, Trình Chiêu người ở huyện Phù Lương, tỉnh Giang Tây, là một bậc hiếu liêm (danh từ hiếu liêm có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất là người có học hạnh do các quan địa phương tiến cử về triều làm quan, nghĩa thứ hai là cách gọi các Cừ nơn đời nhà Minh và nhà Thanh). Trình Chiêu mắc bệnh sốt rét lâu năm nhưng chạy chữa không khỏi nên Ông thành tâm phát nguyện nhất tâm trì tụng Bát Nhã Tâm Kinh. Sau một thời gian thì chứng bệnh của Ông liền khỏi hẳn, nhưng ông vẫn mai chiểu mặc niệm không gián đoạn. Niên hiệu Đạo Quan, năm Quý Ty, Ông vào kinh đô thi Cử nhân thì bị hỏng. Trên đường về, khi ghe Ông đến sông lớn thì sóng to gió lớn nổi lên nên ghe bị lật úp. Trình Chiêu trôi nổi theo chiếc ghe hơn 10 dặm, trong lúc hốt hoảng, Ông chí thành trì niệm Tâm kinh và ôm được bánh lái của chiếc ghe bị úp. Trong phút chốc, Ông cảm thấy như có vật gì đó nâng chân Ông lên nên Ông lấy hết sức trèo lên bánh lái, ngồi yên trên đó. Một lúc sau thì nghe có tiếng nói từ trong bờ nên gọi người đến tiếp cứu, nhờ vậy mà Ông được lên bờ an ổn vô sự. *(Trích Hải Nam Nhứt chương)*

25. Tại tỉnh Giang Ninh có Phật tử tên Phương Đoan, nhạc mẫu của Ông là Trang Thị, thường ngày hay qua nhà con gái và con rể để trì tụng Kinh Phổ Môn, xong việc rồi thì về. Do nhà của Bà, chồng và con trai đều không tin Phật pháp, nên Bà thường rủ các con gái cùng với mình mỗi tối đến tụng kinh tại nhà con rể. Một thời gian sau, gặp lúc quân triều đình trên đường nam chinh, chúng đi ngang qua xóm ấy vào từng nhà dân vợ vét tài vật. Khi các binh sĩ xông vào nhà Phương Đoan, các cô gái vì sợ bị làm nhục nên đồng nhau nhảy xuống sông tự tử, nhưng lạ thay không một ai bị chìm, họ đều nổi trên mặt nước và trôi dạt vào một bãi cát. Còn bọn lính sau khi đã vợ vét tài sản của dân chúng, đem chất xuống ghe. Ngay đêm ấy, giông bão nổi lên đánh chìm tất cả tài sản chúng đã cướp được, riêng bọn chúng nhờ biết bơi nên không bị chết đuối. *(Trích Kinh Tín Lục)*

26. Tại huyện Đông Đoài có một bà lão họ Phương đã ngoài 60 tuổi. Một hôm, bà bồng cháu xuống thuyền để qua sông thì trượt chân tên cầu té xuống nước. Nước sông lúc ấy chảy xiết nhưng điều lạ lùng là mọi người nhìn thấy bà lão bồng đứa cháu vẫn đứng trên mặt nước như đứng trên mặt đất, không bị chìm. Mọi người đều vội vã cho ghe đến tiếp cứu hai bà cháu lên bờ. Khi đưa Bà và cháu bé lên bờ, ai cũng ngạc nhiên, gạn hỏi nguyên do làm sao mà Bà không bị chìm thì Bà lão cho biết: “Tôi vẫn không biết gì là tai nạn nguy hiểm đang xảy ra chỉ vì lúc đó Tôi đang mãi chuyên tâm trì niệm Thánh hiệu Đức Quán Âm”. Bà lão cũng cho biết trong lúc hàng ngày, Bà đều trì niệm Danh hiệu đức Quán Âm và thời gian trì niệm đã lâu năm nên đã trở nên thói quen thuần thục, do đó lúc bị nạn, Bà tin chắc rằng

Bà đã được Bồ tát thù từ gia hộ. Sự việc này do Huệ Sơn Hòa thượng ở chùa Tây Thiên, xứ Kim Lăng thuật lại. *(Trích Quán Thế Âm trì Niệm ký)*

27. Triều nhà Tấn có người tên là Trúc Tường Thư, gốc ở xứ Thiên Trúc nhưng lập nghiệp sinh sống ở Ngô Trung đã lâu năm. Hàng ngày Ông chuyên tâm trì tụng Kinh Phổ Môn. Một hôm, có nhà hàng xóm bị hỏa hoạn nên các nhà tiếp nhau đều bị cháy, Tường Thư lúc ấy nhất tâm trì niệm, cầu xin Quán Âm Đại Sĩ minh gia cứu độ. Túp lều tranh của Tường Thư ở ngay hướng gió, nhưng khi ngọn lửa sắp đến gần thì gió bỗng nhiên chuyển hướng nên nhà Ông vẫn nguyên vẹn. Vào thời đó, dân chúng toàn huyện nghe câu chuyện này đều lấy làm lạ và ngợi khen là việc chưa từng có. Trong số những người nghe chuyện, có một thiếu niên nghe mọi người tán thán sự linh nghiệm của Đại Sĩ Quan Âm thì rất ghét vì Anh không tin Phật pháp. Đêm đến, chờ đến lúc gió mạnh, Anh ta bèn phóng lửa ném vào nóc nhà Tường Thư, nhưng khi củi chạm vào nóc nhà thì ngọn lửa tắt lịm, ném đến lần thứ tư, củi vẫn tắt, không cháy được. Lúc này thiếu niên này thấy kinh ngạc và rất ân hận vì việc làm đầy tội lỗi của mình, nên liền đến trước mặt Tường Thư cúi đầu nhận tội sám hối. Thiếu niên này bèn hỏi: “Ông có thần lực chi mà cả bốn lần Tôi cố ý đốt nhà Ông, lửa đều bị dập tắt?” Tường Thư thành thật đáp: “Tôi không có thần lực gì cả, chỉ là do hàng ngày thành kính trì niệm Thánh hiệu của đức Quán Thế Âm mà thôi. Nhờ Bồ tát từ bi gia hộ, chẳng những không bị tai nạn hỏa hoạn mà mỗi khi có những tai nạn cấp bách gì thì cũng đều được bình an, thoát khổ.” *(Trích Minh Tường Ký)*

28. Đồi Nguyên Ngụy có Thầy thích Pháp Lực muốn xây cất Tịnh xá ở tại Quận Lỗ để tu hành nhưng vì không đủ kinh phí và không có Phật tử ủng hộ nên Thầy cùng với một chú Sa di tên là Minh Thâm, thân hành đi đến Thượng Cốc. Hai thầy trò lưu lại ở lại đó trong một năm để xin chỉ gai đem về bán mà xây Tịnh xá. Công việc vừa kết thúc thì Thầy trò cùng nhau đi về. Trên đường về đi ngang qua một đầm hoang đầy cỏ lau, nhằm lúc mùa nắng nóng nên cỏ lau bốc cháy đúng lúc hai thầy trò đi qua. Do đường xa mệt nên hai thầy trò đều ngủ mê trên xe. Đến lúc lửa cháy đến gần mới choàng tỉnh thì lửa đã bao vây tứ phía. Ngay lúc ấy, Thầy bèn lớn tiếng xưng niệm Thánh hiệu của Đức Quán Âm. Vừa xưng đến chữ Quán chưa đến hai chữ Thế Âm thì gió liền đổi hướng và lửa tắt. Hai thầy trò được bình an vô sự về đến nơi.

LỜI BÌNH: Trong lúc tai nạn cấp bách mà được sự minh gia của Bồ tát như thế là do hàng ngày đã tin sâu và thường thành kính xưng niệm Thánh hiệu Bồ tát, công huân thuần thực nên mới cảm đến Đại sĩ như âm vang ứng tiếng như vậy. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 2)*

29. Triều đại Dao Tần, thầy Thích Pháp Trí kể lại: lúc Thầy chưa xuất gia, từng một mình đến một khu đầm lớn. Lúc bấy giờ nhằm mùa khô nên người dân trong vùng đốt cỏ để trồng hoa màu. Khi thầy phát hiện thì thế lửa đã trở nên dữ dội, vì gió to nên bốn phía đều cháy mạnh, chẳng khác nào một trận cháy rừng. Thầy Pháp Trí lúc bấy giờ bị kẹt trong đám cháy, sanh mạng trăm phần nguy ngập nên trong lúc thập tử nhất sinh ấy, Thầy liền nhớ đến Đức Quán Âm Bồ Tát cứu khổ độ sanh bèn nhiếp tâm khẩn thiết trì niệm Thánh hiệu Quán Âm. Một lúc sau, bỗng nhiên lửa bắt đầu tắt. Khi lửa tắt hết thì Thầy nhận ra cây cỏ trong đầm đều bị thiêu rụi, chỉ có chỗ Thầy ngồi là còn nguyên vẹn, không hề bị cháy. Sau khi thoát khỏi tai nạn này, Thầy liền phát tâm quy hướng Phật pháp, mặc dù còn tại gia nhưng vẫn luôn tinh tấn trì niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát hàng ngày, không hề xao lãng. Một thời gian sau, Chúa Giao Hưng sai Thầy cầm quân đi dẹp loạn. Trong một trận tung hoành, tự nhiên con ngựa của Thầy chạy lạc vào vòng vây của quân địch. Trong tình thế nguy cấp này, Thầy túng thế, vội ẩn mình trong một bụi gai bên dòng suối nhỏ. Tuy nhiên bụi gai này không rậm nên chỉ che được phần đầu và cổ của Thầy mà thôi. Trong giờ phút này, Thầy chỉ còn biết chí thành một lòng xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm, xin Ngài cứu mạng. Lúc ấy, một số người nhìn thấy Thầy núp trong bụi gai nên gọi binh sĩ đến chỉ chỗ để bắt Thầy. Tuy nhiên khi binh sĩ đến chỗ ấy tìm kiếm đều không thấy, tìm một hồi lâu không có kết quả, chúng bèn bỏ đi, nhờ đó mà Thầy thoát được từ nạn. Sau chuyến dẹp loạn ấy, Thầy xin từ quan và xuất gia tu hành. *(Trích Minh Tường Ký)*

30. Thiện Ấp và Mẹo Điền là hai địa phương thường bị hỏa hoạn, dân cư ở hai nơi ấy không ai thoát khỏi, duy chỉ có nhà của Ngưu Khải là không bị ảnh hưởng. Dân chúng do vậy thường bàn tán và lấy làm lạ về việc này. Về sau, một số người lân cận nhà họ Ngưu đến nơi để thăm dò, quan sát thì thấy mỗi lúc trong xóm bị hỏa hoạn, khi lửa dữ lan gần đến phía tà nhà Họ Ngưu kia thì bị tắt hẳn, nhiều lần hỏa hoạn xảy ra thì lần nào cũng như vậy nên người ta đến chái nhà đó để tìm kiếm nguyên nhân thì thấy trên gác chái nhà ấy có để những bản khắc Kinh Quán Âm từ rất lâu. Bấy giờ mọi người mới biết vì sao nhà Khải được thoát hỏa tai. Mọi người bèn quyên góp tiền của để mượn thợ khắc bản, in Kinh Quán Âm để trì tụng, nhiều người lại còn phát nguyện trường trai. Từ ấy về sau, hai địa phương nói trên tai nạn hỏa hoạn dứt hẳn không còn. *(Trích Quán Âm Kinh cận nghiệm)*

31. Tại Minh Huy, có người họ Ôn ngụy ở Côn Sơn, đối diện với nhà Vương Trường lão. Người họ Ôn này phát nguyện trì trai niệm Phật đã ba năm và dự định sẽ đến Phổ Đà Bảo sơn để chiêm bái cúng dường Đức Quán Âm Đại sĩ.

Vào ngày Nguyên Đán, ông sắm sửa hành trang xuống thuyền, bỗng nhiên hiệu buôn bên cạnh nhà Ông bị hỏa hoạn, người nhà vội đi tìm báo tin cho Ông biết và hối thúc phải trở về nhà gấp để lo phòng hỏa hoạn sẽ lan sang hiệu buôn của Ông. Người họ Uông bình tĩnh đáp: “Tôi đã trải qua ba năm chí thành nguyện trường trai niệm Phật, mong được đến Bảo Sơn cúng dường chiêm bái Bồ Tát, hôm nay đâu vì một cái tiệm mà thay đổi chí hướng. Tiệm cháy thì đành chịu, Tôi không thể về.” Nói rồi chiếc thuyền của Ông nhổ neo, trương buồm hướng về phía Hải Nam mà lướt sóng. Sau khi chiêm bái cúng dường Đại sĩ trở về Côn Sơn thì Ông thấy các hiệu buôn bốn phía quanh nhà Ông cùng với nhà Vương Trưởng lão đều thành một đống tro tàn đổ nát, duy chỉ có hiệu buôn của Ông vẫn còn nguyên vẹn. Dân chúng thời ấy đều truyền tụng câu chuyện này và tán thán là điều chưa từng có. *(Trích Hiện quả tùy lục)*

32. Triều nhà Thanh, Phật tử Thái Tư Nhưưng, phụng mạng triều đình thực hiện việc giám sát các tuyến vận tải đường thủy tại cửa sông Hoàng hà. Ông đến Giang Tây, một thị trấn nằm bên bờ sông Hoàng Hà thuê một dãy nhà lớn của dân địa phương để làm công sở. Dãy nhà này không có vách ngăn, bốn phía để trống, nằm liền kề với nhà dân chúng. Ngày 11 tháng 5, thị trấn Giang Tây bị hỏa hạn, tất cả các gia đình đều lo cứu hỏa và dời đồ vật ra ngoài. Trong lúc đó, Phật tử Tư Nhưưng vẫn ngồi yên bất động. Gia nhân thấy vậy rất sợ hãi, đã mấy lần đến thỉnh xin Ông ra ngoài tránh nạn lửa nhưng Ông không nao núng và không ra khỏi chỗ Ông ngồi. Ngọn lửa càng lúc càng dữ dội, lan sang các nơi bên cạnh và thiêu cháy các nóc nhà sát chỗ của Tư Nhưưng. Tuy nhiên có điều rất lạ là khi lửa đến nơi nóc nhà của Tư Nhưưng thì lướt qua khu nhà này và tiếp tục thiêu hủy mấy nóc nhà kế tiếp rồi mới tắt. Dân chúng xung quanh thấy kỳ kỳ bèn gạn hỏi: “Ngài có pháp thuật chi mà được như vậy?” Tư Nhưưng đáp: “Tôi hoàn toàn không có pháp thuật chi cả. Lúc lửa cháy dữ dội, chỉ kiên thành trì tụng Chú Đại bi của Quán Thế Âm Bồ tát để cầu xin Ngài cứu độ cho qua nạn lửa mà thôi.” Có một người nghe xong bèn nói: “Thần chú của Phật linh hiển là lẽ dĩ nhiên, chúng tôi không bao giờ dám phủ nhận nhưng chúng tôi thấy bao nhiêu người trì tụng mà trong muôn người thì không có được lấy một người cảm được sự linh ứng. Vậy mà Ngài dám cả gan ở trong biển lửa, ngồi yên bất động, đây chẳng phải là việc hy sinh thân mạng một cách oan uổng hay sao? Phật tử Tư Nhưưng lại ôn hòa giải thích: “Quý vị nói đúng. Gia đình tôi từ thời tổ tiên đến nay, qua nhiều đời đều chí thành trì tụng Thần chú ấy nên được thoát ly tất cả tai nạn đao binh thủy hỏa, v.v... những việc này không thể nào kể hết được. Chính bản thân tôi trì tụng Chú Đại bi đã hơn 20 năm, mỗi khi gặp cấp nạn thì chí thành khẩn thiết trì tụng liền được cảm ứng. Trước đây, vào niên hiệu Càn Long năm thứ 29 nhà Thanh vào lúc mùa Xuân, lúc ấy Tôi

đang ở Kinh Sư, nhà tôi nằm trên phía Nam hồ Đàm. Một ngày nọ, xóm nhà này phát hỏa, lại nhằm lúc gió Nam thổi mạnh, ngọn lửa nương theo sức gió nên cháy lan dữ dội. Lúc đó, Tôi biết mình không thể nào dời đồ đi cho kịp nên nhất tâm thành kính trì Chú Đại Bi. Chưa xong một biến thì gió đổi hướng, ngọn lửa chuyển sang hướng khác, nhờ đó mà nhà tôi còn nguyên vẹn. Vì vậy, Tôi tin chắc rằng Thần Chú Đại Bi này có năng lực chuyển tất cả ách nạn. Nếu lòng tin không chân thật thì Tôi đâu dám khinh thường sanh mạng, dẫn thân vào chỗ hiểm nguy như thế. *(Trích Tín tâm Lục)*

33. Phật tử Châu Văn Trị tự là Thiếu Tiên, người ở Dur Giao. Trong niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, Ông đỗ Cử nhân. Thiếu Tiên là người chánh trực, nhân hậu, lại đặc biệt có đức hiếu hạnh. Khi nhậm chức Học Chánh ở Châu Hải Ninh, Ông có biên lời tựa cho một quyển sách tên là Thuyết Tiêu Lâu Ích Thọ Tòa ngộ ký, trong ấy có một đoạn văn ngắn kể về một việc hỏa hoạn như sau: Niên hiệu Đạo Quan, năm thứ Tư nhà Thanh, vào ngày mùng 7 tháng 9 năm Giáp Thân, xóm nhà phía Bắc bị hỏa hoạn, xóm nhà này lại nằm sát hướng Đông nhà tôi ở. Tôi thường ngày trì tụng Thần chú Bạch Y của Quán Âm Đại Sĩ không gián đoạn, vì thế trong lúc hỏa hoạn cấp bách này, Tôi cũng vẫn thành tâm trì tụng. Chỉ trong chốc lát, hơn 10 nhà đã thành đống tro tàn, ngay sau đó một trận cuồng phong bỗng nổi dậy, gió đột nhiên chuyển sang hướng Tây nên Thuyết Tiêu Lâu của Tôi bắt đầu chìm vào biển lửa, không làm sao dập tắt được. Tôi liền chí thành trì niệm Bạch Y Thần Chú. Ngay lúc thập tử nhất sinh ấy, thì trời bỗng đổ xuống một trận mưa to mặc dù bầu trời rất quang đãng, gió cũng ngừng hẳn, nhờ đó mà mọi người dập tắt được lửa dữ, tất cả mọi người trong nhà Tôi ai cũng đều kinh sợ. Cũng trong ngày ấy thì phụ thân Tôi đang đi vào trong núi, khi Ông trèo lên đỉnh núi nhìn về hướng nhà Tôi thì xa xa, Ông trông thấy có hai người mặc bạch y cao chừng một trượng, đứng ở hai hướng Đông và Tây trên nóc nhà của Tôi, và cùng làm động tác giống như người đi chừa lửa. Thời gian sau đó, Tôi nhớ hôm ấy là ngày 30 năm Mậu Thìn, một xóm nhà dân ở phía sau căn lầu thờ Pháp bảo ở Hải Dương của Tôi lại bị hỏa hoạn, gió Tây Bắc thổi mạnh nên đưa ngọn lửa áp sát thẳng đến lầu Pháp bảo. Dù thời tiết lúc đó vào mùa Đông, trời rất lạnh nhưng các cánh cửa, song cửa sổ, vách tường đều nóng như lửa than. Khi ấy, Tôi vẫn ở dưới lầu chí thành tụng Chú. Chỉ trong nháy mắt, gió đã dừng lại. Thế là Tôi được sự che chở của Phật lực, tính đến lần đó đã là lần thứ hai.” *(Trích Nhiếp Vân Đài Canh Tân Trai Tùy bút)*

34. Triều nhà Tấn, có người tên Cái Hội ở Sơn Dương, vì bị kết tội từ hình nên nhốt trong ngục. Tội nhân biết lỗi nên suốt ba ngày đêm thành tâm xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm không gián đoạn. Vào đêm thứ ba, Hội thấy

Bồ tát hiện thân, toàn thân Ngài phóng quang minh, chiếu đến thân mình Hội thì xiềng xích rời khỏi thân, cửa ngục tự mở nên liền trốn ra khỏi ngục. Quang minh của Đức Quan Âm dẫn lối cho Hội chừng 20 dặm thì ánh sáng đó mới tắt. *(Trích Quán Âm Huyền nghĩa Ký)*

35. Triều nhà Tấn có Đậu Truyền là người tỉnh Hà Nam. Vào niên hiệu Vĩnh Hòa, Ông bị kẻ địch bắt cùng với bảy người bạn, cả tám người đều bị trói chung vào nhà ngục, xiềng xích gông cùm rất nghiêm ngặt. Sa môn Thích Đạo Sơn vốn là người quen biết với Đậu Truyền nên vừa nghe tin Ông bị bắt thì đến thăm nhưng không vào trong được, chỉ đứng ngoài cửa nói chuyện. Đậu Truyền thưa rằng: “Hiện nay sanh mạng con như ngàn cân treo sợi tóc, Thầy có phương pháp gì cứu khổ cho con?” Thầy Thích Đạo Sơn nói: “Tôi là phàm Tăng, đâu có pháp gì cứu nạn được, tuy nhiên nếu đạo hữu thành tâm quy mạng Quán Thế Âm Bồ Tát, chuyên xưng danh hiệu Ngài thì Ngài sẽ tìm cách cứu khổ, nhất định có cảm ứng.” Thời gian trước đó, Truyền cũng từng nghe nhiều người nói về việc tầm thình cứu khổ của Đức Quán Thế Âm nên bây giờ nghe Thầy Đạo Sơn nói thì liền phát tâm thâm tín, chuyên lòng trì niệm ngày đêm không dứt. Trải qua ba ngày ba đêm, Tuyền cảm thấy thấy gông cùm nơi thân bị nói lỏng như muốn rớt ra, dùng tay tháo thủ thì xiềng xích tuột ra khỏi người. Truyền lại tự nghĩ những người bạn của mình đương bị xiềng xích gông cùm, nỡ nào một mình ta thoát thân nên Ông lại chí thành khẩn thiết cầu đảo Quán Thế Âm Bồ Tát Đại từ Đại bi dùng thần lực phổ độ cho tất cả tù nhân đồng khỏi tai nạn. Sau khi cầu nguyện, ông lại đi cứu những người khác, rồi thừa lúc đêm tối, mở cửa trốn thoát, lính canh không một người nào hay biết. Trèo thành đi được hơn 10 dặm thì trời sáng. Lúc ấy mới biết mình đang trong chốn rừng sâu, nhưng trong chốc lát đã nhìn thấy quân lính bao vây tứ phía, chỗ của tù nhân và Đậu Truyền đang ẩn nấp chỉ cách chỗ binh lính đang tìm khoảng một mẫu nhưng may mắn thay, binh lính không đến đó, nhờ vậy mà tất cả mọi người đều thoát nạn. Các tù nhân sau khi thoát nạn về lại quê hương đều phát tâm tín kính Đức Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, người nào cũng tạc tượng Bồ tát để hàng ngày đều chiêm bái, xưng niệm Thánh hiệu của Bồ Tát. Thời gian sau đó thầy Thích Đạo Sơn đi qua sông ở khu vực đó thì được nghe một Phật tử cư sĩ họ Tạ thuật lại chuyện này. *(Trích Minh Tường Ký)*

36. Triều nhà Tấn có người tên Quách Tuyền Chi ở quận Thái Nguyên, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ tư, vị quan Thứ Sử Lương châu là Dương Tư Bình do giết hại các tham quan nên bị vu oan bắt vào ngục, Tuyền Chi bị nghi là đồng phạm nên cũng bị bắt giam vào ngục, chịu gông cùm xiềng xích, canh gác cẩn mật. Tuyền Chi lúc ở trong ngục chỉ nhất tâm quy hướng Quán Âm Đại Sĩ, ngày đêm chí thành cung kính, xưng niệm Thánh

hiệu của Bồ tát. Đêm nọ lúc sắp ngủ thì Ông bỗng thấy Bồ tát hiện thân phóng quang chiếu trong lao ngục, Tuyền Chi cúi đầu đánh lễ cầu nguyện, một lúc sau thì Bồ tát ẩn mất. Không bao lâu thì Tuyền Chi được ân xá. Sau khi thoát khỏi tai nạn, Ông liền mời họa sĩ đến họa lại Từ dung của Bồ tát đã hiện trong ngục, lại lập Tịnh xá thờ Bồ tát để suốt đời chiêm bái xưng niệm cúng dường Đại Sĩ. *(Trích Minh Tường Ký)*

37. Triều Lưu Tống có Tăng Bao Pháp sư, người ở Kinh Triệu là trụ trì của chùa Kỳ Hoàn. Một hôm nọ lúc đi đường thì trông thấy một bọn giặc cướp sáu người bị bắt đang bị giải đi. Pháp sư vì họ thuyết pháp và khuyên họ chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. Bọn giặc vâng lời chuyên tâm trì niệm suốt từ lúc bị bắt đến lúc bị hành hình. Khi chuẩn bị hành hình thì tất cả vẫn chí thành khẩn thiết xưng niệm, bỗng nhiên có lệnh ân xá của nhà vua nên tất cả đều được khỏi nạn. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

38. Triều Lưu Tống có Thầy Thích Tăng Hồng, người Dự Châu là trụ trì chùa Ngọa Quan tại Kinh Sư. Từ lúc nhỏ, Thầy đã là người nghiêm trì giới luật, tu hành rất tinh tấn. Thời gian sau, Thầy đi khuyến hóa những Phật tử hữu duyên để chung sức tạc tượng Bồ tát Thích ca Mâu ni Phật bằng đồng. Sau khi nấu đồng đúc tượng vừa xong, chưa kịp mở khuôn thì Thầy bị bắt trói đem đến Phủ Tường hạ ngục. Lúc bấy giờ là cuối triều Tấn, hoàng đế ban hành một đạo luật rất nghiêm, cấm nhân dân toàn quốc không ai được dùng đồng. Nếu người nào vi phạm thì xử tử hình không tha. Thầy Tăng Hồng do vậy đã phạm vào quốc pháp nên bị xử tội. Khi vào trong ngục, Thầy chí thành tụng kinh Phổ môn và nhất tâm quy mạng tượng Phật đã đúc. Một đêm Thầy nằm mộng thấy bức tượng Phật đã đúc xong, bức tượng này đến dùng tay xoa đầu Thầy và bảo mọi sự sẽ bình an, đừng lo sợ. Thầy nhìn thấy trước ngực của tượng ấy khoảng chừng một thước vuông, sắc đồng bị cháy nám. Ngày hôm Thầy đi hành hình, Quan Tham Quân, giám sát ở Phủ Tường cho xe bò đến chở phạm nhân đi, thì con bò kéo xe bỗng rống lên bỏ chạy làm hỏng xe, vì thế nên không đến pháp trường được. Quan Giám sát bèn định lại ngày khác thì có chiếu chỉ của Hoàng đế đến, trong đó vẫn tắt mấy chữ: “Tội của Tăng Hồng theo Trẫm nhận thấy thì đáng dung thứ, các người không được giết”. Do vậy, Thầy được thả về chùa bình an. Sau khi về chùa, Thầy liền mở khuôn đúc để đánh lễ tượng Phật thì thấy trước ngực của tượng Phật, quả nhiên có một khoảng vuông bị cháy nám. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

39. Triều đại Lưu Tống, Vương Cầu tự Thúc Đạt là người ở quận Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, ra làm Quan Thái Thú ở Đồi Lăng, tỉnh Tứ Xuyên.

Ông là một vị quan có lòng từ tâm, thương dân như con. Niên hiệu Nguyên Gia, năm đầu, có nội loạn tại địa phương nên Ông bị bọn chúng bắt hạ ngục, gông cùm xiềng xích nghiêm mật. Vương Thái Thú vốn là một Phật tử luôn kính phụng Phật pháp, đối với các Phật sự thường không biếng trễ. Khi bị hạ ngục, nhìn thấy tội nhân hơn cả 100 người đa số đều bị đói khát thì động từ tâm, mỗi bữa ăn đều đem phần mình bố thí chia cho họ, phần Ông thì trường trai và chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm. Vào một đêm, Ông nằm mộng thấy mình lên một pháp tòa cao đẹp, có một vị Sa Môn đem một quyển Kinh trao cho, đề mục Kinh ấy là “Quang Minh Âm Hạnh Phẩm” trong đó có các danh hiệu của chư Bồ Tát mười phương. Vương Cầu cúi đầu nhận lãnh, mở Kinh ra đọc. Sau đó, Ông lại nhìn thấy một bánh xe, thì được vị Sa Môn giải thích là bánh xe luân hồi ngũ đạo. Sau khi tỉnh giấc thì Ông không nhớ danh hiệu vị Bồ Tát thứ nhất, chỉ nhớ danh hiệu Bồ Tát thứ hai là Quán Thế Âm, thứ ba là Đại Thế Chí lúc ấy. Sau khi trì niệm, Ông bỗng thấy xiềng xích đều rời khỏi thân mình thì trong tâm, Vương Thái Thú biết được chính là nhờ Phật tử gia hộ. Bấy giờ, Ông càng tinh tấn chuyên tâm xưng niệm nhưng vì sợ người giữ ngục biết nên Ông tự lấy xiềng xích gông cùm mang vào lại. Ba ngày sau, Ông được bọn giặc phóng thích. (Trích Pháp Uyển Châu Lâm và Minh Tường Ký)

40. Triều đại Lưu Tống có người tên Trương Hưng ở huyện Tân Hưng, tỉnh Quảng Đông. Người này có tâm tín kính Tam bảo và đã nhiều lần theo hai vị Cao tăng là Sa môn Tăng Dung và Đàm Duật thọ bát Quan trai. Niên hiệu Nguyên Gia năm đầu, triều Lưu Tống, Ông bị người vu khống là giặc cướp nên bỏ trốn đi nơi khác. Ở nhà, vợ Ông bị bắt tống vào ngục. Sau khi vợ Ông bị bắt vào ngục thì vài ngày sau đó, nhà ngục bị hỏa hoạn nên phải chuyển các tù nhân ra vệ đường. Lúc ấy có hai vị Sa môn đi ngang qua, vợ Ông thoáng thấy bèn kêu lớn: “Hòa Thượng, xin hai Thầy cứu con.” Tăng Dung nhìn thấy vợ Ông bèn nói: “Bần đạo không có năng lực gì có thể cứu Ưu Bà Di được. Tuy nhiên nếu Ưu Bà Di nghe lời Thầy thì nên chí thành khẩn thiết niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn sẽ qua khỏi tai nạn này.” Vợ họ Trương vâng lời, ngày đêm chí thành cầu nguyện, xưng niệm Thánh hiệu Đại Sĩ. Trải qua thời gian 10 ngày thì một đêm nọ Bà nằm mộng thấy một vị Sa Môn dùng chân đạp mạnh vào chiếc gông trên Thân mình Bà và nói rằng: “Đừng ngủ nữa, dậy mau đi vợ họ Trương”. Bà giật mình tỉnh giấc thì thấy gông cùm trên thân đều rời khỏi thân mình nhưng cửa ngục vẫn còn đóng khóa rất kỹ nên không thể đi ra được. Sợ lính canh biết nên Bà lấy gông cùm xiềng xích mang vào và ngủ lại. Vừa nhắm mắt mơ màng thì thấy vị Sa Môn lúc nãy đến bảo: “Cửa đã mở rồi, hãy thoát ra ngoài đi”. Bà giật mình choàng tỉnh chạy ra, tất cả lính canh đều ngủ mê mệt không hay biết

nên Bà chậm rãi mở cửa trốn thoát. Trời tối mịt nên Bà phải dò từng bước, đi được vài dặm thì bỗng gặp một người, té nhào xuống đất, thế rồi khi hỏi thăm nhau thì mới biết người này không ai xa lạ chính là chồng Bà. Hai người cùng nhau bỏ trốn đến chùa của Sa Môn Đàm Duật. Thầy bảo ở lại vài ngày rồi về nhà, sẽ an ổn và khỏi hẳn tai nạn. (Trích Minh Tường Ký)

41. Triều đại Lưu Tống có Phật tử Trương Sương là người thành kính Tam bảo. Trong nhà Ông thờ Quán Âm Đại Sĩ rất thành kính trang nghiêm, thường ngày đều chiêm bái trì niệm Thánh hiệu của Đại sĩ. Một độ nọ, Nam Tiêu Vương có ý định làm phản nên rủ Trương Sương theo mình nhưng Trương không nghe theo nên Tiêu Vương có ý định giết chết họ Trương để không bị bại lộ. Đêm ấy, Tiêu Vương nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát đến bảo: “Nhà ngươi phải thận trọng, không được giết Trương Sương” nên Tiêu Vương không dám giết. Khi Tiêu Vương bị lộ và bị xử trảm; Trương Sương cũng bị tình nghi nên bị bắt tống vào ngục. Trong ngục, Sương hết lòng thành kính tụng kinh Phổ Môn ngàn biến thì xiềng xích nơi thân tự dưng đứt thành từng đoạn. Quan giám ngục đổi xích khác thì đều vẫn đứt như vậy. Nhiều lần như vậy nên Ông tâm sự việc này lên cấp trên. Có một vị Đại quan trong triều sau khi biết rõ những việc ấy bèn tấu trình lên Hoàng thượng, nhà Vua nghe tin thì cho lệnh phóng thích Trương Sương. (Trích Đàm Tấu)

42. Triều Lưu Tống có Phật tử Hàm Huy, ở Chi Giang cùng với Chú bị người vu oan nên đồng bị bắt nhốt trong ngục tại địa phương, chịu gông cùm rất nghiêm ngặt. Huy là người thờ Phật trong nhà, cúng dường rất trang nghiêm, hàng ngày đều chí thành trì tụng Kinh Phổ Môn nên khi bị bắt vào nhà lao vẫn ngày đêm chí thành trì tụng. Lúc tụng đến khoảng vài trăm biến, thì xiềng xích trên người Huy tự nhiên khua động lớn như tiếng pháo nổ, thế rồi xiềng xích trên thân tự đứt ra và rơi xuống. Huy sợ quan Giám ngục cho là mình chậy phá, vội nhờ người mời quan Giám ngục đến để tận mắt xem việc ấy, vị quan này dù thấy việc này là lạ nhưng vẫn không tin nên lấy xiềng xích khác trói tội nhân lại rồi bỏ đi. Huy vẫn tụng kinh như thường thì sang ngày hôm sau, xiềng xích lại khua động và đứt từng khúc như hôm trước. Quan giám ngục lúc này bèn báo cáo lại với thượng cấp về việc này. Quan trên yêu cầu mang xiềng xích đến xem kỹ lại và cho đòi Huy đến để hỏi rõ nguyên do thì Huy cho biết từ lúc bị hạ ngục đến nay chí thành tụng Kinh Phổ Môn để cầu xin thoát nạn. Các quan nghe nói thì rất tán thán và hết lòng kính phục sự cứu khổ linh ứng của Bồ Tát liền phóng thích Huy cho về nhà. (Trích Minh Tường Ký)

43. Triều nhà Tề, Phật tử Bàn Tử Kiều là người ở huyện Ích Vương, tỉnh Hồ Nam được bổ nhiệm chức Chủ Bộ tại quận địa phương và kiêm việc hầu

hạ giúp đỡ quan Thái thú Trần Văn Long. Hàng ngày lúc rảnh việc thì Ông thường trì tụng kinh Phổ Môn. Niên hiệu Kiến Nguyên, năm đầu nhà Tề, vì phạm tội nên Ông bị trói và nhốt trong ngục. Quan Thái Thú Văn Long lúc ấy vì quá tức giận nên quyết định xử trảm Ông. Từ Kiều vô cùng lo sợ, thấy không có phương cách gì cứu mạng sống được, bấy giờ chí thành nhất tâm xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại sĩ và chí thành tụng kinh Phổ Môn. Khi tụng được hơn 100 biến thì một hôm vì quá mỏi mệt nên nằm ngủ vào ban ngày. Trong ngục cũng có một vị quan vì phạm tội bị bắt nhốt tên là Đổ Đạo Vinh, người huyện Tương Tây. Trong lúc Đạo Vinh ngủ, thì mộng thấy có cặp bạch hạc bay đến đậu ở chỗ bình phong của Từ Kiều. Một con sau đó lại bay đến cạnh Từ Kiều, lúc này Đạo Vinh có cảm giác con hạc ấy dường như là một mỹ nhân, đến tháo cùm ra khỏi người Từ Kiều. Ngay lúc ấy thì Vinh giật mình tỉnh giấc. Nhìn qua chỗ Từ Kiều thì thấy hai cùm chân của Từ Kiều đã rớt ra khỏi chân nhưng cùm vẫn còn nguyên, không có dấu hiệu bẻ khóa gì cả nên Đạo Vinh vô cùng kinh ngạc. Đang chú ý xem thì Từ Kiều cũng vừa thức giấc, cả hai đều nhìn cái cùm mà không hiểu được việc này là vì sao. Lúc ấy, Đạo Vinh bèn hỏi Từ Kiều lúc ngủ có nằm mộng thấy gì không thì Từ Kiều cho biết là mình không có mộng gì hết. Đạo Vinh bèn thuật lại tất cả điềm chiêm bao cho Từ Kiều nghe. Từ Kiều nghe xong, biết chắc là Phật lực từ bi gia hộ cho mình nhưng vì lo sợ quan Giám ngục nghi ngờ là mình làm phản nên lấy cùm mang lại. Khoảng bốn, năm ngày sau đó thì Từ Kiều được phóng thích. *(Trích Pháp Uyển Châu Lâm)*

44. Triều Nguyên Ngụy, trong niên hiệu Thiên Bình, có Phật tử Tôn Kính Đức là một tu sĩ ở Định Châu, tỉnh Trực Lệ. Trước khi xuất gia, Ông là người có tâm tín kính Tam bảo, từng tạo tượng Quán Âm Đại Sĩ để thờ, ngày đêm lễ bái xưng niệm cúng dường. Sau đó, Ông bị nghi ngờ có liên quan đến giặc cướp nên bị hạ ngục. Ở trong ngục, Ông phải chịu đủ hình phạt tra tấn, rất thảm khốc. Một đêm, Ông nằm mộng thấy một vị Sa môn đến bảo: “Người nên tụng kinh Phổ Môn đủ 1,000 biến thì được khỏi nạn.” Vâng lời dạy, Ông chí thành tụng Kinh, đến lúc đưa đi hành hình thì Ông tụng vừa đủ nghìn biến. Lúc đao phủ vừa giơ dao lên chém, thì dao đứt thành ba đoạn, cổ Ông không bị hề hấn gì. Ba lần thay dao đều xảy ra y hệt như vậy nên quan Hữu ty vội bẩm báo việc này lên triều đình. Thừa Tướng Cao Ngoan sau khi tiếp biểu tấu thì dâng biểu xin Hoàng đế Nguyên Ngụy tha tội chết cho Kính Đức. Sau khi được tha về nhà, Ông đến bàn Phật đánh lễ thì thấy trên tượng Quán Âm Đại Sĩ ở nhà, tại nơi cổ có ba dấu dao chém. *(Trích Minh Tường Ký)*

45. Triều Nguyên Ngụy, Lư Cảnh Dục và Tuyết Mân Sơn đều là quốc sinh Quốc Tử Giám, do kẻ ác phao vu có dính líu đến vụ trộm cướp, nên cả hai bị

bắt trói nhốt vào trong ngục Tấn Vương. Hai người này thường ngày vẫn tín phụng Phật pháp và thường chí tâm tụng trì phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm trong kinh Pháp hoa, nên lúc bị nạn vẫn thành kính chuyên tụng kinh Phổ Môn. Lúc nào trong người cảm thấy khỏe thì tụng toàn bộ Bộ Kinh Pháp Hoa. Một hôm, sau thời đọc kinh thì bỗng nhiên gông cùm xiềng xích trên thân của hai người đều tự rớt xuống khỏi thân. Quan Giám ngục nhìn thấy việc kỳ lạ này bèn tâu lên triều đình. Vì nhà vua là người tín kính Phật Pháp nên liền ra chiếu chỉ hạ lệnh tha tội cho cả hai. *(Trích Bắc Ngụy Thơ & Pháp Hoa Cảm thông)*

46. Triều Nguyên Ngụy, Thầy Thích Siêu Đạt là một người học vấn uyên thâm không chỉ trong Phật pháp mà còn ở kiến thức thế gian. Thời bấy giờ, vua Nguyên Ngụy đang ban hành sắc lệnh nghiêm cấm không cho ai được phép chứa Kinh sấm giảng và cho người đi các nơi để xem xét việc thực hiện. Do bị người ghen ghét, thầy Siêu Đạt bị vu khống là có chứa loại Kinh sấm này nên bị bắt giam nhốt trong ngục Tấn Vương. Thầy bị cột cổ vào bánh xe và bị canh phòng rất nghiêm ngặt. Thầy Siêu Đạt tự thấy không có hy vọng gì sống sót nên ngày đêm chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, cầu mong mình được mau tiêu trừ tức nghiệp. Đến canh tư một đêm nọ, bánh xe trên cổ Thầy tự nhiên rớt xuống và biến đâu mất không thấy. Lúc ấy những người canh gác đều ngủ mê, nên Thầy thừa dịp này vội trốn thoát ra ngoài và cố gắng chạy cho thật xa. Nhưng do bị nhốt trong ngục lâu ngày nên hai chân Thầy yếu sức không thể đi mau được. Đến lúc trời sáng, quan quân phát hiện tù nhân trốn mất nên họ phái quân lính bủa ra bốn phía truy tìm. Thầy Siêu Đạt bấy giờ vô cùng sợ hãi, chỉ còn biết núp mình trong một bụi cỏ. Khi quân kỵ binh đi ngang, bụi cỏ chỗ Thầy núp đều bị ngựa giẫm đạp, nằm rạp xuống hết nhưng quân kỵ binh lại không hề nhìn thấy Thầy. Thầy lén nhìn qua đám cỏ thì thấy những kỵ binh này đều dùng da trâu để che mặt. Trong giờ phút này, Thầy chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát để cầu xin Ngài che chở. Quân kỵ binh tìm kiếm một hồi lâu không thấy Thầy nên rút binh về hết. Đêm xuống, Thầy mới rời khỏi chỗ ẩn nấp và tìm đường thoát khỏi hiểm nguy. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 2)*

47. Triều Nguyên Ngụy, thầy Thích Tăng Minh là trụ trì của chùa Thạch Hòa ở Đài Bắc. Vào thời đó, chúa nhà Ngụy bỗng sanh tâm nghi ngờ Sa môn Phật giáo là những người có thể làm phản, nên lệnh cho quan quân bắt đến mấy trăm người, cột trói họ dính chùm nhau, thầy Tăng Minh cũng không thể thoát được nạn này. Thầy bị quan quân cột dây chặt từ đầu đến chân, tống vào ngục để chờ ngày đem đi xử trảm. Trong ngục thất, Thầy nhất tâm thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại sĩ. Đến lúc nửa đêm thì Thầy

có cảm giác dây trói trên thân nói lỏng dần ra, trong tâm Thầy vô cùng vui mừng nên càng thiết tha xưng niệm Thánh hiệu Bồ tát, đến lúc gần sáng thì dây trói trên thân Thầy đều đứt hết. Nhân cơ hội này, Thầy vội thoát ra khỏi ngục chạy trốn. Đến sáng ngày, Quan Giám ngục tới xem thì tội nhân đã biến mất, chỉ còn thấy những khúc dây bị đứt trong ngục. Biết chắc là do Từ lực của Phật minh gia nên quan Giám ngục liền đem việc này tâu lên triều đình. Chúa Ngụy nghe nói nên tình ngộ, xem xét lại mọi sự và tin chắc chư Tăng không phải là những người làm phản, nên hạ chiếu đồng thời phóng thích tất cả. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 2)*

48. Triều nhà Đường, ở tỉnh Hà Đông, trong niên hiệu Trinh Quán, có người tên Đổng Hùng làm chức Đại lý thừa. Ông là người tín phụng Phật pháp từ lúc ấu thơ lại nhiều năm trường trai. Một ngày nọ, do bị nghi ngờ là có dính líu đến vụ án Lý Tiên Đồng là một quan nha trong triều, nên Ông cùng với các bạn đồng lưu là Lý Kính Huyền, Vương Hân, v.v... bị bắt nhốt trong ngục. Hoàng đế rất tức giận nên ra lệnh cho quan Thị Ngự là Vĩ Tôn tra hỏi thật gắt gao. Trong thời gian thọ hình, Ông nhất tâm thành kính tụng kinh Phổ Môn ngày 30 biến, liên tục trong ba ngày thì đến ngày thứ ba, trong đêm ấy, xiềng xích trên thân Ông bỗng nhiên đứt ra và rớt xuống đất. Đổng Hùng lo sợ nên đem việc này nói với Lý Kính Huyền và Vương Hân. Hân liền đến xem xét dây xích thì thấy dây xích vẫn rất kiên cố, các then vẫn dính liền nhau, sợi dây xích rơi cách chỗ Đổng Hùng chỉ vài bước, nên báo lại việc này cho người giữ ngục. Đêm đó, Quan Ngự sử Trương Thử Nhất túc trực trong ngục, Ông bảo người đốt đèn sáng, sau đó lấy xiềng xích khác cột lại, và lấy giấy dán lên trên dây xích để làm dấu rồi bỏ đi. Trong lúc ấy, Đổng Hùng vẫn tụng kinh không thôi, đến lúc canh năm thì dây xích lại đứt từng đoạn và rớt xuống dưới đất, nhưng miếng giấy niêm phong vẫn không bị rách, chỗ dây xích rớt chỉ cách tội nhân nhau vài bước, không có gì thay đổi. Lý Kính Huyền và Vương Hân trước kia là người không tin Phật Pháp nhưng giờ phút này, thấy sự việc của Đổng Hùng như vậy, bèn tự hối lỗi bất tín Tam bảo, Vương Hân phát nguyện trì niệm danh hiệu Tám vị Bồ Tát (*). Khi niệm đúng ba vạn biến thì vào lúc ban ngày, xiềng xích trên người Ông cũng rớt xuống dưới đất không khác gì với trường hợp của Đổng Hùng. Không bao lâu sau, cả ba người đều thoát khỏi nạn hình. *(Trích Pháp Uyển Châu Lâm)*

(*) Danh hiệu Tám vị Bồ Tát bao gồm

1. Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát
2. Quán Tự tại Bồ Tát Ma ha tát
3. Hư Không Tạng Bồ Tát Ma ha tát
4. Kim Cang Quyền Bồ tát Ma ha tát

5. Văn thù Sư lợi Bồ tát Ma ha tát
6. Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ tát Ma ha tát
7. Hư Không Khổ Bồ tát Ma ha tát
8. Tồi Nhất thiết Bồ tát Ma ha tát

49. Triều nhà Minh có người tên Hùm Khai Nguyên, hiệu là Ngư Sơn. Vì mang tội chỉ trích Chu Viên Nho là vị đại quan đương triều nên Ông bị hạ ngục và tra khảo bằng trượng rất dã man. Trong lúc bị tra khảo, Khai Nguyên một lòng trì niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại sĩ nên dù thân thể máu tuôn lênh láng, da thịt rã rời, Ông không cảm thấy đau nhức khổ sở như các tù nhân khác. Thời gian ở trong ngục hơn một năm, ngoài việc chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Đại Sĩ và tụng Bát nhã Tâm Kinh, Ông còn đem Phật pháp giáo hóa cho tất cả tội nhân trong ngục. Hơn một năm sau, Ông bị đày đến Hàng Châu. Một thời gian sau, gặp lúc quốc gia loạn lạc, nên Ông thoát được ngục tù. Sau đó, Ông quyết định xuất gia làm Tăng, tự đặt cho mình Pháp hiệu Chánh Trí, suốt đời ẩn mình nơi non Linh Nham, tỉnh Giang Tô, chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu sớm vắng sanh Cực lạc Tây phương thế giới. *(Trích Cư sĩ truyện)*

50. Triều nhà Minh, Khương Thế với Hùng Ngư Sơn bị hạ ngục do bị ghép tội tạo phản. Nhờ người bảo lãnh nên Khương Thế được phép cho ra ngoài để gặp mẫu thân đang trên đường đến Kinh đô gặp con. Một ngày trước khi mẹ Ông đến Kinh đô thì Khương Thế bỗng nhiên bị đưa trở lại nhà ngục. Quá đau buồn vì không gặp được mẫu thân, Khương Thế hỏi Ngư Sơn có cách nào để được thấy mẫu thân không thì Ngư Sơn khuyên: “Quán Thế Âm Bồ tát Đại từ đại bi tầm thỉnh cứu khổ, nếu chúng sanh nào chí thành cầu nguyện chắc chắn linh ứng. Ông nên xưng niệm danh hiệu Đại sĩ và tụng Kinh Phổ Môn phẩm để nhờ Ngài cứu giúp.” Khương Thế nghe nói thế, liền phát tín tâm, nguyện mỗi ngày ngoài việc xưng niệm Thánh hiệu Đại sĩ thì tụng kinh Phổ Môn 30 biến. Hơn một tháng sau, Khương Thế được phóng thích ra khỏi ngục, và gặp lại mẫu thân. Về sau, Ông đến Hoàng Sơn ở ẩn, cạo tóc làm Tăng tu hành. *(Trích Cư Sĩ truyện)*

51. Triều nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch, Quan Lục Ngũ Đài Thượng thư ở huyện Nam Hồ, tỉnh Chiết Giang có một người đầy tớ trai vì tranh giành tài lợi, đánh lộn với một người khác và lỡ tay làm trọng thương hai người và chết một người. Người tớ ấy quá lo sợ nên cầu cứu với Thượng Thư xin cứu mạng. Ngài Thượng Thư đáp: “Người đánh người và giết người thì phải bị tội, đây là luật pháp của quốc gia, Ta đâu có thể vì tình riêng mà xin cho người miễn tội được. Tuy nhiên, người hãy nghe lời Ta, khi ở trong ngục nếu

hàng ngày người chí thành cung kính trì niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ tát thì ba năm sau Ta sẽ đến cứu người.” Người đầy tớ phụng mạng, nên khi bị bắt vào trong ngục, thì tất cả thời gian đều thành tâm xưng niệm Thánh hiệu Đại sĩ không hề giải đãi. Hơn một năm sau, Hoàng thượng có chỉ dụ cho ân xá tội nhân để cầu quốc thái dân an, người đầy tớ này nhờ vậy được ân xá. *(Trích Quán Âm Cảm ứng Ký)*

52. Triều nhà Thanh có Hiếu Liêm Ngu Thứ Nhang ở huyện Kim Đào, tỉnh Giang Tô, là một Phật tử rất thuần thành với ngôi Tam bảo, lại tu hành rất tinh tấn. Ông thường đóng cửa nhập thất nhiều ngày đêm, lễ Đại bi sám, tụng kinh Kim cang, lại phát nguyện khắc bản ấn tống Kinh Quán Thế Âm, khuyến hóa mọi người trì niệm để được qua khỏi tất cả nạn tai. Mùa Đông năm Đinh Dậu, do bị người vu khống nên Ông bị bắt trói và đưa đến Giang Ninh. Lúc bấy giờ, ai nghe tin cũng đều buồn đau, và nhiều người đã kêu oan cho ông. Riêng Thứ Nhang thì từ khi bị bắt đưa đi, Ông vẫn mặc niệm Kinh Sám không dứt. Khi bị tống vào ngục, dù phải chịu đủ cực hình tra khảo vô cùng thảm thương nhưng Thứ Nhang trong tâm vẫn bình thản như người nhập thiền định. Bọn ngục tốt thấy thế nổi giận, cật lực dùng cực hình tra khảo Ông, chúng dùng kẹp để kẹp vào ống chân Ông nhưng Ông không hề bị thương, chỉ để lại vài cái sẹo đen. Không bao lâu sau, triều đình minh xét lại và cho Ông được trắng án. Con của Thứ Nhang là Sơn Tu, thật là một đứa con chí hiếu. Từ lúc cha bị nạn thì đêm đêm, Tu Sơn đứng ngoài trời, thân không mặc áo, chấp tay thành kính xưng niệm, lễ bái Quán Âm Đại sĩ, nguyện cầu cho Cha mau thoát nạn. Dù gặp lúc đêm Đông, Sơn Tu cũng thực hành như vậy không sai khác cho đến lúc Cha khỏi nạn về nhà mới thôi. *(Trích Quán Âm Trì Niệm ký)*

53. Nghệ Bộc Lão tự Giai Khánh là người coi công bộ, do sơ xuất phạm lỗi nên bị triều đình trách phạt, nhốt trong ngục. Thời gian bị nhốt trong ngục, Giai Khánh thành tâm đánh lễ xưng niệm Thánh hiệu Đại Sĩ và Sám hối tụng kinh. Đột nhiên vào một hôm, Ông nhìn thấy hoa sen năm màu mọc đầy trên vách tường trong ngục, không bao lâu sau thì Ông được phóng thích. Sau khi thoát nạn, Ông xuất gia làm Tăng dưới pháp tòa của Lãng Trượng Pháp sư. Sau này, Giai Khánh làm trụ trì tại chùa Thanh Nguyên, lấy Pháp hiệu là Kiếu Phong Hòa Thượng. *(Trích Hiện Quả lục)*

54. Vương Lương Phong là người ở Hàn Châu đã tự thuật một sử tích Quán Âm cứu khổ như sau: Ở tại Thương Ngu, tỉnh Chiết Giang có một Phật tử làm nghề buôn gạo, tánh tình hiền lương. Trong nhà người này có thờ Quán Âm Đại Sĩ rất trang nghiêm, hàng ngày lại chiêm bái, xưng niệm Thánh

hiệu Đại sĩ. Gia đình Phật tử này chỉ có hai vợ chồng. Một ngày nọ Phật tử này sắp đi xa thì đêm ấy nằm mộng thấy Quán Âm Bồ tát đến bảo: “Người sắp có đại nạn nên Ta đến để cứu độ.” Nói dứt lời, Bồ tát đọc bài kệ 4 câu như sau và căn dặn Phật tử ấy phải ghi nhớ cho kỹ. Bài kệ ấy như sau:

ÂM:	NGHĨA:
Phùng kiều mạc đình chu	Gặp cầu chớ đậu ghe
Ngộ du tức mặt đầu	Gặp đầu liền xoa đầu
Đấu cốc tam thăng mễ	Đấu thóc ba thang gạo
Thanh đan bồng bút đầu	Ruồi xanh đậu ngòi bút

Phật tử ấy khi thức dậy vẫn nhớ rõ ràng và rất lấy làm lạ về bài kệ nói trên nhưng vẫn dặn lòng cố nhớ đừng quên. Phật tử này sau đó thuê chiếc ghe chở gạo đi bán. Đi đến ngày thứ hai thì gặp phải mưa to gió lớn giữa đường, người lái ghe có ý muốn đậu lại dưới chiếc cầu lớn để tránh gió mưa thì Phật tử này lúc ấy bỗng nhớ lại lời dặn trong mộng của Bồ Tát: gặp cầu chớ đậu ghe, nên hối thúc người lái thuyền đi nhanh qua chớ không đậu lại. Quả nhiên, khi chiếc ghe vừa qua khỏi cầu thì nghe một âm thanh chát tai, ngó lại thì chiếc cầu vừa bị sập xuống. Phật tử ấy cảm thấy sự linh nghiệm của Quán Âm Đại Sĩ thật là không thể nghĩ bàn nên từ đó về sau, tụng niệm càng tinh tấn, lễ bái càng kiên thành. Một ngày nọ, khi Ông vừa trở về nhà, lúc đang cúi xuống lễ Phật trong nhà thì chiếc đèn lưu ly treo trước Phật đài bỗng rớt xuống đất, đổ dầu lên lán. Lúc ấy, Ông bỗng nhớ đến câu kệ thứ hai của Bồ tát đã dạy (Gặp đầu liền xoa đầu), nên liền dùng tay xoa đầu đổ dưới đất lên đầu mình. Vào lúc nửa đêm, khi đang ngủ thì Ông bỗng nghe có mùi máu huyết tanh hôi, Ông đột nhiên lên xem thì thấy vợ Ông đã bị giết chết. Lúc hừng sáng Ông chạy vội sang nhà cha mẹ vợ báo tin xấu thì nhạc phụ của Ông liền căn vặn về nguyên do cái chết của vợ Ông, nhưng Ông thể đáp lại được lời nào. Lúc ngày thường, Ông là người rất tín phụng Phật pháp nhưng vợ ông thì ngược lại nên nhạc phụ Ông lúc ấy nghi ngờ là do có chuyện bất hòa thất thường giữa hai vợ chồng Ông nên mới xảy ra vụ việc này. Nhạc phụ Ông vì thế đầu đơn đến Quan huyện tố cáo Ông tội giết người. Quan huyện cho người đến bắt Ông, khi giải Ông về đến Nha môn, quan huyện nhìn sắc diện thì thấy hoàn toàn không có vẻ gì là người sát nhân. Khi lấy khẩu cung của Ông thì quan huyện nhận thấy trong nhà Ông, dù tiền bạc và đồ vật không phải là ít nhưng hoàn toàn không bị cướp đi món nào, khám xét hiện trường thì cửa sổ nhà thì không bị phá, vách tường cũng không bị đào lỗ,... nên đoán chắc hung thủ chắc không phải là trộm. Quan huyện lại tiếp tục tra hỏi giữa gia đình Ông và hàng xóm có hiềm khích

gì không thì Ông liền đáp: “Từ nào đến giờ đối với hàng xóm gia đình Ông không hề mất lòng”. Quan huyện suy nghĩ: “Nhà này không có kẻ oan gia đối đầu, đây không phải là vụ trộm cướp, mà thời điểm án mạng lại xảy ra trong lúc nửa đêm, vậy thử hỏi ai vào đây giết người, hung thủ chỉ có thể là Phật tử buôn gạo này mà thôi, không còn nghi ngờ gì nữa.” Quan huyện sau khi lấy khẩu cung hoàn tất và suy nghĩ như vậy định hạ bút xuống phê vào lời khai thì bỗng nhiên có một con ruồi xanh bay đến, đậu vào ngòi bút. Quan huyện đang lấy làm lạ tại sao có con ruồi đậu trên ngòi bút thì Phật tử này bỗng nhiên la lớn: “Ruồi xanh đậu ngòi bút, thật là ứng nghiệm không sai”. Quan huyện nghe Ông la lớn như vậy nên hỏi nguyên do thì Phật tử buôn gạo bèn đem sự việc trong mộng mà Bồ tát đã dạy và những việc ứng nghiệm đã trải qua thuật lại hết cho quan huyện nghe. Lúc bấy giờ Quan huyện cùng với nha đầu mới cùng nhau suy nghĩ về bài kệ thì thấy câu 1, 2 và 4 đều ứng nghiệm, giờ chỉ cần hiểu được câu kệ thứ 3 là gì thì chắc sẽ tìm ra hung thủ. Suy đi nghĩ lại thì quan huyện bắt đầu hiểu được câu kệ thứ 3 - đấu thóc có 3 thang gạo vậy thì 7 thang còn lại phải là thang trấu, như vậy thì tên nghi phạm hoặc là tên Thất Khang (trấu) hay là Khang Thất. Nghĩ ra như vậy thì quan huyện lập tức cho người đi dò hỏi thì quả nhiên gần nhà của Phật tử buôn gạo có người tên Khang Thất. Quan huyện liền bắt đưa về nha môn để tra hỏi, chỉ sau một lần dùng hình phạt hỏi cung thì tên này đã vội vàng khai. Trước nay, Khang Thất có tư tình với vợ của Phật tử này nên đêm ấy, lúc Phật tử buôn gạo trở về thì Khang Thất không kịp chạy trốn bèn vội núp trong phòng, lúc ấy hấn này sinh ý định giết Ông để cho tiện thỏa ý tư tình với vợ Ông. Do trong phòng tối không có đèn nên chờ cả nhà ngủ say, hấn bò ra để giết Ông. Khi sờ vào đầu của Ông bị dính đầu hấn tưởng là của vợ Ông nên quay sang nhằm đầu người không đầu mà giết, ngờ đầu giết lầm tình nhân của mình. Quan huyện lấy lời khai xong thì ra lệnh hạ ngục Khang Thất và cho người đưa Phật tử buôn gạo về nhà. Quan huyện được chứng kiến sự việc nói trên và cảm thấy sự linh nghiệm của Quán Âm Bồ Tát phi thường, không bỏ rơi người có thiện tâm khi bị nạn nên liền phát tâm thâm tín với Phật pháp và chính mình cũng nguyện thờ Quán Âm Đại Sĩ hàng ngày, chiêm bái xưng niệm cúng dường. Riêng Phật tử buôn gạo sau sự việc đã xảy ra thì cảm thấy sự dâm nhiễm là nguyên nhân gây ra thống khổ cho thế gian nên sanh lòng chán ngán, Ông bèn xuất gia tu hành và sau này đắc đạo quả. *(Trích Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm giảng lục)*

LỜI BÌNH: Phật tử buôn gạo này được sự cảm ứng với Bồ tát là do Ông lúc ngày thường nhất tâm thành kính xưng niệm danh hiệu Đại sĩ nên đến lúc cấp nạn thì Đức Quán Thế Âm ở trong tự tánh của chúng sanh tùy từ cứu độ mà được giải thoát. Nếu bình nhật, Ông không chí thành khẩn thiết niệm

cho thường, đến lúc đại nạn đối đầu với hiểm nguy, trong tâm sợ sệt hãi hùng, tinh thần không sáng suốt thì làm sao còn nhớ mà niệm. Chúng ta lúc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cần phải xem như đang trong tình cảnh sắp bị xử tử, như người bị lửa cháy bao tứ bề mà cầu cứu, phải nhiếp cả sáu căn, một lòng vắng lặng, tâm nhớ miệng niệm cho rõ ràng rành rẻ, tai nghe cho rõ ràng rành rẻ, để Ý nhớ cho rõ ràng rành rẻ. Tâm, khẩu nghiệp tương ứng thì đây là bí quyết tối yếu của người trì danh, bất luận là niệm Phật hay niệm Quán Âm, nếu không được như vậy thì tâm viên, ý mã rất khó được đại lợi ích.

55. Có một người tên Cao Tuân ở huyện Tấn Dương tỉnh Hà Nam, lúc 50 tuổi thì phạm tội sát nhân nên bị bắt trói trong ngục, gông cùm xiềng xích rất nghiêm ngặt. Trong ngục, có một tội nhân bị giam chung mờ lời khuyên răn những tội nhân khác rằng: “Chúng ta nên nỗ lực cùng nhau trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc được thoát nạn.” Trong tâm, Tuân tự nghĩ mình phạm tội sát nhân quá nặng làm sao niệm Thánh hiệu Quán Âm mà khỏi được? Nhưng những người đồng ngục vẫn hết sức khuyên răn: nếu Ông ngày đêm chí thành chuyên niệm Thánh hiệu Đại sĩ, thề từ đây bỏ dũ làm lành, lại phát nguyện nếu thoát khỏi nạn từ hình thì tôi sẽ xây phủ đồ năm tầng cúng Phật và xả thân làm tô tử cúng dường cho tất cả chúng sanh thì Ông sẽ thoát nạn.” Tuân nghe nói như vậy thì ngày cũng như đêm, dụng tâm rất chí thành tha thiết, gông cùm xiềng xích sau đó tự rớt khỏi thân. Quan Giám Ty thấy lạ nên hỏi Tuân duyên cớ gì lại được như vậy thì Tuân đáp: “Tôi chỉ niệm Thánh hiệu Đại Sĩ mà được như vậy”. Quan Giám Ty liền bảo Tuân rằng: “Nếu quả thật Bồ tát thương xót cứu độ người thì đến ngày xử tử hình, người sẽ không chết, như thế mới đúng là sự linh ứng của Phật độ.” Đến ngày hành hình, khi đao phủ giơ đao chém đầu Ông thì đao bỗng bị gãy đôi. Quan Giám Ty lúc ấy mới đem toàn bộ sự việc tâu lên triều đình, nhà vua nghe xong thì liền hạ lệnh tha tội cho Ông. *(Trích Tuyên Nghiệm Ký)*

56. Triều nhà Tấn có Đạo Uông Pháp sư họ Phan, là người ở Trương Lạc. Lúc nhỏ, Ông theo người chú vào kinh sư, đến năm được 13 tuổi thì Ông lại đến Viên Sơn và theo y chỉ của Viễn Tổ xuất gia, nghiên cứu Kinh Luật, rất thông thuộc Kinh Niết bàn. Một hôm, Ông có duyên sự phải đến Lương Châu. Trên đường đi thì bị bọn giặc cướp bao vây và định cướp lấy hết y bát. Uông Pháp sư cùng với đệ tử nhìn thấy tình huống nguy cấp như vậy nên cả hai thầy trò cùng nhau nhất tâm thành kính xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Trong chốc lát thì bỗng nhiên sương mù dày đặc, che phủ khắp trên thân thầy trò Uông pháp sư. Bọn giặc cướp tìm kiếm khắp nơi đều không thấy nên bỏ đi, nhờ đó mà hai thầy trò được thoát nạn. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

57. Triều nhà Tấn có Phật tử Trương Sương là người ở Đổ Lăng, huyện Kinh Triệu. Sương có lòng tín kính Phật pháp từ lúc thiếu niên. Vào niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn, chúa Phù Kiên bị đánh bại nên nhân dân Trường An vô cùng lo sợ, đêm ngày chạy trốn đến khắp các nơi. Lúc bấy giờ, Sương đang trên đường trở về quê nhà cùng với năm người, thì bị binh sĩ trấn đóng bắt lại vì chúng cho rằng Ông cùng với năm người đồng bạn là người đi thám thính từ phía giặc. Tất cả đều bị bắt, cùm tay chân lại và bị chôn đến nửa thân người dưới hố, mỗi người cách nhau 20 bước chờ đến sáng ngày sau sẽ đem đi giết chết. Lúc ấy, Sương tự nghĩ khó có thể nào qua khỏi nên Ông một lòng thành kính chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm. Đến nửa đêm thì gông cùm bỗng nhiên tự rớt ra, nhờ đó mà Ông và mọi người bỏ trốn. Lúc chạy trốn ngang qua một ngôi chùa, Sương dừng bước hướng về chùa thành tâm niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát và chí thành lễ bái, đoạn dùng một tảng đá để trước mặt, phát thệ nguyện rằng: “Nguyện mười phương Tam bảo từ bi chứng giám, xin Quán Thế Âm Bồ Tát thương xót gia hộ, hiện giờ con muốn đến Giang Nam để tỏ bày những oan ức đau khổ với Tấn vương, nhờ Ngài cứu giúp để mọi người cùng vợ con của con được thoát khỏi nạn tai. Nếu nguyện này được toại, xin tảng đá này bể làm hai để con được vững lòng an tâm mà ra đi.” Sau khi Sương phát nguyện lễ bái xong, khi vừa ngược đầu lên nhìn thì thấy tảng đá bể làm đôi. Sương bèn lên đường đến kinh đô, đem những sự oan ức khổ đau tỏ bày với Tấn vương thì liền được nhà vua ra lệnh ân xá cho những người bị bắt giam. Ông liền mang lệnh của Tấn vương về để giải cứu cho mọi người và vợ con. Sự tích trên là do Trí Sanh Đạo nhân chứng kiến nên thuật lại cho mọi người nghe để phát sanh lòng thâm tín đối với Quán Âm Đại Sĩ để được nhiều lợi ích. *(Trích Minh Tường Ký)*

58. Triều nhà Tấn có Sa môn Thích Khai Đạt. Vào niên hiệu Lâm An năm thứ hai, Ông đang trên đường đi thì bị cướp bắt. Lúc bấy giờ gặp nhằm lúc mất mùa nên nhà nhà đói khát, bọn cướp này hàng ngày đón đường bắt người để giết lấy thịt ăn. Khi chúng vừa bắt được Thầy Khai Đạt, liền đem nhốt trong cũi để chuẩn bị giết Thầy lấy thịt. Trong chiếc cũi chúng giam giữ Thầy, đã có trên dưới mười người đều đã bị cướp giết ăn thịt hết. Thầy Khai Đạt kể từ lúc bị bắt vẫn một lòng thành kính thầm tụng Kinh Phổ Môn không hề biếng nhác một phút. Lúc trời vừa sáng, thì bỗng nhiên có một con mãnh hổ từ trong rừng sâu nhảy ra gầm thét dữ dội, bọn cướp nhìn thấy thì kinh hoàng, khiếp vía nên bỏ chạy tán loạn, mãnh hổ bèn bước đến cắn phá thành cũi vừa đủ cho một người chui lọt xong thì thông thả bỏ vào rừng. Thầy Thích Khai Đạt lúc vừa thấy mãnh hổ đến cũi nhốt người thì cứ nghĩ phen này chắc sẽ bị cạp ăn thịt chết nhưng khi thấy cạp bỏ đi thì Thầy mới biết đó là nhờ sự thành kính xưng niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, nên Bồ Tát

đại từ đại bi hiển hiện thần lực để cứu mạng mình. Thầy nhân lúc ấy, vội vàng chui ra khỏi cũi mà chạy trốn, đêm đi ngày ẩn, sau cùng được thoát khỏi tai nạn. *(Trích Minh Tường Ký)*

59. Triều nhà Tấn có Khoan Đạo Tú là người ở Ngô Quận. Lúc hơn 20 tuổi thì được triều đình phái cầm quân đi Bắc chinh, Đạo Tú bại trận nên bị địch bắt, đem bán cho người làm tôi tớ vô cùng khổ sở, trong lòng rất muốn về nước nhưng không biết làm cách nào. Đạo Tú là người tín phụng Phật pháp từ lúc nhỏ nên từ lúc bị nạn đã một lòng thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Đêm đêm Ông đều nằm mộng thấy Bồ tát đứng trước mặt mình. Một hôm nọ, Ông thừa dịp không có người canh gác nên bỏ trốn và nhắm theo hướng Nam mà chạy thì bị lạc vào chốn thâm sơn cùng cốc, không biết lối ra. Đang vô cùng lo lắng không biết phải đi đâu thì bấy giờ trên không trung bỗng thấy kim thân Bồ tát hiện ra và chỉ bảo cho Ông đường đi về nhà. Đạo Tú thành kính lễ tạ thì trong chốc lát, tìm thấy đường về nhà. Sau khi thoát nạn về đến nhà, Ông lễ niệm Bồ tát càng tinh tấn và siêng năng tụng kinh niệm Phật, Ông sống đến 60 tuổi thì tạ thế. *(Trích Minh Tường Ký)*

60. Triều nhà Tấn có một vị quan huyện tên là Loan Tuân, người ở Phú Bình, rất thâm tín Phật pháp. Một độ nọ Ông được lệnh đi tòng chinh ở Lô Tùng. Trong lúc giao chiến, không may chiến thuyền bị bốc hỏa lại bị giặc truy đuổi gắt gao, lúc này thuyền đang đến giữa dòng sông thì sóng gió từ đâu nổi lên dữ dội. Quan huyện thăm nghĩ chắc khó mà qua khỏi nên thành tâm hướng về Quán Thế Âm Bồ Tát tha thiết niệm Thánh hiệu của Bồ tát, mong cầu mình được tiêu trừ nghiệp chướng, dù chết không bị đọa lạc vào chốn Tam đồ. Trong chốc lát, Ông bỗng nhìn thấy trong dòng sông có một người đang đứng sừng, nước đến ngang lưng. Trong lòng Ông lúc ấy tự biết do mình chí thành cầu xin và xưng niệm Thánh hiệu Đại sĩ, cảm đến Từ tâm của Bồ tát nên được Ngài đến cứu hộ thì liền nhảy xuống nước. Khi vừa rớt xuống nước thì lạ thay Ông không hề bị chìm mà đi lại như ở trên mặt đất, giây lát sau thì cứu binh đem thuyền đến tiếp ứng, nhờ đó mà quan huyện Loan Tuân được thoát nạn. *(Trích Minh Tường Ký)*

61. Triều nhà Tống có một Ni sư tên là Lịnh Tông, họ Mãn là người ở xã Cao Bình Kim, tỉnh Sơn Tây. Vào lúc trước khi Ni sư xuất gia thì nước nhà bị loạn lạc, giặc bắt người khắp nơi. Một hôm, trên đường về nhà thì Ni sư bị giặc đuổi bắt, Ni sư nhất tâm quy hướng Tam Bảo, trong tâm liên tục tụng kinh Phổ Môn cầu xin qua khỏi tai nạn. Ni sư theo hướng Nam mà đi thì khi đến Kỳ Châu lại bị giặc đuổi theo. Hốt hoảng Ni sư trèo lên một cây khô để

trốn rồi chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ tát. Bọn giặc đuổi đến nơi nhưng lại không hề ngó lên cây, truy tìm một lát không thấy nên chúng rút quân trở lại. Ni sư sau đó leo xuống và nhắm hướng Nam đi tiếp thì khi đến bờ sông Mạnh Tân do trời bắt đầu tối nên không còn một chiếc ghe nào ở đó nữa. Ni sư trong lòng vô cùng lo lắng bởi thân gái một mình giữa đường trong đêm tối thì e có nhiều hiểm nguy, nên tiếp tục trì niệm Thánh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm. Trong chốc lát, bỗng Ni sư nhìn thấy có một con bạch lộ không biết từ đâu xuất hiện, chậm rãi bơi đến bờ sông. Nhìn thấy nai hiền bơi đến chỗ mình, Ni sư mừng rỡ leo lên lưng nó, và cúi đầu mọp sát lưng nai thì nai liền chờ qua sông. Đến bờ bên kia, Ni sư leo xuống thì toàn thân không hề bị ướt và trở về nhà an ổn vô sự. Sau khi thoát nạn, Ni sư liền phát nguyện xuất gia nhập đạo, học hạnh kiêm toàn, hưởng thọ được 75 tuổi thì Ni sư viên tịch. *(Trích Tỳ Kheo Ni truyện)*

62. Triều nhà Tấn có Phật tử tên là Tất Lãm là người Đông Hinh, tỉnh Sơn Đông, vốn là người sùng tín Quán Thế Âm Bồ tát. Trong một lần theo tướng Mộ Dung Thủy đi chinh phạt giặc Bắc phương thì quân của Ông bị đại bại. Một người một ngựa bỏ chạy trốn nhưng bị binh giặc đuổi theo sát phía sau. Thấy tình thế nguy cấp, Ông liền tha thiết niệm Quán Âm Bồ Tát xin thoát khỏi vòng vây địch. Một lát sau ngó lại thì thấy binh giặc đã bị bỏ lại xa dần sau lưng, nhờ vậy mà thoát nạn. Con ngựa chạy một lúc thì đi lạc vào núi, loay hoay đến lúc nửa đêm vẫn không biết đường thoát ra. Lúc ấy, Tất Lãm lại chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ tát, thì thấy có một vị Tăng pháp phục trang nghiêm, tay cầm tích trượng đến chỉ đường cho Tất Lãm, Ông vâng lời đi theo đường chỉ dẫn thì quả nhiên về đến nhà an ổn. *(Trích Minh Tường Ký)*

63. Vào triều nhà Tấn có quan hữu Thừa Tướng Từ Nghĩa bị quân Mộ Dung Vĩnh bắt được nên bị đem đi xử trảm. Từ Nghĩa bị cùm tay chân và chôn sống nửa người để ngày hôm sau đem đi hành hình. Thừa tướng thấy mình muôn phần không thoát khỏi nạn tai này thì một lòng thành kính thầm tụng Kinh Quán Âm. Đến lúc nửa đêm thì đất tự vỡ ra, gông cùm cũng rời khỏi thân, Ông bèn nhanh chóng thoát ra nhưng xung quanh lính canh rất đông khó thoát được. Một lúc sau, Ông cảm giác như có ai đó đang dắt mình đi, lúc đi ngang qua mặt bao nhiêu lính canh thì không tên lính nào phát hiện. Sau đó, Ông chạy về Toàn Kỳ, xứ Đường. Vua nhà Đường nghe tin thì hạ chiếu mời Ông làm Huyện Lệnh nơi Lạc Dương. *(Trích Tấn Thư)*

64. Triều nhà Tấn có Phật tử tên Lưu Độ là người sống trong khu vực biên thành ở Bình Nguyên, dân chúng trong vùng này có hơn nghìn gia đình đều

kinh thờ Quán Âm Đại Sĩ, hàng ngày đều tụng Kinh Phổ Môn niệm Phật, lễ sám. Một hôm có vị quan là Mộc Đường đến khu vực này để truy lùng bắt tù binh là Mộc Mặc và Từ Bình, hai kẻ này đang trốn tại vùng này sau khi cùng những người khác vượt thành tẩu thoát thành công. Không tìm được những kẻ vượt ngục nên Mộc Đường giận dữ ra lệnh giết sạch dân chúng trong thành. Tin đến như sét đánh ngang tay, nhà nhà đều kinh sợ. Lưu Độ khi nghe tin thì liền phát nguyện trai giới thanh tịnh và đốc xúc nhà nhà đến bảo toạ Quán Âm chí thành lễ bái, cầu xin thoát nạn. Trong lúc ấy nơi Dinh thự Mộc Đường làm việc bỗng nhiên từ trên trời rơi xuống một vật lạ, chiếu sáng nơi cây cột trong tư dinh. Ông lấy làm lạ đến xem là vật gì thì nhìn thấy quyển kinh Quán Âm. Trong lòng Ông vui mừng và nghĩ có lẽ đây là điềm báo dân chúng vô tội nên lập tức xóa bỏ hình phạt tru lục dân trong vùng này, lại bảo toàn dân cùng nhau viết chếp tri tụng, nhờ đó mà trong vùng này, dân chúng hoàn toàn được an ổn và thoát khỏi hãn tai nạn gia hình. *(Trích Minh Tường Ký)*

65. Triều nhà Tấn, nam cung Từ Ngao là người ở Thủy Bình. Vì phạm tội nên bị đày đến thành Tân Bình, tỉnh Vân Nam. Tù binh ở thành này rất hung dữ, thừa dịp phá thành để trốn đi nên Trường Lạc Công cho bắt lại và đem đi tru lục. Từ Ngao biết mình trăm phần không qua khỏi cái chết nên chí thành niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Đến lúc hành hình Từ Ngao, thì đao phủ cảm thấy tứ chi bải oải, mỗi mọt vô cùng, không cầm nổi lấy thanh đao, đao chém xuống chỉ làm trầy sơ sơ chứ không chém được Ông. Bấy giờ chính Trường Lạc Công đích thân tự đến pháp trường, thấy sự lạ như thế nên gạn hỏi Từ Ngao. Từ Ngao ngờ ngác không biết hỏi điều gì nên Trường Lạc Công hỏi lại: “Nhà ngươi có tài năng gì mà làm cho đao phủ không cầm đao nổi?” Lúc ấy Từ Ngao đáp: “Tôi chỉ có chí thành niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát”. Trường Lạc Công nghe xong tức thì ra lệnh phóng thích. Sau khi thoát nạn trở về cố hương, Từ Ngao phát nguyện tạo một tượng Quán Âm nhỏ, dùng hộp đàn hương cất giữ, đi đâu thì đội trên đầu và thường xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. *(Trích Minh Tường Ký)*

66. Triều nhà Tấn có một Ni sư tên Châu Thị, lấy hiệu Minh Cầm, là người ở Cao Bình. Khi chưa xuất gia, Châu Thị đã là người có tâm tín kính Phật pháp. Một hôm, Châu Thị bị bọn giặc cướp bắt được. Tướng cướp thấy hình dung xinh đẹp thì có ý định bắt đem về làm vợ nhưng Châu thị một mực không đồng ý, nên bị mọi hình phạt khổ sở đủ cách. Châu Thị thệ nguyện thà chết chứ không chịu nhục nên Tướng cướp nổi giận phạt Châu Thị phải đi chăn dê. Trải qua suốt 10 năm, trong lòng Châu Thị luôn nhớ nghĩ đến Tam bảo và nuôi ý hướng xuất gia đầu Phật. Một hôm trong lúc chăn dê, Châu Thị nhìn thấy một thầy Tỳ kheo đi ngang qua, bèn kể hết sự tình và cầu xin Thầy truyền trao

ngũ giới. Thầy Tỳ kheo đồng ý, sau khi truyền giới pháp, Thầy trao cho Cô một quyển kinh Quán Âm và bảo phải siêng năng trì tụng. Nhận được quyển Kinh, Châu Thị vui mừng khôn xiết, ngày đêm trì tụng, mong mau sớm được về nhà. Một hôm, thừa dịp vắng người canh gác nên Châu Thị bỏ trốn, nhằm theo hướng Đông mà đi. Do không biết đường nên Châu Thị đi lạc vào chốn thâm sơn cùng cốc, đang không biết làm sao thì bỗng nhiên Cô nhìn thấy một con hổ mình vằn vện trông rất ghê sợ chỉ đứng cách mình vài bước Thoạt vừa nhìn thấy thì hoảng sợ vô cùng, nhưng sau đó khi định tâm lại thì Cô thấy dường như mãnh hổ này không có ý làm hại mình, mà còn ra hiệu có vẻ như muốn Cô đi theo, nên Châu Thị đi theo nó. Trải qua hơn tuần lễ thì đến Tân Châu, lúc sắp bước vào làng thì chẳng thấy mãnh hổ đâu nữa. *(Trích Tỳ Kheo Ni truyện)*

67. Triều đại Bắc châu, ở chùa Đại Trí Viễn tại Kinh Sư có một vị Cao tăng hiệu là Tăng Nhất Thiên sư, họ Trịnh, người Võ Lăng, huyện Hàm Dương. Ông là một Cao tăng đạo cao đức trọng lúc đương thời. Một hôm, vào đúng giờ ngọ, bỗng nhiên Thiên sư lên lầu đóng đại hồng chung, chúng Tăng đều ngạc nhiên nên vội tụ họp tại Chánh điện để nghe Thiên sư giảng dạy. Thiên Sư hối thúc chúng Tăng cấp bách mau mau lên hương đèn. Sau khi lên hương đèn, chúng Tăng gạn hỏi nguyên cớ gì phải làm như vậy thì Thiên sư bảo: “ Vào giờ này, có một giảng đường ở một ngôi chùa tại tỉnh Giang nam sắp sập và sẽ đè chết đến cả nghìn người nên tất cả chúng Tăng nên vân tập lên Phật điện, nhất tâm thành kính tụng kinh niệm Phật và chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ tát để nhờ Ngài cứu độ số người kia.” Tất cả chúng Tăng nghe lời Thầy nói đều vân tập vào chánh điện để tụng Kinh niệm Phật. Cách vài tháng sau, tại Giang Nam có người đến chùa kể lại, đúng giờ ngọ ngày ấy tháng ấy, trong giảng đường tại Dương Châu, tỉnh Giang Nam đang có buổi thuyết pháp, thính giả số đúng 1,000 người. Bỗng nhiên mọi người nghe tiếng niệm Phật tụng Kinh và mùi hương lạ đến từ cửa hướng Bắc của giảng đường, khi vào rồi lại bay ra ở cửa Nam. Thính chúng đều lấy làm lạ, bèn theo hướng có tiếng tụng Kinh và mùi hương niệm mà tìm. Khi 1,000 người vừa ra khỏi giảng đường thì tự nhiên cả giảng đường đổ sập xuống nên không có một ai bị thương. Lúc ấy mọi người vô cùng kinh ngạc. Bấy giờ mọi người mới biết là tiếng tụng kinh niệm Phật và xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm của chúng Tăng ở Hàm Dương đã vang động đến tận chốn Thiên lâm ở Giang Nam. Chúa nhà Lương biết được câu chuyện này, ba phen mời thỉnh Tăng Thật Thiên Sư vào nội cung nhưng Thiên sư đều từ khước không đến. Đến niên hiệu Bảo Định năm thứ ba, triều Bắc Châu, vào ngày 18 tháng 7, Thiên sư viên tịch. Trong triều, từ vua quan cho đến bá tánh, người người đều thương tiếc, rợi lệ khi nghe tin Ngài tịch. *(Trích Cao tăng Truyện - Tập 2)*

68. Cuối triều đại Nguyên Ngụy, Sa môn Thích Pháp Thiên vào một ngày nọ khi đang vân du cùng với các pháp lữ thì gặp một toán cướp rất đông. Thầy Pháp Thiên thấy bọn chúng rất hung dữ nên biết rằng khó có thể đem Phật lý khuyên nhủ chúng. Thầy liền khuyên tất cả các pháp lữ chí thành niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn. Kỳ lạ thay bọn cướp đuổi cách mấy cũng không theo kịp, chúng bèn giương cung lên bắn thì mũi tên đều không bật khỏi dây cung, hoảng sợ chúng vút cung xuống đất nhưng cung tên cũng không rút xuống được. Chúng nghĩ đây là các vị thần nhơn nên sợ hãi bỏ chạy trốn. Nhờ vậy mà thầy Pháp Thiên cùng với các pháp lữ được thoát qua tai nạn nguy hiểm này. Sự tích này do dân chúng vùng ấy kể lại. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

69. Triều Nguyên Ngụy, Sa môn Thích Đạo Tập trên đường đi đến Thọ Dương ở tỉnh Tây Sơn thì bị giặc cướp bắt, chúng đem trói Thầy vào gốc cây để chờ đem đi giết. Khi bị bắt thì Thầy biết trăm phần sẽ chết nên một lòng chí thành niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát không một phút ngơi nghỉ, đến lúc bọn giặc đem Thầy đi giết, khi cầm dao lên chém thì dao gãy từng khúc, không làm Thầy bị thương một mảy may. Bọn chúng thay dao, chém nhiều lần như vậy đều không làm thương tổn đến Thầy nên kinh hãi nghĩ Thầy là Thần nhơn nên lập tức rủ nhau bỏ chạy. Thầy Thích Đạo Tập nhờ đó mà thoát được tai nạn. *(Trích Quán Âm Cảm ứng truyện & Cao tăng truyện - Tập 2)*

70. Vào đời Lưu Tống có Phật tử tên Đặng Hoài Ninh, người Hà Giang, tỉnh Trực Lệ là Đại Tướng quân của Phủ Tham Quân. Một ngày nọ, Ông cùng với Quan Thái Thú Châu Thuần Chi ở Nam quận đi chinh phạt giặc Bắc phương. Chẳng may cả hai đều lọt vào vòng vây của địch. Đặng Tham quân thấy tình hình nguy khốn nên mở đường bỏ trốn cùng với Thái thú và một nhóm quân. Tất cả chạy theo hướng Nam, đêm đi ngày ẩn, liên tục suốt ba ngày đêm. Vì sợ quân địch vẫn còn đuổi theo nên Ông cho người đi do thám, nhưng đợi đến mấy ngày sau vẫn không thấy người này trở lại. Một đêm nọ trời mưa to gió lớn, vào lúc rạng sáng thì người do thám này quay trở lại. Người ấy cho biết trên đường trở về thì từ xa nhìn thấy nơi này có đèn lửa rất sáng nên mừng rỡ chạy về hướng này, tuy vậy khi gần đến nơi thì lại thấy tối om nên phải đợi đến sáng mới tìm được đường về. Thái thú Tuần Chi nghe nói rất ngạc nhiên vì đêm qua trời mưa to gió lớn nên không có ai đốt đèn cả. Lúc ấy Thái thú dò hỏi thì mới biết Đặng Tham quân là người tín phụng Phật pháp từ lúc nhỏ. Đến khi làm Đại tướng trong quân đội, mỗi khi xuất chinh, Ông đều đội Kinh Phổ môn trên đầu, luôn mặc tụng trong đầu không hề bỏ bê. Mỗi khi đêm xuống hay lúc thức giấc, Ông đều đọc tụng thuộc lòng. Mọi người đều tin rằng chính nhờ thần lực

của Pháp bảo mà Đặng Tham quân đội trên đầu nên mọi người đã qua khỏi tai nạn. *(Trích Minh Tường Ký)*

71. Viên Đội trưởng Lý Nho Tuấn là một Phật tử thuần thành. Lúc làm Quan Võ, đóng trấn tại Hồ Lao, có một lần Ông bị quân nhà Ngụy bao vây thành rất nghiêm ngặt. Nho Tuấn trong tình thế nguy cấp, chờ đến đêm tối thì trèo ra ngoài thành, thấy binh địch bao vây tứ phía nhưng đều ngủ mê nên Ông liền nhất tâm niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát trong lúc đi chậm rãi ngang qua dinh trại của địch. Không bao lâu thì quân địch phát hiện nên đuổi theo bắt Ông lại, Nho Tuấn muôn phần sợ hãi nên nhất tâm mặc tụng Kinh Phổ Môn. Giờ phút ấy bỗng đâu có một con tuấn mã chạy đến bên cạnh, Nho Tuấn vốn là võ tướng kỵ mã nên Ông hết sức vui mừng, bèn nhảy lên tuấn mã và phi như bay khỏi trại địch, nên thoát được đại nạn. *(Trích Biện Chánh Luận)*

72. Phật tử Mao Đức Tổ người Tấn Dương, tỉnh Hà Nam là người sùng tín Phật pháp. Trong nhà, Ông thờ kính Quán Âm Bồ tát rất trang nghiêm, hằng ngày cả nhà đều lễ bái xưng niệm. Một hôm trên đường đến Giang nam thì Ông gặp một toán cướp cướp ngựa đuổi theo bắt. Ông hoảng sợ trốn vào một bụi cỏ bên vệ đường, vì bụi cỏ không rậm nên chỉ che được nửa thân người Ông. Biết rằng khó chạy thoát nên Đức Tổ một lòng thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. Trong chốc lát, bỗng trên trời mây kéo dày đặc, mưa đổ xuống như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng dữ dội nên toán cướp hoảng sợ giục ngựa phi bỏ chạy. Đức Tổ nhờ vậy mà thoát được tai nạn. *(Trích Biện Chánh luận)*

73. Phật tử Bùi An có lần đi đường bị giặc cướp bắt và mang đi theo, sau đó thừa cơ hội không có người canh giữ nên liền trốn thoát. Ông lần theo hướng Nam mà đi thì lúc đến bến sông bị tắt đường, không qua được, lúc ấy bọn cướp cũng vừa phát hiện nên đuổi đến gần. Bùi An biết rằng trong giờ phút này sanh mạng trăm phần nguy hiểm, nên chí thành cao tiếng xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ tát. Bỗng nhiên ngay lúc ấy Ông nhìn thấy một con chó sói trắng lội qua sông đến nơi Bùi An đứng, Ông mừng rỡ nhảy thót lên mình chó sói, cúi người ôm sát đầu chó sói để nó chở qua sông. Qua đến bờ bên kia, Ông vẫn còn chưa hoàng hồn thì chó sói đã biến mất. Bọn cướp đuổi theo đến bờ sông thì không còn thấy Ông ở đâu nên ngơ ngác ngó nhau rồi rút lui. *(Trích Quán Âm Huyền nghĩa sơ ký)*

74. Triều đại Lưu Tống có Sa môn Thích Huệ Hòa là vị Tăng ở chùa của dân chúng tạo tại Kinh sư. Vào niên hiệu Nguyên Gia, trong nước bị loạn. Lúc

ấy Ông vẫn là người chưa xuất gia, là bộ hạ của Đại tướng Lưu Hồ. Lưu Hồ lúc ấy cử khoảng 20 người đi làm quân gián điệp thám thính binh tình của địch tại Đông Phương, trong đó có Huệ Hòa. Khi vừa đến Thước Từ thì mọi người đều ly tán. Huệ Hòa cải trang thành một nông dân, mặc đồ rách rưới, vai gánh, tay xách giống như nông dân. Chẳng may, Ông gặp phải quân lính đang lùng bắt gián điệp gặt gao, trông thấy hình tướng của Ông, chúng sanh nghi nên chặn lại hỏi, khi hỏi đến Ông thì nhiều câu Ông trả lời không đúng nên chúng bắt Ông đem về xử trảm. Từ lúc cải trang đến khi bị bắt, Ông đều một lòng thành kính mặc tụng Kinh Phổ Môn. Đến lúc sắp bị chém thì việc tụng niệm càng chí thành. Khi đao phủ giơ đao hành hình thì đao Ông bị gãy, bọn giặc cho rằng Ông là thần nhân nên phóng thích. Sau khi thoát nạn, Ông xuống tóc xuất gia đầu Phật, giới luật nghiêm trì thành một vị Cao tăng thời bấy giờ. *(Trích Minh Tường Ký)*

75. Triều đại Lưu Tống có Phật tử tên Vương Huyền Mô là người ở quận Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, làm Tướng quân tại Ninh Sóc. Lúc ấy Chúa nhà Ngụy là Thác Bạc Thọ, kéo đại quân đến bao vây xứ Ngoạt Đài. Doanh trại Huyền Mô bị vây hãm, binh sĩ thất thủ bỏ chạy nên Huyền Mô bị bắt đem đi xử tử. Lúc sắp bị hành hình, có người đến bảo Ông nên tụng kinh Phổ Môn ngàn biến thì có thể thoát được tử nạn, nói xong thì trao cho quyển kinh. Huyền Mô trước khi làm Tướng quân là một Phật tử thuần thành, đọc tụng thuộc lòng kinh Phổ Môn vì thế nên khi được tặng cho quyển kinh thì Ông đã đọc tụng cho đến lúc đem ra pháp trường, trên đường đi Ông vẫn trì tụng không dứt, khi đủ số 1,000 biến thì bỗng nhiên lúc ấy nhận được lệnh của triều đình hủy bỏ việc hành hình. *(Trích Tống Thơ và Nam sử)*

76. Đời Lưu Tống có vị Sa môn là Thích Đàm Vô Kiệt, Ông cùng với các đồ đệ của mình đến Tây Vực để thỉnh kinh. Khi đến nước Kế Tân, Ông thỉnh được một bộ kinh Quán Thế Âm Thọ ký viết bằng Phạn văn. Thầy trò lại tiếp tục lên đường đến miền Trung Thiên Trúc. Trên đường đi gặp rất nhiều tai nạn nhưng Thầy trò Ông đều chí thành, đồng nhất tâm thệ niệm nơi bộ kinh Quán Thế Âm Thọ ký đang mang theo, không một phút xa rời. Lúc đến nước Xá vệ, thầy trò Ông gặp phải một bầy voi rừng dữ tợn chắn đường nên nhất tâm quy mạng Đại Sĩ, chuyên tâm niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Lúc Thầy trò Ông đang niệm thì bỗng nhiên có một con sư tử từ rừng sâu nhảy ra, đuổi bầy voi chạy mất. Sau đó đi tiếp thì lại gặp đàn trâu rừng đang gầm thét và lao về phía thầy trò Ông. Đàm Vô Kiệt cũng nhất tâm niệm Thánh hiệu Bồ Tát Đại sĩ thì trong chốc lát, trên trời bỗng xuất hiện chim Đại thú lao vút xuống đàn trâu, làm cho chúng hoảng sợ bỏ chạy mất. Thầy trò Ông nhờ vậy qua khỏi mọi tai nạn trên đường đi. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

77. Triều đại Lưu Tống có người đàn bà tên là Sa Thị. Con của Bà là Vương Thanh Nê bị bắt làm tù binh, ngày ngày phải làm việc khổ sai trong trại lính. Sa Thị là một Phật tử tín kính Phật pháp rất thuần thành. Từ ngày con bị nạn, Bà mỗi đêm đều đến trước Phật đài, đốt 7 ngọn đèn cúng dường Tam bảo và chí thành khẩn thiết xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Đại Sĩ, cầu nguyện cho con mau thoát nạn và được trở về nhà bình an. Thực hành như thế trải qua một năm. Một ngày nọ, người con lừa lúc sơ suất của lính canh nên bỏ trốn, theo hướng Nam mà chạy. Lúc chạy trốn thì đêm đi ngày ẩn nên sau đó không còn biết phương nào mà chạy. Điều lạ lùng là khi mỗi đêm đi thì nhìn xa xa đều trông thấy có 7 đốm lửa giống như trong xóm đang đốt đèn lửa, nên người con cứ theo hướng ấy mà chạy. Trải qua 7 ngày đêm thì bỗng nhiên Anh chạy được về đến nhà. Đứng trước cửa nhà mình thì thấy Mẹ đang quỳ mọp trước Phật đài, trên bàn Phật cúng 7 ngọn đèn sáng rõ. Lúc ấy cả hai Mẹ con mới hiểu được nguyên nhân của 7 đốm lửa dẫn đường từ những ngày trước chính là do Thần lực của Đại sĩ đại từ đại bi cứu nạn. (Trích Tuyên Nghiệm Ký)

78. Triều nhà Lương có thầy Thích Tăng Lãng bị binh sĩ nhà Ngụy bắt cùng với người bạn đồng học. Trên đường đi, thừa lúc lính canh sơ hở thì bỏ trốn nhưng vì quân phòng thủ nghiêm ngặt nên không thoát được vòng vây. Khi chạy đến bên ven núi như bức vách cao thì nhìn thấy một cây đại thụ. Lúc ấy trời đã tối, Thầy liền dùng dây cột lên đại thụ để theo dây trèo xuống vực núi, do trời tối không thấy mà ven chân núi phía dưới vực lại toàn gai góc không thể đặt chân xuống, nên phải ở trong cành ấy nắm dây treo mình tồn ten giữa vực thẳm, khó có thể nào chịu đựng lâu được. Thầy cùng đồng bạn trong tình thế nguy cấp này bèn chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Trong chốc lát bỗng thấy có tia sáng mặt trời chiếu trên đầu, soi sáng khắp khu vực núi, nương nhờ ánh sáng ấy mà thấy được dưới chân núi giữa đám gai có chỗ có thể đặt chân, nên trèo được xuống. Khi chân vừa chạm mặt đất, thì trời liền trở lại tối om như trước. Cả hai người đợi đến lúc trời sáng, thì lại nghe thấy binh sĩ nhà Ngụy thổi sừng làm hiệu lệnh phát binh truy tìm. Trong thâm sơn cùng cốc, Thầy và người đồng bạn hoàn toàn lạc lối, cố gắng tìm đường nhưng vô vọng. Lúc ấy bỗng đâu xuất hiện một con mãnh hổ ở phía trước mặt. Thầy Tăng Lãng liền nói với người đồng bạn: “Chúng ta chí thành xưng niệm Thánh hiệu Bồ Tát Quán Âm, chắc có cảm ứng đến Từ tâm của Bồ tát cho nên đêm qua Ngài đã cho quang minh chỉ dẫn đường, giờ đây chúng ta lại không tìm được lối ra mà gặp mãnh hổ, chắc là do Bồ tát từ bi lại chỉ đường thoát nạn cho chúng ta.” Nói rồi bèn cùng đi về phía mãnh hổ. Nhìn thấy hai người đi về phía mình thì mãnh hổ thông thả đi trước. Lúc nào cả hai người mệt đi chậm thì mãnh hổ cũng ngừng nghỉ, rồi lại tiếp tục

đi. Đi suốt mấy ngày đêm như vậy thì Thầy ra khỏi chốn rừng núi hiểm nguy đó. Khi ra khỏi rừng thì mãnh hổ cũng biến mất không còn tìm thấy một dấu vết nào. (Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)

79. Có một Phật tử tên là Vương Ất, sanh trưởng trong một gia đình cha mẹ đều là người thâm tín Tam Bảo nên Vương Ất từ lúc năm tuổi đã biết trì chú Như Ý Bảo Luân và rất tin cần. Vào niên hiệu Khai Nguyên năm đầu, Vương Ất cùng với hai người bạn đi đến Bắc hà. Lúc lên thuyền thì người chủ thuyền ấy tỏ ra rất thân mật, khi đến giữa sông thì người chủ thuyền bèn lấy rượu thịt và thức ăn ngon chiêu đãi mọi người. Lúc người chủ thuyền trao rượu cho Ất uống thì bỗng nhiên Ất nghe trên không trung có tiếng bảo đừng uống, trong tâm Anh thấy vô cùng kinh ngạc nên thừa lúc mọi người không để ý, lén nhà rượu ra ngoài. Mọi người uống rượu vào thì tất cả đều say và lăn ra ngủ, riêng Ất thì vẫn tỉnh. Khi thuyền đi đến tối thì ghé vào bờ để qua đêm, trong lòng Ất lúc ấy vẫn suy nghĩ mãi về sự hào phóng của người chủ thuyền, và nghi ngờ ắt phải có việc gì đây nên không dám ngủ mà chí thành trì niệm Thần chú. Ngay lúc ấy, Ất bỗng nhìn thấy tên chủ thuyền tay cầm chiếc búa sáng loáng, nhảy vào đám người đang nằm ngủ say kia, thoát một cái đã ra tay chém chết người nằm ngoài bìa, sau khi hấn chém chết hai người bạn của Ất thì đi về phía Ất. Lúc bấy giờ, Ất mọp đầu xuống sát ghe, miệng vẫn trì tụng thần chú để chờ chết. Giờ phút ấy, tự nhiên đèn trong thuyền vụt tắt, tên chủ thuyền chém loạn xạ, trúng vào lưng Ất nên máu chảy lênh láng. Đột nhiên, ở cái cửa đã bị đóng đinh và khóa chặt từ lâu, có hai người đập cửa xông vào, diu Ất xuống sông. Do nước sông quá sâu không lội qua sông được nên hai người này khiêng Ất lên bờ. Ất bị chém ba nhát búa nên máu chảy lênh láng khắp người nhưng kỳ lạ là không hề thấy đau đớn. Khi ra khỏi chiếc ghe, gió thổi đến thân thì máu tự động ngừng chảy, chỗ bị thương cũng tự lành. Đặt Ất xuống bờ sông, hai người lạ cũng biến mất. Ất lần mò trong đêm tối mịt mù, đi được một đoạn đường thì đến được một ngôi nhà lá. Anh bèn xin vào nghỉ trọ để dưỡng thương. Ở đây được năm sáu ngày thì Ất nghe người đi đường bàn tán về việc có một tên chủ thuyền vừa bị bắt tại Biện Châu Cơ về tội giết người. Lúc bị bắt, tên chủ thuyền tàn độc này khai rằng khi hấn ra tay hạ sát được bốn người xong thì lúc đến chỗ của người thứ năm thì đèn trên thuyền bỗng phụt tắt nên hấn chém loạn xạ. Sau đó thì thấy người này mất tích nên trong lòng hấn vô cùng hoảng sợ, người như mê sáng vì thế nên bị phát hiện và bị bắt. Vương Ất bị chém ba vết búa, hai vết thương đã lành, còn một vết thương bị nặng nhưng đều không tổn hại đến gân xương nên Anh ở lại đó điều trị thêm vài ngày, không bao lâu thì tất cả vết thương đều lành lặn như cũ. (Trích Quảng Di Ký)

80. Triều nhà Đường, vào niên hiệu Thiên Bảo năm đầu có một người tên là Thành Khuê, làm Thái úy ở huyện Thường Sa, chịu trách nhiệm về việc vận tải cây gỗ đến Hà Nam để làm cầu. Trong chuyến đi đến Hà Nam, khi thuyền của Ông vừa đến Dương Châu thì gặp mưa to gió lớn, sóng nổi dậy rất cao nên thuyền bị chìm, cây gỗ bị thất lạc rất nhiều. Quan Châu Ty cho rằng Thành Khuê đã mượn cớ để trộm gỗ đem bán nên cho tra khảo rất tàn khốc. Chịu không nổi việc tra khảo nên dù không có tội, Thành Khuê vẫn phải nhận tội. Quan Châu Ty bèn đệ đơn lên Đầm Phủ về tội trạng của Thành Khuê. Ban Cảnh Sai là quan tại Đầm Phủ bèn phái Vương Cẩn đến Dương Châu giải Thành Khuê về trị tội. Vương Cẩn là người tham lam muốn ăn đứt lót nên khi giải phạm nhân đi, thì không gông cùm xiềng xích, dẫn đi đường bộ đến Giang Ninh, đưa xuống thuyền rồi mới dùng xiềng xích trói Thành Khuê và bỏ vào phòng kín chỉ chứa một lỗ để đưa thức ăn vào. Thành Khuê trong lòng biết rằng khi đến Đầm Phủ chắc không qua khỏi nạn hình, nên trong lòng thành kính xưng niệm Quán Âm Bồ tát tầm tinh cứu khổ nạn. Thành Khuê hàng ngày chỉ được cho ăn một bữa, có khi cũng không cho ăn, chỉ có uống nước cầm hơi qua ngày. Trải qua hơn mười ngày như vậy thì đến Từ Châu. Lúc này trời cũng đã tối, Thành Khuê vẫn chí thành khẩn thiết tụng niệm. Trong phòng tối lúc ấy, tự dưng gông cùm đều rớt khỏi thân người, Khuê biết chắc là do thần lực của Bồ tát giúp đỡ nên đợi đến đêm khuya mọi người đã ngủ thì bỏ trốn. Ông đi ra phía sau thuyền, đến nơi phòng của Vương Cẩn gọi Cẩn dậy và hỏi: “Vương Cẩn, người đối với ta như thế nào?” Vương Cẩn kinh hãi ngồi dậy hỏi: “Tại sao người đến được chỗ này?” Thành Khuê bèn đáp: “Ta thà đem thân mạng chôn trong bụng cá, đâu cam chịu chết dưới bàn tay của các người.” Nói xong thì Thành Khuê lao người xuống dòng nước. Khi thân chạm nước thì trong giây lát, Ông gặp một miếng ván lớn, ở giữa có cây trụ lớn. Thành Khuê leo lên ngồi trên miếng ván, tay ôm cây trụ thì nổi lênh bành trên mặt nước. Lúc ấy trời tối đen như mực, nhìn ra bốn phía mênh mông, Ông càng chí thành tha thiết niệm Quán Âm Bồ tát. Miếng ván ấy theo sóng đánh, trôi vào một bãi lao sậy. Khi trời sáng thì Ông ra khỏi bãi lao sậy ấy, đi vào trong xóm, dân chúng bèn giúp đỡ đưa Ông đến Từ châu. Sau khi thuật lại những tai nạn đã qua với các quan đồng liêu thì ai cũng đều thương cảm, mọi người đều giúp đỡ lương thực và ngựa cưỡi để Ông trở về kinh đô kêu oan. Khi đến Kinh đô, Ông đến gặp quan Ngự sử để tỏ bày nỗi oan ức khổ đau trong thời gian qua. Nghe hết câu chuyện của Ông, quan Ngự sử vô cùng cảm động và tâu lên triều đình nên Ông được tha tội. Quan Ngự sử cũng nhân chuyện này mà phát tâm thâm tín với đức Từ bi cứu độ của Quán Âm Bồ tát. (Trích Tập Dị Ký)

81. Triều nhà Đường có Phật tử tên là Từ Thiện Tài, người ở huyện Lễ Tuyên tỉnh Thiểm Tây. Thiện Tài quy y Tam bảo, trưởng trai giữ giới từ lúc nhỏ, và thường đọc tụng Kinh Phổ Môn đến hơn vài ngàn biến. Một hôm, Ông đến chùa Viên Hưng ở Kinh thành để dự trai tăng cùng chúng tăng nơi chùa ấy. Xong việc thì trên đường trở về nhà, chẳng may gặp phải bọn rợ Hồ man rợ chuyên bắt người Hán đem đến Hồng Nhai để giết. Rơi vào tay rợ Hồ, Ông biết mình khó thoát khỏi bàn tay hung ác của bọn chúng nên nhất tâm mặc tụng Kinh Phổ Môn, không còn quan tâm gì đến cảnh vật xung quanh. Khi bọn chúng đem Ông đi giết, Ông vẫn không hay biết gì. Đến nửa đêm thì mới thấy mình đang ở trên cành cây của một đại thụ đứng giữa suối sâu cách bờ trên 300 mét. Thiện Tài dùng tay sờ nơi cổ thì có cảm giác hơi đau nhức nhưng không thấy có vết thương. Ông bèn lần mò trèo xuống suối, men theo dọc bờ suối đi về hướng Nam khoảng năm sáu mươi dặm thì trời dần sáng. Lúc ấy, Ông đã cách bọn giặc rất xa nên về đến nhà bình an vô sự. Đến nơi, Thiện Tài kể lại cho mọi người nghe nên ai cũng tán thán lòng đại từ đại bi của Quán Âm Đại Sĩ. Sự tích này do Uyển Pháp sư thuật lại. (Trích Pháp Uyển Châu Lâm)

82. Tại Ngô quận có Phật tử Lục Huy. Vì phạm tội nên bị bắt trói tống vào ngục và đợi ngày xử tử. Trước khi vào ngục, Ông căn dặn người nhà phát tâm thành kính tạo tượng Quán Âm Bồ tát để hàng ngày lễ bái xưng niệm cúng dường, cầu xin cho Ông thoát nạn tử hình. Đến khi Ông bị đem ra chém thì đao liền bị gãy. Cả ba lần chém thì ba lần đao đều bị gãy, nên không gây thương tích gì cho Ông hết. Quan giám sát kinh ngục dò hỏi nguyên do thì Lục Huy cho biết: “Trước khi bị bắt vào ngục, tôi có thành kính phát nguyện và bảo người nhà tạo tượng Quán Thế Âm để lễ bái cúng dường, cầu xin thoát khỏi tử tội. Chắc do nhờ từ lực của Bồ tát nên đao bị gãy ở pháp trường không chém được.” Quan giám sát nghe việc ấy rồi thì tâu lên triều đình, nhà vua nghe xong thì hoan hỉ phát lệnh tha cho Lục Huy. Sau khi thoát nạn về đến nhà thì Lục Huy đến trước Phật đài để lễ bái Đại sĩ, Ông xem lại thì thấy trên cổ có vết tích của ba lần đao chém. (Trích Tuyên nghiệm ký)

83. Triều nhà Đường vào niên hiệu Quán Khai có giặc Hoàng Sào nổi loạn. Bọn chúng đi đến chỗ nào thì chỗ ấy xác người chất đầy khắp nơi, máu chảy như sông. Vì thế nên từ thành thị cho đến nông thôn, nhà nhà đều bỏ chạy trốn nên đâu đâu cũng như là chốn hoang vu. Một hôm họ, chúng kéo đến Hàn Châu, dân ở đây vô cùng kinh sợ, già trẻ gái trai cả mấy vạn người kéo nhau đến trước bả tọa thờ đức Quán Âm Bồ Tát, tiếng xưng niệm lẫn tiếng khóc than vô cùng thảm thiết. Muôn người như

một, thành tâm cung kính cầu nguyện xin Bồ tát gia hộ cho qua khỏi tai nạn này. Trong xứ Hàn Châu thời ấy chỉ có tướng Tiền Lưu là người có thể cứu nguy cho mọi người nên nghe tin giặc đến, Tiền Lưu tập họp binh mã và mang quân ra để chống cự lại. Lúc hai bên đang giao chiến, Tiền Lưu và binh sĩ bỗng nghe trên không trung có tiếng niệm Phật tụng kinh, khi ngược nhìn lên thì thấy Bồ tát Quan Thế Âm thân tướng đoan nghiêm, đứng nơi cụm bạch vân, có hoa sen đỡ chân, tràng phan bảo cái, cờ xí rợp trời cùng hòa đầu kim cương, chúng Thiên long bát bộ vô lượng vô biên theo hầu Bồ tát. Nhìn thấy cảnh tượng trang nghiêm ấy, binh sĩ của Tuyền Lưu như có thêm sức lực gấp trăm lần, ngược lại, tướng giặc Hoàng Sào kinh sợ tự thán: “Không được, đây là Phật quốc rồi”, nên lập tức hạ lệnh rút hết binh chỉ trong một ngày, nhờ vậy mà Hàn Châu đang trong cảnh bị bao vây được trở lại cảnh thái bình an lạc. Tướng Tiền Lưu từ ấy trở đi càng thêm tin đức Từ bi cứu khổ cứu nạn của Quán Âm Đại Sĩ. *(Trích Thiên Trúc Chí)*

84. Triều nhà Đường, thời vua Chiêu Tôn, niên hiệu Càng Ninh năm đầu, vào lúc tháng Giêng tại xứ Việt Châu có tên Đổng Xương dấy quân nổi loạn. Chúng đốt phá kho lương thực của phủ địa phương, bắt quan lại chém giết, dân chúng Chiết Giang thời ấy vô cùng sợ hãi, vô số người đã bị chúng giết chết và bị thương. Quan Tiết Đô Sứ lúc ấy là Tiền Lưu, trấn đóng tại Hải Ninh, nghe tin nên đích thân đến trước Đại sĩ Quán Thế Âm Bồ tát chí thành lễ bái, xưng niệm cầu nguyện Đại Sĩ từ bi gia hộ cho muôn vạn sanh linh mau thoát qua khỏi họa hại hoạn ly này. Sau khi cầu nguyện xong, Ông dẫn quân đi trừ diệt quân nổi loạn. Khi hai bên đang chuẩn bị giao chiến thì mọi người bỗng nghe trên không trung có tiếng muôn ngàn kỵ binh rầm rộ, Đổng Xương kinh ngạc không dám tiếp chiến và hạ lệnh rút binh, toàn xứ Việt Châu nhờ vậy mà được bình an vô sự. *(Trích Thiên Trúc Ký)*

85. Ở Thái Bình Châu có tên Lục Đức một ngày nọ mưu phản nên kéo binh đốt nhà, cướp của dân chúng, và giết hại quan lại địa phương. Vị quan Từ Thái Quý ở Vu Hồ khi bọn chúng kéo đến, trốn không kịp nên bị chúng bắt đem đi hành hình. Lục Đức đích thân đem Từ Thái Quý ra xử trảm, khi chuẩn bị chém Ông thì thấy nơi cổ của Thái Quý có ba đường hào quang xuất hiện nên dừng tay không dám giết hại, lại còn bảo người đem tài sản giao trả lại hết. Lục Đức hỏi thăm duyên cớ thì Thái Quý cho biết Ông là một Phật tử thâm tín, thuần thành với Phật giáo, mỗi ngày Ông đều xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm 1,000 biến và tụng một Bộ kinh Viên Giác, thế nên trong lúc muôn phần khó thoát đã được Bồ tát từ bi che chở, qua khỏi một cách tự nhiên. *(Trích Vi Kiện Chí)*

86. Triều đại nhà Tống ở tại Hà Dương có một vị quan tên là Thế Hạnh, Ông cũng là một Phật tử thuần thành, ngày ngày đều chí thành lễ bái Quán Thế Âm Bồ tát và cung kính niệm Thánh hiệu Đại Sĩ. Niên hiệu Khánh Nguyên vào năm đầu, Ông phát nguyện tự tay mình sẽ sao chép kinh Phổ Môn 200 quyển để bố thí cho mọi người trì tụng. Sau khi phát nguyện xong, Ông trai giới thanh tịnh, thành kính viết chép vừa được 20 quyển thì bỗng đâu có một đám quạ vài mươi con đậu trên nóc nhà kêu la thảm thiết. Thế Hạnh nghe tiếng quạ kêu thì đứng lên đuổi chúng đi nhưng chúng không chịu bay. Ông bèn đến trước Đại Sĩ lễ bái cầu nguyện và khi bước ra sân để đuổi chúng đi lần nữa thì lần này Ông nhìn thấy có một con quạ bị trúng tên chảy máu, những con xung quanh đang vì con quạ bị thương, cố gắng nhỏ tên ra mà không được, do vậy mà chúng kêu la buồn thảm. Thế Hạnh bấy giờ vội xưng niệm Nam mô Bảo Thắng Như Lai, Nam Mô Cứu khổ Cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát, rồi dùng cây bút mình đang chép kinh chỉ thẳng về phía con quạ, bỗng đứng mũi tên kia liền rút khỏi thân quạ, con quạ kia liền được bình phục. Bầy quạ vui mừng, tất cả đều bay lên trời. Thế Hạnh đến trước bảo tọa để đánh lễ Đại Sĩ thì mũi tên từ mình quạ rơi xuống sân lúc này đã ở bên cạnh nơi thờ Phật. Sự linh nghiệm này thật không thể nghĩ bàn. *(Trích Chuyển Nhơn Lục)*

87. Triều nhà Tống của vua Thái Tông, vào niên hiệu Ung Hy năm thứ 3, vào lúc tháng năm, Đại tướng Tào Mân bị đánh bại ở Kỳ Câu nên tình thế nước nhà ở vào thế nguy kịch. Thái Tông Hoàng đế trong lòng vô cùng lo buồn, liền sai Viên Nội sứ đi đến Thượng Thiên Trúc, chí thành lễ bái cầu xin Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi giải cứu ách nước nạn dân. Viên Nội sứ vâng lệnh Thái Tông hoàng đế đến Thượng Thiên Trúc cầu nguyện thì trong đêm ấy, binh sĩ trong trại bỗng nhìn thấy ở phía sau ánh sáng ngọn lửa, có một vị tướng mặc kim giáp, cao chừng vài trượng, đứng ở trên mây trắng, đang cầm cờ đỏ chỉ huy để binh sĩ tiến đánh vào trại giặc. Binh sĩ cảm thấy vô cùng hăng hái nên lập tức tiến quân tấn công, còn quân địch thì kinh hồn bỏ chạy tán loạn, toàn bộ quân giặc lập tức lui binh, trả lại cho Kỳ Câu sự an bình như trước. *(Trích Thiên Trúc Ký)*

88. Tại Phủ Quảng Tín, tỉnh Giang Tây có một cái động thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát. Theo người đời truyền lại thì vào triều đại nhà Tống, một số dân chúng tại Núi này chuyên khai thác lấy mỏ đồng để sinh sống, nên họ đào núi thành một cái hang sâu không tưởng tượng được. Một ngày nọ, bỗng đâu xuất hiện một cô gái vô cùng xinh đẹp, tay xách một cái lồng cá lia thia đứng ngoài cửa hang rao bán. Những người thợ đang làm việc, nghe tiếng rao bán cá, thấy lạ đua nhau chạy ra xem. Mọi người vừa chạy ra hết

thì ngọn núi sập xuống, mọi người còn đang kinh hoàng thì lúc ấy cô gái bán cá cũng bỗng nhiên biến mất. (Trích Quảng Tín Phù Chi)

89. Tại huyện Tu Văn, Quý Châu có một động bạch thủy chuyên sản xuất thủy ngân. Quan huyện vùng này xây cất nhà cửa cho dân chúng sinh sống để khai thác lấy thủy ngân. Số nhân công ước trên nghìn người, sống ở dưới chân núi trong khoảng vài trăm nóc nhà. Cách khu vực họ ở khoảng vài dặm là một con suối nước trong veo nhưng lại gần cạn. Một hôm họ có một người phụ nữ tuyệt đẹp đến tuổi ấy tằm, nên dân chúng hiếu kỳ bỏ nhà kéo ra xem. Khi ra gần đến suối thì ngọn núi bỗng nhiên sập xuống, đè bẹp hết nhà cửa nhưng may mắn không có người bị thương, người phụ nữ đang tắm trong suối lúc ấy bỗng nhiên cũng biến mất. Dân làng chuyển đến xây dựng làng mạc ở một khu vực khác. Hơn ba năm sau, một số người trong làng đến khu núi sập trước đây để tìm thuốc thì nghe trong đồng đá có tiếng gọi cứu, mọi người sợ hãi bỏ chạy thì nghe tiếng kêu lớn: “Tôi đây là Triệu Nhị ở trại Tây, năm xưa bị núi sập đá đè nhưng may mắn có một lỗ hờ trống giữa đồng đá nên thoát chết. Xin mọi người cứu giúp”. Mọi người nghe nói đến nơi, moi đồng đá ra thì cứu được nạn nhân. Ra khỏi đồng đá thì Nhị Triệu kể lại: “Khi núi mới sập thì tôi hôn mê bất tỉnh, đến khi tỉnh lại thì thấy bốn phía đều là đá, chỉ có một chỗ trống đủ dung thân không cách gì ra khỏi được. Tôi bị đói khát, khổ sở không cách gì tả xiết, lúc ấy Tôi nhìn thấy bên cạnh có một con chuột trắng nằm nép bên cạnh thân tôi, chuột ấy có đôi mắt sáng lóa như điện chớp, chiếu soi trên vách đá nên Tôi nhìn được trên đó có những hàng chữ. Đó là những chữ trong kinh Phổ Môn mà tôi thường tụng ở nhà. Chuột ấy le lưỡi liếm vào chữ trên vách đá và nuốt vào bụng. Tôi lấy làm lạ, bắt chước nó làm thì cảm thấy mỗi lần nuốt một chữ thì trong người bớt đói khát. Từ đó về sau, mỗi lần liếm một chữ là trong bụng no đến mấy ngày. Trải qua thời gian ba năm đến nay, chữ liếm đã gần hết, chỉ còn vài hàng mà thôi, may gặp được người đi tìm thuốc nên được cứu. Triệu Nhị lúc chưa bị nạn là người thâm tín Phật pháp, thành thật và chất phác. Ngày ngày dù công việc có bận cách mấy thì mỗi buổi sáng sau khi thức dậy cũng dành thời gian để lễ lạy Quán Âm Bồ Tát, thành kính đọc tụng kinh Phổ Môn và thần chú trong kinh, trải qua hơn 10 năm không thiếu một ngày nào. Sau khi thoát nạn, Triệu Nhị trở về nhà, khi mở quyển kinh thường đọc tụng thì thấy quyển kinh đều mất hết chữ, trong đó chỉ còn lại vài hàng sau cùng như những hàng chữ còn lại trên vách đá. (Trích Di Đàm Khả Tín lục)

90. Ở Lục Đô, tỉnh Hà Tây có Phật tử tên là Ngô Sĩ Khải, là người thâm tín Tam bảo và phát nguyện trọn đời trì tụng kinh Phổ Môn. Ông sống đến trên 80 tuổi mới thệ thế. Sau khi Ông mất thì người nhà cất quyển Kinh Ông tụng hàng ngày trong một phòng trống ở trên lầu. Một ngày nọ, đám trẻ con

là con cháu ông lên phòng này đùa giỡn bị trượt chân té từ trên lầu xuống đất nhưng không đứa nào bị thương tích. Ngạc nhiên nên người nhà hỏi thì chúng đều bảo: “Khi chúng con vừa bị trượt chân té thì có một bà già mặc bạch y từ trong phòng trống trên lầu chạy đến bồng lấy chúng con nên không một ai trong chúng con bị thương tổn”. Con cái Ông lúc ấy mới biết là Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi đã cứu độ nên cả nhà đều noi theo gương Ông hàng ngày chí thành lễ bái Đại Sĩ và tụng kinh Phổ Môn rất thành kính. (Trích Quán Thế Âm Kinh Cận Thịnh)

91. Vào triều nhà Minh có Phật tử tên Lôi Pháp Chấn là người ở tỉnh Phước Kiến. Vào niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh, ông dọn vào chốn thâm sơn cùng cốc mà ở, chuyên làm nghề đốt củi đốt than để kiếm sống. Bên cạnh nhà Ông có cây áp lan, sớ gỗ cây này rất mịn nên Ông nảy ra ý định thuê người điêu khắc để tạo tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm. Vì nhà nghèo khó chưa đủ tiền thuê thợ và bề bộn với công việc nên nguyện của Ông vẫn chưa thành. Một ngày nọ, khi một mình vào núi đốt củi đốt than thì Ông gặp một con cọp đói nhảy ra vồ Ông để ăn thịt. Ngay lúc ấy, bỗng nhiên xuất hiện một người phụ nữ hình thể nhàn nhã đoan nghiêm đứng trước mặt cọp, hét lên một tiếng, làm con cọp khiếp sợ quay đầu thối lui. Pháp Chấn vô cùng cảm động, quỳ xuống lễ tạ và xin hỏi danh tánh thì người phụ nữ ấy đáp: “Ta là cây áp lan của nhà ngươi đây”, nói xong thì biến mất. Bấy giờ Pháp Chấn mới ngộ ra người phụ nữ ấy chính là Quán Thế Âm Bồ tát đã hiện thân để cứu nạn. Ông trở về nhà bèn chọn ngày tốt, mượn thợ đốn cây, điêu khắc tạo nên tôn tượng Đại Sĩ rất trang nghiêm. Sau khi tượng làm xong thì Ông làm lễ an vị và phát nguyện suốt đời trường trai không ăn đến các thứ huyết nhục nữa. (Trích Nam Hải Từ Thủyên)

92. Vào triều nhà Thanh có Phật tử tên Trần Quân An tự Tế Khả, là người ở huyện Cao Bru, tỉnh Giang Tây. Ông là vị quan nổi tiếng liêm khiết và nhân từ, thương dân như con ở Giang Tây. Lúc Tổ phụ của Tế Khả là Văn Tung làm quan tại tỉnh Sơn Đông thì Ngài cũng là một vị quan nhân hậu, dân chúng đều thấm nhuần ân giáo hóa. Ngài có giao hữu với một vị quan đồng liêu rất tâm đầu ý hợp với Ngài, vị này là người con duy nhất trong gia đình nhưng lại không có con nối dõi và giúp đỡ cho song thân vẫn còn tại thế. Một hôm, người này được lệnh phải đi Sứ sang Tây Tạng. Văn Tung nghe tin, bèn xin đi thay. Mọi người từ dân cho đến quan đều tán thán nghĩa cử cao đẹp của Văn Tung. Bật tin gần ba năm thì Ông mới trở về. Ông kể lại rằng trên đường đi trải qua không biết bao nhiêu gian nan, khổ cực nhất là phải sống trong cảnh băng tuyết thấu xương. Xứ Tây Tạng vì điều kiện khắc nghiệt nên cả tháng nhiều khi không thấy một bóng người. Ông đi Sứ cùng với hai người hầu. Có một người tên là Hạ Tương, người này với chủ rất mực trung thành,

hàng ngày lúc gần đến bữa ăn đều không nhìn thấy trong dinh trại nhưng chốc lát sau thì người này về đến, tự tay mang gạo ra thổi cơm cho chủ ăn nhưng chẳng ai biết gạo từ đâu ra trong cái xứ tuyết phủ mịt mù này. Một ngày nọ, thầy trò đang cùng nhau đi trên sườn núi tuyết thì hai người hầu bị trượt chân, té xuống khe núi sâu muôn trượng, con ngựa của Văn Tung cũng bị lọt xuống khe núi. Ngay lúc ấy, Văn Tung ngược mặt lên thì nhìn thấy Quán Âm Đại Sĩ đang đứng trên núi tuyết, tay cầm hoa sen xanh hướng về chỗ Văn Tung, trong chốc lát thì người ngựa đều lên khỏi khe, tự mình được thoát nạn nhưng nhớ đến hai người hầu bị nạn thì lòng Ông đau như cắt. Vì trời sắp tối nên Ông giục ngựa đi tới trước, thì bỗng nhiên con ngựa hí vang, nhất định không bước đi. Hồi lâu sau khi ánh chiều tà buông xuống thì Ông nghe có tiếng người gọi lớn, Văn Tung đáp lời thì thấy Hạ Tương đang một mình chạy đến, còn người hầu kia thì đã mất tích. Hạ Tương bèn kể lại câu chuyện với mình. Khi Hạ Tương vừa rơi xuống khe sâu thì thấy có một người mặc áo xanh cao hơn một trượng từ trong khe ấy đến cổng Anh ra. Nghe kể xong thì chủ tớ ôm nhau khóc, đoạn cả hai lên lưng ngựa tiếp tục theo con đường hướng đến Tây tạng. Sau khi xong việc trở về bản quốc thì Văn Tung đã thuật lại cho một đại quan trong nội triều nghe về câu chuyện đi Sứ của mình. Đại quan Cao Văn Lương nghe xong câu chuyện thì rất cảm động, thành tâm tán thán đức đại từ đại bi của Quán Âm Bồ tát lại phát nguyện mời họa sĩ vẽ tượng Bồ tát đứng trong tuyết sương cầm thanh liên hoa chỉ đường cứu độ cho Văn Tung bình an ra khỏi chốn hiểm nguy, dưới bức họa có ghi rõ ngày tháng câu chuyện này. (Trích Khả Tín lục)

93. Vào triều nhà Thanh, niên hiệu Đạo Quán có một vị y sĩ cũng là Phật tử tên là Lưu Duật Đình, là người ở huyện Giang Minh tỉnh Giang Tây. Duật Đình là một Phật tử tu hành rất tin cần. Mỗi ngày, sớm mai thức dậy, mọi việc đều gác qua, đến trước bàn thờ Quán Âm Đại Sĩ chí thành lễ bái, đoạn quỳ tụng bày biển Chú Đại bi, trải qua hai mươi năm như thế không một ngày nào sai khác. Ông từng thuật lại với ký giả câu chuyện sau: Một ngày nọ, lúc trời sắp tối, Ông nghe có tiếng gõ cửa nên mở cửa ra xem thì thấy một bà cụ già đứng trước cửa. Trong tâm Ông nghĩ rằng người này chắc đến mua thuốc nên mời khách vào nhà ngồi. Bà cụ ấy sau khi vào nhà thì cho biết mục đích đến nhà Ông là để đem trà ngon đến biếu mặc dù tất cả người trong nhà đều không ai quen biết với bà cụ này. Sau đó Bà cụ lại quay sang Duật Đình và bảo: “Nội trong năm nay đến ngày 14 tháng Chạp, Ông sẽ gặp tai nạn nên Ông cần thận trọng”, nói dứt lời liền xin cáo từ. Đến đúng ngày ấy, Ông đóng cửa không tiếp khách nhưng lúc buổi trưa ngủ dậy thì té xuống đất, chân phải kẹt vào trong trường kỷ rất đau nhức. Duật Đình nhớ lại bà cụ nói khi trước, giờ đây đã ứng nghiệm nên liền chí thành mật tụng

Chú Đại Bi không gián đoạn thì chỉ trong vài ngày, bệnh ông khỏi hẳn. (Trích Quán Thế Âm trì nghiệm ký)

94. Triều nhà Thanh có Thầy Thích Trí Tung tự Linh Nhạc là người ở Quý Dương. Lúc trước khi về Quý Sơn, Thầy ở Lương Sơn, huyện Cao Yển, tại Đao Châu. Vào năm Đinh Hợi, có nhóm loạn quân nổi lên tại Lương Sơn, chúng bắt Thầy Trí Tung đi làm khổ sai, lại thấy trên tay Thầy có đeo râu chuỗi nên ngang ngược cướp lấy từ trên tay Thầy. Tuy vậy Thầy vẫn an nhiên không hề chống cự nên bọn chúng nổi giận rút dao chém Thầy. Trong giờ phút lâm nạn này, Thầy chí thành niệm lớn: “Nam Mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát” thì tên lính cầm dao định chém Thầy bị vướng tay áo nên dao không trúng đầu Thầy, nhờ vậy mà Thầy tránh được nhát dao và nhanh chóng chui vào bụi gai trốn mất. Đệ tử của Thầy là Thật Tế lúc đó đang ẩn núp trong một bụi gai thấy Thầy đang lâm nguy nên nhất tâm thành kính trì tụng Chú Đại bi để cầu nguyện cho sư phụ thoát nạn. Bọn lính đi lùng sục khắp nơi, bắt tất cả dân trong làng, lại dùng bá súng thọc trong những bụi gai để kiếm người ẩn núp. Có một tên lính khi thọc vào bụi gai nơi thầy Thật tế ẩn nấp thì bỗng té nhào xuống chân núi. (Trích Quán Âm Từ lâm Tập)

95. Ở cửa phía Nam của huyện Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông có một ngôi bảo điện. Bảo điện này trước kia do dân chúng tại địa phương xây cất lên để thờ phụng Quán Thế Âm Bồ tát và Quan Thánh Đế Quân. Do lâu năm nên ngôi bảo điện bị hư sập. Lúc bấy giờ có một Phật tử tên là Trần Ích Tu tự Ngọc Ty thấy vậy bèn phát tâm trùng tu, dĩ nguyện góp các nơi để trùng tu ngôi bảo điện ấy. Vì ngôi bảo điện nằm gần với đền Hồi giáo nên những người Hồi giáo cật lực ngăn cản không cho Ông trùng tu bảo điện để trong vùng chỉ có đền Hồi giáo mà thôi. Ích Tu không lùi bước, bèn đến quan thừa kiện bèn được quan địa phương hứa khả và ngăn cấm những người Hồi giáo không được gây trở ngại. Vào mùa Xuân năm Quý mùi, có bọn người Lưu Khẩu nổi loạn vây hãm thành. Bọn người Hồi giáo Vương Sanh Hoa nhân dịp này muốn trả thù cá nhân bèn canh lúc Phật tử Trần Ích Tu đi trên đường thì dùng gậy gộc đánh chết Ông. Chúng lại nhắm tâm móc mắt Ông rồi đem từ thi quăng vào nhà. Thần thức Ông vừa rời khỏi thân thì thấy đức Quan Thánh Đế Quân an ủi rằng: “Người an tâm. Ta sẽ bái thỉnh Quán Âm Bồ Tát đến đây cứu sống nhà ngươi và cho ngươi lại đôi mắt.” Quan Đế vừa dứt lời thì Ích Tu nhìn thấy một vị Thiên nữ mặc bạch y, tướng mạo vô cùng đoan nghiêm, tự tay trao cho Ông hai tròng mắt dê bào nấu, lại rút từ trong bình ra chén nước cam lồ bảo uống. Ích Tu vâng lời, sau khi uống xong thì sống lại. Người nhà nghe thấy Ích Tu sống lại thì vội vàng mang đèn đến xem, thấy hai mắt ông cũng đã sáng trở lại. Trời vừa rạng sáng thì dân chúng trong vùng đều

kéo đến nhà thăm hỏi. Nghe Ich Tu thuật lại việc bị nạn và Quán Âm Đại Sĩ cứu khổ thì trăm người như một đều cảm động rơi nước mắt và đồng thanh xưng niệm ‘Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát’, đoạn đem sự việc trên tuyên truyền ra khắp nơi. Bọn người Hồi giáo nghe tin thì vô cùng sợ hãi và sanh lòng hối hận. Năm sau nhằm năm Kỷ Dậu, hai anh em Ich Tu cùng với các bạn đồng học là Vương Hoàng, Vương Đạo Đồng đi thi. Qua năm Bính Tuất thì Ich Tu đậu Tiến sĩ được bổ nhiệm làm Quan huyện ở Quý Trì, sau đó thăng chức Hộ Bộ Lang Trung nội triều. Cũng trong năm này thì Vương Sanh Hoa bị Lưu Khẩu giết chết, bị móc mắt, mổ tim trăm phần thể thảm hơn lúc giết chết trần Ích Tu. *(Trích Đài Châu Chí và Tây Hà hợp tập)*

96. Vào triều nhà Thanh có Phật tử tên Triệu Dĩ Tín là chư sinh (*) ở phủ Quảng Châu. Dĩ Tín là người thâm tín Phật pháp từ thuở bé. Năm Mậu Tý, ở tại Huệ Thành có nhóm tân binh mới đổi đến. Bọn này ý thể cưỡng bức ức hiếp những người buôn bán tại chợ địa phương nên họ uất ức chống lại. Bọn chúng liền đến Khai phủ sàm tấu với quan địa phương là Lý Công rằng dân chúng muốn làm phản. Lý Công bèn truyền lệnh bắt nhốt dân trong thành để xử trảm. Bọn chúng lại thưa với Lý Công là những người mặc áo ngắn là những người làm phản vì họ mặc áo ngắn để làm mật hiệu. Thờ ầy theo phong tục của Lĩnh nam thì tất cả áo bên trong đều là áo ngắn nên Lý Công không thể phân biệt được ai là người làm phản, vì vậy khi đem ra xử trảm thì ai mặc áo ngắn đều phải chịu chết chém. Dĩ Tín lúc ấy đứng trong hàng người chờ chém, nhất tâm thành khẩn xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, lúc đến phiên Dĩ Tín bị chém thì được lệnh Lý Công cho ngừng lại. Nguyên nhân là vì khi chém hết vài mươi người thì Lý Công được biết về phong tục ở Lĩnh Nam nên cho dừng để xem xét lại, do đó Dĩ Tín cùng với những người bị oan uổng còn lại đều được thoát nạn. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

97. Triều nhà Thanh có thầy Thích Hạnh Nhơn tự Chỉ Nhứt con của Hộ Trương ở Quảng Sơn, tỉnh Hà Nam. Lúc nhỏ chưa xuất gia Ông đến đọc sách tại Động Bạch Lạp. Một hôm, Ông gặp một vị Tăng chưa từng quen biết, báo cho Ông biết rằng: “Nhà ngươi sẽ gặp đại hạn, nếu nhất tâm trì niệm Thánh hiệu Đại bi Quán thế Âm Bồ Tát thì chắc được thoát khỏi.” Ông nghe xong thì vâng lời phát tâm thọ trì. Đến niên hiệu Sùng Trinh, năm Tân Ty, Hiến Khẩu nổi dậy đánh phá huyện địa phương, tàn sát dân chúng, bọn chúng bắt nhiều người trong đó có Ông đem đi xử trảm. Khi đem Ông ra chém, đao tự nhiên gãy từng đoạn, bọn giặc kinh sợ không dám chém nữa. Sau khi thoát nạn, Ông xuất gia tu hành. Năm Giáp Thân, Ông đến Kim lăng y chỉ với Thiên Hoa Hòa Thượng, thọ giới cụ túc, tu hành tinh tiến, giữ giới luật tinh nghiêm. *(Trích Pháp Hoa cảm thông)*

98. Triều nhà Thanh có Phật tử Hoàng Khả Minh là con của một triệu phú ở tại Đông Hoàng. Một ngày nọ có duyên sự đi thuyền trên biển thì bị cướp biển bắt. Chúng đem Khả Minh về sào huyệt, dùng dây xiềng cột dính vào cánh cửa lớn giam tại đó và để cho vợ của cướp biển ở tại sào huyệt canh giữ rồi bọn chúng tiếp tục đi cướp. Từ ngày Khả Minh bị nạn thì cha mẹ Anh ở nhà rước chư Tăng về tụng Kinh Phổ Môn. Khi chư Tăng tụng kinh thì hai ông bà quỳ phía sau chí thành lễ Phật cầu nguyện. Một đêm nọ, vợ của tên cướp biển nhìn thấy Khả Minh có tướng quang sắc, thấy lạ nên đến sáng cô ta đến dò hỏi. Khả Minh biết chắc ở nhà cha mẹ mình cầu nguyện nên mình đã được Phật gia hộ thì đợi lúc người đàn bà này đến nhà hàng xóm, bèn đội luôn cánh cửa trốn khỏi sào huyệt cướp biển. Trên đường đi trốn thì gặp một tiểu phu, Khả Minh liền cầu xin người này mở xiềng phá cánh cửa giúp mình. Khả Minh đi vài mươi dặm nữa thì tìm đường về nhà bình an vô sự, thoát khỏi tay giặc cướp. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

99. Triều nhà Thanh có Phật tử là Mạch Truyền Thành, người ở xã Thuận Ấp. Thành phát tâm quy y thọ giới từ lúc nhỏ, ăn lục trai mỗi tháng. Vào niên hiệu Khang Hy, ngày mùng 2 tháng 8 năm Giáp Thìn, Thành bị cướp bắt đem về sào huyệt. Chúng dùng bốn dây xiềng cột vào cổ và ống chân Anh và giam giữ trong một nhà trống. Truyền Thành từ lúc bị nạn thì ngày đêm chí thành mặc niệm hồng danh của Quán Âm Đại Sĩ không một phút tán loạn. Trải qua bốn ngày đêm, bọn cướp mới đem cơm đến, bẻ cành cây để làm đũa cho ăn, sau đó khóa cửa bỏ đi. Mỗi ngày chúng đến mở cửa thăm chừng. Một ngày nọ chúng mất chìa khóa nên chỉ đứng ngoài cửa nhìn xuyên qua lỗ cửa để xem chừng mà thôi. Hôm ấy Truyền Thành lấy chiếc đũa tre chọc thủng vào dây xích ở nơi chân thì bỗng nhiên cả ba dây xích đều rớt khỏi thân, chỉ còn một dây xiềng nơi cổ thì không lay động. Thành biết rằng đây là do Đại sĩ từ bi cứu nạn nên càng khẩn thiết cầu đảo, đến ngày mùng 8 lại dùng chiếc đũa tre chọc thủng thì dây xích trên cổ bỗng rớt xuống, muốn chạy trốn nhưng trong tâm lại phân vân, bấy giờ Thành lại nhất tâm cầu nguyện: “Nam mô Thập phương thường trụ Tam bảo. Nam mô Đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát. Con đã được Bồ tát từ bi gia hộ cho xiềng xích đều rớt. Giờ phút này con muốn trốn đi nhưng sợ bị bắt lại thì khó mong sống sót. Xin Bồ tát chứng minh gia hộ cho con, nếu quả thật con được thoát khỏi nạn này thì Bồ tát cho con xin keo liên tiếp năm lần đều được để tâm con an ổn khỏi lo sợ nghi ngờ.” Sau khi cầu nguyện xong, xin keo liên tiếp năm lần đều trúng, bấy giờ Thành mới leo lên nóc nhà để tìm đường thì phát hiện ra ngôi nhà bên bờ suối chính là nhà của nhạc phụ mình. Thành liền leo xuống, bỏ chạy về hướng đó. Chẳng may những tên cướp canh gác phát hiện nên đuổi theo bắt lại, Thành dùng hai cánh tay xô bọn cướp qua hai bên như con

heo chống với bầy trâu rồi chạy vào nhà nhạc phụ trốn. Bọn giặc cướp đuổi theo đến nhà Nhạc phụ của Thành đòi bắt thì Ông nài nỉ với bọn cướp: “Nhà nó nghèo quá, xin các Ông cho nó một tuần lễ để đi vay mượn mà trả tiền chuộc hai lạng bạc cho các Ông”. Bọn cướp đồng ý bỏ đi. Qua hai ngày sau thì lính của quan địa phương đến vây ráp sào huyệt của bọn cướp, chúng nó sợ hãi đều bỏ trốn. Nhờ vậy mà Thành được thoát nạn. Chú của Thành tên là Liên Phong, vốn là một Phật tử trai giới thanh tịnh. Cũng vào tháng Giêng năm ấy bị giặc cướp đuổi bắt, ông vội chạy vào một nhà trống bên làng, dùng tấm phen tre che thân. Bọn cướp đuổi theo vào làng tìm kiếm và tuyên bố với dân làng nếu thấy người lạ nào có chùm râu trên cằm thì phải đem nộp cho chúng, bằng không chúng sẽ đốt phá san bằng làng này. Khi đang núp trong tấm phen và nghe lời hăm dọa của giặc cướp, Liên Phong hoảng sợ chí thành xưng niệm Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát rồi cố sức để nhổ vài cọng râu nhưng lạ thay cả chùm râu bỗng rụng rụng xuống hết mà không hề đau đớn. Sau đó, bỗng có một người từ địa phương khác đến làng này nói rằng đã nhìn thấy người có chùm râu đang trốn lên núi do đó bọn giặc bèn kéo nhau lên núi. Phong ra khỏi nơi ẩn nấp đi đến gặp chủ của ngôi nhà trống cho họ biết là Ông đã vào nhà họ ẩn nấp và tạ ơn họ thì mới biết chủ nhà này là bà con với mình, họ vui vẻ mang y phục cho Phong thay rồi thuê ghe chở Ông về nhà. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

100. Vào triều nhà Thanh có Phật tử tên là Lưu Lữ Thức là con của Tuy Lý Trung Lôi công, ở Thuận Ấp, tỉnh Quảng Châu. Lữ Thức nhờ gia đình giáo huấn từ lúc nhỏ nên phát tâm tín kính Tam bảo. Ông thường kể chuyện của mình như sau: Lúc còn thiếu niên, Ông từng bị giặc cướp bắt vào năm Thìn, đến năm Ngọ thì thoát nạn. Niên hiệu Thuận Trị nhà Thanh, mùa Thu năm Đinh Hợi, ông đến Lương Sơn thì lại bị giặc cướp bắt một lần nữa, chúng đòi tiền chuộc nhưng ông không có nên nổi giận ném Ông xuống biển. Trên đường đi, Ông tự nghĩ chỉ có Quán Âm Bồ Tát là bậc nương tựa nên lúc ấy chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. Lúc bị ném xuống biển, vì hai tay bị trói nên Ông chìm xuống biển, muôn phần khốn khổ trước cái chết nhưng trong tâm vẫn thiết tha nhớ niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, bỗng nhiên Ông thấy hai chân ông đạp cát dưới đáy biển rồi trôi lên mặt nước, thân Ông trôi đến chỗ cạn thì bọn giặc cướp trông thấy, chúng bèn vớt ông lên ghe tạm giữ để tìm người nhà đòi tiền chuộc. Bấy giờ bọn cướp đi dọc theo bờ biển, ra tay tàn sát dân chúng dã man, trải qua năm sáu ngày sau thì bỗng cuồng phong nổi lên, ghe thuyền chúng không có nơi ẩn nấp vỡ tan tác, duy thuyền chứa Ông là không bị hư hại. Chúng thấy sự việc này lạ lùng vô cùng nên bèn dò hỏi nguyên do vì sao. Lữ Thức thành tâm kể lại việc mình chí thành niệm Thánh hiệu Bồ tát được cứu khi bị ném xuống biển và Bồ Tát gia hộ luôn cho được

an ổn. Nghe xong chúng hồi tâm phóng thích Lữ Thức, lại nói với Ông rằng: “Chắc là cả gia đình người đều ăn chay niệm Phật tụng kinh nên được linh cảm như vậy phải không?” Vào thời ấy nhằm lúc loạn lạc khắp nơi, người bị tai nạn chết chóc nhiều không kể xiết, riêng gia đình của Thức được Bồ Tát gia trì nên hoàn toàn yên ổn. *(Trích Quán Âm Từ Lâm tập)*

101. Na Liên Đề Tam Tạng Pháp sư là người ở nước Ô Trương, xứ Bắc Thiên Trúc. Năm 17 tuổi Ông phát tâm xuất gia rồi đi đến phía Bắc Tuyết sơn để giáo hóa. Vừa đến đỉnh núi thì thấy có hai con đường mà dân địa phương thường bảo là con đường người đi và con đường quỷ đi. Con đường người đi thì hoang vu hiểm trở, còn đường quỷ đi thì thông suốt dễ đi. Trước đây có một đấng Thánh Vương khi đến đầu con đường quỷ, đã tạo nên tượng đá Tỳ Sa Môn Thiên Vương với cánh tay chỉ con đường an toàn cho khách bộ hành đi. Tuy vậy, khách đi đường đa số do tâm mê muội nên đều chọn theo con đường quỷ mà đi, nhưng mỗi khi vào trong cảnh giới của quỷ liền bị chúng sát hại. Người đồng bạn của Tam tạng Pháp sư tên là Lê Gia Xá một ngày nọ đi làm vào đường của quỷ, khi biết mình đi lầm thì Ông chuyên tâm trì Chú Đại Bi của đức Quán Thế Âm. Đi khoảng 100 bước thì đi qua nơi những vị Tăng đồng bạn đã bị quỷ sát hại trước đây, Pháp sư nhờ nương vào Chú lực nên qua khỏi tất cả tai nạn. Ông tiếp tục đi tới trước thì lại gặp bọn cướp núi, Pháp sư tiếp tục chuyên chú trì niệm Chú Đại Bi như trước. Nhờ Chú lực hộ vệ nên khi gặp mặt đối diện với bọn giặc cướp, bọn chúng gần như không nhìn thấy Ông. Pháp sư sau đó tìm được con đường theo hướng tay của bức tượng Sa Môn Thiên Vương chỉ, đi về hướng Đông thì đến nước Tề an toàn. Lúc này nhằm vào niên hiệu Thiên Bảo, năm thứ bảy, Ông an toàn đến được kinh đô. *(Trích Cao Tăng Truyện - tập 2)*

102. Đạt ma Cấp Đa Pháp sư là người ở nước La Ra xứ Thiên Trúc. Nghe nói ở đại quốc Chi Na, Tam bảo hưng thịnh nên muốn đến nơi ấy để xem phong hóa và truyền pháp lợi sanh nhưng đường đi phải vượt qua núi tuyết và những bãi sa mạc, nóng đến mức nước hay cỏ đều không tồn tại. Pháp sư bèn một lòng thành kính trì niệm Thánh hiệu Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Đêm ấy trước khi lên đường bỗng có một trận mưa thật lớn. Pháp sư cảm thấy thân thể mát mẻ, tâm mình an vui nên theo đường đi tới trước. Trải qua một năm trời ngày đi đêm nghỉ thì Pháp sư đến được Đông Độ. Bấy giờ vào đúng niên hiệu Khải Hoàn, năm thứ 10, Pháp Sư đến nơi vào lúc mùa Đông. *(Trích Cao tăng truyện tập 2)*

103. Triều nhà Đường có Phật tử Lý Hưng chuyên trì niệm Thần chú Đại Bi. Ông là người ở Đông quận, tỉnh Hà Nam. Ông có một người em

gái bị đột tử nhưng sau đó liền sống lại và kể lại chuyện của Cô được hồi sinh như sau: Lúc mới chết Cô bị hai người đến bắt và dẫn Cô vào trong chốn nghĩa địa, nơi đây có vài chục người muốn làm nhục Cô, trong số ấy bỗng có một người bảo rằng: “Cô gái này là em ruột của Lý Thập Tứ Lang, là bậc hiền thiện ăn chay niệm Phật lại chuyên trì Thần chú. Ông ấy hiện sắp về đến nhà, nếu chúng ta làm hại đến em gái của người này thì chắc khó tránh khỏi bị Thần chú làm cho chúng ta phải bị khốn khổ, tốt hơn hết là mau trả cô ấy về.” Nghe vậy, tất cả những người còn lại đều vâng lời, cùng nhau đưa Cô về nhà nên Cô sống lại. Cùng lúc Cô vừa mở mắt thì Anh của Cô là Lý Hưng vừa về đến nhà, đúng như lời của những người trong nghĩa địa đã nói. *(Trích Quảng Dị Ký)*

104. Triều nhà Đường, Huyền Trang Pháp sư là người ở xứ Khâu Thị, tỉnh Hà Nam. Pháp sư từ lúc thơ ấu đã là bậc thông minh trí huệ, giới hạnh tinh nghiêm. Một ngày nọ, Pháp sư phát tâm đi Tây Vực để cầu thỉnh Pháp đại thừa. Vào lúc bấy giờ, các quốc gia mới kiến lập nên nội địa ngoại bang không được giao thông qua lại. Vì thế, tất cả các trạm biên giới đều phòng thủ, kiểm soát rất nghiêm mật, những người đi qua lại đều bị bắt giữ, riêng Pháp sư nhờ Phật lực gia hộ nên đều được các nước dễ dãi cho đi lại, cả tuyến đường đi đều không gặp trở ngại. Một lần trên đường đi qua đất Thục, Pháp sư nhìn thấy một người bệnh ghê lở, dơ bẩn hôi thúi vô cùng, y phục rách nát nên động lòng từ thương xót, liền đem y phục và thức ăn nước uống bố thí. Người bệnh này xúc động nhận lấy, đoạn trao cho Pháp sư quyển Tâm Kinh. Pháp sư tiếp tục hành trình đến bãi sa mạc ở xứ Mạc Hạ Diêu. Bãi cát ấy rộng 800 dặm, thời xưa gọi là Sa Hà, trên trời không một con chim bay, dưới đất không một con thú chạy, không một ngọn cỏ mọc, Pháp sư khi đến Sa Hà thì gặp các ác quỷ hiện hình kỳ quái vây hãm, liền cất tiếng tụng Tâm kinh thì quỷ đều chạy tứ tán. Đi trong Sa Hà đã năm ngày mà không có một giọt nước nên Pháp sư đuối sức, không đi được nữa, người lẫn ngựa đều ngã quỵ trong Sa mạc, nhưng trong lúc sắp chết này thì trong nội tâm, Pháp sư vẫn chí thành mặc niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ tát. Đến lúc nửa đêm, bỗng dung có một trận thanh phong thổi đến, Pháp sư tự cảm thấy thân mình mát mẻ nhẹ nhàng như vừa vào sông tắm, tinh thần trở nên minh mẫn, con ngựa cũng bật đứng dậy. Pháp sư liền lên mình ngựa, thẳng tiến về trước, con ngựa tự phi theo một con đường mà không ngăn lại được, chẳng mấy chốc thì gặp nơi có nước, bấy giờ người ngựa đều lao xuống nước, trở nên tươi tỉnh và hồi phục sức khỏe, Pháp sư tiếp tục chặng đường còn lại và cuối cùng hoàn thành được bốn nguyện. *(Trích Trang Sư bốn truyện)*

105. Triều nhà Đường có Phật tử tên Âu Dương Sáng là người ở Từ Châu, chuyên trì tụng Chú Đại bi. Nhà ông ở cách Từ Châu chừng 50 dặm về hướng Nam. Một ngày nọ, Ông vào thành và lúc gần tối mới trở lại nhà. Trên đường đi về nhà, đi khoảng 20 dặm thì bỗng trời đổ mưa, sấm sét rền trời, mưa to gió lớn mà đường đi phải xuyên qua khu rừng âm u tăm tối, hai bên là vực sâu, trong rừng có nhiều thú dữ nên tâm của Ông vô cùng lo sợ. Khi đến đường núi thì mưa càng lớn, gió càng dữ hơn trước, bỗng đâu trước mặt hiện ra một quái thú cao hơn một trượng, hình sắc đều trắng, đầu đuôi không thể phân biệt và cách Ông chừng mười bước chân. Ông quá sợ hãi, lúc ấy trong tâm muốn niệm lớn Thần chú Đại bi mà miệng không thể nào mở được bèn chí thành mặc niệm trong tâm. Thầm niệm được vài biến thì miệng bắt đầu cất tiếng tụng lớn, quái vật bỗng nhiên biến mất và mưa cũng tan. Ông tiếp tục vừa đi vừa niệm và an nhiên về được đến nhà. *(Trích Chuyển Nhơn Lục & Ngộ Đường Nhân Thoại)*

106. Triều nhà Tống có Phật tử tên là Hồng Dương. Một ngày nọ, Ông từ Lạc Bình tỉnh Giang Tây về nhà thì mặt trời đã lặn. Ông có ba người tớ đi theo, hai người khiêng kiệu, còn một người thì gánh đồ. Theo dự tính thì đến nửa đêm mới về được đến nhà. Khi đi đến canh hai thì trên trời có trăng sáng mờ mờ, trong núi phát ra âm thanh lớn như vài chục cây cổ thụ đồng lúc bị ngã đổ. Trong tâm của Ông biết có việc chẳng lành nên lập tức xuống kiệu cùng với ba người tớ tìm chỗ trốn. Nhìn quanh thấy bên trái đường có một khe nhỏ không có nước, nên bốn người định sẽ nhảy xuống đó trốn. Chưa kịp làm thì ngay lúc ấy con quái thú cao chừng một trượng đã đứng trước mặt, từ đầu đến chân sáng rực như ngọn đuốc. Hồng Dương và ba người tớ, thấy quái vật thì kinh hồn khiếp vía té nhào xuống đất. Ông vốn là người thường trì niệm Chú Đại Bi nên trong giờ khắc nguy cấp này, liền chí thành trì niệm không dứt. Quái vật đứng yên một lúc rồi từ từ lui ra xa, sau đó biến mất không nhìn thấy nữa. Hồng Dương về đến nhà thì phát bệnh thời gian lâu sau mới khỏi, người tớ gánh đồ cũng thế còn hai người khiêng kiệu thì phát bệnh rồi chết. *(Trích Di Kiên Chí)*

107. Triều nhà Tống có một người tên Lại Tinh Cáng ở tỉnh Kiến Ninh, chuyên dùng yêu thuật để lừa gạt người kiếm sống và dùng người để cúng tế quỷ thần. Tinh Cáng một lần nọ đến tỉnh Chiết Giang dụ dỗ đồng nam đồng nữ từ mười tuổi trở xuống đi theo mình để đem về nuôi và cúng tế cho quỷ ăn. Trong số trẻ con bị dụ dỗ, có một bé gái là con của một Phật tử, bé gái này thường theo Mẹ tụng kinh niệm Phật, vì còn nhỏ nên chỉ thuộc Bát Nhã Tâm Kinh và niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát. Một hôm Tinh Cáng đem bé gái này ra cúng tế cho quỷ, hắt tắm gội sạch sẽ cho bé gái và thay

phục sức đẹp rồi trối lại để trong một nhà trống. Đưa bé gái vô cùng kinh sợ bèn một lòng trì tụng Bát Nhã Tâm Kinh, đến lúc nửa đêm thì cửa sổ trên nóc nhà tự mở, bé gái ấy thấy một quái vật từ trên ấy đi xuống, mắt sáng như như điện chớp. Bé gái kinh hoàng miệng niệm lớn: “*Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát - Yết đế yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha*”. Bỗng nhiên trong miệng bé gái, quang minh phóng ra, quái vật đang tiến về bé gái phải lùi lại. Quang minh trong miệng bé gái càng lúc càng lớn và phóng về hướng quái vật, rồi một tiếng động lớn phát ra, quái vật ngã nhào dưới đất. Bé gái hoảng sợ la to: “Cứu tôi với, cứu tôi với!” Lúc ấy, phía bên ngoài có một toán quân đang đi tuần, nghe tiếng kêu, họ liền phá cửa để vào thì nhìn thấy một con đại bạch mãng xà chết cứng bên cạnh một bé gái bị trối. Nghe bé gái kể chuyện xong thì các binh sĩ này đưa bé gái về nhà, sau đó bắt giữ Tinh Cáng và những người liên quan đưa về phủ tra hỏi. Sau khi Tinh Cáng nhận tội thì triều đình có lệnh tịch thu toàn bộ gia sản, bắt Tinh Cáng và gia đình đi đày nơi biên địa. (Trích *Đàm Tấu*)

108. Triều nhà Tống có một người tên Trương Thành ở huyện Kiết Thủy, tỉnh Giang Tây. Vào niên hiệu Càng Đạo, năm thứ nhất, Ông đi đến Đàm Châu để thăm người bạn cũ, sau đó đến Kinh đô để viếng thăm và lễ bái lăng tẩm của các Tiên đế. Đêm đến, Ông chọn một quán trọ để nghỉ chân thì người chủ quán trọ này rất niềm nở tiếp đón, dọn rượu thịt ra mời Ông dùng. Trương Thành thấy vậy thì lấy làm lạ vì giữa mình và người chủ quán trọ này không hề quen biết nên Ông có ý đề phòng, nên lúc ăn thì Ông không dùng đến rượu. Vì đường xa mệt mỏi nên vừa ăn xong thì Ông đi nằm nghỉ. Đến lúc nửa đêm thì Ông thức giấc, nhìn thấy nhà trên đèn nến thấp sáng rực, Ông ngồi dậy lén dòm qua khe cửa thì thấy người chủ nhà trọ áo mão chính tề đang đứng trước một bức tượng vẽ, rót trà ngon rượu quý, lễ bái cầu đảo. Trương Thành lắng tai nghe thì trong lời cầu nguyện có nhắc đến tên Ông, nên trong tâm Ông đoán là chủ nhà trọ chuẩn bị đem mình ra tế quỷ, vì thế không dám nằm ngủ lại. Chủ nhà trọ làm lễ xong thì lui ra, lúc ấy Trương Thành nhìn thấy bức tượng vẽ đôi mắt lớn như cái chén thì biết chắc là hình tượng của ác thần. Do thường ngày Trương Thành cũng trì tụng Thần Chú Đại bi, giờ khắc này ông nhớ đến trong Kinh nói Thần chú Đại bi có thể trừ tà ma yêu quái nên chí thành khởi tâm trì tụng, cung kính cầu xin cho thoát khỏi tai nạn. Tụng vài biến thì thấy Hung thần từ bức tượng vẽ bước ra, hình trạng hung dữ ghê gớm đi về phía phòng mình thì Trương Thành bước ra đóng cửa phòng lại, rồi lên giường ngồi nghiêm chỉnh, chuyên tâm trì chú, giây lát nghe có tiếng gõ cửa và đẩy cửa vào nhưng không được, hồi lâu sau đó có tiếng bỏ đi. Trương Thành vẫn thành tâm trì niệm cho đến khi trời sáng rồi vội vã rời khỏi quán trọ. Khi vừa

ra khỏi quán trọ thì Ông nghe tiếng khóc la rất thê thảm, Ông đi chừng hai dặm thì dừng lại hỏi thăm người xung quanh thì được kể là đêm hôm qua chủ nhà trọ bị giết chết. Hỏi nguyên nhân thì những người này cho biết chủ quán trọ này đã ba đời thờ yêu quái. Mỗi năm đều phải cúng tế một người, nếu không có người ngoài thì họa sẽ lây đến gia trưởng và ở xứ sông Tương này thường có ác tục như thế. Trương Thành sau khi thoát nạn về đến nhà thì đóng cửa chuyên tâm niệm Phật, trì chú không ra ngoài nữa. (Trích *Linh Nghiệm Ký*)

109. Triều nhà Lương có thầy Thích Đạo Dung. Một hôm có duyên sự phải đi ra ngoài, khi trở về chùa thì trời đã tối bèn tìm đến một quán trọ để nghỉ chân. Một mình nghỉ trong phòng vắng, nhằm lúc trời mưa to gió lớn nên Thầy trần trọc không ngủ được. Đến lúc nửa đêm, lúc vừa thiu thiu ngủ thì trông thấy binh tướng của Quỷ đến rất đông, trong đó chúa Quỷ thân mặc áo giáp, dưới nách cặp đao, hình dung trông rất ghê sợ. Lúc ấy Quỷ ngồi xổm chân ở trước giường, đối diện thầy Đạo Dung, sắc mặt hung dữ xẵng tiếng hỏi: “Tại sao ngươi dám cả gan cho là quỷ thần không linh thiêng? Chúng bây đâu, mau lôi nó xuống đất”. Quỷ tốt vâng lời định đến bắt thì thầy Đạo Dung chí thành niệm lớn Nam Mô Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, vừa dứt lời thì phía sau giường Thầy, bỗng có một vị Thiên tướng người cao hơn một trượng, y phục sắc vàng, tay cầm Kim cương bảo tử, hướng về phía Quỷ, bọm quì kinh hồn thất phách bỏ chạy tứ tán, áo giáp mũ trụ bị nát tan như vi trần. (Trích *Phật Tổ Thống Ký*)

110. Triều nhà Lương có Thầy Thích Huệ Giảng là người nghiêm trì giới luật, tu hành tinh tiến, tính tình dững nghị mà lại khiêm hạ nên ai cũng tán thán là người hiếm thấy trong thiên hạ. Ở phía Đông, có Dinh thự của quan địa phương tại Kinh châu. Dinh thự này có ba gian riêng biệt, tuy nhiên chỗ ấy từ trước đến giờ không ai dám đến ở vì nghe nói có yêu ma quỷ quái. Thầy Thích Huệ Giảng bèn đến xin nơi dinh thự này và dùng cả ba gian, một gian thờ Phật, một gian thờ Kinh và một gian để ở. Một tối nọ, thầy bỗng nhìn thấy một người mặc y phục màu đen nhưng không có mắt, hiện ra từ trong vách tường, đứng nơi cửa gian phòng nghỉ của Thầy. Trong tâm Thầy vẫn bình tĩnh nhưng miệng không thốt được thành tiếng nên lúc ấy, Thầy chí thành mặc niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát. Giây lâu sau, thì Quỷ tự nói: “Tôi nghe nói Ngài tu hành tinh tấn nên đến đây để thử. Giờ phút này, thần sắc của Ngài vẫn an nhiên bất động nên Tôi đâu dám làm hại.” Nói rồi, Quỷ liền trở vào lại trong vách. Thầy Huệ Giảng xuống giường rửa tay xúc miệng, lạy Phật tụng kinh xong thì trở về chỗ ngủ lại như thường. Trong đêm ấy, Thầy nằm mộng thấy một người đến trước mặt nói: “Thưa Ngài, Tôi đây là

người đã ở đây từ cuối nhà Hán đến nay đã trải qua vài trăm năm, tinh tình cương trực ít người chịu nổi. Ngài là người giới hạnh thanh tịnh, tu hành tinh tấn xứng là bậc hào nhân nên Tôi đặc biệt ủng hộ cho Ngài vậy.” Thầy Huệ Giảng an trụ nơi đó nhiều năm vẫn bình yên, khi Thầy đi nơi khác thì dinh thự nói trên để trống trở lại vì vẫn không có một ai dám đến ở. *(Trích Phật Tổ Thống Ký)*

111. Triều nhà Thanh có người tên Du Tôn ở Thượng Hải. Một ngày nọ, vợ của Ông bỗng nhiên bị sốt, run cầm cập nói mê sảng rằng: “Mẹ chồng nàng dâu của chúng tôi đi đường ngang qua đây, hiện giờ quá đói, chủ nhân xin mau đem vật thực cho chúng tôi ăn”. Trong miệng Bà lâm râm nói như thế mãi, người nhà lắng tai nghe kỹ thì đó là giọng nói của người xứ Vô Tích. Người nhà bèn rước thầy Lang gần nhà đến chẩn mạch, để chữa trị thì thầy Lang cho biết không thấy bệnh gì hết nên không thể bốc thuốc chữa bệnh được. Thầy Lang nhìn một lát thì bảo: “Theo ý Tôi nghĩ thì chắc có ma qui dựa, vậy người nhà nên đến Quán Âm Đường để rước quý Thầy về tụng kinh giải trừ thì chắc sẽ hết”. Người nhà vâng lời bèn đến Quán Âm Đường rước quý thầy về tụng kinh. Khi quý Thầy đến, mở lễ khai kinh tụng Chú Đại Bi, Kinh Kim Cang và Bát Nhã, vừa xong một thời Kinh thì bỗng nghe bệnh nhân tự quở trách: “Lúc đầu tao không chịu đi, mầy thúc giục tao đến đây, hiện giờ tâm thân của tao vô cùng đau nhức như bị phi đao đâm vào, đau đớn không thể chịu nổi thì phải làm sao đây, đi khỏi đây mau mau.” Sau đó nghe tiếng của nàng dâu dạ dạ rồi bệnh nhân sau đó yên lặng không nói sảng thêm một lời nào. Chứng lạnh run cũng hết nhưng tinh thần của bệnh nhân còn hơi ngơ ngác. Trải qua một đêm, đến sáng hôm sau thì bình phục. *(Trích Trần Như Chinh Chất trực đàm)*

112. Tiến sĩ Hiếu Cảm Trịch là người ở tỉnh Hồ Bắc. Khi còn làm việc, một hôm Ông đi đến Đại học viện ở nước Tần giảng dạy. Trên đường về, đi ngang qua núi, thì trời đã tối nên ghé vào một nhà trọ xin nghỉ chân. Ở khu vực ấy thời tiết rất mát mẻ nhưng cảnh trí thì u tịch và hoang vu. Khi vào nhà trọ thì vì đường xa quá mệt mỏi nên Ông không đàm đạo gì với chủ nhà trọ mà liền vào phòng nghỉ. Ông đi cùng với một người tớ, người này ngủ gian ngoài còn Ông thì nằm ở gian trong. Vừa chợp mắt liền thấy có vật gì đè hai chân mình. Tâm Ông tự nghĩ chắc là do ma qui nhưng miệng lúc ấy không thốt lên lời được. Ông cố sức ngồi dậy cũng không được vì toàn thân cứng như cây gỗ không lăn trở gì được. Không bao lâu thì quái vật ấy đè đến bụng. Trong tình thế quần bách này, Ông bỗng nhớ lại người ta thường nói Kinh Chú của Phật có thể trừ tà ma nhưng do từ trước đến giờ chưa hề tụng Kinh nên giờ Ông cũng không biết làm sao, bỗng đứng trong giờ khắc

ấy Ông lại nhớ lúc nhỏ mình có tập chép một đoạn trong Tâm Kinh từ quyển Bút Thiếp của Cừ nhân Diệu Tùng Tuyết. Do Ông vẫn còn nhớ, nên lúc này liền mặc tụng. Khi đọc đến hai câu: “Sắc tức thị không, Không tức thị Sắc” thì hơi thở được thông, bấy giờ Ông bèn lớn tiếng niệm nữa thì quái vật lặng lẽ bỏ đi. Người tớ phía ngoài nghe tiếng niệm, tưởng Thầy mình nằm mơ nên vội chạy vào xem Ông có việc gì không, thấy Ông bình thường nên bỏ ra ngoài. Tâm thần Hiếu Cảm lúc này đã bình tĩnh, nên Ông liên tục tụng mấy biến nữa thì ngủ yên đến sáng. Lúc thức dậy, Ông đem việc này nói với chủ nhà trọ thì chủ nhà trọ cũng cho biết có nhiều chuyện kỳ kỳ đã từng diễn ra và mọi người ở trong xóm cũng cho biết quán ấy rất nhiều ma quỷ. Riêng Hiếu Cảm Trịch sau việc bị ma đè thoát nạn thì phát tâm tin Phật, hàng ngày tụng kinh, tu niệm rất tinh tấn. *(Trích Thủ Nhất Trai Bút Ký)*

113. Ở tỉnh Giang Tây có một người tên là Lý Tính Viên, ở núi Đào Thọ, huyện Phù Dương làm nghề dạy học cho nhà họ Ngô. Một ngày nọ từ nơi dạy học về nhà, đi được một đoạn thì trời lờ mờ tối, khi dờ chân bước đi, Ông có cảm giác bị nhiều chướng ngại. Trong tâm Ông lấy làm lạ nên sanh nghi, liền đó Ông tụng liền bảy biến Kinh Phổ Môn thì mới nhìn rõ mình đang đi trong bụi gai và đang đi lạc vào trong khu núi của người trồng tiêu. Đi chừng một dặm thì tìm lại được đường về nhà. Trước kia, Ông cũng có nghe nói địa phương này có nhiều thú ma làm người lạc đường, chúng hay dẫn dắt người đem giấu vào chỗ kín. Nếu không thường trì tụng Kinh Phổ Môn thì đêm nay chắc Lý Tính Viên khó thoát khỏi tai nạn này. Từ đó về sau Ông càng thành tâm, sáng dạy học, chiều về thành kính trì niệm Kinh Phổ Môn và niệm Phật rất tinh tấn. *(Trích Trần Hoài Thích bút thuật)*

114. Vương Biệt Quang là người ở xứ Cửu Giang. Vào một hôm nọ, Ông đến thăm nhà bà con, thấy trong nhà đang in Kinh Phổ Môn rất nhiều nên Quang xin vài quyển mang về nhà để trong khánh và thường đốt hương đèn cúng dường Kinh. Bấy giờ, trong vùng ấy có chướng ôn dịch lưu hành, dân trong làng bị bệnh chết hơn phân nửa, những nhà hàng xóm đều bị nhiễm bệnh, nhưng gia đình của Vương Quang không một người bị bệnh. Đêm nọ, Vương Quang nằm mộng thấy Quán Âm Đại Sĩ đến bảo: “Ta rất thương xót dân chúng địa phương này bị tai nạn ôn dịch nên ngươi mau đem Kinh này phát mỗi nhà một quyển và khuyên họ trì tụng thì bệnh ắt khỏi.” Giật mình thức giấc, Vương Quang vội đến nhà bà con xin thêm nhiều quyển Kinh, sau đó đem về phát cho mỗi nhà một quyển như lời Bồ tát đã dạy. Nhà có người bị bệnh dịch, khi nhận được quyển kinh và trì tụng thì đều khỏi bệnh. Vì thế dân chúng phát tâm tin kính, đều thỉnh Kinh về tụng, từ đó cả làng vui sống an ổn, không bị nạn ôn dịch nữa. *(Trích Quán Âm Kinh Linh nghiệm lục)*

THIÊN THỨ BA

BAN CHO PHƯỚC HUỆ



1. Triều đại nhà Đường, thầy Thích Pháp Thông là đệ tử của Quốc Trung Thiên sư. Từ lúc thơ ấu, Thầy đã là người có chí hướng và rất chuyên cần chăm học Phật pháp. Quốc Trung Thiên Sư là đệ tử thượng túc của Ngài Trí Tạng ở chùa Khai Nguyên. Thầy Pháp Thông thấy ngôi bảo tháp của Sư Ông mình kiến tạo lâu năm ở núi Tập Công đã bị hư hoại nên phát tâm muốn trùng tu nhưng lại không có đủ tài chánh. Thầy bèn phát nguyện tuyệt thực bảy ngày, chuyên mặc niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát. Do tâm chí thành nên cảm đến Đại Sĩ và các vị thiện thần sơn linh, nên bỗng nhiên nơi chùa của Thầy ở xuất hiện một con suối có linh tuyền (suối linh) phun nước. Dân chúng nghe tin thì từ khắp nơi, tất cả những người bị bệnh đều đua nhau đến xin nước về trị bệnh thì đều được lành bệnh. Nhờ đó, Phật tử về chùa cúng dường, tiền bạc rất nhiều, ngôi bảo tháp của Sư Ông Thầy Thích Pháp Thông chỉ trong một thời gian ngắn đã được hoàn thành viên mãn. *(Trích Văn Bia của Tháp Bảo Quán)*

2. Triều nhà Đường, Thiện Giác Thiên Sư tu ở Hoa Lâm, tại huyện Đàm Châu. Vào một ngày nọ có Bùi Tướng Quốc đến viếng Thiên sư, Tướng quốc đi vào Thất không thấy có thị giả, bèn hỏi Thiên sư: “Sao Ngài không nuôi Thị giả mà ở một mình vậy?” Thiên sư đáp: “Quốc tướng không thấy đó thôi, chứ hiện giờ bàn tăng đang có hai người thị giả ở đây”. Dứt lời Thiên sư gọi: “Đại không, Tiểu không”. Tức thì có hai con mãnh hổ từ phía sau thất chạy đến, Thiên Sư bảo chúng: “Hiện giờ đang có khách, hai Ông tạm tránh đi một chút.” Hai con mãnh hổ vâng lời, gầm thét rồi lui đi. Quốc Tướng thấy chuyện lạ bèn hỏi: “Ngài tinh tấn tu trì pháp môn chi mà cảm được thú dữ thuần phục như vậy?” Thiên Sư im lặng, cầm râu chuốt đưa lên rồi nói: “Sơn Tăng này không biết tu pháp môn gì cả, ngày ngày chỉ chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát.” Bùi Tướng quốc nghe nói cảm động đánh lễ, khi lễ lạy xong thì phát nguyện: “Thầy được như vậy, con cũng xin bắt chước”. Sau khi về dinh, Tướng quốc ngày đêm lễ Phật và niệm Phật rất tinh cần. *(Trích Sơn Đường Tứ khảo)*

3. Triều nhà Đường, thời vua Hy Tôn, niên hiệu Quang Khải, năm thứ ba vào năm Đinh Mùi. Bấy giờ tại Khai Nguyên tình hình như vạc nước sôi, giặc

Hoàng Sào Lý Khắc Dụng nổi dậy, chúng tới đâu thì tàn sát nhân dân, cướp của đốt nhà ở đó. Dân chúng sợ hãi muôn phần vì chiến tranh diễn ra khắp nơi. Đương thời có người tên Tiền Lưu ở xứ Lâm An, huyện Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, là người có sức mạnh kinh thiên, không ai sánh được, lại có thiện chí bảo vệ người dân. Một hôm, giặc Hoàng Sào kéo đến. Từ trong đồng cỏ rậm, Ông đứng dậy, tay cầm một cây côn bằng gỗ lớn rồi lao vào bọn giặc, bắt sống tướng giặc Hoàng Sào là Hoàng Tru Xương. Tất cả binh sĩ giặc mất chủ tướng thì như rắn không đầu, bỏ chạy tán loạn. Nhờ đó, chiến tranh được chấm dứt. Từ đấy, nơi nào có loạn, Tiền Lưu đến dẹp và thường lập đại công. Triều đình bèn phong cho Ông làm Quan Thứ Sử tại Hàn Châu, toàn dân xứ này nghe tin Tiền Lưu làm Quan thì vô cùng mừng rỡ. Sau khi Ông báii yết để lãnh chức Thứ Sử, với chí nguyện vì dân, Ông càng cố gắng rèn luyện võ thuật, dân chúng trong vùng rất khâm phục kính trọng Quan Thứ Sử. Ông mong muốn đưa quân vào vùng đất phía Nam để giúp vùng đất đó được an bình và không bị ai xâm lấn nhưng vẫn còn do dự chưa quyết định. Đêm ấy, Ông nằm mộng thấy Quán Âm Đại Sĩ hiện thân khuyên bảo: “Nhà ngươi có tâm Từ bi che chở vạn dân, lại không nỡ giết người, nhờ công đức ấy sẽ được tấn phong làm Bình thiên vương của nước chư hầu, khi xuất quân đều bách chiến bách thắng. Sau này, Thiên tử ở Khai nguyên dù thay đổi đến năm họ nhưng bờ cõi nước của ngươi vẫn củng cố, tự tại, không ai dám xâm lấn. Chẳng những thế mà phước lộc trường tồn, tử tôn miên viễn, được phong vương báii tướng không thể cùng tận. Hai mươi năm sau, Ngươi hãy đến tìm Ta tại non Thiên Trúc.” Tiền Thứ sử tỉnh giấc, lấy làm lạ nhưng biết chắc được Bồ Tát hộ trì nên càng quyết tâm mạnh mẽ thực hiện chí hướng vì dân vì nước. Nơi nào có loạn, ông điều binh dẹp loạn đều thành công. Những lời Bồ Tát dạy trong mộng, mọi việc đều ứng hiện không sai nên họ Tiền đều viết lại vào sổ sách để nhắc nhở con cháu đời đời kính thờ Đại sĩ, hàng ngày lễ niệm xưng danh để nhờ đức Từ bi của Bồ tát mình gia được nhiều an lạc. Thế nên con cháu họ Tiền trước sau là chín đời thì bốn đời làm vua, năm đời làm Tế Tướng Đại giang Đông Tây, lộc uyển bảo thường,... kể đến số ngàn người đều do Tiên vương sáng tạo. Đến hai mươi năm sau, đúng ngày như Bồ Tát dặn dò, Ông rời bỏ mọi sự của thế gian, lên non Thiên trúc, cất am tu hành, hàng ngày chuyên tâm xem Kinh, lễ Phật, niệm Phật. *(Trích Thiên Trúc Chí)*

4. Đời hậu Đường, niên hiệu Trường Hưng, năm thứ ba, vào lúc tháng ba, năm Nhâm Thìn, Võ Túc Vương Tiền lưu ở Ngô Việt vừa tạ thế. Người con giữa của Ông là Nguyên Quang Lộc dù lên kế vị cha nhưng trong tâm vẫn còn sợ sự ác độc hung tàn của Châu Toàn Trung nên trong tâm không được yên. Ông quyết định đến một nơi biệt lập, phát nguyện trai giới thanh

tịnh một tuần lễ, đoạn đích thân đi đến trước tượng Quan Âm Bồ Tát, chí thành lễ bái xưng niệm, dập đầu xin Bồ Tát cho một giấc mộng để diệt trừ tâm nghi hoặc mê mờ. Vào một đêm, Ông nằm mộng thấy rừng núi đều trải vẩy góc, vô cùng đẹp đẽ, chói sáng rực rỡ như mặt trời. Quang Lộc hết sức vui mừng thốt lên: “Đây là sự nghiệp tiên vương của Ta vậy. Từ đây Ta một lòng vì dân, lo việc nước, ngủ trên gối nệm sẽ được bình yên, họ Châu kia đâu làm gì Ta được.” (Trích Yên Túc Chí)

5. Đời nhà Tống vua Thái Tổ, niên hiệu Kiến Long, năm đầu. Vương Tiền Thúc xứ Ngô Việt được Thái Tổ Hoàng Đế cho tước vị nhưng trong tâm vẫn còn tiến thoái chưa quyết định. Ông liền đến trước tượng của Đại Sĩ, chí thành lễ bái cầu đảo, mong Ngài chỉ rõ cho tâm tư hết mê mờ. Ông giữ trai giới thanh tịnh, ngủ riêng một mình trong bảo điện. Một đêm, Ông nằm mộng thấy có Thần nhân mặc y phục tử bào, ra lệnh cho các vị tướng soái có đến hàng trăm người, đều mặc kim giáp, cầm dây ngũ sắc từ bờ sông Bắc Giang, Dương Tử giăng làm ranh giới cho đến Dự Chương, Mân Việt mới thôi. Tiền Thúc được gọi đến dạy rằng: “Vùng sơn hà này là cố vật của Ông”, dứt lời thì đem áo mao trao cho. Khi thức giấc, Tiền Thúc mừng vui, tự nói: “Ta không còn lo sợ nữa.” Lập tức Ông chọn ngày dâng biểu lên Thái Tổ Hoàng đế xin nhậm chức và sai sứ giả đem lễ vật cống hiến. Thái Tổ Hoàng đế tiếp biểu rất vui mừng, đãi yến tiếp sứ giả. Khi sứ giả ra về, Thái Tổ căn dặn: “Về báo tin với chúa của ngươi là Trẫm rất hoan hỉ, nhờ Ông ấy bình phiên một chuyến để trợ giúp Trẫm trị vì, không phụ lòng Tiên đế.” Vương Tiền Thúc từ ấy với Đại Sĩ không một phút xao lãng lễ bái, xưng niệm, cúng dường rất kiên thường hàng ngày để cảm niệm ân đức của Ngài đã thùy từ chỉ dạy. Sau đó, Ông cho xây dựng một ngôi bảo điện để thờ Thánh tượng của Đại Sĩ. (Trích Thiên Trúc Chí)

6. Triều nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch, Phật tử Bao Bằng ở huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang là người học rộng hiểu nhiều, cao tài của đương thời nhưng lại không may là thi nhiều lần đều bị hỏng. Ông là người lưu tâm đến giáo pháp của Bốn sư Thích ca và Khổng Tử, nhất là với Kinh Phổ Môn thì có tâm tín kính nên hàng ngày đều chí thành trì tụng. Một ngày nọ, Ông đi đến Mão Hộ, ghé vào một ngôi chùa làng, thấy tượng Quan Âm Bồ Tát đứng ngoài trời, mưa ướt đầm dề, vì ngôi chùa ấy cũng hư sập gần hết. Ông lập tức mở túi, thấy có mười lượng vàng thì liền kính cẩn đem trao cho vị Trụ trì để tu bổ cho ngôi chùa. Tăng chủ không nhận và nói: “Đạo hữu có lòng tốt rất quý, nhưng trùng tu ngôi chùa này phải mất nhiều tiền của mà số vàng cúng dường này thì không nhiều nên khó có thể hoàn thành.” Ông nghe nói thì lấy ra bốn xấp vải tốt, bảy chiếc áo ấm dòn bông mới may, lúc

ấy người tớ đi theo lật đặt đến xin để lại, đừng cúng dường thì Bao Bằng đáp: “Ta chỉ mong làm sao Thánh tượng Đại Sĩ được kín đáo, không bị mưa dột thì dù thân này có bị phơi trần cũng không hề chi.” Tăng chủ nghe nói cảm động tuôn nước mắt bèn nói: “Đạo hữu cúng dường mười lượng vàng, bốn xấp vải, bảy chiếc áo, việc ấy không khó gì nhưng cái tấm lòng thành kia thì không thể lấy gì đổi được.” Khi trùng tu ngôi chùa đã xong, Bao Bằng đến nghỉ trọ lại một đêm. Ông nằm mộng thấy Quan Âm Bồ Tát đến bảo: “Ta ban cho con cháu của ngươi sẽ được hưởng lộc vị trong đời.” Về sau, quả nhiên, con của ông là Biện Châu và Thánh Phương đều thi đậu cao, làm quan nội triều, hết sức vinh hiển. Những người này cũng noi theo gương Cha, tin Phật pháp, tu hành tinh tấn, dù ở địa vị quyền quý, cũng không hề lãng xao. (Trích Tiên Tâm Lục)

7. Triều nhà Minh, Phật tử Trần Kiến Truyền Tổ, một hôm nọ đến chùa La Hán, tại Lê Lý, huyện Ngô Giang, tỉnh Giang Tô. Ông trông thấy một ngôi bảo điện sắp sập, Quan Âm Bồ Tát trên đầu phải đội nón lá, Tổ bùi ngùi rơi lệ than rằng: “Bồ tát là bậc đủ đại bi, đại trí, ban phước, ban huệ cho chúng sanh, không thể nào để Ngài ở trong cảnh khổ sở như vậy,” Nói rồi liền phát nguyện trùng tu bảo điện, mong nhờ công đức này có thể được vài đứa con cháu mình học sách, làm quan là mãn nguyện. Khi về đến nhà, Ông đem việc này bàn với vợ. Bà nghe nói rất vui mừng, nói rằng: “Hiện nay trong nhà chúng ta có vài trăm tạ gạo, Ông mau đem bán lấy tiền rồi cố gắng hoàn thành việc làm công đức này.” Sau khi bán gạo được số tiền lớn, Ông mang đến Chùa cúng dường và tỏ bày ý nguyện cùng Tăng chủ. Tăng chủ thấy Phật tử Truyền Tổ thành tâm nên nhận tiền và hết sức lo lắng cho công việc trùng tu bảo điện để sớm hoàn thành, nên chỉ trong thời gian ngắn thì ngôi bảo điện hư sập đó đã trở thành ngôi bảo điện trang nghiêm. Về sau quả nhiên con cháu của Truyền Tổ là Nguru Trung và tăng tôn là Mông Đầu đều liên tiếp thi đậu cao, làm quan nội triều rất vinh hiển. (Trích Tuyên Tân Lục)

8. Triều nhà Tống, Ngài Thích Cầu Na Bạt Đà La, (Trung hoa dịch là Công Đức Hiền) dòng Sát Đế lợi là vị Pháp sư thâm nhập Tam tạng, thông đạt giáo lý Đại thừa. Niên hiệu Nguyên Gia, Ngài có ý hướng Đông Du để tuyên giảng Hoa Nghiêm Kinh, nhưng khổ một nỗi là tiếng Trung Hoa Ngài không được thông suốt nên Pháp sư thường ôm lòng hổ thẹn, ta thán chẳng biết làm thế nào. Thế rồi một hôm Ngài nhớ đến Quan Âm Bồ Tát là bậc đại từ đại bi, có thể làm mãn nguyện cho tất cả chúng sanh. Vì vậy Ngài chuyên cần ngày đêm sám hối, bên cạnh đó lại hết lòng chí thành đàn lễ xưng niệm danh hiệu Quan Âm Đại Sĩ, mong Ngài minh gia để được toại với bốn nguyện. Một đêm, Pháp sư nằm mộng thấy Thần nhân, một tay cầm kiếm, một tay xách

đầu người, đổi cho Pháp sư. Pháp sư giặt mình thức dậy và từ ấy về sau, Ngài bỗng thông thạo tiếng Trung quốc còn hơn cả người bản xứ. Trong thời gian lưu trú tại Trung Hoa, Ngài giảng Kinh Hoa Nghiêm đến mười mấy biển. Mỗi khi diễn giải, thính giả dưới pháp toà đều hết lòng thành phục hoan nghênh. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 1)*

9. Triều nhà Đường, niên hiệu Trinh Quán, Thầy Thích Nguyên Khang, du học ở Kinh bắc. Trước đây, Thầy ẩn tu nơi sơn dã, hằng ngày thành tâm xưng niệm Thánh hiệu Quan Âm, mong cầu Bồ tát minh gia, phát sanh huệ giải. Do tâm chí thành nên cảm đến Bồ tát, một hôm có con nai trắng từ trong rừng ra đến chỗ am của Thầy, sừng của nó có đến ba gác, hình dáng đẹp đẽ khác thường. Thầy Nguyên Khang thấy con nai vừa đẹp, vừa dạn dĩ nên thường ngày, Thầy thường vuốt ve, chăm sóc và nuôi dưỡng nó như niệm Phật và chú nguyện cho nó. Khi có việc phải đi xa, Thầy cưỡi bạch lộc như cưỡi ngựa, dù đường có xa đến mấy, vẫn không thấy bạch lộc này lộ vẻ mệt mỏi. Thầy Nguyên Khang từ ấy phát huệ, biện tài vô ngại, thường ở nơi chùa An Quốc, giảng giải Tam luận cho đại chúng nghe, lại viết Sớ giải thích ý nghĩa bộ Trung Quán Luận, đặc biệt là dịch nghĩa của Bộ Huyền Khu Tổng Thuyết (2 quyển), Minh Tông, Chỉ Trung Luận, Bách Luận và Nhị Môn Luận. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

10. Triều nhà Tống, Tú Giác Vĩnh Minh Thiền sư Hưng Viên Thọ, tức là Liên Tôn Lục Tổ Thiền Thai đặc pháp nơi Thiền Thai triều Quốc sư. Tổ thường tu Pháp Hoa Sám pháp 21 ngày. Sau đó Ngài mộng thấy Quan Âm Bồ tát dùng nước cam lồ rưới vào miệng, sau đó Ngài được biện tài vô ngại. Ngài trước tác bộ Tồn Cảnh Lục (100 quyển), dung thông các pháp quy tâm, sau đó lại trước tác thêm bộ Vạn thiện Đồng Quy Tập (3 quyển), phát minh chí thú không hữu tánh tướng, cật lực nêu cao cảnh sách, khuyên hàng Phật tử phải chân tu và quy hướng về lý trung đạo. Hằng ngày, mỗi thời khóa, Tổ niệm Thánh hiệu Di Đà mười vạn biển, chuyên tu Tịnh nghiệp, nguyện cầu vãng sanh. Tổ ở chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ hàng đệ tử xuất gia đến 1,700 người và truyền trao giới Bồ Tát cho đại chúng. Thường ngày, Tổ thí thực phóng sanh, làm tất cả công đức đều hồi hướng về Tây phương Tịnh độ. Niên hiệu Khai Hoa, năm thứ tám, ngày 26 tháng 2, vào lúc sáng sớm, Tổ thức dậy, thắp hương cúng Phật, rồi từ biệt đại chúng. Tổ ngồi kiết già, niệm Phật rồi vãng sanh. *(Trích Võ Lâm Cao Tăng Sự lược)*

11. Triều nhà Tống, Nghĩa Tịnh Pháp sư họ Hồ, người ở Mãn Châu tuyên giảng các Kinh luật và viết Sớ chú thích các Kinh. Lúc Pháp sư ngụ nơi chùa Dục vương, huyện Tứ Minh, nằm mộng thấy mình đến chùa Quốc Thanh ở

Tây phương. Chùa có một bảo đài rất trang nghiêm, trước đề ba chữ “Văn Thù Đài”, Pháp sư rất muốn vào nhưng không thể vào được vì bốn phía hàng rào ngăn cách rất kiên cố. Pháp Sư đứng phía ngoài bèn chuyên tâm niệm Phật, bỗng thấy Quan Âm Bồ tát từ nơi điện đường, chậm rãi đi ra tiếp đón Pháp sư. Chỉ trong chốc lát, Ngài có cảm giác thân mình và thân Bồ tát như một, không thể phân biệt. Sau cơn mộng, Ngài giặt mình tỉnh giấc thì từ đấy trở đi bỗng có biện tài vô ngại, giảng diễn các kinh luận, và tinh tấn gấp bội hơn trước. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 3)*

12. Triều nhà Tống, Tuân Thức Thiền Sư, là con nhà họ Diệp ở Tuyền Châu. Thân mẫu của Thiền sư thường ở trước Thánh tượng Quan Âm, chí thành khẩn thiết lễ niệm, cầu nguyện mới sanh được Thiền sư. Thiền Sư là bậc học vấn cao thâm, chuyên tu khổ hạnh, nhất tâm niệm Phật, cầu về An dưỡng. Thiền sư thường gắng sức thực hành Ban chú Tam muội, lấy 90 ngày làm kỳ hạn. Ở đạo tràng vì quá khắc khổ, nên Thiền sư bị chứng lạc huyết, hai chân bị nứt nẻ, nhưng Thiền sư vẫn tự thệ dù chết vẫn không thối chí. Một đêm nọ Thiền sư nằm mộng thấy Bạch Y Quan Âm đến, đưa ngón tay vào trong miệng Thiền sư, kéo ra vài con lãi. Từ đầu ngón tay của Bồ Tát, phun nước cam lồ rót vào miệng của Thiền sư, bấy giờ Ngài cảm thấy thân tâm mát mẻ, nhẹ nhàng, bao nhiêu bệnh tật trước đây đều lành hẳn. Khi mãn kỳ hạn ra khỏi đạo tràng, đánh tướng của Thiền sư cao hơn một tấc, hai tay thòng xuống quá gối, âm thanh như tiếng đại hồng chung, hoàn toàn khác hẳn với ngày trước. Tứ chúng Phật tử đương thời, thấy vậy, ai nấy đều tán thán và kính ngưỡng. Thiền sư sáng lập chùa Hạ Thiên Trúc vài trăm gian và kiến tạo Quang minh Sám đường. Mỗi khi gác một cái đòn tay hay lợp một miếng ngói, đích thân Thiền sư tụng 7 biến Chú, nhờ công đức này mà trải qua ba lần giặc giã loạn ly, tất cả các nơi đều bị thiêu đốt thành tro tận nhưng Hạ Thiên Trúc Tự và Quang Minh Sám Đường đều bình yên vô sự, đây chính là nhờ công đức và năng lực tu trì kiên cố của Ngài mà được như vậy. Thiền Sư trước tác quyển Tịnh Độ oai nghi, Hạnh nguyện Di mộng, cùng với các bản Sám nghi như Tịnh Độ Sám pháp, Kim Quang Minh Sám, v.v... để lưu hành trong thiên hạ. Quốc vương nhà Tống phụng hiệu cho Thiền Sư là Từ Vân Sám chủ. *(Trích Võ Lâm Cao Tăng Truyện)*

13. Triều nhà Tống, Uẩn Đề Pháp sư hiệu là Thanh Biện, họ Châu là người Tiên Đường. Pháp sư từng mắc phải chứng bệnh dịch, chạy chữa trăm phương đều vô hiệu, Pháp sư tự biết bệnh này ngoài Phật lực ra thì khó mong được khỏi nên Pháp Sư chí thành lễ bái xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. Một đêm nọ, Pháp sư mộng thấy có một người đến, dùng đục vạch ngực Pháp sư để đổi trái tim mình, sau đó lại dùng tay xoa vết thương rồi bỏ

đi. Khi giặt mình tinh dậy thì bệnh của Pháp sư tự nhiên lành. Bấy giờ tất cả Kinh Luật luận Pháp sư đã xem từ trước đều nhớ lại và rất thông lý thú, lại có thể hạ bút thành chương, xuất ngôn thành bảo điển, mọi người đương thời đều cho là nhờ Pháp sư nhờ thành tâm lễ bái xưng niệm Quán Âm mà được biện tài vô ngại, là sự việc minh chứng hiển thực. (Trích Phật Tổ Thống Ký)

14. Triều nhà Tống, Minh Giáo Đại Sư Khế Tăng tự là Trọng linh, sống tại chùa Linh Ẩn, huyện Hàn Châu. Ngài là con của họ Lý, xứ Đồng Tân tỉnh Quảng Tây. Đại Sư xuất gia từ lúc bảy tuổi, liền thọ giới cụ túc. (Theo Luật Thiền Viện do Phật chế lập thì 20 tuổi mới được thọ giới cụ túc nhưng do Đại Sư là trường hợp đặc biệt, dù tuổi còn nhỏ nhưng lại có đủ năng lực nghiêm trì giới cấm nên dù chưa đến tuổi vẫn được cho phép thọ giới). Đại Sư thường đội Thánh tượng Quán Âm trên đầu, chuyên niệm danh hiệu Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát mỗi ngày 10 vạn biến. Đại sư thông đạt Tam tạng kinh điển, lại có sức nhớ rất dai. Ngài trước tác Bộ Phụ Giáo Luận hơn mười vạn lời, Thiền Môn Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tôn Kỳ và Phụ giáo thiếu vị. Đại Quan triều Tống là Hàn Trung Hiếu Công cùng với Âu Dương Văn Trung Công đều tán thán, kính trọng Pháp sư là bậc đạo cao đức trọng đương thời. Niên hiệu Hy Ninh triều nhà Tống năm thứ tư, vào tháng sáu, Pháp sư thị tịch. Lúc trà tỳ xong thì trong sáu căn, có ba căn không hoại là nhãn căn, thiệt căn và đồng chơn, cùng với xương đầu, râu chuỗi niệm Phật. Năm vật ấy vẫn còn y nguyên, lưu xuất những hạt xá lợi sắc hồng bạch rất tinh khiết, hình trạng bằng hạt tiêu lớn. Trong Bộ Đàm Tân văn tập (20 quyển) có ghi chép và lưu hành trong đời. (Trích Phật Tổ Thống Ký)

15. Triều nhà Tống niên hiệu Hy Ninh có người tên là Trang Hỉ ở huyện Hội Kê, tỉnh Chiết Giang, sanh trưởng trong một gia đình nghèo khó nên từ thuở bé đã không được đi học như những đứa trẻ khác. Trang Hỉ tự biết hoàn cảnh của mình nên rất buồn tủi, bèn phát tâm dũng mãnh hàng ngày trì niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát không gián đoạn để nguyện cầu xin trí tuệ. Đến một ngày nọ thì tự viết chữ được, lại có tài làm kệ, làm thơ. Nơi đây trích một bài thơ của Ông như sau để minh chứng cho việc nương nhờ sức trí huệ của Quán Âm Bồ Tát mà phát sanh được trí tuệ.

<p>ÂM: Địa lô vô hòa nhất năng không Tuyệt tợ dương hoa lạc tuế cùng Khất đặc trừ ma phùng hại nạp Bất tri thân tại tịch liêu trung</p>	<p>NGHĨA: Lò đất không lửa, một túi không Tuyệt giống hoa dương rơi mãi mãi Xin được chỉ gai, vá nạp y Chẳng biết thân này trong liêu vắng</p>
--	---

16. Triều nhà Thanh có thầy Thích Chú Am là người ở tỉnh Giang Nam. Thuở thiếu thời, tính tình của Thầy rất thô lỗ và cộc cằn. Một hôm, tại nơi Thiền viện ở Vương Châu, Thầy tranh cãi với Phạn đầu sư, thốt ra những lời vô lễ, hạ nhục Phạn đầu sư. Vị Tăng chủ trong Thiền viện biết được việc này nên đem ra trước đại chúng quở trách nghiêm khắc, răn đe nếu không hối cải sẽ tức thời đuổi ra khỏi Thiền viện. Lúc ấy, Thầy mang lòng căm giận trong lòng, dự tính sẽ tìm cách trả thù vị Tăng chủ. Nhưng đến lúc nửa đêm thì bỗng tự thấy hối hận với ý nghĩ lúc chiều là vô cùng tội lỗi nên phát tâm sám hối. Thầy tự suy tư không biết làm cách gì để gột rửa tội lỗi này, muốn đi các nơi học đạo thì lại thấy phạm mình là kẻ đáng khinh nên suốt đêm trần trọc không thể nhắm mắt, mãi đến lúc trời gần sáng thì thoát nhiên tự ngộ: Ta thường nghe nói người nào chí tâm trì tụng Thần chú Đại bi của Quán Âm Bồ Tát thì căn nguyên của tất cả các pháp đều thông suốt lại có thể chứng đắc vô thượng quả. Ta đây dù thuộc về hàng ngu dốt vẫn có thể trì tụng Thần chú Đại bi, vậy sao Ta lại không cố gắng mà tự gây trở ngại cho chính mình. Đến sáng thì Thầy đến trước Tăng chủ cầu xin sám hối tạ tội. Sau khi sám hối xong thì bày tỏ ý nguyện được đóng cửa ba năm chuyên trì tụng Thần Chú Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu xin Tăng chủ từ bi cho mượn một tịnh thất và giúp đỡ phí tổn về y phục, ẩm thực, thuốc men trong ba năm. Tăng chủ nghe qua thì vô cùng hoan hỉ liền ưng thuận. Thầy liền dời chỗ ở vào tịnh thất trên lầu thờ Kinh tạng, ngày đêm chuyên trì thần chú không hề giải đãi. Trước ngực lại treo một bảng nhỏ viết hai chữ “Cấm ngữ”, khi có người lên lầu thờ Kinh muốn nói chuyện với Thầy, Thầy liền chỉ vào thẻ bài nơi ngực để đáp lại. Như thế trải qua ba năm, lúc mãn kỳ ra thất, khi Thầy bước ra, đại chúng đều nhìn thấy thần sắc của Thầy đổi hẳn, dung nhan luôn vui vẻ, tươi cười, tánh tình khiêm hạ, ai trông thấy Thầy cũng đều cung kính. Một hôm nọ có một số vị khách đến chùa để xem Kinh nhưng không hiểu nghĩa lý trong Kinh nên họ đến chất vấn Thầy, có rất nhiều chỗ khó giảng giải nhưng Thầy vẫn vui vẻ đọc Kinh Luận và giảng cho họ nghe lưu loát như nước chảy, tất cả đều kinh ngạc tán thán. Sau một thời gian thì mọi người mới biết Thầy chẳng những thông thạo về nội điển mà cả với bộ bách gia của chín học phái lớn cũng thông suốt, văn thơ truyện đọc của thế gian Thầy không cần để mắt vẫn có thể đọc thuộc. Bấy giờ có một vị Đại quan là Văn Đạt Công từ quan về quê, nghe danh của Thầy liền đến Thiền viện để cùng đàm luận, Thầy đối ứng thông suốt như nước chảy, không hề mệt mỏi. Văn Đạt kinh ngạc tán thán rằng cảnh sở chứng của Thầy đã vượt ra ngoài nhân thiên, không một học giả nào có thể sánh bằng và suy lường được. (Trích Vương Canh Tân Chú Am Đại Sư truyện)

17. Triều nhà Tống có thầy Thích Tống Uyên họ Cung, là người xứ Cao Mật, tỉnh Sơn Đông, tánh tình điềm đạm và ưa ở ẩn nơi thanh vắng. Hàng ngày, Thầy chuyên tâm trì tụng Kinh Phổ Môn để cầu tuổi thọ do trước đây, Thầy có gặp một vị Thầy tướng số, Ông này cho biết số mạng của Thầy rất ngắn, nên phải cố gắng tu trì. Vào niên hiệu Thái Bình năm thứ năm, lúc tháng mười, Thầy biết trước ngày giờ viên tịch nên nhờ một người thợ mộc làm cho mình một cái pháp tòa giống như đầu con nai, lại luôn hối thúc thợ phải làm cho xong và bảo thợ đến ngày ấy, lúc chúng Tăng thọ trai xong thì mình có việc phải dùng đến. Đến ngày ấy, quả nhiên sau khi chầu Tăng thọ trai xong thì Thầy vào trong pháp tòa, ngồi niệm Phật mà viên tịch, hưởng thọ 83 tuổi. (Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)

18. Triều nhà Tống, niên hiệu Thuần Hy năm đầu, có một nữ Phật tử đã trên 80 tuổi tên là Trịnh Thị, sống tại Thường Kiều, tỉnh Ngô Giang. Ngày ngày, bà lão đều đến chợ quyền góp tiền với tâm nguyện là tạo nên Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát. Bà cất số tiền xin được trong một cái bình sành lớn để dành để thực hiện tâm nguyện của mình. Một hôm nọ, nhà hàng xóm bị hỏa hoạn nên lan qua túp nhà tranh của bà mà cháy rụi. Sau khi lửa tắt, bà nghĩ chắc bình sành đựng tiền cũng bị thiêu cháy hết rồi nên đứng nhìn đồng tro tàn mà trong lòng đau buồn, hai dòng lệ tuôn rơi. Trong tâm Bà quá luyến tiếc nên đến nơi tro tàn bới tìm, Bà ngạc nhiên khi thấy bình sành vẫn còn nguyên vẹn, phía bên trong khi mở ra thì nhìn thấy một pho tượng Quán Âm Bồ Tát trang nghiêm đẹp không thể tả, thế gian khó có thể làm nên, lại có đủ thứ vòng anh lạc, tịnh bình, dương liễu. Ở trong vùng ấy có một nhà cự phú họ Vương, biết việc hy hữu này bèn đến nơi xin bà lão cho thỉnh tượng về nhà thờ để hàng ngày lễ bái xưng niệm cúng dường. Gia đình này vốn là người có tâm nhân từ, chẳng những xin thỉnh Thánh tượng mà cũng kính thỉnh lão bà về nhà nuôi dưỡng vì bà không có con cháu, lại nhờ Bà lo việc hương đăng nơi bàn Phật và tụng kinh niệm Phật. (Trích Nam Hải Từ Hoàn)

19. Triều nhà Minh có Huỳnh Ngạn Sĩ ở Tô Châu, cưới vợ là Nhan Thị. Vì mới cưới nên đôi vợ chồng này khăng khít không rời nhau. Lúc ấy tại Tô Châu có loạn, dân chúng đua nhau chạy giặc nên hai vợ chồng nhà này cũng chạy loạn. Chẳng may trên đường chạy trốn thì bị lạc nhau. Nhan Thị lúc lạc mất chồng rồi thì vô cùng sợ hãi, thân gái nơi xứ lạ quê người nên đến lúc trời tối không dám xin trọ nhà người nào, đang lủi thủi trên đường thì bỗng gặp một ngôi cổ miếu, Cô định bước vào trong để trọ tạm qua đêm tại đây thì nghe có tiếng người nói từ bên trong nên Cô hoảng sợ định bỏ chạy. Lúc ấy bỗng có tiếng nói cất lên: “Cô nương đừng hoảng sợ. Tôi

đây là một Ni cô.” Nghe hai chữ Ni Cô, Nhan Thị vui mừng trong lòng, liền bước vào cổ miếu thì nhìn thấy một Sư bà tuổi đã lớn. Hai người dù chưa quen biết nhau nhưng khi gặp nhau đàm luận lại cảm thấy rất thân tình. Đến sáng, Sư Bà nói với Nhan Thị: “Con tuổi còn trẻ, đi đường một mình e có nhiều bất tiện, hiện tại trong hành lý của Ta có áo và mũ cho con cài trang, con nên thay đồ và theo Ta về nương tựa ở Am tranh”. Nhan Thị vâng lời cài trang theo Sư Bà về am thất, ngày ngày quét tước dọn dẹp, lo việc hương đăng trên bàn Phật để Sư bà tiện đi lo Phật sự. Nói về Ngạn Sĩ lúc chạy giặc thì lạc mất vợ nên lòng buồn lo vô hạn, tìm kiếm khắp nơi trong ba năm mà vẫn không thấy, trong lòng nghĩ thầm “chắc vợ Ta trong lúc loạn lạc đã gặp phải nạn tai”. Ngạn Sĩ lưu lạc rày đây mai đó, viết mướn độ nhật qua ngày. Một ngày nọ, Anh bỗng nhớ đến người bạn đồng học hiện đang làm quan ở tỉnh Chiết Giang nên thuê chiếc ghe nhỏ, mướn người chèo để đến tìm bạn. Khi đi đến Gia Hưng thì gặp tuần hải binh đến nên vội cho ghe tấp vào bờ, Ngạn Sĩ lên bờ nghỉ ngơi, trong lúc ngồi nghỉ, Anh nhìn quanh thì thấy trong bọng cây lương khô có một cái gói rất đẹp nên mở ra xem thì thấy bên trong là một cái hộp đựng đầy vàng. Ngạn Sĩ vui mừng khôn xiết tự nói “Đây là trời cho ta!” Nhưng khi xem kỹ lại thì thấy có một quyển sổ ghi rõ danh tánh của những người cúng dường nên Ngạn Sĩ sợ tinh, dận lòng không được tham lam, dừng cho là của người bỏ rơi mà tự cho mình quyền thọ dụng. Đây là tài vật của Tam bảo nên chỉ một nén vàng thôi đã không biết là bao nhiêu công đức, hưởng hồ đây là cả một hộp vàng. Nghĩ rồi, Ngạn Sĩ cho dừng ghe ở lại nơi ấy để chờ người bỏ rơi quay lại nhận. Trải qua hai ngày thì thấy có một Sư bà ở đâu chạy đến, đập đầu vào thân cây than khóc thảm thiết. Ngạn Sĩ đến hỏi thăm nguyên do thì Sư Bà cho biết trước kia có phát nguyện sẽ rước thợ làm một Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ nên thời gian qua đã đi quyền góp tiền khắp nơi để dành được 30 lượng vàng. Ngày hôm kia khi đang trên đường về thảo am, khi đi ngang qua đây thì gặp tuần hải binh. Trong lúc vội vàng sợ hãi không biết cất giấu số vàng nơi nào thì nhìn thấy gần đó có một bọng cây khô, bèn đem giấu nơi bọng cây ấy, giờ đây không còn nhìn thấy nữa nên Sư bà quá đau buồn chỉ muốn chết tại đây. Nghe xong không nói một lời, Ngạn Sĩ liền trao trả lại hộp vàng. Sư Bà muôn phần cảm động nói không nên lời, vái tạ người đã cứu mạng mình nên Sư Bà nói: “Từ đây đến thảo am của Tôi chỉ còn chừng 20 dặm. Xin Ngài đừng phụ lòng thành, xin quá bước đến đó để Tôi được mời một bữa cơm chay và đưa Ngài đến trước Đại Sĩ để tỏ bày thanh đức và cùng lễ bái cho Ngài được phước thọ miên trường”. Ngạn Sĩ lúc ấy trong bụng cũng có phần đói vì đã hai ngày vất vả đợi người đánh rơi đến nhận lại của, lại thấy Sư bà tha thiết mời về am nên ưng thuận theo chân Sư Bà. Khi đến thảo am thì Nhan

Thị ra mở cửa, hai vợ chồng bất ngờ gặp lại nhau nên nắm tay òa khóc, rồi thuật lại cho Sur Bà nghe duyên cớ lưu lạc nhau mấy năm nay. Lúc ấy có nhà buôn muối họ Uông là gia đình triệu phú trong vùng, khi nghe tin Ngạn Sĩ là người trọng đạo nghĩa, kính thường tiền tài nên vội đến thảo am mời cả hai vợ chồng về nhà rồi lấy lễ đối đãi như thượng khách, giữ chân hai vợ chồng ở lại một thời gian rồi đem tiền bạc vật dụng tặng cho hai vợ chồng Anh, lại sai người đưa về Tô Châu. Về sau vợ chồng Ngạn Sĩ sanh được một trai, một gái. Trai thì trí huệ, thông minh, hình dung tuấn tú còn gái thì hiền đức, dung mạo đoan chính. Một ngày nọ, vợ chồng Ngạn Sĩ tự nghĩ: “Chúng ta ngày nay ở trong cảnh đầy đủ, con cái nên người chính là nhờ ân đức của Tam bảo từ bi gia hộ, chúng ta nên thỉnh Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát về thờ, ngày đêm chiêm bái đánh lễ, tụng kinh niệm Phật rất tinh tiến, cả hai vợ chồng Ông đều hưởng thọ đến tuổi thượng thọ. (Trích Hải Nam Nhất Chước)

20. Triều nhà Thanh, niên hiệu Khang Hy có Phật tử tên Lữ Tẩu ở tại Giang Nam. Lữ Tẩu là người nhân hậu hiền lương, thích làm thiện sự. Với việc xấu ác của thế gian, Ông thường không nói đến nhưng việc thiện lương của người thì cất lực tuyên dương không biết mệt mỏi. Mỗi sớm mai khi thức giấc đều tụng kinh Phổ Môn, Chú Đại Bi trăm biến. Lúc 52 tuổi, Ông bị bệnh nặng, hôn mê bất tỉnh, cả nhà đều lo sợ bèn đến trước Bào tọa của Quán Âm Đại Sĩ đồng dâng hương lễ bái cầu nguyện. Đêm ấy, trong giấc mộng, Ông thấy Đại Sĩ hiện thân bảo rằng: “Số mạng nhà ngươi sắp hết nhưng vì lúc bình sinh ưa thích thực hành thiện sự, lại tụng kinh chú rất kiên thành nên tuổi thọ được tăng thêm hai kỷ nữa. Ta nhắc ngươi hãy ghi nhớ từ đây về sau, phải cố gắng khuyến hóa tất cả thế gian nên nhận biết rõ làm lành thì được phước, tạo ác thì mang họa, lý báo ứng đó không sai một mảy mai”. Lúc tỉnh dậy, bệnh tật của Ông lành hẳn. Từ ấy, Ông càng cố gắng thực hành thiện sự và khuyên nhủ mọi người theo lời dạy của Bồ Tát không một chút xao lãng. Về sau ông hưởng thọ đến 76 tuổi. Đến lúc mãn kỳ, thân không bệnh khổ, tâm thần minh mẫn, niệm Phật mà tạ thế. (Trích Nam Hải Từ Hoàn)

21. Triều nhà Tấn có Phật tử Vương Dân ở Gia Lang, tỉnh Sơn Đông. Vì gia không có con nên vợ Ông đến trước Quán Âm Đại Sĩ chí thành lễ bái cầu xin có con nối dõi. Thời gian sau, Vương Dân trong lúc đi đường nhìn thấy một vị Hồ Tăng thì sanh lòng cung kính cúi đầu vái chào. Vị Tăng ấy nói: “Khi Ta chết sẽ về làm con của người”. Không bao lâu thì vị Tăng này chết, cùng lúc ấy vợ Dân thụ thai. Đứa bé khi vừa hạ sanh thì liền biết nói,

lại thông thạo về Phạn âm và ngôn ngữ của 16 đại quốc và ba nước Tây Vực, thông minh trí huệ không ai bì kịp, căn tánh lại phi phàm. Cha mẹ đặt tên là A Luyện, đứa bé thường thuật lại những việc đời trước của mình rõ ràng như ngày hôm qua. Khi lớn lên, học hành rất giỏi, thi đậu cao nên được chọn làm quan nội triều, ra làm quen đến chức Thượng Thư. (Trích Biện Chánh Luận)

22. Đời Lưu Tống có một người tên là Đạo Hức, là người ở Châu Ích, vốn là tín đồ sùng phụng Đạo giáo. Trên 50 tuổi rồi nhưng Ông vẫn chưa có con nối dõi. Nhà Ông ở gần một Tịnh xá Phật giáo. Niên hiệu Cảnh Bình, vị Tăng trong Tịnh xá thường thấy Ông vì không có con mà buồn rầu nên khuyên bảo Ông: “Nếu Ông chí thành tin theo Phật pháp, lễ bái Quán Âm Bồ Tát và tụng kinh Phổ Môn, chắc là có hy vọng có con nối dõi”. Nghe xong Đạo Hức liền bỏ Đạo giáo, một lòng thành kính qui mạng Quán Âm Bồ tát. Hàng ngày cả hai vợ chồng cùng tụng kinh Phổ Môn và lễ bái xưng niệm Đại Sĩ. Đến một ngày nọ, Ông nằm mộng thấy điều lạ thường, sau đó thì vợ Ông có mang và sanh được một đứa con trai. (Trích Minh Tường Ký)

23. Đời Lưu Tống, Biện Duyệt Chi là người ở Tế Ân, tỉnh Sơn Đông, đã 50 tuổi nhưng không có con. Vợ Ông thấy vậy nên đi cưới thiếp cho Ông nhưng nhiều năm trôi qua vẫn không có con. Ông bèn đối trước tượng Quán Âm Bồ Tát chí thành lễ bái cầu xin có con kế tự, lại phát nguyện tụng kinh Phổ Môn ngàn biến. Khi vừa đủ số thì người thiếp có mang, đến đủ ngày tháng, sanh được một bé trai mặt mày sáng sủa dễ thương, lúc ấy là vào niên hiệu Nguyên Gia, năm thứ 18. (Trích Minh Tường Ký)

24. Triều nhà Đường, Từ Tạng Thiên Sư họ Kim có người cha tên là Võ Lâm. Lúc trước khi sanh Ông, cha của Ông nhiều năm trôi qua không có con nên phát nguyện ấn tống Kinh Quán Âm 1,000 bộ để cầu xin được một đứa con trai và nguyện khi đứa con trưởng thành, mong cho nó sẽ phát đại Bồ đề tâm, độ tất cả chúng sanh là mãn nguyện. Sau đó, Mẫu thân của Ông nằm mộng thấy tinh tú sa vào bụng mình rồi thọ thai, đến ngày mùng 8 tháng 4 là Ngày Phật đản thì sanh ra Thiên Sư. Lúc còn trẻ dù chưa từng được học Phật pháp mà đã thể ngộ nhân sanh vô thường, cảnh đời ô trược, nội tâm không có một niệm cho đời là vui. Đến niên hiệu Trinh Quán, nhà Đường, Thiên sư xuất gia. Lòng thành của Ngài cảm đến hai vị Bồ tát từ Thiên cung giáng xuống trần đích thân truyền trao giới cụ túc cho Thiên sư. Thiên sư sau đó đã cất lực đại hồng chánh pháp Như Lai khắp nơi, làm lợi ích cho vô số nhơn thiên, đúng như nguyện của Phụ thân Ngài đã cầu xin. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)

25. Triều nhà Đường, Vạn Hồi Thiền sư họ Trương là người ở Nam Hưng, tỉnh Hà Nam. Trước khi sanh ra Thiền Sư, mẹ Ông thường thành kính đối trước tượng Quán Âm Đại Sĩ xin cầu một đứa con, sau đó sanh ra Ông nhưng đến lúc 8, 9 tuổi thì mới biết nói bập bẹ. Khi đến tuổi trưởng thành, cha Ông bảo đi cày ruộng thì Ông vâng lời vác cày dắt trâu ra đồng, cày hết mẫu này qua mẫu nọ, đến mấy mươi dặm vẫn không ngừng, chỉ đến lúc gặp dòng suối thì mới dừng lại. Theo lệ thường của nhà nông, khi cày ruộng thì người ta thường hô “dí - thả” nhưng Thiền sư thì lại luôn miệng kêu “bình đẳng, bình đẳng”. Phụ thân Ông biết chuyện nổi giận đánh cho một trận đòn. Sau khi bị đòn xong, Thiền Sư đứng dậy khoanh tay lại thưa: “Thưa Phụ thân, cha không hiểu nên đánh con. Đại phạm khi cày ruộng thì tất cả đều cày, làm gì còn phân biệt kia đây.” Anh của Thiền Sư đi lính ở Tây An, mấy năm trường mà không có tin tức nên cha mẹ Ông ngày đêm lo lắng buồn rầu, luôn nghĩ rằng con mình đã chết. Thiền Sư thấy vậy bèn đến bên Cha mẹ thưa rằng: “Cha mẹ vì thương nhớ anh con mà ngày đêm thương khóc sầu thảm cũng chẳng có ích gì, nay con xin cha mẹ sắm ít đồ y phục, lương thực và những đồ dùng cho anh con, con sẽ thay cha mẹ mang đồ đến thăm Anh con.” Khi đã chuẩn bị đồ xong, vào một ngày nọ, Thiền Sư thức dậy vào sáng sớm, không ăn uống gì, đến trước mặt song thân kính cẩn lễ bái từ tạ rồi lên đường nhưng đến chiều đã thấy Thiền Sư trở về nhà. Ông bước vào nhà gặp cha mẹ thì thưa rằng: “Hiện nay Anh con vẫn bình yên vô sự, Anh con gởi thư thăm hỏi cha mẹ đây”. Phụ thân Ông lúc đầu nhìn thấy Thiền sư trở về trong ngày thì cho rằng Ông nói dối nhưng khi mở thư ra xem thì quả thật là bút tích của người Anh. Ai ai trong nhà cũng kinh ngạc vì đường đến Tây An phải trải qua trên vạn dặm, vậy mà Ông chỉ đi có một ngày đường. Vì tích chuyện này mà người ta gọi Ông là Vạn Hồi Thiền Sư. Trước kia, Huyền Trang Pháp sư trên đường đến Phật quốc thỉnh kinh có nhìn thấy trên cây cột trước nơi thờ Phật đề dòng chữ “Bồ Tát Vạn Hồi sẽ đến Văn Hương để giáo hóa chúng sanh.” Khi trở về bốn quốc, Pháp sư liền đến Văn Hương hỏi thăm Vạn Hồi cho kỳ được. Khi được gặp Pháp sư, Ngài liền thành tâm đánh lễ và đem ba cái y cùng bình bát cúng dường nhưng Vạn Hồi Thiền Sư từ tạ không nhận và bỏ ra đi. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 3)*

26. Triều nhà Tống, Dịch Tập là người Kinh sư ở trấn Tư An, huyện Hồ Châu tỉnh Chiết Giang. Dù đã 50 tuổi nhưng Ông vẫn không có con. Ông bèn phát nguyện rước người đến họa Thánh Tượng Quán Âm Đại sĩ thờ cúng trong nhà, ngày ngày xưng niệm lễ bái, cầu đảo rất chí thành. Vợ của Ông trước khi có mang thì nằm mộng thấy có một phụ nữ trong trang phục bạch y, tay cầm cái giỏ có một bé trai tuần tú bên trong đến trao cho mình, chưa kịp đưa tay đỡ lấy đứa bé ấy thì bỗng đâu có một con trâu đến đứng chặn

ngang ở giữa nên không thể bế đứa bé được. Đến đúng ngày tháng thì hạ sanh được một đứa bé trai, nhưng sau khi ra đời chỉ sống được 11 tháng tuổi thì bị bệnh nặng rồi qua đời. Dịch Tập lại chí thành khẩn thiết cầu nguyện. Lúc ấy có một người trong xóm, nghe chuyện giấc mộng của vợ Ông bèn nói với Ông rằng: “Chắc là do nhà Ông ưa ăn thịt trâu nên mới có giấc mộng ứng hiện như vậy”. Nghe xong, Ông chợt giật mình tỉnh ngộ, liền phát thệ cả nhà chẳng những không ăn thịt trâu nữa mà trường trai luôn. Sau đó, vợ Ông lại nằm mộng thấy người đàn bà trước kia đến trao cho một đứa bé nữa và liền thọ thai, đúng ngày tháng, sanh ra một bé trai hình dung đoan chánh, mặt mày sáng sủa, đến khi trưởng thành thì học hành thông minh, thi đậu cao rồi ra làm quan nội triều rất tôn quý. *(Trích Quán Tự Lục và Quán Âm Từ Lâm tập)*

27. Hoa Đình Trung tự thuật: Người em chú bác của Ông là Đôn Tam kết hôn đã mười năm mà người vợ vẫn chưa sanh. Em dâu là Quả Thị thường đối trước tượng Bồ Tát Quán Âm chí thành lễ niệm cầu đảo. Lúc cầu đảo thì nước mắt tuôn rơi, tiếng nguyện cầu lẫn với tiếng khóc than, ai nghe cũng phải động lòng. Một đêm nọ, Quả Thị nằm mộng thấy Đại Sĩ bồng hai đứa bé đến bảo: “Thương cho lòng chí thành của con nên ta đem hai đứa trẻ này giao phó cho con.” Tỉnh dậy thì qua năm sau bà có thai, năm đầu tiên thì sanh ra được một trai, năm sau đó lại sanh được một gái, rồi dứt hẳn không còn sanh được nữa. *(Trích Hải Nam Nhứt chước)*

28. Triều nhà Tống có Phật tử tên là Trương Khánh ở Biện Kinh. Trong niên hiệu Tương Phù thì Ông làm quan giám ngục. Khi làm việc, Ông thường đối xử với tù nhân bằng tâm từ bi của một Phật tử, dù là quan giám ngục nhưng không bao giờ hách dịch, ngày ngày cũng lau chùi, quét tước dọn dẹp và nhắc nhở người dọn dẹp những nơi ô uế. Vào mùa nắng, Ông hết lòng săn sóc phạm nhân cho nước uống, thuốc men, đồ dùng... Ông cũng thường nhắc nhở thuộc cấp của mình phải có lòng từ tâm với tội nhân. Hàng ngày Trương Khánh đều tụng Kinh Pháp hoa, lúc trong ngục có từ tội thì tự mình phát nguyện ăn chay, tụng Kinh một tháng để cầu nguyện cho người ấy. Ông răn dạy tội nhân phải biết nhận lỗi, không nên vu cáo cho người lương thiện vì ác nghiệp ấy tự mình phải mang, tương lai không thoát khỏi quả khổ. Vợ của Ông là Viên Thị đã 48 tuổi nhưng không có con. Một ngày nọ mắc phải ôn dịch nên qua đời, nhưng ba ngày sau khi chết thì bỗng nhiên Bà sống lại kể rằng: “Lúc tôi vừa mới chết thì bị dẫn đến một chỗ rất tăm tối, ngay lúc ấy Tôi nhìn thấy Bạch y Đại Sĩ đến bảo: “Chồng của người âm đức rất lớn nên con cháu sẽ hưng thịnh vinh hiển mà hiện nay người vẫn chưa có con kế tự.” Nói dứt lời thì Bồ Tát dẫn Tôi đi ra, do đó mà sống lại được”. Sau khi sống lại thì năm sau đó Viên Thị có thai rồi sanh ra được

một đứa con trai hình dung đoan chánh, mặt mày sáng sủa, học hành thông minh, sau thi đậu ra làm quan nội triều. Phật tử Trương Khánh sống đến 82 tuổi thì thệ thế. Trước ngày mất, Ông không tật bệnh gì, an nhiên niệm Phật mà ra đi. Sáu đứa cháu nội của Ông đều đỗ đạt, có quyền tước hiển vinh. *(Trích Quán Âm Trì Nghiệm Ký)*

29. Triều nhà Tống, Từ Hy Tải là người ở Lạc Bình, tỉnh Giang Tây. Vợ chồng chỉ có một đứa con. Vào niên hiệu Thuấn Hy, ngày 24 tháng 8 Năm Giáp Ngọ thì đứa trẻ bị bệnh chết. Vợ chồng Ông ngày đêm buồn khóc đau thương gần như muốn chết theo con. Qua năm sau, Từ Hy Tải có việc phải đi đến tỉnh An Huy. Ngày đi trùng vào ngày giỗ con nên trên đường đi, Ông ghé đến chùa Nam Đài bái thỉnh chư Tăng làm lễ cầu siêu. Trưởng lão trong chùa ấy nhìn thấy Từ Hy Tải trong khi lạy Phật cầu nguyện cho con thì tỏ vẻ buồn thảm vô biên, biết được Hy Tải buồn thảm vì không có con kế tự nên nói với Hy Tải: “Hiện Tôi có một Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát rất linh hiển muốn tặng cho đạo hữu đem về nhà thờ cúng, hàng ngày lễ bái cúng dường. Nếu có thể thành tâm khắc bản, in ấn Kinh Phổ Môn thì chắc chắn sẽ được phước báo tốt đẹp.” Nghe xong, Ông thành kính đánh lễ Hòa thượng rồi thỉnh Thánh tượng Quán Âm về nhà thờ. Ngày ngày đều chiêm bái xưng niệm và theo lời Trưởng lão dạy, xuất tiền ấn tống Kinh điển. Quả nhiên năm sau thì vợ Ông có thai và đến ngày 24 tháng 8 nhằm ngày đứa con mất, vợ Ông lại hạ sanh một nam nhi, năm sau đó lại tiếp tục sanh thêm được hai đứa con trai nữa. Từ ấy Từ Hy Tải càng thâm tính Phật pháp, hàng ngày đều lễ bái cúng dường Đại Sĩ, tụng Kinh niệm Phật rất chuyên cần. *(Trích Hải Nam Nhứt Chước)*

30. Minh Thiện là một cự phú nhưng không có con nên Ông bèn đối trước tượng Quán Âm Đại Sĩ nhất tâm thành kính lễ bái cầu đảo xin Bồ tát từ bi gia hộ cho có con kế tự. Thê thiếp của Ông sau đó sanh liên tiếp mấy đứa con trai, nên Ông thuê vài người về làm vú săn sóc cho các đứa bé. Một trong số những người vú này khi đến làm, nhìn thấy Minh Thiện thì tỏ vẻ là lời cười cợt. Ông giả vờ không thấy tránh mặt đi chỗ khác, sau đó Ông viện cớ cho người này nghỉ việc và ra khỏi nhà Ông để giữ gìn danh tiết. Về sau con của Ông khi lớn lên đều nối dòng tổ tông trở thành cự phú trong vùng, họ đều theo gương cha phát tín tâm, tính kính Phật pháp, ngày ngày đều lễ bái Quán Âm Đại Sĩ và tụng kinh niệm Phật. *(Trích Hải Nam Nhứt Chước)*

31. Triều nhà Nguyên, Vương Ngọc ở phường Đại Ninh, Nam Kinh đã trên 40 tuổi nhưng vẫn chưa có con. Vào niên hiệu Chí Nguyên năm thứ hai,

nhằm năm Ất Sửu, Vương Ngọc đến nhà người bạn là Mã Công Chước, thấy ở trước bàn thờ Thần có một quyển Kinh Phổ Môn nên Ngọc xin thỉnh mang về, phát nguyện hàng ngày thành kính chuyên tâm trì niệm không giải đãi. Vào đêm 14 tháng 4 năm Đinh Mão thì nhạc mẫu của Vương Ngọc là Lưu Thị mộng thấy có một người đàn bà mặc bạch y, đầu đội kim quan, dắt theo một đồng tử đến nhà bảo rằng: “Ta đưa Thánh Nô này đến cho ngươi”. Nhạc mẫu Vương Ngọc vui mừng tiếp nhận đứa bé thì lúc ấy chợt tỉnh giấc. Sáng ngày hôm sau thì vợ của Vương Ngọc là Trương Thị cho biết có mang, sau đó sanh ra một đứa bé trai hình dung đẹp đẽ, quả nhiên ứng hợp với giấc mộng tối hôm nào, nên liền đặt tên đứa bé là Thánh Nô, vợ chồng Ông sau đó phát nguyện ấn tống 500 quyển Kinh Phổ Môn để báo đáp thâm ân của Đại Sĩ đã ban cho đứa con. *(Trích Bạch Y Kinh Ký Nghiệm)*

32. Nguyên Niệm Thường Thiền Sư, hiệu là Hải Ốc, là người họ Huỳnh ở tại Hòa Đình, tỉnh Giang Tô. Mẫu thân của Thiền Sư là Dương Thị trước đây đã từng đối trước tượng Quán Âm Đại Sĩ chí thành lễ bái cầu xin có con kế tự. Sau khi cầu đảo thì Dương Thị mộng thấy Bàn My Lão tăng đến xin nghỉ trọ. Sau đó thì Bà có thai. Ngày sanh ra Thiền Sư, ánh sáng chiếu khắp trong nhà, hương thơm ngào ngạt. Sau này Thiền Sư xuất gia tại Viên Minh Viện ở Bình Giang, tu hành rất tinh tấn, giới Luật tinh nghiêm, bác thông kinh điển, kế thừa Pháp hối của Cơ Hy Hòa Thượng, trước tác Bộ Phật tổ Thông tài 20 quyển để lại lưu hành trong đời. *(Trích Thích Thị Khế Cổ Lược)*

33. Cuối triều nhà Nguyên, Bảo Kim Thiền Sư hiệu là Bích Phong, họ Thập người Vĩnh Thọ, tỉnh Thiểm Tây. Phụ thân của Ông là Xứng Trường giả, mẫu thân là Trương Thị. Cả hai ông bà đều là người chuyên tu thiện hạnh không biết mệt mỏi chán nhàm. Một hôm có một vị Tăng đi khát thực, khi đi ngang nhà Ông Bà thì đem Thánh Tượng Quán Âm Đại Sĩ trao cho Trương Thị và dặn dò nên thờ cúng Đại Sĩ kính cẩn sẽ sanh được một nam tử thông minh trí huệ. Quả nhiên, không bao lâu sau thì Bà có thai rồi hạ sanh Thiền Sư, giờ phút sắp sanh thì bạch quang chiếu khắp cả nhà. *(Trích Thích Thị Khế Cổ Lược)*

34. Triều nhà Minh có Quan Hình Bộ Lý Thành, tự Tâm Thúy là người Quảng Lăng, chỉ có một đứa con nhưng đứa trẻ lại bị bệnh đậu mà chết. Mẫu thân của Lý Thành là người Cường An, ngày đêm buồn rầu nhớ cháu không lúc nào nguôi bèn phát nguyện hằng ngày tụng kinh Phổ Môn để xin cầu tự cho con mình. Không lâu sau đó thì Lý Thành nằm mộng thấy một người phụ nữ bồng đứa trẻ vào nhà, trên mặt có dính một mài ghè đậu, nhìn có vẻ sắp lành nhưng chưa rụng. Sáng ngày khi thức dậy thì lại gặp một

người lạ tặng cho bức tranh có thêu hình Quán Âm bằng đũa trẻ giống hệt như trong giấc mộng. Phu nhân của ông sau đó thọ thai và sanh ra một đứa con trai. *(Trích Quán Âm Trì niệm ký)*

35. Triều nhà Minh, Nghiêm Thượng Bảo Thuận tự Đạo Triệt ở huyện Thường Thục là con của Văn Tình Công Trọng, là một đại quan nhà Minh. Năm 30 tuổi Ông vẫn chưa có con nên cưới thêm một người thiếp nhưng không quan tâm đến hình sắc bên ngoài, thế nhân thấy vậy nên có ý chê cười. Một dạo sau đó khi Ông sang nhà vợ thấy có một người hầu tuổi đã cập kê nhưng chưa để tóc vì bị câm, người nhà cho biết Cô là phế nhân nên không ai quan tâm. Bảo Thuận nghe xong bùi ngùi mà nói rằng: “Không hề chi. Bảo nó cứ để tóc, Tôi đây sẽ cưới về làm thiếp vậy”. Nhà bên vợ Ông không ai tin lời nên Ông bèn tỏ lời hẹn ước với người hầu. Đến thời hạn hơn một năm sau thì đến cưới người hầu đó. Phụ thân của Bảo Thuận nghe tin ấy thì vui mừng nói: “Việc làm của con ta rất hợp với đạo trời, chắc chắn con ta sẽ có con kế hậu”. Sau đó cả hai người thiếp của Ông đều sanh con trai. Bảo Thuận vốn là một Phật tử thuần thành, hằng ngày trì tụng Bạch Y Thần Chú, lại nghiêm trì giới cấm sát sanh, lúc sắp sanh con trai thì đều có mộng triệu Bạch Y tống tử. *(Trích Cảm Ứng Thiên Tăng Chú)*

36. Triệu Thế Thân là người ở huyện Tiên Đường, vợ chánh là Châu Thị, không có con nên thường đến Điện Quán Âm chí thành lễ bái cầu đảo, lại phát nguyện trì tụng Bạch Y Thần Chú, ấn tống Kinh Bạch Y Đại Sĩ 12,000 quyển, thực hành tất cả thiện sự. Sau đó, vợ Ông sanh được hai đứa con trai. Con trưởng đậu đến Tiến Sĩ. Châu Thị hưởng thọ đến 98 tuổi. Cả nhà sống trong cảnh ngũ đại đồng đường rất an vui. *(Trích Hải Nam Nhứt Chước)*

37. Triều nhà Thanh, Huỳnh Phán Sanh ở Tân Ấp, tỉnh Quảng Châu là một nhà giàu có, tuy đã 50 tuổi mà trong nhà vẫn vắng vẻ, không có con kế tự. Năm Mậu Tý, ông phát tâm Quy Y Tam Bảo, thọ trì Ngũ giới, lại nguyện trường trai không dùng đồ huyết nhục. Trong nhà, Ông thờ Quán Âm Đại Sĩ rất thành kính, hàng ngày hai thời mai chiều dù có bận việc cách nào thì cũng gác lại một bên, đến bàn thờ làm lễ đánh lễ Đại Sĩ 200 lạy và chuyên tâm xưng niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, suốt trọn một năm không thiếu một ngày. Chưa đến ba năm thì thê thiếp liên tiếp trong một ngày sanh được mấy đứa con trai thông minh trí huệ, sau này các con Ông đều đỗ đạt ra làm quan, mang vinh hiển về cho gia tộc, ứng như trong Kinh Phổ Môn dạy “Nhược hữu nữ như thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam”, chính là họ Huỳnh trong truyện này vậy. *(Trích Quán Âm Từ Lâm Tập)*

38. Đời nhà Thanh, Đàm Hiếu Khanh tự Phù Phong ở huyện Thường Thục, tỉnh Giang Tô, nhà rất giàu nhưng không có con, vì thế họ hàng xúm nhau bàn tán, sau khi Khanh qua đời sẽ cùng nhau chia tài sản. Hiếu Khanh nghe nói bèn cười và lập thệ rằng: “Ta thà đem tài sản này phân phát cho người nghèo chứ quyết định không để cho đám người họ hàng này tranh giành phân chia.” Sau đó, Ông nguyện đem 5,000 lượng vàng để kiến lập Đại Bi Sám đàn nên đến Nguyên Mô tìm chỗ đất tốt. Thấy phía sau Phạm Thiên Cát, đất đai cao ráo bằng phẳng, phía trước có hồ rộng thênh thang, phong cảnh tuyệt đẹp liền đem nguyện vọng của mình tỏ bày với Phạm Thạch Lão Nhơn thì được lão nhơn đồng ý. Khi đắp nền, Ông dùng gỗ trầm hương nghiền thành bột làm hồ xoa trên nền Sám đàn hết sức trang nghiêm. Khi Sám Đàn hoàn thành xong, Ông thành kính cung thỉnh các bậc Cao Tăng đến nhập đàn làm lễ. Trong thời gian 49 ngày, Ông đều theo quý chư Tăng lễ sám. Sau khi hoàn tất thì trong năm ấy, người thiếp của Ông sanh một con trai, bầu hy (lá nhau) đều trắng nguyên phôi. Chánh Thị là vợ chánh của Ông chưa từng sanh nở cũng phát tâm xuất ra 1,000 lượng vàng, kiến tạo Điện Bạch y Đại Sĩ ở Nguyên Mô, nguyện đem công đức này cầu con thì không bao lâu cũng có thai sanh ra được một nam tử, giống con của người kế thất, bầu y đều trắng. *(Trích Hiện quả Tỳ Lược)*

39. Triều nhà Thanh, Hà Long Tướng là một tướng quân ở tỉnh Quảng Châu, tuổi đã 50 tuổi nhưng không có con. Trong tâm Ông thường buồn phiền vì sợ cái cảnh tuyệt hậu. Vào năm Ất Mùi, Ông đến chùa Quy Y Tam bảo, thọ trì Ngũ Giới và nguyện ăn chay một tháng sáu ngày, Ông lại xây một Tịnh thất trang nghiêm thờ cúng Thánh tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm, sớm chiều lễ bái xưng niệm rất chí thành. Trải qua vài tháng thì Ông mộng thấy Đại Sĩ chính tay trao cho Ông một đứa trẻ, mặc y phục màu hồng, năm sau quả nhiên vợ Ông sanh ra một nam tử, hai năm sau Bà liền tiếp sanh hai đứa con nữa. Từ đấy Ông càng thêm tin Tam Bảo, lễ niệm Đại Sĩ và tụng kinh niệm Phật rất tinh tấn. *(Trích Quán Âm Từ Lâm Tập)*

40. Triều nhà Thanh, Dương Hoàng tự Hy Châu là người ở huyện Dương Đồ. Vào niên hiệu Thuận Trị nhà Thanh năm Bính Tuất, ở địa phương nổi loạn, binh sĩ kéo đến đâu thì nhiều hại dân chúng đến đó. Dương Hoàng đem thê thiếp cùng với đứa con 10 tuổi giấu trong rừng nhưng đứa trẻ không chịu theo mẹ, chỉ khóc la đòi theo cha. Sau khi đem vợ con đi trốn, Dương Hoàng trở lại nhà để gìn giữ mộ phần của Ông cha thì binh sĩ kéo đến. Thấy trong mộ phần có người mặc y phục, áo mao chỉnh tề thì định bắt đem đi. Trong lúc nguy cấp ấy, Ông bèn nhảy xuống sông tự tử. Đứa con đứng trên bờ thấy cha nhảy xuống sông chết thì cũng kêu khóc rồi

nhảy xuống sông theo Cha. Sự việc này diễn ra vào ngày 16 tháng 3 năm Bình Tuất. Sau khi yên nạn giặc, vợ Dương Hoàng là Lục Thị trở về nhà, nghe được tin chồng con đều đã chết thì đau đớn buồn rầu bỏ ăn bỏ ngủ, thương chồng không có con để nối dòng. Lục Thị phát nguyện trường trai thành Phật về thờ, ngày đêm chí thành lễ lạy, tiếng niệm Phật cùng với tiếng khóc than cảm động lòng người. Một đêm, Lục Thị nằm mộng thấy một bà già dắt một đứa con trai đến nhà nói: “Ta cho người đứa trẻ này”. Lúc tỉnh giấc, Lục Thị vui mừng nói rằng: “Nam mô A Di Đà Phật. Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nguyện Phật và Bồ Tát từ bi gia hộ cho thai nhi trong bụng của người thiếp Trương Thị sẽ là đứa con trai mà Bồ tát đã trao cho con trong giấc mộng.” Đến cuối năm thì người thiếp sanh ra một đứa con gái. Lục Thị buồn đau khóc lóc mà than rằng: “Ôi thôi! Tuyệt hậu rồi!” Vào mùa Xuân năm Đinh Hợi, Lục Thị triệu tập tất cả người trong họ đến nhà rồi thưa với người trưởng tộc rằng: “Chồng tôi không con trai nối dõi nên hiện tại trong gia đình có mấy mẫu ruộng đất xin chia cho các cháu, Tôi chỉ xin giữ lại phần ít để nuôi dưỡng đứa bé gái này thôi”. Nói dứt lời thì hai dòng lệ tuôn rơi, khóc lóc thảm thiết. Người trưởng tộc nhìn thấy cảnh ấy không cam lòng bèn nói: “Việc chia đất không cấp thiết, đợi đến khi Thím thành quý chừ Tăng về nhà lo Phật sự, làm lễ cầu siêu cho Chú nó xong thì sẽ bàn luận đến chuyện phân chia tài sản sau.” Sau đó, cả gia tộc đều tụ họp để làm lễ cầu siêu ba ngày ba đêm, đến đêm cuối cùng, vào ngày 16 tháng 3 thì đứa bé gái khóc mãi không thôi, người mẹ là Trương Thị bồng nó đến giường, vừa đặt lưng xuống thì bỗng cảm thấy như mộng mị bị qui đè, mê mang bất tỉnh, Lục Thị đến gọi Trương Thị dậy thì lạ lùng thay, Bà thấy bé gái trong tay bỗng đứng không phải là bé gái nữa. Lục Thị kinh hoàng gọi mọi người đến xem cho tường tận thì thấy bé gái mặt mũi vẫn còn nguyên, chỉ nơi bộ phận sinh dục thì đã chuyển thành tướng nam căn, bên cạnh vẫn còn dấu máu chảy. Mọi người thấy thế đều kinh ngạc, nhớ đến giấc mộng Lục Thị đã kể về chuyện Bồ Tát dắt đứa bé trai đến trao trong mộng trước đây, thì mọi người bây giờ mới hiểu là Quán Âm Bồ Tát Đại từ Đại bi linh cảm chẳng sai. Tất cả bèn đến quỳ trước Phật đài, lễ bái tạ ơn, đặt tên lại cho đứa bé là Phật Tử nghĩa là đứa con Phật ban cho. Ngày hôm sau mọi người xa gần nghe tin, kéo nhau đến xem. Quan huyện sở tại là Trương Công nghe qua việc này bán tính bán nghi sai người đưa bé gái đến huyện đường để tra hỏi. Tuy chính mắt nhìn thấy nhưng quan huyện vẫn hoài nghi nên gạn hỏi người nhà bé gái thì tất cả người trong gia tộc của Dương Hoàng đều trả lời đã chính mắt chứng kiến việc chuyển nữ thành nam mà không hiểu được vì sao. Chuyện như mộng huyền này thật đúng là chỉ có Phật lực bất tư nghị mới thành sự thật như thế. Người người đều vui mừng cho Dương Hoàng giờ đã có con nối dõi. *(Trích Đường Nghi Chi Kỳ Cầu Thơ)*

41. Phó Quốc Trần, huyện Tân Kiên, tỉnh Giang Tây là người không có con. Chú của Ông là Quảng Nguru thì lại có nhiều con trai. Một ngày nọ Ông đến nhà của Chú thì được Chú khuyên rằng: “Ta nhờ nhiều năm tụng kinh Phổ Môn nên sanh được nhiều con trai, sao con không bắt chước Ta mà làm theo.” Quốc Trần vâng lời, từ ấy phát nguyện hàng ngày chí thành trì tụng Kinh Phổ Môn. Qua năm sau, thì sanh được một đứa con trai. Ông liền phát nguyện in kinh Phổ Môn hơn 2,000 quyển. Năm sau đó lại sanh được một con trai nữa. Hai con trai Ông khi lớn lên đều đỗ đạt làm quan vinh hiển. Cả hai tuy ở địa vị quyền quý, vẫn noi theo gương Cha, tín phụng Phật pháp, hàng ngày tụng kinh Phổ Môn, bái sám niệm Phật rất tinh cần. *(Trích Hải Nam Nhứt Chước)*

42. Dư Lô Văn là người ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Vợ chánh của Ông là Đãi Thị vì không có con nên phát nguyện trì tụng Kinh Phổ Môn và ấn tống 3,000 quyển Kinh Phổ Môn. Đến niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, năm đầu thì sanh con trai, năm sau lại sanh hai đứa con trai nữa. Từ đó, ngày ngày Bà trì tụng Kinh rất tinh tấn, lại siêng năng thực hành thiện sự, giúp người lợi vật. Hơn 20 năm sau thì con cháu rất đông đúc, đứa nào cũng hiếu thuận, noi theo gương của Đãi Thị, đọc tụng Kinh Phổ Môn, kính trọng Tăng lữ, ăn chay niệm Phật rất thuần thành. *(Trích Quán Âm Linh cảm lục)*

43. Triều nhà Thanh, Lương Nguyên Truân là người ở xứ Hoài An. Nguyên Truân vốn là Phật tử thâm tín Tam bảo, tuy vậy đã đến tuổi trung niên mà Ông vẫn chưa có con kế tự, lại có nhiều tật bệnh. Vì thế, Ông phát nguyện trường trai, ngày ngày tụng Kinh Phổ Môn và Chú Đại Bi. Vợ chánh của Ông là Nguyễn Thị cũng theo Ông trường trai và chuyên trì chú Chuẩn Đề, sáng sáng chí thành Lễ Phật và thường quỳ gối phụng tụng. Không bao lâu thì các tật bệnh của Nguyên Truân đều hết, Nguyễn Thị cũng liên tiếp sanh được ba đứa con trai. *(Trích Quán Âm Trì Nghiệm ký)*

44. Triều nhà Thanh, Phùng Cẩm là một người trong dòng vọng tộc cao môn xứ Đông Hương. Tổ tiên Ông nhiều đời vun trồng phước đức nhưng vẫn ở trong cảnh thanh bần. Đến đời của Phùng Cẩm thì Ông mới hiển đạt làm quan ngũ phẩm tại Sơn Tây, nhưng sau đó Ông cáo bệnh về quê. Dù tuổi đã lớn, nhưng vẫn chưa có con. Vợ của Ông là Khổng Thị phát nguyện trì Chú Đại Bi rất chí thành thì có thai. Khi vừa mới thụ thai thì có người hàng xóm là Đào Thị nằm mộng thấy có một bà lão tay bồng hai đứa trẻ - một mập, một ốm đến trao và nói: “Tùy ý người muốn nhận đứa nào thì cứ bồng lấy.” Đào Thị đưa tay ra bế lấy đứa mập thì bị sẩy tay, đứa nhỏ rớt xuống đất chết, nên Đào Thị lại quay sang bế tiếp đứa ốm thì bà lão bèn nói: “Đứa

nhỏ này sẽ đưa đến cho nhà họ Phùng, người đâu có được bằng.” Sau đó quả nhiên Đào Thị sanh được một đứa bé trai mập mạp nhưng không nuôi được, còn Khổng Thị có thai đến tháng thứ bảy thì sanh được một đứa con ốm yếu đặt tên là Phùng Hạo. Đứa trẻ dần lớn lên khỏe mạnh, khôi ngô tuấn tú, học hành đỗ đạt cao, trước được bổ nhiệm làm quan ở Hàn Lâm, sau lên đến chức Ngự Sử. Chỉ sau thời gian ngắn làm quan thì Hạo cũng xin từ quan về quê, Phùng Hạo là người thâm tín Phật pháp, nên ngày ngày tụng kinh niệm Phật rất tinh tấn, lại ưa thích làm thiện sự. Nếu người trong xóm làng, có ai thiếu thốn hay bị tai nạn, Ông đều vui vẻ giúp đỡ. Vợ chồng Phùng Hạo đều hưởng trường thọ, thân thể khỏe mạnh, tinh thần tráng kiện, họ có ba đứa con trai đều đỗ đạt cao và ra làm quan Nội triều. *(Trích Khuyến giới loại sao)*

45. Đầm Dụng Hàn ở Hoành Dương tỉnh Hồ Nam. Lúc còn trẻ có nhiều tật bệnh nên Ông phát nguyện trì niệm danh hiệu của Quán Âm Bồ Tát để tiêu trừ nghiệp chướng, lại phát nguyện biên tập Quán Âm Kinh Chú và quyển Cứu Cấp Thần Phương là những cách ngôn răn dạy cho đời, đồng thời khuyến khích những người cùng chí hướng lập thành một Hội chuyên làm thiện sự và ấn tống các Kinh sách nói trên để phân phát khắp mọi nơi. Những người trong Hội tùy theo sở nguyện, mỗi người đều có một mong cầu, có người cầu có con, có người cầu công danh, tiền bạc hoặc công danh, có người cầu nguyện cho tiêu trừ tật bệnh, khỏi các tai họa,... tất cả đều nương nhờ nơi thần lực của Bồ tát gia hộ mà được mãn nguyện, những người bị khổ não đều được giải thoát. Bấy giờ ở gần đó có một người tên là Phùng Thiện Ích đã 60 tuổi nhưng vẫn không có con. Thấy người trong Hội thành tâm lễ niệm Quán Âm Bồ Tát và siêng làm việc lành nên đều được mãn nguyện của mình nên Ông phát nguyện trường trai, niệm Phật tụng Kinh và ấn tống Kinh Phổ Môn. Không bao lâu thì vợ Ông có điềm ứng mộng nên báo cho Ông hay. Ông vừa nghe đã quở trách: “Bà đừng nói bậy, già đầu bạc rồi mà làm sao còn có con, chẳng qua là do Bà mơ tưởng quá nên đó có thể là huyền mộng mà thôi”. Nhưng sau đó thì quả nhiên bà có thai và đến mùa Xuân năm sau thì sanh được một đứa con trai ứng hợp với giấc mộng. *(Trích Quán Âm Linh Cẩm Lục)*

46. Thẩm Tượng Hiền ở xứ Kiên Lăng là người có chí, siêng vun trồng phước đức nhưng tuổi đã 50 mà chưa có một đứa con. Trong nhà từ trước đến giờ có thờ Quán Âm Bồ Tát rất thành kính, hàng ngày Ông đều lễ lạy, niệm Phật tụng Kinh không hề giải đãi. Một ngày nọ Ông nằm mộng thấy có một bà lão mặc bạch y đến bảo rằng: “Nếu người có thể khuyến hóa được nghìn người đừng say đắm nữ sắc thì âm đức vô cùng vô tận”. Tượng Hiền

nghe nói xong thì liền thưa rằng con không thể làm nổi việc này. Bà lão liền bảo: “Ta có quyển sách về những bài ca và họa đồ khuyên răn hàng nam tử đừng say đắm nữ sắc, nếu người có thể in ấn và bố thí cho người thì có thể khuyến được vô lượng vô số người, đâu chỉ có số nghìn người mà thôi”. Nói dứt lời, bà lão từ trong tay áo lấy ra quyển sách trao cho Tượng Hiền. Tượng Hiền cung kính nhận lấy mở ra xem, khi ngẩng lên thì không thấy bà lão ở đâu nữa. Lúc tỉnh giấc trên tay Ông vẫn còn quyển sách, chừng ấy mới biết là Quán Âm Đại Sĩ thị hiện. Tượng Hiền liền xuất tiền của ấn thí nghìn quyển sách này. Không lâu sau thì vợ Ông sanh được hai con trai, đến tuổi trưởng thành đều thi đậu cao rồi ra làm quan vinh hiển. Tượng Hiền hưởng thọ đến 93 tuổi, trước khi mất thì Ông không bệnh tật, an nhiên niệm Phật mà thường thệ, khắp nhà mùi hương thơm bay ngào ngạt. Quyển sách này được Phật học thư ở Thượng Hải tái ấn hành. *(Trích Chứng Anh Lục, Phật Học Thư Cục)*

47. Triều nhà Tống đời vua Thái Tổ, niên hiệu Khai Bảo, năm thứ năm. Giữa lúc mùa Hạ, trời bỗng đổ mưa như trút nước cả ngày đêm, nước sông trong phút chốc dâng lên, tràn ngập hư hoại hết hoa màu, nhà cửa của dân chúng đều bị nước cuốn trôi. Vua Thái Tổ nghe thấy tình cảnh như vậy thì trong lòng buồn rầu vô hạn, liền đốc thúc các quan đại thần cùng với dân chúng đi khắp nơi cầu đảo thiên địa quý thần. Trải qua mấy ngày cầu nguyện mà mưa càng ngày càng lớn. Lúc ấy có một vị Đại thần đến trước vua Thái Tổ tâu rằng: “Quán Âm Đại Sĩ từ trước đến giờ là bậc Bồ tát đại từ đại bi, ban phước cứu khổ cho muôn loài, Thánh thượng nên quy hướng về Quán Âm Bồ Tát, đừng nên cầu đảo thiên địa quý thần, chẳng những không có kết quả mà lụt càng lớn, dân chúng ngày càng khổ sở”. Nói xong, vị Đại thần này bèn kể lại các sự linh nghiệm của Quán Âm Bồ Tát ở Thượng Thiên Trúc. Vua Thái Tổ nghe xong bèn sai người sắm sửa hương hoa lễ vật rồi cử Sứ giả cùng với vị Đại thần này đến chùa cầu đảo. Trong vòng hai ngày thì trời quang đãng dứt hết mưa, nước sông hạ xuống, từ nội cung đến thành thị thôn quê, dân chúng đâu đâu cũng vui mừng khôn xiết. Từ đó về sau, mỗi lần có đại nạn, lụt lội, hạn hán, bệnh dịch,... vua Thái Tổ đều ân cần hạ lệnh cho dân chúng tắm gội, trai giới thanh tịnh và chí thành lễ niệm cầu đảo Đại Sĩ. *(Trích Thiên Trúc Chí)*

48. Vào Triều nhà Tống, Bào Khâm Chi ở Xứ Châu, khi đến thay thế cho quan Thái Thú Trần Hiến có soạn Linh Cảm Quán Âm bia. Văn bia viết như sau: Niên hiệu Triệu Khánh, nhà Tống, năm thứ hai, Hiến này từ Hiệp Vỹ đổi đến Tiền đường làm quan Thái Thú tại đây. Đến năm sau, Hiến này có dâng biểu lên triều đình tâu rằng phía Tây Xứ Châu, nơi Hạ thần đang cai quản là

Hồ Sơn, là nơi có thắng cảnh đẹp nhất trong thiên hạ, trong đó có núi Thiên Trúc, trên núi có thờ Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ. Lúc Hạ thần đến thị sát dân tình thì thấy dân chúng đói khổ vì liên tục trong mùa Xuân và mùa Hạ vừa rồi, mưa không dứt nên mất mùa đói khổ, nhân dân lớn nhỏ đều ngày đêm buồn rầu khổ sở, Hạ thần đốc thúc các quan và bản thân mình cùng đi bộ đến nơi có Thánh Tượng Đại Sĩ để cầu đảo. Đường đi lên núi rất gian nan, mưa ướt hết quan phục, đường đi sạt lở hư hại, những người đi cùng đều than khó nhọc. Khi đến nơi, Hạ thần quỳ dưới Thánh tượng Đại Sĩ chí thành lễ bái xưng niệm cầu đảo, thì lúc trở về, trời liền tạnh mưa, bầu trời không còn một chút mây che, vàng thái dương hé lộ soi sáng thế gian, gió mát thổi nhẹ khắp chốn. Thần lại đốc thúc các quan thuộc cấp và dân chúng trong thành siêng năng làm Phật sự, nhờ vậy mà từ đó trở đi, mưa thuận gió hòa, khắp nơi dân chúng không còn lo về thiên tai, hưởng cảnh an lạc thái bình. Thần tự xét đó chính là nhờ lòng Đại từ Đại bi của Đại sĩ gia hộ cho xứ này vậy. *(Trích Thiên trúc chi)*

49. Triều nhà Tống, vua Anh Tôn, niên hiệu Trị Bình vào năm thứ hai, vào mùa Thu ngày 3 tháng 8 tại Đô Thành trời bỗng đổ mưa dữ dội suốt ngày đêm, nước ngập tràn khắp nơi, gây thiệt hại lớn cho hoa màu, nhà cửa dân chúng đều bị hư sập. Anh Tôn Hoàng Đế nghe tin vô cùng lo buồn, lập tức hạ chiếu cho các đại thần và dân chúng tìm cách để ngăn chặn nạn lụt. Quan Tế Tướng Tăng Công Lương khi tiếp chiếu của vua xong có đến gặp Trần Thông tri huyện Hàn Châu, liền được khuyên nên dâng biểu cho Anh Tôn Hoàng đế biết rằng nơi Viện Thiên Trúc tại Kháng Kinh có thờ phụng Quán Âm Đại Sĩ từ đời Thập Tấn cho đến nay. Tất cả dân chúng nơi này đều đến nương nhờ Bồ Tát để được hưởng ân đức cứu khổ của Ngài, sự linh nghiệm không thể kể xiết. Anh Tôn Hoàng đế đọc biểu xong bèn hạ lệnh cho các quan mau đến nơi ấy chí thành chiêm bái, cầu đảo lễ bái Đại Sĩ. Tăng Tế Tướng tiếp chỉ, lập tức cùng các quan lên đường đến cầu đảo Bồ Tát, chỉ trong một thời gian ngắn thì mưa liền dứt. Anh Tôn Hoàng Đế mừng rỡ bèn ban sắc tứ cho Viện Thiên Trúc là Thiên Trúc Linh Cảm Quán Âm Viện. *(Trích Thiên trúc Chi)*

50. Triều nhà Đường, Thiện Vô Úy Tam Tạng Pháp sư là người Trung Ấn độ. Bấy giờ tại Ấn độ bị nạn hạn hán lớn hoành hành nên dân chúng bái thỉnh Pháp sư làm phép đảo vũ. Lúc Pháp sư làm phép, tất cả dân chúng đều nhìn thấy Quán Âm Bồ Tát đứng trong mây ngũ sắc, tay bưng Tịnh bình, tay cầm nhánh dương rưới nước cam lồ xuống nhân gian, ngay lúc ấy một trận mưa đến, nước ngập đến ống chân. Vua quan và dân chúng đều cảm động và tán thán là việc chưa từng có. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

51. Triều nhà Tống, vua Triết Tông, niên hiệu Nguyên Phù vào năm thứ hai, suốt mùa Hạ mà trời không có hạt mưa nào. Lúc ấy có vị quan Thái thú ở Viên Châu, tỉnh Giang Tây đi đến tháp đá thờ Xá Lợi ở núi Mộc Bình, chí thành đàn lễ cầu đảo. Do tâm niệm chí thành, cảm ứng đến Đại Sĩ nên Ông nhìn thấy Đại Sĩ mặc bạch y, thân kim sắc mang chuỗi anh lạc từ trong núi phóng hào quang đến, lại nhận được hạt xá lợi năm màu lớn như trái táo, phía trong có hình ảnh của lầu các. Khi Ông tiếp tục đi đến Bảo tháp ở Cổ Sơn cầu đảo thì lại thấy Đại Sĩ hiện thân ở Từ Châu, có Duy Ma Cật Bồ tát cùng với La Hán đứng hầu tả hữu, sau đó thì trời đổ xuống một trận mưa, nước ngập khỏi bàn chân. *(Trích Phật Tổ Thống Ký)*

52. Triều nhà Tống, vua Chơn Tông, niên hiệu Hàm Bình vào năm đầu, từ tháng giêng đến tháng năm trời không có một hạt mưa. Chơn Tông Hoàng đế cùng với các quan đi các nơi cầu phép đảo vũ nhưng không có kết quả gì, mà ngược lại mỗi ngày một nắng gắt hơn. Bấy giờ cán sự trung Trương Khử Hoá, trấn thủ tại Hàn Châu là một vị quan có tâm nhân từ, thương dân như con. Nhìn thấy cảnh tình này nên Ông đích thân đốc xuất tất cả mọi người đi đến chùa Phạm Thiên, đến trước Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ nhất tâm cầu đảo. Chỉ trong một thời gian ngắn, đương lúc nắng như thiêu đốt thì bốn phía mây kéo về đen kịt rồi một trận mưa lớn đổ xuống ngập hơn mắc cá chân. Vua quan cho đến dân chúng không ai không vui mừng. Chơn Tông Hoàng đế vui mừng, liền ra chiếu chỉ cho nhân dân toàn quốc từ đây phải nhất tâm quy hướng về Tam bảo, mỗi lúc quốc gia có đại nạn thì không cầu xin thần thánh mà một lòng hướng về Quán Âm Đại Sĩ. *(Trích Thiên Trúc Chi)*

53. Triều nhà Tống, đời vua Lý Tông, vào niên hiệu Thuần Hữu, suốt mấy tháng liền tiếp, trời đều không có giọt mưa nào. Tướng Soái Nhan Giáp Trọng tại Kiến Giang nhìn thấy tình cảnh khốn khổ của dân nên rất thương cảm bèn một mình đi bộ vào trong Động Quán Âm, chí thành cầu đảo. Ông nhìn thấy Quán Âm Bồ Tát hiện tướng hoan hỉ, mỉm cười. Lập tức, ngay lúc ấy thì trời đổ xuống một trận mưa rất lớn. Tướng Soái vui mừng không kể xiết, kính cẩn lễ tạ rồi đội mưa trở về. *(Trích Phổ Đà Sơn Chi)*

54. Triều nhà Minh, niên hiệu Cảnh Thái, năm thứ 6, vào mùa Hạ, dân chúng ở hai tỉnh Giang Tô và Giang Tây đều bị nạn hạn hán, hoa màu, lúa đậu lương thực đều chết, đói khổ vô cùng, không biết làm cách gì để thoát được tình cảnh khốn khổ này. Bấy giờ Quan trấn thủ Nguyễn Công bèn cùng với Đại thần Phiên Cao và Bộ Binh Thượng Thư Tôn Công đồng phát nguyện trai giới thanh tịnh, không gần nữ sắc, đích thân Ông đi bộ đến chùa Thượng Thiên trúc, cung nghinh Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ về chốn sơn

lâm để kiến lập đạo tràng đảo vũ. Lúc làm lễ, mặt trời đang nóng như thiêu đốt, thì bỗng nhiên bắt đầu bốn bề mây che dày đặc trên trời, đến xế chiều thì tiếng sấm vang rền và một trận mưa đổ xuống liên tục trong hai, ba ngày, làm cho đồng lúa hoa màu đương khô héo liền hóa thành xanh tươi, dân chúng ở hai tỉnh này ai ai cũng tán thán. Trấn thủ Nguyễn Công vô cùng cảm niệm ân đức cao dày của Bồ Tát nên xuất tiền của mướn thợ đóng khánh và may áo mào tốt đẹp cùng với lễ vật trang nghiêm để cung nghinh Thánh tượng Đại Sĩ trở lại chùa. *(Trích Thiên Trúc chí)*

55. Triều nhà Minh niên hiệu Gia Tĩnh, năm thứ hai mươi bốn. Trong suốt sáu tháng từ Xuân đến Hè, trời nắng như thiêu đốt, vì vậy giá lúa gạo đều lên cao, dân chúng không đủ lúa gạo ăn nên chết đói nhiều vô kể, từ thì ngổn ngang khắp các nẻo đường, phơi khô dưới ánh nắng, thảm cảnh thật đau lòng. Uyển Tạ Công là một vị quan nội triều thời ấy, nhìn thấy cảnh tình của dân chúng như vậy nên rất đau lòng, Ông thuê người đi khắp nơi cầu đảo chư sơn thần khắp nơi, lại thỉnh đạo sĩ các phương dùng pháp thuật phù chú để đảo vũ nhưng trải qua nhiều ngày tháng, trời càng ngày lại càng nóng dữ dội. Tạ Công lúc ấy sực nhớ đến Quán Âm Bồ Tát là đấng Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh nên đốc thúc bá quan và dân chúng đồng phát nguyện mộc dục trai giới thanh tịnh, mặc đồ tổ phục, đích thân đi bộ đến Thiền Viện Hải Hội cung nghinh Thánh tượng Đại Sĩ vào non Thiên Trúc Phật quốc, kiến lập đạo tràng đảo vũ. Ông lại bái thỉnh Tăng Cang Lương Tấn cùng với hai vị trụ trì Huệ Lâm Đạo Hiến ở Thượng Thiên Trúc và quý Tỷ Kheo đồng vào đạo tràng, mai chiều bái sám tụng kinh cầu đảo, mong được cảm ứng hiện tiền. Trước khi cầu đảo, Ông dùng tịnh bình nhỏ nước làm sự ứng nghiệm. Qua ngày sau thì nước trong tịnh bình nhỏ xuống từng giọt như hạt ngọc. Quả nhiên không lâu sau thì có một trận mưa nhỏ nhỏ làm ướt đất, vài ngày sau, lúc nước trong tịnh bình phun ra giọt lớn thì bên ngoài xảy ra một trận mưa to liên tiếp mấy ngày. Bấy giờ, những người còn sống sót vui mừng vô tả, mọi người đồng hướng về Quán Âm Đại Sĩ lễ niệm tụng kinh để cảm tạ ân đức Đại từ Đại bi của Bồ tát. *(Trích Thiên Trúc Chí)*

56. Triều nhà Thanh, có Phật tử Tri Huy Tử Bành Tế Thanh là người Tường Châu, tỉnh Giang Tô. Ông từng thuật lại câu chuyện như sau: Tháng Sáu mùa Hạ năm ấy ở Tô Châu có đại hạn, lúc ấy tôi ngụ tại Văn Tinh Cát, nguyện kiết thất 21 ngày, chí thành trì tụng Chú Đại bi và gia trì Thánh hiệu Tây Phương A Di Đà Phật. Mỗi ngày tôi chỉ dùng một bữa cơm. Khi mãn kỳ thất thì mưa liên tiếp mấy ngày, nước dâng cao lên được nửa thước. *(Trích Hải Nam Nhứt chương)*

57. Triều Nhà Tấn có thầy Thích Đạo Chu, họ Quảng là người Hối Lạc ở Sóc Phương, xuất gia tại chùa Long Hưng. Thầy từng trích lấy máu để họa Thánh tượng Thiên thủ Thiên nhãn Đại bi Quán Thế Âm. Bấy giờ nhằm vào lúc đại hạn, Thầy nguyện tuyệt thực, rồi ngồi kiết già nhắm mắt, nhất tâm thành kính chuyên niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, nguyện khi nào có mưa mới ăn uống lại. Vào niên hiệu Trung Hòa năm thứ hai, nghe nói có quan phủ nổi loạn, dân chúng bị nhiễu nhương nên Thầy đi đến nơi Pháp Niệm Định Viện ở phía Nam đô thành. Thầy phát nguyện chặt cánh tay bên tả, làm đuốc cúng dường tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu xin Bồ Tát gia ân cho sớm chấm dứt nạn binh đao. Lại có một đạo, dân chúng bị nạn hạn hán, Thầy bèn cắt lỗ tai bên tả để đảo vũ, lại tuyệt thực bảy ngày để cầu xin cho sương tuyết rơi xuống. Tất cả nguyện của Thầy đều được như ý nguyện. Thầy hưởng thọ đến 78 tuổi. Sau khi viên tịch, thi hài Thầy không liệm, nhưng trải qua thời gian lâu nhìn vẫn như người còn sống đang nhập thiền định. Vua quan dân chúng mến thương Thầy, bèn làm sơn son thiếp vàng bên ngoài nhục thân của Thầy để thờ cúng. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

58. Triều nhà Tống, vua Chơn Tôn vào niên hiệu Tường Phù, năm thứ 9. Vào khoảng tháng chín thì bỗng nhiên có dịch phi hoàn nổi dậy (phi hoàn là những con sâu biết bay ăn hại lúa thóc hoa màu), tàn phá hoa màu làm cho dân chúng vô cùng kinh hãi. Chơn Tông Hoàng đế rất lo buồn vì đã dùng nhiều phương cách mà vẫn không diệt được nạn sâu này, càng ngày dịch sâu càng mạnh. Hoàng đế liền sai Trung sứ cùng bá quan đến trước Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ, chí thành cầu nguyện. Vào lúc giờ Ngọ ngày 30 tháng ấy, ánh nắng đang chiếu sáng như thiêu đốt thì đột nhiên mây kéo đến từ phía Tây Bắc, che phủ dày đặc, sấm chớp vang rền, trông chốc lát đổ xuống một trận mưa đá còn hơn tên đạn, tất cả các ấu trùng sâu, khắp các nẻo đường đều bị nước cuốn trôi, các loài sâu đều biến mất. Chơn Tông Hoàng Đế vô cùng cảm động đức Đại từ Đại bi của Bồ Tát nên hạ lệnh cho tất cả quan dân đương thời đều một lòng kính hướng về Đại sĩ. *(Trích Thiên Trúc Chí)*

59. Triều nhà Tấn có Lưu Tác Hà là người ở huyện Ly Thạch, tỉnh Hà Tây, bỗng nhiên bị bệnh rồi qua đời, nhưng do nơi tim vẫn còn ấm nên người nhà chưa nỡ táng liệm và đem chôn. Trải qua 10 ngày thì Ông sống lại và thuật lại câu chuyện sau: “Khi tôi bệnh và mê man thì có hai vị quan lại đến bắt và đem đi về hướng Tây Bắc, trên đường đi Tôi nhìn thấy 18 cảnh địa ngục vì tội khinh trọng mà bị các hình phạt khác nhau. Lúc ấy, Tôi trông thấy Quán Âm Bồ Tát hiện thân bảo: “Số người chưa hết, khi trở về nhân gian nên xuất gia làm sa môn. Ở Lạc hạ, Tề thành, Đôn Dương đều có tháp của

A Dục Vương, nhà người nên đến đó lễ bái cúng dường. Do phước đức này khi mệnh chung, sẽ không đọa vào địa ngục.” Bồ Tát dứt lời thì tôi cảm thấy như mình té từ trên cao xuống và sống dậy.” Vâng lời Bồ Tát, khi sống lại Ông đi xuất gia lấy pháp danh là Huệ Đạt, khi đến các tháp trên lễ bái thì được chính mắt thấy xá lợi của Phật đang thờ trong tháp A Dục Vương (Trích Lương Thờ)

60. Triều nhà Đường, Mạnh Tri Kiệm là người ở Tỉnh Châu. Lúc còn trẻ Ông bị bệnh, không bao lâu thì chết. Trong thời gian ngắn thì sống lại, Ông kể lại câu chuyện sau. Lúc vừa chết, Ông nhìn thấy tự mình đi đến một cái Phủ như trên dương gian nên lúc ấy không biết mình đã chết, Ông gặp một người quen làm quan trong phủ này. Tri Kiệm bèn hỏi vị quan làm sao mình đến được nơi đây? Vị quan cho Tri Kiệm biết đây chính là chốn Diêm phủ rồi sau khi kiểm tra sổ bộ xong bèn nói: “Ông lúc bình sanh có tu được phước gì đâu, làm sao mà trở về được.” Tri Kiệm bèn đáp: “Tôi lúc bình sanh suốt đời tụng Kinh Bát Nhã Tâm Kinh, Phổ Môn, không nhớ rõ số là bao nhiêu nhưng chắc cũng phải được 3-4 vạn biến”. Vị quan kia nghe xong, kiểm tra lại sổ bộ thì quả nhiên đúng như vậy bèn đem việc này tâu lên Minh Vương. Minh Vương nghe xong liền phán phải mau lập tức phóng thích cho Ông hồi dương. Vị quan lại hỏi Tri Kiệm: “Ông có muốn biết việc tương lai của mình không?” Tri Kiệm đáp: “Rất muốn”. Vị quan ấy liền dùng sổ bộ chỉ cho Tri Kiệm xem thì thấy dòng chữ Mạnh Tri Kiệm sau này sẽ làm quan Tham quân tại Tào châu, sau lại được thăng chức lên đến vị trí quan coi kho của nhà nước. Xem đến đây thì vị quan gấp sổ lại không cho xem tiếp. Tri Kiệm bước lên phía trước thì lọt vào trong chốn hoang vu, rậm rạp, bất cẩn sụp vào một cái hố thì giật mình sống lại. Sau khi sống lại thì vào lúc triều đình hạ lệnh tuyển người làm quan coi về việc vận tải lương thực, Tri Kiệm được tuyển dụng làm Tham quân ở Tào châu. Khi hết nhiệm kỳ, lại tiếp tục được tuyển dụng làm Ty thương ở Đặng Châu. Một thời gian sau thì được tuyển dụng làm Phán Ty ở Tân châu, nhưng trên đường đi nhậm chức thì chưa đến nơi đã từ trần. (Trích Triều Già Thiên Bút Ký)

61. Triều nhà Tống, niên hiệu Thuần Hy có nữ Phật tử tên là Lý Thị ở Nhiên Châu bị bệnh chết, sau đó Bà sống lại rồi thuật lại câu chuyện sau: Lúc mới đến Minh phủ, Tôi đi ngang qua chốn đồng nội lối vài dặm thì đến một thành lớn, nghe trong ấy có tiếng người ồn ào nhưng bên trong lại tối tăm. Tôi tự nghĩ mình tụng kinh Phổ môn đã 30 năm, hôm nay lạc vào cảnh giới của quý, Bồ tát ở đâu nhờ sao không cứu. Sau khi nghĩ vậy rồi thì lớn tiếng niệm Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát 100 biến, thì bỗng nhiên cảm thấy như có người nắm tay bên tả dắt đi dần đến

chỗ quang minh như ban ngày. Lúc ấy Tôi thấy Đại sĩ hiện thân nữ, tướng hảo đoan nghiêm, đeo chuỗi anh lạc, chói sáng rực rỡ, lại ngửi thấy mùi hương thơm ngào ngạt. Tôi chí thành quỳ xuống cầu xin Bồ tát cứu mạng. Đại Sĩ dạy: “Số nhà người đã hết nhưng do bình thường tinh tấn tu niệm đầy đủ thiện căn nên Ta đến cứu độ, cho hồi dương sống lại nửa kỳ rồi sẽ gặp lại nhau.” Lúc ấy, Tôi thành tâm cúi đầu lễ tạ thì Bồ tát lướt mây bay vút về hướng Tây phương, xa xa nhìn thấy phía trước Bồ tát có bảo cái tràng phan, cảnh giới ấy chói sáng rực rỡ, sau đó liền thấy mình sống lại. Trải qua hơn năm năm thì khi đến ngày giờ, Lý Thị thân không bệnh khổ, an nhiên niệm Phật mà thệ thế. (Trích Pháp Hoa Cảm thông)

62. Triều nhà Tống có nữ Phật tử là Lý Quận, vốn là người hiền từ đức hạnh. Một hôm, có một bà lão mang chuỗi ngọc đến nhà xin bán, Lý Quận không mua nên bà lão ấy ra về, lúc đi ra lại đánh rớt chuỗi ngọc xuống đất. Mấy hôm sau Bà lão trở lại kể rằng vài hôm trước có mang chuỗi ngọc đến đây bán nhưng gia chủ không mua nên mang về, trên đường về thì đánh rơi mất chuỗi ngọc nên người chủ đòi bồi thường. Tuy nhiên có bán hết cả gia sản của Bà cũng không đủ tiền đền bù, quá buồn khổ nên Bà uất ức sanh bệnh, nằm liệt giường mấy ngày, hôm nay chống gậy đến đây kể chuyện này để bớt cơn buồn khổ. Lý Quận nghe nói xong thì bảo với bà lão chớ có buồn rầu và lấy chuỗi ngọc trao lại cho bà lão. Bà lão chấp tay xá lia tạ ơn không nói nên lời. Về sau Lý Quận bị cảm nặng gần chết thì bỗng thấy có người mặc thanh y đem xe đến rước mình, đưa đến chốn Đại Quan phủ. Đến nơi thì thấy có hai vị quan tướng mạo đường đường, ngồi trước án hỏi tên họ Lý Quận, chừng đó Bà mới biết mình đã đến chốn Minh ty. Do bình thường Bà trì tụng Chú Đại bi nên ngay lúc ấy dù không niệm ra tiếng nhưng Bà vẫn khởi tâm mặc niệm. Ngay khi vừa khởi tâm niệm thì Điện đường dường như muốn sụp đổ, các quan tả hữu đứng hai bên kinh sợ suýt té. Hai vị quan bèn đứng dậy nói: “Xin Bà đừng tụng nữa, tôi sẽ cho người đưa Bà trở lại dương thế”. Bấy giờ có một vị phán quan, cầm sổ bộ tiến tới trước án hỏi Bà có nhớ sự việc trả chuỗi ngọc cho bà lão không thì Lý quận trả lời có. Vị Quan này nghe xong thì cầm bút lên nói: “Tôi xin tặng bà thêm 20 năm tuổi thọ.” Nghe vậy, vị quan còn lại liền can ngăn: “Ngài cho nhiều quá”. Vị Quan kia trả lời: “Ngài nên biết hàng phụ nữ ở thế gian ai lại không yêu mến châu ngọc nhưng Lý Quận này thì không một mài móng tâm tham, đã là sự việc hiếm có. Hơn nữa, công đức trì chú tụng kinh lớn không nói được. Như thế thì tăng thêm tuổi cho Lý Quận 20 năm để hưởng phước đời chẳng đáng hay sao?” Nói rồi liền bảo người đưa Bà về dương thế. Lý Quận sống thêm 20 năm nữa an vui khỏe mạnh, đến lúc mãn số thì an nhiên niệm Phật thệ thế. (Trích Cảm ứng thiên tăng chú)

63. Triều nhà Tống cuối niên hiệu Thuần Hy có người tên Dương Lượng làm nha môn ở huyện Kiến Xương. Lúc bị bệnh thì thấy có hai vị quan cầm thẻ đến bắt mình. Dương Lượng đi cùng với hai vị quan một hồi lâu thì đến chốn Quan phủ, trong đó có một vị Vương gia hỏi Dương Lượng rằng lúc bình sanh có làm được công đức gì không thì Lượng đáp: “Tôi đem thân bán cho người sai bảo, làm việc đi từ nơi này sang nơi khác, mỗi khi được lệnh làm không dám trái lệnh và trễ nải”. Vương gia bèn nói: “Ta không hỏi việc đó mà chỉ muốn biết người có âm đức gì không?” Bấy giờ Lượng nhìn kỹ thì biết mình đang ở chốn Âm ty nên thưa rằng: “Tôi chỉ biết tụng kinh Phổ môn.” Vương gia lại nói: “Biết tụng kinh Phổ môn là điều rất quý nhưng Ta muốn biết thêm người còn từng làm được thiện sự gì không?” Lượng thưa: “Tôi là hạng tiểu nhân đâu có làm được việc lành gì đáng kể, chỉ biết giữ bốn phận của mình và không làm hại người mà thôi.” Vương gia bảo Phán Quan kiểm tra sổ bộ thì đúng như lời của Lượng đã nói. Vương gia hiện tướng tươi cười và khen rằng: “Như thế thì người cũng thuộc về bậc hiền thiện rồi, đâu cần là quan hay làm người tở. Nay ta cho người đưa người về dương thế, ráng tụng Kinh niệm Phật và giữ bốn phận như trước. (Trích Thiện Đường bút tường)

64. Triều nhà Minh, Vương Lập Hộ tự Bá Vô ở Đài Châu, niên hiệu Vạn Lịch, năm Bính Tý, phụng lệnh triều đình lãnh trách nhiệm làm giám khảo trường thi. Đêm ấy, Ông nằm mộng thấy cha mình là Vương Tánh Công khuyên nhắc: “Số con 15 năm nữa sẽ chết, nếu con cố gắng vun trồng phước đức, phát tín tâm với Tam bảo, ăn chay niệm Phật thì chắc có kết quả tốt.” Tỉnh giấc, Ông phát nguyện trường trai cùng thọ bốn giới sát - đạo - dâm - vọng. Về sau lúc Ông ra làm quan ở Tân Cam, tỉnh Giang Tây thì đối với việc trường trai, thọ giới lại bỏ hẳn. Năm Mậu Ngọ, Ông vào cung yết kiến Hoàng thượng thì ngay trong đêm sắp đi mộng thấy cha Ông đến buồn phiền quở trách. Sau khi thức dậy, trong lòng Ông rất lo sợ. Sáng ngày Ông đi ghe đến Địch Cảnh, đến nơi là vào lúc canh hai, vì quá mệt mỏi nên vừa nằm xuống là Ông say giấc mộng ngay. Lúc ấy Ông bỗng thấy có hai người mặc thanh y cầm thẻ đến bắt đi. Trong chốn lát thì thấy mình đến nơi Minh phủ, có đại điện rất trang nghiêm, tội nhân bị bắt đến có khoảng vài nghìn người, đứng chật trong sân điện, có người bị xiềng, có người đeo gông,... Trên đại Điện, Diêm vương áo mão trang nghiêm ngồi giữa, hai vị minh quan ngồi hai bên tả hữu, có bàn án trước mặt những người đứng hầu thì hình tướng rất hung dữ đáng sợ. Diêm Vương gọi đến tên Lập Hộ liền quở trách: “Thọ số của người đã hết từ tháng tám năm Bính Thìn nhưng được sống đến nay là nhờ sự trai giới, tại sao người lại bỏ việc làm công đức đó.” Dứt lời thì quăng quyển sổ bộ đến trước mặt Lập Hộ bảo

mở xem. Lập Hộ nhìn thấy dưới tên của mình có ghi rõ ngày, tháng, năm, đến tháng 8 năm Bính Thìn thì bỏ trống. Hộ xem xong thì cúi đầu tâu rằng: “Tâu Bệ hạ, làm quan ở thế gian nếu không như vậy thì không thể được vì ngày ngày tiếp xúc với bạn đồng liêu, các quan, đối với việc ăn chay giữ giới rất khó thực hiện.” Diêm Vương bèn quở trách: “Đã được làm quan là do phước lực của trai giới đời trước, đúng lý phải tiếp tục vun trồng, tại sao người ngu si hưởng phước lại tạo tội.” Lập Hộ nghe xong bèn xin cho hồi dương để tiến tu trở lại. Diêm Vương than rằng: “Số người đã hết, giờ có hối cũng biết làm sao?” Dứt lời thì bảo qui tốt dắt vào ngục. Lúc ấy vị minh quan phía tả đứng dậy tâu rằng: “Tâu Bệ hạ! Xin Bệ hạ cho dừng lại một chốc để xem lại những việc đã làm sau khi phá giới.” Trong giây lát, có người hầu đội đến hai càn xé lớn, trong đó đều là những sổ bộ văn tự lúc Lập Hộ làm quan ở Tân Cam, giấy yết thị, danh thiếp,... đều có đủ trong ấy. Các giấy tờ này hiện lên theo màu sắc không đồng nhau: trắng, xanh, đỏ lẫn lộn. Diêm Vương bảo Minh Quan kiểm tra và xếp lại, đầu tiên là màu đen và màu xanh để vào một chỗ, sau đó là màu trắng và đỏ để thành một chỗ. Đống màu xanh dần dần mờ nhạt, còn đống màu đen dần dần nhỏ lại như chiếc đũa, đống màu đỏ thì lại chói sáng rực rỡ. Hộ đứng bên cạnh lên nhìn trong đống đỏ thì thấy chính là Kinh Kim Cang Bát Nhã tự mình đã khắc bản in ấn lúc còn sống và quyển Hiếu Sinh Biên Xã Thường. Diêm Vương xem qua thì sắc diện có phần hòa dịu, ngó hai vị quan tả hữu rồi phán rằng: “Người cũng thuộc về người biết vun trồng phước đức, chỉ tổn nhãn quan, thân mạng có thể được an toàn, khỏi xua vào ngục.” Nói rồi hạ lệnh cho qui tốt móc mắt để trên cột. Hộ thấy sáng chói lập lòe tự nghĩ: mắt mình đã bị móc, đâu còn xem thấy được. Vừa nghĩ đến đây thì bỗng nhiên mọi thứ trở thành tối đen. Bấy giờ vua quan điện đường đều không thấy nữa. Ngay lúc ấy, Hộ có cảm giác như có người vỗ tay hối thúc mình bảo: “Đi mau, Đi mau.” Vì phải đi mau nên liền trượt chân té, rồi tỉnh dậy. Bấy giờ gà đã gáy sáng. Hộ nghe tiếng khóc của gia nhân xung quanh thân mình, Hộ hỏi nguyên cớ thì họ bảo: “Từ lúc canh hai đến giờ, Ông mê mang bất tỉnh, tay chân lạnh ngắt, hai hàm răng ngậm cứng. Chúng tôi rước Thầy y đến thì bảo rằng Ông trúng phong, phát lãnh, đổ thuốc đã bảy lần nhưng không hiệu quả.” Hộ mờ mắt nhưng thấy ánh đèn như kim châm, mắt mình không sao mở được, tự biết là do nghiệp báo, không thể chữa thuốc men nên quyết tâm xin hồi quan trở về cố lý. Sau khi về nhà, Ông gác bỏ mọi việc, chuyên tu Tịnh nghiệp, hàng ngày chí thành trì tụng Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, mai chiều không giải đãi. Vào tháng bảy năm Canh Thân, sau khi lễ sám, vào đêm ấy, Ông mộng thấy Đại Sĩ dùng cành dương rưới nước cam lồ vào trong đôi mắt. Sáng ngày thức dậy, hai mắt sáng lại như thường. Về sau Ông du hành đến nhiều nơi danh lam, yết kiến Tổ Vân Thê,

Bát sơn, v.v... rồi phát nguyện xuất gia tu hành tinh tấn, lấy hiệu là Bích Như Đại Sư. Ông sống thêm được 12 năm nữa. (Trích Hồi Sanh Tự Ký)

65. Triều nhà Minh niên hiệu Vạn Lịch, Chánh Côn theo chú là Lâm Đường đến chùa Vạn Đức học hỏi Phật pháp, lại tham phỏng với Phổ Môn Đại Sư nên có chỗ tinh ngộ, phát tâm quy y Tam Bảo, chuyên tu Tịnh nghiệp. Côn là thầy giáo, nên ngoài giờ dạy học, thường khuyên nhủ học trò nên trường trai và niệm Thánh hiệu Tây phương A Di Đà Phật. Trong số học trò này, Dịch Đức là người có tâm tín kính sâu dày, nên phát nguyện chép Kinh Đại Bi 50 quyển, Kim Kim Cang 30 bộ. Vào ngày 29 tháng 5, Dịch Đức tắm nơi suối Cẩm Khê, bị bạo bệnh chết. Mọi người khiêng xác về nhà thì tử thi nằm trên giường bỗng cất tiếng nói: “Ta đây chính là Hộ pháp thần, hầu phía Tả đức Phật. Dịch Đức nhân vì đời trước làm quan, giết lầm nhiều người nên đã bị oan hồn bắt vào Minh phủ. Do Ông ấy có thiện niệm, thờ Phật kính thành, và chép Kinh nên Ta đến đây đặc biệt ủng hộ. Chánh Côn, nhà người nên vì Dịch Đức mà niệm Phật tụng Kinh, đợi đến ngày mừng bầy sẽ hoàn hồn, để viết Kinh thù đáp bốn nguyện, nương nhờ công đức ấy mà oan hồn của các qui được siêu thăng.” Hộ Pháp nói mấy lời trên rồi bảo rằng: “Ta đi đây!” Đến ngày mừng bầy, quả nhiên Dịch Đức sống lại, tự đâm lưng mình kêu la bị té rất đau. Chú của Đức hỏi nguyên cơ thì Đức đáp: “Lúc cháu tắm suối Cẩm Khê thì thấy hai người cầm thẻ bài đến gọi, cháu theo hai người ấy đi một hồi lâu thì đến chốn bảo điện rất trang nghiêm, thấy có tấm bảng đề là “Sum La Điện”. Trong ấy có Diêm Vương ngự nơi bàn án. Con vừa đến thì thấy có vô số quỷ đầu trâu mặt ngựa, đua nhau đến trước đánh con tới tấp như mưa. Trong tâm con nghĩ mình là Phật tử ăn chay niệm Phật nên gặp cảnh khổ đau này thì phải an nhẫn. Tiếp đó Con bỗng nhiên nhận biết đời trước làm một vị tướng quân đã lầm giết hại sanh mạng của 800 người, ác nghiệp đã gây thì khi quả báo thuần thực phải trả. Lúc ấy, Con khóc lóc tỏ bày với Diêm Vương vì việc triều đình mà lầm lẫn gây tội nghiệp như thế. Diêm Vương hiện vẻ giận dữ bảo rằng: “Tội này đáng phải nấu trong dầu sôi”. Nói dứt lời thì có qui tốt, thân xanh mặt lửa khiêng một chảo dầu to, sôi sùng sục đến. Nhóm qui tốt áp đến trói Con toan ném vào chảo thì trước điện bỗng phóng đến một đường kim quang làm tan biến cánh tối tăm, Con nhìn lên thì thấy cảnh tượng sáng rỡ, Vi Đà Tướng Quân và Quan đế Thánh Quân đứng ở không trung. Vi Đà cầm bảo xử nhảy vào chảo dầu sôi, tự nhiên trong chảo dầu, hoa sen mọc đầy trong chảo. Diêm Vương nhìn thấy tức khắc rời khỏi tòa, chỉ thành chấp tay đánh lễ và ra lệnh phóng thích Con về, bảo hai người bịt khăn vàng đưa đi đường, đi qua núi Tuấn Lãnh thì người bịt khăn vàng xô Con té xuống nên tỉnh dậy. Tỉnh lại thì thấy lưng bị đau, Chánh Côn nghe xong thì vui mừng đỡ cháu đến trước Phật đài lễ tạ Phật, Bồ Tát Vi Đà và Quan Đế. Sau khi lễ Phật

thì thân thể Dịch Đức khỏe mạnh như xưa. Mỗi ngày Anh chỉ thành viết hai bộ Kinh nói trên để ấn tống. Cả nhà sau đó đều theo gương Anh ăn chay và niệm Phật rất tin cần. (Trích Kim Cang Quả báo lục)

66. Sứ Sĩ Nghiêm Tập Chí tự Thủ Kinh ở xứ Phù Lương là một Phật tử tu hành rất tinh tấn, hàng ngày chuyên trì tụng Kinh Kim Cang và Kinh Phổ Môn. Trải qua hơn 20 năm, ngày nào cũng y như vậy không thiếu. Ông lại thường khuyên người trì tụng. Trong số người khuyến hóa để tạo lòng tin, Thủ Kinh có kể lại câu chuyện như sau: Niên hiệu Đạo Quan, năm thứ 15, nhà Thanh, vào ngày 23 tháng 6, cháu của Thủ Kinh tên là Thoại Năng, trong lúc bị bệnh hôn mê bất tỉnh thì thấy một người đến bắt, dắt đến nơi một điện đường. Thoại Năng đến đó thì nghe có tiếng hoan hô: “Đại Bồ Tát giáng lâm.” Hai vị minh quan lập tức rời chỗ ngồi, bước xuống nghinh tiếp. Thoại Năng lúc ấy nhìn thấy Bạch Y Đại Sĩ trên thân choàng khăn liên hoa màu đỏ sáng, phía sau có một ông già mặt đen theo hầu Bồ Tát. Hai vị Đại quan truyền lệnh cho bộ hạ thiết lập bảo tòa, thỉnh Bồ Tát ngồi. Bồ Tát vừa an tọa thì ngó vị quan bên tả quở rằng: “Các Ông làm việc không thuận theo trong sổ bộ. Thoại Năng này tuổi dương thể chưa hết tại sao lại bắt đem đến đây?” Hai vị quan nghe nói giật mình, rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bồ Tát xin thứ lỗi, đoạn gọi người lính dịch đến quở trách và đánh cho 40 trượng phạt tội. Bồ Tát bèn nói: “Thoại Năng này sống trong gia đình đã ba đời không ăn thịt trâu, thịt chó, nam nữ cả nhà đều trì trai, tụng kinh Phổ Môn, hiện có ông già này ở nhà đó làm chứng.” Lúc này Thoại Năng mới biết ông già mặt đen đi sau Bồ Tát chính là Thần Ty mạng. Bồ Tát quở trách hai vị Đại quan xong thì dẫn Thoại Năng ra khỏi điện đường đi xem các ngục. Trước tiên là đến ngục già cõi, thấy qui tốt bắt người tội ném vào cối, mỗi khi già chày xuống, máu phun ra như bình hoa tưới nước, thịt rã rời văng ra như bắn bông. Đại Sĩ bảo Thoại Năng: “Người chớ có đến gần vì sinh hồn của người không nên dính vật ấy.” Thoại Năng vội lấy vạt áo che mặt. Kế tiếp Bồ Tát dẫn đi xem địa ngục kéo lưới, địa ngục xay sát, địa ngục chém chặt, địa ngục cửa xẻ, địa ngục ôm cột đồng nóng, địa ngục nằm giường sắt, v.v... Sau khi xem xong thì Bồ Tát dẫn Thoại Năng ra về và căn dặn rằng: “Sau khi người hồi dương phải khuyên bảo tất cả mọi người trong nhà cố gắng ăn chay niệm Phật. Với những việc này phải chí thành, đừng làm lấy có. Nếu trường trai không được thì cũng phải ăn theo trai kỳ nhưng không được viện lý do đổi ngày này sang ngày khác hoặc bỏ quên. Hôm nay là ngày trai kỳ nhưng nhà của người đều quên hẳn, từ đây về sau phải gắng nhớ cho kỹ và nên nhớ khi trở về nhà thưa lại với bà Nội của người rằng Kinh Kim Cang mà bấy lâu nay Bà đã trì tụng trong nhiều năm qua có công đức không thể nghĩ bàn, đừng nghe theo những người vô trí cho rằng tụng Kinh Kim Cang thì

trong nhà sẽ xảy ra việc này việc nọ, có trước không sau là đều không tốt. Còn về bệnh trạng của người thì không hề gì đâu nên cố gắng tinh tiến hơn trước để thành người tốt.” Trong chốc lát đã thấy Bồ tát dẫn đến cửa sau, rồi Ngài vỗ đầu bảo “Tỉnh dậy, người về đến nhà rồi.” Thoại Năng sau đó tỉnh lại, cảm thấy khòe khoắn như thường. Sau khi tỉnh dậy thì thuật lại cho cả nhà nghe chuyện dưới Âm Ty. Bà nội của Thoại Năng và cả nhà từ trên xuống dưới, từ đó tụng Kinh niệm Phật rất tinh cần, những người không trường trai cũng đều giữ nghiêm ngày trai kỳ. (Trích *Đặng Đạt Nguyên Tự thuật*)

67. Triều nhà Thanh, Bá Vạn An tự Thiên Hựu là người huyện Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Ông là người tín phụng Phật pháp từ lúc nhỏ. Bình sinh Ông ưa thích làm tất cả thiện sự. Ông từng kể cho một Phật tử là Bằng Xích Mộc Tiên sinh nghe câu chuyện về thân mẫu của mình là Đào Thị nương nhờ từ lực của Quán Âm Đại Sĩ, bị bệnh đã chết nhưng được sống lại. Ông thuật lại như sau: Mẫu thân của Ông năm 64 tuổi bị bệnh nặng nên Ông từ Giang Tô được tin bèn tức tốc trở về nhà. Thấy Mẹ nằm trên giường bệnh, đã tắt hơi nhưng vì ngực còn hơi ấm nên cả nhà không nỡ tản liệm. Vạn An nhìn thấy tình cảnh này thì lòng đau như cắt, không nói được một lời, vội đến trước Thánh tượng của Quán Âm Đại Sĩ chí thành lễ bái cầu đảo, nguyện tụng Chú Bạch Y đến 12,000 biến, giảm tuổi thọ của mình một kỷ để cho Mẹ được sống thêm. Lúc quì trước Phật đài tụng Chú, hai dòng lệ tuôn rơi, tiếng khóc lẫn với tiếng trì chú làm ai trông thấy cũng rơi lệ. Đến sáng ngày thì mẫu thân của Vạn An tay chân cử động và mở mắt ra nhìn bốn phía, sau đó đòi uống nước. Sau vài ngày thì Mẹ của Vạn An khỏi bệnh hẳn. Sau khi sống lại thì mẹ Ông tự thuật chuyện sống lại của mình như sau: Lúc mới chết thì Bà thấy có hai vị quan đến dẫn đi. Trải qua các Ty, Thổ Địa, Thần Hoàng, tiếp đến là Phủ Đông Nhạc. Khi đến đây thì Phủ Quan nói với Bà: “Người có đứa con chí hiếu. Trước Quán Thế Âm Đại Sĩ chí thành cầu đảo, lại thành kính trì Chú, nguyện bớt tuổi thọ của mình để thêm tuổi thọ cho Mẹ. Do tâm chí thành cảm đến Quán Âm Đại Sĩ nên tuổi thọ của người được tăng thêm trên dương thế.” Nói dứt lời, vị Phủ Quan ra lệnh cho người dẫn Bà ra khỏi Phủ rồi phóng thích về dương thế. Vạn An thấy Mẹ sống lại nên vui mừng khôn xiết, Ông quỳ xuống trước Mẹ rồi thưa: “Thưa Mẹ, Mẹ nhờ có Quán Âm Bồ Tát cứu sống lại nên giờ này đừng lưu tâm việc gì nữa, chỉ nên tu Tịnh nghiệp, cầu nguyện vãng sanh.” Nói rồi, Vạn An dọn riêng một gian nhà, bên trong thờ Tây Phương Tam Thánh. Đào Thị thấy con chí hiếu thì vô cùng cảm động nên phát nguyện trường trai. Mỗi ngày ba thời : sớm mai, trưa và chiều ở trong Tịnh thất cầm chuỗi, thành kính chuyên niệm Thánh hiệu Tây Phương Di Đà, mỗi thời tụng nghìn biến. Bà sống thêm 12 năm nữa thì lúc 76 tuổi nhằm ngày 15 tháng 9, vào buổi sáng thức dậy sau khi lễ Phật, niệm Phật xong thì bảo

với Vạn An rằng: “Mẹ sắp về Tây phương, con nên mời bà con thân thuộc đến để Mẹ từ biệt. Khi thân quyến và tất cả con cháu đã tề tựu đông đủ thì Đào Thị vui vẻ từ biệt mọi người rồi căn dặn các con: “Giờ phút cuối cùng của Mẹ, các con phải thận trọng, chớ có khóc kể.” Bà ở lại thêm ba ngày, ngày đầu uống 5-6 chén nước nóng, đến ngày thứ ba mới sáng thức dậy, Bà tắm gội thay đổi y phục, đến nơi giường nằm xuống rồi bảo con cháu vây quanh niệm Phật, Bà nằm nghiêng bên tay phải, đồng niệm Phật theo rồi an tường thế thể (Trích *Nhất Hạnh Cư Tập*)

68. Triều nhà Thanh, Chương Khai Nguyên là người huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây. Niên hiệu Gia Khánh, năm thứ 25 vào ngày 14 tháng 3, Khai Nguyên cưới ngựa để tập bắn. Do sử dụng lực quá mạnh nên bị té nhào xuống đất bất tỉnh nên Nguyên được mọi người kiêng về chỗ ở. Khai Nguyên nằm trên giường rên la rất thảm. Trong lúc hôn mê Ông thấy một vị quan, tay cầm thẻ bài, tay nắm cây côn, đến lời Ông dẫn đi. Lúc ấy phía sau bỗng có người kéo lại mà nói rằng: “Ông lôi người ta đi đâu, Ông nên biết người này dù làm quan nhưng vẫn tin Phật pháp. Hàng ngày đều có tu trì, thường tụng Kinh Phổ Môn rất chí thành. Lại từng trích trong Bộ Kính Tin Lục những điều mà con người phạm tội rồi tự sao chép thành 10 bộ, phân phát cho người xem để khuyên họ tránh dữ làm lành. Người này còn y theo Đô Giang nói khuyên người lánh xa tội ác, siêng tu hạnh lành, chẳng những thế lại phát nguyện khắc bản ấn tống. Người biết tụng kinh niệm Phật làm lành và khuyên mọi người làm lành như thế mà bị yếu số thì thử hỏi có lợi ích gì?” Vị quan kia vẫn lôi Khai Nguyên đi như trước, nhưng người phía sau vẫn cố gắng hết sức níu kéo lại. Bấy giờ vị quan ấy bèn buông tay cho đi, người phía sau bèn dặn dò Khai Nguyên rằng: “Vị quan này bỏ đi nhưng chắc chắn sẽ quay lại, giờ Ta chỉ cho Ông đường đi đến Nam Hải, cầu cứu với Quán Âm Đại Sĩ.” Khai Nguyên lúc ấy tự nghĩ: “Mình bị té đi đứng khó khăn quá làm sao đến được Nam Hải đây?” thì bèn nghe người ấy nói: “Nếu Ông không thể đi được thì ngồi ngay thẳng, nhất tâm thành kính niệm Thánh hiệu Nam Mô A Mi Đà Phật và Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát. Ông hãy nghe ta dặn kỹ: Khi Ông nhìn thấy một người đẹp hoặc đáng yêu thì phải hết sức thận trọng, đừng để động tâm mà phải đọa vào ác thú.” Khai Nguyên vâng lời chỉ bảo thì tự cảm thấy thân mình nhẹ nhàng như chiếc lá gặp gió bay lượn giữa hư không. Chỉ trong chốc lát thì thấy mình đến một nơi đường hẻm có nhiều cô bán rượu, cô nào cũng tuyệt đẹp, đua nhau đến níu kéo Khai Nguyên. Nhớ kỹ lời dặn, lòng dặn lòng nên Khai Nguyên nhắm mắt không nhìn mặt họ thì tự nhiên không nhìn thấy họ đâu nữa. Vừa lúc ấy thì lại thấy ba đào nổi dậy, lượn sóng cao chọc trời, trước mắt Ông là biển cả mênh mông, Khai Nguyên thành kính quì xuống nơi bờ biển nhất tâm niệm

Phật thì trong giây lâu thì thấy có 2-3 ông già râu tóc bạc phơ bắt một người đem xuống chân núi. Khi nhìn kỹ thì thấy người bị bắt ấy rất giống mình, lúc ấy lại nghe một tiếng nói từ phía sau: “Đấy là thần thức của ngươi”. Dứt lời thì thấy Bồ Tát hiện ra trước mắt, Khai Nguyên vội vàng đánh lễ Bồ Tát, Bồ Tát bèn dẫn Khai Nguyên đi xem khắp chốn Âm ty, hai đường thiện ác, rồi lại dặn dò rằng: “Sau khi trở về dương thế, Ngươi hãy cố gắng giữ gìn, thấy sắc đừng động tâm và tính tấn niệm Phật tụng Kinh, đừng giải đãi, tự thực hành như thế và cũng đừng quên khuyến hóa mọi người”. Khai Nguyên cúi đầu thành kính vâng lời thì tỉnh lại. Bấy giờ thân thể mạnh khỏe như trước, không còn đau nhức nữa, lập tức ngồi dậy mặc áo bước ra ngoài cửa. Mọi người lấy làm lạ nên hỏi nguyên nhân thì Khai Nguyên thuật lại đầu đuôi câu chuyện, nghe xong ai cũng đều cảm động và phát tâm thành kính quy hướng về Quán Âm Đại Sĩ. Khai Nguyên đương thời là một vị Quan võ quyền tước cao sang, dân chúng thấy Ông tu tập và khuyên răn người như thế, đều thành kính vâng lời làm theo. *(Trích Nhơn quả Thập lục)*

69. Triều nhà Thanh, có Tương Tâm Dư ở Duyên Sơn. Vào niên hiệu Càn Long, đêm 15 tháng 11 thì Ông nằm mộng thấy lính lệ cầm thiếp đến mời mình đi đến một chỗ có cung điện nguy nga. Vừa đến nơi thì có một vị đại quan niềm nở tiếp đón. Tâm Dư thấy vị quan ấy phục sức nghiêm chỉnh nên trong ý cho là hàng vương giả. Đại quan ấy nói: “Chốn Minh Ty này nhiệm kỳ của Tôi đã mãn, Tôi sẽ đi nơi khác nên tòa vị này của Tôi xin Ngài thay thế.” Tâm Dư nghe xong thì nói: “Không được. Không được. Mẹ tôi đã già mà con trẻ còn thơ dại, công việc của Tôi cũng chưa xong nên Tôi không thể lãnh trách nhiệm này được.” Vị Đại quan nghe xong thì nói: “Sự việc ở thế gian, công việc muốn xong hay không là do mình, Tôi biết Ngài là người chánh trực nên mời đến đây, Ngài không nên từ khước.” Nghe đến đây thì Tâm Dư bỗng giật mình thức giấc, ngọn đèn trong nhà còn sáng, nhưng tứ chi cảm thấy lạnh và đau buốt như mới từ trong băng tuyết đi ra. Tâm Dư lại rơi vào giấc ngủ, đến canh tư thì lại thấy mình đến Minh phủ, trên điện đường đã thiết lập sẵn năm tòa vị, án tiết, sổ bộ chõng chất lên như núi cao. Bốn tòa vị đã có người, chỉ tòa vị thứ năm là còn trống. Một vị quan vừa thấy Tâm Dư thì bèn nói: “Đây là tòa vị của Ngài, xin mời an tọa”. Tâm Dư không đồng ý ngồi xuống, nên đi sang nhìn các Tòa vị kia. Khi đến Tòa vị thứ ba khi nhìn kỹ thì thấy người đó không ai khác chính là thầy của mình là Phùng Tịnh Sơn Tiên Sinh, Tâm Dư vội đến trước, cúi đầu chào vái và thưa: “Xin Thầy vui lòng nói thay cho con, con xin được nghỉ.” Người ấy bèn nói: “Con đã đến đây rồi nên giờ hãy trở về dương thế để sắp xếp hậu sự. Hôm nay là ngày 15, ngày 20 con sẽ xuống lãnh trách nhiệm.” Nghe nói xong biết khó từ chối nên Tâm Dư liền bái biệt thì thức giấc. Sáng ngày hôm

sau, Tâm Dư đến nhà bạn là Vương Phương Bá để từ biệt để sau đó về nhà sắp đặt mọi thứ cho việc lâm chung. Vương Phương Bá nghe chuyện thì bảo: “Anh đừng sợ. Tôi có một phương cách nếu Anh thực hành thì họ sẽ không mời Anh nữa đâu. Phương pháp này rất dễ làm, đó là chỉ cần chí thành trì tụng Đại bi Thần chú của đức Quán Âm.” Tâm Dư vâng lời bạn, bèn mặc dục trai giới, thanh tịnh, kiến lập đàn tràng, tự mình khuyên bảo tất cả gia nhân nhất tâm trì tụng Thần chú Đại bi. Đến ngày 20, tất cả gia nhân vì sợ người Âm Ty đến bắt nên tất cả vây quanh nơi chỗ của Tâm Dư và hết lòng trì tụng Đại Bi Chú. Sau lúc canh ba thì chính mắt Tâm Dư nhìn thấy từ nơi không trung có một chiếc kiệu bay xuống, có hai người khiêng kiệu và mấy người cầm cờ. Trong tâm, Dư biết đây là người đến rước. Bấy giờ, trong nhà gia nhân đều lớn tiếng đồng thanh chí thành trì tụng Đại Bi chú. Những người cầm cờ xí khiêng kiệu dần dần đến nơi nhưng rồi tất cả đều tan như sương khói. Đến sáng, Tâm Dư vẫn khỏe mạnh và không bệnh hoạn gì. Trải qua thời gian ba năm, Dư được triều đình tuyển vào Hàn Lâm Viện. Do nhân duyên này mà cả nhà Ông đều phát nguyện ăn chay niệm Phật, Trong nhà đều thờ Quán Âm Bồ tát, hàng ngày lễ bái cúng dường và trì tụng Đại bi Thần chú rất tinh tấn. *(Trích Trần Triều Liên kính thuật)*

70. Nghi nhơn của Tỳ Bộ Viên ngoại cũng là Quan Đẩu Thất Soái ở xã Phụng Tân Bắc, tỉnh Giang Tây, là một nữ Phật tử thâm tín Tam bảo từ lúc nhỏ. Trong Đình Bà thường thờ cúng Quán Thế Âm Bồ Tát rất trang nghiêm, thanh tịnh. Ngày ngày Nghi Nhơn đều lễ bái cúng dường và tụng kinh Phổ Môn. Lúc tuổi trên lục tuần, Bà bị bệnh chết, gia nhân thấy ngực còn ấm nên không nỡ tử thi. Ba ngày sau thì Bà sống dậy và thuật lại câu chuyện sau: Khi vừa đến Minh phủ thì thấy Quán Âm Đại Sĩ đối trước Diêm Vương Bồ tát mà nói rằng: “Nhà vua không biết hay sao, phu nhân đây ở dương thế tụng kinh của Quán Âm Đại Sĩ rất chí thành, lại còn làm việc công đức là ấn tống kinh Phật rất nhiều. Nhà vua nên phóng thích người này về lại dương thế và thêm tuổi thọ nửa kỳ để Bà ấy tu trì cho công đức được viên mãn.” Diêm Vương tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Bồ tát, đoạn chấp tay thưa rằng: “Con xin vâng theo lời chỉ dạy”, nói rồi truyền lệnh cho người dẫn Nghi Nhơn trở lại hồi dương. Lúc mới đến Minh Phủ, Nghi Nhơn đã mục kích thấy nam lẫn nữ chịu thống khổ vì hình phạt rất nhiều, không thể nào nhớ hết được, chỉ lược lại một số cảnh như:

1. Bầy chim xúm mổ mắt tội nhân, máu chảy linh láng, ướt khắp thân thể. Nghi Nhơn hỏi vị Minh Quan về tội nhân này thì được biết người này lúc sanh tiền làm hại sinh mạng loài phi cầm nên sau khi bỏ thân thì vào chốn này chịu khổ báo ấy.

2. Vô ốc đồ đồng như núi trong khi đó bọn quỳ xúm nhau róc thịt người để bỏ vào vô ốc. Nghi Nhon lại hỏi thì Minh Quan cho biết người này lúc sanh tiền mua ốc mà ăn nên lúc bỏ báo thân thì đến đây thọ khổ báo.

Những sự việc trên là do nội tư của Lãnh Thị được nghe Nghi Nhon thuật lại. Tỳ Bộ Viên Ngoại kiêm Quan Đẩu Thất Soái cùng với mẫu thân của Lãnh Thị đồng ở gần xóm, lại là họ hàng thân thích vì thế Lãnh Thị biết việc ấy rõ ràng. *(Trích Ngô Lục Học ở Phiên Dương Kính Phật)*

71. Thang Sính ở sông Lật Thủy, khi còn là thư sinh thì sống trong gia đình rất nghèo nàn thiếu hụt nhưng với mẫu thân thì chí hiếu không ai sánh bằng. Một ngày nọ Sính bị bệnh chết, sau đó thấy quỉ tốt đến cùng với vài người bắt đi. Trên đường đi bỗng gặp Quán Âm Đại Sĩ, Sính vui mừng khôn xiết bèn chạy đến bạch với Đại Sĩ cảnh mẹ già không ai phụng dưỡng và tỏ bày việc mong được sống lại. Đại Sĩ bèn nói với hai quỉ tốt: “Người này là một người con chí hiếu, các người không được tự do bắt. Hơn nữa trước đây người này có một lần đi thuyền đến Nhu Cao thì trên thuyền có một thiếu nữ tuyệt đẹp nhưng tâm tính thích gần đàn ông nên ra vẻ cười cợt, và cố tâm lại gần quyến rũ người này trên thuyền. Nhưng người này đã nghiêm sắc mặt quở trách. Các người phải biết chỉ một việc ấy thôi đã là một tiền trình để đạt được những điều lớn, nên mau mau hoàn hồn người này về dương thế.” Quỉ tốt bèn thưa: “Kính bạch Đại Sĩ, người này chết đã nhiều ngày, tử thi đã phân rã, bây giờ mà hồi dương thì làm sao được nữa.” Đại Sĩ lập tức bảo Thiện Tài Đồng Tử đi đến Tây Thiên lấy bùa Mâu ni đem về. Nhìn thấy vậy, hai quỉ tốt nói với hồn của Sính rằng: “Vi Bồ Tát thấy Ông gặp sắc mà không động tâm nên Ngài đến đây để cứu độ Ông, vậy Ông nên từ đây phát tâm thâm tín Phật pháp, siêng làm thiện sự. Ông nên biết nhân tâm ngày nay hiểm độc quá nhiều, quỉ thần dò xét rất nghiêm, mỗi mỗi đều ghi vào sổ bộ. Thế nhân ít có người hồi tâm hướng thiện, ai ai cũng đều chạy theo phú quý công danh, nhưng Ông phải biết con người mới sanh ra mọi việc đều đã định, những sổ bộ ghi chép các điều thiện ác của chư Thần nếu mau thì chỉ trong một tháng đã thọ báo, khỏi cần đợi đến kiếp sau mới có báo ứng.”

Thiện Tài Đồng Tử đi ba ngày đến Tây Thiên mới đem bùa Mâu Ni về. Màu sắc bùa ấy như màu gỗ chiên đàn, mùi hương thơm ngào ngạt. Bồ Tát bảo Thiện tài cùng với hồn Sính về nhà thì quả nhiên tử thi đã mục rã. Lúc ấy hồn Sính nhìn thấy mẹ già bên cạnh đang giọt lệ tuôn rơi khóc than thâm xiết vì chết đã bày ngày nhưng không biết lấy gì để tẩm liệm. Thiện Tài Đồng Tử liền đến bên cạnh tử thi, dùng bùa Mâu Ni trét vào ba lớp, mùi hôi thối chẳng mấy chốc dần dần bay mất, tử thi bắt đầu có sanh khí như người sống. Thiện Tài Đồng

Tử bèn bảo hồn Sính, đi từ nơi miệng mà vào, tức thì tử thi bỗng sống lại, cựa động tay chân. Mẫu thân của Sính thấy vậy kinh hồn khiếp vía, la hét như người cuồng. Láng giềng nghe tiếng la kêu thất thanh nên vội vàng chạy đến thì thấy Sính đã ngồi dậy, quỉ gối bên Mẹ mà thưa: “Con được sống lại. Xin Mẹ đừng sợ!” Nói xong thì thuật lại duyên cớ cầu xin Bồ Tát gia hộ, cho sống lại để báo đáp thâm ân của Mẹ già và nhờ Quán Âm Bồ Tát cứu độ mà được hồi sanh. Sính còn thuật lại những lời Đại Sĩ dạy bảo phải trì các giới, không tham lam, không dâm dật, không sát hại sanh mạng, không ăn mặn, không uống rượu và bảo rằng tương lai sẽ có công danh. Sính sau khi sống dậy thì vâng theo lời dạy của Bồ tát giữ nghiêm và thực hành các giới. Về sau quả nhiên vào niên hiệu Thuận Trị nhà Thanh, năm Mậu Ngũ, Sính thi đậu Tiến Sĩ nhưng với sắc tài, danh lợi xem như nước lã, không hề quan tâm. Mẹ con vẫn ở trong túp lều tranh, thờ tượng Phật, ngày ngày trường trai niệm Phật, tùy duyên làm mướn để nuôi Mẹ qua ngày. Đến lúc Mẹ Ông mãn phần thì có vị quan ở Tỉnh đem chuyện hiếu hạnh của Sính tâu lên triều đình, nhà Vua nghe xong thì hết lòng khen ngợi và hạ lệnh cho Sính đến Chơn Đình làm tri huyện. Sính không dám trái mệnh nên phải vâng lời đi nhậm chức, ngày thì lo việc quan đến chiều tối thì tụng Kinh lễ Phật, sống độc thân đến lúc già. Ngày cuối đời, Ông vẫn ở nơi huyện đường, an nhiên niệm Phật thế thế. *(Trích Từ Nhạ Vân Kiến Lục)*

72. Triều đại Bắc châu, có thầy Thích Huệ Cung ở chùa Chuẩn Đề tại Ích Châu cùng với vị tăng đồng học là Huệ Viễn kết thành huynh đệ. Về sau thầy Huệ Cung đi đến Kinh dương tham vấn Phật học rồi trở về. Trải qua 30 năm không gặp nhau nên hai thầy vui mừng cùng nhau đàm đạo. Thầy Huệ Viễn nói năng lưu loát như nước chảy còn thầy Huệ Cung thì không nói một lời nào. Thầy Huệ Viễn bèn hỏi: “Su huynh không tụng được một bộ kinh nào hay sao?” Thầy Huệ Cung đáp: “Tôi chỉ tụng được quyển Quán Thế Âm Bồ Tát phổ môn phẩm mà thôi, Tôi xin tụng cho sư đệ nghe.” Thầy Huệ Viễn nghe xong thì nói: “Trường gì chứ Kinh Phổ Môn thì Tôi đã giảng mấy chục lần rồi.” Thầy Huệ Cung từ tốn nói: “Đành rằng Sư đệ thông suốt nghĩa lý và giảng giải nhiều lần nhưng chưa từng tụng, vậy nên hãy chí tâm lắng nghe.” Dứt lời, thầy Huệ Cung thiết lập đàn tràng, thắp tòa để tụng niệm. Khi vừa phát lên đề mục của Kinh thì bỗng có mùi hương thơm bay ngào ngạt, hồi lâu thì nghe trên không trung có tiếng nhạc trời vang lên, hoa trời rơi xuống đầy bàn hương án. Sau khi tụng xong bộ Kinh thì mới hết. Thầy Huệ Viễn nhìn thấy tự nghĩ: Minh trải qua mấy chục năm chuyên môn diễn giảng nhưng với việc tự tu thì chưa đạt điều gì, thật đúng như lời cổ đức đã dạy: “Người điếc mà trở nhạc cho người khác nghe thì hoàn toàn không đắc ích”. Nghĩ đến đây thì bất giác quỉ xuống đàn lễ xin sám hối tội lỗi khinh thường lúc nãy của mình với thầy Huệ Cung. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

73. Triều nhà Tùy, niên hiệu Khai Hoàn năm đầu, có một vị Tăng tại Dương châu thường tụng kinh Niết bàn và thường khoe khoang việc mình làm. Dưới chân núi Đông Sơn, Kỳ Châu tỉnh Thiểm Tây có một vị Sa Di hàng ngày thường trì tụng Kinh Phổ Môn. Đến một ngày, cả hai người đều bạo tử và tự thấy mình đến chốn Minh phủ. Diêm Vương thiết lập bảo tọa bằng vàng thỉnh Sa Di lên ngồi rồi chỉ thành đánh lễ, lại thiết lập bảo tọa bằng bạc rồi thỉnh vị Tăng tụng kinh Niết bàn lên an tọa và lễ bái qua loa. Vị Tăng này thấy vậy sanh tâm bất bình nên hỏi vị Sa Di hiện đang ở chỗ nào. Sau đó cả hai người sống lại, vị Tăng bèn đi từ Dương Châu đến Kỳ Châu để tìm cho ra Sa Di tụng kinh Phổ Môn được cung kính. Vị Sa Di thưa: “Kính bạch Thầy! Hằng ngày mỗi khi con tụng Kinh Phổ Môn, đều thành kính mặc tịnh y và đốt các thứ danh hương cúng dường Phật, rồi chỉ thành lễ bái, chú nguyện xong rồi mới đọc tụng. Con thực hành như vậy nhiều năm nay không sai một ngày nào, không dám có chút giải đãi.” Vị Tăng kia nghe xong thì sanh lòng hổ thẹn, tạ ơn Sa Di rồi nói rằng: “Tội lỗi của Tôi rất thâm trọng, ngày ngày tụng Kinh Niết Bàn, oai nghi không chỉnh tề, tam nghiệp không thanh tịnh, đến nay mới nghiệm rõ được việc này.” (Trích Pháp Uyển Châu Lâm Tập)

74. Triều nhà Đường trong niên hiệu Trinh Quán, ở tại huyện Hòa Xuyên tỉnh Thiểm Tây, Vương Hoàng Chi có một người con gái gả cho một người tên Thôi Quý ở Bắc Lăng. Một ngày nọ, Quý bị bệnh rồi chết ở Hòa Xuyên, khoảng vài chục ngày sau thì nhà họ Vương nằm mộng thấy Thôi Quý đến nói rằng: “Con là Thôi Quý, đúng lý ra thì không nên lập bài vị thờ ở nhà vợ nhưng vì khổ nỗi con không nơi nương tựa nên xin cha mẹ vui lòng để bài vị của con tạm nương tựa nơi đây thời gian ngắn, con xin đa tạ thâm ân cha mẹ và vợ con.” Vợ của Thôi Quý y theo lời khẩn cầu của người chồng quá cố, thiết lập bài vị thờ trong nhà, mai chiều đem đồ ăn uống cúng dường nhưng Thôi Quý lại hiện về cầu xin đừng cúng các thức ăn thịt cá, động vật, chỉ xin cho mình các thứ trai phẩm, lại khuyên răn mọi người trong nhà nên Lễ Phật, tụng Kinh và nói rõ các sự việc diễn ra trong địa ngục. Thôi Quý khuyên hóa mọi người rằng: “Ai cũng chỉ có một đời ngắn ngủi, ít có ai tránh khỏi sát sanh và bất hiếu, hai thứ tội ấy là nặng nhất còn các tội khác thì có phần nhẹ hơn. Về phần con, dù không tạo tội nhưng phải nhờ người khác làm phước để tương trợ cho giác linh nên cúi xin cha mẹ và vợ con thiết lập trai phẩm, cúng dường chư Tăng và nhờ chư Tăng tụng Kinh niệm Phật, bái sám cùng in ấn ba thứ kinh là Pháp Hoa, Kim Cang và Phổ Môn, mỗi thứ ba bộ. Từ nay về sau con sẽ không quay trở lại nữa”. Nhà họ Vương nhất nhất nghe theo lời của Thôi Quý thực hành. Sau khi làm lễ trai tăng và ấn tống Kinh xong thì đêm đó, Thôi Quý lại hiện về tạ ơn rồi nói: “Thưa Cha Mẹ, từ

nay về sau, Thôi Quý xin từ biệt không còn lui tới nữa. Khi con qua đời có để lại đứa con trong bụng của vợ con, đứa trẻ giờ đã 5 - 6 tháng tuổi, đứa trẻ này chắc chắn có danh vị, xin Mẹ của nó khéo léo nuôi dưỡng cho chu đáo.” Cả nhà nghe Thôi Quý nói ai cũng động lòng thương xót, từ ấy về sau Thôi Quý không hề trở lại nữa. (Trích Pháp Uyển Châu Lâm Tập)

75. Lưu Tử Cống ở tại Kinh Triệu, vào ngày 22 tháng 5 thì bị bệnh chết. Sáng ngày hôm sau, bỗng nhiên người nhà thấy Ông tỉnh lại, Ông thuật câu chuyện hồi dương của mình như sau: Lúc mới chết thì thấy qui tốt đến bắt dẫn đến Minh phủ, ở đó Tôi gặp người hàng xóm là Lý Vỹ. Thấy Tôi thì Lý Vỹ vui mừng nói rằng: “Nhờ Ông nói với con gái Tôi, bảo nó rằng Tôi trong lúc sanh tiền do tạo ác nghiệp nên bị bắt xuống đây, bảo nó mau mau vì tôi tạo tượng Quán Âm Bồ Tát và in kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì chắc chắn tôi được sanh thiên.” Từ Cống lại được gặp cha mình và Ông nói với Tử Cống: “Cha vì trong lúc sanh tiền, dùng đạn bắn chết các loài chim quá nhiều nên khi bỏ báo thân đọa vào chốn này thì hàng ngày bị ngục tốt đầu trâu mặt ngựa dùng vài ngàn viên đạn sắt nung đỏ trong lửa nong vào da thịt cha, thủng vài trăm chỗ, rồi lấy đạn sắt ấy để vào trong đó, sự đau đớn vô cùng thảm thê không sao chịu đựng nổi.” Từ Cống sống lại vào ngày 23 thì đến ngày 29 lại chết, sau đó vài ngày lại hồi sanh để khuyên mọi người trên thế gian cố gắng ăn chay niệm Phật, lánh dữ làm lành thì mới mong khỏi đọa vào chốn u đồ chịu nhiều thống khổ. (Trích Thái Bình Quảng Ký)

76. Triều nhà Tống, Phạm Văn Chánh Công Trọng Im là một vị đại thần trong triều. Mẫu thân Ông thế thể đã 21 ngày thì Ông thấy Mẹ hiện về trong giấc mộng, buồn khóc nói rằng: “Con ơi! Mẹ khi còn ở dương thế tạo nhiều ác nghiệp nên sau khi xả thân, đọa vào chốn Minh ty, bị hình phạt không sao tường được. Con là người chí hiếu nên hãy rước Thầy tụng kinh Kim Cang Bát Nhã một tạng để cứu độ cho Mẹ.” Trọng Im nghe Mẹ nói xong thì buồn khóc rồi tỉnh giấc. Lập tức Ông mặc dục trai giới thanh tịnh, đích thân đi đến Thiền Lâm ở non Nguyên Mộ, bái thỉnh chư Tăng về tư dinh rồi thiết lập đạo tràng tụng kinh 7 ngày 7 đêm. Đến đêm thứ sáu, việc tụng Kinh lễ bái sám sắp viên mãn thì Ông lại thấy Mẫu thân hiện về, hình dung vui vẻ, tươi cười bảo Ông: “Nhờ con chí thành thỉnh chư Tăng về nhà tụng Kinh bái sám siêu độ cho Mẹ và lúc chư Tăng tụng kinh thì con luôn thành kính lễ Phật cầu nguyện mà cảm đến Bạch Y Đại Sĩ đã giáng lâm phạm trần. Ngài có trì kinh nửa quyển nên chẳng những tội nghiệp của Mẹ đã được tiêu trừ lại còn được sanh về thiên giới. Việc này thế nào sáng ngày mai khi vào Kinh đường thì con sẽ rõ biết. Con nên sắm sửa lễ vật cho hậu để cúng dường nhằm báo đáp đại ân của Bồ Tát. Hôm sau, Chánh Công Trọng Im đợi đến lúc pháp

sự viên mãn, sám lễ thành kính rồi kính thỉnh chư Tăng tề tựu để lễ tạ cúng dường. Sau khi cúng dường cho chư Tăng thì Chánh Công Trọng Im quỳ trước chư Tăng thành kính bạch rằng: “Con xin hỏi chư Thượng đức ở đây, Ngài nào tụng kinh nửa quyển thì xin cho con biết.” Chúng Tăng nghe nói thì ấy nhìn nhau thất sắc rồi đáp lại rằng: “Kinh điển của chúng tôi trì tụng một chữ không sai, không sót một câu thì đâu có việc trì tụng chỉ nửa quyển”. Bấy giờ có một vị Tăng thung dung thưa rằng: “Hôm rồi, lúc đại chúng tụng kinh, Sơn tăng này có đứng dựa cột tụng thầm đến phẩm thứ 16 (Kinh Kim Cang có 32 phần, phần thứ 16 là nửa quyển), thì lúc ấy Quan đại thần đến niệm Hương nên Sơn Tăng này trở về nhà trừ để làm công việc. Nhân tiện Quan Đại thần hỏi thì Sơn tăng này xin thành thật nói lại cho Ngài biết. Vừa nghe xong thì Chánh Công Trọng Im quỳ xuống cúi đầu đánh lễ, vị Tăng ấy bèn nói: “Mạc, Mạc” (Đừng! Đừng) rồi bay lên không trung biến mất. Lúc này Tăng cũng như Tục còn đang ngỡ ngác thì Chánh Công Trọng Im đã kể lại giấc mộng tối qua, ai ai cũng sanh tâm cung kính chiêm ngưỡng lễ bái Đại Sĩ. Sau khi hoàn tất lễ cầu siêu cho thân mẫu, Chánh Công Trọng Im đã kiến tạo ngôi chùa lấy tên hiệu là Mạc, Mạc! Thiên Đường để ghi lại sự linh nghiệm của Quán Âm Bồ Tát giáng lâm phạm trần, tụng thầm nửa quyển kinh mà Mẹ mình được thoát khỏi chốn Minh đờ, lại được siêu sanh thiên giới. Ngôi đại gia lam ấy đến nay vẫn còn. (Trích Linh Sơn Thắng Tích)

77. Phương Nham Tứ ở tại Huy Châu là một người siêng năng vun trồng phước đức. Vợ Ông là Huỳnh Thị bị chết vì tại nạn thai sản. Không bao lâu thì Phương Nham Tứ nằm mộng thấy vợ mình về nói rằng: “Lúc sanh tiền, Tôi tạo nhiều tội lỗi nên khi xả thân, bị đọa vào Minh Ty, chịu hình phạt rất khổ, vậy xin phu quân vì thiếp mà tụng kinh Phổ Môn 1,000 quyển và ấn tống Kinh này 1,000 quyển thì mới mong được thoát khổ siêu sanh.” Nham Tứ y theo lời vợ nói trong mộng mà làm theo. Không lâu sau thì người vợ kể có mang, đến lúc hạ sanh thì trong lúc đang mơ màng, nàng thấy người vợ chánh bước vào phòng, kế đó liền hạ sanh một bé trai, đặt tên là Nguyên Hạnh. Đứa bé ấy hình dung tuấn tú, mặt mũi sáng sủa, đẹp đẽ và dễ nuôi. Khi lớn lên thì học hành tấn phát, đậu đến Tiến Sĩ rồi ra làm quan rất vinh hiển. Do nhân duyên này mà Nham Tứ cùng với người vợ kể phát tâm kính tín Tam Bảo, trong nhà thờ cúng Quán Âm Đại Sĩ, hàng ngày lễ bái cúng dường và tụng Kinh Phổ Môn rất tinh tấn. (Trích Nam Hải Từ Thuyền)

78. Triều nhà Minh, thầy Thích Như Huyền có một người thân hữu là Hạ Tự Thời. Vị Phật tử cư sĩ ấy là người rất thông nội điển. Một ngày nọ, Thời nói với thầy Như Huyền rằng: “Môi Thầy trớt, răng lại hô, không phải là tướng của người thọ số, Thầy nên chí thành lễ bái Quán Âm Đại Sĩ, cầu đảo, nhất

tâm xưng niệm Thánh hiệu của Ngài để cầu tăng tuổi thọ.” Thầy Như Huyền làm theo, thành kính chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm thì ba năm sau, dung mạo chuyển tướng, lại hưởng thọ cao niên. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 4)

79. Triều nhà Thanh, niên hiệu Đạo Quan năm thứ 12, Châu Triệu Cảnh ở Trường Châu có vợ là Trình Thị bị chứng bệnh gan nặng, trong lúc mê man thì bị quỷ nhập vào người, yêu cầu Triệu Cảnh khẩn thiết tụng Chú Đại Bi để nương nhờ công đức ấy mà được siêu độ. Triệu Cảnh bèn hỏi quỷ có oan gia túc trái gì với bệnh nhân không thì quỷ đáp: “Không.” Triệu Cảnh lại hỏi tiếp: “Bệnh nặng như thế này có nguy hiểm gì đến tánh mạng không?” Quỷ đáp: “Không sao, nhưng nên thành tâm niệm Phật thì bệnh có thể lành hẳn”. Qua năm sau vào tháng tám thì bệnh lại tái phát, hơn 20 ngày không ăn một hột cơm, chỉ uống nước cháo. Trong lúc bị bệnh hành hạ, Trình Thị vẫn chí tâm niệm Phật không gián đoạn, khi bị hôn mê thì thấy thần du cảnh giới Âm ty, Minh vương đang xét xử các tội nhân, thiện ác đều rõ ràng. Riêng Trình Thị vì trong lúc sanh tiền ăn trường trai, niệm Phật, lại đối với Bồ Tát vô cùng cung kính nên Minh Vương bảo người đưa về lại dương gian. Trước lúc đi có căn dặn: “Người trở lại dương thế phải cố gắng tu trì như trước giờ và khuyên bảo mọi người thì công đức rất lớn, lúc mạng chung sẽ được sanh Tây phương không còn phải đến chốn này.” Trình Thị sau khi tỉnh dậy thì nói rõ việc mình đã thấy cho mọi người nghe. Triệu Cảnh nhờ người ghi lại và mướn thợ in ra giấy nhiều vô kể để phát cho mọi người, cùng khuyến khích mọi người cố gắng ăn chay, niệm Phật tụng kinh như Trình Thị. (Trích Minh Du Xác Ký)

80. Trịnh Gia Du ở Thái Cốc phát tâm muốn in kinh Phổ Môn, kinh Kim Cang cùng với Cảm Ứng Thiên nhưng chưa in được thì bị bệnh nặng, một chút nước cháo cũng không nuốt vào bụng được. Trong lúc hôn mê thì thấy thần thức đến nơi Minh giới, gặp được Đại Sĩ và Ngài khuyên rằng: “Tuổi thọ của ngươi đã hết lúc 41 tuổi nhưng nhờ công đức phát nguyện in ấn các Kinh, hôm nay sẽ được hồi dương. Người nên mau chóng in ấn và lưu truyền thì công đức rất lớn và thọ số được miên trường.” Gia Du khi sống lại liền thực hành theo lời Bồ tát dạy thì bệnh tình quả nhiên lành hẳn. (Trích Khuyến giới loại sao)



THIÊN THỨ TƯ

ĐỘ THOÁT SANH TỬ



1. Triều nhà Tống có thầy Thích Huệ Kiến là người xuất gia từ lúc ấu thơ, có giới hạnh thanh tịnh và là người tu hành dũng mãnh. Trong niên hiệu Nghĩa Hy nhà Tống, Thầy ở chùa Gia Tường nơi sơn am, chuyên tu khổ hạnh, ngày đêm luôn đốc thúc đại chúng niệm Phật. Về sau trong lúc bị bệnh, Thầy nhất tâm cầu đảo Quán Âm Đại Sĩ, mong mỏi được mau về Tây Phương Cực lạc. Phía bắc của ngôi chùa có ngôi chùa Tịnh Nghiêm của một Ni sư, cũng là một người tu hành tinh tấn, giới luật trang nghiêm. Một đêm nọ, Ni sư nằm mộng thấy Quán Âm Đại Sĩ từ cửa phía Tây đi vào, quang minh rực rỡ, có người cầm tràng phan bảo cái theo hầu, thất bảo rất trang nghiêm. Ni Sư vui mừng cung kính dâng lễ Bồ Tát rồi bạch: “Thưa Bồ Tát đi đâu?”. Đại Sĩ đáp rằng: “Ta đến chùa Gia Tường để rước Thầy Huệ Kiến.” Ngày hôm sau, thị giả và chúng trong chùa đều ngửi thấy mùi hương lạ, thơm ngát khắp chùa, Thầy Thích Huệ Kiến thần sắc vẫn như thường vui vẻ mời đại chúng vân tập niệm Phật, rồi an nhiên thị tịch. (Trích Cao Tăng truyện - tập 1 và Vãng sanh tập của Tổ Vân Thê)

2. Triều nhà Tề, thầy Thích Pháp Lâm là người ở Lâm Ngạn, huyện Tân Nguyên, xuất gia từ thuở thiếu niên. Trong tâm Thầy luôn hướng về cõi nước An Dưỡng, ngày ngày đều tụng kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Phổ Môn, Thầy thường thấy có một vị Sa môn thân hình cao lớn, tướng hảo trang nghiêm đứng trước mặt. Vào niên hiệu Kiến Vũ, năm thứ 2 nhà Tề, Thầy lâm bệnh nhưng vẫn cố gắng sám hối, niệm Phật không bê trễ, luôn nhớ nghĩ đến cảnh giới Tây phương. Do tâm chí thành ấy mà Thầy nhìn thấy chư thánh hiền đến vân tập trước mắt. Thầy liền gọi đệ tử đến và kể lại những việc mình đã thấy, rồi an nhiên thị tịch chấp tay niệm Phật mà viên tịch. (Trích Cao Tăng truyện - tập 1)

3. Triều nhà Đường, thầy Thích Tăng Huyền là người ở xứ Tinh Châu, lúc thọ đến 96 tuổi thì bỗng có duyên lành được gặp quyển An Lạc Tập của Đạo Xức Thiền Sư trước tác. Bấy giờ Thầy mới phát tâm quy hướng pháp môn Tịnh độ, chuyên cần niệm Phật. Vì sợ tuổi cao không còn nhiều thời gian nên

ngày đêm Thầy lễ Phật 1,000 lạy và niệm Thánh hiệu A Di Đà vạn biến. Trải qua thời gian năm năm, Thầy nhất tâm tinh tấn tu hành không hề giải đãi. Một hôm, Thầy gọi các đệ tử đến rồi nói rằng: “A Di Đà Phật đến trao cho chiếc áo thơm, hai Ngài Đại Sĩ Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí theo hầu đi ở phía trước, vô số hóa Phật đầy khắp hư không, từ phương Tây cõi Ta Bà này trở đi toàn là cảnh giới Tịnh Độ.” Dứt lời thì Thầy an nhiên thị tịch, niệm Phật thị tịch. (Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)

4. Triều nhà Đường, Ngạn Thiên Sư là người xứ Tinh Châu phát tâm qui hướng pháp môn Tịnh độ từ lúc mới xuất gia, thực hành phương đẳng sám rất chuyên cần, không hề biếng trễ. Lúc bị bệnh nhẹ, Thiên Sư chuyên tâm thiền quán thì thấy hai vị Đại sĩ Quán Âm, Thế Chí hiện nơi không trung, trong một thời gian lâu vẫn không ẩn mất. Thiên Sư bèn tìm thợ giỏi đến nhờ vẽ lại nhưng không ai họa được. Bỗng nhiên xuất hiện hai người từ Tây Kinh đến nói rằng: “Chúng tôi là họa sĩ tinh xảo, trên đường đến non Ngũ Đài, ghé qua đây xin nguyện sẽ họa lại hình tướng của hai vị đại Bồ tát.” Sau khi vẽ xong thì bỗng nhiên hai người này biến mất, không tìm được tung tích. Thiên Sư tự biết nhân duyên vãng sanh Tây phương đã thuận thực liền nói với các đệ tử: “Hôm nay Thầy sẽ vãng sanh Tây phương, trong đại chúng có người nào muốn đi cùng không?”. Có một tiểu đồng từ cúi đầu thưa rằng: “Con xin theo Thầy”. Thiên Sư bảo: “Nếu con muốn đi thì hãy về từ biệt cha mẹ”. Tiểu đồng nghe lời, về nhà từ giã cha mẹ thì ai cũng tưởng là nói chơi. Đồng tử cáo biệt cha mẹ rồi về chùa tắm gội, mặc tịnh y rồi vào đạo tràng niệm Phật, chốc lát thì vãng sanh. Ngạn Thiên Sư đến vỗ đầu quở rằng: “Tại sao con đi trước mà không đợi Thầy?” rồi bảo đệ tử mang giấy bút ra làm kệ tán thán hai đại Bồ tát. Văn kệ như sau:

Quán Âm Bồ Tát giúp tiếp dẫn
Thế Chí Bồ Tát phụ đưa đi
Bảo binh hiển hiện trên chiếc mũ
Hóa Phật uy nghiêm trước đàn đầu
Cùng nhau đi khắp lo phương cõi
Cầm hoa chờ đợi cứu giới sanh
Từ bi ra tay khắp tế độ
Dẫn dắt đồng về nước Lạc Bang

Làm kệ tán thán xong thì từ biệt các đệ tử rồi tự mình vào đạo tràng, lại bảo các đệ tử đồng vân tập đến đạo tràng để niệm Phật giúp cho giờ phút vãng sanh. Sau đó Thiên Sư an nhiên ngồi thị tịch viên tịch trong tiếng niệm Phật vang động khắp chùa. (Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)

5. Triều nhà Đường, Hoài Ngọc Thiền Sư, họ Cao là người ở Đơn Khuru. Thiền Sư nghiêm trì giới luật, tu hành tinh tấn, chỉ thọ thực mỗi ngày một bữa, thường ngồi và ít nằm. Ngài thường thực hành pháp sám hối và tụng kinh A Di Đà 30 vạn biến, mỗi ngày niệm Phật năm vạn câu. Niên hiệu Thiên Bảo, năm đầu nhà Đường, vào ngày 4 tháng 6, Thiền Sư thấy có hăng hà sa số Thánh chúng Tây phương đến, có người bưng đài bạch ngân từ cửa sổ đi vào. Hoài Ngọc Thiền Sư liền nói: “Tôi suốt đời tinh tấn, nguyện được kim đài”. Bạch Ngân đài liền ẩn mất. Sau đó, Thiền Sư càng tinh tấn gấp bội thường ngày. Đến giờ Sứu ngày 13, Phật phóng quang minh khắp trong thất, bạch hào quang hiển hiện, Thánh chúng đứng đầy trong thất. Thiền Sư nói với đại chúng: “Lúc nghe mùi hương lạ thì báo thân tôi sẽ mãn”. Vừa nói xong thì mùi hương bay ngào ngạt, “Thanh Tịnh Đại hải chúng chập khấp hư không. A Di Đà Phật cùng Quán Âm, Thế Chí, thân từ kim ngọc trên kim cương đài đến nghinh tiếp”, nói rồi Thiền Sư mỉm cười mà viên tịch. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

6. Triều nhà Đường, Huệ Nhật Pháp sư nương thuyền vượt biển đến nước Thiên Trúc. Ông đi khắp nơi tham vấn các bậc tri thức đã thông đạt Tam tạng để thỉnh cầu pháp yếu đường tắt, mau thoát khổ luân hồi. Các Ngài mà Pháp sư tham vấn đều vô cùng tán dương Pháp môn Tịnh độ. Pháp sư Huệ Nhật sau đó lại đi đến một đại danh sơn ở phía Đông bắc, nước Kiện Đà La có Thánh tượng Quán Âm Bồ tát để lễ bái. Tương truyền rằng nếu người nào chí thành cầu đảo trước Thánh tượng thì sẽ được Bồ Tát hiện thân. Thiền Sư khi đến nơi, phát nguyện tuyệt thực 7 ngày, lễ bái cầu đảo, nguyện được Bồ tát hiện thân, nếu không mãn nguyện thì thề đến chết cũng không rời. Đến đêm thứ 7 bỗng thấy Quán Âm Đại Sĩ hiện thân từ kim, ngồi trên bảo liên hoa, đưa tay xoa đánh Huệ Nhật Pháp sư mà dạy rằng: “Ông muốn hoằng truyền Chánh pháp của Như lai để lợi mình, lợi người, thì nên chuyên niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật ở Tây phương Cực lạc thế giới, hồi hướng phát nguyện cầu vãng sanh. Khi đã đến nước ấy rồi thời thấy Phật và thấy Ta, lợi ích của việc này rất lớn, không thể nào nói hết. Ông nên biết pháp môn Tịnh độ thù thắng hơn tất cả các pháp môn và công hạnh niệm Phật thù thắng hơn tất cả các hạnh.” Nói dứt lời thì Bồ tát ẩn mất. Pháp Sư trở về Trường An, vâng lời dạy của Bồ Tát cật lực khuyến hóa tất cả mọi người niệm Phật. Đến giờ phút cuối cùng, Pháp sư không bệnh, an nhiên kiết già niệm Phật mà viên tịch. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 3)*

7. Triều nhà Đường, thầy Thích Tự Giác ở Chơn Châu thường phát nguyện xin nương nhờ đức Quán Âm Đại Sĩ để được thấy A Di Đà Phật. Bấy giờ, Thầy đi khắp nơi khuyến hóa để đúc tượng Quán Âm Đại Sĩ cao

49 thước. Sau khi đúc tượng hoàn tất, Thầy chí tâm cầu nguyện thấy Phật. Canh ba đêm ấy bỗng nhiên xuất hiện hai đường kim quang, Thầy lúc ấy nhìn thấy Phật từ trong quang minh đi xuống, Quán Âm, Thế Chí theo hầu hai bên tả, hữu. Phật đưa tay xoa đánh Thầy Thích Tự Giác và nói rằng: “Ông nên giữ chí nguyện, đừng đổi thay việc tu hành. Hãy lấy sự lợi người làm trước nhất, được thế thì nơi thác sanh sẽ ở ao báu, không lo sẽ không được như nguyện”. Mười một năm sau, vào ngày 15 tháng 7, Thầy nhìn thấy có một người thân tướng đoan nghiêm như Thiên Vương hiện thân trong mây báu đến bảo Thầy rằng: “Thời khắc về an dưỡng đã đến.” Thiền Sư bèn đến trước Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ, vui vẻ ngồi kiết già, an nhiên niệm Phật mà trường thọ. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 3 & Vãng Sanh Tập)*

8. Triều nhà Tống, thầy Thích Liễu Nhiên nằm mộng thấy mình đi qua biển, khi ấy ngay trong biển, Thầy nhìn thấy Quán Âm Bồ tát ngồi trong rừng trúc nên trong lòng hết sức vui mừng, chí thành đánh lễ, đoạn dùng 100 bài kệ tán thán Ngài. Từ ấy về sau, biện tài bỗng nhiên phát hiện. Một đêm nọ, Thầy nằm mộng thấy hai con rồng đang múa giỡn với nhau trên không trung, thế rồi một trong hai con rồng ấy hóa thành người, từ hư không đáp xuống, lấy một chiếc thẻ đưa cho Thầy và chỉ cho biết về thời khắc sẽ vãng sanh. Đến ngày vãng sanh, Thầy mời đại chúng đồng vân tập, tụng Kinh A Di Đà, đến đoạn Kinh văn: Tây Phương Thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật,... thì Thầy an nhiên kiết tường thọ thể. *(Trích Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

9. Triều nhà Tống, Học sĩ Trương Khán là người siêng tu tập các thiện hạnh và thường hồi hướng nguyện vãng sanh. Trước Phật đài, Ông phát nguyện tụng Đại Bi Đà La Ni 10 vạn biến đem công đức ấy cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới. Đến năm Ông 60 tuổi thì bị bệnh nhưng vẫn một lòng thành kính chuyên tâm niệm Phật. Một hôm, Ông bảo người nhà rằng: “Tây phương Tịnh Độ không ở đâu xa, chính lúc này đang hiện ở trước nhà. Tôi đã tận mắt nhìn thấy Từ phụ A Di Đà ngồi trên hoa sen, Ông Nhi đang lễ Phật nơi kim địa.” (Ông Nhi là cháu nội của Trương Khán đã chết lúc 3 tuổi). Vừa dứt lời thì Ông an nhiên niệm Phật rồi thọ thể. *(Trích Vãng Sanh Tập)*

10. Triều nhà Tống, Cổ Đảnh Minh Thiền sư là cháu đời thứ 15 của Tôn Lân Tế. Khi sắp viên tịch thì Ngài bảo môn đồ rằng: “Đức Đại bi Quán Thế Âm đã đến và cầm hoa sen đến tiếp dẫn Ta”. Dứt lời thì an nhiên ngồi kiết già viên tịch. Lúc làm lễ trà tỳ, có ba vật không bị hư hoại là lưỡi, răng và râu chuối, đại chúng thu được các hạt xá lợi 5 màu nhiều vô kể. *(Trích Hoàng Minh Danh Tăng Tập Lục & Tống Cảnh Liên Tập Lục)*

11. Triều nhà Tống, vợ của Lữ Hoàng Đô Quán Viên Ngoại tên là Ngô Thị. Hai ông bà đều trai giới thanh tịnh, và rất thông đạt Phật lý. Ngô Thị thờ Quán Âm Bồ Tát rất thành kính, hàng ngày đều chuyên tâm lễ Phật, niệm Phật nên có được nhiều linh cảm. Trong Tịnh thất của Ngô Thị có mấy chục cái bình sành, Bà dùng tịnh thủy rót đầy trong ấy, tay cầm cành dương liễu, trì tụng Chú Đại bi vào ấy. Khi thực hành như vậy thì thấy Quán Âm phóng quang minh vào trong bình. Bệnh nhân ở các nơi đến xin nước ấy uống đều được truyền giảm bệnh tình. Nước tụng chú để nhiều năm vẫn không hư. Vào tiết mùa Đông lạnh giá vẫn không đóng thành băng giá, do vậy mà nhiều người gọi Bà là Quán Âm Viện Quân. Bà có hai người thị nữ cũng theo tu theo Tịnh nghiệp, một trong hai người này rất nghiêm trì tịnh giới, chuyên tu khổ hạnh, có khi suốt tháng không thấy Cô dùng đến cơm cháo. Mỗi ngày chỉ cần uống một chén tịnh thủy của Quán Âm Viện Quân trì chú mà thôi. Một thời gian sau, Cô nhìn thấy Phật A Di Đà cùng chư Bồ tát thượng thiện nhân ở Cực Lạc hiện ở trước mắt, mãi như vậy trải qua trong suốt thời gian một năm. Đến ngày cuối cùng, Cô an nhiên niệm Phật mà vãng sanh. *(Trích Long Thơ Tịnh Độ Văn)*

12. Triều nhà Tống, có Trịnh Thụ là người ở huyện Tiên Đường, tỉnh Chiết Giang. Hàng ngày, Ông đều lập thời khóa tụng Kinh niệm Phật không gián đoạn. Về sau trong khi bị bệnh thì một ngày nọ nhờ người đỡ ngồi dậy, dẫn đi tắm rửa, sau khi tắm rửa xong thì Ông ngồi ngay thẳng, xoay mặt về hướng Tây rồi hỏi người nhà: “Có nghe tiếng khánh không? Chư Thánh hiền ở Tây Phương Tịnh Độ đã đến.” Nói rồi chấp tay vui vẻ, tươi cười niệm Phật. Trong chốc lát lại nói: “Phật, Bồ Tát đã đến tiếp dẫn, Đức Quán Âm Bồ Tát tay bưng kim đài, Từ phụ A Di Đà Như Lai đỡ tôi bước lên Liên tọa.” Dứt lời thì yên lặng kiết già thường thế. *(Trích Vãng Sanh Tập)*

13. Triều nhà Tống, Vương Thị Nữ ở xứ Kiến An, tỉnh Giang Tây là một nữ Phật tử thâm tín Tam bảo, thờ Mẹ rất chí hiếu. Hàng ngày Cô tụng Quán Âm Phổ Môn phẩm cùng với các Kinh Di Đà, Kim Cang, và chuyên tâm niệm Phật cầu thoát khỏi luân hồi. Lúc mẫu thân Cô chết, khi tẩm liệm thì máu chảy đầm dề, Thị Nữ nhìn thấy thế vô cùng đau đớn bèn nguyện rằng: “Nếu lúc Mẹ tôi còn sống, Tôi thật là một đứa con chí hiếu thì giờ phút này xin vật ô uế này đừng lưu xuất nữa.” Vừa dứt lời thì máu cũng ngưng tức khắc. Thời gian sau, cha Cô lập kế mẫu. Người Mẹ kế cùng với Cô đồng tu Tịnh nghiệp. Lúc Bà lâm chung, Thị Nữ đến chùa bá tánh Cao Tăng về nhà giảng nói pháp Quán Tịnh độ cho Bà. Sau khi nghe giảng xong thì Bà nhờ người mang Tịnh Y đến mặc vào, nằm nghiêng qua phía tay phải, kiết tường thế thế. *(Trích Vãng sanh Tập)*

14. Triều nhà Nguyên, Đào Thị Tập Lục Nương là người ở Từ Thôn, huyện Thường Thục. Lúc 26 tuổi thì Cô góa chồng nhưng vẫn chưa có con. Đào Thị cảm ngộ như sanh vô thường khổ não, thế gian toàn cảnh ô trược xấu xa, không có gì đáng lưu tâm luyến tiếc, nên phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Hàng ngày Cô chuyên trì Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm. Một hôm nọ, Cô mộng thấy một người mặc bạch y, tay cầm đóa sen trắng trao cho. Sau khi tỉnh giấc thì thân tâm Cô khác hẳn lúc trước, Cô dọn một gác nhỏ trang nghiêm, thờ Tây Phương Tam Thánh, chuyên tụng Kinh A Di Đà và niệm Phật. Vừa đúng ba năm thì Cô thấy Phật hiện quang minh, trên học thờ Kinh bồng thấy như có cục lửa lớn cỡ viên đạn nên Đào Thị sợ cháy kinh, vội dùng tay phủ xuống đất thì mới biết đó là hạt xá lợi không phải lửa. Vào giờ phút lâm chung, Cô được hóa Phật đến nghinh tiếp, Cô từ biệt mọi người rồi vui vẻ niệm Phật mà thệ thế. *(Trích Tịnh Độ Thiệu Nhân Vịnh)*

15. Triều nhà Minh, Ni sư Thành Tịnh là người ở Cổ Cương, tỉnh Quảng Châu. Ni Sư phát tâm trường trai, thọ Tam quy ngũ giới từ lúc còn bé, nên đến tuổi cập kê thì thệ nguyện giữ mình trinh khiết. Ni sư sau đó đánh lễ Chơn Phạm Am chủ đồng ở cùng ấp làm Thầy để làm lễ thế phát lúc xuất gia. Sau đó, Ni sư chuyên tâm tụng Kinh Đại thừa Niết Bàn, thờ Thầy rất kính cẩn. Đến tuổi trung niên, Ni sư thọ giới cụ túc, lưu tâm pháp môn Tịnh độ, tâm nhớ miệng niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật không dứt. Tánh ý Ni sư từ hòa, thích hạnh bố thí, oai nghi đầy đủ và làm mô phạm trong chúng. Ni sư từng đi các nơi khuyến hóa Phật tử để tạo Thánh tượng Thiên thủ Thiên nhãn Đại bi Quán Thế Âm bằng gỗ chiên đàn, phụng thờ ở Đại từ xứ Phụng Thành. Năm sau đó, Ni sư bị bệnh nhẹ, biết trước ngày giờ vãng sanh, liền khuyến hóa đồ chúng cùng với tất cả đàn việt nên cố gắng siêng tu Tịnh nghiệp và chừa nhóm các hạnh lành để cầu sanh Tịnh độ, đừng biếng nhác trễ nãi theo thế tục mà tạo nghiệp. Đến sáng hôm sau thì Ni sư bảo đệ tử rằng: “Đức Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát đã đến đây tiếp dẫn, quý vị nên cùng nhau thành kính cung nghinh Ngài. Quý vị ở lại xin nhớ lời Tôi dặn bảo tu hành.” Dứt lời thì Ni sư nhắm mắt niệm Phật rồi viên tịch. *(Trích Quán Âm Từ Lâm Tập)*

16. Triều nhà Minh, Thái thừa Thực Tự Hòe Đình phát tâm trường trai, niệm Phật từ lúc nhỏ. Khi lớn lên, Ông đỗ đạt ra làm Quan Thái Thú. Một mặt khuyến hóa dân chúng quy hướng Tam bảo tu hành, mặt khác cấm dân chúng không được sát sanh cúng tế qui thần. Lúc già, Ông từ Quan, lập hội niệm Phật, chuyên dẫn dắt những người nghèo khổ làm thuê làm mướn, khuyên họ cố gắng ăn chay niệm Phật làm lành, đem công đức ấy hồi hướng

nguyện vãng sanh Tịnh độ. Lúc Ông bị bệnh, liền phát nguyện đến chùa bái thỉnh cầu xin chư Tăng làm lễ thể phát, xong việc về đến nhà thì thấy Quán Âm Bồ Tát bùng ngân đài đến tiếp dẫn. Hòe Đình vô cùng vui mừng, thành kính liên tục xưng niệm Nam Mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát rồi vui vẻ kiết già mà thường thệ. *(Trích Tịnh Độ Thánh hiền lục)*

17. Triều nhà Minh, mẫu thân của Lưu Đạo Long là Lý Thị. Vào năm 40 tuổi thì phát nguyện trường trai, thờ Phật và niệm Phật nhưng Lý Thị lại không tụng Kinh được vì Bà không biết chữ. Bà sửa sang một ngôi Tịnh thất trang nghiêm để thờ Quán Âm Đại Sĩ, ngày đêm lễ bái xưng niệm cúng dường rất chí thành. Bà niệm Phật mỗi ngày đến 1,000 biến, dù tiết trời nóng bức vào ngày Hạ hay lạnh buốt vào ngày Đông thì việc tu niệm cũng không hề gián đoạn. Bà lại phát nguyện ấn tống Kinh Kim Cang và đem ấn thí khắp nơi, khuyên mọi người lễ bái cúng dường trì tụng, dù tốn nhiều tiền của nhưng không hề tiếc nuối. Thực hành như thế trải qua thời gian 25 năm. Trước ngày Bà thệ thế một năm thì bao nhiêu tiền bạc để dành từ lâu đều đem ra làm Phật sự, bái thỉnh chư danh Tăng về nhà tụng Kinh và trai Tăng cúng dường,... Sau khi Phật sự viên mãn, một đêm Bà nằm mộng thấy Quán Âm Bồ Tát nơi mình thờ cầm một chuỗi ngọc đưa cho và bảo rằng: “Ta đem vật này tặng cho ngươi, y theo số chuỗi chính là thời khắc của ngươi vãng sanh Cực lạc.” Trong giấc mộng, Lý Thị đếm được 53 hạt chuỗi nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa. Đến ngày 13 tháng 5 năm Canh Tý, bỗng nhiên Bà nói với người nhà rằng: “Ngày hôm nay tôi về Tây Phương, tất cả mọi người nên vân tập cao tiếng niệm Phật để trợ giúp cho Tôi vào giờ phút cuối cùng để vãng sanh Cực lạc.” Tất cả con cháu trong nhà vâng lời, đều cùng nhau tụ họp trước giường Bà đồng thỉnh niệm Phật, chừng hơn một giờ sau thì Lý Thị vui vẻ kiết già thường thệ trong tiếng niệm Phật vang động khắp nhà. *(Trích Kinh Kim Cang Kinh Ứng Lục)*

18. Triều nhà Thanh, Tống Phu Nhon là người thuộc gia đình cao môn vọng tộc ở Trường Châu, tỉnh Giang Tô. Bà là vợ của Thái Học Sĩ Cố Văn Diệu, thờ mẹ chồng là Hà Thái Phu Nhân rất kính cẩn. Hà Thái Phu Nhân là một Phật tử thờ kính Quán Âm Bồ Tát rất thành kính, sau khi tạ thế thì để Thánh tượng ấy lại cho Tống Phu Nhân, hàng ngày Phu Nhân cũng lễ bái xưng niệm cúng dường rất kiên thành. Trải qua thời gian trên 10 năm, một ngày nọ, con trai của Bà là Tân Phương vào ban đêm nằm mộng thấy chiếc y trên thân của hai vị Đại sĩ bị hư rách và đến nhà mình dường như có ý cầu xin. Lúc sáng ra thì lại gặp một người đi ghe, đem đến hai bức tượng đến xin bán, một bức điêu khắc Tăng tướng Quán Âm thời xưa do Ngô Bào từ vẽ, còn bức tượng kia thù Tống Tử Quán Âm. Tấn Phương nhớ lại giấc

mộng đêm qua đã nhìn thấy hình tượng hai Đại Sĩ đã cũ hư nên vô cùng mừng rỡ, biết là Bồ tát thương mình thị hiện nên vội đem tiền của mượn thợ làm lại thành hai pho tượng mới, rồi đưa đến Am Nguyệt Tinh ở đồng xóm thờ phụng. Thời gian hơn một năm sau đó, Tấn Phương lại nằm mộng thấy hai vị Đại sĩ trước đây đến nói rằng: “Chúng ta sẽ đi nơi khác, không ở Am Nguyệt Tinh nữa”. Tấn Phương tỉnh mộng thức dậy trong lòng rất lo lắng, chờ đến sáng đến Am Nguyệt Tinh xem thử thì thấy hai pho tượng quả nhiên bị để vào một bên vách, lập tức kính thỉnh mang về nhà, để thờ nơi Tịnh thất của mẫu thân mình là Tống Phu nhân. Hàng ngày đứng hầu bên hai pho tượng mà trì niệm Thánh hiệu Tây phương A Di Đà và các Kinh chú, chiêm bái cúng dường hai pho tượng Đại Sĩ không ngày nào bỏ qua. Một ngày nọ, trên viên gạch trong tịnh thất bỗng hiện Tăng tướng Quán Âm Đại Sĩ giống hệt bức tượng của Ngô Đạo Từ họa. Ba ngày sau lại hiện lên bức tôn tượng Quán Âm Tống tử có Thiện tài Long nữ trước sau đồng xuất hiện. Bức tượng Tướng Quán Âm hiện trên viên gạch có kim dung rực rỡ nên Tống Phu Nhân thấy thế vô cùng vui mừng, từ đấy đối với Tịnh nghiệp tinh tấn gấp bội hơn trước. Lúc phu nhân sắp lâm chung thì gọi các con đến cạnh khuyên bảo: “Các con mãi mãi phải tròn bổn phận nhân đạo, đừng tranh giành tài sản với nhau như người thế tục, nên gắng noi theo Mẹ, kính trọng Tam Bảo, tinh tấn niệm Phật và tu tập pháp lành. Giờ phút này Mẹ được về Tây phương Cực lạc là một phước báu lớn không gì so sánh được nên các con nên cùng nhau, đồng xưng niệm Thánh hiệu Từ phụ A Di Đà để đưa Mẹ về Tây, đừng như người thế tục si mê khóc than kể lể.” Dứt lời, Phu nhân kính cẩn chấp tay lên trán, nhất tâm niệm Phật và trì tụng thần chú mình thường trì tụng. Xung quanh mọi người đều ngửi thấy mùi hương ngạt ngào khắp trong thất, sau đó Phu Nhân ra đi trong tiếng niệm Phật của con cháu. Bấy giờ là vào lúc niên hiệu Càn Long năm thứ 57 nhà Thanh, vào ngày Đoan Ngũ tháng 5 năm Nhâm Tuất, Phu Nhân hưởng thọ 54 tuổi. *(Trích Nhất Hạnh Cư Tập)*

19. Triều nhà Thanh năm Mão, Cảnh Trí Đạo Nhon, người họ Ôn là một nữ Phật tử đặc biệt trong giới Phật giáo triều nhà Thanh. Bà về sống với Lý Cảnh Hy đến năm 26 tuổi thì góa chồng. Sau khi Cảnh Hy thệ thế, Cảnh Trí Đạo Nhon tự ngộ mình có túc phước nên không bị trần lao triền phược, Bà phát tâm xuất thế nên đến chùa bái thỉnh Cao tăng truyền trao giới Bồ tát. Sau khi thọ đại giới, Bà luôn đem Phật pháp dẫn dắt tất cả người trong làng xóm và những chúng hữu duyên. Đạo Nhon khuyến hóa rất đông người, số người thâm tín thực hành theo Bà trên ngàn người. Đạo Nhon từng chích máu nơi lưỡi để chép các kinh Pháp Hoa (1 bộ), Kinh A Di Đà (1 quyển), Phạm Võng Giới Bồ Tát Bản (1 quyển). Lúc 30 tuổi, Bà bị bệnh kiết lỵ kéo dài không

dứt. Đến một ngày nọ, Bà cố gắng ngồi dậy, tắm gội sạch sẽ rồi mặc Tịnh Y vào, ngồi kiết già chuyên tâm niệm Phật và thệ thệ. Bấy giờ là vào niên hiệu Càn Long năm thứ 49 nhà Thanh. Ba năm sau có một cô gái họ Hà ở cùng xóm với Bà bị bệnh nhiệt. Lúc bị bệnh hành hạ mê man thì thấy có một nhóm người cầm đèn và chiếc kiệu lớn đến khiêng mình đến nơi một cung điện nguy nga, trong ấy có một vị vương gia mặt xanh ngồi chính giữa, tả hữu có nhiều tiểu quý theo hầu, tất cả đều cầm chìa ba bằng thép và chùy đồng. Vị Vương gia đó phán bắt cô gái họ Hà này lại và dùng chùy đánh. Trong lúc kinh hãi chưa biết làm sao thì Cô nhìn thấy từ phía bên trong bảo điện, có một vị đạo nhân đứng chính giữa, kim đồng ngọc nữ cầm tràng phan bảo cái đứng hầu hai bên đang từ từ bước ra. Đạo nhân này không phải như người thường vì Ngài đi cách đất chừng một trượng, đầu đội mũ xanh, thân mặc y diều, tay cầm phát trắng, chân mang vân hài, hình tướng đoan nghiêm thanh tịnh không ai sánh kịp. Cô gái ấy nhìn kỹ lại thì đạo nhân đó không ai xa lạ chính là bà họ Lý ở cùng xóm ngày xưa, chỉ có khác là hình tướng của Bà giờ đây quá trang nghiêm, đẹp đẽ khác hẳn lúc sanh tiền nên không nhận ra ngay. Bà họ Lý thấy tiểu qui bắt cô gái lại định đánh thì vội ngăn lại bảo: “Thôi! Thôi!”. Vương gia nghe thấy, tức tốc truyền lệnh ngưng và phóng thích Cô. Đoạn Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân bà họ Lý, xong rồi quỳ trước mặt Bà và thưa rằng: “Con xin thành kính vâng lời”. Bà họ Lý đó bèn đưa tay dắt Cô vào trong nội điện. Khi vừa bước vào trong thì thấy cảnh tượng vô cùng trang nghiêm, không sao tả được, ánh quang minh rực rỡ, bàn ghế, chiếu niệm đã trải sẵn rất chỉnh tề, trên bàn hương án có cúng dường kinh Phật. Bà họ Lý truyền lệnh đem trà ngon, trái cây quý ra đãi cô. Trái ấy giống như trái Tần bà, mùi vị ngon ngọt, thơm ngát. Bà hỏi: “Con có biết trái ấy ở đâu không?” Nói rồi tự trả lời: “Ta mang từ Tây phương đến đó”. Sau khi cho Cô ăn và uống trà xong thì dắt Cô đi quan sát cảnh giới địa ngục. Trong lúc đi xem, bà nắm tay và giảng giải Phật pháp cho Cô nghe rất nhiều nhưng Cô chỉ còn nhớ những điểm chính như Thân người khó được, khác nào như đất dính móng tay nên phải cố gắng trì trai, giữ giới, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tây phương. Sau đó Bà bảo Cô mau trở lại dương thế và nhớ lời Bà khuyên nhủ. Những điểm cần yếu Bà dạy là gái lớn lên tốt nhất không nên lấy chồng, ráng ăn chay niệm Phật cho chuyên, cần nhất là giữ ý nguyện về Tây phương, và ngoài việc niệm Phật thì nên kính tụng Kinh, trì Chú. Bà bảo: “Khi giờ ngày đến thời Ta sẽ đến nghinh tiếp con, con nên cố gắng”. Dứt lời, Bà bảo Cô lên kiệu ngồi rồi sai người đưa về, trong chốc lát thì Cô liền tỉnh cơn hôn mê. *(Trích Nhất Hạnh Cư Tập)*

20. Hồ Thị Nữ là người ở Hồ Châu, Bà về sống với người họ Phan ở Hàng Châu. Ông họ Phan này là một Phật tử biết ăn chay trường niệm Phật

từ lúc thơ ấu. Khi kết hôn với Ông, Bà thấy chồng như vậy nên cũng phát nguyện trường trai, niệm Phật. Sống với nhau một thời gian ngắn thì Ông bị bệnh qua đời. Từ đó, Thị Nữ sống một mình cô quạnh trong một căn nhà cao rộng, hàng ngày nhìn lên bốn bức vách điêu hiu thê thảm, nên Bà tình ngộ cuộc đời như huyễn mộng. Bà từ bỏ phấn son, nhưng lụa, mỗi ngày chỉ bỏ ít tiền mua đậu hủ, rau trái ăn cho qua bữa nhưng không thấy đói. Trong nhà Bà có thờ Quán Âm Bồ Tát, hàng ngày đều lễ bái xưng niệm, cúng dường và tụng Kinh trì Chú. Bà đến chùa Quy y và được cho pháp danh là Tịch Niệm. Lúc trước khi phát tâm tu hành thì dù ở trong cảnh nhà giàu sang, Bà vẫn đi làm các công việc nữ công để kiếm thêm tiền, nhờ vậy mà dành dụm được một số tiền. Nay Bà bèn đem hết số tiền này cúng dường chư Tăng và sắm một cái khánh, đem gởi ở nhà người khác. Vào niên hiệu Khang Hy, triều nhà Thanh, vào ngày 15 tháng 6 năm Tân Mùi, Bà nhờ người đến lấy khánh đem về, lại bái thỉnh Linh Phong Hòa thượng đến chứng minh cho lễ hòa thiêu mình. Hàng Phật tử tại gia tất cả mọi người có đến vài trăm người đến tiễn đưa Bà. Mọi người đều đồng ngợi khen là chuyện hiếm có trên thế gian. Bấy giờ Thị Nữ đúng 41 tuổi. *(Trích Khoán Viên Tân Chí)*

21. Triều nhà Thanh, Viên Giản Trai từng thuật lại câu chuyện như sau: Bà nội của Tôi là Sài Thái Phu Nhân ngày còn sống thường hay kể cho tôi nghe chuyện về bà ngoại của Bà là Dương Thị, dù tuổi đã già nhưng không có một đứa con bên cạnh vì tất cả đều đã chết, nên ở với một đứa cháu gái bà con xa tên là Hồng Phu Nhon. Đến năm 97 tuổi thì Dương Thị thệ thệ. Lúc sanh tiền, Bà thường sống trên lầu cao, trong đó có thờ Thánh Tượng Quán Âm Bồ Tát, hằng ngày lễ bái xưng niệm cúng dường rất chí thành và tụng kinh niệm Phật không hề gián trở. Trải qua thời gian 30 năm không một lần bước chân xuống lầu, tánh tình Bà nhu hòa, hiền thiện. Trước khi thệ thệ, Bà bảo đem bồn đến để rửa chân. Khi người hầu đem thùng gỗ vẫn dùng thường ngày đến cho Bà thì Bà bảo: “Không được! Vì lần này Ta đi sẽ đạp trên liên hoa, con mau mang thao bằng đồng rửa mặt đến đây cho Ta dùng”. Rửa chân xong thì mùi hương chiên đàn ngào ngạt xông khắp cả tầng lầu, Bà kiết già đoan tọa và thệ thệ. Diệu hương ấy trải qua ba ngày đêm mới tan hết. *(Trích Tân Tế Hải)*

22. Lưu Sùng Khánh là người thường trì chú Chuẩn đề trong Tịnh thất của Ông tu hành, do đó Ông thường thấy bạch hào quang phóng vào Tịnh thất, và thấy thân tướng của Đức Đại Chuẩn đề hiện đến. Lúc sắp thệ thệ, thân Ông không bệnh khổ, tâm thần minh mẫn, lại thấy Quán Thế Âm Bồ Tát đưa ra một vật giống như mãn nguyệt, biểu thị ý tiếp dẫn. Sùng Khánh thành kính tụng Chú Đại bi ba biến vừa xong thì an nhiên thệ thệ. *(Trích Quảng Tín Phủ Chí)*

23. Triều nhà Thanh, có Ni sư Phật Kỳ, lập nguyện tạc tượng Tây phương Tam thánh bằng gỗ chiền đàn, với bệ cao 8m. Hàng năm, Ni sư đều kiết tập lập hội niệm Phật, đốc xuất ni chúng và các Phật tử tại gia tham dự vào hội niệm Phật rất đông. Trước khi thệ thế ba ngày, Ni sư thấy Quán Âm Bồ tát hiện thân có hai đồng tử hầu hai bên tả hữu. Lúc ấy, có người nói ngửi được mùi thơm hoa cúc nhưng Ni sư Phật kỳ nói không phải, đây là mùi thơm của thanh liên hoa, dứt lời thì Ni sư vui vẻ niệm Phật mà viên tịch. *(Trích Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

24. Triều nhà Thanh, có một nữ Phật tử là người họ Hàng, pháp danh là Thiện Ích, chuyên thực hành Đại bi sám pháp và lễ Kinh Hoa Nghiêm 2 bộ. Lúc tuổi già, Bà chuyên trì tụng Chú Đại Bi và niệm Thánh hiệu A Di Đà, cầu nguyện vãng sanh Tây phương. Một ngày nọ, Bà bị bệnh nhẹ thì thấy Quán Âm Đại Sĩ hiện thân. Bà bảo đứa con gái rằng: “Phật phóng quang minh khắp trong nhà con có thấy không?” Cô con gái đáp rằng: “Dạ, Con không thấy.” Bà lại dặn dò: “Con ở lại cố gắng noi theo gương Mẹ, chuyên cần tu tập và chuyên tâm niệm Phật cầu về Tây phương. Thôi Mẹ đi đây!” *(Trích Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

25. Triều nhà Thanh có bà lão họ Nghê, pháp danh là Hiếu Chơn là người ăn chay niệm Phật đã nhiều năm. Nhà của Bà nghèo, chật hẹp nên không có nơi thờ Phật nhưng ở một nhà trong thôn có thờ Thánh tượng Quán Âm nên mai chiều Bà đều đến nơi ấy, xin cho được đánh lễ Bồ tát và chí thành xưng niệm Thánh hiệu Bồ Tát. Thời gian sau, Bà thường mộng thấy Thánh tượng Bồ tát mà mình chiêm bái lễ tụng hàng ngày. Đến lúc già, Bà bị bệnh nhẹ rồi gọi đứa con trai đến nói rằng: “Mẹ thấy Bồ tát đến gọi Mẹ, bảo đi, vậy là thời điểm vãng sanh của Mẹ đã đến. Con ở lại mạnh khỏe, gắng siêng niệm Phật.” Đứa con thưa: “Thưa Mẹ! Nếu Bồ tát đã giáng lâm, con xin đi chợ mua ít trái cây để cúng dường Ngài và Mẹ.” Bà liền nói: “Con có ý ấy cũng tốt nhưng Mẹ sợ là không kịp.” Đứa con nói xong, liền vội vã chạy đi mua trái cây nhưng khi về đến nơi thì Bà đã kiết già tạ thế. *(Trích Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*



THIÊN THỨ NĂM

RỘNG KHẮP KHUYÊN RẪN



1. Triều nhà Lương, Phật tử Lưu Tề là một người rất có chí hướng. Tuy sống trong gia đình nghèo thiếu nhưng Ông là người con chí hiếu, học hành siêng năng không chịu lùi bước. Ông cùng với em trai ngày đêm chịu khó đèn sách, dùi mài kinh sử, rộng thông tất cả các sách. Vào niên hiệu Thiên Giám nhà Lương, Ông ra làm quan trông coi hai ấp lớn. Vốn là người có tâm tính nhân từ, thương dân như con nên Ông nổi tiếng là vị quan nhân đức vào thời ấy. Lúc Ông 50 tuổi thì Mẹ Ông là Minh Thị bị một cơn bệnh nặng, ngày Ông lo việc quan, tối đến lại lo cơm cháo thuốc thang cho Mẹ, đến nỗi không còn lúc nào rảnh để vá lại chiếc áo mình mặc. Trải qua thời gian bảy tuần lễ, Ông phát nguyện tụng Kinh Phổ Môn vạn biến, cầu nguyện cho Mẹ qua hết bệnh trạng và được tăng thêm tuổi thọ. Một đêm nọ, Ông nằm mộng thấy một vị Tăng đến bảo rằng: “Mẫu thân của Ngài đã tận số nhưng do tâm chí thành khẩn thiết của Ngài nên sẽ sống thêm được 60 ngày nữa mới tạ thế.” Đúng như lời Tăng nhân mách bảo, mẫu thân Ông sống lại thêm hai tháng thì tạ thế. Ông bèn từ quan, xây một cái chòi tranh bên mộ của Mẹ, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, nguyện cầu cho Mẹ được siêu sanh Lạc quốc, ngày ngày đều có một cặp bạch hạc quần quít bên chòi tranh của Ông. *(Trích Lương Thư)*

2. Triều nhà Minh, Bành hiếu Từ Hữu Nguyên tự Tín Vũ là người ở Ích Dương tỉnh Hồ Quảng. Ông phát tâm tin kính Tam Bảo từ lúc thơ ấu, hàng ngày thường trì tụng Kinh Phổ Môn và Chú Đại bi để cầu nguyện cho song thân được tăng tuổi thọ. Một ngày nọ, phụ thân Ông bị trọng bệnh, Hữu Nguyên bèn cắt thịt cánh tay để làm thuốc điều trị cho phụ thân lành bệnh, nhờ đó phụ thân Ông sống thêm được 10 năm nữa. Sau khi cha chết, Ông thờ Mẹ chí hiếu. Sống trong cảnh gia đình túng thiếu nhưng Ông luôn cố gắng làm thuê làm mướn, kiếm tiền để mua món ngon vật lạ dâng lên cho mẹ hàng ngày. Đến niên hiệu Sùng Trinh, mùa Thu năm Bính Tý, mẫu thân Ông lâm trọng bệnh, bệnh liệt giường không ngồi dậy nổi, lại bị lở loét ung nhọt ăn lũng bàn tay, đau nhức rên la thảm thiết. Hữu Nguyên nhìn thấy cảnh tình này nên trong lòng buồn rầu không xiết. Một đêm, Ông nằm

mộng thấy Quán Âm Đại Sĩ mách bảo: “Thọ số của mẫu thân người sắp hết, chứng bệnh đang phải thọ khổ đó không có phương thuốc nào trị lành, ngoại trừ phải ăn gan người thì bệnh mới mong qua khỏi.” Sáng hôm sau Ông đến thăm Mẹ thì Bà bảo muốn ăn món gan dê. Hữu Nguyên bèn thưa: “Thưa Mẹ, đây là sự việc Bồ tát có dạy con trong giấc mộng đêm qua, xin Mẹ cứ yên tâm, để con đi tìm món ăn này dâng lên cho Mẹ”. Ông nói xong thì từ giã Mẹ ra khỏi phòng rồi đi đến trước bảo tọa Quán Âm, chí thành lễ bái rồi bạch rằng: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, Bồ Tát đã thùy từ chỉ dạy cho con, cầu xin Bồ tát chứng minh gia hộ cho con, con nguyện tự mổ gan mình để cứu cho Mẹ con khỏi bệnh.” Đêm ấy, Ông nằm mộng thấy Quán Âm Bồ tát cùng với các Thánh hiền ngự trước mắt mình, lại thấy có vô số chúng cầm tràng phan, bảo cái theo hầu. Ông giật mình tỉnh giấc thì toàn thân toát mồ hôi như nước, bèn đi tắm rửa sạch sẽ rồi vào trước Phật đài đánh lễ, sau đó trở về nơi nghỉ, rồi dùng dao tự rạch bụng chỗ có là gan. Vì quá đau đớn nên Ông ngất đi một hồi lâu. Khi tỉnh lại, Ông gọi vợ bảo: “Bà hãy đem lá gan này chưng cho thật kỹ rồi dâng cho mẫu thân.” Người vợ vâng lời, đem dâng món gan cho Mẹ chờng mình ăn. Bà Mẹ không biết tưởng là gan dê nên vui vẻ dùng món ăn thì quả nhiên lành bệnh. Sự việc này sau đó được đồn khắp nơi, nên xa gần người người đều cảm động rơi lệ tán thán, nhiều người đến thăm Ông nhìn thấy vết thương quá lớn đều nghẹn ngào, họ đến trước bảo tọa của Đại Sĩ cầu đảo cho Ông. Tuy bị trọng thương nhưng tinh thần của Hữu Nguyên vẫn an ổn như thường. Đêm ấy, Ông lại mộng thấy Đại Sĩ hiện thân và bảo rằng: “Lá gan và vết thương của hiếu tử con muốn mau lành không khó, nhưng vì đây là thời mạt pháp, thế gian kẻ nhân hiếu hiếm có nên Ta muốn để vết thương này sẽ tự lành trong 100 ngày, để cho tất cả thế nhân đến xem mà phát khởi tâm hiếu đạo phần nào. Qua thời gian 100 ngày, vết thương con sẽ tự bình phục lại bình thường như trước đây.” Sự tích trên đây là do Tiến sĩ Vương Văn Nam tự ghi lại rồi mượn người chép ra và in ấn thành bản rất nhiều, phát cho dân chúng để mong mọi người học theo hạnh hiếu đạo của Hữu Nguyên. *(Trích Quán Thế Âm Trì nghiệm ký)*

3. Triều nhà Minh, có Phật tử tên Ngô Chương ở huyện Ngô Giang, tỉnh Giang Tô, lúc mới lên 11 tuổi thì phụ thân đã tạ thế. Ông sống với người mẹ trẻ là Lục Thị. Ngày ngày cấp sách đến trường và chuyên tâm lo học hành vì mọi việc đã có mẹ lo. Nhờ gia đình Ông cũng khá giả nên cuộc sống cũng không có gì khó khăn. Nhưng thế sự vô thường. Vào niên hiệu Vĩnh Lạc, năm Quý Mão, triều đình ban sắc lệnh tuyển dụng tất cả sương phụ đưa vào triều nội, nên Ngô Chương đã mất cha, giờ đây lại mất thêm Mẹ. Đến niên hiệu Tuyên Đức nhà Minh năm Bính Mùi, Lục Thị vì không thể trái lệnh của triều

đình nên theo họ Vương về nhậm chức tại tỉnh Quảng Đông. Ngô Chương nghe tin thì quyết đi tìm Mẹ cho kỳ được. Ông thuê một chiếc thuyền lớn để đi đến xứ Quảng. Trên đường đi, Ông lập bàn thờ cúng dường Quán Âm Đại Sĩ, ngày đêm lễ bái xưng niệm cầu đảo, mong Bồ tát từ bi gia hộ cho chí nguyện được thành tựu. Không may là lúc trên ghe, Ông mắc phải chứng bệnh kiết lỵ rất nặng. Trong cơn mê, Ông vẫn mặc niệm Thánh hiệu Quán Âm, có khi gọi Mẹ không dứt. Trên thuyền có vị Tăng là Uẩn Không, thấy Ông bệnh nên hết lòng điều trị, Ông nhờ đó mà được lành bệnh. Khi thuyền đến nơi, Ông tìm đường đến dinh của quan tỉnh mà hỏi thăm thì được biết họ Vương đã đổi đến Nhiêu Châu làm tri phủ. Đường đi đến Nhiêu Châu lại vô cùng gian nan vì không có phương tiện nào đến đó. Ngô Chương lại tự mình trèo núi, băng sông, khi đi bộ qua một bãi sa mạc thì hai chân Ông bị phỏng nứt hết không thể đi tiếp được, Ông tìm được một ngôi chùa trong một làng nọ để xin nghỉ trọ nơi hành lang và may mắn được một Tiên đạo nhân cho thuốc xức lành. Ngô Chương lại tiếp tục lên đường, lúc băng qua một ngọn núi thì lại bị rắn độc cắn, đôi chân thối rữa nên phải nằm lại trong đường núi, may thay được vị Tiên nhân trước đây tìm thấy và cứu chữa, Ông lại tiếp tục đi xuống núi thì gặp được một ngôi làng lúc trời tối. Ông ghé vào một ngôi nhà tranh xin tá túc. Khi vừa nằm xuống nghỉ, thì bỗng đâu bọn người đến cướp nên Ông chống cự, lao ra khỏi nhà, gặp tiết trời Đông lạnh giá, tuyết rơi dày khắp nơi nên Ông phải lết trên tuyết. Được một đoạn, nhìn thấy một ngôi miếu cũ nên Ông ghé vào tá túc. Đêm đó Ông lại mộng thấy vị đạo nhân trước kia đến bên an ủi: “Con vì tìm Mẹ mà quên thân mình, thật là một người gan đồng dạ sắt. Trời sẽ không phụ tấm lòng chí hiếu và những gian khổ của con. Ta chắc chắn con sẽ sớm được gặp lại Mẹ.” Dứt lời, vị đạo nhân lấy trong túi ra chiếc bánh cho Ông ăn đỡ đói lòng. Khi trời gần sáng, Ngô Chương lại vội vã lên đường. Đi đến khi quá mệt thì mới hỏi được đường đến phủ họ Vương, biết Mẹ Ông hiện có ở trong phủ này nên ngày ngày Ông đến khẩn cầu, lạy lục xin cho Mẹ được về nhà để mình trọn đời phụng dưỡng nhưng Quan phủ không đồng ý. Không biết phải làm sao nên Ngô Chương bèn thuê một gian phố phía Đông của Phủ quan, chính giữa nhà viết hai chữ lớn “Từ Thân” bên cạnh là hai câu đối: “Vạn Lý tâm thân lịch, bách gian nan vô hối. Nhứt triệu kiến mẫu, thệ cừu từ dĩ hà tử” nghĩa là “Muôn dặm tìm Mẹ, chịu đủ gian nan nào có hối. Sớm mai thấy Mẹ, chín lần bị giết cũng không từ.” Vương Công nghe được câu chuyện, cảm động ngợi khen nên ưng thuận lời yêu cầu của Ngô Chương. Từ đó, hai mẹ con được gặp nhau và Ngô Chương được suốt đời phụng dưỡng Mẹ như ước nguyện. Dân chúng ai nghe chuyện của Ngô Chương cũng đều khen ngợi tấm lòng chí hiếu của Ông đã cảm đến lòng từ bi của Quán Âm Bồ tát nên Ngài đã nhiều lần hiện thân để gia hộ cho Ông. *(Trích Tiên Tân Lục)*

4. Triều nhà Minh, Châu Đức Trinh, người Lư Giang là con gái thứ ba của Quan Tể Tướng Đại thần. Từ thuở bé, nàng đã được sự dạy dỗ của gia đình nên là một người con chí hiếu và giữ gìn đức hạnh trinh tiết không ai bì được. Lúc được 8 tuổi, cha mẹ hai bên gia đình hứa hôn, gả nàng cho con của Nghi Vệ Đại Thần Vương Đình Khanh là Trọng Hiền. Không may, đến lúc 10 tuổi thì Trọng Hiền bị bệnh qua đời. Đức Trinh nghe tin thì phát nguyện ăn chay trường, mặc áo vải thô, mượn thợ vẽ Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ để thờ, mai chiều hương khói lễ bái tụng kinh niệm Phật, cầu nguyện cho chồng. Lúc đến tuổi cập kê, có một công tử trong vùng đến cầu hôn nhưng Đức Trinh đến trước song thân chấp tay thưa rằng: “Con gái cha mẹ đã là vợ của họ Vương, từ ngày được tin Trọng Hiền thệ thê, con đã thề sẽ không tái giá.” Cha mẹ Cô vừa nghe xong, nổi giận đánh mắng Cô thậm tệ, nhưng Đức Trinh vẫn cương quyết không thay đổi, Cô lại phát thệ rằng: “Con không thể kết hôn với người sống mà lỗi đạo với người chết, nếu cha mẹ cho là trái lệnh phụ mẫu, ra lệnh giết chết thì con cũng cam lòng chịu chết.” Phát thệ xong thì Cô tuyệt thực nhiều ngày liền, cha mẹ Cô thấy vậy sợ Cô chết nên không bàn đến việc hôn nhân nữa. Niên hiệu Thiên Khải, nhà Minh, vào mùa thu năm Tân Dậu, đến ngày mãn tang Trọng Kiên, Đức Trinh đến lễ bái song thân rồi vào Tổ miếu dâng hương lễ bái ông bà tổ tiên, đến ngày 29 tháng 8, Cô về nhà họ Vương, mặc áo vải thô, tay cầm gậy làm lễ mãn tang cầu siêu cho chồng. Sau lễ cầu siêu, Cô đến chùa xin Thầy truyền trao Tam quy ngũ giới, rồi về nhà dọn dẹp thành ngôi Tịnh thất trang nghiêm thờ Tây phương Tam Thánh. Mỗi ngày hai thời, thời khóa sáng thì tụng kinh Phổ Môn và Chú Đại Bi, niệm Phật còn thời khóa chiều thì tụng Kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật,... Đức Trinh xưa kia nổi tiếng là nữ sĩ giỏi về thi văn nhưng bây giờ thệ bỏ hẳn. Mỗi năm, đến ngày giỗ của Trọng Hiền, Cô lại lo chuyện cúng tế rất chu đáo, từ trái cây phẩm vật cúng dường Tam bảo, đến tụng kinh niệm Phật từ sáng đến tối, nhất nhất nghi tắc không sai. Cha mẹ chồng thấy nàng dâu như vậy thì vô cùng cảm động nên đều nguyện trường chay niệm Phật. Sự ăn uống hàng ngày của cha mẹ chồng đều do tự tay Cô nấu nướng đem dâng. Lúc hai ông bà bị trọng bệnh, Cô đến săn sóc, vấn an rất kính cẩn và chu đáo. Năm Giáp Tý, phụ thân của Đức Trinh lâm trọng bệnh, Cô nguyện cắt bắp thịt ở chân để làm thuốc cho cha uống. Đêm ấy, phụ thân của Cô nằm mộng thấy Đại Sĩ đến dạy rằng: “Người nhờ có đứa con gái chí hiếu nên bệnh sẽ được lành hẳn và còn sống lâu nữa.” Thời ấy, người ở Hương Giang từ quan đến dân, ai ai cũng ngợi khen tấm lòng chí hiếu và đức tiết trinh của Đức Trinh. (Trích Quán Thế Âm Trì nguyện ký)

5. Triều nhà Thanh, có một người đàn ông họ Huỳnh là người ở xứ Sở Bắc, ưa thích tu tập thiện pháp, lại là người con chí hiếu. Ông sống trong

cảnh nhà thanh bần, làm nghề giáo, dạy trẻ con trong làng. Tuy đã đến tuổi lục tuần nhưng bên cạnh chỉ có đứa con gái nhỏ 14 tuổi. Đứa bé gái này rất hiền từ lại có trí huệ vì từ lúc nhỏ đã được theo Cha đọc sách Thánh hiền. Cô từng mua chỉ tơ về thêu bức tranh Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát để thờ cúng. Hàng ngày, Cô lễ bái xưng niệm rất chí thành. Một đêm nọ, Cô nằm mơ thấy Đại Sĩ dạy rằng: “Tự Cô! (tên gọi của đứa con gái duy nhất nối dõi tông đường trong nhà) Cha của con là người hiền đức, chí hiếu nên Ta không nỡ để cho tuyệt tự. Vậy nay Ta muốn đem thân con biến thành một nam tử.” Dứt lời thì Bồ Tát đưa cho Cô một bình thuốc hồng và bảo Cô uống. Sau khi uống xong, Cô cảm nhận có một luồng nhiệt khí từ ngực chạy xuống đến bụng, rồi bắt đầu hôn mê và ngủ suốt bảy ngày. Khi thức dậy, Cô thấy khỏe khoắn nhưng chỉ có điều lạ là thân nữ giờ đã biến thành nam nhi. Cô vừa thẹn thùng, vừa cảm động vui mừng vì biết việc này là do thần lực bất khả tư nghi của Bồ tát muốn cho cha mình có người nối dõi. Vì vậy, tín tâm của Cô với Tam bảo càng sâu nặng, tu hành càng đông mãnh tha thiết hơn. (Trích Vạn Ngọc Sơn Phòng Bút Ký)

6. Triều nhà Thanh, Mẫn Trinh tự là Chánh Trai, người ở Quảng Tế, tỉnh Hồ Bắc là người hiền lương và chí hiếu, cha mẹ đều đã tạ thế từ lúc còn nhỏ. Khi lớn lên, vào một dịp cuối năm đến ngày trừ tịch, mọi người đua nhau dọn dẹp nhà cửa, sửa sang bàn thờ, đem hình tượng của ông bà, cha mẹ lên bàn thờ để cúng tế. Chánh Trai nhìn thấy nên sụt sùi giọt lệ, lòng đau đớn vì không được nhìn thấy di dung của cha mẹ. Nhiều người thấy thế cũng cảm động thương tâm, có người bảo rằng: “Các nhà vẽ chân dung có pháp tri dụng, vậy ông nên tìm những người còn sống, mặt mũi, thân thể ốm gầy, cao thấp tương tự với song thân mình trong lúc sanh tiền, có thể lấy những người ấy làm mẫu để vẽ chân dung thì chắc cũng có thể phảng phất được”. Nhưng các nhà vẽ chân dung trong nước không có ai có điệu xảo, vì vậy Chánh Trai quyết lòng đi học họa miêu thần nhiếp sắc. Nhờ gắng công học hỏi, chỉ trong một năm thì Ông nắm được diệu xảo trường khung. Sau khi học nghề thành công, Ông liền mai chiểu đối trước Quán Âm Đại Sĩ, chí thành lễ bái cầu đảo, mong sao gặp được hai người tương tự như cha mẹ mình. Trong ý nghĩ của Chánh Trai cho rằng người trong trời đất này không lẽ không có một đến hai người tương tự với cha mẹ mình. Ông cầu xin Bồ tát từ bi dùng thần lực mách hộ, xui khiến cho người ấy đến trước mặt mình để làm người mẫu cho mình họa hình tượng cha mẹ. Dân chúng trong làng nghe nói, ai nấy đều cười chê cho là điều ngu ngốc, thậm chí có người còn tìm cách gạt Ông bảo rằng: “Chánh Trai ơi! Vừa rồi Tôi thấy có hai ông bà xách giỏ chống gậy, giống hệt với hình dáng của Ông bà song thân Anh lúc sanh tiền. Tôi có hỏi thăm thì nghe hai Ông bà ấy nói vì có duyên sự

phải đến Kinh Như, mà lộ trình từ đây đến đó không xa lắm, Anh có thể theo kịp để rước về nhà làm mẫu mà họa hình song thân.” Chánh Trai vui mừng, tin rằng đó là sự thật nên bỏ mọi duyên sự, sắm sửa hành trang cất bước lên đường. Một ngày đêm đi hơn 200 dặm mới đến Kinh Như, hai chân bị sưng phồng lên không đi được nữa thì bỗng nhiên gặp được hai ông bà già giống hệt song thân mình. Ông cúi đầu chào và năn nỉ rước hai ông bà về nhà, hai ông bà lão vui vẻ ưng thuận. Về đến nhà, Ông lo cơm nước cho hai ông bà lão dùng, xong rồi ngồi nghỉ. Lúc bấy giờ, Chánh Trai mới đem việc mình cầu xin Bồ Tát giúp và đến giờ phút này Bồ Tát thương xót, minh gia cho mình được toại nguyện, kể cho ông bà nghe. Hai ông bà bèn đồng ý lưu trú lại đó một thời gian ngắn. Sau khi Chánh Trai họa xong chân dung, thì hai ông bà nói trên bỗng nhiên biến mất. Tất cả bộ lão trong vùng trông thấy hình vẽ đều ngợi khen là giống hệt cha mẹ của Chánh Trai. Trong xóm làng, già trẻ lớn bé đều muôn miệng đồng lời, xưng tán ngợi khen và cho rằng do tâm chí hiếu của Chánh Trai mà cảm đến đức từ của Bồ tát minh gia nên được sự linh dị như thế. *(Trích Mộng Hán Tập Trước)*

7. Triều nhà Thanh có người thiếu phụ ở xứ Quảng, tỉnh Hồ Bắc, người chồng vì tìm kế sanh nhai phải đi xa xứ. Lúc ấy trong gia đình chỉ còn có hai người là mẹ chồng và nàng dâu. Gia đình đã nghèo thiếu giờ càng bất hạnh hơn vì bà mẹ chồng mắc phải chứng bệnh nghẹn, chẳng những cơm ăn không được mà hớp nước cũng không vô, chạy chữa thuốc thang đều không hiệu quả. Lư Thị thấy thế hết sức buồn đau vì thuốc đã vô hiệu thì không biết lấy phương cách gì mà chạy chữa. Lúc ấy, Lư Thị nghe người chỉ bảo, bèn tự nguyện cắt thịt bắp đùi, hầm cháo dâng cho Mẹ chồng dùng, Bà ăn cháo ấy xong thì bệnh liền lành, nhưng một tuần sau bệnh lại tái phát. Lư Thị lại tiếp tục cắt thịt bắp đùi mình làm thuốc dâng cho Mẹ. Bà dùng thuốc này xong thì bệnh lành tức khắc nhưng sau một tuần thì vẫn tái phát như cũ. Lư Thị không còn biết phương cách gì nữa nên đến quỳ trước Quán Âm Bồ tát cầu nguyện, xin đem thân mình thay thế cho mẹ chồng, nhờ Bồ tát từ bi gia hộ, chỉ cho phương cách cứu Mẹ. Bấy giờ, trong hàng y sĩ có một người bảo rằng: “Bệnh này không thể dùng thuốc mà trị được. Nếu có được miếng gan tươi của người sống thì mới có thể trừ tiết bệnh căn.” Lư Thị hớn hờ tin theo, lập tức lén dùng dao bén mổ dưới hông mình, lá gan lòi ra ngoài chừng vài tấc thì lập tức cắt đi. Nhưng vì qua đau đớn nên Lư Thị té nhào xuống đất ngất đi. Trong lúc bất tỉnh, nàng mơ màng thấy Quán Âm Đại Sĩ vuốt ve trên thân thể nàng mà nói rằng: “Khổ lắm phải không con?” Dứt lời, Ngài dùng hoàng thuốc phết lên chỗ bị thương. Lư Thị liền tỉnh lại, đem miếng gan đi chưng cách thủy và dâng cho mẹ chồng ăn. Sau khi Bà ăn món thuốc này thì bệnh lành hẳn,

không còn tái phát nữa. Sau khi bệnh đã khỏi thì thân thể khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn. Mẹ con chung sống trong gia đình rất vui vẻ nhưng Bà để ý thấy có điều lạ là Lư Thị khi làm việc cũng như đi đứng, thường đem bàn tay đỡ nơi hông. Bà gạn hỏi nhiều lần nhưng Lư Thị vẫn không chịu đáp. Một hôm nọ, Bà tự động đến dỡ vạt áo Lư Thị lên xem thì thấy có một vết mổ rất lớn. Bà kinh hoàng hỏi duyên cớ, Lư Thị biết không thể giấu giếm nên thưa rõ tự sự đầu đuôi. Bà nghe xong cảm động kêu lớn: “Dâu hiền vì Ta mà đến nông nổi này sao con ơi, lòng Mẹ sao nở nhận việc làm ấy của con”. Sau đó Bà đem chuyện con dâu mình đã làm kể cho khắp mọi người gần xa biết. Người người đua nhau đến xem, không chỗ chen chân nhưng Lư Thị vẫn nhốt mình trong phòng kín, không chịu ra cho mọi người thấy mặt. Vì thế, mọi người thất vọng giải tán ra về. Người trưởng tộc đem việc này trình cho quan huyện Lý Quân biết nên Ông liền cho người mời Lư Thị đến để nghiệm xét sự thật nhưng Lư Thị từ khước và nói với Sứ giả của quan huyện rằng: “Kẻ hèn này nhìn nhận đã vì mẹ chồng bệnh nặng, không tiếc kiếp sống thừa của mình để làm việc ấy, nhưng không mong được biểu dương. Xin Ngài về bẩm lại với quan trên không cần phải kiểm nghiệm thực giả để làm gì.” Sứ giả trở về tâu lại, quan huyện vô cùng cảm động nên sanh tâm cung kính. Việc này sau đó được lan truyền đến tai của một vị đại quan, lập tức Ông sai người mang kiệu, cõng đi đến đón Mẹ chồng nàng dâu về tư dinh, nguyện cung cấp bảo hộ suốt đời. Từ ấy, mẹ chồng nàng dâu có nơi ăn chốn ở rất êm ấm, không phải lo đến chuyện sinh kế hàng ngày nữa. Một ngày khi nghỉ lại, Cô cảm động đến đức từ bi của Bồ tát đã gia hộ nên phát nguyện chuyên tâm vào việc tu niệm, cả hai mẹ con thực hành báii sám, niệm Phật, tụng Kinh rất tinh tấn. Gương sáng ấy đã ảnh hưởng đến cả gia đình của vị đại quan nên cả gia đình đều phát tâm kính tín Phật Pháp, lễ Phật, tụng Kinh, trì chú như mẹ con Lư Thị. Việc này xảy ra vào niên hiệu Càn Long, triều nhà Thanh, tháng sáu năm Kỷ Hợi. *(Trích Di Đà Khả Tín Lục)*

8. Tôn Phục Nho là người ở Vũ Tấn, tỉnh Giang Tô. Vợ Ông là Kim Thị, tánh tình hiền hòa lại là người chí hiếu. Thấy cha chồng là người thích thực hành những thiện sự, đặc biệt là bố thí nên gia đình từ giàu có dần dần trở thành túng thiếu, nên Kim Thị phát mãi ruộng vườn, bán hết nữ trang để chu cấp phí tổn sinh hoạt trong nhà. Năm 24 tuổi, chồng chết, nàng nguyện thủ tiết không tái giá. Bấy giờ, cha chồng 65 tuổi bị bệnh nặng, một tay Kim Thị lo lắng cơm cháo, thuốc men. Trải qua 60 ngày đêm không hề nhắm mắt mà bệnh tình của cha chồng không hề thuyên giảm, Kim Thị không còn phương cứu chữa nên đến trước Thánh tượng của Quán Âm Bồ Tát chí thành lễ bái cầu đảo, nguyện cầu xin Bồ tát gia hộ. Nàng tự cắt thịt bắp đùi của mình để làm thuốc trị bệnh cho cha chồng. Lúc ấy cha chồng đang thềm ăn bánh

bột gạo nên khi biết được việc ấy, Kim Thị bèn lấy thịt của mình xay chung với gạo để làm bánh bột gạo dâng cha. Cha chồng nàng ăn năm cái liền thì đêm ấy ngủ rất ngon giấc. Khi vừa thức giấc, Ông gọi Kim Thị lại và nói rằng: “Con ơi, chắc Cha không chết đâu vì Ta thấy trong người khỏe rồi.” Kim Thị cúi đầu chào cha chồng rồi bước ra, Ông ngủ trở lại và mộng thấy Bạch Y Đại Sĩ đến bảo rằng: “Dương số của ngươi đã hết nhưng do lòng chí thành của con dâu ngươi đã cảm đến Thiên đình nên tăng tuổi thọ cho ngươi thêm một kỳ nữa.” Quả nhiên, chỉ trong thời gian ngắn, bệnh của Ông lành hẳn và sống đến 77 tuổi, như lời Bồ tát đã dạy trong mộng là sống thêm được một kỳ nữa. *(Trích Tự cầu Tập)*

9. Triều nhà Minh, Công Tứ Tước tự Kinh Lược là người ở Thái Khương, tỉnh Giang Tô. Dù sống trong địa vị hiển vinh nhưng là người không háo sắc, hiền hòa, thích thực hành thiện sự, tất cả phạm vũ khắp nơi đều quyên góp tiền. Lúc tuổi về già, Ông mơ thấy họa sĩ dùng nước kim ngân họa Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ, rồi tự tay viết bài để cho mọi người lễ bái xưng tụng *(số lượng bài viết ấy không ghi lại là bao nhiêu)*. Con trai của Công Tứ Tước là Khâm Tiên Sinh, tên Hoành, thi đậu bảng nhãn. Cháu nội là Thời Mạnh, hiệu là Yên Khắc, là một Phật tử rất sùng kính Phật giáo. Yên Khắc là một đại quan trong triều, mỗi khi gặp nhằm năm mất mùa, dân chúng đói khát, Yên Khắc thường mở kho chẩn tế, lại tự mình xuất tiền mua gạo nấu cháo, giúp đỡ cho những người đói ăn. Bên cạnh đó, Yên Khắc còn thỉnh Văn Cốc Đại sư đến tư dinh, tuyên dương Phật pháp cho dân chúng để làm món ăn tinh thần. Lục Tiến Sĩ Doãn Thăng, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến một ngôi đại gia lam, lúc ấy có sáu người gánh đậu đến bán, trong đó có đậu nành lẫn với đậu tằm. Vị Lão tăng đứng bên cạnh nói: “Sáu gánh đậu này đều là quả lành của Yên Khắc chứa nhóm tu tập, đại thiện thì ghi bằng một hạt đậu tằm, tiểu thiện thì ghi bằng hạt đậu nành, tất cả chứa được thành sáu gánh.” Yên Khắc sanh được chín đứa con trai - đứa thứ tư tên Quí, còn đứa thứ tám tên Viên, con cháu đều đậu Tiến Sĩ. Gia tộc Ông đều là những người hiền hậu nhân đức, nên đời đời được hiển vinh. Tuy sống trong gia đình vọng tộc cao sang, giàu có sung sướng nhưng họ vẫn noi theo gương Ông cha, sùng tín Tam bảo, tu tập thiện sự, ăn chay niệm Phật. *(Trích Hiếu Quả Tùy Lục)*

10. Triều nhà Minh, Lâm Ong là người ở Phủ Hồ Châu, tỉnh Quảng Đông. Ông làm chức Điếu lại ở Hình Bộ. Công việc của Ông là xét xử những người có tội, nhưng tâm lại rất từ bi, thương xót những người bị hàm oan, bị nghi ngờ mà phải tống vào ngục. Một lần, Ông biết có người từ tội bị oan, nên tìm đủ phương cách rửa oan cho người ấy. Tình thế cấp bách Ông chẳng

biết phải làm như thế nào nên đến trước Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ, ngày đêm lễ bái cầu đảo, mong Đại Sĩ chỉ dạy cho phương pháp cứu người hàm oan. Đêm nọ, Ông mộng thấy Đại Sĩ dạy rằng: “Lời nghị của Án viên ấy thật đáng nghi, vị Hình quan ấy thẩm xét tình tiết vụ án không xác thực, cứ theo đây mà luận biện thì có thể thấy tội nhân này thật sự không có tội”. Khi trời sáng, Ông đã thay thế người hàm oan ấy viết thư tỏ bày với Quan trên thì quả nhiên, nhờ lòng Từ bi của Bồ tát gia hộ nên kẻ ấy được quan trên khoan dung phóng thích. Người ấy vô cùng cảm động thâm ân cứu mạng của Lâm Ong. Khi biết họ Lâm chưa có người kế tự thì xin đem con gái mình cho làm thiếp để tạ ơn nhưng Lâm Ong quyết liệt từ chối không chấp nhận. Người ấy không biết làm thế nào nên tìm cách tổ chức yến tiệc, phục rượu cho Lâm Ong say rồi mời vào phòng kín nghỉ, đoạn bắt con gái mình vào phòng ngủ chung. Lâm Ong no say ngủ không biết gì. Lúc tỉnh giấc thấy có một tiểu thư bên cạnh mình thì nghiêm sắc mặt quờ rằng: “Không được!”. Tiểu thư bèn thưa: “Con vâng lệnh của song thân bắt buộc.” Ông nói tiếp: “Không được. Không được”. Dứt lời, mạnh dạn bước ra khỏi nhà, từ ấy về sau không bao giờ đi ngang qua cửa nhà người ấy. Khi đến tuổi ngũ tuần thì vợ Ông sanh được một nam tử. Ông đặt tên con là Đại Không. Đứa trẻ này lớn lên học hành rất tấn phát. Vào niên hiệu Gia Tĩnh, nhà Minh năm Nhâm Thìn, Đại Không vào kinh đô ứng thí. Một ngày trước ngày thi, chủ nhân khách sạn Kinh đô nằm mộng thấy Đại Sĩ đến mách bảo rằng: “Sáng ngày sẽ có con của Lâm Ong đến ngụ tại đây, người ấy chính là tân khoa Trạng nguyên”. Quả thật sáng hôm sau, Đại Không đến mượn phòng nghỉ trọ. Chủ nhân khách sạn đem giấc mộng kể lại nhưng công tử Đại Không ngờ ngác không hiểu gì, đến ngày nêu tên lên bảng vàng thì không sai, Đại Không là Trạng nguyên tân khoa. Tân Trạng nguyên đem việc ấy về thưa lại với mẫu thân thì được Phu nhân dạy rằng: “Đây là nhờ âm đức của cha con đó.” Đại Không lúc bấy giờ là vị Trạng nguyên trẻ tuổi đương triều nhưng vẫn không quên noi theo gương sáng đức hạnh của Cha mình, nhất tâm tín kính Tam bảo. Hàng ngày, ngoài việc triều đình, thì lúc về nhà, ngày đêm Ông lễ bái thành kính cúng dường Quán Âm Đại Sĩ. *(Trích Khuyển Giới Loại Sao)*

11. Triều nhà Thanh, có Ni sư hiệu là Đăng Linh, họ Đặng, là người ở Phiên Ngôn, tỉnh Quảng Đông. Ni sư là người giữ gìn giới luật rất tinh nghiêm, đối với các thời khóa hàng ngày, không hề thiếu sót. Bà chuyên tu theo pháp môn Tịnh độ, chí nguyện thiết tha cầu vãng sanh Cực lạc thế giới, ngày đêm chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ không dứt. Ngày 23 tháng 7 năm Canh Dần, khi Bà đang lễ niệm đến lúc nửa đêm thì bỗng thấy cảm cảnh không bạn đồng tu. Bà nhìn lên bàn Phật và bốn bức tường trong Tịnh thất trong cảnh tịch mịch thê lương này thì cảm thấy tinh thần mình như

bị kiệt quệ. Khi đặt lưng xuống chiếu, lúc mơ màng thì cảm thấy trong bàn tay hình như đang có vật gì, bất giác Bà lấy vật ấy cho vào miệng rồi sau đó xòe bàn tay ra thì thấy có ba hạt rất đẹp, hình thù như châu sa. Từ đấy, Ni sư không cần ăn uống gì vẫn không thấy đói khát, tự lễ niệm Phật tinh tấn như thường ngày. Về sau Ni sư chỉ dùng chút ít bánh và thức ăn vào đúng thời, nhưng tất cả vật thực nấu nướng đều không chạm môi, da dẻ Ni sư vẫn hồng hào, thân thể khỏe mạnh, tinh thần tráng kiện hơn xưa. Ni sư an trụ nơi An nghiêm Tịnh tinh Quảng Châu, tu hành tinh tấn. Đến giờ phút cuối cùng, Ni sư an nhiên niệm Phật mà trường thọ. (Trích Quán Âm Từ Lâm tập)

12. Triều nhà Thanh, Phùng Như Kinh tự là Thu Thủy, là một người thuộc cao môn vọng tộc ở Ngạn Môn. Lúc ông nhậm chức quan Sứ ở Tây Ninh, tỉnh Quảng Đông, dân chúng nơi ấy đang nổi loạn. Sau khi dẹp yên loạn, nước nhà bình định, vị Tướng trấn nhậm nơi ấy có ý định đem những người làm loạn giết sạch. Phùng Tiên sinh bí mật vì dân, thỉnh cầu xin tha mạng nhưng Tướng quân không chấp thuận. Phùng Tiên Sinh bèn thưa: “Tướng quân nên biết, Trời đất lấy hiếu sanh làm đức, lấy chấm dứt can qua làm vũ khí. Hiện nay những kẻ nổi loạn đương nhiên là đáng tội nhưng những kẻ cầm đầu chỉ có khoảng 10 người mà thôi. Số dân liên lụy đến mấy ngàn người, trong đó có người bị uy hiếp phải theo, hoặc có người vì vô trí khờ dại, hoặc có người vì già cả, yếu đuối, cô độc quả nên họ không phân biệt được tốt xấu sai trái như lá cờ phải theo hướng gió mà phất nên bây giờ phải đồng chung số phận với kẻ chủ xướng, chịu cảnh đầu rơi máu đổ, dưới lưỡi gươm đao phủ. Chúng ta mang danh cho mẹ của dân nở nào nhìn thấy cảnh tượng như vậy thừa Tướng quân. Xin Ngài chấp thuận lời thỉnh cầu của Tôi, nếu có biến loạn lần thứ hai, Tôi nguyện sẽ đem toàn gia chịu tội”. Phùng Tiên Sinh hai, ba phen khẩn cầu thì Tướng quân ấy mới ưng thuận. Bấy giờ chỉ vài người trong bọn cường phi bị chém đầu, còn binh sĩ thuộc hạ thì bị phạt sơ sai và đi đày, còn dân chúng tất cả đều được phóng thích. Đêm ấy, Phùng Tiên Sinh nằm mộng thấy từ vân bủa khắp trong nhà, phút chốc có một người từ trên trời giáng hạ giống hệt trong bức tranh Quán Âm mọi người thường thờ cúng. Đại Sĩ tay bồng đứa trẻ bảo Phùng Công rằng: “Ông không có con nên Ta đem đứa trẻ này tặng cho Ông. “Phùng Công đáp: “Con đã có con, vì sao Ngài lại nói không?” Đại Sĩ nói: “Đứa con ấy chẳng phải con Ông, đứa trẻ này mới chính thật là con Ông”. Phùng Tiên Sinh vội đưa tay tiếp đứa bé thì bỗng nhiên có một con trâu đứng giữa ngăn lại không cho Ông bước đến trước. Đại Sĩ nói tiếp: “Ông có biết vì sao không? Vì nhà Ông ăn thịt trâu nên từ đây phải chừa bỏ tội ấy mới được.” Phùng Công ở trước Đại Sĩ phát nguyện: “Con nguyện đời đời không ăn thịt trâu nữa.” Ông vừa dứt lời, con trâu biến mất. Phùng Công tiến tới phía

trước, nhận lấy đứa bé, ôm vào lòng. Năm sau, phu nhân của Ông sanh con trai, sau này chính là Cấp Giáng Uy Vân Túc, một đại thần của nhà Thanh. Riêng về trường tử của Ông, khi đến tuổi trung niên thì qua đời, không có con nối dõi, chỉ còn con của Cấp Giáng Đại thần là những người kế tự. Trải qua mấy chục năm sau, nghiệm lại lời dạy của Bồ Tát nên Cấp Giáng Đại thần và con cháu đều noi theo gương cha ông, kính tin Phật pháp trong nhà thờ Quán Âm Bồ Tát thường lễ bái cúng dường, trì lục trai, tụng kinh niệm Phật, rất chuyên cần. (Trích Liễu Nhai Ngoạ Bích)

13. Triều nhà Thanh, Thí Lệ Cẩm ở Chu Môn, lúc còn là chư sinh thì có nghe người nói về một thiếu phụ nhan sắc tuyệt đẹp, có thể nói là khuynh quốc nghiêng thành nhưng có thể dùng vàng dụ dỗ được. Lệ Cẩm dù không cố ý say đắm theo nữ sắc nhưng vẫn nghe theo bạn bè làm thử. Khi đến gần người đẹp ấy thì bỗng thấy thiếu phụ tỏ vẻ thẹn thùng, nơi mí mắt có giọt lệ rưng rưng. Lệ Cẩm gạn hỏi thì thiếu phụ ấy đáp: “Vi thiếp ở trong cảnh nghèo túng không biết lấy gì nuôi thân nên vạn bất đắc dĩ phải lấy sắc mà bán, để cho qua cảnh cơ hàn, chứ thật sự không phải là người tán tận lương tâm làm việc vô lương sĩ này.” Lệ Cẩm hỏi: “Bây giờ chồng của Cô đang ở đâu?” Thiếu phụ đáp: “Đang lẩn tránh trong nhà”. Lệ Cẩm bảo: “Cô mau gọi anh ta ra đây.” Khi chồng của thiếu phụ bước ra thì Lệ Cẩm gạn hỏi và quở trách việc để cho vợ phải tiếp khách. Chồng thiếu phụ trả lời: “Vi trong cảnh cơ hàn nên đành phải làm những chuyện lếp ngòi rãnh này để kiếm được 5 - 6 lượng vàng trả nợ nần, phần còn lại sẽ làm số vốn nhỏ để vợ chồng cùng mua bán nuôi thân vậy thôi”. Lệ Cẩm nghe xong không nói một lời, vội vã ra về. Về đến nhà, Ông lấy 10 lượng vàng đem đến đưa cho vợ chồng thiếu phụ rồi từ ấy về sau tuyệt tích không bao giờ ghé nhà của vợ chồng thiếu phụ ấy nữa. Người chồng cảm động đại ân của Lệ Cẩm nên thường lai vãng đến thăm hỏi. Người trong vùng vì thế đều xầm xì cho rằng Lệ Cẩm chắc có tư tình với mỹ nhân nên là một người không có liêm sỉ. Thiếu phụ nghe lời dị nghị ấy thì buồn thẹn muôn phần, phát tâm tạo pho Thánh tượng Quán âm Đại Sĩ rồi mai chiều dâng hoa, lễ bái cầu nguyện rằng: “Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, xin Ngài từ bi chứng giám cho sự nguyện cầu của con được mãn nguyện. Vì con có tâm bất chánh mà làm cho người nam tử ấy phải bị tiếng chê bai không trinh khiết mà chồng con cũng chẳng có lỗi gì. Nay thí sinh đó đã có từ tâm chu cấp giúp cho người hoạn nạn, bảo toàn danh tiết cho con mà trả lại thì bị hàm oan, nhận những lời chê bai khinh miệt như vậy, con nguyện xin Bồ tát chứng giám cho con, từ đây sớm chiều con nguyện lễ bái xưng niệm hồng danh của Ngài để cầu cho khoa thi này, chàng thí sinh họ Thí được đậu giải Nguyên để rửa được những tiếng thị phi như nhục kia.” Quả nhiên,

như ý nguyện của người Thiếu phụ mong cầu, khoa thi năm Canh Tý, niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, Thí Lệ Cẩm đậu giải Nguyên ở Giang Nam. *(Trích Khuyến giới Loại Sao)*

14. Triều nhà Thanh, Giảng Nam Cư sĩ tự thuật lại câu chuyện sau: “Tôi cùng với Càn Sơn Trương Tiến Sĩ đồng ngụ tại Tây Giang, mỗi sớm mai đều nghe âm thanh tụng niệm của họ Trương, thanh cao lãnh lót nên Tôi gạn hỏi thì anh ấy nói: “Mỗi sáng, tôi đều tụng Tâm Kinh Bát Nhã, Bạch Y Thần chú cùng Kinh Cao Vương Nhân Thọ, v.v... mà không chỉ riêng Tôi trong đời này, trải qua từ ba đời trước, ông cha Tôi đã thâm tín phụng trì nên có rất nhiều linh nghiệm rõ ràng, tại sao Anh không trì tụng?” Tôi đáp: “Vâng”. Chàng họ Trương sau đó tặng cho tôi một quyển sách, trong đó gồm đủ Kinh Chú. Do vậy hàng ngày, Tôi đều chí thành trì tụng có ghi biến số. Về sau có duyên sự, Tôi đi đến Ngô Giang và đậu ghe nơi Cồn Thái Tử, lúc bước lên Cồn đi đến bảo điện thờ Quán Âm Đại Sĩ thì xin xâm được bài xâm như sau: “Khuyên người làm việc, tâm phải kiên trung. 34 có duyên đơn quế. Đồng căn ngày phát đạt. Rau cần thơm có giống thứ đệ liên.” Mùa Thu năm ấy, huynh trưởng của tôi lãnh trách nhiệm làm giám khảo Hương thí. Tôi thì được bổ vào Trường quân làm việc. Mấy đứa cháu cũng được vào trường của nhà nước học hành, thi đậu các kỳ thi. Có điều lạ là hai anh em tôi lúc nêu tên trên bảng thì số thứ tự được để kế nhau trong bảng, rất phù hợp như lá xâm lúc trước đã nói, do vậy mà Tôi càng thâm tín sự linh ứng của Quán Âm Đại sĩ và tin lời nói của Càn Sơn quả là đúng sự thật, không có sự lừa dối. *(Trích Quán Thế Âm Kính bạc)*

15. Tại Dương Hồ có một người họ Lâm có hai chị gái đều gả cho hai anh em nhà họ Lục. Người chị lớn sanh được đứa con trai thì sau đó người chị kế cũng sanh được một con trai, đặt tên là Thiên Tứ. Vào niên hiệu Khang Hy, nhà Thanh, năm Mậu Ngọ, người họ Lâm này bị bệnh chết. Qua hôm sau thì Anh sống lại, rồi nói với mọi người rằng: “Vô cùng quái lạ, hai đứa cháu trai họ Lục của tôi thật là một chuyện nhân quả ly kỳ. Vừa rồi, trong lúc Tôi bị bệnh và hôn mê thì thấy mình đi đến một nơi có cung điện lầu các nguy nga tráng lệ. Lúc ấy Tôi thấy có một nhóm thần nhân đem bảng khoa thi năm nay từ thiên đình xuống để tra xét rõ ràng công đức tội lỗi của những thí sinh để quyết định người nào đáng bỏ, người nào đáng lấy. Bấy giờ phía trong có một vị Vương gia đi ra, an tọa nơi bàn án, lập tức quan lại đem sổ bộ đến dâng. Tôi đứng bên cạnh thì nhìn thấy tên của người đậu giải nguyên là đứa cháu trai họ Lục. Trong sổ bộ lại ghi chép, mẹ của nó họ Lâm - chị dâu của Tôi, vì có lỗi ưa nguyên rửa, khẩu nghiệp rất nhiều nên phạm đến thiên đình. Vương gia vừa xem xong, nổi giận phùng phùng, Ngài kiểm tra tiếp việc làm

của đứa cháu họ Lục thì thấy nó thường phạm về các tội mê đắm hai chữ sắc - tài. Vương gia lập tức cầm bút son vòng lại và gạch bỏ tên nó. Tiếp theo, Ngài kiểm tra đến tên thứ 21 là thằng cháu trai họ Lục tên Thiên Tứ thì cũng thấy tội khẩu nghiệp của mẫu thân nó cũng bằng với bà Di. Vương Gia cầm bút chuẩn bị gạch bỏ thì bỗng Quán Âm Bồ Tát từ đâu giáng lâm trước mắt Vương Gia. Ông liền tức khắc đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi đến đánh lễ Bồ Tát, đoạn truyền lệnh thiết lập pháp tòa, cung thỉnh Bồ Tát an tọa. Sau khi Bồ tát an tọa, Ngài nói với Vương Gia: “Nhà vua nên biết, phu nhân họ Lâm, mẫu thân của Thiên Tứ này, dù lời khẩu nghiệp có nhiều nhưng với Phật pháp thì có tín tâm, lại thờ Phật rất chí thành, vậy là có pháp lành đáng ghi. Hơn nữa Đại vương nên tra kỹ trong sổ bộ phần của Thiên Tứ có ghi chú rõ ràng việc có một người bạn của nó vì trốn thuế nên bị phạt bằng đánh trượng rất nặng. Thiên Tứ đã vì bạn bồi thường số thuế giúp nên người bạn được tha tội. Chú của nó khi làm tri huyện, xâm tổn công quỹ rất nhiều, nó cũng lập tức bán tài sản bồi thường. Còn một điều cũng đáng lưu ý là nó từng cự tuyệt việc quan hệ bất chánh với một thiếu nữ. Ba sự kiện Ta vừa nói đều thuộc về đại thiện. Nếu Đại vương không tin thì bảo Phán quan đem sổ bộ tra thì sẽ rõ”. Vương gia nghe lời Bồ tát dạy, nhan diện vui tươi, tức khắc quỳ xuống chấp tay thưa rằng: “Xin Bồ tát từ bi tha lỗi, con xin vâng lời.” Đoạn Vương gia trở về chỗ ngồi khuyên dụ Tôi rằng: “Chắc nãy giờ Ông đã nghe lời Bồ tát dạy Ta, cháu trai của Ông có ba điều đại thiện ấy sẽ được lưu danh vào trong bảng. Còn Ông, phước lộc cũng như tuổi thọ chưa hết nên mau trở về dương thế, cố gắng thực hành thiện sự. Đối với Tam bảo phải có tín tâm, ăn chay niệm Phật, tụng Kinh lễ Sám cho tinh cần thì mới khỏi phụ hồng ân của Đại sĩ đã giáng lâm nơi đây chỉ dạy.” Tôi cúi đầu tạ Bồ Tát cùng Vương gia rồi bước ra khỏi điện thì trong lúc đang mơ màng đã thấy đến nhà nên Tôi sống lại.” Hai đứa cháu trai họ Lục nghe tin Cậu qua đời nên về nhà, đứng bên cạnh nãy giờ đã nghe rõ câu chuyện Cậu mình đã thuật. Hai đứa đều suy nghĩ đến việc mình đã làm trong lúc hàng ngày, bên nội bên ngoại không một ai hay biết nhưng dưới chốn Minh ty đều đã biết trước một cách rõ ràng thì lấy làm lạ không sao kể xiết. Khoa thi năm ấy khi nêu tên lên bảng, quả nhiên Thiên Tứ trúng tuyển thứ 21. Câu chuyện sau khi hồi dương người em kể lại từ dưới Âm Ty làm cả hai người Chị đều rùng mình rợn óc, từ ấy về sau đều nguyện bỏ tội ác khẩu nghiệp, rửa nguyên, đem thân lễ Phật, dùng miệng tụng Kinh niệm Phật để chừa bỏ tội lỗi khẩu nghiệp ngày xưa. Cậu con trai của người Chị cũng nguyện chừa bỏ tội tham luyến sắc tài, hướng về Phật pháp, lánh dữ làm lành. Riêng Thiên Tứ, dù lộc vị quý hiển nhưng vẫn không dám buông lung, mà y theo lời của Minh vương dạy cho Cậu mình nên ngày thì lo việc quan còn sớm chiều thì tu niệm rất tinh cần. *(Trích Âm Chất Văn Tân Biên)*

16. Có một Ni sư họ Đồng ở tại miếu Sáp Hoa, xứ Thượng Châu. Nhân ngày vía của Quán Âm Bồ Tát, Ni sư sắm trai phẩm hoa trái rất nhiều, từ sớm đến trưa lo dọn dẹp, rửa hoa trái. Vừa xong thì Ni sư cảm thấy tinh thần không yên nên tạm ngồi xuống ghế dưỡng thần. Khi vừa thiu thiu ngủ thì mộng thấy Đại Sĩ đến dạy rằng: “Ni Cô ơi, Ni cô không cần hiến cúng cho Ta vì Ni cô không cúng dường thì Ta cũng chẳng bao giờ đói mà Ni Cô có cúng dường, Ta cũng không no thêm. Hiện ngoài cửa chùa có khoảng 4-5 người lưu dân đang xin ăn nhưng không ai cho một miếng, đói khát gần chết. Thôi vậy Ni Cô hãy đem phẩm vật cúng dường cho chúng nó ăn để đỡ đói thì Ni Cô sẽ có công đức gấp hơn 10 lần cúng dường cho Ta”. Ni sư giật mình tỉnh dậy, mở cửa ra xem thì quả nhiên đúng như lời Bồ tát dạy. Do vậy mỗi năm đến ngày vía của Đại sĩ, Ni sư đều sắm trai phẩm, hoa trái rất nhiều, trước hiến cúng Bồ tát, sau đem bố thí cho những người ăn xin. Ni sư khuyến hóa họ rằng: “Đây là Tôi vâng theo Từ ý của Bồ Tát, thế nên vật thực cúng dường cho Ngài đều đem phân phát cho quý vị. Vậy Tôi mong quý vị thọ dụng thức ăn của Tam bảo, phải phát tâm tin Tam bảo, tướng Phật, niệm Phật, giữ lòng thanh tịnh thì Tôi chắc chắn nhờ đức từ bi của Bồ tát gia hộ, quý vị sẽ được no đủ.” (Trích Hải Nam Nhất Chước)

17. Đào Hoàn Phong ở huyện Kim Lăng có vợ là Tống Thị. Bà thờ Quán Âm Bồ tát rất thành kính, hằng ngày đều trì tụng Kinh Chú rất chí thành. Vào năm 81 tuổi, Hoàn Phong bị bệnh nặng nên Ông nói với Tống Thị rằng: “Tôi nhớ trước kia có một thầy tướng số cho biết tuổi thọ của Tôi ngang chừng đây. Hôm nay bệnh Tôi trầm trọng thập tử nhất sinh như vậy thì lời ấy chắc đúng.” Tống Thị vừa nghe xong thì hai dòng lệ tuôn trào, khóc nức nở. Đêm ấy, Bà đến trước Thánh tượng Đại Sĩ dâng hương lễ bái cúng dường cầu đảo, nguyện bớt tuổi thọ của mình để chồng được sống thêm, sau đó lại cắt thịt cánh tay, chưng làm thuốc để dâng cho chồng. Hoàn Phong dùng thuốc ấy qua ngày sau thì bệnh hoàn toàn thuyên giảm. Tống Thị vô cùng cảm động đức Từ của Bồ tát mình gia nên từ đó Bà phát nguyện trì trai và sự tu hành ngày càng chí thành. Hoàn Phong sống thêm 12 năm thì tạ thế. Sau khi Hoàn Phong qua đời, trong tất cả các thời niệm Phật tụng Kinh, Tống Thị luôn cảm thấy như có thần minh tá hữu. Sớm mai thức dậy, dù bận rộn thế nào Bà cũng đều trì 108 biến chú, không hề biếng nhác. Đến năm 70 tuổi, gặp nhằm lúc tại Giang Nam, bệnh dịch lan tràn, Tống thị cũng bị nhiễm bệnh rất nguy kịch. Trong lúc bệnh nặng đang hôn mê thì Bà mộng thấy mình đi từ nhà ra cửa gặp một người áo mão chính tề bảo rằng: “Trong thời gian này, người không nên ở nơi đây, Ta sẽ dắt đến Đại Sĩ cầu Ngài cứu hộ.” Dứt lời thì người ấy dẫn bà đến một cung điện nguy nga. Khi mới đến, Bà không thấy Bồ Tát, chỉ thấy có hai vị phục sức áo mão như thời xưa ngồi ở trên.

Tống Thị phủ phục trước bàn án hơn một giờ thì vị ngồi phía tả nói: “Người đàn bà này trong thời gian này không nên ở nơi ấy.” Vị phía hữu gật đầu, lập tức bảo người dẫn Tống Thị ra. Người dẫn đường nói: “Bà đã khỏi bệnh rồi, Tôi xin đưa Bà trở lại dương thế”. Khi Bà vào cửa thì bị té, liền giật mình tỉnh lại, toàn thân toát mồ hôi như tắm, bệnh liền lành. Đến năm 80 tuổi, Bà bị bệnh đau xương cổ, sức già yếu, suốt ngày đầu cúi xuống đất thì vô cùng đau nhức. Bà thường nói với mọi người: “Xương cổ tôi thế này, theo thế tục thì triệu chứng này là tôi sắp chết rồi.” Vào một đêm, Bà nhìn thấy có một bà già dắt một đứa đồng tử bước vào nhà và mang theo một chén nước trà trao cho Tống Thị rồi nói rằng: “Tôi vâng lệnh Quán Âm Bồ Tát đến đây để chữa cho xương cổ của Bà được thẳng. Bà chỉ cần uống chén nước trà này sẽ lành.” Tống Thị kính cẩn nhận chén nước trà, khi nhìn vào trong ấy thì thấy có những lá xanh nhỏ nổi lên giống như lá oắc hương. Khi Bà uống thì cảm nhận được mùi thơm, vị ngon ngọt. Uống xong chén trà thì không còn cảm thấy đau nhức nữa, khi dùng gương soi thì thấy xương cổ đã ngay. Lúc ấy Bà giật mình tỉnh giấc thì thấy quả nhiên xương cổ đã thẳng lại, chứng đau cổ cũng hết hẳn. Bà sống đến 85 tuổi, đến giờ phút cuối cùng thì thân không bệnh khổ, Bà gọi đứa con là Tâm Sơn đến dạy bảo: “Hôm nay Mẹ về Tây Phương, con ở lại, đối với Tam Bảo phải có tâm thâm tín, xa lìa các điều ác, cố gắng tu tập pháp lành, hàng ngày theo gương Mẹ nên tinh tấn trì chú niệm Phật.” Dứt lời thì Bà an nhiên niệm Phật trường thọ, lúc ấy hương thơm bay khắp nhà. Tâm Sơn vâng theo lời Mẹ, hàng ngày chiêm bái cúng dường Đại Sĩ và trì chú niệm Phật không hề giải đãi. (Trích Quán Âm Trì Niệm Ký)

18. Triều nhà Tống, có Trương Phụng Trực là người Hồ Lương, tỉnh Giang Tây. Ông có một đứa đầy tớ có tính thích giết trâu nên thường nằm mộng thấy thân mình nằm chung trong bầy trâu. Phật tử Phụng Trực nghe nói liền bảo rằng: “Mày tạo ác nghiệp nghiêm trọng nên sắp bị đọa vào súc sanh, nếu không thống thiết và sám hối tội lỗi thì không thể nào thoát tội.” Nói rồi ông đem kinh Phổ Môn dạy cho đứa tớ. Không bao lâu, đứa tớ này tụng thuộc được phẩm Phổ Môn, lại phát thệ bỏ hẳn tội trước. Trải qua thời gian 10 năm, một ngày nọ gặp người đồ tể giết trâu, người tớ sanh tâm hoan hỉ, mua nửa phần thịt để đem đi bán. Đêm đó, người tớ nằm mộng lại thấy diêm mộng như trước. Sáng ngày thức dậy muốn tụng Kinh nhưng bây giờ đã quên hết, một câu cũng không nhớ nổi, những chữ trong Kinh trước kia biết đọc, bây giờ cũng quên hẳn, rồi rồi sau đó bị ác bệnh hoành hành hơn một tuần rồi chết. (Trích Hải Nam Nhất Chước)

19. Triều nhà Minh, Phật tử Trương Tổ là người ở Cao Kiều, Tô Châu. Ông vốn là một Phật tử thành kính ngôi Tam bảo, bình nhật Trương Tổ hay sắm

đồ cúng dường Tam bảo. Vào niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh năm Tân Hợi, Trương Tổ đến Phố Đà Sơn để chiêm bái Quán Âm Bồ Tát. Khi đi, Ông dắt theo đứa cháu 8 tuổi. Lúc xuống thuyền, đứa bé ấy bỗng thấy tất cả người trong thuyền đều bị trói cột tay chân. Nó hoảng sợ vội theo sau, nắm vạt áo Trương Tổ kéo lại và nói sự lạ lùng với nội của nó. Trương Tổ vừa nghe thì sợ hãi, dắt cháu lên bờ. Đến thuyền thứ hai, đứa bé ấy cũng nói nó thấy giống như trước. Trương Tổ lại dắt cháu lên bờ đi tìm chiếc thuyền thứ ba. Khi vừa xuống thuyền này, Ông hỏi cháu mình có thấy điều lạ không thì nó đáp: “Con chỉ thấy ở hai chiếc thuyền trước có sự lạ như vậy còn chiếc thuyền này và các chiếc khác đều không có.” Lúc ấy, trong ý của Trương Tổ chưa biết quyết định như thế nào thì bỗng phía trước có hai người kêu lớn rằng: “Ông đừng đi lên hai chiếc thuyền kia, nên lên thuyền này mà đi, thuyền này rất an ổn.” Tổ dự dự còn chưa muốn bước lên thuyền thì trong giây lát cảm thấy dường như ở phía sau có người xô đẩy. Ông lập tức dắt cháu lên thuyền. Khi vừa ngồi tạm yên thì người kêu cũng như người xô đẩy Ông lúc nãy biến mất. Bấy giờ mặt trời sắp lặn, thì cũng vừa đến biển lớn, đột nhiên ba đảo nổi dậy trắng xóa, lượn sóng nào cũng cao như núi. Hai chiếc thuyền trước đều bị chìm lật úp, tất cả mọi người trên thuyền không người sống sót. Riêng chiếc thuyền của hai ông cháu Trương Tổ đi thì vẫn an nhiên vô sự. Ba ngày sau đó, Quán huyện ở Nhơn Hào ra biển tuần hành kiểm soát thì phát hiện thấy ở xác của những tử thi nổi lên, phía sau lưng của mỗi người đều có cột 2 cây côn và dao nhọn. Quan huyện nhìn thì biết đây là đồ dùng để giết người cướp của nên suy luận theo đó thì biết bọn người trên hai chiếc thuyền bị chìm này đều là bọn xiển đề vô lại, chuyên môn cướp của giết người, vì chủ thuyền không biết nên mới rước họ đi biển, nên bọn chúng đã bị trừng trị. (Trích Quái Viên Chí Diệc)

20. Triều nhà Minh, vào niên hiệu Sùng Trinh, có chàng thiếu niên họ Triệu, người huyện Xương Môn, tỉnh Giang Tô. Chàng ta là người giàu có nên tánh tình rất kiêu ngạo, và mắc phải chứng bệnh đấm say nữ sắc. Mỗi khi gặp một người phụ nữ nào thì đều lễ bái mong cầu cho được gần, thế rồi chàng ta tìm đủ phương tiện chặn đường đón ngõ để được gần gũi với người mình mong ước. Bấy giờ vào ngày 19 tháng 6 là ngày vía Quán Âm Đại Sĩ, chàng thiếu niên họ Triệu ấy nhàn du vào một ngôi chùa. Vừa lúc ấy thì gặp một người phụ nữ đang phủ phục trước Phật đài, hai dòng lệ tuôn rơi, tiếng khóc than xen lẫn tiếng nguyện cầu rất chí thành xin cho mẫu thân qua cơn trọng bệnh. Thiếu niên họ Triệu gặp gái trẻ đẹp thì động tà tâm, chàng ta giả vờ như người bị vẹo chân đi cà nhắc, rồi nhảy qua đầu thiếu nữ làm cho mái tóc mượt mà của cô bị rối. Mọi người không biết chàng trai này đang giả dối nên tha thứ bỏ qua, nhưng chàng thiếu niên họ Triệu ngay

lúc ấy bỗng có cảm giác dịch hoàn xung đau không tả xiết. Chỉ trong một tuần thì dịch hoàn xung lên bằng cái đầu to nên hẳn ta đi đứng vô cùng khó khăn, đi tập tễnh như con nít. Khi vào thành, mọi người đều bàn tán khinh chê, nên chàng ta cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Từ đấy về sau, dịch hoàn càng ngày càng lở loét, trong thời gian vài năm thì qua đời. (Trích Tư Cầu Tập)

21. Triều nhà Minh, vào niên hiệu Vạn Lịch, có người tên là Tiêu Giáp làm thông mai ở huyện Tiêu Văn. Do có công soạn Bộ Sự Tích Hồ quảng mà được thăng làm Lương Sự. Tiêu Giáp lúc rảnh rỗi thường du ngoạn chốn núi sông, thường ngoạn nơi biển cả. Một hôm, có một vị Hòa thượng ở Nam Hải từ đất Thục đến xin quá giang thuyền để về Phố Đà, nhưng chủ thuyền không ưng thuận. Hòa thượng thấy Tiêu Giáp là hàng hoạn quan và là người tử tế nên đem sự tình thổ lộ với Giáp rằng: “Không dẫu gì Ngài, Bần tăng từ lâu đi quyền góp được 600 lượng vàng, định đem về Phố Đà kiến lập bảo điện thờ đức Quán Âm Bồ Tát. Mong Ngài thương lượng giúp với chủ thuyền cho Tôi được quá giang thì công đức ấy thật vô lượng vô biên, vì chắc Ngài cũng dư rõ, Bần tăng một mình mà lại nhiều tài bảo, ở lại đây chắc là bất tiện. Giáp ưng thuận thương lượng với chủ thuyền cho Hòa thượng cùng đi. Nhưng đi được vài ngày, trong lòng Giáp bỗng khởi ác niệm. Thừa lúc đêm tối, sóng to gió lớn, Tiêu Giáp liệng Hòa thượng xuống biển, đoạn đến giờ tráp ra thì quả nhiên có số vàng mấy trăm lượng. Tiêu Giáp bèn lấy hết bỏ vào túi riêng. Khi trời vừa hừng sáng thì bỗng Giáp thấy Hòa thượng ấy từ dưới biển ngoi lên đứng trước mặt đòi mạng. Từ đấy, ngày đêm Hòa thượng luôn hiện hình khuấy rối, Tiêu Giáp suốt ngày đêm trong tâm lo sợ, không một phút tạm yên nên sanh trọng bệnh. Tiêu Giáp đi khắp nơi cầu đảo khẩn vái nhưng vô hiệu quả vì hình bóng Hòa thượng không lúc nào xa rời. Bệnh gần một năm thì tài vật của Hòa thượng, cũng như tài vật của Giáp đều hết. Một ngày nọ, vị Hòa thượng quá cố nói trên bỗng nhiên xuất hiện. Ngài cầm chiếc gậy đến viếng thăm Giáp và bảo Giáp rằng: “Thưa Ngài, tôi đây chính là người thật, chẳng phải quỷ ma đâu! Năm vừa rồi, lúc tôi bị ném xuống biển, đang lênh đênh trên sóng gió thì trong tâm tự nghĩ thế nào cũng sẽ chết. Giờ phút ấy Tôi vẫn nhớ Phật, niệm Phật, nên cầu xin về Tây phương Cực lạc, bỗng nhiên đức Đại bi Quán Thế Âm từ trong không trung giáng hạ, tay cầm một ngọn đèn rồi đưa Tôi vào một bãi lau, sau đó thì gặp được một người chài lưới cứu thoát. 600 lượng vàng ấy dù bị Ngài cướp đoạt nhưng sau khi thoát nạn thì Tôi liền đi quyền góp lại và số ấy đến nay đã gần đủ. Hiện nay Tôi đang về Phố Đà để thù đáp bốn nguyện năm xưa. Khi Tôi đi ngang qua xứ Giang Âm thì nghe dân chúng xôn xao truyền rằng Ngài mắc phải chứng bệnh lạ, nên đến đây thăm viếng, Tôi khuyên Ngài hãy bỏ hẳn cái sai lầm ấy đi. Hiện giờ bần tăng cũng có phần đối bụng nên xin Ngài cho một bữa cơm chay rồi sẽ từ biệt

lên đường.” Sau khi Hòa thượng thọ trai xong thì từ giã Giáp, cất bước lên đường. Giáp trong ý vẫn còn ngờ vực nên cho người theo chân Hòa thượng dò xét, quả nhiên thấy Ngài cầm gậy, bước lên thuyền đang đậu sẵn nơi bờ biển. Từ ấy, hình bóng ma quỷ hoàn toàn không hiện nữa, nhưng bệnh trạng của Giáp vẫn không thuyên giảm chút nào. Trải qua vài tháng thì thần thức rời khỏi thân xác. Theo nghiệp vào chốn u minh để thọ cực hình thảm khốc do chính mình đã tạo. Giáp chỉ có một con trai, cũng là một người học vấn văn chương có tiếng. Nếu gặp vận tốt thì có lẽ đã làm đến đại quan hơn cha mình nhiều nhưng đến kỳ ứng thí, vì cha chết nên không thể bỏ đi. Không biết thiếu niên ấy vì buồn rầu hay vì nhìn thấy cha chết nằm đó chưa chôn mà thần thờ đi ra bờ sông rồi nhảy xuống sông trầm mình tự vẫn. Nói đến vị Hòa thượng, sau khi về đến Nam Hải, Ngài được tin cha con của Giáp đều từ trần một cách thảm thiết, với từ tâm của một người đã xuất gia, nghĩ đến ác nghiệp của chúng sanh, lòng Hòa thượng đau như cắt. Ngài quá thương tâm nên không thể ngăn được giọt lệ, từ ấy mỗi thời khóa tu niệm hàng ngày, lễ Sám, niệm Phật, Ngài đều nhất tâm cầu nguyện cho cha con họ Tiêu được mau thoát khỏi luân hồi mà vãng sanh Cực lạc quốc. *(Trích Ứng Thiên Tăng chú)*

22. Ngoài Nam Môn, huyện An Dương, tỉnh Nam Kinh, có đài lạc thạch. Đài ấy cao vút trời lại rất cheo leo, phía trước có một con suối rất sâu, trên đài có Thánh tượng Quán Âm đúc bằng đồng. Niên hiệu Nhiên Khai, năm Nhâm Thìn, có bọn cường đạo muốn cướp tượng đồng nên dùng dây làm thang để lên đài cướp đoạt. Khi lên được đài cao, chúng nhận thấy không thể khuâng Thánh tượng của Bồ tát đi nên dùng búa sắt đập phá tan nát, bức tượng của Ngài vì vậy chỉ còn chiếc đầu nên chúng đem giấu trong bụi rậm và tìm đường tẩu thoát. Ngay lúc ấy, Phật tử trong chùa được tin kim thân Bồ tát bị bọn cường đạo hủy phá nên đi khắp các nơi lùng bắt. Do chẳng biết lối đi nên chúng chui vào một đám ruộng ẩn núp, người đi đường thấy vậy sanh nghi gạn hỏi, bọn người vô lương tâm ấy ấp úng trả lời nên bị người dân giữ lại, vì thế mà khỏi cần nhọc công đi tìm kiếm chúng. Phật tử bèn tóm chúng và đưa đến quan huyện để xét xử trị tội. Quan huyện địa phương là một Phật tử thành kính Tam bảo, lại tinh thông giáo lý Phật đà nên vừa được tin kim thân Bồ tát bị nạn thì Ngài im lặng giây lâu vì quá đau đớn nên không nói nên lời. Sau đó Ngài nói với các Phật tử trong chùa: “Quý vị nên biết, tội ác của bọn cường đạo này dù có bị xử tử cũng chưa nói là đền bù được nhưng thế theo lòng từ bi của Bồ tát Như Lai, Tôi không giết chúng nó làm gì, nhưng tội ác tày trời cũng không thể dung tha nên Tôi báo cho quý vị biết sẽ giam chúng vào ngục, cấm cố chung thân để đền tội. Tôi cũng mong đức từ bi của Bồ tát gia hộ cho chúng nó hồi tâm hướng thiện để vơi bớt phần nào tội ác của chúng.” Nói xong, quan huyện tự tay tháo

một lá đơn khuyên người đóng góp và ký tên vào, bảo các Phật tử về trao lại cho vị Tăng chủ trong chùa, khuyến khích đi các nơi quyên góp để đúc lại Thánh tượng mới. *(Trích Giác Thế Kinh thuyết chứng)*

23. Tại Lĩnh Nam, trầm hương rất rẻ nên tất cả dinh thự của vua quan đều được điêu khắc bằng gỗ trầm hương. Nhân dân nơi đô thị Lĩnh Nam trước đây đã dùng gỗ trầm hương và mướn thợ tinh xảo, điêu khắc một tượng Phật rất trang nghiêm. Bấy giờ có bọn yêu quái giả làm mấy mươi người Tăng nhân, mướn Phật pháp thực hành mưu gian kế quỷ của mình. Chúng mướn thợ tinh xảo điêu khắc tượng Quán Âm Bồ tát bằng trầm hương, bên ngoài sơn phết thành kim thân, bên trong thì trống rỗng để tiện đặt máy móc, chứa toàn những thứ hung đao, giáo mác. Chúng thường cung nghinh Thánh tượng Bồ tát đi các nơi để huỷ hoại tất cả nam nữ có tín tâm với Phật pháp. Nhờ phương tiện này, chúng ra tay giết người cướp của không kiêng sợ phép nước. Lúc ấy, Quan Thái thú huyện Trấn Giang vừa mới đổi đến. Đêm ấy, Ngài nằm mộng thấy một người phụ nữ mặc bạch y đến tỏ bày tự sự: “Thưa Quan lớn, trong bụng của Tôi luôn đau nhức, xin Ngài có cách chi cứu giúp thì phước đức vô lượng.” Quan Thái Thú khi thức giấc, trong tâm thấy vô cùng lạ, lập tức đến Phủ đường hỏi tả hữu rằng: “Các người có ai biết trong vùng này có một phụ nữ nào bị oan uổng hay không?” Khi ấy, Thủ tuần binh đứng hầu bên cạnh, tiến ra thưa rằng: “Bẩm Quan lớn, ngày gần đây ở dưới sông này có một chiếc ghe lớn, trong ghe có một Thánh tượng Quán Âm Bồ tát bằng trầm hương, dân chúng đua nhau đến lễ bái cúng dường đông hơn hội chợ. Con nghĩ việc này chắc trong Phủ Quan đã nghe.” Thái Thú lập tức bảo người chuẩn bị xa giá ra khỏi thành, đi ngay đến chiếc ghe thì thấy có Thánh tượng Quán Âm Bồ tát. Lúc ấy trong lòng Ngài tự nghĩ: Quán Thế Âm Bồ tát thường hiện thân phụ nữ, thế thì phu nhân hiện trong mộng chắc là Ngài, không còn nghi ngờ gì nữa. Thái thú bèn xin phép chư Tăng cho hạ tượng Quán Âm xuống để có việc cần khám xét. Sau khi xem xét kỹ, ông thấy pho Thánh tượng này được ráp từ từng mảnh, có thể mở ra xem rất dễ. Quả nhiên khi mở ra thì phía trong ấy toàn là hung khí, gươm đao, v.v... Quan Thái thú bèn truyền lệnh dùng xiềng xích trói bọn con đồ giả dạng Tăng nhân lại, đưa hết chúng vào Phủ đường để tổng giam vào ngục. Ba ngày sau toàn bộ bọn chúng đều bị giải đến pháp trường xử tử. Bấy giờ, dân chúng xứ Lĩnh Nam, vạn người như một đều tán thán sự linh dị của Quán Thế Âm Bồ tát. Bọn hung đồ kia tạo nhân lãnh quả, chỉ trong đời hiện tại đã không thoát được lưới pháp luật. Những người thông đạt Phật pháp cho rằng: hiện báo mà chúng phải trả chỉ là hoa báo mà thôi, quả báo sẽ là việc thọ đại hình nơi Vô gián địa ngục. Sự việc trên là do vị Đốc phủ Trung quân thuật lại. *(Trích Quái Viên Chí Dị)*

24. Triều nhà Minh, niên hiệu Chánh Đức, có Quan tri huyện Giang Âm, họ Vương. Một ngày nọ, Ông bảo người đến gọi người giúp việc cho mình là vị Thông Lại đến phủ để dạy việc, nhưng vị Thông Lại vào ngày ấy lại lo bận việc cúng lễ vía đức Quán Âm, nên Ông nhờ người thừa lại sự việc với Quan huyện. Chùa Quán Âm ở vùng phụ cận có Thánh tượng Quán Âm bằng gỗ trầm hương, trước giờ rất linh hiển. Quan huyện được người về thừa lại việc Thông Lại vì lo chuyện nhà chùa mà trái lệnh của mình nên nổi trận lôi đình, lập tức truyền lệnh cho 4 người lính tại nha môn cùng đi đến chùa Quán Âm. Lúc ấy Phật tử đang hội họp cùng với chư Tăng trong chùa làm lễ, tri huyện dẫn 4 người lính xông ngay vào chánh điện. Vừa tới Phật đài, Ông ra lệnh cho quân lính triệt hạ Thánh tượng Quán Âm, đem ra phía ngoài chôn dầu thiêu đốt. Trước hành động bạo ngược của vị Quan địa phương, muôn người như một, không ai chẳng tức giận, nhưng toàn thể Phật tử vẫn im lặng vì lẽ chốn Từ bi trang nghiêm thanh tịnh không thể gây ra sự đổ máu mà vị Quan huyện cũng là người đứng đầu trong huyện. Sau khi thiêu hủy Thánh tượng thì Quan huyện bỏ ra về. Vài ngày sau, Ông vào triều tiếp kiến Hoàng thượng, nhưng đi giữa đường thì tim Ông đau nhức như bị người cầm dao đâm. Tri huyện tự hối hận, lập tức quay về, nhờ người báo thỉnh chư Tăng đủ giới đức, rước về tư dinh, tụng kinh sám mong tiêu tội ác. Có ba vị Tăng sau khi đến tư dinh thì một vị đứng ra cảnh giới cho tri huyện: “Quan huyện nên biết, đức Quán Âm Bồ Tát là bậc đại từ đại bi thương xót chúng sanh như con, tùy duyên hiện thân trong mười phương để cứu khổ chúng sanh. Thế thì Ngài không nên vì một pho tượng bằng gỗ mà sanh lòng sân hận. Chúng tôi y cứ theo Phật lý mà xét thì đây là hiện báo của Ngài vì chư Hộ pháp, Thiện thần muốn chỉ rõ báo ứng hiện tiền để cảnh cáo Ngài mà cũng là để làm gương cho thế nhân. Quan huyện có tín tâm với Phật pháp, rước chúng tôi đến tụng Kinh bá Sám, việc ấy chúng tôi cũng sẵn sàng chí thành lễ bái cầu nguyện, nhưng ác nghiệp của Ngài quá sâu, hiện báo đã thuận thực, chúng tôi e rằng khó qua khỏi.” Quả nhiên như lời vị Cao Tăng nói, tri huyện nằm trên giường bệnh, lăn lộn, kêu la, chỉ trong thời gian ba ngày thì thần thức rời khỏi thân, theo ác nghiệp vào chốn Minh Ty chịu khổ cực hình. (Trích Âm Chất Văn khuyến giới Thiên)

25. Cuối triều nhà Minh, có người tên Trần Kinh Sơn, là một võ Quan của triều đình, tánh tình vô cùng bạo tàn, ngày đêm thường cờ bạc. Trong nhà y có thờ Thánh tượng Quán Âm, khi nào thắng bài thì về đến nhà, thấp hương cúng dường lễ bái trước Phật đài, khi bị thua chút ít thì về đến nhà, mắng chửi Bồ tát. Một ngày nọ bị thua sạch, vừa về đến nhà, hấn ta nổi giận, đem Thánh tượng Đại Sĩ vứt trong nhà xí, lại hằng ngày dùng nắp bồ đồ phủ tiểu để trên bài vị thờ thần. Niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh năm thứ 17, vào

nửa đêm ngày 27 tháng 4, nhà lán giềng bị hỏa hoạn lan đến nhà Kinh Sơn. Đang lúc ngon giấc, hấn giật mình thức dậy, cảm thấy hơi nóng nên chạy ra ngoài trốn lửa, nhưng không biết ai xui khiến, hấn lại chạy trở vào nhà để tránh lửa. Khi đi vào nhà xí, nơi đã vứt bỏ Thánh tượng Bồ Tát, hấn ngồi yên trong ngọn lửa, tự thiêu mình như con heo quay. (Trích Dấu Am Tòa Ngự)

26. Triều nhà Minh, Từ Tú Tài tự Thái Xanh là một người tài cao đức hạnh vẹn toàn, vì vậy mà từ thành thị đến thôn quê, ai cũng kính trọng Ông. Con lớn của Từ tiên sinh tên Khôn, đứa con nhỏ tên Phật Xá tự Thành Dân, tuổi vừa 20 mà đã là người xuất chúng, rất thông minh, lại trung trực chí hiếu. Tuy còn trẻ nhưng Thành Dân đã phát tâm thâm tín Phật pháp, tri trai niệm Phật tụng kinh, lòng từ bi có thể nói cảm đến muôn loài, cho đến đối với loài thảo mộc, côn trùng cũng không nhẫn tâm làm thương tổn. Vào đêm 12 tháng 6 năm Quý Dậu, Thành Dân được một vị Thiên Vương ở cung trời Đao Lợi mời đến. Khi Thành Dân vừa đến bảo điện Thiên vương thì Ngọc Hoàng tức khắc niệm nỏ nghinh tiếp. Sau khi an tọa, Thiên vương cho biết, vì công việc ở đệ ngũ điện trong Minh phủ quá nhiều, Trẫm xin cung thỉnh Ngài đến đó làm việc trong 100 ngày. Từ ấy về sau, mỗi đêm, Thành Dân khi thì du hành các nơi dưới Minh phủ, khi thì làm việc tại bốn điện. Nhân vì mục kích những thảm cảnh trong chốn u minh mà nghĩ đến chúng sanh trong chốn dương gian đang tạo ác nghiệp, lòng Ngài càng đau đớn, muốn đem Phật lý khai hóa nhưng chẳng biết làm sao vì âm dương cách trở. Ngài nghĩ: bây giờ chỉ có cách là vận sức thần thông, hiện thân ở những nơi đó, tùy cơ thuyết pháp cho mọi người nghe để sanh tâm sợ hãi, bỏ dữ theo lành, quy hướng về Tam bảo. Thành Dân thực thi theo ý định nên mọi người đua nhau đến xem nghe, không chỗ chen chân. Trong thời gian Thành Dân hiện thân thuyết pháp, Ngài diễn tả cảnh trong chốn Minh đồ vô cùng thâm, hình phạt của các tội nhân trong các địa ngục, nào là bị gông cùm xiềng xích, kéo lưỡi trâu cày, nấu tội nhân trong vạc dầu sôi, xay, giã, cưa xẻ, leo núi đao, rừng kiếm, ôm cột đồng sôi, nằm giường sắt nóng, v.v... ai nghe thấy cũng phải rùng mình, nhắm mắt, khi nghe tiếng gào thét của tội nhân thì phải bịt tay lại không dám nghe. Những cảnh tượng ấy, có người thì dùng miệng để kể lại, có người thì dùng bút ghi chép lại những gì Thành Dân thuật lại thành một pho sách mô tả địa ngục, được chia ra làm 18 cảnh, hình phạt phân ra đến muôn ức thứ. Chư Bồ Tát, chư Phật không lúc nào không hiện thân vào địa ngục để cứu khổ cho chúng sanh. Tuy nhiên những tội nhân không có thiện căn từ đời trước thì dù chư Phật phóng quang minh cũng không cứu giúp họ được, dầu cho có đứng trước mặt thuyết pháp khai thị, các tội nhân đó vẫn hồn mê bất tỉnh, duy chỉ có ngày 15 tháng 7 là ngày chư Phật hoan hỉ khắp trong trời đất, nơi nào cũng có Lễ sám, lập chay đàn thí thực, nên

trong ngày này đích thân Quán Thế Âm Bồ Tát thống lĩnh tất cả tội nhân đi đến đạo tràng để thọ tội. (Trích *Ngoạt Diêm La Minh Phán Nhứt*)

27. Triều nhà Minh có vị y tăng là Thích Pháp Trình tự Vô Uổng ở Ôn Châu. Ngài bị mù từ thuở bé, cha mẹ chạy chữa trăm phương ngàn kế đều không có kết quả. Thầy Pháp Trình tự biết nghiệp nặng, thuốc thế gian không mong kết quả, nên ngày đêm thành tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Thực hành như thế trải qua 15 năm, một hôm trong giấc mộng, Thầy nghe Bồ Tát gọi tên bảo đến trước nhưng dường như có vật gì trói chân mình, không thể cử động. Trong giấc mộng, Thầy nghe Đại Sĩ than rằng: “Sự việc này là do nghiệp nhân đời trước của Ông từng làm một vị Sư, lúc chiêm cứu làm tổn mắt người nên đời này phải chịu khổ báo ấy. Ta hết sức thương xót tâm chí thành của Ông nên sẽ làm cho đời sống của Ông mọi sự nhu dụng vô cùng phong phú.” Dứt lời, Ngài lấy từ trong áo ra một nắm bảo châu trao cho, thầy Pháp Trình kính cẩn tiếp lấy rồi thức giấc. Từ ấy, nghề thuốc của Thầy hết sức thịnh, khách đông không chỗ chen chân. Quả nhiên đúng như lời Bồ tát dạy, sự thọ dụng của Thầy không thiếu món chi, thân thể khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn, sống đến tuổi cao. Đến giờ phút cuối cùng, Thầy vui vẻ đoan tọa, chí thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm mà tạ thế. (Trích *Đường Nghi Chi Y khuyên*)

LỜI PHỤ: Cứ theo lời Bồ tát dạy thì thầy Pháp Trình do định nghiệp, đôi mắt vẫn mù nhưng y đạo được thịnh hành có lẽ nhờ do Thầy thuộc tất cả các phương thuốc, sau khi chẩn mạch rồi nhờ người viết toa.

28. Phật tử Trương Ngọc ở tỉnh Tây Sơn có đứa con gái nhỏ tên Phật Nhi. Bé gái này khác hẳn các trẻ khác là tuy sống trong gia đình cha mẹ không hề dạy bảo, mà lại thích tụng Kinh niệm Phật, đặc biệt nhất là với phẩm Phổ Môn. Bé gái này tụng Kinh không thiếu một ngày. Lúc gần tuổi cập kê thì bị bạo tử, trong nửa ngày thì sống lại rồi kể lại câu chuyện sau: Cô bị hai người bắt dẫn đến xứ Xoa Lãnh, trên đường đi Cô thấy những người đi với mình thì có hai người đi trước bị mình dịch (lính dưới âm phủ) dùng mền đen trùm toàn thân, tiếp theo đó thì họ dùng chiếc mền hoa trùm Phật Nhi lại. Vừa tới nhà họ Trần, mình dịch bảo rằng: “Tội bây mắc nợ nhà này nên phải vào trong ấy đền trả, riêng Phật Nhi số nợ của người lên đến 1,500 quan.” Lúc ấy bỗng có một người mặc áo xanh đến trước mặt bảo họ rằng: “Hai người không biết hay sao, con bé Phật Nhi này ăn chay niệm Phật mỗi ngày, chuyên tụng kinh niệm Phật, các người nên mau phóng thích nó về nhà.” Hai người ấy vâng lời, dẫn Phật Nhi đi nhanh, thì bỗng nhiên Phật Nhi trợt chân té và sống lại. Phật Nhi đem việc ấy kể hết cho phụ thân. Đến sáng

ngày sau, Phật tử Trương Ngọc đến Xoa Lãnh hỏi thăm thì quả nhiên có nhà họ Trần và trong đêm vừa rồi, con chó cái trong nhà sanh được ba con chó con, hai con màu đen, một con vá. Con chó vá thì đã chết nhưng chưa đem đi chôn. Trương Ngọc là Phật tử thông giáo lý, thâm tín nhân quả, khi vừa thấy chó vá thì biết đó chính là con mình, vội vã trở về nhà đem số tiền 1,500 quan trả cho họ Trần, nhưng dù cho Trương Ngọc nói cách nào thì chủ nhà họ Trần cũng không chịu nhận. Phật tử Trương Ngọc thành kính tạ ơn, đem số tiền ấy về, thêm vào chút ít rồi mang đến chùa làm Phật sự, cầu nguyện cho con được tiêu túc nghiệp. (Trích *Nam Hải Từ Thoàn*)

29. Có một người sinh viên sống tại Cao Phồn ở Lâm Giang, tỉnh Giang Tây. Lúc mới lên 6-7 tuổi đã nổi tiếng là thần đồng, vì thông minh không ai bì kịp, lại kiên đủ đức hiếu hạnh. Năm 14 tuổi, Cao Phồn vào trường quốc học, đến lúc trưởng thành thì đậu cao. Cha mẹ sau đó cưới vợ cho Cao Phồn. Người vợ là Phan Thị, tự Châu Thành, cô gái này sắc đẹp không ai bì nhưng tánh tình lại hung dữ chẳng ai sánh kịp. Đôi vợ chồng trẻ gần nhau chưa bao lâu thì trở thành như bà chủ đối với đầy tớ, Phan Thị lấn hiếp Cao Phồn đủ muôn ngàn cách. Cha mẹ chồng không thể cấm ngăn nên vạn bất đắc dĩ phải cho ra riêng. Cao Phồn không chịu nổi sự khổ nhục hành hạ của Phan Thị, ngày càng gầy ốm, thân thể chẳng khác gì que củi. Mẫu thân Cao Phồn thấy thế buồn đau, ngày đêm biếng ăn bỏ ngũ, vì Cao Phồn là con trai duy nhất, lại tài đức không ai sánh bằng. Một đêm nọ, bà mộng thấy một ông già đến bảo rằng: “Con dâu của nhà ngươi là nghiệp chướng từ đời trước, Phan Thị ngày trước là con chuột trường sanh của Hòa Thượng Tịnh nghiệp, còn con của người đời trước là một sĩ tử đại tài. Một hôm nọ, người ấy tình cờ đến chùa và giết chết chuột trường sanh nên đời này ác báo ấy phải tự thọ, không thể dùng nhân lực chuyển hóa được. Chỉ có cách sớm chiều phải chí thành trì tụng Thánh hiệu Quán Âm cùng trì tụng Kinh Phổ Môn cùng Chú Bạch Y 108 biến thì chắc chắn sẽ có hiệu quả.” Khi vừa thức dậy, bà đem việc ấy thuật lại với phụ thân Cao Phồn, hai ông bà vâng theo lời dạy của ông già trong mộng, trì tụng kinh hơn hai tháng nhưng tánh tàn bạo của Phan Thị vẫn như xưa, lại còn thêm lăng loàn hơn trước. Một ngày nọ, có một vị Hòa thượng đến địa phương của gia đình họ Cao để tuyên dương Phật pháp, mọi người đua nhau đi nghe, số đến cả ngàn người, Phan Thị lúc ấy cũng đến nghe. Sau khi Hòa thượng giảng thuyết Phật lý xong, Ngài bước xuống Pháp tòa, bảo người mang cho Ngài một chén tịnh thủy. Sau đó, Ngài bưng đến trước mặt Phan Thị, trình trọng nói rằng: “Con không nên sân hận mãi vì đời trước cũng chẳng phải hư giả, đời này cũng chẳng phải chân thật. Chao ôi! Chuột hãy chạy cho mau, đừng để mèo nó tìm được thì khốn.” Dứt lời, Ngài liền tiếp hớp nước phun vào mặt Phan

Thị khiến mặt mày và y phục của Phàn Thị đều ướt đẫm. Hàng thánh chúng thấy thế đều kinh ngạc vì họ nghĩ thế nào Hòa thượng cũng bị Phàn Thị chửi mắng một trận, nhưng trái lại, cô ta lau mặt, rồi kính cẩn cúi đầu chào rồi đi về nhà. Vị hòa thượng này sau khi phun nước rồi cũng bỏ đi. Phàn Thị từ đó về sau, bỗng ăn năn lỗi lầm ngày trước, lại phát tâm tin Phật pháp, trì trai niệm Phật, tụng Kinh, bái Sám, v.v... và sau đó trở thành một người phụ nữ khác, xứng đáng là bậc vợ hiền dâu thảo. (Trích Liêu Trai Chí Di)

30. Triều Nhà Thanh, Huỳnh Bá Lân ở Ngụy Khương, rời gia đình đến ở Dương Châu đã nhiều năm. Bá Lân là một Phật tử kính tín Tam bảo. Trong nhà, Ông thờ Quán Âm Bồ Tát rất thành kính. Hàng ngày Ông đều xưng tụng lễ bái cúng dường và trì tụng Kinh chú. Mùa Hạ năm Ất Dậu, trong xứ nổi loạn, binh sĩ kéo đến thành Dương Châu đánh phá dữ dội. Dân chúng sợ hãi, chạy trốn khắp nơi. Bá Lân lo sợ, đến trước Thánh tượng Đại Sĩ lễ bái cầu đảo, mong Ngài cứu hộ. Đêm ấy, Ông nằm mộng thấy Đại Sĩ bảo rằng: “Nhà của người tất cả 17 người, 16 người kia đều có thể khỏi nạn, chỉ một mình người, vì định nghiệp không thể trốn tránh.” Bá Lân giật mình tỉnh giấc, trong tâm rất lo sợ, lại đến trước Phật đài lễ bái cầu đảo. Sau đó Ông trở về phòng, vừa nhắm mắt thì lại thấy Bồ tát đến bảo rằng: “Đời trước, người chém Vương Ma Tử 26 nhát dao nên đời này phải đền trả. Người nên bảo tất cả gia đình và gia nhân chạy ra phía Đông mà lánh nạn, chỉ mình người nên ở giữa nhà mà chờ đợi, đừng để liên lụy đến người nhà.” Phật tử Bá Lân thâm tín vâng lời Bồ tát dạy. Quả thật năm ngày sau thì binh sĩ kéo đến nhà, Bá Lân vui vẻ nghinh tiếp và hỏi rằng: “Trong số các vị ở đây thì vị nào là Vương Ma Tử xin cho Tôi biết, vì Tôi thiếu nợ Vương Ma Tử 26 nhát dao, giờ đây Tôi xin sẵn sàng trả nợ, xin cứ giết Tôi.” Trong số binh sĩ đến, quả thật có người tên Vương Ma Tử, người ấy lấy làm kinh sợ hỏi rằng: “Vi sao Ông biết tên họ tôi?” Bá Lân bèn đem việc trong mộng thuật lại, Vương Ma Tử nghe xong than rằng: “Đời trước, Ông chém tôi 26 nhát dao nên đời này tôi tìm Ông để trả thù. Nhưng đời này nếu tôi giết Ông thì cũng không tránh khỏi đời sau Ông sẽ tìm tôi để trả thù lại. Thế là trả vay, vay trả biết khi nào mới dứt nợ.” Dứt lời, Vương Ma Tử dùng sống dao chém nhẹ trên thân Phật tử Bá Lân 26 nhát, đoạn nói rằng: “Thế là chúng ta không còn oán thù gì nữa, vì người mắc nợ và người trả nợ đã thanh toán xong.”

Phật tử Đường Nghi Chi bình luận: “Khi tôi chép truyện ngắn trên, tự thấy có 3 thâm ý - thứ nhất là đức đại từ đại bi của Quán Âm Bồ Tát có năng lực hồi chuyển định nghiệp của chúng sanh - thứ hai là nghiệp nhân đã gieo từ đời trước thì đến đời này thuận thực, khó mong mà thoát khỏi - thứ ba là những quả báo đã lãnh thọ trong đời hiện tại này đều do nghiệp nhân của

kiếp trước nên phải vui vẻ sẵn sàng mà lãnh thọ, không nên oán trời trách người, cũng không cần trốn tránh chi cho cực khổ. (Trích Đường Nghi Chi Kỳ Cầu Thơ)

31. Triều nhà Thanh, đưa con gái của Phật tử Lâm Tụu Khiết ở Hàng Châu, một hôm bỗng mắc chứng bệnh rất lạ kỳ, miệng cứ lẩm bẩm. Khiết gạn hỏi thì đưa con gái đáp: “Ta họ Nghê, tên Thoại Lâm, người ở Dương Châu, có 50 mẫu đất bị mây chiếm đoạt. Đời trước, đưa con gái này là con người họ Luru, làm sao thẩm sát có nhận của ta một số bạc lớn để xử vụ kiện ấy, nhưng đã không xử, lại còn giết ta chết trong ngục. Từ ấy đã 60 năm ta bị hàm oan nên tìm cách đòi mạng, nhưng vì không có dịp nên đến hôm nay, ta đến đây đòi mạng vậy thôi.” Thế rồi trong miệng cô gái đó cứ lẩm râm chuyện mình đến địa phủ và thuật lại những việc ở chốn Minh ty. Tụu Khiết thấy vậy, hết sức buồn rầu nhưng không biết làm sao giải quyết. Sau đó, Ông bảo con gái mình đến trước Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát lễ bái cầu đảo và phát nguyện mỗi ngày sẽ niệm thánh hiệu của Ngài 3,000 biến để nhờ Bồ Tát giải trừ oan nghiệp. Cô gái ấy một hôm nằm mộng thấy mình dịch (lính dưới âm phủ) cho biết rõ thời gian xử án. Quả nhiên, đến thời hạn thì bị đưa đến Minh phủ. Cô gái ấy nghe thấy người tố cáo mình ăn hối lộ và giết hại mạng của ông ta nên Cô cất lực cãi chính rằng người họ Nghi chết không phải do mình giết. Phán Quan bảo rằng: “Tội giết sanh mạng thì không thật nhưng tội thọ lãnh tiền tài thì thật có, vì thế người cần phải đền tội. Tuy nhiên việc ấy phải đợi Diêm Vương đệ tam điện phán xử.” Trải qua ba ngày, cô gái ấy lại bị bắt đến đệ tam điện để thẩm vấn, đối diện trước Diêm vương, Cô vô cùng sợ hãi khóc lóc cầu xin tha tội. Diêm Vương phán: “Tội của người tạo thì phải lãnh thọ, không thể dung tha. Nhưng Ta niệm tình người có tâm sám hối và trì niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, vậy Ta tha cho người, khi trở về dương thế thì phải gắng làm lành, lánh dữ, giữ tâm thâm tín Tam bảo đừng xao lãng, phải niệm Phật, lễ sám tụng kinh tinh tấn hơn trước thì sẽ hưởng thọ cao niên.” Dứt lời, Diêm vương truyền lệnh hai quỷ đưa cô gái ấy hồi dương.

Phật tử Lục Kỳ bình luận: Xét kỹ thì thấy cô gái họ Lăng bị bệnh từ năm Quý Tỵ, nếu so với thời điểm của câu chuyện xảy ra thì đúng là 60 năm. Khi vị Quan huyện cho người đi kiểm tra thì đúng là có người tên Ưng Lăng, người ở Triều Dương, huyện Bảo Khánh tỉnh Hồ Quảng. Vào niên hiệu Vạn Lịch nhà Thanh, năm thứ 8 vào năm Canh Thìn, thi đậu Tiến sĩ. Sau khi thi đậu thì nhậm chức tri huyện ở Côn Sơn. Qua năm Bính Tuất, Ông đi thẩm tra ở tỉnh Tứ Xuyên. Đến năm Mậu Tý thì làm Quan Tuần Diên coi các sở muối ở xứ Tường Lô. Đến năm Kỷ Sửu, Ông làm Quan Tuần án ở Hoài Dương. Thế là trước kia trong niên hiệu Vạn Lịch, nhà Thanh năm Kỷ Sửu, Ưng Lăng đã

làm Quan Tuần án, cho đến bây giờ là năm Quý Tỵ thì đầu thai làm thân nữ. Khi bị quỷ bắt đến Minh ty thì tổng cộng thời gian từ đó đến nay là 65 năm, đến năm Ất Mùi là 67 năm, mọi sự chuyển biến như vậy thật đáng ghê sợ. Tôi mong tất cả mọi người nói chung, và trong hàng Phật tử nói riêng, khi xem tích này nên sanh tâm chán ngán kiếp luân hồi của chúng sanh trong lục thú, mau tìm đường giải thoát. Nhưng muốn giải thoát thì không phải là chuyện nhỏ, cốt yếu nên vâng lời Phật dạy, nhất tâm niệm Phật, cầu về Tây phương Cực lạc thế giới, ấy là thượng sách, không có phương cách gì tốt hơn. (Trích Minh Báo Lục)

32. Chùa Linh Chi, xứ Tây Hồ là thắng cảnh duy nhất ở Ngô Việt, vì thế khách thập phương đi hành hương cũng như ngoạn cảnh, đông đúc tấp nập vô cùng. Nơi ấy, có thờ một Thánh tượng Quán Âm bằng gỗ cao 7m, tướng hảo đoan nghiêm, từ xưa đến nay rất là linh ứng. Tương truyền, pho Thánh tượng ấy là do một vị Tăng đi hành khất, quyên góp mà tạc thành. Sau khi Thánh tượng tạc xong thì Thầy đi nơi khác. Trải qua nhiều đời, ngôi bảo điện thờ Bồ tát theo thời gian cũng bị sụp đổ. Sau đó nền của điện lại bị một người là Tiêu Tú tài ở Hàn Châu đến chiếm cứ, vị Tú tài này là người không tin Phật pháp nên chiếm nền điện xây cất thư xá. Đã hơn 10 năm mà Thầy trụ trì trong chùa không đủ năng lực để kiến tạo ngôi bảo điện trở lại nên tạm đem Thánh tượng Bồ tát đặt dưới chân pho tượng Tam Thánh trong Chánh điện. Một Phật tử từng kể lại: “Tôi trước kia có đến ở chùa này một thời gian, mỗi khi vào Chánh điện thì lễ, nhìn thấy Thánh tượng Quán Âm không nơi thờ cúng, lòng hết sức buồn ngủi, nên bàn thảo với thầy trụ trì tìm phương cách để kiến tạo lại bảo điện. Thầy vui vẻ đồng ý nên Tôi liền tự tay viết lá đơn, nói rõ nguyên do xin quyên góp để kiến tạo ngôi bảo điện. Viết đơn xong thì trước khi thầy trụ trì đi quyên góp, phải đem đến cho vị Tú tài ấy xem để thực chứng vì Tiêu Tú Tài là người quyền thế trong địa phương nhưng họ Tiêu từ chối vì lý do ứng thí khoa cử nhân chưa ổn định, vậy là sự kiến tạo bảo điện Bồ tát bất thành. Vài ngày sau trên bảng nêu tên các thí sinh trúng tuyển không thấy có tên vị Tú Tài đó mà còn mắc phải chứng bệnh lạc huyết rất nặng. Một hôm, Quảng Công Tử Khả Thành từ Hội Khê đến thăm, Tôi mời ở lại dùng cơm tối và nghỉ ngơi thì Công tử kể lại một giấc mộng rằng: năm xưa, người ấy từng nghỉ trọ tại thư xá của họ Tiêu, đêm nằm mộng thấy một thần nhân từ không trung giáng hạ bảo phải đi ngay tức khắc, nếu không sáng ngày hôm sau sẽ có đại họa. Khi thức giấc, ông cảm thấy rất bàng hoàng về giấc mộng nên quyết định ra đi. Sau khi người ấy rời khỏi thư xá, thì có một người từ phong trần đến nghỉ trọ, nửa đêm không bệnh mà bị bạo tử. Thế là đại họa ấy họ Tiêu phải mang. (Trích Quái Viên Chí Dị)

33. Cừ nhân Đái Tinh Quy ở Tô Châu, là người có tánh tính lăng loàn, tạo nhiều tội ác nên tất cả dân ở xứ Ngô Việt thường gọi hắn là Đái Si. Vì có nhiều người bị hại, nên họ báo quan. Họ Đái bị Quan bắt trói, tống vào ngục, sau một thời gian ngắn thì chết. Một hôm, có một người sống tại thành Tô Châu bị bạo tử, ngày sau sống lại thì thuật lại rằng khi vừa chết thì thấy mình đến một nơi có cung điện nguy nga, giữa điện có Diêm vương an tọa, tả hữu có Phán Quan, lại có quỷ đầu trâu mặt ngựa, cầm chia ba bằng thép, chùy đồng đứng xếp hàng nghiêm chỉnh. Diêm Vương truyền lệnh bảo người đem họ Đái bỏ vào vạc dầu sôi. Dứt lời thì nơi bình địa bỗng hiện chảo dầu đang sôi sùng sục, ngục tốt xúm lại, cầm chia ba đâm họ Đái để bỏ vào chảo dầu. Đái quá kinh sợ nên lớn tiếng niệm Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da, tức thì chảo dầu sôi bỗng hóa thành những đóa hoa sen. Diêm Vương nghe vậy liền phán: “Nó có thể trì tụng chú Phật thì không thể hành hình được. Cần phải tra xét trên dương thế xem nó làm tội ác ở nhà nào thì cho lên đầu thai ở nhà ấy mà trả quả.” Vị Phán Quan ở bên tả tâu rằng: “Hạ thần biết ở tại Gia Hưng có một đồ tể làm ác đã ba đời, người này không con, vừa rồi có mời các đạo sĩ lập đàn cúng tế cầu nguyện.” Diêm Vương lập tức truyền lệnh cho Đái đầu thai trong nhà ấy. Người bạo tử kia có nhớ rõ ngày tháng nên đến gần ngày sinh thì đến Gia Hưng để hỏi thăm, quả nhiên sự việc ấy không sai một mảy may. (Trích Hiện Quả Tùy Lục)

34. Chùa Phổ Môn ở tại Linh Sơn có một vị Cao tăng, giới luật tinh nghiêm, tu hành dũng mãnh, đồ chúng của Ngài rất đông, trong đó có 8 vị Tăng. Các thầy thường đến nhà của quý Phật tử gần chùa, lập đạo tràng phổ độ vong nhơn. Mỗi khi làm lễ cầu siêu, các Thầy ấy tự tiện đem 30 quyển Bát Nhã Tâm kinh thiêu hóa thành tro, tàn tro theo gió bay tán mát tứ phương. Trong tám vị Tăng nói trên, có một vị Tiểu đầu đà, tự biết việc làm ấy không đúng nhưng chẳng dám nói ra. Một đêm nọ, Tiểu Đầu đà mộng thấy mình bị bắt đến Diêm phủ. Khi vừa đến, chú nhìn thấy một vị vương gia, ngự trên tòa cao trong ngôi bảo điện. Bày vị Tăng trong chùa đều hiện diện và quỳ phía trước. Diêm vương hỏi: “Tại sao mấy thầy dám cả gan đem Bát Nhã Tâm Kinh ra thiêu đốt trong lễ cầu siêu? Hiện tại, các chữ kinh còn rõ ràng bị vứt bỏ trên các nẻo đường, người đi dậm đạp, làm như Thánh kinh, không tội nào lớn hơn tội này.” Bày vị Tăng ấy đều nhận tội. Diêm Vương lại hỏi Tiểu Đầu Đà rằng: “Tại sao Thầy thấy mà không chịu can ngăn?” Thầy thưa: “Tôi mới vào chùa, không dám trái ý sư phụ, sư huynh.” Diêm Vương nói: “Trẫm tha thứ cho Thầy nhưng khi về dương thế phải bạch với Trưởng lão từ nay về sau, phải triệt để ngăn cản đồ chúng, đối với kinh điển phải hết lòng kính trọng, không nên khinh

thường.” Diêm Vương lại phán: “Việc đốt Kinh Bát nhã trong các lễ cầu siêu chỉ có các vị Thánh Tăng, giới hạnh cao thì mới làm được do vì tro đó sẽ bay lên thượng giới; trái lại các phàm Tăng, giới hạnh không toàn, khi thiêu hóa một tờ kinh, giấy tro rơi xuống đất, chẳng những hoàn toàn không có công đức, lại tự mình tạo tội ác muôn ngàn. Thôi Thầy mau trở lại dương thế đi, đem lời Trẫm nói để phổ biến trong hàng Tăng tục ở mười phương, tụng Bát nhã tâm Kinh in trong các Kinh thì được, còn việc thiêu hóa để cầu siêu thì không nên làm.” Tiểu Đầu Đà khi thức dậy thì đem việc này bạch với Trưởng lão. Không bao lâu thì có bốn vị Tăng bị tử nạn, do bức tường đẽ chết, hai vị Tăng khác thì bị chết đuối dưới sông, vị Tăng còn lại chết vì bị Quỷ mị đê. Tiểu Đầu Đà thấy mọi sự ứng hiện như lời Diêm vương nói, từ đấy quyết tu hành tinh tấn hơn xưa, về sau chứng ngộ đạo quả. *(Trích Tích Tụ Toàn Biên)*

35. Triều nhà Thanh, phụ thân của sinh viên Du Nguyên ở Triều Châu, tỉnh Giang Tây, bị bệnh phổi đã nhiều năm. Riêng Du Nguyên bị chứng động phong từ lúc nhỏ, đôi mắt bị tổn thương, tất cả lương y đều bó tay không có cách nào chữa trị. Nguyên cưới vợ là Hồ Thị đã 30 năm nhưng không có con. Hồ Thị nhìn thấy toàn gia bên chồng bị tai ách nên buồn rầu khó ăn, mất ngủ. Niên hiệu Càn Long nhà Thanh, mùa Xuân năm Kỷ Hợi, Hồ Thị họp cả gia đình lớn nhỏ, đoạn quì dưới gối cha mẹ chồng thưa rằng: “Thưa cha mẹ, từ lâu con rất buồn khổ, vì trông thấy gia đình mình, từ cha mẹ cho đến chồng của con, và anh chị em trong nhà đều bị bệnh khổ triền miên. Con tự nghĩ đây chắc là do nghiệp nhân không tốt nên chiêu cảm quả báo như thế. Vậy con mong cha mẹ cũng như anh chị em trong nhà, đồng một chí nguyện hướng về Tam bảo, ăn chay niệm Phật tụng kinh, và giữ lòng cho thanh tịnh. Ngoài việc niệm Phật tụng Kinh, tất cả nên chí thành xưng niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát để sám hối túc nghiệp thì con chắc chắn, nhờ từ lực của Tam bảo mình gia sẽ chuyển khổ thành vui, chuyển nguy thành an ổn.” Cha mẹ chồng thuận theo lời khuyên của Hồ Thị mà thực hành, quả nhiên không cần thuốc thang, cả nhà bệnh hoạn đều khỏi hẳn. Du Nguyên chồng của Hồ Thị, bệnh mắt cũng được lành. Hồ thị cũng sanh một đứa con trai và mẹ chồng hưởng thọ đến 80 tuổi. Lúc còn sống, mẹ chồng của Hồ Thị bị bệnh lạc huyết rất nguy kịch, Hồ Thị đã đến trước Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát, huyết lệ tuyên rơi, nhất tâm cầu đảo Bồ Tát xin cho bệnh của mẹ chồng mau khỏi. Mẹ chồng của Hồ Thị trong lúc hôn mê bất tỉnh, phảng phất thấy một bà già đứng trước giường bệnh và nói: “Không hề gì đâu. Ta bảo đảm bệnh ngươi sẽ khỏi.” Quả nhiên, trong vòng vài ngày, mẹ chồng Hồ Thị khỏi hẳn chứng bệnh ấy. Từ đó về sau, gia đình họ Du tụng

Kinh niệm Phật rất chuyên cần, và mỗi năm cho người ấn tống kinh Phổ môn và phát cho người trì tụng. *(Trích Nam Hải Từ Thoàn)*

36. Triều nhà Thanh, có người sinh viên tên Kim Hoàng, ở huyện tỉnh Triết Giang, tánh tình hiền hậu và chí hiếu. Vào niên hiệu Khang Hy, năm thứ 6, ngày 21 tháng 7, Hoàng nằm mộng thấy Tường Y Tiên nhân đến bảo rằng: “Ngươi có túc nghiệp nên ngày này năm sau sẽ bị Thiên lôi đánh.” Hoàng giật mình thức dậy, nhớ lại lời của Tiên Ông dạy, vô cùng lo sợ. Nhưng do Hoàng là đứa con sống trong gia đình Phật tử, kính tín ngôi Tam bảo, hiểu rõ lý nhân quả, nên hàng ngày đến trước Phật đài, cầu xin sám hối tội lỗi, tiêu trừ nghiệp chướng. Ngoài giờ lễ sám tụng Kinh, thì cầu Bồ Tát gia hộ. Năm sau, vào ngày nói trên đúng lúc bầu trời quang đãng, Hoàng bỗng thấy không trung mây đen bủa khắp tối tăm, tự biết không thể nào tránh khỏi túc nghiệp như lời Tiên Ông đã nói. Việc trả quả, Hoàng vui lòng nhưng điều Hoàng hết sức lo buồn là còn mẹ già ở lại, không người phụng dưỡng, dù anh chị em có đông nhưng những người ấy không lo được cho mẹ. Hoàng vội đến dưới ngôi phù đồ ở núi Vân Bút, quỳ trước bảo tháp, chắp tay thành kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm. Bỗng một trận cuồng phong bão nổi dậy, sấm sét đùng đùng vang trời, lúc ấy tất cả gia nhân đều hốt hoảng khóc than, vì họ tin rằng thế nào Hoàng cũng sẽ chết dưới lưới tầm sát của Thiên lôi, nhưng trận mưa dông vừa chấm dứt thì cảnh trời trở lại quang đãng. Mọi người kéo nhau đến ngôi phù đồ thì thấy Kim Hoàng vẫn chắp tay ngồi thẳng như nhập thiền định, mọi người mừng rỡ muôn phần, đỡ Hoàng đứng dậy, đưa về nhà. Hoàng lúc ấy kể lại: “Lúc tôi đến quì trước bảo tháp thì chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm, Tôi cảm thấy an ổn như ngủ và thấy Quán Âm Đại Sĩ tay cầm nhánh liễu tưới nước cam lồ trên thân. Ngài lại cầm chiếc gương báu chiếu vào thân tôi rồi bỏ đi. Khi ấy tôi như người trong giấc mộng thức dậy.” Từ đấy, thân mẫu Kim Hoàng cùng tất cả gia nhân, tín tâm với Phật pháp càng mãnh liệt, nhất là với Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, lòng tin càng triệt để. Mỗi ngày hai thời, việc tụng niệm không biếng trễ và chuyên lễ bái cúng dường Đại sĩ để ghi nhớ thâm ân hồi sanh cứu tử cho Kim Hoàng. *(Trích Hồ Duy Tập ký)*

37. Triều nhà Thanh, niên hiệu Khang Hy, vào năm thứ 5, có một nhóm người ở Tây Dương đến Phố Đà Sơn tạm trú khoảng nửa tháng, thì thừa dịp này, lén vơ vét hết bảo vật trong chùa như các bức tượng đồng thếp vàng và tràng phan bảo cái, v.v... Sau đó, họ mang sang Nhật bản bán, lấy được số tiền trên 200 lạng vàng. Nhóm người ấy khi chuẩn bị về bốn quốc, thuyền vừa ra biển thì phát hỏa. Tất cả đều bị chôn thân trong biển lửa. *(Trích Phố Đà Sơn Chí)*

38. Triều nhà Thanh, niên hiệu Khang Hy, vào năm thứ 11, đầu năm Nhâm Tý, có một toán binh sĩ đông đến cả ngàn người, đi trên các chiến thuyền, đến đậu tại Lạc Gia (tức Phổ Đà). Họ ghé vào bảo điện thờ Quán Âm Đại sĩ, dù nơi đây là chốn thanh tịnh trang nghiêm nhưng các binh sĩ đó không một chút kiêng dè, mang cả giày dép đi vào trong bảo điện như đang đi ngoài đường, lại còn nói cười, ca hát tự do như ở chốn đồng hoang. Lúc họ vào thì bình yên vô sự, nhưng khi trở ra thì bỗng có độc xà gần 10 thước xuất hiện ngay cửa, há miệng hà hơi độc, và bắn những chiếc lông nhọn trên mình vào đám lính ấy. Cả bọn hãi hùng, kêu la tìm đường chạy trốn nhưng lúc ấy, tình thế lại càng nguy hiểm hơn vì có một đàn chó khổng lồ từ đâu không biết nhảy ra bao vây đám binh sĩ. Đám binh sĩ lúc này không có phương nào chạy trốn, bị vây chớ dữ lao đến, cắn xé như chó săn gặp thú rừng. Bọn chúng lớp chết, lớp bị thương rất nhiều. Dân chúng đương thời cho rằng đó là do Hộ pháp cảnh cáo bọn quân nhân vô đạo. (Trích Phổ Đà Sơn Chí)

39. Tại Thạch Bồ Trầm ở Giang Tô, tỉnh Côn Sơn, có một điện thờ Quán Âm Đại Sĩ, nơi đây phong cảnh rất tịch mịch và thanh lương. Vào niên hiệu Khang Hy, năm đầu nhà Thanh, có vài người trong làng mang thỏ vào điện thờ làm thịt để nhậu. Sau khi giết thỏ, chuẩn bị đem chiên xào thì không có dầu. Lúc ấy, một người chỉ lên chiếc đèn lưu ly dầu phộng đang thắp trên bàn thờ Phật rồi tự tiện lên lấy đổ dầu vào chảo để xào thịt thỏ. Sau khi ăn nhậu xong, thì đôi mắt bọn chúng bỗng nhiên bị mù, muốn đi vài bước cũng không được. Những người quen biết liền đến nhà báo tin cho gia đình biết, vợ con đến dẫn về thì chỉ trong vài ngày sau thì chết. (Trích Âm Chất Văn Giảng nghĩa)

40. Nhượng Am Lục Sư ở chùa Bạch Tước, xứ Triều châu. Hòa thượng phát nguyện kiến tạo lại ngôi bảo điện để thờ Quán Âm Bồ tát nhưng lúc chưa hoàn thành ngôi bảo điện thì tài chánh đã hết nên không thể xây thêm bốn bên hành lang. Lúc bấy giờ, có người Phật tử họ Phan nghe tin, vội mang đến 20 lượng vàng cúng dường để hoàn thành công việc này, nhưng lúc ấy, do Tăng chúng trong chùa rất đông, không có chỗ để ăn uống, nên Hòa thượng bèn đem số vàng ấy cất một dãy nhà vệ sinh. Về sau, Phật tử họ Phan đến hỏi thì Ngài đáp: “Tôi đã đem số vàng ấy làm việc công đức khác cần thiết hơn, nên việc xây thêm tam cấp xung quanh bảo điện chưa làm được. Tôi định sẽ tìm số tiền khác để hoàn thành bốn nguyện của thí chủ.” Phật tử họ Phan vừa nghe xong thì trong lòng không được vui, Ông không nói một lời, lặng lẽ bỏ đi. Không bao lâu thì Hòa thượng lâm bệnh qua đời nên việc hoàn thành bảo điện bị bỏ dở. Sau một

thời gian, tự dung chú Sa di trong chùa bỗng mắc bệnh điên, hung hăng đập phá trong chùa, nên người Trụ trì buộc phải trốn trú trong một biệt thất, vài giờ sau đã thấy Sa di đi ra. Thấy vậy các Thầy hỏi: “Ai mở trói cho Ông?” Chú liền đáp: “Nhượng Am Hòa thượng mở trói cho tôi chứ ai!” Mọi người đều nói rằng Chú nói láo thì ngay lúc ấy thì vị Lục Sư quá cố liền nhập vào thân Sa di nói rằng: “Mấy ông đừng nói Tiểu Sa Di nói láo, sự thật chính tôi đã mở dây cho nó. Nhân tiện đây, Tôi cũng xin thú nhận đã dùng tiền của một thí chủ cúng dường xây thêm đá ở đại điện Quán Âm để xây nhà vệ sinh, nên từ ngày Tôi xả báo thân, chẳng những không được siêu sanh Phật quốc mà còn bị đọa xuống Minh phủ, bị Diêm Vương cật lực quở trách, lại phán qui tốt ngày ngày lấy đá đè lên thân, sự đau khổ ấy Tôi không thể dùng lời tả xiết. Vậy Tôi mong tất cả đồ chúng nghĩ tình Sư đệ, mau mau quyên góp tiền, mua đá rửa thật sạch, mướn người xây tam cấp để công việc bảo điện được hoàn thành. Hàng ngày, xin huynh đệ vân tập lên Chánh điện, chí thành trì tụng Phạm Võng Bồ Tát Giới Kinh thì chắc Tôi sẽ được thoát khổ.” Trong chúng có một vị cao tuổi đứng ra hỏi: “Kính bạch Tôn Sư, vì sao Tôn sư lại dựa vào chú Sa di này?” Cố Hòa thượng đáp: “May mắn cho Tôi vì trên đỉnh đầu của Sa di này không có quang minh, nên Tôi mới mượn được thể xác của nó để truyền tin.” Dứt lời thì cố Hòa thượng trong xác Sa di buồn khóc nghẹn ngào, đoạn nói tiếp: “Các vị có biết không, nếu Tôi không mượn xác của Sa di nhỏ này thì chắc thọ khổ không biết lúc nào mới ra khỏi.” Đồ chúng biết Thầy mình bị đọa nên nhiều vị thương cảm, ngã xuống đất khóc mà nói không ra lời. Sau đó, tất cả cùng nhau lo xây tam cấp để ngôi bảo điện được hoàn thành. Trải qua hơn một tháng thì Nhượng Am Lục sư xuất hồn mà đi, bấy giờ Tiểu Sa Di trở lại tình trạng thanh tịnh như trước. (Trích Hệ Quả Tùy Lục)

41. Triều nhà Thanh có người tên Khuru Lỗ, huyện Lâm Xuyên, tỉnh Giang Tây, đã ngoài 40 tuổi mà vẫn chưa có con. Vào niên hiệu Ung Chính, năm Ất Mẹo, vào một hôm nọ, Khuru Lỗ may mắn gặp được Kinh phổ Môn nên vui mừng phát tâm trì tụng để cầu con. Quả nhiên, hai năm liền tiếp sanh được hai đứa con trai, nhưng sau khi có con thì tin tâm Ông lại thối lùi, tự cho rằng có con là lẽ tự nhiên, không phải do thần lực Bồ tát gia hộ. Đến năm Đinh Tỵ và Mậu Ngọ, hai trẻ ấy liền tiếp bị yếu số. Khuru Lỗ giạt mình tình ngộ, biết ác nghiệp nghi ngờ trước đây là điều đại tội nên Ông đến trước Thánh tượng Đại Sĩ, chí thành lễ bái sám hối và cầu Ngài từ bi chứng giám, rồi phát nguyện ấn tống Kinh Phổ Môn, sau khi phát nguyện thì theo bốn nguyện mà thực hành. Đến năm Canh Thân, vợ Ông là Nhan Thị mộng thấy Đại Sĩ nhan diện hoan hỉ, Ngài mỉm cười bồng theo đứa trẻ rồi để nơi giường và bỏ đi. Quả nhiên sau đó Nhan Thị sanh

được một nam tử. Một năm sau đó, Nhan Thị cũng mộng như trước và lại sanh tiếp một nam tử nữa. Từ đó, vợ chồng Khuru Lỗ hết lòng thâm tín Đại sĩ, hàng ngày mai chiều lễ niệm, và trì tụng kinh Phổ Môn không ngày nào thiếu sót. (Trích Nam Hải Từ Thoàn)

42. Triều nhà Thanh, Ca Bang Việt là người ở tỉnh An Huy, đã đến tuổi tứ tuần nhưng không có con. Cháu của Ông là Ca Khởi Nguyên khuyên Ông rằng: “Tụng Kinh Phổ Môn, cầu con rất linh nghiệm. Chú đã lớn tuổi, chưa có con kế tự, sao không đọc tụng kinh này.” Bang Việt nghe xong thì liền nói: “Chú cũng tin như thế nhưng hiện tại không có Kinh ấy.” Khởi Nguyên thưa: “Cháu xin đi thỉnh cho Chú một quyển, nhưng Cháu xin thưa trước, việc tụng kinh phải chí thành mới có kết quả. Lại nên phải nguyện trì tụng ít nhất một tạng và ấn tống kinh ấy, rồi phát cho mọi người đọc tụng, như thế mới mong thêm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng thêm phước báu.” Vào niên hiệu Khang Hy, năm Tân Dậu, vợ chồng Bang Việt đồng phát nguyện hàng ngày trì tụng, nên liền tiếp sanh hai đứa con trai, nhưng chỉ vài năm sau thì hai đứa trẻ ấy bị yếu số. Vợ chồng tự hối trách về lỗi xao lãng, vì họ chưa ấn tống Kinh Phổ Môn cho người trì tụng, năng lực công đức kém ít, nên mới xảy ra việc như thế này. Ngày Nguyên Đán năm Ất Sửu, hai ông bà liền đến trước Phật đài, chí thành lễ bái cầu đảo, nguyện Phật chứng minh gia hộ, nếu sanh được đứa con trai khác thì nguyện sẽ ấn tống 3,000 quyển Phổ Môn. Quả nhiên đến tháng 11 năm ấy, họ sanh được một đứa con trai, đặt tên là Phật Tứ. Bấy giờ, hai ông bà không dám khinh suất như ngày trước, họ vội xuất tiền, in Kinh ấn tống thực hiện bốn nguyện. Đứa bé ấy lớn lên rất dễ nuôi, khôn ngoan và chí hiếu. Từ ấy, hai ông bà tu hành rất tinh tấn. (Trích Nam Hải Từ Thoàn)

43. Phật tử Trí Ông là một người cự phú ở Tô châu, tuy sống trong cảnh giàu sang sung sướng nhưng với tiền bạc, ông lại xem thường như đất đá. Ông chỉ ưa thích việc làm trọng đạo nghĩa, nhất là hạnh bố thí. Trên 40 tuổi, Ông mới sanh được một đứa con trai, đặt tên trẻ ấy là Hoàng. Một hôm, ông mang 300 lượng vàng đến chùa Hoa Nghiêm, xứ Hồ Khâu, để trùng tu đại điện thờ Quán Âm Bồ tát. Khi vừa đến chùa, Trí Ông bỗng nghe tiếng khóc than bên hồ Kiến Trì, ông vội chạy đến xem thì thấy không ai xa lạ, chính là người họ Quế, bạn đồng học của Ông lúc nhỏ. Trí Ông gạn hỏi lý do và biết được người ấy vì mắc nợ quá nhiều, bị chủ nợ bức bách nên định đến hồ này kết liễu cuộc đời. Trí Ông vào chùa, mở lấy 300 lượng vàng trao cho họ Quế. Họ Quế cúi đầu cảm động, bèn đến trước tượng Đại Sĩ phát thệ rằng: “Cầu xin Bồ tát chứng minh gia hộ cho con, mang thâm ân của Trí Quân, cứu tử hồi sanh, nên đời này không

thể đền đáp, nguyện sanh làm chó ngựa, trở lại trả nợ cho Ngài.” Trí Ông an ủi: “Anh cứ yên tâm, đem số tiền này về lập nghiệp sinh sống, chúng ta là bạn từ thuở bé nên việc trả lại khi nào cũng được, xin Anh đừng bận lòng.” Trí Ông sau đó trở về nhà, mang đến đủ số vàng như trước trở lại chùa, cầu xin Trụ trì trong chùa lo việc trùng tu bảo điện Quán Âm cho mãn nguyện. Trí Ông lại đem khu vườn trồng táo độ 2-3 mẫu biếu cho họ Quế để lập gia nghiệp. Năm đó, nhà họ Quế sanh một con gái nên ước hẹn sẽ kết thông gia. Không bao lâu, trong lúc dọn vườn ở gốc cây táo, họ Quế đào được lu vàng trên ngàn lượng do phụ thân của Trí Ông đã chôn. Nhờ duyên may này mà họ Quế dần trở thành triệu phú, xây cất nhà ngang dãy dọc, tậu ruộng vườn rất nhiều. Trái lại, gia đình Trí Ông ngày càng sa sút, hai ông bà lại lần lượt tạ thế nên bấy giờ, đứa con trai tên Hoàng trở thành trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Họ Quế nghe vợ là Tôn Thị thuật rõ tình cảnh hiện tại của Hoàng nên Ông ta sợ đến đòi món nợ ngày trước, bèn toan tính việc phân bội lời đính ước với Trí Ông trước đây. Ông ta dời cả gia đình đến Hội Kê lập gia nghiệp khác, ngôi nhà đồ sộ đang ở thì sang lại cho người khác. Hoàng nghe nói họ Quế dọn đến Hội Kê nên nghĩ thế nào họ cũng nghĩ lại nghĩa xưa với cha mình nên đến Hội Kê tìm nhà họ Quế. Bất hạnh cho đứa trẻ ngây thơ, khi vừa đến nhà gặp họ Quế thì Quế giả như người tai điếc, mắt ngơ không biết đến tên. Hoàng quá ngây thơ không biết được lòng người điên đảo nên đem sự thật hoàn cảnh của mình tỏ bày với Quế. Quế vẫn lắc đầu làm ngơ đáp: “Tôi không biết sự việc này.” Hoàng nhắc lại việc mượn 300 lượng vàng của cha mình, bấy giờ Quế lại dờ dờ tỏ tàn nhẫn bảo: “Người mau ra khỏi nhà này, đừng nhiều lời lời thôi, nếu không Ta sẽ gọi nhà hữu trách đến trừng trị”. Vì món nợ ấy không có một tờ giấy làm chứng nên Hoàng vừa nghe những lời bạc ân của họ Quế thì cúi đầu nuốt lệ, ngậm hờn mà ra đi. Qua năm sau, họ Quế lại vào Kinh đô toan tính chuyện làm ăn lớn, hợp tác với người nhưng người gian ác tất gặp kẻ ác gian. Quế mua phố lâu làm ăn được thời gian ngắn thì bị người lừa gạt, tài sản hao hơn phân nửa, sau đó lại bị chiếm đoạt luôn nhà phố. Bấy giờ Quế ở kinh đô như lữ khách không nơi nương tựa. Một đêm nọ, trong lúc nghỉ trọ ở nhà người, suốt đêm trần trọc không ngủ được, khi vừa thiu thiu ngủ thì thấy mình đi đến một ngôi nhà đồ sộ, cửa nẻo đóng kín chỉ có một lỗ trống bên cạnh. Quế dùng hai tay chống xuống đất chui vào thì thấy ở nhà trên, đèn lớn sáng trưng, có một lão Ông ngự nơi bàn án. Quế nhìn kỹ thì chính là Trí Ông. Quế vô cùng hổ thẹn, muốn đưa tay lên váichào nhưng hai tay bị dính chặt dưới đất không thể giơ lên, Quế bò ra vườn sau thì thấy vợ mình và hai con đều hiện diện ở đó. Nhìn kỹ thì tất cả đều là hình dáng chó chó chứ không phải là người, ngó lại bóng mình cũng đã hóa thành chó.

Quế quá kinh hãi nên hỏi nguyên do. Ôn Thị nói: “Ông không còn nhớ lời thề ở trước Quán Âm Đại Sĩ hay sao? Bấy giờ còn hỏi lại làm chi?” Quế giât mình thức dậy thì biết đó là giấc mộng bèn vội vã sắp xếp hành trang trở về Hội Kê. Vừa về đến nhà thì nhìn thấy trong nhà có hai chiếc quách, trên bàn có bài vị của hai đứa con mình, Quế hải hùng bước vào trong thì thấy Vợ cũng đang bị bệnh nguy ngập sắp tắt hơi. Quế đứng bên cạnh gọi lớn thì vợ ông bỗng mở mắt, nhưng lạ lùng là người vợ của Quế cất giọng hỏi Ông bằng giọng của đứa con trai lớn: “Tại sao hôm nay Cha mới về, quá chậm trễ như vậy? Gia đình Ta phụ ơn bội nghĩa nhà họ Trí, nên Minh vương căn cứ vào lời thề của Cha ngày trước phạt ba người là Mẹ và anh em chúng con đến sáng ngày mai sẽ đến nhà họ Trí đầu thai làm chó. Trong ba con chó đó có hai con đực chính là anh em chúng con, con chó cái trên lưng có bướu chính là Mẫu thân. Riêng phần Cha, đến tháng 8 mùa Thu năm nay, cũng sẽ làm chó nhà họ Trí để trả lại lời thề trước. Chỉ có em gái của con thì được khỏi nạn ấy mà thôi vì trên thiên đình cũng như Âm phủ đều đã định nó cùng với đứa con trai nhà họ Trí làm vợ chồng.” Đứa con trai nói mấy lời ấy xong thì thần thức rời khỏi thân xác. Quế nghe những lời nói vừa rồi thì hoàn toàn ứng hợp với giấc mộng, nhưng cố gắng không nghĩ đến để lo việc tảo liệm thi hài của vợ và chôn cất hai con. Họa vô đơn chí, nhà Quế lúc ấy đột nhiên bị hỏa hoạn nên tử thi của vợ và hai con đều cháy rụi. Bấy giờ họ Quế cùng với đứa con gái ngây thơ không một nơi nương tựa, dắt nhau đến Tô châu, hỏi thăm tin tức con trai họ Trí, thì được biết Hoàng đã thi đỗ cao và được Triều đình tuyển dụng làm Thượng Thư Bộ Lễ. Chàng cũng đã cưới con gái của Quan Bố Chánh làm vợ. Cha con của Quế vừa tới trước tư dinh của Thượng Thư thì người gác cửa không cho vào, Ông ta then thùng ân hận muôn phần. Hai ba phen khẩn thiết xin vào yết kiến Quan Thượng thư nên người gác cửa bèn vào bẩm lại. Thượng Thư họ Trí liền cho mời vào ngay tức khắc. Khi cha con Ông vừa vào thì ba con chó đột nhiên cũng từ lỗ vách chạy ra, Quánh quẩn bên chân cha con họ Quế và kêu la rất buồn thảm. Họ Quế nhìn kỹ trên lưng con chó cái thì quả nhiên có cái bướu. Lòng Ông đau như cắt, đứng trước Quan Thượng thư, tuôn trào nước mắt, lễ bái và thuật lại hết nguyên do. Cuối cùng Ông nói: “Hiện giờ gia sản tan tành, cha con tôi không nơi nương tựa, vạn bất đắc dĩ phải đến đây, xin Quan lớn nhận đứa con gái này làm tỳ nữ cho phu nhân. Tôi cũng xin được vào hàng nô bộc của Quan lớn, nguyện trọn đời đem sức lực của mình hầu hạ cho Ngài, chỉ ước mong sao cho khỏi báo thân làm chó là mãn nguyện rồi.” Thượng Thư họ Trí nghe qua thì vô cùng xúc động, mắt ngấn lệ, rồi an ủi cha con họ Quế rằng: “Bác và Tiểu thư cứ an tâm ở nơi đây, Tôi sẽ cung phụng đầy đủ.” Đêm ấy, họ Quế nằm mộng thấy vợ

con mình đến cung kính tạ ơn nói rằng: “May mắn là lang quân đã biết ăn năn tội lỗi nên song thân của Quan Thượng thư họ Trí đã vì lang quân mà xin cho chàng khỏi thọ thân làm chó, mà Mẹ con tôi cũng được thoát thân súc sanh đê tiện này rồi.” Quả nhiên đến sáng, Ông nghe tin ba con chó đêm vừa rồi đều chết. Cha con họ Quế ở lại tư dinh của Quan Thượng Thư, trải qua hơn một năm thì Quế không hề bệnh hoạn chi và thoát khỏi hẳn quả báo súc sanh. *(Trích Tự Cầu Tập)*

44. Vương Kiến ở Ngô Môn là người tánh tính hiền hậu lại chí hiếu, đặc biệt có tánh cẩn thận. Một hôm nọ, không bệnh hoạn gì nhưng vào lúc ban ngày bỗng ngã ra chết. Thần thức Ông theo một vì thông lại mặc áo xanh đến Minh phủ. Đến nơi, Ông nhìn thấy một cung điện nguy nga, ở giữa có Diêm Vương ngồi thẩm vấn các tội nhân. Khi hỏi đến Vương Kiến thì mới biết là quỷ sứ đã bắt lầm, vì người phải bắt cũng là Vương Kiến nhưng ở Sơn Đông, chứ không phải Vương Kiến ở Ngô Môn. Diêm Vương quở trách vì thông lại rồi bảo người dẫn Vương Kiến hồi dương. Kiến vừa ra khỏi điện thì thấy địa ngục lửa cháy rần rần, khói đen mịt trời, tiếng la hét kêu gào của tội nhân như sấm vang. Lại trông thấy có ba vị Lão tăng ngồi kiết già trên cảnh đại thọ, mỗi khi tiếng khóc la của tội nhân ngục tù vang dội thì ba Ngài dùng tịnh thủy rưới, âm thanh ấy tức thì tạm dừng. Kiến đến gần hỏi thăm thì Phán Quan cho biết: “Ông không nên cho rằng ba Ngài là lão Tăng tầm thường, đây chính là ba vị Đại sĩ Quán Âm, Phổ Hiền và Địa Tạng.” Ông nhìn quanh thì thấy có một người Hòa thượng quen với mình ngày trước. Ngài ở dưới Minh Phủ, mặc áo cà sa, cầm tích trượng như lúc sanh tiền từng dự vào việc cứu khổ tội nhân địa ngục. Sau khi Vương Kiến hồi dương liền viết lại một chương Hồi ký, mượn thợ khắc bản in ấn, phổ biến khắp nơi, mong mọi người hồi đầu bỏ dữ theo lành, hướng về Tam bảo, ăn chay niệm Phật để thoát khỏi hậu báo ở Diêm đình. *(Trích Hệ quả tùy lục)*

45. Triều nhà Thanh, vào niên hiệu Khang Hy, năm thứ 33, lúc tháng Giêng, có một người họ Lý ở xã An Đông, huyện An Túc, bỗng nhiên mắc bệnh điên, luôn nói mê sảng. Tất cả việc mình làm lúc bình sanh đều nói ra, có khi tự mình nói, có khi thần nhân nói. Trên giữa không trung người ta nghe có tiếng nói rất rõ, mọi người hỏi thì Lý đáp: “Đó là người xem sổ bộ án.” Trong sổ bộ ấy thuật lại một việc là con gái họ Vương được gả cho một người nhưng vì thấy hai vợ chồng bất hòa nên họ Lý xúi giục ly dị để giới thiệu gả cho người ở Tây Hoa. Người con gái họ Vương nghe tin ấy liền bỏ nhà trốn đi, nhưng sợ người hàng xóm biết nên cô cải trang xen lẫn trong nam tử, đi lang thang không nơi nương tựa, phần thì buồn

rầu lo sợ không yên nên sanh bệnh, trải qua chín ngày thì lìa đời. Đọc sổ bộ án xong thì nghe có tiếng người hỏi: “Họ Lý có việc lành gì đáng ghi không?” Tiếng ở không trung đáp lại: “Ngày ấy, tháng ấy, năm ấy nó có tu bỏ điện thờ đức Quán Âm.” Lại nghe tiếng Minh Quan nói: “Tội nhân này đáng lẽ bị trời tru lục, nhưng do chút phước lành ấy nên cho nó hồi dương và bảo phải đem việc Minh phủ tuyên truyền cho người thế gian biết.” Sau khi họ Lý tỉnh lại, thì đi khắp mọi nơi kể lại rằng: “Dưới Minh phủ không giống dương gian, mọi việc có không được thắm xét rõ ràng không sai một mảy may, nên người đã tạo tội không cách gì lẩn trốn.” rồi cất lực tuyên truyền khắp trong thế nhân, khuyên người cố gắng bỏ dữ làm lành, dù chỉ là một ác niệm cũng không nên móng khởi vì chư Thần mỗi mỗi đều thấy rõ và ghi chép lại. Từ đây, họ Lý hoàn toàn tinh ngộ, hồi đầu, phát tâm tín kính Tam bảo, ăn chay lễ sám, tụng Kinh, niệm Phật cho đến lúc già vẫn khỏe mạnh. Đến ngày cuối cùng, không bệnh khổ, an nhiên niệm Phật mà tạ thế. (Trích Âm Chất Văn Tân Biên)



THIÊN THỨ SÁU PHỔ BIẾN THỊ HIỆN



1. Cách phía Nam ngôi đại già lam Ca Bố Đức, nước Ma Kiệt Đà, xứ Trung Thiên Trúc hai, ba dặm có một ngọn cổ sơn. Núi ấy cao chọc trời, rừng cây rậm rạp, tất cả kỳ hoa, dị thảo không thiếu thứ nào, bốn phía có suối nước trong veo, róc rách chảy suốt ngày đêm, trên đỉnh núi có một Tịnh xá, tất cả như một bức tranh đẹp do một họa sĩ tinh xảo vẽ nên. Ở chính giữa Tịnh xá ấy, có một Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát nhỏ nhưng rất trang nghiêm, tay Ngài cầm hoa sen, đầu đội mào có hình cổ Phật. Nhiều người ở nơi đây từng phát nguyện tuyệt thực, nhất tâm xưng niệm Thánh hiệu Bồ tát để được thấy Ngài. Thời gian thực hành nguyện vọng ấy không cố định mà tùy theo người nguyện, có lúc 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày hoặc một tháng. Nhiều người do tâm chí thành nên đã được thấy Bồ Tát hiện tướng đoan nghiêm, hào quang rực rỡ và được nghe những lời an ủi từ nơi Thánh tượng. Tương truyền rằng xưa kia, vua Già La Nam Hải, vào một buổi sáng mai, khi Ông dùng kính soi mặt thì không thấy mặt mình trong gương mà lại thấy hiện lên một ngọn núi nhỏ trong rừng Ta La ở nước Ma Kiệt Đà thuộc Nam Thiệm Bộ Châu, trên núi có Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát nên Ông vô cùng vui mừng cảm động, phát tâm tìm kiếm cho kỳ được. Khi đã đến núi này thì Ông thấy giống y cảnh tượng trong gương, do nhân duyên ấy, nhà vua đã kiến lập Tịnh Xá và tạo tượng Quán Âm Bồ Tát để cúng thờ, hàng ngày cúng dường lễ bái. Từ ấy về sau, các vị vua ở các triều đại kế tiếp, tướng nhớ di phong của Tiên vương nên các Ngài kiến lập thêm một Tịnh xá mới, trên một khu đất rộng bên cạnh Tịnh xá, trước và bên trong cũng có thờ Thánh tượng Bồ tát, hàng ngày đều dùng hoa hương, kỳ nhạc cúng dường không dứt. (Trích Tây Vực Ký)

2. Thanh Biện Lục Sư ở nước Ấn độ từng đến trước Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát, chí thành lễ bái cầu đảo, trì tụng Chú tùy tâm Đà La Ni và phát nguyện tuyệt thực, mỗi ngày chỉ dùng nước. Trải qua thời gian ba năm thì cảm đến Bồ Tát, Ngài hiện sắc thân vi diệu và hỏi chí hướng của Lục Sư mong cầu điều chi. Lục sư bạch: “Kính bạch Đại Sĩ! Chí nguyện của con là xin lưu nhục thân này, đợi đến ngày đức Từ Thị Bồ Tát thành Phật.” Bồ Tát

dạy: “Lục sư, Ông nên đến chỗ Vị chấp Kim Cang Thần, nơi ngọn núi phía Nam của thành Đại An Đạt La, chí thành trì tụng thần chú Chấp Kim Cang Đà La Ni thì sẽ được toại nguyện.” Lục Sư vâng lời Bồ tát dạy, đến nơi đó trì tụng ba năm thì Ngài được Chấp Kim Cang thần truyền dạy một phương pháp và bảo Lục Sư rằng: “Ở trong núi đá này có cung điện A Tu La, Ngài hãy theo đúng như pháp thực hành, cầu thỉnh vách đá hé mở. Khi nào thấy vách đá hé mở thì phải vào trong ấy tức khắc và an trú trong ấy thì có thể lưu thân đợi đến ngày nhìn thấy Từ Thị Di Lặc Bồ tát hạ sanh thành Phật.” Lục Sư vâng lời chuyên tâm trì tụng, trải qua thời gian ba năm, không hề có một tạp niệm. Ngài trì chú vào những hạt cải rồi đem gắn chúng vào vách đá thì bỗng nhiên cửa Động tự mở. Dân chúng lúc bấy giờ đua nhau đến xem, số đến nghìn vạn ức người. Lục Sư đến nơi cửa, trình trọng tuyên bố với đại chúng rằng: “Thưa quý vị, Tôi trải qua thời gian rất lâu chí thành cầu khẩn, trông mong đợi đến ngày Di Lặc hạ sanh thành Phật để được thấy Ngài. Nhờ đức từ của Quán Âm Bồ Tát cùng Thánh linh gia hộ, đại nguyện ấy nay đã được thành tựu. Vậy xin mời quý vị nên vào trong đây để cùng tôi lưu thân thấy Phật xuất thế.” Mọi người nghe xong đều sanh tâm sợ hãi cho rằng đây là hang rắn, họ sợ vào sẽ tán thân mất mạng, nhưng Lục Sư vẫn tha thiết hai ba lần khuyến tấn thì có sáu người theo Ngài vào trong ấy. Khi vừa vào thì vách đá tự nhiên đóng lại. *(Trích Đường Tây Vực Ký)*

3. Triều đại nhà Tống, có ni sư hiệu là Tăng Đoan, người ở Quảng Lăng. Ni sư sanh trưởng trong gia đình tin Phật, nhưng trong nhà chỉ có hai chị em có tín tâm thâm hậu, riêng Tăng Đoan có chí nguyện xuất gia nên quyết định không lấy chồng. Vì người Anh và mẫu thân đã hứa gả Tăng Đoan cho một nhà triệu phú nên trước khi làm lễ kết hôn vài ngày, Tăng Đoan quỳ trước Phật đài, ngày đêm chí thành lễ bái cầu nguyện cho chí hướng của mình được toại. Ngoài việc lễ Phật cầu đảo, Tăng Đoan lại xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát và tụng Kinh Phổ Môn. Ba ngày sau trong khi Tăng Đoan đang lễ bái tụng niệm, thì thấy tượng Phật cử động và bảo rằng: “Chồng của con đã hết số, con chỉ cần tinh tấn tu niệm, đừng quá lo lắng đau buồn.” Sáng ngày hôm sau, Tăng Đoan hay tin chàng rể đó đã bị trâu chém chết. Nhờ vậy mà Tăng Đoan được mãn nguyện xuất gia. *(Trích Tỳ Kheo Ni truyện)*

4. Triều nhà Đường, Pháp Tịnh Pháp sư là người ở Bạch Thủy, huyện Nam Dương, mỗi ngày sáu thời hành đạo rất tinh tấn. Một hôm nọ, Ngài đi vào điện Phật thì nhìn thấy Quán Âm Bồ Tát từ ngoài cửa đi vào, đoan ngự ở không trung, thân tướng vòi vọi, đoan nghiêm rực rỡ, nơi cổ có mang chuỗi anh lạc thật là hy hữu, tất cả thánh tượng ở thế gian không thể sánh bằng, trong giây lâu mới ẩn mất. *(Trích Cao Tăng truyện - Tập 1)*

5. Triều nhà Đường có Phổ Minh Thiền Sư, pháp danh trước kia của Ngài là Pháp Kính. Một độ nọ, Ngài theo Trí giả Đại Sư đến chùa thực hành Quán Âm Sám pháp. Tháng ấy nhằm tiết Đông, lạnh rét buốt xương thịt, nhưng Thiền Sư không mặc áo bông ấm, chuyên tâm hành đạo khổ hạnh. Một ngày nọ, có một vị Tăng đến dạy rằng: “Pháp danh của Ông là Pháp kính không tốt, nên đổi thành Phổ Minh mới hay, vì danh hiệu này biểu hiện tâm trí Ông sáng suốt, chiếu hiệu ba đời.” Sau khi lễ sám xong, Ngài đem việc ấy bạch lên Trí Giả Đại Sư thì Đại Sư thuận theo lời vị Tăng ấy dạy, đổi tên Ngài là Phổ Minh. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

6. Triều nhà Đường có thầy Thích Đàm Tạng, là người họ Dương, ở Hoa Âm. Lúc 15 tuổi, Thầy gặp một vị Tướng số cho biết Thầy là người yếu số. Song thân Thầy nghe nói thì vô cùng buồn bã vì Thầy là con một. Tức thời, hai ông bà liền bàn tính chuyện hôn nhân, nhưng sự việc này không phải là bốn nguyện của Thầy bởi tâm Thầy đã quyết chí tìm nơi thâm sơn cùng cốc ẩn thân tu hành nên đành trái lệnh mẹ cha. Chí nguyện như vậy nhưng Thầy lại không biết đường đi nên Thầy chỉ một lòng thành kính chuyên niệm Thánh hiệu Quán Âm, đi một lúc, bỗng nhiên gặp một người nói rằng: “Ông cứ nhắm hướng Tây mà đi, sẽ có một ngôi già lam gần nơi đây, không xa lắm.” Thầy Đàm Tạng vâng lời, đi lối một dặm thì nghe tiếng đại hồng chung và thấy một ngôi chùa Tăng phía trước. Thầy liền bước vào trong và cầu xin Hòa thượng làm lễ thể phát để được toại với bốn nguyện. Nhưng sau khi Hòa thượng làm lễ thể phát, thì lập tức đuổi Thầy ra khỏi chùa. Thầy không dám trái lệnh liền bỏ ra đi. Đi được độ 100 bước, khi quay đầu nhìn lại thì Chùa ấy đã không còn. Một hồi lâu thì trời mới sáng, Thầy theo đường tiến bước thì cuối cùng gặp một ngôi cổ tự giữa chốn núi rừng thiên nhiên u tịch, Thầy bèn ẩn tu nơi đó. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

7. Vương Tử nước Yết Nhã, Khúc Xà, miền Trung Ấn Độ tên là Hỷ Tăng. Lúc sắp kế vị, Ông đến trước Thánh tượng của Quán Âm Bồ Tát ở bờ sông Hằng, phát nguyện tuyệt thực, ngày đêm lễ bái cầu đảo, mong cầu Bồ tát từ bi gia hộ cho mình khi nhận tước vị, trị nước an dân được nhiều an ổn. Trải qua thời gian 21 ngày, cảm ứng đến Bồ tát, Ngài hiện thân khuyến hóa Vương tử: “Khi nối ngôi Tiên vương, phải hết lòng hộ trì Tam bảo, làm cho Phật pháp được hưng long, đối với dân chúng phải lấy tâm từ bi làm bản hoài, không bao lâu Vương tử sẽ ngự trị toàn cõi Ấn độ.” Vương Tử vâng lời Bồ tát dạy sau khi kế vị, tự xưng hiệu là Giới Nhật, tận tâm ủng hộ Phật Pháp, rộng hoằng truyền Chánh pháp Như Lai. Riêng bản thân mình thì siêng năng tu tập, đối với dân chúng xem như con ruột. Đường Tam Tạng

Huyền Trang Pháp sư trong thời gian thỉnh kinh qua Ấn độ cũng đã từng đến nước này và thọ thỉnh Quốc vương Giới Nhật. *(Trích Tây Bút Ký)*

8. Triều nhà Đường có Thầy Thích Tăng Nhẫn, là người họ Sừ ở Trần Lư, chuyên đọc kinh Đại bi và sưu tầm nghiên cứu về 42 cánh tay của Đại Sĩ. Khi nghiên cứu đến tay Vô Úy thì Thầy không thông đạt lý và sanh nghi nên nguyện thiết đàn lễ bái cầu thỉnh. Trải qua một tuần, tự nhiên trong không trung hiện ra cánh tay ấy, hai cánh tay có thể trông thấy một cách rõ ràng. Thầy liền rước họa sĩ đến họa cánh tay ấy. Bấy giờ có người nghe thì sanh tâm dị nghị chê bai nhưng Thầy vẫn một lòng tín thành, làm theo chí nguyện. Khi thợ vẽ đem bút đồng để vẽ cánh tay ấy thì bỗng nhiên cảm đến Bồ tát, Ngài hiện ra một đóa hoa bảo tẩm, cành lá tươi đẹp rực rỡ, mọi người ai trông thấy cũng cho là chuyện kinh lạ và tán thán. *(Trích Cao tăng Truyện - Tập 3)*

9. Triều nhà Đường, vợ của Tàn Huyền Phạm là Trương Thị, là một nữ Phật tử kính tín ngôi Tam bảo. Bà thờ Phật rất trang nghiêm thanh tịnh, thường phát nguyện dù thế nào cũng phải tạo được một Thánh tượng Quán Âm Bồ tát để suốt đời lễ bái cúng dường. Ý muốn như vậy nhưng năng lực không thể làm, Bà chuyên tâm niệm lâu ngày thì bỗng thấy Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát bằng hoàng kim, quang minh rực rỡ, cao chừng 5m hiện ra nơi tòa cao. Đương thời, dân chúng hết lòng tán thán do tâm chí thành của Bà mà cảm đến Bồ tát như vậy. *(Trích Biện Chánh Học Luận)*

10. Triều nhà Đường, Văn Tôn Hoàng Đế là người rất thích ăn các loại sò ốc. Nhà vua truyền lệnh cho dân chúng miền duyên hải Đông Nam, mỗi năm phải đem vào cung hiến dâng món ăn này, vì thế dân chúng miền biển cực khổ không tả xiết. Một ngày nọ, quan ngự trụ đi chợ thì thấy có một con sò rất lớn. Ông ta mua về dùng dao chẻ nhưng nó không há miệng, nhưng lúc dùng dao gõ thì nó liền há miệng. Nhìn vào bên trong thì Ông nhìn thấy một tượng Quán Âm Bồ tát rất oai nghiêm nên Quan ngự trụ kinh sợ không dám làm thịt, vội mang lên dâng cho vua xem. Văn Tôn Hoàng đế nhìn thấy vô cùng kinh ngạc, Ngài lập tức truyền lệnh cho Quan Đại thần rước thợ đến làm một chiếc hộp bằng gỗ chiên đàn hương, sơn son thếp vàng để đựng Thánh tượng và thờ ở nội cung. Hàng ngày, Văn Đế mai chiều đến trước Thánh tượng ấy lễ bái. Nhà vua lại cho người đến thỉnh Quốc sư sư vào nội cung để hỏi nguyên nhân Bồ tát hiện thân. Sau khi Quốc sư đến, Văn Đế đành lễ và thỉnh vấn nguyên nhân. Quốc sư đáp: “Bệ hạ nên biết, Bồ tát ứng hiện nơi vật không bao giờ hư dối. Trong thân sò ốc mà có Thánh tượng Quán Âm là muốn khởi tín tâm cho Bệ hạ, cần phải tiết kiệm sự thọ

dụng và đối với nhân dân thì phải luôn có từ tâm. Y như trong Kinh dạy: nếu có người cần dùng thân Bồ tát để độ thoát thì hiện thân Bồ tát mà vì đó thuyết pháp.” Văn Đế lại thưa: “Nếu Quốc Sư dạy như vậy thì Trẫm chỉ mới thấy thân Bồ Tát nhưng chưa được nghe Ngài thuyết pháp”. Quốc sư liền hỏi: “Bệ hạ có tin hay không?” Văn Đế đáp: “Trẫm đâu dám không tin.” Quốc sư tiếp: “Như vậy là Bệ hạ đã nghe thuyết pháp rồi đó.” Văn Đế vui cùng vô mừng nhờ câu nói của Thiền sư mà được tỏ ngộ, từ đây tuyệt đối không ăn sò ốc nữa, mặt khác cũng ra lệnh cho dân chúng không được bắt bán và ăn sò ốc và lệnh cho các tự viện phải kiến tạo Thánh tượng Quán Âm Bồ tát để kính thờ, chiêm bái và cúng dường. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 3)*

11. Triều nhà Đường, Quan ngự trụ của Văn Tôn Hoàng Đế, một hôm nọ khi luộc trứng gà thì bỗng nghe các trứng trong chảo luộc xưng niệm Quán Âm Bồ tát, âm thanh nghe rất thâm thiết. Quan Trù giám lập tức đem việc ấy tâu lại thì Văn Đế truyền lệnh đem cho Ngài xem xét thì quả nhiên đúng như vậy. Nhà vua than rằng: “Trẫm không ngờ thần lực của Phật pháp có thể như vậy” đoan Văn Đế bảo Quan trù giám từ nay không được dâng trứng gà cho Ngài dùng nữa và ban hành sắc lệnh cấm dân chúng không được ăn. *(Trích Thiên Ất Chí và Cảm Ứng Thiên truyện)*

12. Niên hiệu Trinh Minh năm thứ hai, triều nhà Lương, thời Ngũ Đại, có một vị Hòa thượng nước Nhật bản, hiệu là Huệ Ngạc đến non Ngũ Đài, thỉnh được Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát. Hòa thượng vui mừng, đem về bốn quốc để cúng dường chiêm lễ. Khi thuyền vừa đến biển Liên Hoa thì dâm phải đá ngầm nên không đi tiếp được. Hòa thượng tự biết có sự linh ứng trở ngại gì đây nên Ngài chí thành lễ bái cầu đảo và nguyện rằng: “Nếu chúng sanh quốc độ của con, không nhân duyên được thấy Bồ tát, thì xin Ngài gia hộ, dùng thần lực khiến cho thuyền này đi về hướng nào thì con sẽ xin y theo sự chỉ giáo của Bồ tát, kiến lập Tịnh xá để thờ Ngài.” Sau khi cầu đảo, chiếc thuyền ấy tự nhiên lướt sóng tiến tới, đến Động Hải Triều Âm thì dừng lại. Lúc ấy có một cư dân họ Trương sống ở đấy mục kích sự kỳ lạ này, Ông rất hoan hỉ, nguyện bỏ ngôi nhà mình đang ở, kiến lập Tịnh xá, cúng dường Đại sĩ. Ngôi Tịnh xá ấy đề biển tên là Bất Khẳng Khứ Quán Âm Viện (Viện Quán Âm Bồ Tát không chịu đi). *(Trích Phổ Đà Sơn Chí)*

13. Triều nhà Tống, Phổ Minh Thiền sư, vào niên hiệu Sùng Minh, ngày 15 tháng 8, kiết thất ở chùa Thiện Thương Trúc đã mãn, Ngài bỗng thấy một vị cao tăng đến bảo rằng: “Ông nên gắng sức xiển dương pháp Tam thừa và thực hành thì mới có thể độ khắp tất cả quần sanh. Nếu Ông làm được như thế thì mới mong đền đáp được thâm ân của Phật.” Thiền sư

lại hỏi: “Nói pháp Tam thừa thì có phần quá mênh mông, vậy cúi xin Hòa thượng cho biết nên đem Pháp chi để hóa độ người?” Cao Tăng đáp: “Ta xem dân chúng trong quốc độ này rất có nhân duyên với Quán Âm Bồ tát, vậy Ông nên đem hình tượng của Ngài, nói lược đầu đuôi để lưu hành trong thế gian, cho mọi người biết lễ bái, cúng dường trì niệm, thì phước đức ấy không lường lường.” Dứt lời, Cao tăng ấy tuyên diễn tất cả hình tượng của Bồ tát, sau khi diễn giảng xong, liền biến mất. Thiền Sư nhờ đó mà biên tập thành một pho Kinh gọi là Quán Âm Bốn Hạnh. Sau khi pho Kinh thành tựu, đức Quán Thế Âm Bồ tát bỗng hiện thân tướng Tử kim, tay bưng Tịnh bình, tay cầm nhành liễu, ngự trong tường vân ngũ sắc, giây lâu thì ẩn mất. Dân chúng đương thời đều được thấy, ai cũng vui mừng cảm động, đánh lễ tán thán. *(Trích Quán Thế Âm Bốn Hạnh Kinh Tự)*

14. Triều nhà Tống có Phật tử Du Tập là người ở xứ Lộc Thủy. Vào niên hiệu Trung Hòa, Ông đến Hưng Hóa nhận chức Thái úy. Khi đi thì mang theo cả gia đình và đi bằng đường thủy. Đến xứ Sông Hoài thì Ông thấy có rất nhiều con trai lớn và những người trên ghe hàng ngày mua về để nấu ăn. Du Tập mỗi khi thấy thì thường xuất tiền mua hết rồi thả lại xuống sông. Một hôm, Ông nhìn thấy mọi người đang mang một giỏ đựng đầy trai lớn rất nặng đem đi nấu ăn, Ông liền trả giá cao gấp bội nhưng họ không chịu bán và đem bỏ vào nồi nấu. Bỗng nhiên lúc ấy, từ trong nồi nấu có âm thanh niệm Phật rất lớn, lại thấy ánh quang minh phát ra bên ngoài. Tất cả mọi người trên ghe đều kinh sợ, giờ nắp ra xem thì thấy có một con trai rất lớn đang mở nắp há miệng, trong thân con trai đó có Thánh tượng Quán Âm Bồ tát tướng hảo đoan nghiêm, trên thân có đủ chuỗi, áo mào, anh lạc, bên cạnh lại có hai cây trúc, cành lá tươi tốt đều là do thứ ngọc rất nhuyễn hợp thành. Du Tập liền bảo những người trong ghe phải chí thành niệm Thánh hiệu Tây phương A Di Đà Phật, sám trừ tội ác, đoạn thịnh vô trai ấy về tư dinh thờ, mai chiều lễ bái cúng dường Đại Sĩ. *(Trích Cảm Ứng Thiên truyện)*

15. Triều nhà Tống có vị sứ giả nước ngoài đem lễ vật vào cung cống hiến. Khi thuyền đi qua biển Phổ đà, nghe thấy những điều linh dị của đức Quán Âm Bồ tát thì sứ giả có ý muốn vào lấy đem về bốn quốc. Lúc sắp đi vào thì gió to sóng lớn nổi dậy, khắp mặt biển đều mọc hoa sen sắt, cuồng phong ba đào càng lúc càng dữ dội hơn trước. Thuyền không cách nào tiến bước nên sứ giả sợ hãi lui thuyền. Vì thế chỗ này sau đó được gọi là Liên hoa dương (Biển Hoa Sen). Thời gian sau có một vị quan nhà Tống phụng mệnh chiếu chỉ triều đình, mang tràng phan bảo cái đến Phổ Đà Sơn cúng dường. Trong tâm vị này sanh nghi cho là làm gì trong biển cả mênh mông ấy lại có Bồ tát, sự việc ấy chắc là do mọi người mê tín bịa đặt ra mà thôi.

Khi vừa mở dây thuyền rời bến thì khắp mặt biển đã mọc hoa sen sắt, sóng gió nổi lên ùng ùng dữ dội, không cách gì lướt sóng, mọi người vô cùng hoảng sợ nên một lòng thành kính hướng về Phổ Đà Bảo Sơn, chấp tay cúi đầu xin niệm Thánh hiệu Đại sĩ thì đương lúc sóng to gió lớn, sóng bỗng lặng gió yên, rồi một con trâu trắng từ núi Phổ Đà lội xuống biển ăn hết tất cả hoa sen sắt. Con trâu ấy sau đó lặn xuống nước và hóa thành đá trắng đến nay vẫn còn dấu tích. Do tích ấy mà địa phương này còn được gọi là Thạch Ngưu Cản. *(Trích Quán Âm hướng truyện)*

16. Triều nhà Nguyên, niên hiệu Thái Tổ, năm thứ 13, Thừa Tướng Bá Nhân cùng với Tướng soái Các Lạc Đài cùng nhau đến Phổ Đà Bảo Sơn và động Hải Triều để yết kiến Quán Thế Âm nhưng không nhìn thấy gì hết. Hai ông cho rằng không linh ứng nên giương cung bắn vào Động rồi bỏ đi. Khi bỏ lên thuyền thì thấy khắp mặt biển mọc hoa sen, cả hai thất sắc nhìn nhau và tự hối tội lỗi của mình, chuyên tâm mặc niệm Thánh hiệu Bồ tát, mong Ngài từ bi hỷ xả. Đoạn cùng nhau trở lên núi lễ bái chí thành cầu đảo, từ từ họ được thấy kim thân của Bạch Y Đại Sĩ, có đồng tử theo hầu. Hai Ông vô cùng mừng rỡ, chí thành lễ bái lại phát nguyện kiến tạo điện đường nơi Động và tạo Thánh tượng Quán Âm trang nghiêm đem đến thờ. *(Trích Phổ Đà Sơn Chí)*

17. Triều nhà Nguyên, niên hiệu Đại Đức, năm thứ 5 có một vị học sĩ là Trương Hồng Sơn, khi đến Động Triều Âm thì thấy thân tượng Quán Âm Bồ tát phảng phất trong vách động, kể đến lại thấy Thiện Tài, Đồng Tử hiện trong tường vân trên đỉnh núi. Sau đó, nhìn thấy Đại Sĩ thân tượng trang nghiêm, đầu đội mũ báu, đeo chuỗi anh lạc, tay cầm dương chi, có chư thần hộ pháp theo hầu. Họ Trương bèn đốc thúc mọi người chí thành lễ bái, Bồ Tát phóng tường quang khắp trong động, giây lâu mới ẩn mất. *(Trích Quán Âm Cảm Ứng Tập)*

18. Triều nhà Nguyên có tích truyện: Trên tấm gạch Diệu Nguyên Công chúa thường quỳ lễ bái, hiện lên hai bàn chân lờ mờ trên bề mặt, bảo vật thần kỳ này hiện nay vẫn còn lưu giữ tại chùa Đàm Đế. Tương truyền rằng Diệu Nguyên Công chúa là con gái vua Thế Tổ nhà Nguyên, Bà cắt tóc chuyên tu Tịnh nghiệp. Hàng ngày, Công chúa đánh lễ Quán Âm Đại Sĩ rất chí thành, đương thời sự linh dị rất rõ rệt. Vào triều nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch, năm Nhâm Thìn, Hiếu Đình Hoàng Thái Hậu khi nghe sự việc ấy, xa giá cùng với các cung nhân đến tận chùa chiêm lễ. Bà dùng chiếc hộp đàn hương đựng miếng gạch có hai bàn chân rồi rước về nội cung lễ bái, trong một thời gian ngắn thì Bà cho người trả lại chùa. *(Trích Thần Viên Chí Di)*

19. Triều nhà Minh có một bà lão ở xã Cô Lý, huyện Thường Thục. Lúc bình nhật, Bà thường trì trai niệm Phật rất chí thành. Con của bà vì kế sanh nhai nên phải về làm cho quan Quán Sát Ấn Hoàng Thời Vũ để lấy tiền cấp dưỡng cho Bà và tự nuôi thân. Vào niên hiệu Vạn Lịch, mùa thu năm Giáp Dần, Bà lão được 65 tuổi thì bị bệnh nặng sắp chết. Bà nhờ người tìm cho một bộ áo quần mới để mặc nhưng không có nên bảo lấy bộ quần áo vải lam cũ thường mặc hàng ngày đang phơi ngoài sân mặc. Trong bộ quần áo đó có 12 miếng vá thì trong chốc lát bỗng hiện ra tướng Thập Nhị Diện của Quán Âm Bồ Tát. Mỗi miếng vá hiện tướng không giống nhau, lại có rừng trúc, chim anh vũ, hết sức trang nghiêm. Cảnh tượng lạ kỳ ấy trải qua một ngày đêm, sau khi bà lão vãng sanh mới ẩn mất. Tất cả dân chúng trong làng đều nhìn thấy nên ai cũng tán thán sự việc chưa từng có ấy. Cũng nhờ nhân duyên này nên mọi người theo gương bà lão trường chay, niệm Phật rất đông. *(Trích Hải Nam Nhất Chước)*

20. Phật tử Nam Thiệu là người ở Cô Quốc, thờ Phật rất trang nghiêm. Vào ngày 16 tháng 9 là ngày vía của Quán Âm Đại Sĩ, Ông nhìn thấy nơi điện thờ hiện ra một tôn tượng Bồ tát trang nghiêm rất rõ ràng. Mọi người vừa hay tin thì đua nhau đi xem, không chỗ chen chân. Nhưng trong số người xem đó có những người phá rối nên Thánh tượng bỗng nhiên ẩn mất. Phật tử Nam Thiệu vô cùng hối tiếc, ngày đêm truy niệm đến Tôn dung, rồi đi tìm họa sĩ giỏi rước về, trai giới thanh tịnh để họa lại Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát để ngày ngày lễ bái cúng dường, tỏ bày chút lòng thành đáp lại hồng ân của Bồ tát đã từ bi thị hiện. *(Trích Tinh Am Thiền Sư Ký lục)*

21. Cạnh sông Nghi Huỳnh, tỉnh Giang Tây có một con suối rất lớn, phía Bắc suối ấy nổi lên một cái cồn ở giữa dòng. Cồn ấy chu vi chưa đầy một dặm, chung quanh đều có nước. Xưa kia có người dùng ghe chở Thánh tượng Quán Âm về quận, chiếc ghe đang đi nhẹ như chiếc lá nhưng khi vừa đến cồn này thì ghe bỗng nặng như đá, không thể nào đi tới trước được. Người đó đến trước Thánh tượng Bồ tát lễ bái cầu đảo và nguyện rằng: “Theo ngu ý của con tự xét, Bồ tát muốn lưu trú tại đây để kiến lập Tịnh xá phải không? Nếu đúng như vậy thì cho con xin một keo liềm được.” Người ấy xin keo thì quả nhiên như lời nguyện. Tất cả dân chúng trong xóm nghe tin vô cùng mừng rỡ, đồng phát nguyện kiến lập Tịnh xá để cúng dường Tôn tượng Đại Sĩ. Có điều lạ là cồn này không thấp cũng không cao, nước suối chảy như thác và hay tràn ngập nhưng không bao giờ lên được đến nền Tịnh xá ấy. Do nhân duyên này mà dân chúng ngày càng thêm tín, sự tu hành lễ niệm ngày càng đông đảo, những người đi vãn cảnh nghe thấy ai cũng tán thán. *(Trích Long Xuyên Truyện Chí)*

22. Triều nhà Thanh, vào niên hiệu Thiệu Trụ, năm đầu, có tướng cướp biển là Nguyễn Tuấn cùng với vị Tăng Nhật bản lập mưu đoạt Đại tạng Kinh của Quốc vương nhà Minh cúng dường cho Phổ Đà Bảo Sơn. Niên hiệu Vạn Lịch, năm 49 thì đem chở về nước Nhật. Sau khi biết Đại Tạng Kinh bị đoạt mất thì Hòa thượng trong Chùa hiệu là đốc thúc chúng Tăng đến nơi thuyền của người đoạt Đại Tạng Kinh cầu xin trả lại. Vạn xin mấy ngày thì tướng cướp Nguyễn Tuấn nổi giận tuyên bố rằng: “Mấy Ông muốn được Đại Tạng Kinh thì đến Long cung Thủy phủ mà cầu thỉnh. Đại Tạng Kinh này chúng tôi sẽ đem về Đông Kinh.” Dứt lời, họ Nguyễn truyền lệnh cho thuyền nhỏ neo rời bến. Vừa ra đến biển thì có một kinh ngư tiến ra cản thuyền, trải qua vài ngày vẫn không nhúc nhích. Họ Nguyễn tự hối, cầu xin Bồ tát tha tội cho mình, rồi vội vàng lui thuyền trở lại để trả Đại Tạng Kinh. Chỉ trong chốc lát thì thuyền đến chân núi, chúng Tăng nghe được tin vô cùng vui mừng về sự linh dị của Pháp bảo và thần thông oai lực của Bồ tát. Họ cùng nhau xuống thuyền, cung kính thỉnh Đại Tạng Kinh trở lại chùa. *(Trích Phổ Đà Sơn Chí)*

23. Triều nhà Thanh, niên hiệu Khang Hy, năm thứ 30, Hòa Thượng Huệ Như ở Am Bảo Sơn tại Trà Sơn thấy Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ vì lâu năm bị hư hoại nên Ngài định đến Vân nam mộ hóa để sơn thếp lại, nhưng trải qua hơn một tháng vẫn không có người bố thí cho một đồng. Ngày nọ, Hòa thượng nhờ người cùng với mình thỉnh Thánh tượng Bồ tát để nơi cửa của Thừa Tướng Vương Công. Đêm ấy, phu nhân của Thừa Tướng mộng thấy một người phụ nữ mặc áo vải trắng phai màu hư rách đến nói rằng mình từ Phổ Đà đến để khất hóa chiếc áo. Phu nhân tỉnh giấc đem việc ấy thưa với Thừa tướng thì Thừa tướng bảo cũng mộng thấy như vậy. Đến sáng hôm sau, Thừa tướng gọi người gác cửa đến thì người ấy cho biết có một vị Hòa thượng đem tượng Đại Sĩ để nơi cửa rồi bỏ đi. Thừa tướng và Phu nhân nghe xong thì vô cùng mừng rỡ vì biết mình có duyên với Bồ tát nên tức tốc cho người tìm Hòa thượng Huệ Như vào tư dinh. Sau khi tìm được Hòa thượng và mời về, hai ông bà niềm nở đón tiếp, mời Ngài trà nước điểm tâm xong thì Thừa tướng thưa: “Hòa thượng cứ yên tâm! Chúng con sẽ lo liệu sao cho Thánh tượng mới và đẹp lại.” Sau khi sơn thếp xong, Thừa tướng làm lễ cúng dường và Hòa thượng cung nghinh Thánh tượng trở về Bảo Sơn. *(Trích Phổ Đà Sơn Chí)*

24. Triều nhà Thanh có Hòa thượng hiệu là Hành Nghĩa cùng với các vị vân thủy tăng, tất cả 8 người từ chùa Tiến Phước ở Trường An đến Non Phổ Đà ở Định Hải. Đang lúc mưa to gió lớn, các thầy vẫn xông pha mưa gió đi đến Động Hải Triều để dâng hương lễ bái cầu đảo, khẩn xin làm sao thấy được từ dung của Đại Sĩ. Bỗng nhiên từ trong Động, hiện ra quang minh

ngũ sắc, trong quang minh ấy có Thánh tượng Đại Sĩ đang đứng, tướng mạo trang nghiêm, bên cạnh có bạch anh vũ, nhưng chỉ có một mình Hòa thượng Hạnh Nghĩa được nhìn thấy, còn 7 vị vân thủy tăng kia trông thấy mỗi người mỗi khác, không giống nhau, giây lâu sau thì Thánh tượng mới ẩn. Khi Hòa thượng Hạnh Nghĩa đi về, gặp người chài lưới họ Vương, trên đường đi hai người cùng đàm đạo dọc đường đi, Hoà thượng tuyên truyền với mọi người, mong mọi người phát tín tâm với Đại sĩ, đến Động lễ bái cúng dường để được nhiều lợi lạc. *(Trích Cư Di Lục)*

25. Ngô Thiên Chương tự thuật lại một chuyện như sau: Trương Hán Nho từng bị một bệnh rất nguy hiểm, dây dưa nhiều năm, thuốc thang không hiệu quả. Một hôm nọ, Ông nằm mơ thấy có ba vị Phạm Tăng đến xoa bụng thì sau đó Ông khỏi bệnh, nên phát nguyện đến thăm tứ đại danh sơn. Trước tiên Ông đến Phổ Đà Sơn đánh lễ Đại Sĩ thì gặp một người cao niên đang dọn dẹp quét tước ngoài động Hải triều. Hán Nho cùng Ông già nói chuyện thì Ông già bảo rằng: “Ông từ đường xa đến đây, chắc có lẽ cũng muốn được thấy tôn nhan của Đại Sĩ lắm phải không? Hán Nho nói: “Tôi từ bốn năm ngàn dặm đến đây, nếu được thấy tôn dung của Đại Sĩ thì có chết cũng cam lòng.” Ông già bảo: “Điều ấy không khó, chỉ cần hết lòng thành kính cầu đảo sẽ được thấy Ngài.” Hán Nho cùng với bạn đồng hành hơn 10 người liền chí thành lễ bái cầu đảo, quỳ gối chấp tay một hồi lâu, bỗng trước cửa Động hiện ra quang minh kim sắc. Ông già nói: “Thế là Đại Sĩ sắp ra đây.” Mọi người nhìn kỹ thì quả nhiên nhìn thấy Đại Sĩ từ trong vách đá bước ra, nhưng chỉ nhìn thấy được một bên mặt của Ngài nên tất cả đều chí thành đánh lễ nguyện rằng: “Chúng con vô phước duyên nhưng được Đại Sĩ từ bi hiện thân, chúng con mong mỏi được thấy chánh diện của Ngài để đánh lễ và sau khi về chúng con sẽ họa Tôn dung Ngài.” Đại Sĩ tức thì quay lưng vào động, mặt hướng ra biển, cách những người cầu đảo chừng 1m, tóc của Ngài mượt xanh, ngọn tóc cong tròn như hơi uốn, đôi lông mày quyền cao, mặc y phục màu lục, nửa thân còn lại của Ngài vận khí không thể nhìn thấy rõ. Mọi người vô cùng hoan hỉ, cảm động cúi đầu lễ bái. Chỉ trong chốc lát, khi mọi người ngẩng đầu lên thì Ngài đã ẩn vào vách đá. Ông già nói: “Khi tôi mới đến, cũng do có phước duyên được gặp Đại Sĩ hiện thân. Thế nên nguyện xả thân nơi đây để làm công việc tưới quét. Tôi ở nơi thanh tịnh này đã lâu ngày thường được thấy Thánh dung, thật là một sự kiện vô cùng an ủi.” Căn cứ theo những bài thơ có ghi lại tại đây thì Đại thần Trương Quan Bạc nhà Nguyên, khi đến Phổ Đà Sơn chiêm ngưỡng, cũng được Bồ Tát ứng hiện cùng với Thiện Tài Đồng Tử. Bài thơ do do Lam Anh Loại sáng tác cho thấy việc Bồ tát hiện thân đã diễn ra từ xưa chứ không phải mới. *(Trích Cư Di Lục)*

26. Triều nhà Lương có Ngài Bào Chí Đại Sĩ, người thế tục thường gọi là Chí Công Hòa Thượng. Năm lên 7 tuổi, Ngài xuất gia, y chỉ vị Hòa thượng ở Trung Sơn, chuyên tu Thiền. Triều nhà Tống, niên hiệu Thái Thì năm đầu, ở Ngài Bào Chí đã xuất hiện những sự kiện kỳ lạ, vua Lương Võ Đế thời ấy rất kính trọng Ngài nên bảo Trương Tăng Do họa hình tượng Ngài. Bào Chí Đại Sĩ đã rạch mặt mình thành 14 hình đức Quán Âm, diện mạo thù đặc, hoặc từ bi hoặc oai vệ, vì thế Tăng Do chịu phép không thể nào họa được hình. Cả nhà của Lỗ rất kính thờ Ngài Bào Chí và thường được Ngài hiện chân dung giống hệt Quán Âm Bồ Tát, ngoài ra còn nhiều vô số sự tích linh dị khác, không thể nào ghi chép hết. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 1)*

27. Hóa Vị Phạm Tăng Trì Bát có phép truyền Quán Âm Đại Sĩ đã hiện 7 hình tướng như sau: Triều nhà Đường, niên hiệu Vĩnh Hy, Ngài hóa hiện thành Ông già râu bạc, đầu đội mũ bạch liên hoa, thân mặc cà sa, vai mang bình bát, đến nhà một nông dân tên Tế La ở Mông Sơn (huyện Mông Hóa ở phía Nam của Vân Nam ngày nay) để khát thực. Hóa Vị Phạm Tăng Trì Bát đến gặp một phụ nữ đang làm việc ngoài đường để khát thực, Ngài ngồi trên thạch bàn ở Cổ Sơn, phía trước có trâu xanh, bên trái có ngựa trắng mồm đỏ, bên phải có voi trắng, phía trên có tường vân ngũ sắc che phủ. Trong tường vân ấy có hai đồng tử, một người cầm thương sắt, một người cầm chiếc kính vuông. Khi cảnh tượng này diễn ra thì tất cả mọi người từ người nông phu làm ruộng đến trẻ chăn trâu đều nhìn thấy, giây lâu sau thì Ngài bay vào trong mây ẩn mất. Đời Nam Chiêu Vương, Mông La Thành, Ngài lại hóa thân thành một vị Tăng, vai mang bình bát, tay cầm tích trượng, đi khát thực, có dắt theo một con chó trắng. Dân chúng ở xã Khai Nam, chuyên môn làm nghề trộm cắp, nên chúng rất ghét chó dữ, xúm nhau bắt Ngài rồi cắt lóc da thịt trên thân Ngài ra từng mảnh, nhưng trong chốc lát thì Ngài sống lại, cười nói như thường. Bọn đạo tặc này rất nổi giận lại quyết tâm giết hại Ngài. Chúng lóc thịt da Ngài rồi đem bỏ đi, còn phần xương đem đốt thành tro, rồi bỏ vào ống tre thả chìm trôi theo làn sóng, nhưng sau đó thì Ngài lại từ ống tre đi ra, hình thể không hề bị tổn thương chút nào. Tất cả dân chúng trong làng thấy thế kinh sợ, đều phát nguyện quy y với Ngài và từ ấy phát tâm kính tin Tam bảo, nhà nhà ăn chay niệm Phật tụng Kinh, bỏ hẳn nghiệp xưa. Hóa Vị Phạm Tăng có lần hóa hiện thành vị Tăng, tay cầm nhánh dương liễu, chân mang guốc cây hướng về Bào Sơn mà đi, bọn Vương Lạc cưỡi ngựa đuổi theo không kịp nên tức giận giương cung bắn nhưng tất cả những mũi tên ấy đều hóa thành Liên hoa. Có một hôm, Ngài đi đến một địa phương, thì bay lên không trung hóa thành Quán Âm Bồ Tát, phóng quang rực rỡ chiếu khắp trần gian, dân chúng bị quang minh chói lòa mắt không dám ngược mặt nhìn xem. Bấy giờ, có một ông lão nói rằng:

“Thánh tượng này tôi có thể đúc được.” Mọi người nghe nói sanh tâm vui mừng, xuất tiền ra cúng dường để Ông lão mua vàng đúc Thánh tượng Đại Sĩ. Pho Thánh tượng ấy đến nay vẫn còn để cúng thờ. Hóa Vị Phạm Tăng ở Tây Vực, hiện thân hiệu là Bồ Đề Đạt Ma. Vào niên hiệu Bảo Hòa, năm thứ hai, Ngài vào đến Trung quốc, nói với Quốc vương: “Ta là Tôn giả A Ta La Quán Âm của Liên Hoa Bộ, nước Tây Vực, đến quốc độ của nhà vua để giáo hóa, hiện nay nên để Tôi ở chỗ nào?” Dứt lời thì Ngài nhập định. Triều nhà Đường, Ngài hiện thân thành một Đại sư ở Tây Vực. Vào niên hiệu Long Sóc năm đầu, đi đến phường Tín Nghĩa, tỉnh An Huy để mộ hóa một khu đất để sáng lập già lam. Khi xây nền thì Đại sư đào được một bia cổ của chùa Hương Tích và một tôn tượng bằng hoàng kim, trên chiếc bia ấy có 4 chữ Phổ Môn Chiếu Vương Phật. Đại Sư bèn kiến lập già lam nơi đây. Đến niên hiệu Cảnh Long năm thứ hai, Trung Tôn Hoàng Đế sai sứ giả bái thỉnh Đại Sư về nội cung, tôn làm Quốc Sư và thỉnh Ngài đến chùa Tiến Phước cư trú. Thường ngày Đại Sư ở một mình trong Tịnh Thất, trên đỉnh của Ngài có một cái huyệt, ban ngày Ngài dùng bông gòn đậy lại, ban đêm thì lấy ra. Mùi hương từ trong đỉnh bay ra thơm ngào ngạt, đến sáng thì mùi hương lại đi vào trong đỉnh. Hàng ngày, khi Đại sư rửa chân thì mọi người đến xin nước ấy uống, tất cả cổ tật đều lành. Một ngày nọ, Văn Đế cho người mời Ngài vào điện để đánh lễ rồi bạch rằng: “Kinh bạch Tôn Sư, nơi kinh kỳ trải qua vài tháng không có một hạt mưa, Trẫm vô cùng lo buồn, cúi xin Đại Sư giải trừ nỗi lo buồn này của Trẫm.” Đại Sư liền đem nước từ Tịnh bình rưới khắp không trung, trời đang quang đãng, nắng như thiêu đốt thì đột nhiên mây đen bủa khắp và trời đổ xuống một trận mưa lớn. Văn Đế vô cùng vui mừng, đánh lễ Đại Sư và phát nguyện phụng hiệu tên chùa mà Đại sư đang ở. Đại Sư bèn nói: “Hoàng Thượng muốn sắc tứ hiệu Chùa nên dùng Phổ Chiêu Vương” nhưng do Văn Tôn Hoàng đế muốn tránh tên húy của Thiên Hậu nên đổi lại thành tên Phổ Quang Vương Tự. Vào niên hiệu Cảnh Long, năm thứ 4, ngày 2 tháng 3, Đại Sư ngồi viên tịch ở chùa Kiến Phước, Tường An. Hiện nay ngôi bảo tháp của Ngài vẫn còn ở huyện Long Hòa. Sau khi Đại Sư viên tịch, Trung Tôn Hoàng đế hỏi Vạn Hồi Hòa thượng rằng: “Tăng già Đại Sư là người chi?” Vạn Hồi Hòa Thượng đáp: “Chính là hóa thân của Quán Âm Bồ Tát. Như trong Phẩm Phổ Môn nói: đối với người nên dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni để độ thoát, tức thì hiện thân ấy để thuyết pháp, nên chính Ngài hóa hiện làm thân của Đại Sư vậy.” Đại Sư lúc mới đến Trường An thì Vạn Hồi Hòa Thượng có đến yết kiến, chí thành đánh lễ. Đại Sư vỗ đầu bảo rằng: “Tiểu Tử, tại sao làm gì ở đây lâu như vậy, nên đi đi.” Quả nhiên sau khi Đại Sư viên tịch thì Vạn Hồi Hòa Thượng sau vài tháng cũng bỗng nhiên tạ thế. Sự tích giáo hóa của Đại Sư rất nhiều. Trong bốn truyện về Ngài, có ghi chép đủ, ở đây chỉ lược ghi một sự tích mà thôi. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 3)

28. Triều nhà Đường ở tại xứ Thiểm Hữu, tập tục của dân chúng địa phương này chuyên cưới ngựa tập bắn, đối với Phật pháp, danh hiệu Tam Bảo họ còn chưa biết hướng chi là quy y, thọ giới, ăn chay, niệm Phật và tụng Kinh. Vào niên hiệu Nguyên Hòa, năm thứ 12 nhà Đường, thì một hôm bỗng xuất hiện một mỹ nữ xách giỏ cá rao bán. Tất cả nam tử trong vùng ấy, đua nhau muốn cưới mỹ nữ làm vợ. Mỹ nữ ấy phân trần: “Tôi đây thân gái chỉ có một, làm sao có thể làm vợ hết cho các Anh. Giờ Tôi quyết định một việc cho các Anh thực hiện, mỗi người sẽ được Tôi trao cho một quyển Kinh Phổ Môn, chỉ trong một hôm phải tụng cho thuộc lòng. Sáng ngày mai, nếu ai đọc Kinh thuộc lòng thì Tôi sẽ ưng thuận làm vợ người ấy.” Sáng ngày hôm sau, trong số các nam tử đến trước mỹ nữ tụng Kinh trả bài thì những người tụng thuộc có trên 20 người. Bấy giờ Mỹ nữ lại phân trần với họ: “Tôi là phận thân gái không thể làm vợ một lúc 20 người được nên giờ đây, Tôi trao cho các Anh quyển Kinh Kim Cang Bát Nhã, cũng trong một đêm nếu người nào tụng thuộc, không sót một chữ thì Tôi sẽ ưng thuận làm vợ người ấy.” Sáng hôm sau, những người này đến trả bài, số người tụng Kinh được 10 người. Mỹ nữ cũng nói lời từ chối như trước và lần này trao cho bộ Kinh Pháp Hoa và kỳ hạn cho trong ba ngày, nếu người nào tụng thuộc suốt thì sẽ ưng thuận làm vợ người ấy. Sau ba ngày, chỉ có chàng họ Mã là tụng Kinh Pháp Hoa thông suốt, thế là mỹ nữ không thể từ chối được nữa. Chàng thanh niên họ Mã, sắm sửa lễ vật hậu hĩnh để rước mỹ nữ về nhà, sau khi làm lễ Ông bà, đến tối trong giờ phút chuẩn bị động phòng thì mỹ nữ nói hiện giờ đang bị trọng bệnh nên cầu xin cho ở riêng một phòng khác. Chàng họ Mã và người trong gia đình đều ưng thuận. Khi bước vào phòng riêng, chưa kịp dùng thuốc thì chỉ trong chốc lát đã qua đời. Có điều lạ là sau khi chết, thông thường các tử thi thường để hai, ba ngày thì mới sinh trương rục rã, còn mỹ nữ sau khi tắt thở thì tử thi sinh trương ngay lập tức, thúi hôi không tả xiết, nên người nhà lập tức lo tẩn liệm, sáng ngày làm lễ an táng. Sau khi làm lễ tống táng cho vợ xong, chàng họ Mã mỗi ngày đến phần mộ khóc than kể lể. Đến ngày mở cửa mã thì đột nhiên có một vị Hòa thượng mặc y tử bào đến nơi phần mộ, thấy thanh niên họ Mã khóc than kể lể, Ngài hỏi lý do. Thanh niên họ Mã đem hết đầu đuôi câu chuyện thuật lại cho Hòa thượng nghe. Ngài nghe xong liền bảo rằng: “Đấy chẳng qua là do Ông thấy sai lầm, chứ làm gì mà thân người vừa chết lại sinh trương hôi thúi, giờ Ông nghe lời Ta, cho người đào mã giờ hôm ra xem.” Quả nhiên sau khi đào mã, giờ hôm ra xem thì trông thấy trong ấy, phần xương của mỹ nữ đều là những thỏi hoàng kim sáng rực. Tất cả dân xứ Thiểm Hữu nghe tin đua nhau đến xem. Ai nấy đều lấy làm lạ và tán thán là sự việc chưa từng có. Hòa Thượng đứng giữa mọi người rồi trình trọng dạy rằng: “Mỹ nữ này chính là hóa thân của Quán Âm Đại Sĩ, vì thương xót các Ông si mê, gây

tạo vô biên tội ác rồi gánh chịu trầm luân thống khổ mà thân người quý báu muôn thuở mới có được một lần, nên Ngài phương tiện thị hiện để hóa độ các Ông thế thôi”. Dứt lời, vị Hòa thượng nọ bay lên không trung biến mất. Thanh niên họ Mã kia, vốn là con của một nhà triệu phú, bỗng nhiên được một chiếc quan tài đầy vàng trong ấy thì đâu biết dùng vào việc gì nên chàng trai họ Mã vô cùng cảm động thâm ân của Bồ tát đã từ bi hiện thân hóa độ mình, bèn dùng hết số vàng ấy xây một đại điện và rước thợ đúc kim thân Bồ tát để thờ cúng. Từ đấy dân chúng địa phương Thiểm Hữu bỏ hẳn tập tục cưới ngựa bắn cung, ngoài giờ lo công việc làm ăn lương thiện thì ngày ngày mai chiều đến nơi bảo điện thờ Quán Âm Đại Sĩ, lễ sám, tụng Kinh niệm Phật rất tinh cần. Riêng chàng họ Mã thì không còn nghĩ đến chuyện vợ con thế tục nữa nên cắt tóc xuất gia, suốt đời an trú trong già lam này mà tự tu, đem Phật Pháp soi sáng cho mọi người. *(Trích Quán Âm Cảm ứng truyện)*

29. Triều nhà Đường có Thầy Thích Huệ Khoan, là người ở Thiên Trúc, xứích Châu. Tương truyền Thầy là ứng thân 10 đời của đức Quán Âm. Khi hạ sanh Thầy, có những tướng khác lạ thù thắng. Đối với tất cả kinh luật, khi Thầy đã nghe hay xem qua, thì nhớ lại không sót một chữ. Những kinh luật chưa nghe nhưng nếu có ai tham vấn thì Thầy giải đáp một cách thông suốt. Tập tục của dân chúng xứ Thiên Trúc từ trước cho đến bấy giờ là tin tưởng theo ngoại đạo, nhưng từ khi Thầy Thích Huệ Khoan đem giáo lý Phật Đà phổ biến trong nhân gian, dân chúng đều bỏ tà về chánh. Những thoại ứng tu hành cùng việc hoằng hóa của Thầy không thể nào tính kể. *(Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)*

30. Triều nhà Đường, vào niên hiệu Thiên Phước, năm thứ tư, Đạo Dục Thiên Sư tiến hành xây một thảo am tại phía Bắc núi Thiên trúc để ẩn thân chuyên tu, thức ăn hàng ngày là hoa quả trong núi rừng, còn y phục được bện từ cỏ, đạo hạnh tuyệt vời của Thiên Sư không ai có thể sánh nổi. Một đêm nọ, ngọn núi phía trước am bỗng có quang minh chiếu sáng rực rỡ lên đến trời xanh, Thiên Sư đến nơi phát ra ánh sáng thì tìm thấy một khúc gỗ rất quý và đẹp, hiếm có trong đời nên mượn thợ khắc thành Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ. Một đêm, Ngài nằm mộng thấy một người mặc bạch y nói rằng: “Thánh Tượng điêu khắc đã xong, sáng mai sẽ có một vị Cao tăng từ Lạc Vương đến đây, vị tăng ấy có mang xá lợi đức Cổ Phật theo bên mình. Thầy nên chí thành cầu xin cho kỳ được.” Sáng ngày, quả nhiên có vị Tăng đến. Thiên Sư vâng lời dạy trong mộng, cầu xin được ba hạt xá lợi, đem để trên phần dành môn của Đại Sĩ. Từ ấy về sau, xá lợi thường phóng bạch quang rực rỡ nơi nhục kế, sự linh dị ấy rất rõ ràng. *(Trích Bảo Lâm Cao Truyện Sự lược)*

31. Triều nhà Tống có Phật tử Vương Viên, từ lúc ấu thơ đã bị lưu lạc và ngụ nơi xứ Giao Chi. Nơi ấy có một vị Pháp sư hiệu là Hiền, đạo cao đức trọng. Khi vừa nhìn thấy Vương Viên, Pháp sư biết là người có thiện duyên với Phật pháp nên cho Viên thọ Tam quy ngũ giới. Sau khi truyền trao quy giới xong, Pháp sư lại tặng Viên một Thánh tượng Quán Âm Bồ Tát bằng hoàng kim và căn dặn Viên khi về bổn quốc nên cung thỉnh Thánh tượng Bồ tát về nhà cúng dường. Viên vâng lời, cùng với hai người em thỉnh tượng về, hằng ngày chí thành lễ bái cúng dường rất tinh cần. Thời gian sau vì nhà Viên hư sập, phải sửa sang, tôn tượng không nơi thờ phụng nên Viên phải đem gởi trong chùa ở Kinh Sư. Bấy giờ nhằm lúc nhân dân trong nước đua nhau đúc tiền vàng, bọn trộm cướp do vậy nên thường tìm đến các chùa để trộm những tượng Phật bằng vàng, hủy phá để lấy vàng cho việc đúc tiền. Tôn tượng Quán Âm Viên gởi trong chùa được vài tháng thì một hôm trong lúc Viên đang nghỉ trưa, chợt thấy tôn tượng đến trước mặt mình. Khi thức giấc, Viên lấy làm lạ và sanh nghi, lại thấy nóng ruột nên vội đến chùa đang gởi tượng, dù mặt trời đã về chiều và gần lặn rồi vẫn cung nghinh Thánh tượng trở về nhà. Ngay đêm đó, hơn 10 bức tượng bằng vàng tại chùa Nam Giản đều bị kẻ trộm mang đi hết. Không lâu sau, Thánh tượng bằng vàng ở nhà Viên trong đêm tối, phóng quang minh rực rỡ, chiếu sáng ra cả vùng phụ cận đến hơn ba dặm. Ban ngày thì thân quang minh của Thái dương, ban đêm thì che khuất ánh sáng của mặt trăng, đèn, nến,... Sự việc này anh em của Viên cùng với hơn 10 người nô bộc trong nhà đều nhìn thấy rõ, những người đủ phước duyên thì được thấy thường xuyên, ngoài họ ra thì rất ít người được trông thấy sự kiện này. *(Trích Minh Tường Ký)*

32. Triều nhà Thanh có Phật tử Trương Minh Đạt là người ở Thuận Đức. Mẫu thân là Đặng Thị Thường, sanh con nhưng không nuôi được, do vậy Bà đến trước Thánh tượng Quán Âm Đại Sĩ lễ bái cầu đảo. Ngày sanh ra Minh Đạt, quang minh chiếu khắp trong nhà. Lúc chưa được 5 tuổi thì mẫu thân qua đời, bà nội của Đạt là Dur Thị xem cháu nội như con muợn của mình, tận tâm săn sóc dạy dỗ. Khi nội của Đạt lâm chung để lại số bạch kim gần cả trăm lượng, lúc ấy Đạt cũng đã khôn lớn nên đem số bạch kim ấy cất kỹ. Năm Mậu Tý bị mất mùa, dân chúng đói khát, đa số bị chết nên Đạt vội lấy số bạch kim của Nội để lại, chẩn thí cho mọi người. Nhờ việc làm từ thiện này mà nhiều người được cứu sống an toàn trong năm cơ cực. Trong số quyến thuộc của Đạt, có vài người thấy việc làm thiện của Đạt thì không những không hoan hỉ tán thán mà còn sanh tâm tật đố và đem việc này sàm tấu với phụ thân Đạt, cho rằng Đạt tự do lén lấy tiền của để làm việc chẩn thí. Đạt bị hàm oan nhưng không thể biện minh. Sau đó có người từ xa nghe Đạt có lòng từ bi, bố thí khắp trong nhân gian nên đến cầu xin

Đạt giúp cho họ qua cơn đói thiếu nhưng do Đạt giờ đây không còn một đồng nên làm cho người từ phương xa ấy khổ cực đến mà không được mãn nguyện. Trải qua vài ngày, người ấy vì đói khát bức ngặt mà chết. Đạt nghe xong lòng buồn vô hạn, tự nghĩ do mình kém phước nên thiếu phương tiện để giúp cho mọi người hết cơn nguy cấp. Vì nhân duyên này mà Đạt nảy sinh ý nghĩ nếu được thác sanh vào chốn vương giả thì có thể có tiền của dồi dào mà tự do cứu tế. Sau khi có ý nghĩ ấy thì lên ngọn núi cao thờ Quán Âm Đại Sĩ ở bốn xứ, đến trước Thánh tượng lễ bái và chí thành phát nguyện: “Nam mô Đại từ Đại bi tầm thỉnh cứu khổ Quán Thế Âm Bồ Tát, nguyện Ngài thù từ chứng minh gia hộ để cho con được mãn nguyện.” Nguyện xong thì Đạt từ trên núi cao gieo mình xuống. Khi gieo mình xuống núi thì thân thể của Đạt rơi xuống một tảng đá dưới chân núi, nhưng kỳ lạ thay, Đạt vẫn ngồi an nhiên trên tảng đá như trên một cái nệm, hoàn toàn không bị thương tổn chút nào. Đạt tự nghĩ: “Đây chắc là do sức oai thần từ lực của Bồ tát gia hộ không cho mình xả thân.” Từ đó, Đạt phát tâm ly trần, trì trai niệm Phật. Lúc 17 tuổi, Đạt thưa với Phụ thân, tỏ bày ý nguyện được xuất gia. Do Đạt là con một nên Phụ thân vừa nghe qua thì nổi giận lôi đình, quở trách thậm tệ. Đạt nghe xong không dám trái lệnh, cúi đầu lễ tạ rồi trở về nhưng ý hướng xuất gia thì không lúc nào xao lãng. Bấy giờ Đạt bèn tính đến hai phương sách: một là đến Ông nội cầu xin để nhờ Ông khuyên nhủ cha mình; hai là nhất tâm thâm niệm Thánh hiệu Quán Âm Đại Sĩ cầu Ngài minh gia cho mau toại nguyện, nhưng vẫn không được toại nguyện trong thời gian ngắn. Một hôm vào khoảng nửa đêm, Đạt nằm mộng thấy một người mặc bạch y đến bảo rằng: “Phật tử phải đi mau, đừng để thời gian tốt trôi qua.” Đạt giật mình thức dậy, vội vàng mở cửa bỏ nhà đi. Theo lệ thường, vào lúc ban đêm, tất cả cửa cổng trong làng đều đóng, nhưng đêm nay thì trái lại cửa cổng lại mở, đường xá vắng tanh, lại nhằm lúc trời mưa tầm tã, đêm tối như mực chẳng hề biết hướng Đông Tây, chỉ có mấy con đom đóm bên cạnh Đạt, khi bay thấp lúc lên cao, nhờ đó mà Đạt nương theo chúng để tiến bước. Đi hơn 10 dặm thì trời bắt đầu sáng, ngay trước mặt Đạt là một cảnh già lam đồ sộ ở non Đảnh Hồ. Đạt vào chùa lễ bái và được Hòa thượng làm lễ thế phát và cho pháp danh là Khai Quýnh. Danh hiệu Khai Quýnh với hàng Phật tử tại gia thì không biết nhưng các vị xuất trần thì không ai chẳng biết vì người xuất gia đều học Bộ Quy Sơn Cảnh Sách mà trong Bộ Kinh này, lời ký là do Ngài Khai Quýnh soạn. Nơi đây xin trích lục một đoạn:

“Vị yếm trần lao, cầu thoát sanh tử.

Hưu tâm tức niệm, đoạn tuyệt phan duyên.

Cổ danh xuất gia, khởi khả đăng nhàn lợi dưỡng mai, một bình sanh.

Trực tu hướng đầu toát khai trung gian phóng hạ, Ngộ thính, ngộ sắc như thạch hương.

Tài hoa kiến lợi kiến danh, Văn trung.

Hướng tòng vô thị nhĩ lai, bất thị bất tăng Kinh lịch, như Kim bất biến cảnh đãi hà thời.”

Thầy Khai Quýnh ở đó không lâu thì mắc chứng bệnh trầm kha. Một ngày nọ, thân sắc của Thầy biến đổi, chỉ có hơi thở ra mà không có thở vào, mọi người trông thấy đều cho là trăm phần khó sống. Lúc bấy giờ, Thầy chỉ một lòng giữ gìn chánh niệm, mãi nhớ tưởng đến Thánh hiệu đức Quán Âm, giấy lát bỗng nhiên sống lại và hoàn toàn bình phục như thường. Thầy tự biết nhờ đức từ bi cứu tử hồi sanh của Đại sĩ nên sống lại, nên rước thợ vẽ Thánh tượng Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát để trọn đời phụng thờ. Trong lúc vẽ tượng, Thầy kiết đàn trì tụng Chú Đại bi. Hàng ngày trước khi vào đạo tràng, Thầy đều tắm gội, thay đổi y phục. Riêng người vẽ tượng, Thầy bảo phải trai giới thanh tịnh và ngay lúc cầm bút vẽ phải dùng giấy bịt hơi trong miệng nữa, các loại màu sắc không được dùng ngưu dao (da trâu), các thứ giấy viết, mỗi mỗi đều được gia trì thần chú. Sau khi tượng vẽ xong, đem ấy từ nơi tượng phóng đại quang minh khắp từ trong đạo tràng ra đến ngoài rừng cây, tất cả đều ánh màu vàng rực rỡ. Đương thời ai thấy cũng kinh ngạc và tán thán. Cũng do nhân duyên này mà những người đã có sẵn tín tâm với Đại Sĩ càng tăng trưởng tín tâm, những người chưa phát tín tâm thì nhân cơ hội này mà tín tâm sanh khởi. (Trích Quán Âm Từ Lâm Tập)

33. Triều nhà Thanh có vị Đại sư; lúc 8 tuổi thì cha mẹ liên tiếp qua đời. Thầy đêm ngày buồn rầu đau khổ, ngày quên ăn, đêm bỏ ngủ. Mỗi khi thấy những người đồng niên cha mẹ còn, nước mắt Thầy tuôn trào không sao ngăn được. Sau đó Thầy có nghe nói đến việc trì trai niệm Phật có thể tương trợ cho vong nhân, nên lập tức dứt sạch các thứ huyết nhục không dùng. Về sau khi được xem Lục Tổ đầu kinh, Thầy cảm ngộ và biết rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và có thể thành Phật. Bấy giờ Thầy nguyện xuất gia, mong lập thân hành đạo để mang lại lợi ích cho cha mẹ đã qua đời. Hàng ngày mai chiều Thầy lễ Phật, tụng kinh niệm Phật rất tinh cần. Mỗi năm gặp lễ Vu Lan, Thầy đều cử hành lễ truy tiến rất trang trọng. Mùa Xuân năm Đinh Dậu, Thầy mua lụa bạch diệp Tây dương, rồi mượn thợ vẽ tượng Thiên thủ Thiên nhãn Đại bi Quán Thế Âm chiều cao 7m. Khi vẽ tượng, Thầy bảo thợ chỉ dùng nước thơm trộn với màu để vẽ, tuyệt nhiên không dùng các thứ mực nấu bằng da trâu, lại bảo thợ vẽ phải trì trai, tắm gội mỗi ngày. Sau khi đã hoàn thành Thánh tượng, Thầy đem tất cả đồ của đàn việt bố thí đem bán để kính thỉnh chư Tăng vân tập. Trước tiên Đại Sư giảng nói Đại bi,

sau đó kết đàn tu Sám pháp 21 ngày. Do tâm chí thành cảm đến Quán Âm Bồ Tát nên nơi thân của Thánh tượng phóng quang minh tam sắc, hai đóa hoa sen xanh đỏ mà Bồ tát cầm trên tay thường phóng quang minh rất đẹp. Sự việc này tất cả Tăng tục đều trông thấy, muôn người như một, dị khẩu đồng âm, tán thán là việc chưa từng có. Từ đó về sau, đại phàm chúng tăng ở trước Thánh tượng lễ sám tụng kinh niệm Phật, hoa sen ấy thường phóng bạch quang, mọi người trông thấy không ai chẳng hoan hỉ và phát đại tín tâm. Do nhân duyên này, Đại sư nghiên cứu toàn cầu trong Tam tạng, cùng kiểm duyệt các truyện ký, căn cứ theo chỗ thấy nghe của mình biên soạn thành bộ sách mang tên “Quán Âm Từ Lâm Tập”, tất cả có 3 quyển. (Trích Quán Âm Từ Lâm Tập Ký)

34. Triều nhà Nguyên, Ưu Đàm Tôn chủ là người Đôn Dương. Lúc 20 tuổi, Ngài xuất gia tại chùa Đông Lâm nơi Ngô Sơn, về sau về ở tại chùa Diệu Quả, xứ Đôn Dương. Vào niên hiệu Chí Đại, năm đầu nhà Nguyên, vua Nhân Tôn hạ chiếu bãi bỏ Liên Tôn. Tôn Chủ nghe xong cả sợ nói rằng: “Mô Phật! Đâu có được. Tôi nương giáo pháp Liên Tôn gần 30 năm mà để cho giáo pháp diệt mất trong đời của Tôi hay sao?” Nói xong Ngài liền đến trước Phật đài, thành tâm đánh lễ tác bạch và phát nguyện nhất định phải khôi phục Liên Tôn. Bấy giờ Ngài trước tác Bộ Liên Tôn Bảo Giá 10 quyển. Nơi đây xin trích bốn đoạn rất thiết yếu có nội dung cảnh sách người tu Tịnh nghiệp. Bốn đoạn văn ấy như sau:

“Đại phàm người tu theo pháp môn Tịnh độ, rõ ràng là phải đối phó với sanh tử nên phải xem đó là một sự kiện rất thiết yếu, chính mình phải thực hành mới được, chẳng phải nói suông cho xong chuyện là thôi, nên nghĩ vô thường mau chóng, thời gian là vàng ngọc, không đợi người nào. Nếu trong tâm bán tín bán nghi, nửa tiến nửa thoái, khi vô thường đến thì biết nương tựa vào đâu và làm sao thoát khỏi luân hồi? Nếu tín tâm đã vững, thì từ ngày hôm nay phải phát tâm đại dũng mãnh, đại tinh tấn, không luận ngộ lý hay chẳng ngộ lý, thấy tánh hay không thấy tánh, chỉ cần chấp trì một câu A Di Đà Phật như tựa vào một tòa núi Tu Di, không thể làm lay động được, giữ tâm cho chuyên, ý cho nhất. Về việc niệm Phật, có nhiều cách, hoặc tham cứu mà niệm, hoặc quán tưởng mà niệm, hoặc trong tâm chuyên nhớ nghĩ mà niệm, hoặc niệm thầm, niệm ra tiếng hoặc chuyên niệm, hoặc hệ niệm hoặc lễ bái mà niệm hoặc tu theo pháp thập niệm. Khi niệm Phật, cố gắng để tâm duyên theo tiếng niệm Phật, thường nhớ thường niệm đừng để tâm xao lãng, sớm niệm, chiều niệm, tối cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, đừng để tâm niệm luống qua. Phải giữ câu niệm Phật luôn trong tâm mình, từng ngày, từng giờ, từng phút, miên miên mật mật, giữ ý nghĩ, không

cho xen tạp niệm như gà ấp trứng, thường phải làm cho hơi ấm tiếp nhau. Niệm Phật được như thế là tu hành đã đến mức Tịnh niệm nối nhau, niệm Phật không gián đoạn. Lại thêm dùng trí quán chiếu tức thời biết rõ Tịnh độ chính là tâm của mình, đây chính là công phu tu tiến của bậc thượng trí. Cố gắng thực hành được như vậy và giữ tâm cho vững, dù gặp phải những hoàn cảnh khổ vui, thuận nghịch, hiểm trở trước mắt cũng chỉ giữ một câu niệm Phật này, không có một niệm đổi khác, không có một niệm biếng lười và thối thất, cũng không có một niệm tạp tưởng cho đến suốt đời hẳn không có một niệm gì khác thì chắc chắn được vãng sanh Tây phương Cực lạc thế giới. Nếu có thể dụng công tu tập như vậy thì vô minh sanh tử trong nhiều kiếp tự nhiên dứt sạch, chính mắt được nhìn thấy Từ phụ A Di Đà không ngoài tự tâm, công hạnh viên mãn, nguyện lực giúp nhau, đến lúc lâm chung chắc chắn sẽ vãng sanh Thượng phẩm. Nếu người niệm Phật nội tâm trần cấu chưa sạch, khi ác niệm sanh khởi cần phải tự kiểm điểm lấy mình, những tâm niệm ác ấy có nhiều dạng, chỉ lược kể vài thứ như sau: tâm san than, tâm tật đố, tâm sân hận, tâm si mê, tâm luyến ái, tâm giả dối, tâm ngã nhân, tâm cống cao, tâm đua nịnh, tâm tà kiến, tâm khinh mạn và đối với những hoàn cảnh thuận nghịch, tùy theo đó mà sanh tâm bất thiện. Khi những tâm niệm nói trên sanh khởi, hãy cất cao tiếng niệm Phật, thâm nhiếp trở về chánh niệm, đừng để cho những ác niệm ấy tương tục, cần phải diệt trừ ngay cho sạch hết, đừng để cho nó phát sanh trở lại. Đối với bao nhiêu tâm niệm tốt như tâm thâm tín, tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng, tâm từ bi, tâm hỉ xả, tâm khiêm hạ, tâm bình đẳng, tâm phương tiện, tâm nhẫn nhục, tâm bố thí, tâm trì giới, tâm thiền định, tâm tinh tấn, tâm Bồ đề và tất cả thiện tâm khác thường phải giữ gìn cho luôn được tăng trưởng. Lại cần phải xa lìa luật sai phạm hạnh, đoạn ác lục nghi nghĩa là phải thận trọng đừng nuôi các thứ gia súc như gà, vịt, heo, dê, v.v... lại cũng không được săn bắn, chài lưới. Nên biết chư thượng thiện nhân trong cõi nước Cực lạc đều là do tránh xa các việc ác, tu tập tất cả pháp lành mà được vãng sanh Tây phương Cực lạc. Đối với quả Vô thượng Bồ đề không thối chuyển, người niệm Phật phải học theo Phật, phải lấy việc bỏ dữ làm lành làm mục đích chính của mình.

Đại phàm người tu theo pháp môn niệm Phật, muốn chắc chắn vãng sanh về Tây phương Tịnh Độ phải thường nghĩ tất cả mọi thứ trên thế gian đều là vô thường, có thành thì có hoại, có sanh sẽ có tử, nếu không được nghe Phật pháp thì bỏ thân rồi lại thọ thân, luân chuyển trong Tam giới lục đạo, không biết ngày nào mới ra khỏi. Ngày nay chúng ta có chút phước duyên được nghe Chánh Pháp của Phật, lại hân hạnh được tu theo pháp môn niệm Phật, là pháp môn thượng Thánh hạ Phàm đồng tu, không luận

người trí kẻ tu đều thực hành được, bởi pháp môn này nương nhờ tha lực của Phật nên lợi ích của nó thù thắng vô biên, tất cả các pháp môn khác đều không sánh bằng, vì lý do ấy mà chỉ có việc niệm Phật là điều đáng nhớ nghĩ. Khi bỏ báo thân này sẽ vãng sanh Cực lạc, hóa sanh trong hoa sen, hưởng thụ các sự an vui, thoát khỏi sanh tử luân hồi, đối với quả vị Bồ đề hẳn không thối chuyển. Đây chính là việc cần làm trong lúc bình sanh của bậc Trượng phu vậy!

Khi bị bệnh tật, cần có tâm hướng về trước nghĩa là nghĩ đến việc vãng sanh Tây phương, đừng sanh tâm lo sợ đến việc bệnh hoạn. Phải ngồi ngay thẳng, mặt xoay về hướng Tây, chuyên nhất tưởng đến Từ phụ A Di Đà Phật, cùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát và vô số các Phật đều hiện ở trước mặt mình rồi nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi câu đều liên tiếp không gián đoạn. Đối với các sự việc trên thế gian, đừng để tâm nghĩ nhớ và đừng tham luyến, nếu những tâm niệm ấy sanh khởi thì chỉ cần mau mau xưng niệm Thánh hiệu của Phật vì trong mỗi câu Phật hiệu đều có công năng diệt trừ tội nặng sanh tử trong 80 ức kiếp, chỉ một câu niệm Phật này thì quyết định vãng sanh Tây phương. Nếu thọ số chưa hết thì tự nhiên thân được mạnh khỏe, tâm được an vui, tuyệt đối chớ sanh vọng tâm lưu luyến chuyện thế gian, nếu thọ số đã hết thì muốn sống cũng không được mà nếu thọ số chưa hết thì muốn chết cũng chẳng được, vậy đừng nên lo việc sống chết, cốt yếu phải lo việc vãng sanh Tây phương, không có gì phải sanh tâm lo sợ. Nếu xả ly được thân này thì cũng giống như bỏ đi bộ y phục rách rưới dơ bẩn mà được khoác lên bộ y phục mới quý báu tốt đẹp, xả ly thân phàm phu sanh tử để về cõi Phật được thân đẹp đẽ trang nghiêm, như thế chẳng phải là việc lớn duy nhất cần làm hay sao? Người tu pháp môn niệm Phật phải có tín tâm chân thật, phải hiểu niệm Phật để làm gì, đích xác là để vãng sanh Cực lạc thế giới. Suy nghĩ như vậy rồi thì phải nhất ý trì niệm một câu A Di Đà Phật và lấy một niệm này làm Bản sư của ta, một niệm này chính là đức hóa Phật, một niệm này là viên dũng Tướng phá ngục, một niệm này là thanh bảo kiếm chém tà ma, một niệm này là chiếc minh đăng trừ diệt hắc ám, một niệm này là chiếc thuyền Từ đưa Ta qua biển khổ, một niệm này là phương thuốc màu chữa lành bệnh sanh tử, là đường tắt ra khỏi Tam giới, một niệm này chính là bốn tánh Di Đà, một niệm này mà đạt lý duy tâm Tịnh độ. Chỉ cần ghi nhớ một câu A Di Đà Phật này rõ ràng trong tâm, đừng để lạc mất, niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm không rời tâm, vô sự cũng niệm như thế mà lúc hữu sự cũng niệm như thế, khi an vui cũng niệm như thế mà lúc khổ bệnh hoành hành cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế mà chết cũng niệm như thế. Nếu làm được như vậy thì một câu A Di Đà phân minh, không mê muội, thì cần chi phải hỏi người khác tìm đường về nhà.”

Sau khi trước tác bộ sách nói trên, Ưu Đàm Tôn Chủ đưa đến các Tông lâm ở khắp nơi để cầu các chư Thượng đức chứng giám nhưng không ai sửa đổi một chữ. Sau đó, họ cùng đem bộ sách ấy dâng lên cho Nhân Tôn Hoàng đế, cầu xin khôi phục phái Liên Tôn. Hoàng đế đọc xong thì rất hoan hỉ nên phong cho Ưu Đàm làm Tôn chủ của Liên Tôn và ban cho bảo hiệu Hào Khê Tôn giả. Đến niên hiệu Chí Thuận, năm đầu nhà Nguyên, Tôn Chủ thân không bệnh khổ, an vui niệm Phật rồi viên tịch. *(Trích Liên Tôn Bảo Giáo)*

35. Triều nhà Minh, Thánh tịnh Ni sư là người ở Đông Cương, tỉnh Quảng Châu. Từ lúc nhỏ, Ni sư đã phát tâm thọ Tam quy, Ngũ giới và ăn chay trường. Về sau Ni sư xuất gia, y theo lời Phật dạy, thọ giới Sa Di Ni Thức Xoa Má Na, kể đến thì thọ giới cụ túc. Ni sư lấy việc niệm Phật làm trọng tâm duy nhất cho việc tu hành trong đời mình, không cần học kinh luật luận cho nhiều, vì thế nên Ni sư niệm Phật ngày đêm không hở. Ni sư từng đến nhà các Phật tử khuyến hóa tiền tài, phát tâm cúng dường để giúp Ni sư tạc pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát bằng gỗ chiên đàn. Sau khi tạc tượng xong thì qua năm sau Ni sư bị bệnh sơ sài, biết trước thời giờ vãng sanh nên bảo chúng đệ tử đến, rồi nói rằng: “Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ tát đã tự thân đến đây tiếp dẫn Thầy, Thầy nói để các con biết. Các con ở lại cố gắng tinh tấn niệm Phật. Thầy đi đây.” Ni sư nói mấy lời trên rồi nhắm mắt an tọa mà viên tịch. *(Trích Kinh Lục Quán Âm Từ Lâm Tập)*

36. Triều nhà Thanh, Trương Quốc Sĩ Diên là một học sĩ ở huyện Thường Thục. Trước kia, khi chưa phát tín tâm với Phật pháp thì Ông thường hay uống rượu, lấy hiệu của mình là Bất Mãn. Khi nghe ai nói đến Kinh Phật thì Sĩ Diên hiện sắc mặt bất bình rồi thốt lên những lời không tôn kính. Một ngày nọ, tình cờ xem qua lý Nhân Quả luân hồi, Ông bỗng nhiên tỏ ngộ đại sự sinh tử là vấn đề khổ nhất của nhân sinh. Sĩ Diên liền phát tâm nghiêm trì giới sát và bỏ hẳn việc uống rượu, lại tu hành rất tinh tấn. Hằng ngày Ông trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, chú Đại bi, và niệm Phật, thành tâm nguyện đem công đức này hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực lạc thế giới. Ông cũng sám hối những lầm lỗi của mình trước đây và vô lượng kiếp xưa, rồi sau đó Ông tinh tấn phát nguyện trường trai. Về sau Ông mắc phải chứng bệnh phong rất khổ sở, toàn thân bên phải tê liệt khô gầy, những người quen biết nhìn thấy khuyên Ông nên ăn thịt để bồi bổ. Nghe những lời khuyên ấy Ông chỉ buồn bã, cười nhẹ, nước mắt tuôn rơi, chấp tay tạ lỗi mà từ khước. Vào niên hiệu Đạo quang nhà Thanh năm thứ 19, vào mùa Xuân chính tay Diên Sĩ chép bản Phổ Môn rồi mượn người in ấn phổ biến khắp nơi. Trong những bản kinh Phổ Môn ấn tống, Sĩ Diên viết những lời khuyên nhủ tha thiết: “Thưa quý vị, xin đừng xem thường Kinh này rồi bỏ qua là điều

đáng tiếc. Kinh này chính là thuyền Từ cứu chúng sanh ra khỏi bể khổ vậy.” Mùa Thu năm ấy, cư sĩ mộng thấy mình nuốt đóa hoa sen. Từ đó sự tu hành của Cư sĩ càng tinh tấn bội phần. Cư sĩ bảo em mình là Sĩ Đăng rằng: “Anh cần tụng Phẩm Phổ Môn đủ một vạn hai ngàn biến thì mới mãn nguyện của Anh.” Sĩ Đăng nghe nói, gạn hỏi duyên cớ thì Cư sĩ yên lặng chốc lát rồi đáp: “Em nên biết trong thế gian có bốn thứ khổ lớn là Sanh - Lão - Bệnh - Từ. Bản thân Anh đã trải qua ba thứ, còn một thứ nữa dù chưa đến nhưng nó cũng sẽ đến trong nay mai, đó là cái chết, vì thế lẽ nào Anh lại không chuẩn bị tư lương từ trước.” Niên hiệu Đại Quang năm thứ 20, vào khoảng đầu hôm, ngày 11 tháng Giêng, Sĩ Đăng nằm trăn trở suốt đêm không thể nào ngủ được vì nghe Anh mình tụng phẩm Phổ Môn, âm thanh vang lanh lảnh. Sĩ Đăng đến nơi thì thấy Anh mình vẫn đang ngon giấc, hoàn toàn không nghe tụng kinh ra tiếng, hóa ra âm thanh đó chỉ là trong mộng của Ông thôi. Sáng ngày thức dậy cũng như thường lệ, Ông tụng Kinh xong thì có chút việc phải đến nhà bà con, khi mới đến nơi thì bỗng bị đàm kéo lên nghẹt cổ, người nhà bà con tức tốc đưa cư sĩ về. Lúc về đến nơi thì Cư sĩ mê man bất tỉnh. Đến chiều ngày 13 tháng Giêng, thân hữu của Cư sĩ là Tạ Mộc Ngô đến thăm Cư Sĩ, bảo người nhà lên đèn, thắp hương trên bàn Phật và đưa xôi chuối Cư sĩ thường ngày dùng niệm Phật để trước ngực thì đôi mắt Cư sĩ tự mở ra, sáng lên long lanh, toàn thân đều cử động nhưng hơi thở thì đã hết. Các Phật tử khác đến thăm nhìn thấy đều nói rằng đây là trạng thái Kiết tường thượng thế, chắc chắn vãng sanh Tây phương. Nhưng riêng vợ Cư sĩ thì không tin, Bà đến trước quan tài của Ông khẩn rằng: “Nếu quả thật Ông được vãng sanh thì trong giấc mộng, xin báo cho Tôi được rõ.” Trải qua năm ngày, đêm ấy người vợ nằm mộng, thấy một người đến báo rằng: “Người đừng khóc! Người nhà của người đã đi qua mười vạn ức Phật độ rồi.” Khi thức giấc, Bà lấy lạ về điềm mộng ấy, do lúc bình sanh, Bà này chưa bao giờ tụng kinh Di Đà nên đối với câu kinh có năm chữ “mười vạn ức Phật độ” thì không hiểu là ý nghĩa gì. Ngày hôm sau, bà đến chùa thỉnh vấn một Hòa thượng thì sau khi được Hòa thượng giải thích, bà mới biết chồng mình chắc chắn đã được vãng sanh và điềm mộng đúng là sự hiệu nghiệm rõ ràng. Sĩ Đăng tự ghi lại câu chuyện trên và từ đó theo gương của Anh mình, tu theo pháp môn Tịnh độ rất tinh tấn. Ông lại in một bộ sách tựa đề là Vãng Sanh Đề Mục Lục để lưu hành trong thế gian. *(Trích Vãng Sanh cận nghiệp lục)*

37. Triều nhà Thanh, Như Bang Hiền là người ở Triệu Hưng, lúc trẻ tuổi chuyên nghề buôn bán để nuôi thân, đến khi 60 tuổi thì Ông bỏ hẳn việc bán buôn. Hai ông bà phát nguyện tu Tịnh Độ, ngoài việc niệm Phật, hai ông bà từng đánh lễ kinh Hoa Nghiêm 8 bộ, thông thường gọi là lạy Kinh.

là cách thức lạy từ đầu đến cuối bộ Kinh, mỗi chữ là 1 lạy. Khi lạy Kinh Pháp Hoa thì xưng rằng: “Nam Mô Đại thừa Diệu pháp Liên hoa Kinh” sau đó lạy 1 lạy rồi tiếp tục đọc: “Nhu thị ngã văn, v.v... cho đến hết bộ cũng như vậy). Như thế, mà hai Ông bà Phật tử Bang Hiền đã lạy 8 bộ Kinh Hoa nghiêm, mỗi bộ là 80 quyển. Bao nhiêu cũng đủ thấy công phu tu hành của hai ông bà sâu dày biết chừng nào. Niên hiệu Đạo Quang, triều nhà Thanh năm thứ 18, Phật tử Bang Hiền được 86 tuổi. Bà vợ Ông bệnh sơ sài trước Ông, sau đó Ông cũng bệnh nhẹ. Đến một hôm, Bà gọi con dâu đến báo rằng: “Con chạy ra ngoài thất của Cha (ông bà sống riêng) chuyển lời của Mẹ báo cho Cha con biết rằng Mẹ sắp về Tây phương, Cha con ở lại mạnh giỏi, cố gắng niệm Phật rồi về sau.” Con dâu vâng lời đến thưa với cha chồng, Phật tử Bang Hiền bảo: “Con vào nhà thưa với Mẹ con hãy chậm lại 3 ngày nữa để đồng đi với Cha luôn một thể cho tiện.” Con dâu vào nhà thưa lại thì Bà ưng thuận. Quả nhiên đến ngày thứ ba, cả hai ông bà an nhiên vui vẻ, niệm Phật mà vãng sanh. Bấy giờ nhằm ngày 23 tháng 6. *(Trích Ngô Dần Đường Thuật)*

38. Triều nhà Thanh, Trần Trinh Nữ là con gái của Trần Tiết Thanh Cư sĩ. Trinh Nữ lúc ấu thơ đã từng nghe cha mẹ giảng về thuyết nhân quả. Tuy còn nhỏ nhưng đã phát tâm kiên trì giới sát và thực hành hạnh phóng sanh. Khi lên 14, 15 tuổi, Trinh nữ nghe ai bàn chuyện hôn nhân thì đều khóc lóc và bỏ cả ăn uống. Cha mẹ thấy thế bèn gạn hỏi chí hướng là muốn làm gì? Trinh Nữ liền thưa: “Con có ý nguyện đợi đến khi nghĩa lý trong Kinh có thể thông hiểu thì xin cha mẹ cho con được xuất gia làm Ni.” Mẫu thân của Trinh Nữ thì im lặng nhưng phụ thân thì vô cùng tán thán và chấp nhận. Thoạt đầu, Trinh Nữ chỉ đọc văn tự các Kinh nên không lưu tâm nghiên cứu tìm tòi. Hàng ngày nàng chỉ chuyên tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, kinh Di Đà, Thập Chú Đại bi, Bát Nhã tâm kinh. Dù đọc tụng nhiều nhưng nghĩa lý vẫn chưa hiểu. Vì vậy Trinh Nữ chỉ nhất tâm niệm Phật mà thôi. Đến lúc mẫu thân tạ thế thì Trinh Nữ phát nguyện trường trai. Năm lên 25 tuổi, vào lúc tháng năm, Trinh nữ mắc chứng bệnh thời khí, nằm liệt giường hơn 20 ngày. Phụ thân của Trinh Nữ thấy con bệnh nên rất buồn thương, nhưng là người thông đạt Phật pháp nên Ông thường đến cạnh giường con để khuyên nhủ phải thường xuyên niệm Phật, quán Phật và nhất tâm cầu về Tây phương. Đến sáng ngày 30, bệnh Trinh nữ càng nặng nên hôn mê bất tỉnh. Phụ thân thấy thế buồn đau rơi lệ, nhưng vẫn đến trước giường bệnh, kêu lớn tên con mà cảnh tỉnh, lại đem những cảnh an vui ở Cực lạc thế giới tuyên thuyết nhắc con phải gắng nhớ Phật, niệm Phật, đừng nghĩ đến việc khổ đau. Đến giờ Mùi (khoảng 1 - 2 giờ trưa), Trinh nữ bảo người đỡ ngồi dậy, hướng về Tây phương, chấp tay niệm Phật. Trong chốc lát, Trinh nữ bỗng mở mắt hỏi người xung quanh: “Phụ thân Tôi ở đâu không thấy?” Mọi người đáp: “Ông

có việc đã đi ra ngoài rồi”, do mẫu thân của Quan huyện bệnh nặng và phụ thân của Trinh nữ đang đi thăm nên không có ở nhà. Trinh Nữ nói: “Không hề gì! Không cần tìm kiếm và mời Người về. Khi Cha tôi về đến thì hãy hoan hỉ nói lại xin Người hãy yên tâm vì vừa rồi Tôi đã được hai đại Bồ tát dẫn đi đến Cực lạc Tây phương và được Từ phụ A Di Đà thọ ký cho Tôi vãng sanh hạ phẩm hạ sanh nhưng vì lòng chí hiếu với mẫu thân đã hai lần cắt thịt cánh tay trị bệnh cho Mẹ nên chuyển lên hạ phẩm trung sanh. Tôi may mắn được phụ thân luôn nhắc nhở niệm Phật nên xin Người hãy an tâm lo tu niệm, đừng để Tâm nhớ nghĩ đến Tôi.” Đạo trước, có người giúp việc trong nhà là họ Tôn, thấy Trinh Nữ trẻ tuổi mà tu hành tinh tấn nên Bà cũng phát nguyện trường trai, chuyên tâm niệm Phật. Giờ đây khi chứng kiến sự vãng sanh của Trinh nữ, Bà thốt lên rằng: “Tiểu Thư ơi, Tiểu thư là một đồng nữ trinh tiết mà cũng là bậc chân tu nên được sự lợi ích vĩ đại thù thắng này, còn chúng tôi đây là kẻ mới giữa đường phát tâm tu hành, sợ rằng sẽ không được như thế.” Trinh Nữ trả lời: “Xin Bà an tâm, không phải như thế đâu. Việc niệm Phật cần phải có tâm chân thiết, còn việc tu hành bất luận là nửa đường hay không nửa đường, tùy thuộc vào hoàn cảnh của mỗi người.” Nói mấy lời trên xong thì Trinh nữ quay sang quyến thuộc dặn dò: “Quý vị trong lúc bình nhật niệm Phật mà không có tâm chí thành tha thiết, Tôi sợ e khó đắc lực. Nếu dùng tâm chí thành, chân thật mà niệm Phật, thì đến giờ phút này mới tự biết mình sẽ được sự thọ dụng rất lớn lao. Vậy xin quý vị cố gắng, Tôi xin đi đây.” Dứt lời Trinh nữ nhắm mắt tạ thế. Phụ thân của Trinh Nữ đến giờ Dậu mới về, nghe người nhà thưa lại tình hình giờ phút cuối cùng của con, Ông đến sờ trên đầu thì trên đỉnh đầu của Trinh nữ vẫn còn ấm. (Trích Du Huệ Ưc Sao)

39. Có một hiệu thư (*) không rõ họ tên, vừa quá tuổi cập kê bỗng nhiên tỉnh ngộ bỏ hẳn việc làm cũ, tự giữ mình tinh khiết, lại quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Đối với Phật Pháp lòng rất thâm tín, bấy giờ hiệu thư bỏ hẳn phần son, chuyên tâm niệm Phật. Cô còn một người Mẹ già nên đến Thượng Hải thuê một gian nhà, rước Mẹ cùng về ở để mình phụng dưỡng và khuyên Mẹ niệm Phật. Riêng cá nhân Cô thì sớm chiều thành tâm niệm Phật không gián đoạn. Cô sửa sang phòng thành một nơi Tịnh thất, vừa trang nghiêm vừa thanh tịnh, không khác gì chốn lan nhã và thành Tôn dung của Từ phụ A Di Đà Phật về nhà để ngày đêm lễ bái cúng dường. Khi còn sống trong nghiệp phong trần, dù trong cảnh gió bụi nhưng Cô không buông lung phung phí như người khác nên dành dụm được số tiền khá khá. Số tiền ấy Cô đem gởi cho một Phật tử ở Việt Đông nhờ giữ gìn cho Cô. Đến năm Dân Quốc thứ 13, đầu tháng Hai, Cô nhờ bà giúp việc đến Việt Đông mời Lương Tiên sinh đến và thưa rằng: “Thưa Tiên Sinh, con tu hành chưa được bao lâu

mà may mắn quá, con được giải thoát. Hôm nay làm phiền Tiên Sinh đến đây để con thưa Tiên sinh biết ngày ấy con sẽ về Tây phương. Về số tiền con gởi cho Tiên Sinh, sau khi con bỏ thân phàm này, xin Tiên Sinh dùng số tiền đó lo việc tống táng và trai Tăng làm phước, và để lại một phần cấp dưỡng cho mẹ già của con. Mong Tiên Sinh từ bi hoan hỉ mà chứng minh cho. Con thành tâm vạn tạ.” Lương Phật tử nghe nói thì đáp rằng: “Tuổi Cô chỉ vừa mới quá Xuân, tại sao vội nói đến việc ấy?” Hiệu thư yên lặng, đưa Lương Phật tử ra về. Đến ngày Cô đã hẹn như nói trên, bà giúp việc đến nhà Lương Phật tử báo tin Cô đã vãng sanh Tây phương Cực lạc thế giới. Phật tử họ Lương nghe xong thì hết lòng tán thán, vội vã đến nhà để lo việc tống táng, mọi việc đều làm y theo như lời Cô dặn và chừa lại một phần để cấp dưỡng cho mẫu thân Cô. (Trích Cận Đại Vãng Sanh truyện)

Lời bình luận của Phật tử biên soạn bộ Tịnh Độ Thánh Linh Cảm Lục: Sanh ra làm người đã không được mang thân nam tử, lại phải mang thân nữ nhân, nghiệp ấy đã nặng rồi, nhưng làm nữ nhân mà còn lao vào con đường bán thân nữa thì nghiệp đã nặng lại càng nặng. Tuy nhiên “Nghiệp hải mang mang, hồi đầu thị nhận (Nghiệp sanh tử luân hồi mênh mông không bờ mé) nhưng một khi hồi đầu tỉnh ngộ ấy chính là Cực lạc Niết bàn.” Chúng ta nên biết tất cả chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, như cô hiệu thư trong truyện. Chính trong lúc tuổi quá thanh xuân mà có thể phản tỉnh hồi đầu, mạnh mẽ bỏ hẳn việc dâm uế, theo lời Phật dạy, y theo pháp môn Tịnh độ, gắng sức tu hành, chưa được vài năm liền như bốn nguyện, lại biết trước ngày giờ về Lạc bang. Nói đến đây chúng ta có thể thấy pháp môn Tịnh độ là pháp vi diệu, thù thắng đệ nhất mà lại thích hợp với mọi căn cơ nên Ấn Tổ thường nói: “Pháp môn niệm Phật là pháp môn Thượng Thánh - Hạ Phàm đồng tu, chỉ cần tin sâu, nguyện thiết thì chắc chắn được thành tựu, thế nên Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hựu soạn bộ Long thư Tịnh Độ, trong ấy có một thiên khuyến hóa các à phong trần. Cô hiệu thư này đã vãng theo lời khuyên dạy ấy, bỏ hẳn thứ dâm uế ở Ta bà để nhất tâm niệm Phật, cầu về Tịnh độ ở Lạc bang. Hiệu thư hãy còn được như thế thì Tôi kính khuyên các hàng Phật tử hay chưa vào hàng Phật tử, hãy nên dũng mãnh phát sanh chánh tín, nhất là đừng sanh niệm nghi ngờ hủy báng để khỏi phụ với kiếp làm người như trong Khoa văn cúng thí thực có câu: Kim xin bất khả Di Đà niệm - Uống tại nhân gian tẩu nhất tao. (Sống chẳng niệm Di Đà Phật hiệu - Uống một đời chơi nẻo nhân gian)

(*) Danh từ hiệu thư có 2 nghĩa, nghĩa thứ nhất là vị quan vào thời đại xưa có trách nhiệm cất giữ sách vở và hiệu chỉnh các sách, nghĩa thứ hai là cách gọi khác của kỳ nữ. Trong truyện này chính là nghĩa thứ hai.



LỜI PHỤ

Sáu truyện vãng sanh trên, một truyện của đức Ưu Đàm Tôn chủ là nói về sự chứng đắc cấp bậc thượng thủ trong tứ chúng. Hai truyện sau cùng nói về nữ Phật tử được chứng đắc thấp nhất trong tứ chúng. Khi còn ở Ta bà thì theo giai cấp giới phẩm có thấp cao, nhưng một khi đã vãng sanh về Cực lạc rồi thì dù có chậm mau, sai khác bất đồng, đồng dự vào ngôi bất thối, đồng chứng quả vô sanh, đồng thành Chánh giác. Sự tích vãng sanh có lợi ích lớn lao thì các sự tích trì niệm danh hiệu đức Đại bi Quán Thế Âm cũng thế nên dịch giả thành kính cố công biên dịch từ Hán văn ra Việt văn, mong đem lại sự lợi lạc cho các vị có tín tâm với Đại Sĩ, bất luận là đã vào hàng Phật tử hay chưa vào hàng Phật tử, nương theo đây mà tín tâm được tăng trưởng, những vị nào chưa phát tín tâm cũng nương theo đây mà phát tín tâm.

Tuy nhiên có điều dịch giả xin thưa: quý vị trong lúc bình nhật, thân thể khỏe mạnh, tâm thần sáng suốt nên chí thành cung kính, tinh tấn xưng niệm danh hiệu của Đại sĩ và tụng kinh Phổ Môn, chú Đại bi cho thường, đừng nghĩ rằng Bồ tát thần lực vô biên lại từ bi thương xót chúng sanh như thế nên để khi nào có tai nạn gì thì mới nghĩ đến cầu đảo xưng niệm, lúc thường ngày thì không cần lắm, như vậy là sai lầm lớn. Tại sao vậy? Vì khi tai nạn xảy đến, tâm ý chúng ta hoảng sợ, hãi hùng, tinh thần không minh mẫn, lúc ấy chỉ duy nhất có tâm trạng sợ chết thì làm sao mà niệm, cho dù có xưng niệm được cũng khó mà nhất tâm. Điều này quý vị đã xem qua các sự tích từ 6 thiên trong bộ sách này đã dạy rõ.

Dịch giả xin nhắc lại hai tích chuyện trong thiên Cứu tế ách nạn để chứng minh: Chuyện thứ nhất là đời Nguyên Ngụy, có Thầy Thích Pháp Lực, muốn xây cất Tịnh xá ở tại Lô Sơn để tu hành nhưng tài chánh quá thiếu thốn, Phật tử lại không ủng hộ nên Thầy cùng với Sa Di Minh Thám thân hành đi đến Thượng Cốc. Cả hai Thầy trò ở lại đó một năm để xin chỉ gai đem về bán để xây Tịnh xá. Công việc xong, hai thầy trò trên đường về chùa thì đi ngang qua một đầm hoang có đầy cỏ lau. Nhằm lúc mùa nắng bỗng gặp lửa dữ cháy khắp trong đầm, xe Thầy lúc đó ở ngay hướng gió nên vô phương tránh khỏi, Thầy Pháp lực lúc ấy vì quá mệt nên ngủ mê trên xe, khi nghe lửa nóng giật mình thức dậy thì lửa đã sát bên mình, ngay lúc ấy Thầy cất lên tiếng xưng niệm cầu Thánh hiệu Quán Âm, nhưng Thầy chỉ la lớn được tiếng Quán, chưa đến 2 chữ Thế Âm, ứng theo âm thanh xưng niệm thì gió tự nhiên chuyển hướng, đám lửa dữ đều tắt. Hai thầy trò về đến chùa an

nhiên vô sự. Trong lúc tai nạn cấp bách mà được sự minh gia của Bồ tát như thế là do thường ngày Thầy đã tín sâu và thành kính xưng niệm, công huân thuần thực mới cảm ứng đến Đại Sĩ như âm vang ứng tiếng. (Trích Cao Tăng Truyện - Tập 2)

Chuyện thứ hai là tại huyện Đông hải có một bà lão Phật tử họ Vương tuổi đã thất tuần. Một hôm Bà bồng đứa cháu qua sông thì rui ro trượt chân té xuống nước, lại nhằm lúc nước lớn, chảy mạnh như thác nhưng bà lão vẫn bồng cháu đứng trên mặt nước, tự nhiên như đứng trên bình địa. Dân chúng thấy vậy vô cùng kinh ngạc, lật đật kéo ghe tiếp cứu bà lên bờ. Sau khi bà lên bờ thì mọi người gạn hỏi. Bà nói: “Tôi không biết gì là hiểm nạn, lúc ấy chỉ bồng cháu và trì niệm Quán Thế Âm không dứt mà thôi.” Do bà lão này thường nhật trì niệm Thánh hiệu của Đại Sĩ chẳng những lâu năm mà còn thuần thực nên được Bồ tát gia hộ như thế. Sự tích nói trên là do Thích Minh Huệ Sơn Hòa thượng ở chùa Tây Thiên, xứ Kim Lăng thuật lại (Trích Quán Thế Âm Trì niệm Ký)

Đức Liên Tôn Bát Tổ có dạy: “Nhàn thời biện - Mạnh thời dụng.” Ý Tổ dạy: lúc rảnh rỗi, phải lo tu tập các công đức, tụng Kinh niệm Phật, trì chú lễ sám, v.v... thì đến khi đại hạn đến hay gặp tai nạn mới có mà thọ dụng. Giống như truyện vãng sanh thứ 5 của Trinh Nữ ở trên. Trinh Nữ khuyên mọi người trong lúc bình nhật phải niệm Phật chí thành tha thiết thì đến giờ phút lâm chung mới biết sự thọ dụng của công phu tu niệm.

LỜI KHAI THỊ CỦA ẤN TỔ: Đức Quán Âm Bồ Tát đã thành Phật trong kiếp xa xưa. Thánh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai nhưng vì lòng từ bi đối với chúng sanh quá thiết, dù đã an trú Thường Tịch Quang Độ mà vẫn hiện thân nơi ba độ là thật báo, phượng tiện, đồng cư. Dù thường hiện Phật thân nhưng vẫn lại hiện phổ thân trong cửu giới, dù luôn bên cạnh hầu hạ A Di Đà nhưng vẫn hiện sắc thân Pháp giới trong mười phương, đúng như lời tiên đức đã nói: chỉ cần có lợi ích cho chúng sanh thì không một việc gì chẳng thực hành và như trong Kinh dạy với những chúng sanh nên dùng thân chi để độ thoát thì hiện thân ấy mà vì đó nói Pháp. Vì lý do ấy nên biết Phổ Đà Bảo Sơn chính là nơi ứng tích của Bồ tát. Vì muốn cho chúng sanh có chỗ chiêm hướng quy lễ mà thị hiện nơi Bảo Sơn này, đâu phải Bồ tát chỉ ở nơi Phổ Đà mà không ở nơi chỗ khác.

Lấy ví dụ cho dễ hiểu, như một vầng trăng sáng rực trên không trung, bóng trăng ấy muôn sông đều hiện, dù cho là một gáo nước hay một giọt sương trên cành cây thì mỗi mỗi đều hiện cả mặt trăng trong ấy, tuy nhiên

nếu nước đục và chao động thì bóng trăng không rõ ràng. Tâm chúng sanh cũng như nước, nếu chỉ thành một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ tát thì Bồ Tát chính trong lúc xưng niệm khiến được sự lợi ích minh hiển, trái lại nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất thì khó mong được Ngài cứu hộ. Ý nghĩa này rất sâu xa, muốn biết rõ thì phải xem lời tựa Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí trong bộ Ấn Quang Văn Sao.

Tại sao Bồ tát lại có danh xưng là Quán Thế Âm? Vì Bồ tát nhận biết được lòng cầu khẩn của chúng sanh do quán văn thanh mà chứng viên thông trên. Quả vị do quán âm thanh cứu độ cho nên mệnh danh là Quán Thế Âm.

Vì sao sự thị hiện của Bồ Tát gọi là Phổ Môn? Vì Bồ tát quảng đại phổ biến thị hiện vô biên, tùy thuận theo căn tánh của chúng sanh trong khắp pháp giới, có thể độ chúng sanh đến cảnh giải thoát, không riêng lập một pháp môn nào, giống như bệnh trong đời có nghìn loại, lẽ đương nhiên thì thuốc cũng phải có muôn phương, không chấp định một pháp nào, tùy theo chỗ mê cũng như chỗ tỏ ngộ của chúng sanh mà khai hóa điểm thị như lục căn, lục thức, thất đại, mỗi mỗi đều có thể chứng được viên thông. Ý nghĩa này phải xem trong Kinh Lăng Nghiêm thì rõ. Vì thế, tất cả Pháp đều là cửa thoát sanh từ luân hồi thành Vô thượng giác cho nên được mệnh danh là Phổ Môn. Nếu Bồ tát chỉ ở nơi Nam Hải thì không thể gọi là Phổ.

Tôi kính mong quý Phật tử trong cả hai giới hàng ngày ngoài việc lo bốn phận của mình, phải một lòng chí thành xưng niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật, lại sớm chiều ở trước Phật đài hết lòng sám hối túc nghiệp từ vô thì, thực hành lâu ngày sẽ ở trong chỗ “không biết không hay” mà được lợi ích không thể nghĩ bàn. Trong Kinh Pháp Hoa có dạy rằng: “Nếu chúng sanh nào tâm dâm dục quá mạnh, thường cung kính xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát liền được ly dục; sân nộ, ngu si cũng thế. Nếu chúng ta một lòng thành kính chuyên niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát thì ba độc tham sân si tự nhiên có thể tiêu trừ. Chúng ta sống trong thời mạt pháp này, tai ách hoạn nạn quá nhiều, thế nên ngoài việc niệm Phật, cần phải kiêm xưng niệm Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát, trong minh minh tự nhiên có sự hồi chuyển không thể nghĩ bàn, thế mới mong không đến nỗi túc nghiệp hiện tiền vô phương trốn tránh.

Kính thưa quý đọc giả, Bộ sách này trước tiên là do Ấn Tổ đề tựa, sau đó là Ngài mong chúng ta y theo các tích trong 6 thiên này mà thực hành nên Tổ đều có những lời khai thị phía sau trong các chuyện, thâm ý mong muốn chúng ta có kết quả mỹ mãn, đây chính là sự vô giá của bộ sách này.

Bộ Tân biên Quán Âm Linh Cảm Lục bao gồm 6 thiên đã đủ. Còn một phần mang tên Quán Âm Linh Cảm Cận Văn Lục nghĩa là ghi chép lại những sự linh cảm của đức Quán Âm cứu khổ độ sanh do tai nghe mắt thấy trong thời gian gần đây, phần này có khoảng 60 - 70 sự tích, dịch giả thấy rằng dịch tiếp cũng tốt hoặc không dịch cũng được vì 60 - 70 sự tích này cũng tương tự như các tích trong 6 thiên đã dịch, chuyên về sự bực trừ bệnh khổ, v.v... không có nhiều khác biệt, chỉ khác biệt ở điểm thời gian xưa và nay.

Cuối cùng dịch giả thành kính xin quý vị khi được xem bộ sách này nên một lòng thâm tín đức từ bi cứu khổ ban vui của Quán Thế Âm Bồ Tát, cố gắng thực hành mới mong đem lại kết quả và giới thiệu cho người khác được xem để cũng được kết quả như mình thì công đức ấy vô lượng vô biên. Sự việc này nếu xem trong Thiên thứ 3 đức Quán Âm Bồ Tát dạy Phật tử Phụng Hiên thì rõ, dịch giả xin nhắc lại để đọc giả không nhọc công tìm kiếm lại: “Đức Quán Thế Âm khuyên Phật tử Phụng Hiên nếu có thể khuyến hóa nghìn người tránh xa cạm bẫy của nữ sắc thì được phước đức vô lượng vô biên. Phụng Hiên kính cẩn từ chối không đủ năng lực làm việc ấy. Bồ Tát liền trao cho quyển Giới Nịch Nữ Đồ Ca và khuyên nếu Ông khắc bản ấn tống quyển sách ấy thì cũng như đã khuyến hóa vô lượng vô số người, không chỉ có nghìn người mà thôi. Vậy dịch giả trông mong quý vị sẽ cố gắng vâng lời Bồ tát thực hành thì ý nguyện của dịch giả được hoàn toàn viên mãn. Xin cảm tạ thâm ân của quý vị.

Hòa Thượng
THÍCH TRÍ MINH



Tân Biên
QUÁN ÂM LINH CẢM LỤC

Biên Soạn: Cư Sĩ Lý Viên Tịnh
Viết Dịch: Hòa Thượng Thích Trí Minh